Vũ Ngọc Đĩnh

TẬP I

Ứng vận thần vũ

Lê Đại Hành Hoàng Đế

PHÁ TỐNG

VĂN HÓA NXB VĂN HÓA THÔNG TIN

Ứng Vận Thần Vũ 1

VŨ NGỌC ĐĨNH

ỨNG VẬN THẦN VŨ

LÊ ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ PHÁ TỐNG

1

Tiểu thuyết lịch sử

VĂN HÓA Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin

ỨNG VẬN THẦN VŨ

Lê Đại Hành Hoàng Đế phá Tống

(Tập 1)

- VŨ NGỌC ĐĨNH -

Chịu trách nhiệm xuất bản :
BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung :
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : Vũ Hải Bình
Trình bày : Huỳnh Thảo
Vẽ bìa : Họa sĩ Quốc Ân
Sửa bản in : Tuyết Nhung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội
☆☆☆

Liên kết xuất bản :
CTY VĂN HÓA MINH TRÍ - NS. VĂN LANG
25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.I, TP.HCM
ĐT : 8.242157 - 8233022 - Fax : 84.8.235079

In 1000 cuốn khổ 16x24cm tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 1577/XB-QLXB Cục xuất bản cấp ngày 22.10.2004. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 66/VHTT Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin cấp ngày 15.12.2004. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2005.

DẪN NHẬP

Sử chép: Năm Kỷ Mão (979) vua Đinh Tiên Hoàng và con trưởng là Nam Việt vương Đinh Liễn bị tên Đỗ Thích giết(*).

Đỗ Thích trước làm Lại, đêm nằm mộng thấy sao rơi vào miệng tưởng đấy là điềm báo mình được làm vua, bèn âm thầm tính việc soán nghịch. Một hôm Đỗ Thích thấy hai cha con Đinh Tiên Hoàng say rượu ngủ trong cung, bèn lẻn vào giết luôn cả con vua là Nam Việt vương Đinh Liễn.

Triều đình được hung tin nhốn nháo chia nhau đi tìm thích khách mà không thấy, mấy ngày sau có người cung nữ chợt thấy trên máng xối mái nhà có cánh tay thò ra vớt nước, liền tri hô lên. Đình thần bắt kẻ lạ xuống tra hỏi thì hóa ra là Đỗ Thích, y người làng Đại Đê thuộc Thiên Bản (nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), Thích khai hết sự tình, lại cho hay: vì trốn mấy ngày trên mái nhà khát nước quá, thò tay ra vớt nước trong máng mà uống thì bị phát giác.

(*) Về cái chết của Đinh Tiên Hoàng đế, Việt Sử Tiêu Án *của Ngô Thời Sỹ, trích lời bàn của sách* Thông Luận *một đoạn như sau: "Vua Thiên Sách không giữ được quyền cương, các Sứ quân ngó nhòm vạc báu, trời sinh ra buổi tối tăm, Đinh Tiên Hoàng đứng lên mà dẹp yên được, nổi tiếng anh hùng Vạn Thắng, gồm được đất đai của 12 sứ quân. Nước bị chia xẻ đã lâu, nay thành thống nhất, đối với nhà Tống, thì Bắc Nam thông hiếu, cha con làm Chân Vương, không phải xin ai, nước Cổ Việt được 13 năm thái bình cũng đã là thịnh lắm, sao lại mất chóng như thế ? Là vì Tiên Hoàng võ lược có thừa, mà học vấn không đủ, muốn đem cái thuật trị quân ra mà trị nước; lập 5 bà Hoàng hậu là phi lễ, bỏ con trưởng là phi pháp, đặt thầy tu làm chức quan, đặt vạc dầu là hình phạt, là phi chính. Chỉ ham vui chơi, không biết phòng bị,cho nên ở trong nhà thì con trưởng ly tâm, bỏ vợ thất tiết, ở ngoài thì không đặt quân phòng bị, người cạnh nách thành kẻ cừu thù, vậy là Hạng Lang giết Tiên Hoàng, chứ không phải Đỗ Thích . Người dẫn Chiêm Thành vào cướp là Ngô Hậu, chứ không phải là Nhật Khánh. Người cướp ngôi vua của Vệ Vương là Ngô Hậu, chứ không phải là Thập Đạo Tướng Quân. Gốc cây đã đổ, cành lá tự nhiên tối tàn, nhà Đinh ít đức, không có gì để cho con cháu về sau, đáng thương thay!"*

Đinh thần làm tội Đỗ Thích xong, liền tôn Vệ vương Đinh Liễn lên làm vua, lúc ấy vương mới có 6 tuổi, bao nhiêu quyền chính ở cả trong tay quan Thập Đạo Tướng quân là Lê Hoàn, sử nói rằng Lê Hoàn lại cùng với Dương Thái hậu vẫn đi lại tư thông từ trước.

Các quan đại thần cầm đầu là bọn Đinh Điền, Nguyễn Bặc thấy Lê Hoàn nhiếp chính lộng quyền quá, mới cử binh mã đến nhưng bị Lê Hoàn giết cả.

Lúc bấy giờ nhà Tống nghe tin Tiên Hoàng nhà Đinh đã mất, tự quân thì còn nhỏ dại, muốn thừa thế sang lấy nước Đại Cồ Việt (tên nước do Đinh Tiên Hoàng đế đặt ra), mới hội đại binh ở gần biên giới.

Nước Nam được tin quân nhà Tống sắp sang, Lê Hoàn sai Phạm Cự Lượng làm đại tướng đem binh đi chống giữ.

Trước khi đem quân đi, tướng quân Phạm Cự Lượng họp các tướng sĩ lại ở trong điện, rồi nói rằng:" Bây giờ giặc sắp vào bờ cõi, mà vua thì còn bé, lấy ai là người thưởng phạt cho chúng ta đây. Dẫu chúng ta có hết sức lập được chút công nào, thì rồi ai biết cho ? Chi bằng nay ta tôn quan Thập Đạo Tướng quân lên làm vua rồi hãy ra biên ải giết giặc là hơn cả!"

Các tướng sĩ nghe nói vậy đều lớn tiếng tung hô vạn tuế. Thái hậu thấy tướng sĩ thuận cả, mới sai lấy áo long cổn khoác vào cho tướng quân Lê Hoàn.

Lê Hoàn lên làm vua, mở ra triều đại nhà Lê, sử nước ta vẫn thường gọi thời ấy là thời "Tiền Lê"(*). Thế là từ đây chấm dứt triều đại nhà Đinh của vị anh hùng thuở nhỏ chăn trâu mà dựng được đại nghiệp tự chủ cho đất nước. Nhà Đinh làm vua được 2 đời, lâu cả thảy được 14 năm.

Lê Hoàn lên làm vua, tức là Đại Hành Hoàng đế, lấy niên hiệu là Thiên Phúc (980-988), Hưng Thống (989-993) và Ứng Thiên (994-1005).

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*, do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn, thì: "có miếu Lê Đại Hành Hoàng đế ở xã Trung Lập, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa, chỗ này là cơ chỉ cũ của tổ tiên nhà vua; có thuyết nói chỗ này là nhà cũ của Lê Đại Hành, sau nhân đấy lập miếu, nay vẫn còn bia đá. Xét "*Sử* chép nhà vua người Ái châu, năm Lê Vĩnh Tộ thứ 8, hàng huyện sửa lại đền, thượng thư Chu Phùng Thực nghĩ soạn văn bia, vì đất này như chỗ sinh vua Thuấn và Kỳ Tây chỗ sinh của Chu Văn Vương. Ngô (Thì) Sĩ lại nhận rằng Lê Đại Hành người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm, không rõ họ Ngô căn cứ vào đâu...".

Các sử sách khác, đều chép: Lê Hoàn là người làng Bảo Thái (có nơi chép là Ninh Thái), huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam ngày nay, ông là một trong "Giao Châu Thất hùng" làm tướng dưới trướng hùng tài Đinh Bộ

(*) *Nhà Hậu Lê do Lê Lợi dựng lên.*

Lĩnh ở đất Hoa Lư, khi Bộ Lĩnh dựng xong nghiệp lớn thì phong tướng quân Lê Hoàn chức "Thập Đạo Tướng Quân" tức là chức nắm trọn vẹn binh quyền trong tay, chỉ huy trăm tướng vạn quân.

Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sỹ kể: "Thân phụ của vua (Lê Hoàn) là Lê Mịch, mẹ là họ Đặng, bà mẹ nằm mộng thấy hoa sen nở ở trong bụng rồi kết thành quả, mình không ăn lại chia cho người khác. Ngày rằm tháng Bảy, niên hiệu Thiên Phúc thứ 6 nhà Tấn, sinh ra vua, mẹ nói rằng:"Thằng bé này khi lớn lên tất nhiên đại quý, nhưng ta không được hưởng lộc". Được vài năm thì cha mẹ theo nhau chết cả, quan Quán Sát ở Ái Châu (Thanh Hóa) họ Lê vì là cùng họ nên nuôi Hoàn làm con. Lê Hoàn lúc nhỏ khôi ngô tuấn tú lạ thường, mùa đông rét, vua (tức Lê Hoàn) đắp áo cối mà nằm, đương đêm hào quang sáng rực khắp nhà, có con rồng vàng nằm ấp lên trên, đến khi lớn vua thờ nhà Đinh thăng lên đến chức Thập Đạo Tướng Quân, rồi thay nhà Đinh làm vua đóng đô ở Hoa Lư", thân phận của Lê Hoàn là như vậy.

Trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, phần *Chính Biên*, Quyển thứ 1, viết về vua Lê Đại Hành: "Trước kia mẹ là Đặng thị có thai, chiêm bao thấy bụng nở ra hoa sen, rồi kết thành nhân sen ngay. Đặng thị đem chia cho mọi người, riêng mình không ăn. Lúc tỉnh dậy, lấy làm lạ lắm. Khi sinh con mặt mũi hình dáng khác thường, Đặng thị nói với người ta rằng: "Thằng cháu này chắc mai sau sẽ làm nên sang cả, chỉ hiềm tôi không được hưởng lộc thôi!" Được vài năm thì mẹ mất, rồi cha cũng chết. Viên quan sát họ Lê (không rõ tên) ở Ái châu thấy ngài, cho là khác thường, nuôi làm con. Gặp tiết trời đông rét mướt, ngài nằm phục như hình cối úp, đang đêm sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên. Viên quan sát họ Lê lấy làm lạ, lớn lên, ngài giúp việc Nam Việt vương Liễn, càng tỏ ra lỗi lạc, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người có mưu trí và sức mạnh, giao cho cai quản hai nghìn quân, dần thăng đến chức Thập Đạo Tướng quân, Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. Đến bấy giờ cướp ngôi nhà Đinh, truy tôn cha mẹ.

Đại để, lai lịch thân phận Lê Hoàn, tức Đại Hành Hoàng đế là như vậy.

Về chức *Thập Đạo* Tướng quân, tức là tướng coi *mười Đạo* thì *Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn viết: "... Tiên Hoàng liền lo mọi vấn đề nội trị. Ngài tổ chức quân đội làm 5 cấp: Đạo, Quân, Lữ, Tốt, Ngũ. Mỗi *Đạo* có 10 *Quân*, mỗi *Quân* có 10 *Lữ*, mỗi *Lữ* có 10 *Tốt*, mỗi *Tốt* có 10 *Ngũ*, mỗi *Ngũ* có 10 người. Như vậy mỗi Đạo có 10 vạn người". Tổng số quân đội của nhà Đinh có tới 1 triệu người. Sử gia Trần Trọng Kim cho rằng bấy giờ nước ta còn nhỏ, dân ta còn thưa thớt, làm gì có đủ thực lực để nuôi nổi 1 triệu quân. Nhưng bàn về binh chế của nhà Đinh, Ứng Hòe Nguyễn Văn

Tố, trong báo *Tri Tân*, phát biểu rằng điều đó có thực do quân đội bấy giờ chia làm 2 hạng: một hạng là quân đội thường trực hay hiện dịch, một hạng là trừ bị, luân chuyển nhau trong một thời hạn nhất định để phụng sự dưới cờ, tức là mãn kỳ quân dịch thì quân sĩ lại trở thành nông dân. Theo đó, quân số nhà Đinh có thể lên tới 1 triệu.

Lai lịch và sự nghiệp của tướng quân Lê Hoàn là như vậy. Tướng quân lên làm vua đến tháng 3 mùa Xuân năm Ất Tỵ (1005) thì mất, ở ngôi được 24 năm, thọ 65 tuổi, táng ở Sơn Lăng Hoa Lư.

Trong khi Đinh Bộ Lĩnh còn đang tung hoành, đánh dẹp các Sứ quân, thu giang sơn về một mối thì ở phương Bắc có tướng quân Triệu Khuông Dẫn vâng lệnh triều đình nhà Hậu Chu đi đánh dẹp các nơi, thừa cơ hội cầm binh quyền trong tay, lại thêm đến lúc triều đình suy nhược, liền đem quân về dứt nhà Chu, lên ngôi báu lập ra nhà Tống. Tống đế Triệu Khuông Dẫn thấy cõi Giao Châu đại loạn, nhà Ngô suy vi chẳng khác gì nhà Hậu Chu, khắp nơi giặc dã nổi lên, dữ dội và mạnh hơn cả là 12 nhà xưng là Sứ quân, thêm một tay kiệt hiệt họ Đinh ở động Hoa Lư đem quân ra ngoài thiên hạ đánh dẹp, thì Hoàng đế nhà Tống mấy phen muốn đem quân đi lấy nước Nam, nhưng lại e "binh đi xa, ở nhà có kẻ theo gương soán đoạt" cho nên ngập ngừng chưa quyết. Thêm nữa, Đinh Bộ Lĩnh một mặt đánh dẹp các Sứ quân, một mặt thấy rõ tình thế cho nên dàn xếp mọi việc được hết sức khéo léo, khiến cho Tống đế có muốn xuất quân chinh phục Đại Cồ Việt cũng chưa dám.

Đến khi hai cha con Đinh Tiên Hoàng đế bị giết, thì Tống đế kế nghiệp, là Thái Tông Hoàng đế, cho là tình hình nước nhỏ phía Nam đang rối loạn, cơ hội để thôn tính đã đến.

Và thế là xảy trận chiến tranh giữa nhà Tống với nước Nam.

Giả thử lúc Đinh Tiên Hoàng đế băng hà mà triều đình chẳng một lòng tôn xưng tướng quân Lê Hoàn lên ngôi vua, mà lại tranh giành bè đảng lục hặc với nhau, thì liệu giang sơn nước Nam có thoát khỏi bị nhà Tống chinh phục không ? Những dàn xếp, những vận động trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, nhất định là hết sức sôi nổi để đạt được một lòng tôn ngôi vua, giữ thế nước không bị nghiêng ngửa, kịp thu thập sức mạnh quân bị kéo ra biên ải cự giặc, những biến động ấy chúng tôi dựa làm nền tảng để dẫn đến những hoạt động chính trị quân sự của vua Lê Đại Hành phá binh Tống, như vậy là chúng tôi ước mong phần nào đóng góp được phần nhỏ nhoi: gắng làm công việc "tái hiện lịch sử oai hùng của tổ tiên" bằng thể tài tiểu thuyết.

Có một điều hệ trọng trong chính sử nước ta, là việc vua Lê Đại Hành phá Tống, sách sử xem nhẹ cuộc phá Tống này, tất cả chỉ nói qua loa, hoặc

có kỹ hơn một chút thì cũng không ra ngoài khuôn khổ một trận đánh. Đây là một thiệt thòi cho đại kỳ công của Lê Đại Hành Hoàng đế!

Trong suốt dòng dài sử Việt, liên miên xảy chiến tranh cự Bắc, triều đại nào cũng phải cử binh cự Bắc quân tràn xuống cướp nước, có lần cuộc Bắc thuộc lâu đến gần nghìn năm, rồi tinh thần quật khởi giành lại giang sơn lại bừng bừng và thành công. Lần cự Bắc nào cũng hết sức gian nan, tiểu quốc huy động đến từng ngọn cỏ, từng hòn đá, dòng nước... để chung sức phá ngoại địch, chiến trận có lúc lâu đến vài chục năm, xương trắng rải cùng giang sơn, lầm than không thể nói xiết. Thoạt tiên, Hai Bà họ Trưng đuổi Tô Định, sau giao chiến với đại tướng Phục Ba Tướng quân Mã Viện, kéo tàn binh đi khắp nẻo cuối cùng tử tiết ở Hát Giang; rồi Ngô Quyền xuất quân phá binh Nam Hán, chém đầu thái tử Hoằng Thao bên bờ Bạch Đằng giang làm cho dòng sông lịch sử đỏ máu hôi tanh một thời; nhà Ngô suy vi, Mười Hai Sứ Quân cát cứ giữa hàng trăm đám giặc nhỏ, làm cho giang sơn nước Nam chìm sâu vào loạn ly khổ ải, nhờ có tay hùng liệt Đinh Bộ Lĩnh thu giang sơn về một mối thì nước Đại Cồ Việt khắp nơi máu với xương đã chan hòa, sức dân không thể không mòn mỏi, kiệt quệ.

Rồi đến quốc nạn thí vua, việc triều chính lúc ấy không thể không tràn ngập những hỗn loạn, đình thần không thể không chia năm xẻ bảy hầm hè đánh giết nhau, nguy cơ vong quốc lại lừng lững hiện ra với hùng binh nhà Tống kéo xuống thực hiện chí lớn của Tống Thái Tổ: thu phục nước Đại Cồ Việt nhân lúc tiểu quốc này đang hỗn loạn, yếu ớt. Trước tình thế nguy ngập như vậy, Tướng quân Lê Hoàn lên ngôi, cùng một lúc phải hóa giải được nguy lớn bên trong, để huy động sức gươm đao phá giặc ngoài, trách nhiệm này vạn lần khó khăn hơn so với những khó khăn cự Bắc của các triều trước và sau này!

Tướng quân Lê Hoàn dùng tài thần vũ để che đi kỳ tài văn trị, "*thu hẹp tối đa không gian chiến trường*" để giới hạn đến kỳ cùng mức độ tai hại vì chiến tranh cho đất nước, ngài không cho chiến tranh đi xa khỏi vùng biên địa, không cho phép ánh gươm cho dù là gươm Long Tuyền cũng không thể chiếu xuống đến vùng xuôi, ngọn tên dù là tên Hậu Nghệ cũng không được phép vượt đường vào nơi thị tứ, chiến trận chỉ được diễn ra và phải kết thúc ở nơi xa xôi không gây họa cho trăm họ, chẳng làm cho núi bị lở, sông bị cạn.

Nhưng, ví thử chiến trận ấy kéo dài nhiều ngày, tất sức của kẻ yếu cũng không thể chịu đựng nổi, giang sơn đất nước không thể không tan tành vì đại chiến, vì thế Đại Hành Hoàng đế lại phải dụng đến tài thánh: "*co ngắn thời gian chiến trận*" lại, làm cho "chớp giật chỉ trong nháy mắt là hết", có thế mới còn giữ được hơi thở vốn đã mỏi mệt sẵn! Và quả nhiên ngài đã làm được kỳ công co ngắn thời gian đổ máu tan xương này!

Hưng binh phá cường địch trong hoàn cảnh như thế, với thần mưu thánh kế cổ kim chưa ai làm được như thế, dù đã xong, nhưng lại phải làm thế nào để giữ cho giặc dữ hung tàn không thể lấy quân đi trả hận, run rẩy không dám nghĩ đến việc lại cho quân ra ngoài biên ải lần nữa, có thế mới thật sự tránh được nạn vong quốc sát dân, và Hoàng đế Lê Hoàn đã làm được, cổ kim không ai làm được, hơn nữa chính ngài còn mở được đường, để cho đời sau có sức, có thế đem quân vượt biên ải đánh Tống cực kỳ oanh liệt, lịch sử nước Việt có một lần duy nhất với Tướng quân Lý Thường Kiệt đánh Tống, tất cả là nhờ ở đại công vô song của Đại Hành Hoàng đế xây đắp thế cực hùng, xếp đặt chính sự có một không hai khiến cho trong vững ngoài định, trong một thời gian dài giặc Bắc không dám ho he nghĩ đến việc binh đao cướp nước nữa!

Vậy thì sao lại coi nhẹ việc cự Tống của Đại Hành Hoàng đế!? Sau Tướng quân Lê Hoàn, nước Nam từ ngày ấy cho đến cận đại và hiện đại, rồi chắc là mãi mãi về sau này nữa, có vị Tướng Soái và nhà vua nào đã và sẽ có thể chỉ một trận đánh duy nhất giới hạn được không gian chiến trận, co ngắn thời gian hành động, mà tận phá được ngoại xâm ở mọi mặt, khiến cường địch không còn dám nghĩ đến việc hưng binh phục hận, kỳ công cứu nước giữ dân của Đại Hành Hoàng đế phải được kể là số một trong dòng Lịch Sử Việt Nam!

Đã thế, thì những dị nghị, hay quy tội, hay bênh vực cho việc quan Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn ở thời xưa hay thời nay, trong Sử sách hay ngoài dân gian, về việc ông đi lại tư thông với Dương thái hậu từ lúc Đinh Tiên Hoàng còn tại vị, dẫn đến việc "khoác áo long bào cho quan Thập Đạo" để cho đấng nhân thần kịp lập thế ứng phó với tai họa ngoại xâm đang xảy ra, có đáng kể gì, và chúng tôi không bàn đến việc ấy trong tiểu thuyết lịch sử *Ứng Vận Thần Vũ* này, nhưng cũng dành ít trang để trích những nghị luận của vài bộ Sử nước ta, để bạn đọc thêm được một vài ý kiến của sử thần, sử gia .

Trong *Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn, dưới tiểu mục: "*Cái Án Lê Hoàn và Dương Hậu*" viết:

"Bàn về Lê Hoàn cũng như xét công, luận tội nhiều nhân vật khác trên Lịch sử sau này (Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ, Mạc Đăng Dung...) các sử nho hay nêu ra cái án giết vua, thoán quốc, lộng thần, theo tư tưởng và chủ nghĩa tôn quân của thời phong kiến".

"Sự thật, quả Lê Hoàn cùng bè đảng là Phạm Cự Lượng và Dương hậu, đã đồng tình với nhau phế bỏ Đinh Tuệ, một ông vua nhỏ tuổi nhất của dân tộc Việt Nam bấy giờ mới lên sáu. Họ đã làm một cuộc đảo chánh giữa lúc chính tình nước ta do cái chết bất thình lình của vua Đinh và con cả của Ngài là Nam Việt Vương

Liễn đang đi vào chỗ bế tắc. Vua còn quá thơ ấu, các đại thần tướng lĩnh mỗi người một bụng một dạ. Bên ngoài nhà Tống đã lợi dụng cơ hội này để đem quân xâm lăng vào cõi như thói thường của các vương triều Trung Quốc trước và sau. Chính việc xâm lăng này đã thành một động lực nó thúc đẩy cái triều đình đang khủng hoảng này phải dứt khoát trong vấn đề lập vị nguyên thủ: Vua nhỏ thì việc nước phải vào tay các đại thần, và các đại thần trong giai đoạn nền độc lập của quốc gia còn non nớt thì làm sao đã có ngay sự nhất trí được. Tất nhiên mạnh ai, người nấy làm, chia rẽ nhiều sớm muộn phải thành loạn, cuộc biến động chỉ là vấn đề đầu hôm, sớm mai mà thôi.

"Lê Hoàn đã mạnh dạn bước ra lĩnh trách nhiệm với quốc dân và Lịch sử. Việc phải đến đã đến. Nó là một nhu cầu của thời thế, nó là một sự kiện tất nhiên của Lịch sử. Rồi Thái hậu họ Dương đã khoác áo hoàng bào lên cho Thập Đạo tướng quân họ Lê trước sự hoan hô nhiệt liệt của số đông triều thần. Sau đó Lê Hoàn đã mang quân ra đọ tài, thử sức với đám binh sĩ viễn chinh của nhà Tống, lập nên một triều đại được Bắc phương kính nể, được quốc dân hoan nghênh. Chính việc chiến thắng hết sức vẻ vang này đã gỡ cho Lê Hoàn khá nhiều về cái tội cướp ngôi, lấy Hậu. Nói cách khác, cuộc chiến thắng của họ Lê đã làm mờ cái án trên đây mà các sử thần đời xưa đã buộc cho ông.

"Ngày nay chúng ta nghĩ khác: Trên bình diện quốc gia chính quyền không thể ở trong tay một trẻ nhỏ, một người đàn bà xưa nay chỉ có quanh quẩn ở chốn buồng the. Ai tài giỏi thì cứ việc ra lãnh đạo việc nước, miễn là đảm đương nổi sứ mạng. Vai trò nguyên thủ của quốc gia chẳng là địa vị độc quyền của một dòng họ nào hết. Như vậy việc âm mưu cướp ngôi nhà Đinh không thành vấn đề, đến cả cái án Dương hậu cũng chẳng là một điều đáng để quốc dân thắc mắc. Trái lại người ta có thể khen Dương thị có mắt tinh đời, biết lẽ tới lui, nếu cố chấp biết đâu một cuộc đảo chính sẽ chẳng xảy ra với một phương pháp khốc liệt thì Hoàng gia sẽ khó lòng thoát được chuyện đổ máu và nhiều nhân vật quan trọng đời bấy giờ cũng sẽ là những nạn nhân bi thảm. Bề tôi lấy vợ vua, đối với quan niệm đạo thời xưa tất nhiên là có tội, nhưng ở đời phải biết lẽ kinh quyền *mới khỏi lỡ nhiều sự việc. Tóm lại, những biến cố xảy ra từ trong hoàng cung của vua Đinh ra đến biên thùy Hoa Việt được kết thúc một cách êm đẹp thì nhà làm sử thiết tưởng chẳng nên rườm rà lời kia khác".*

Trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* - Bản Kỷ - Quyển 1, khi viết về đời vua Lê Đại Hành viết:

"Lê Văn Hưu nói: Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc, tóm Quân Biện, Phụng Huân dễ như lừa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cõi định yên, công đánh dẹp chiến thắng dẫu là nhà Hán, nhà Đường cũng không hơn được. Có người hỏi: Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn ? Thưa rằng: Kể về mặt trừ dẹp gian trong dánh tan giặc ngoài, làm mạnh nước Việt ta, ra oai với người

Tống thì Lý Thái Tổ không bằng, Lê Đại Hành có công lao gian khổ hơn. Nhưng về mặt tỏ rõ ân uy, lòng người suy tôn, hưởng nước lâu dài, để phúc cho con cháu thì Lê Đại Hành không bằng, Lý Thái Tổ lo tính lâu dài hơn. Thế thì Lý Thái Tổ hơn ư ? Đáp: Hơn thì không biết, chỉ thấy đức của họ Lý dày hơn họ Lê, vì thế nên nói theo họ Lý.

"Sử thần Ngô Sĩ Liên thì nói: Tam cương là đạo thường của muôn đời, không thể một ngày rối loạn. Khi Đại Hành giữ chức nhiếp chính, Vệ Vương tuy còn nhỏ nhưng vẫn là vua, thế mà Đại Hành tự xưng là Phó Vương, rắp tâm làm điều bất lợi. Đạo làm tôi không được rắp tâm, rắp tâm thì ắt phải giết. Đó là phép của sách Xuân Thu, *người người đều được nêu lên mà thi hành. Nguyễn Bặc, Đinh Điền sao có thể nhẫn tâm điềm nhiên mà nhìn ? Rồi lui về đấy quân hỏi tội, mưu giữ xã tắc, thế là bầy tôi trung nghĩa đấy. Việc không xong mà chết, thế là bầy tôi tử tiết đấy. Lời bàn của Văn Hiến lại đánh đồng với hàng loạn tặc, khiến cho đạo nhân luân không được sáng tỏ với đời sau, gây mầm mống tiếm đoạt, để cho những kẻ có quyền lực tranh nhau bắt chước, quét sạch cương thường, vì thế không thể không biện bác."*

Rồi khi đến việc Đại Hành Hoàng đế lập 5 hoàng hậu, thì Sử thần Ngô Sĩ Liên nói:

"Đạo vợ chồng là đầu của nhân luân, đầu mối của vương hoá. Hạ Kinh của Kinh Dịch *nêu quẻ Hàm và quẻ Hằng lên đầu, là để tỏ cái ý lấy đàn bà tất phải chính đáng. Đại Hành thông dâm với vợ vua, đến chỗ nghiễm nhiên lập làm hoàng hậu, mất cả lòng biết hổ thẹn. Đem cái thói ấy truyền cho đời sau, con mình bắt chước mà dâm dật đến nỗi mất nước, há chẳng phải là mở đầu mối họa đó sao?"*

Bản chất của sự việc lịch sử thường là vô cùng phức tạp, đem suy nghĩ tầm thường của đại chúng không thể có điều kiện hiểu rõ cặn kẽ của uẩn khúc đại sự, cũng như nếu cứ khư khư với những đạo lý nhiều gò bó trong nhiều trường hợp hóa thành tai họa, thì không thể thấy được dòng lịch sử đang tràn đi cực dũng mãnh, và chỉ một việc cỏn con cũng có thể làm chuyển biến cả một dòng thời đại, ảnh hưởng đến những thời đại kế tiếp thật sâu xa. Trong trường hợp của Lê Hoàn với thái hậu họ Dương(*), cũng là một tình tiết trời xui đất khiến, cho nên mới tự nhiên tương đối dễ

(*) *Về việc Lê Hoàn ra vào trong cung tư thông với Dương hậu,* Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca *có viết:*

... Nơi sau Thiếu đế thơ ngây
Lê Hoàn nhiếp chính từ rày dọc ngang
Tiếm xưng là phó quốc vương
Ra vào cùng ả họ Dương chung tình

dàng ứng vận để cho bậc thần vũ kịp đứng ra gánh vác đại cuộc đuổi giặc ngoại xâm giữ vững giang sơn, mở đường cho kế thế có đủ sức đủ điều kiện tiếp nối sự nghiệp bảo quốc của giống nòi.

Thế là, một cuộc tình tai tiếng nhiều dị nghị nói về một đôi trai đa tài gái đa tình, lại đã mở đường cho một thời đại hùng sử vệ quốc xuất hiện!

Về việc Lê Hoàn lên ngôi xưng là Đại Hành Hoàng đế, thì hai chữ Đại Hành được giảng trong sách *"Quốc Hiệu Nước Ta"* của giáo sư Bửu Cầm có chỗ như sau: *Thiên tử mới băng, chưa có thụy hiệu, gọi là Đại Hành.* Sách *Chính tự Thông* dẫn lời Vi Chiêu rằng:*"Đại hành* có nghĩa là đi không trở lại." Có thuyết căn cứ vào *Chu Thư* bảo rằng: *Đại hành* phải đọc là *Đại hạnh*, có nghĩa là đại đức hạnh (xem *Từ Nguyên* và *Từ Hải*). *Đại Việt Sử Ký*, bản kỷ, quyển 1, tờ 18b, có chua như sau: *"Đại hành* là tiếng gọi vua mới mất. Lê Đại Hành thụy hiệu chưa định, đáng gọi là Thiên Phúc Hoàng đế mới hợp lý.

Nhưng sử cũ quen chép như thế đã lâu, nay cũng chép theo đó." Đấy là những chi tiết về hai chữ Đại Hành trong sách của giáo sư học giả Bửu Cầm.

Trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, phần Chính Biên, Quyển thứ 1, đoạn viết về vua Đại Hành mới mất, trong phần ghi chú viết trong *Lời Chua* như sau: "Hán thư chép: Cao đế (nhà Hán) mới mất, triều thần gọi là Đại Hành Hoàng đế. Tôn Dục nhà Ngụy nói: "Phép đặt tên thụy, lúc sinh thời làm được sự nghiệp to tát hay là nhỏ mọn thì lúc mất tên thụy cũng theo như vậy. Khi tiên quân chưa có tên thụy, mà tự quân (vua nối ngôi) đã lên ngôi, kẻ khấn hạ xưng hô nên có phân biệt, vì vậy gọi là "Đại Hành". Hiệu gọi "Đại Hành" có lẽ gốc từ đấy.

Còn trong chú thích của các vị dịch Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, khi nói về việc này có viết: "Theo chế độ phong kiến xưa, trong thời gian quá độ "vua trước mới chết chưa có tên thụy, vua sau đã lên ngôi", quần thần thường dùng danh từ chung chung mà gọi vua mới chết ấy là Đại Hành Hoàng đế để cho phân biệt với vua mới. Về danh từ "Đại Hành" có hai nghĩa: 1.- Vua đã đi dài, không trở về nữa; 2.- Vua có đức hạnh to, tất phải có danh lớn. Về trường hợp Lê Hoàn này đáng lẽ, theo công thức phong kiến, chỉ gọi tạm là Đại Hành trong một thời gian như trên đã nói, nhưng vì không có tên thụy tên miếu hiệu, nên cứ phải gọi là "Đại Hành" mãi mãi như trăm nghìn vua khác khi mới chết cũng gọi là "Đại Hành".

Tướng quân Lê Hoàn lên ngôi vua, vẫn giữ quốc hiệu là Đại Cồ Việt như thời vua Đinh Tiên Hoàng.

Vua Lê Đại Hành lập bà thái hậu họ Dương là hoàng hậu nhà Đinh (hoàng hậu của Đinh Tiên Hoàng, sinh ra Vệ Vương) làm Đại Thắng Minh Hoàng Hậu, cùng với Phụng Kiều, Thuận Thánh, và họ Trịnh, họ Phạm là 5 bà Hậu. Như thế, vua Lê Đại Hành cũng có hậu cung nhiều ngang với Đinh Tiên Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng đế có 5 bà Hoàng hậu là: Dan Gia, Trinh Minh, Kiểu Quốc, Cồ Quốc và Ca Ông). Về việc lập 5 hoàng hậu, thì đời nhà Đinh, Tiên Hoàng nói trong bài sách-văn phong có câu:"Đức ví với khôn nghi, ngũ hành là số 5", sử thần Ngô Thời Sỹ phê bình:" đó là lấy một câu kinh, để che lỗi mình. Vua Đinh Hoàng không học sách, theo ý riêng mà làm càn, đúng như truyện nước Chu; lỗi đó hai bên cùng như nhau...", và vua Lê Đại Hành đã theo gương Đinh Tiên Hoàng đế mà sách phong 5 hoàng hậu!

Theo *Việt Sử Tiêu Án* của Ngô Thời Sĩ thì Đại Hành Hoàng đế có cả thảy 12 người con trai đều được phong tước vương, 12 người con ấy tên là: Thâu, Ngân, Tích, Việt, Đĩnh, Đinh, Cân, Tung, Tương, Kính, Mang, Đề . Không thấy nơi nào nói Đại Hành Hoàng đế có bao nhiêu công chúa.

Về đặt tên cho truyện tiểu thuyết lịch sử này, ***Ứng Vận Thần Vũ***, ấy là chúng tôi lấy ở việc: sau cuộc chiến thắng phá quân Tống, giữ vững giang sơn, quần thần dâng lên vua Đại Hành tôn hiệu: "*MINH KIẾN* **ỨNG VẬN THẦN VŨ** *THẮNG BÌNH CHÍ NHÂN QUẢNG HIẾU HOÀNG ĐẾ*" là chúng tôi xin hiệu của Hoàng đế, mượn oai linh tổ tiên để kể lại công đức của các ngài, đồng thời để cho "nhân loại dưới gầm trời thấy được trí tuệ vô song của con người tộc Việt".

Như thế là chúng tôi ngược dòng thời gian, trở về thời đại của năm cuối của thế kỷ thứ 10, theo chân ngựa trận của vị hùng tài Lê Hoàn, xem tổ tiên *ứng vận* trời, thuận lòng người, đem tài *thần vũ* ra giữ nước như thế nào! Và, thần vũ đã hiển hiện, xin được kể lại để cùng nhau xem việc của tổ tiên, học dòi theo các cách nghĩ và hành động của các ngài.

Tác giả

1

Lúc ấy là tháng Ba năm Thiên Phúc thứ 1 nhà Tiền Lê, (năm Canh Thìn - 980), Tống đế nhận được sớ của quan Tri trị nhậm Ung Châu là Hầu Nhân Bảo, liền hội quần thần lại mà rằng:

– Này chư khanh, các văn thần võ thánh của trẫm, từ ngày tiên đế dựng nghiệp, khai sáng triều đại nhà Tống đến nay, trẫm thấy binh tướng của ta chưa thỏa tay gươm, vẫn còn muốn vó ngựa trường chinh đi nữa. Phương trời trẫm muốn đến, từ trước vẫn là xứ Giao Chỉ ở phương Nam. Các khanh nghĩ thế nào?

Ý muốn của Tống Thái Tông đánh chiếm nước Nam, thì cả Triều thần văn võ đều biết từ lâu rồi, cho nên có nhiều chủ trương. Nay nghe Hoàng đế ban lời phán hỏi, triều thần lao xao bàn cãi, người muốn xuất quân, người muốn giao hảo, tranh luận suốt ba ngày liền vẫn không quyết thế nào, cuối cùng Tống đế lại phải đem sớ của Hầu Nhân Bảo ra đọc cho triều thần cùng nghe. Trong sớ, có đoạn Hầu Nhân Bảo viết:"... Xét theo sử các đời trước, thì đời nào Trung Nguyên cũng hoặc là phải đem binh chinh phục Giao Châu, hoặc là Giao Châu hiểu biết thân phận tự ý xin được làm bầy tôi. Cách đây chẳng lâu, nhà Ngô nổi loạn chống lại phương Bắc, dám xưng tự chủ, mở đường cho họ Đinh chiếm đất xưng vương, làm vướng bận vó ngựa trường chinh của ta. Nay, nhân lúc Giao Chỉ có nội loạn, thần mới nghe dường như vua nó bị loạn thần giết chết, giang sơn sắp mất vào tay đứa khác, đình thần tranh giành ngôi thứ, vua mới lại còn là đứa trẻ con, đây chính là lúc tình hình tốt đẹp cho ta, có thể dễ dàng lấy được Giao Chỉ, bỏ lỡ cơ hội này thì e rằng khi nó đã vững thế, ổn định sức mạnh, lúc ấy tất khó cho binh tướng của ta... ".

Triều đình nghe Hoàng đế sai đọc sớ của quan trị nơi biên trấn gửi về, hiểu rằng Hoàng đế có ý muốn xuất quân. Tuy vậy cũng vẫn còn có chức quan Tham Mưu Văn Liệt hầu Quách Nghi Khải tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế đại hùng, chinh phục Giao Chỉ có thể không khó, nhưng dù thế nào cũng phải thiệt ít mạng binh tướng của ta. Xưa nay, việc chinh chiến thường là việc không thể tránh được mới phải dụng đến. Thế thì, trước khi xuất chinh đem binh đi xa vạn dặm, sao chẳng cử sứ xuống phương nam bảo cho Giao Chỉ biết mọi lẽ, mau mau xưng thần hướng về phía bắc giữ đạo cha con, như vậy có phải là vẫn được Giao Chỉ mà chẳng phải mẻ một lưỡi gươm, ngựa chẳng phải chảy một giọt mồ hôi nào có hơn không? Thần ngửa mặt cầu xin Hoàng đế minh trí thần tuệ xem xét!

Tống Thái Tông cũng có thể kể là người dũng chí lắm mưu, nhưng ngài vẫn thấy thích việc vó ngựa yên cương, đã dành là có thể thu phục được Giao Chỉ chẳng mất chút công sức nào, có thể dụng đến uy thế để sai sứ xuống nam cũng xong việc, ngài nghe tâu còn lưỡng lự chưa quyết, thì đại thần Lư Đa Tốn xuất ban tâu:

– Muôn tâu thánh đế, lời bàn của quan Tham Mưu quả thật chí lý, chẳng cần phải đổ giọt mồ hôi nào cũng có thể lấy xong đất Giao Chỉ. Tuy nhiên, cứ xét những việc thời cũ, thì cũng đủ thấy chẳng phải là dễ dàng như thế là xong!

Tống Thái Tông phán hỏi ngay:

– Việc cũ chẳng phải là dễ dàng như thế nào?

Triều đình nghe Hoàng đế phán hỏi, im phăng phắc lắng nghe việc quốc sự đến hồi quan trọng. Lư Đa Tốn hùng hồn tâu:

– Muôn tâu, xét cựu sử, thì từ khi phương nam có người Giao Chỉ định lập, trải qua bao nhiêu triều đại bắc phương thì có bấy nhiêu lần chinh chiến triền miên, thế mà người Giao Chỉ vẫn thường bướng dầu cứng cổ đời nào cũng tìm cách xa rời phương Bắc, mấy lần xưng vương tự chủ, vì thế chiến tranh liên miên, có lần nó chịu bắc thuộc đến cả nghìn năm, vậy mà rốt cuộc cũng lại hưng binh nổi loạn, làm cho bắc triều cũng phải lắm phen vất vả, có lúc bắc triều là đại quốc thế mà đành tạm nhận thua thiệt để cho nó tự chủ. Nay, đại Tống ta hùng liệt ngay từ đời đức khai tổ, việc chinh phục phương nam là điều tất nhiên, nhưng nên tính toán cho kỹ, giả thử dùng chước dạy bảo mà xong được thì nên làm, còn không thì một khi đã xuất binh phải nên xuất kỳ bất ý, đem quân tập kích, quân thế chính là sấm loang không kịp che tai, còn như nếu đã chủ trương việc quân mà còn triệu quan biên trấn xa xôi Hầu Nhân Bảo về hỏi han, thần sợ vì thế cơ mưu tiết lộ, chậm trễ tất Giao Chỉ biết mà phòng bị, như thế không phải là kế vạn toàn.

Tống đế rất hài lòng với những lời tâu của Lư Đa Tốn, ngài chưa kịp có lời phán, thì lại thấy quan Hải Sư Đốc Chiến Đại tướng quân Lưu Trừng xuất ban tâu:

– Muôn tâu thánh đế, quả thật việc xuất quân chinh phạt Giao Châu chính là việc nên làm! Cũng vẫn theo trong sử cũ, thì đã bao nhiêu lần Giao Châu thần phục chịu phong thế mà rồi lại vẫn làm loạn cự lại thiên triều. Nay, không xuất quân chinh phạt thì e rằng khó bảo được nó thần phục thiên triều nhà Tống ta!

Lưu Trừng vừa dứt lời, lại đến lượt Trần Khâm Tộ hùa theo tâu:

– Muôn tâu thánh đế đại hùng, quả thật chinh chiến có lúc thắng lúc bại, nay đức khai tổ hưng binh lập nên một triều đại rạng rỡ sử xanh, sức mạnh của binh tướng đại Tống ta làm sao lại không thu phục được một xứ tối tăm bé nhỏ như Giao Châu ấy? Vả lại, từ khi đức khai tổ lập triều đến nay, có bao giờ Giao Chỉ đánh tiếng muốn được theo về giữ đạo thần tử đâu, đã thế thần nghe nói: vua nó trước kia chỉ là dứa chăn trâu cắt cỏ, hung hăng mà được cõi, nó bảo rằng: bên trong phải gấp an định giặc cướp, vững thế lâu dài cự lại Bắc phương ta mà giữ nền tự chủ, vì thế chắc khi nó bị loạn thần giết chết thì nhất định triều đình nó đang hồi biến loạn, không thể không xảy ra những tranh giành chém giết, cơ hội này là cơ hội để binh thiên triều đi một mạch xuống tận Hoa Lư, không nên để lỡ!

Trần Khâm Tộ là Đô Đốc coi quân trấn giữ vùng phía Tây đại Tống, tài không giỏi nhưng giỏi hùa theo ý Hoàng đế để được ân sủng, biết ý Thái Tông muốn xuất quân, lại thấy các đại tướng trọng thần tỏ ý nên ra quân chinh phục nước nam thì liền lên tiếng tâu trình như vậy cốt để đẹp lòng Hoàng đế.

Quả nhiên Tống đế vui vẻ phán:

– Hay lắm, ra quân như chớp nhoáng làm cho địch không kịp nhắm mắt, như sấm nổ địch không kịp bưng tai, đấy chính là lối hành quân chinh phạt quen thuộc của trẫm! Vậy, các khanh hãy lo việc quân, người nào chu liệu trách nhiệm của mình theo phần nấy, đừng để lâu lỡ ra giặc biết được!

Từ đấy, triều đình đại Tống tính việc đánh phương Nam, ra sức bắt đầu sửa soạn việc quân viễn chinh thu phục giang sơn nước Đại Cồ Việt của người Giao Chỉ, Tống đế lại hẹn: khi nào mọi sửa soạn đã xong, thì ngài sẽ cho làm lễ phong tướng xuất chinh.

Triều đình võ quan nhà Tống cân nhắc luận bàn về việc khởi binh, có tướng muốn xuất quân ngay từ kinh sư để tuyển chọn được đúng loại quân giỏi tướng tài, có người cho là đánh một nước con con ở phương Nam, chẳng cần phải đến hạng đại tướng, không phải huy động đến quân tinh nhuệ vượt vạn dặm xuống Nam làm gì, cứ lấy quân ở các tỉnh biên trấn là được. Sau, lại phải Tống đế quyết định mới xong, ngài xuống chỉ sai lấy quân ở các tỉnh cực nam giáp ranh với nước Nam, các tướng mới chịu mà xúc tiến việc quân ở phía Nam.

Việc quân chỉ mới vừa quyết định xong tại triều, các quan các tướng chưa kịp có cử động gì, thì đã thấy tin trình vào Hoàng đế:

– Có sứ giả của Giao Châu xin vào bệ kiến!

Tống Thái Tông cất tiếng cười lớn ngay tại đại điện khiến cả triều đình kinh ngạc, chưa từng bao giờ Hoàng đế lại có cử chỉ thái độ như vậy, ngài tuy phóng khoáng nhưng vốn rất nghiêm trang, mỗi lần phán bảo điều gì đều có thái độ đĩnh đạc, lời lẽ khoan thai, thế mà nghe tin có sứ của nước Nam tới ngài lại cười lớn đến thế là thế nào?

Triều đình thận trọng, chưa ai dám lên tiếng hay tỏ thái độ gì. Hoàng đế cười xong thấy quần thần im lặng, ngài phán:

– Chư khanh, trẫm vẫn đợi việc này của Giao Châu, quả nhiên nó đã đến! Cho sứ vào chầu ngay!

Triều đình lại thêm ngạc nhiên, việc Giao Châu nghe nói có nhiều biến động nhưng không rõ là những biến động như thế nào, nay Hoàng đế bảo là ngài đợi việc Giao Châu cử sứ lên chầu là thế nào!?

Hoàng đế phán:

– Các khanh không được rõ cũng phải, việc phương Nam các quan biên trấn trình về trẫm được rõ cả. Họ Đinh thu phục thiên hạ, tự xưng vương xưng đế, lại dám đặt cả tên nước là Đại Cồ Việt có ý cho nước mình là nước lớn dòng giống người Việt. Trước, tiên đế đã muốn cất quân hỏi tội nó, nhưng còn vướng việc nên quân chưa ra khỏi biên cương, nay chắc là chỉ vì nó lại đang tranh giành chém giết nhau cho nên mới lên lạy hầu để cầu cứu ta đây!

Mới dây, Hoàng đế có nói đến việc nội loạn ở phương Nam, bây giờ ngài phán như vậy làm cho cả triều đình thêm ngạc nhiên lẫn kính phục.

Quan Tham Mưu Chính sự tước Văn Liệt hầu Quách Nghi Khải bước ra tâu:

– Muôn tâu, thánh ý thật thông tuệ, ngồi trên ngai vàng mà nhìn rõ được việc nhỏ mọn ở nơi tăm tối xa xôi vạn dặm! Muôn tâu, như thế thì đức thánh đế thấy Giao Châu có thể lạy xin gì ở triều đình ta?

Đức Thái Tông Hoàng đế giọng rành rẽ phán:

– Từ lúc Đinh Bộ Lĩnh khởi nghiệp, đem binh dánh dẹp các nơi rồi tự lên ngôi lại dám xưng đế hiệu là Tiên Hoàng đế, có xin nhà Tống ta phong tước, tiên đế đã ân tứ sắc phong cho con nó là Đinh Liễn làm "Nam Việt Vương" là có ý làm cho cha con nó hục hặc nghi ngờ nhau. Cách nay chưa lâu, trẫm được tin từ biên cương trình là nước Nam có biến, có thể là trong triều đình có việc chém giết lẫn nhau. Nay sứ đến, tất không ra ngoài việc biến ấy! Những điều trẫm nghĩ nhất định không sai!

Trăm quan văn võ chưa kịp tung hô ca ngợi trí sáng suốt của đức Hoàng đế, thì sứ đã tới. Sứ giả của nước Nam chính là quan trọng thần họ Giang, tên là Cự Vọng.

Nguyên, sau khi Đinh Tiên Hoàng đế cùng trưởng tử bị Đỗ Thích ám hại, triều đình xôn xao rối loạn một mặt lo việc tang lễ cho Tiên Hoàng với Nam Việt vương Đinh Liễn, một mặt liên miên hội triều, rồi tôn con thứ của Tiên đế lúc ấy mới được 6 tuổi tên là Đinh Tuệ (Toàn) lên ngôi.

Tân đế còn nhỏ quá không biết gì, thành ra bà Thái hậu (tức hoàng hậu của Tiên Hoàng đế Đinh Bộ Lĩnh, bà họ Dương) là mẹ của tân đế phải ở bên trong màn nghị việc triều chính cùng với các quan, trăm điều bất tiện về việc triều chính, trăm điều dị nghị về việc người đứng đầu trăm quan văn vũ tại triều lúc ấy là quan Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn.

Lê Hoàn, là huynh đệ thủ túc của Đinh Bộ Lĩnh lúc khởi nghiệp ở vùng động Hoa Lư. Ông là một tay kiệt hiệt, tài kiêm văn võ, theo ngựa Đinh Bộ Lĩnh vào ra trận mạc, tung hoành trong thiên hạ, lập được nhiều công trạng lớn, được người thời đó liệt kể là một trong "Giao Châu Thất Hùng"(*), ông theo Đinh Động chúa ra vào trận mạc lập được nhiều công lớn. Tài võ đã cao ngất, Lê Hoàn lại là người có kiến văn, thêm vóc tướng dẹp hùng vĩ mà thanh tao, rất được Đinh Bộ Lĩnh tin yêu. Lúc còn đang trận mạc thu phục thiên hạ, Lê Hoàn vào ra tướng doanh của Đinh Bộ Lĩnh thật thân thiết, đến lúc họ Đinh lên ngôi tôn thì trao quyền bính cực lớn cho Lê Hoàn, với chức Thập Đạo Tướng quân(**), bao nhiêu binh quyền một tay ông nắm giữ, uy thế át cả trăm quan, ông ra vào cung điện không cần phải trình xin lệnh của Hoàng đế, không phải cởi bỏ gươm lúc lên điện, tự do tùy ý vào cung nào cũng được.

(*) Bộ Lĩnh khởi nghiệp ở Hoa Lư, quy tụ được nhiều hùng tài, trong đó có bảy người thuộc hạ gắn bó với nhau suốt thời gian tung hoành trong thiên hạ, được thời ấy gọi là "Giao Châu Thất Hùng", gồm: Lê Hoàn, Trịnh Tú, Lưu Cơ, Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp, Phạm Cự Lượng.

(**) Đinh Tiên Hoàng đế tổ chức quân đội làm 5 cấp: Đạo, Quân, Lữ, Tốt, Ngũ. Mỗi Đạo có 10 Quân, Quân: 10 Lữ, Lữ 10 Tốt, Tốt 10 Ngũ, Ngũ có 10 người. Như thế, tổng số quân đội của nhà Đinh đông đến 1 triệu người, một quân số có thể là quá lớn so với dân số thời đó, nhưng ông Ưng Hoè Nguyễn Văn Tố viết trên báo Tri Tân, *thì giảng: quân đội nhà Đinh lúc ấy chia làm 2 hạng: một hạng là quân đội thường trực hay hiện dịch, một hạng là trừ bị, luân chuyển nhau trong trong một thời hạn lưu ngũ nhất định, khi mãn hạn thì trở về lại là nông dân bình thường; do đó, quân số nhà Đinh có thể lên đến 1 triệu người. Lê Hoàn chỉ huy cả Mười đạo, thế lực lớn tuyệt đối. (theo* Việt Sử Toàn Thư *của Phạm Văn Sơn).*

Chính vì quyền hành Thập đạo Tướng quân lớn quá này, lại thêm từ ngày còn chung sức thu thiên hạ, Lê Hoàn nhiều lần gặp mặt vợ của động chúa là nàng Dương thị (quê làng Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình), trai hùng tài gái nhan sắc đa tình thì không tránh khỏi được cảnh "gió cuốn mây theo, hoa rủ ong tới ", hai người đi lại với nhau lâu ngày thì tai tiếng ra ngoài, lúc ấy động chúa Hoa Lư Đinh Bộ Lĩnh có nghe những lời đồn, nhưng vốn là tay ngang dọc thần vũ, đầu óc khoáng đạt cho nên động chúa chỉ bảo: "... việc trai gái ở đời, đời nào cũng có, không nên vì một người con gái rồi nghe những lời đồn đại nhảm nhí vô căn cứ của thiên hạ khiến cho sứt mẻ tình huynh đệ, có khi làm hại đến cả khách anh hùng...", động chúa bỏ ngoài tai những lời dị nghị ấy thành ra chẳng ai dám nói thêm điều gì.

Khi đại công cánh thành, động chúa lên ngôi xưng đế, bao nhiêu huynh đệ ngày trước đều được phong quan tước lớn, Lê Hoàn là người được chức quyền lớn hơn cả. Ông ra vào trong cung lâu ngày thì việc tư thông với hoàng hậu gần như công khai,nhưng nội cung chẳng một ai dám hé môi, thêm nữa là việc Hoàng đế vốn là người rất thích việc nữ sắc, ngay từ lúc còn vất vả tung hoành ngài cũng không bao giờ quên thói hưởng thụ nhan sắc, khi lên ngôi ngài lập đến năm chính cung hoàng hậu[*], bây giờ ở ngôi tôn thì cũng có phần càng mê man hơn nữa trong chốn rừng hương, không quan tâm đề phòng, thêm phần tin ở thủ túc thuộc hạ xưa, thành ra quan Thập Đạo mới tự do như thế với hoàng hậu.

Khi Hoàng đế cùng trưởng tử lâm nạn, hoàng hậu ngồi trong màn phía sau ngai báu của tự đế mà nghe việc triều chính, bên cạnh là quan Thập Đạo Tướng quân trình giúp ý. Quyền trùm thiên hạ, chức chỉ sau vua, Lê Hoàn vừa ỷ thế vừa cậy được thái hậu yêu thương nên tự xưng là Phó vương, việc làm này của quan Thập Đạo Tướng Quân khiến cho nhiều người bất bình, từ đấy triều đình chia thành hai phe một theo về phe quan Thập Đạo Tướng quân, một theo về phe Định Quốc công Nguyễn Bặc cầm đầu thì ngấm ngầm quy tụ nhau để chống lại quan Thập Đạo.

Khi tế tác từ biên cương phía Bắc trình về việc triều đình nhà Tống bàn tính Nam chinh đánh Đại Cồ Việt, thì triều đình nước Nam cũng liên miên hội bàn tìm cách đối phó.

Định Quốc công Nguyễn Bặc bàn:

(*) Năm hoàng hậu của Đinh Tiên Hoàng đế là: Dan Gia, Trinh Minh, Kiểu Quốc, Cổ Quốc, và Ca Ông.

– Ta mới định quốc, thời gian chưa được lâu dài để vững thế mạnh sức, hãy cố làm sao để trì hoãn việc chiến tranh, đợi đến khi đủ sức rồi thì có gì mà phải sợ nó!

Quan Đô-Hộ-Phủ Sĩ Sư(*) là Lưu Cơ tiếp lời:

– Đúng thế! Nhường giặc một bước chưa phải đã là thua nhục, thắng giặc một trận chưa phải đã hẳn là toàn thắng. Giặc là nước lớn, sức mạnh của nó là sức hùm beo hung ác, đối phó với nó không nên chỉ trông dợi vào việc binh bị, trước hãy nên lấy văn mà giáo hóa nó để trì hoãn là hơn cả!

Quan nhiếp chính Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn hỏi:

– Như thế, Sĩ Sư bảo ta nên dụng văn trước khi dụng võ với nó như thế nào?

– Thưa, chẳng phải bây giờ nó mới nghĩ đến việc xuất chinh đánh cướp Đại Cồ Việt ta, mà ngay từ lúc Hoa Lư ta còn đang lận đận thu phục thiên hạ nó đã bao phen lăm le muốn xuất quân, chỉ vì bên trong chính nó cũng chưa thật ổn định, bên ngoài thì Hoa Lư ta dàn xếp việc nước mình khiến nó e ngại chẳng dám vội ra tay. Nay, trải qua đời khai tổ Triệu Khuông Dẫn, thế đã vững cho nên đời Thái Tông Triệu Quang Nghĩa (Tống) mới dám nghĩ đến việc đem quân xuất biên viễn chinh. Nếu ta cho sứ đi bảo cho nó biết ý ta là: "sức thừa phá nó, nhưng chuộng mối giao hảo cho nên ta tới cầu phong, tỏ ý thần phục tránh việc chiến tranh", như thế thì vừa trì hoãn được việc nó xuất quân, vừa dò biết được ý thật của nó là thế nào?

Triều đình cho là phải, lại bàn đến việc chọn người đi sứ. Trịnh Tú đưa lời bàn:

– Chúng ta là những người cầm gươm lên ngựa theo Tiên đế tung hoành thu thiên hạ, múa gươm bắn cung thì giỏi, còn khi dụng văn phải dốc kho kiến thức, trút biển văn học mưu định việc an nguy, thì chúng ta không giỏi, lúc này chính là lúc phải cầu đến tài trí của Khuông Việt Thái Sư với Tăng Lục Đạo Sĩ đấy!

Nguyên, khi định quốc bước lên ngôi báu rồi, Đinh Tiên Hoàng đế đặt triều nghi, định triều chính, nhớ đến công lao của các tướng văn tướng võ, liền lần lượt phong quan tước cho các huynh đệ thủ túc, Tiên đế tỏ ra là người trung hậu phóng khoáng, ban chức tước nhiều chẳng hề tiếc, thưởng nhiều lộc cũng không quan tâm, tình ngài thật vô cùng rộng rãi, đức độ của kẻ trượng phu hiển hiện, thế mà chẳng hiểu vì đâu lại bỏ quên mất một số người, rồi ban chức lớn cho đám tăng đạo như Ngô

(*) Đô Hộ phủ Sĩ sư là chức quan chuyên coi về Hình sự.

Chân Lưu được hiệu là Khuông Việt Thái Sư, Trương Ma Ní làm Tăng Lục Đạo Sĩ.., được dự việc triều chính, bàn quốc sự. Vì thế, triều thần có nhiều người không phục, cho là Tiên đế lòng ngay thẳng trong lành cho nên dễ bị mê hoặc, tin theo những viển vông mê tín, có khuyên giải thì Tiên đế cũng chỉ cười không thay đổi ý muốn, vì vậy ngày ấy đám tăng lữ có quyền lớn, ảnh hưởng vào quốc sự không ít, và bây giờ là lời bàn của Trịnh Tú!

Nghe Trịnh Tú tướng quân đưa lời bàn, nhiều người hiểu ngay tâm trạng của ông(*). Nhưng quan Thập Đạo nhiếp chính Lê Hoàn nói:

– Việc đi sứ dã dành cần phải là người uyên bác, ứng đối giỏi dế vững thế. Nhưng trước kia trưởng tử của Tiên đế đi sứ sang Tống cầu phong, Tống đế đã có tờ chế phong cho tiên đế làm vua, trong đó có câu:"... nối đời là họ to, giữ được địa phương xa, có chí mến chuộng văn hóa Trung Hoa, vẫn muốn phụ thuộc Bắc phương, khen người con có ý xưng làm thuộc quốc, vậy cho cha được thụ phong làm Vua một địa phương ", như thế thì nay việc đi sứ cốt ở việc gì, trước hết triều dình nên bàn rõ đã, chứ không phải là nhờ Thái Sư hay Đạo Sĩ lên đường mới là điều hệ trọng!

Quan Thập Đạo Nhiếp chính ý muốn rõ nghĩa việc sứ lên đường cầu điều gì, mà cũng là để bênh Ngô Chân Lưu tránh việc đi sứ vất vả khó khăn.

Ý của quan Thập Đạo Nhiếp chính quả là đúng, lại khéo léo tránh được khó khăn cho Thái Sư Khuông Việt, vì vậy mà Định Quốc công Nguyễn Bặc nói:

– Phải, trời có lúc nắng lúc mưa, mưa nắng cũng lại dễ thất thường, cho nên lúc nào thì cần đến nắng đến mưa mới là điều quan trọng! Nay, nước Đại Cồ Việt ta vừa mới xảy đại biến thí vua, việc thoán nghịch dễ sinh "loạn trong giặc ngoài", nhưng triều đình đã một lòng tôn xưng ngôi đế lên tự quân tránh được mọi xôn xao xáo trộn, quốc sự rồi ra sẽ dần dà được an định, thế mà vẫn còn phải nhớ đến đại cường phương Bắc dời nào cũng nhòm ngó chực thôn tính nước ta. Nay, vì việc nước còn đang trong lúc chông chênh nhiều khó khăn, ý của triều đình ta là làm sao ngăn chặn được tà ý của nhà Tống thế nào cũng muốn nhân cơ hội xuất binh, ta

---

(*) Sử thần Ngô Thời Sỹ viết trong Việt Sử Tiêu Án *về việc này như sau: "...vua Tiên Hoàng khởi lên ở Hoa Lư, thì Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ đều là những người cùng làng cùng tuổi với vua, đến khi xét công ban thưởng lại bỏ Điền và Tú, là nhà làm sử chép nhầm dấy; còn như Tăng với Đạo là hạng người nào mà cũng phẩm trật cao, được có mũ vàng, áo đen, lẫn lộn vào hàng mũ vàng đai bạc ở triều đình, chả là quá lắm ư?"*

hãy cố trì hoãn việc chiến tranh, tránh hẳn được chiến tranh càng tốt. Đấy là trọng nhiệm của sứ ta lên đường sang Tống lần này!

Định Quốc công là người ngay thẳng, tính tình rộng rãi ít khi để ý đến những ý nghĩ quanh co uẩn khúc, nghe triều đình nói việc cử sứ thì dù có hiểu rõ ý tứ của các quan, Quốc công cũng vẫn không quan tâm đến những việc ngấm ngầm tranh chấp, ông chỉ một lòng vì nước vì vua mà thôi. Danh phận cùng tính tình của Quốc công nhiều khi cũng giữ cho triều đình được hòa thuận, khỏi bị khó xử những lúc gay go, vì thế đến lượt Lưu Cơ nói:

– Phải, ông Bặc nói thế là đúng nhất, việc trong thì đã xong, cứ dần dần là vào khuôn nếp cả, chỉ còn việc đối phó với Bắc phương tiếc rằng chẳng còn quân sư[*] để được nghe chỉ vẽ cho, triều đình cũng hiểu là nên cử người am tường kinh sử, hoạt bát ứng đối, biết việc mình việc người, lấy cớ sang Tống triều cầu phong cho tự quân, ngỏ ý ngầm thần phục nhưng không để mất thế hiên ngang tự chủ. Có thế thì mới hi vọng trì hoãn hay thật sự tránh khỏi chiến tranh được!

Lời bàn của công thần Lưu Cơ quả thật khôn ngoan! ông vốn là huynh đệ của tiên đế, cùng chung gian nan trong lúc thu thiên hạ, đi về chẳng quản an nguy, có tài hiếm là cực kỳ khéo léo tay chân trước mặt mọi người có thể thu hết được mọi vật mà chẳng ai biết mình vừa bị lấy đi mất đồ đạc cất kỹ, vì thế người đời ngày ấy tặng ông danh hiệu "Hoạt Thủ Thần Tiên" ý nói ông là bậc thần tiên có đôi bàn tay cực lanh lẹ nhiệm mầu!

Nghe Lưu Cơ bàn, triều đình mừng lắm, lấy cớ xin cầu phong để hòa hoãn là cái kế hay nhất trong lúc này, vừa tỏ ý nhún mình chịu khuất đại cường, tránh được chiến tranh, mà cũng lại là cơ hội để nói cho Bắc phương biết: nước bé nhỏ ở phương Nam, báo cho nhà Tống lớn lao ở phương Bắc biết là Đại Cồ Việt có chủ, việc thông báo giao hảo là quan trọng chứ không phải là dốc lòng thần phục lối "cha con, vua tôi" như họ thường nghĩ.

Quan nhiếp chính Thập Đạo Tướng quân vui vẻ:

– Hay lắm! ông Lưu Cơ vốn lẹ tay nhưng trí óc linh hoạt nào có kém gì! Vậy ông có thể đi sứ Tống triều một phen được không?

Lưu Cơ nghiêm trang đáp:

– Thưa triều đình, vì việc nước bảo tôi vào nơi nguy đến tính mệnh tôi cũng không từ, nhưng sai tôi đi sứ thì quả thật tôi không dám dám

---

(*) Đỗ Hộ Phú Sĩ Sư Lưu Cơ muốn chỉ Lê Thảo, xin xem trong bộ MƯỜI HAI SỨ QUÂN của Vũ Ngọc Đĩnh để biết rõ về vị quân sư tuyệt vời này.

dương! Sứ của ta lên Tống triều, phải là người văn học, có thể lấy lời lẽ "xoay cả mặt trời mọc ở phía đông sang phía tây" được, thì mới xong! Tôi là võ tướng, không có cái tài "giơ bàn tay bịt kín được mắt Tống đế, lấy luận giải khâu chặt miệng Tống triều" được! Nếu cần có người mang dao ngắn ngầm đi hộ vệ cho sứ, tôi xin được nhận việc ấy, chẳng dám vì lẽ gì mà không dám mặc áo lính đi hầu sứ giả!

Lời lẽ của trọng thần Đô Hộ Phủ Sĩ Sư Lưu Cơ khiến cả triều đình khâm phục, con người khảng khái này lúc nào cũng chỉ một lòng với đại nghĩa, xem thân phận địa vị mình ngang với gió thoảng.

Triều đình bàn bạc gay go, rốt cuộc chọn quan Giang Cự Vọng lĩnh mệnh đi sứ, có Vương Thiệu Tộ cùng đi.

Giang Cự Vọng xuất thân văn sĩ, người ở xã Dương Luật (Nghệ An), Tiên Hoàng yêu văn tài của ông cho dự vào việc triều chính, thường lĩnh mệnh thảo hoạch văn từ, định liệu thư sách rất được tiên đế yêu. Họ Giang người dong dỏng cao, nước da khác với người vùng Hoa Lư không sạm nắng mà lại tươi nhuận hồng hào như người vùng Tam Đảo, Ba Vì, cặp mắt dài như mắt phượng lúc chăm chú nhìn thấy long lanh như phát hào quang, mũi dài thẳng như giọt mật treo, miệng rộng môi hồng thêm hàng ria đen nhánh làm cho gương mặt họ Giang thật đẹp lẫn vẻ đa tình. Thiên hạ không biết rõ họ Giang gốc gác thế nào, tài học đến đâu, nhưng hỏi về kinh sách thì ông bảo: "thiên hạ có trăm vạn quyển, thiên hạ làm rơi vãi ba tờ ta nhặt được vì vậy vốn liếng chữ nghĩa chỉ có vậy", ý Giang là khiêm nhường tự nhận mình ít học kém chữ, kỳ thực văn tài của ông ít người sánh kịp.

Bây giờ được triều đình nghị cử đi sứ nhà Tống, Giang Cự Vọng không lên tiếng thế nào chỉ một mực im lặng. Quan Nhiếp chính hỏi:

- Bây giờ triều đình cử ông đi sứ, ông thấy thế nào?

Giang Cự Vọng đáp, giọng ông không trầm nhưng thật rõ ràng phảng phất thanh thót của trang văn nhân tài tử:

- Bẩm quan Nhiếp chính, thưa triều đình, nhiệm vụ thì không ai dám cưỡng chối. Tôi hưởng ơn vua ăn lộc nước, lẽ nào đi việc nước việc vua lại ngại ngùng! Duy có điều, ta muốn tránh chiến tranh, hay là cốt chỉ trì hoãn mà thôi, xin triều đình định rõ để tôi biết mà đối đáp với nhà Tống?

Việc chiến tranh, tất không ai lại mong muốn, nhất là một nước nhỏ như nước Nam thì chiến tranh với một nước lớn như nhà Tống nhất định chẳng phải là điều nên chọn, mà là điều phải tránh, vì thế đến lượt ngài Trịnh Tú lại lên tiếng:

- Thưa triều đình, từ xưa có bao giờ phương Bắc để ta được yên đâu?

Từ ngày người Giao Chỉ ta lập nước, rào biên cương, đem xương máu gìn giữ giang sơn, Bắc phương không ngừng chèn ép. Đến gần nghìn năm trước hai nữ kiệt dấy nghĩa đại thành, sau thất thế rồi cõi Giao Châu ta chịu lệ thuộc cho mãi đến mới đây Ngô Quyền khởi nghiệp mới giành lại được quyền tự chủ, mặt trời vừa sáng đã u ám khiến nước loạn, làm cho Hoa Lư ta phải đứng ra lo liệu mọi việc; ngay từ lúc tiên đế còn đang lận đận, nhiều phen Triệu Khuông Dẫn muốn xuất quân, nhưng vì tiên đế khéo hành động cho nên ông ta chưa dám ra tay. Bây giờ Thánh Tông nhà Tống kế vị muốn khởi binh, họa chiến tranh là điều khó tránh, đành là phải trì hoãn thôi chứ không thể tránh hẳn được!

Những lời nghị bàn của Trịnh Tú thật minh bạch, triều đình ai cũng phục. Giang Cự Vọng lại hỏi:

– Thưa triều đình, như vậy là ta đã có chủ trương rõ ràng là cốt làm sao trì hoãn để kịp sửa soạn chiến tranh, thế thì sứ nên lấy việc gì để có thể đạt được trì hoãn ấy?

Triều đình lại bàn cãi, mỗi người một ý, quan văn thì muốn để tùy sứ xem Tống triều có chủ ý ra sao rồi liệu đấy mà nghị biện đưa đẩy việc mình, phía quan võ lại có vị muốn sứ dừng quên lấy việc "dao bén, tay khỏe" để giữ cho Tống triều đừng đem quân xuống Nam, vì thế tướng quân Phạm Cự Lượng nói:

– Thưa các quan, nước ta mấy mươi năm biến động, Ngô triều suy tàn làm cho Hoa Lư ta phải bước ra ngoài xã hội, vất vả ngần ấy năm mới đại định được thiên hạ, thu giang sơn về một mối, thần vũ ấy của tiên đế dẫn dắt chúng hào kiệt vào trận khiến cho khai tổ nhà Tống dù thèm muốn cũng không dám cất quân, thế thì ngày nay dù tiên đế mắc nạn, nhưng triều đình vẫn trên dưới một lòng, thần vũ trong những ngày Hoa Lư tung hoành đến nay chưa hề bị suy giảm, vì vậy sứ giả nên trổ tài văn học nhưng làm sao để cho Tống triều thấy được uy vũ của nước Đại Cồ Việt ta, có thế mới làm cho chiến tranh phải lui ra xa được!

Nghị bàn đầy khí phách uy vũ của đại tướng quân Phạm Cự Lượng khích lệ lòng người rất nhiều, nhưng quan Nhiếp Chính lại nói:

– Đành rằng uy vũ của Hoa Lư ta trong những ngày tung hoành thu thiên hạ có làm cho Tống Thái Tổ phải kiêng nể, nhưng cũng phải nhận một phần lớn dè dặt không dám xuất quân của Triệu Khuông Dẫn là do ở nội bộ của triều đình nhà Tống lúc ấy. Ngày nay, triều đình nhà Tống đã an định vững vàng, nghĩ đến việc xuất quân Nam chinh tất Tống triều đã có cân nhắc tính toán mọi bề, tình thế bây giờ đã khác ở cả hai bên, ta không nên cứ chỉ lấy vinh quang một thời ngày trước của mình ra để xem xét quyết đoán việc ngày hôm nay, vì thế ta cần phải xét rõ được mọi

việc, tìm cho được chỗ hơn chỗ thua trong cuộc cự lại nhà Tống, có thế mới là khôn! Tôi thấy: quan sứ lĩnh mệnh, dù triều đình đã có chủ trương, tất sứ cũng có ý kiến riêng nghĩ rằng nhờ đấy mà xong được việc nước, giữ được an toàn cho chính riêng mình, vậy ông Giang nghĩ thế nào?

Câu nói của quan nhiếp chính Lê Hoàn quả thật sắc sảo, bao nhiêu luận bàn của triều đình chẳng qua cũng chỉ là những ý kiến cố làm sáng tỏ tình thế, còn chính sứ giả mới là người đem những việc được xem là đã rõ, đã có chủ trương để đối phó với hoàn cảnh, tình hình không thể biết chắc được sẽ phải như thế nào? Và Giang Cự Vọng thận trọng đáp:

– Bẩm triều đình, quả thật tình thế ngày trước và ngày nay khác nhau rất nhiều, lại thêm việc tiên đế gặp nạn làm cho tình thế lại càng khó khăn cho ta, ngược lại có thể giúp làm dễ nhiều cho quyết định hành động của nhà Tống! Nếu cứ chỉ ngồi một nơi luận bàn thì chẳng làm sao biết chắc được việc sẽ thế nào, vì vậy tôi nghĩ: nguy hại của ta chính là ở việc tiên đế băng hà, dù ta có cố gìn giữ che đậy cũng không thể nào giữ được lâu để che mắt Tống triều, vì vậy ta nên nhân điều bất hạnh này mà làm hòa với triều Tống là hơn!

Triều đình đã hiểu, quan Nhiếp chính hỏi ngay:

– Như thế, ông định sự hòa hiếu với Tống triều như thế nào? Ta nên đối xử với nó bằng những việc gì?

– Bẩm triều đình, ngay từ lúc ông Ngô Quyền phá xong quân Nam Hán, cả thắng giết chết tươi thái tử Hoằng Tháo, thế mà vẫn phải khuất thân cầu hòa với nó. Đến thời tiên đế ta vừa rồi, đã chẳng mấy lần sứ đi về rồi sao, đến như trưởng tử của tiên đế cũng còn phải thay tiên đế lên tận Bắc Kinh, thế thì nay ta đang ở vào chỗ thất thế, lẽ ra việc nước nào nước ấy biết, thế mà ta lại vẫn phải lo điều lẽ ra chẳng phải lo! Cú diều thì lúc nào cũng nhòm ngó vào nhà bệnh, đại quốc phương Bắc thì lúc nào cũng nhòm ngó chỉ muốn vô cớ nuốt chửng nước ta, huống hồ nay nước ta lại có biến thì nó sẽ lấy cớ này nọ thật vô lý mà giở thói "ỷ lớn hiếp bé, ỷ mạnh hiếp yếu"! Việc của ta lúc này là phải làm sao để nó chịu nhận tân quốc vương của ta, có thế nó mới đành phải tạm gác việc dánh cướp nước ta! Sau đấy ta sẽ có thời gian để trì hoãn, sửa soạn phòng bị mai sau khi nó gây hấn làm càn!

Triều đình cả mừng! Phải, làm sao để Tống triều chịu nhận rồi tấn phong cho tân vương tức là minh nhiên chấp nhận nước Đại Cồ Việt, tuy thế không phải cứ cầu phong mà được, Bắc triều thế nào cũng kiếm đủ mọi cớ để làm khó khăn, cho dù là những cớ thậm vô lý cũng

không từ! Triều đình lại nghị bàn thật sôi nổi, cuối cùng thì lại vẫn Giang Cự Vọng nói:

– Thưa triều đình các quan, thế nào Tống triều cũng lộng ngôn đủ việc, thôi thì tôi cứ liệu đấy mà sẽ có ứng đối, việc chính của ta là cầu phong, để hòa hoãn với họ. Bây giờ xin triều đình các quan cho sửa soạn phẩm vật để tôi mang theo!

Phẩm vật sứ đi cầu phong, tất không thể hà tiện eo hẹp được, nhưng nhiều quá lại làm động lòng tham người đời, vì thế trọng thần Phạm Hạp nói:

– Bao nhiêu thịt cũng không thỏa tính thèm máu thịt của loài cọp dữ, dù có đem kho tàng cả nước mà dâng, nó cũng chưa thỏa lòng mà còn muốn chiếm cả nước ta, vậy cống phẩm lễ vật làm sao để không nhiều quá tốn phí, vả lại nhiều bao nhiêu cũng không thể bằng kho tàng của nó được cho nên nó vẫn thấy là ít, tuy thế cũng đừng lấy đấy làm điều để nói rằng nước ta nghèo quá cho nên lễ phẩm sơ sài!

Lời Phạm Hạp nói quả thật hợp ý triều đình, cho nên quan Nhiếp Chính Lê Hoàn mới bảo:

– Đúng! Bao nhiêu thịt cũng không đủ thỏa miệng hùm sói, chi bằng xem nước ta có thứ gì khác lạ với nó đem cho tất nó thích, vậy để tùy ông Giang định liệu cũng được! Việc nước bề bộn, sứ nên gấp gấp lên đường đừng trì hoãn, càng sớm càng tốt!

Thế là triều đình giao hẳn việc thu xếp lễ vật cống phẩm đem lên Bắc Kinh cho Giang Cự Vọng.

Chẳng mấy lâu họ Giang đã trù bị xong mọi việc, đợi lệnh lên đường. Buổi ấy triều đình lại nghị bàn, tự quân mới sáu tuổi khoác long bào vàng tươi ngự trên ngai vàng, Đinh Tuệ nhìn triều đình quần thần văn võ trăm quan uy nghi thì ngơ ngác, lúc trăm quan tung hô vạn tuế thì dường như ngài chợt thấy có điều gì sợ hãi chực khóc, tân tự quân chưa lấy hiệu là gì.

Trình bày đủ việc, nói qua về lễ vật cống phẩm rồi, Giang Cự Vọng tâu:

– Tâu Hoàng đế, thần ra đi đường xa vạn dặm, ngày đêm lòng lúc nào cũng nhớ đến cửa khuyết, hình bóng tiên đế hiển hiện chẳng lúc nào mờ, uy danh của ngài soi đường cho thần vào hang hùm ổ rắn để vững thế nước, trăm quan ở lại đem thần trí hỗ trợ cho thần ở xa. Vậy, thần ngẩng đầu tâu xin Hoàng đế ban quốc thư, hạ lệnh cho thần lên đường ngay!

Tân quân chẳng hiểu trọng thần tâu gì, ngài thản nhiên thì quan Nhiếp chính đã bước ra tâu:

– Tâu Hoàng đế, thần nhiệm mệnh xin nói rõ thánh ý!

Rồi nói với triều đình, quan Nhiếp Chính bảo:

– Hoàng đế chuẩn y quốc sứ, nghĩ rằng cũng nên có tấu thư gửi đến Hoàng đế nhà Tống, nói về việc cầu phong thế nào để Tống đế có thể vừa nghe được, vừa phải kiêng nể ta, không đến nỗi dám xem thường ta mà tự tung tự tác, ta mềm mà vẫn là cứng, từ đấy ta mới có thể thành đạt được ý định của mình, vậy ngay tại triều sứ giả hãy thảo tấu thư gửi Hoàng đế Thánh tông nhà Tống!

Vậy là ngay tại sân triều, triều thần xin lệnh thái hậu cho đem phương án của thái hậu bày ra, báo là sớ viết để gửi lên Tống triều không nên vì lẽ gì mà khinh xuất khiến tổn hại đến uy danh của nước văn vật, làm hại đến uy danh của quốc chủ, cũng không nên dùng long án của tiên đế để viết sớ ấy, chính là giữ lấy uy phong của bậc đại hùng đã khuất và chính Giang Cự Vọng nhiệm mệnh viết sớ.

Thế là triều đình lại lấy thứ giấy "Thái hầu chỉ"(*), sai mài mực *tô mộc*(**), dùng bút *trúc nhất thanh chỉ*(***), lông mắt loài *phi sóc*(****) ở núi Kim Sơn, là những thứ thuộc đồ dùng trong "ngự phòng" của thái hậu để Giang Cự Vọng viết tấu thư. Giang Cự Vọng thảo tấu thư trong đó đại ý nói: "... tiên đế khai tổ thần vũ thánh văn, tung hoành trong thiên hạ liên miên mấy chục năm ròng, định quốc chưa lâu, làm cho trăm họ được an lạc, núi rừng đồng ruộng xanh tươi, giữ cho mối giềng giao hảo bắc nam

---

(*) Trong sách "Vân Đài Loại Ngữ" của ông Lê Quí Đôn có ghi: "Trong sách Thiên Tự Văn *bàn về giấy do Thái Luân chế ra có nói: "Trong sách* Loại Tự *bàn về giấy do Thái Luân chế ra nói: Thái Luân làm chức Trung thư thị đời Hán, là người tài hoa. Thái Luân thấy: từ xưa biên các thư khế bằng thẻ tre, thứ đến dùng lụa trắng biên chép, gọi là giấy Lua thì đắt, thẻ tre thì nặng nề bất tiện, tàng trữ cũng khó. Thái Luân suy nghĩ tìm tòi, bèn nẩy ý dùng vỏ cây có dây xơ làm giấy, gọi là* ma chỉ., *và lấy vải cũ, lưới đánh cá cũ giã ra, làm thành thứ* vông chỉ, *và lấy vỏ cây gió mà làm gọi là* cốc chỉ. *Thái Luân đem việc ấy tâu vua. Vua Hòa Đế (89-105) cho triều thần dùng thử, thấy tiện lợi, thích lắm, khen thưởng trong hậu, vua không ngày nào là không dùng thứ giấy ấy. Sau giấy này lưu hành nhiều khắp nơi, rất tiện dụng, rồi thiên hạ gọi là* Thái hầu chỉ *(thứ giấy họ Thái tước hầu).*

(**) Mực làm bằng than cây Tô Mộc, vừa mịn vừa thơm.

(***) Trúc Nhất Thanh Chỉ là giống trúc giống dài, thẳng, sắc vàng óng, trên thân có một vệt xanh thẫm.

(****) Con sóc bay, từ hai chân trước của nó có màng như cánh dơi dính xuống hai chân sau, lúc thả mình bay từ trên thân cây cao xuống nó giang tay chân trông như cái diều vuông, đuôi dùng làm bánh lái.

vững vàng, thế mà chẳng may bất thần linh khí về trời, khiến vắng ngôi chủ tể, nước một ngày không thể không có chủ, việc triều chính không thể một ngày không xem quốc sự, vì thế triều đình một lòng tôn tự quân Đinh Tuệ lên ngôi quốc chủ. Lại xét thấy: hai phương nam bắc lớn nhỏ khác nhau, nhưng chung một phên giậu khiến cho gió ngược cũng không lên được tới tận Trường An, nước dòng Hoàng Long tuyết lạnh Vạn Lý Trường Thành chẳng chạm tới được(*); nước lớn che chở nước nhỏ, nước nhỏ lấy trí lự lập quốc mà khuông phò nước lớn, bởi thế Đại Cồ Việt mới sai sứ đem lễ phẩm lên phương Bắc, trước là vấn an Hoàng đế, cầu phúc lành cho đấng chủ tể bao la, sau là giữ đạo thần tử cầu được sắc phong để yên lòng hướng về trời xa, vững sức giữ gìn phên giậu..."

Tấu thư tuy lời lẽ nhún nhường giữ phận nước nhỏ cầu hòa, nhưng lại ngầm chứa đựng ý hùng quyết gìn giữ biên cương, triều đình liền để Giang Cự Vọng được tùy ý chọn lễ phẩm sao cho hợp với ý định, thuận lợi cho công việc.

Chẳng biết Giang Cự Vọng lấy lễ vật cống phẩm như thế nào, chỉ thấy trước ngày lên đường, Giang Cự Vọng cho đem vào triều bảy chiếc rương lớn đan bằng song với mây khóa kỹ, rồi Giang Cự Vọng bước ra quỳ tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế, thần vâng lệnh, được triều đình chỉ dạy, nay đã xếp dặt xong lễ vật lên Bắc, trước lúc lên đường thần trình tâu xin được nghe những lời phán bảo chót để ra đi.

Tự quân nhìn triều thần, ngài chẳng mảy may hiểu chút gì, quan Nhiếp Chính Lê Hoàn lại bước ra, nghiêm nghị bảo:

– Hoàng đế phán lệnh cho sứ giả lên Bắc, trước là cầu phong, sau gắng giữ mối giao hảo bắc nam làm sao tránh được họa chiến tranh. Hoàng đế ngày đêm mong đợi tin lành, vì thế ngài truyền tướng quân Trịnh Tú đem theo quân hầu ba mươi người hộ tống sứ, lại để sứ tùy ý lấy người ngựa chuyển vận lễ vật cùng hành trang, bạc vàng đem đi sao cho đủ dùng đi về đừng để thiếu!

Quan Nhiếp Chính lại cho mời riêng chánh sứ đến tướng phủ, kín đáo có buổi mật nghị với sứ giả, nói rõ tình thế, biện biệt hẳn hoàn cảnh trong nước, ước tính chủ định của Tống triều, chẳng biết ngài dặn dò sứ những

---

(*) Sông Hoàng Long, tên cũ của sông này là Đại Hoàng, ở huyện Yên Hóa, tỉnh Ninh Bình. Thuở nhỏ Đinh Tiên Hoàng đế có lần bị chú đánh đuổi chạy đến bờ sông này, đương muốn lội qua, chợt có con rồng vàng hiện lên ôm đỡ đưa sang sông thoát nạn bị chú đánh đòn. Đến khi dẹp được các Sứ quân, thu giang sơn về một mối, nhớ lại việc xưa Hoàng đế mới đổi tên sông là sông Hoàng Long (Rồng Vàng); trước nữa sông còn có tên là sông Kiến Phong.

gì, chỉ thấy lâu lâu ngài lại bảo "Cứ thế... cứ thế... , phải thu không gian, phải níu thời gian, không thể mở rộng, không thể kéo dài... , cứ thế... , cứ thế..., nếu làm được như thế, thì sau dấy ta có thể dễ dàng đối phó với Tống đế, giữ cho giang sơn khỏi tan nát, làm cho con cọp đói cũng dành phải quay mặt không còn dám hầm hè nữa!"...

Thế rồi tay "Giao Châu Đệ Nhất Kiếm sĩ" Trịnh Tú lên đường cùng với sứ giả Giang Cự Vọng và phó sứ Vương Thiệu Tộ. Sứ đoàn ra khỏi kinh đô Hoa Lư vào buổi đầu mùa hạ, trời cuối xuân còn mát mẻ, tinh mơ mỗi ngày đã thấy vầng dương rực rỡ, cảnh vật khắp nơi thật êm đềm.

Lúc sứ lên đường, trăm quan mở lễ tiễn đưa, mỗi người đều nâng chén mời sứ một lần, rượu nhiều đến nỗi sứ phải đón chén lấy lệ, tạ từ nhận lời chúc lành chứ không dám uống thêm nữa.

Khoảng gần sang Ngọ, thì chén rượu tiễn sứ cuối cùng cũng đã xong, sứ giả Giang Cự Vọng ngấm men sâu quá mắt hoa chân bước chẳng vững, mấy lần lên ngựa mà vẫn không được, tướng hộ vệ là Trịnh Tú phải đỡ tay sứ mới lên ngựa được. Trăm họ cũng nô nức rủ nhau đi tiễn sứ, vợ con quân sĩ theo sứ đoàn cũng bịn rịn tiễn đưa, thôi thì đủ cả vui cười lẫn nước mắt, rồi trống giục chiêng khua, tướng quân Trịnh Tú phát lệnh cho quân tiến bước.

Phái bộ vừa ra khỏi cửa trấn thành châu Trường Yên chợt thấy có cụm bụi vấn, nhìn ra thấy xa xa có người đang cưỡi ngựa chạy lại. Trịnh Tú cau mày, nơi này là quan lộ phía Bắc trấn thành Trường Yên, nơi vẫn được tiếng là nghiêm nghị không có những việc xô bồ, sao hôm nay sứ bộ lên đường khắp nơi Trường Yên[*] đều biết mà lại có người phi ngựa chắn trước sứ đoàn? Tức thì Trịnh Tú giục ngựa lướt lên đón đường.

Hóa ra chẳng phải là kỵ sĩ mà là một đạo sĩ râu tóc bạc như mây, đạo bào cũ kỹ lẫn màu cùng cỏ cây đất đá không thể định rõ được là màu gì, may bằng vải gì, đạo sĩ cưỡi con trâu cũng lại gầy gò chẳng thua gì vóc vạc của đạo sĩ, nhưng con trâu gầy ấy lại có bước chân đi thật dũng mãnh so với mười cỗ ngựa mạnh chưa chắc đã khua được vẩn bụi lên như thế!

Trịnh Tú tướng quân ngẩn người, đạo sĩ lạ mặt này ông chưa hề gặp lần nào, cung cách đạo sĩ thật ung dung thư thái, thế mà tự nhiên tướng quân thấy nể sợ không dám hồ đồ lên tiếng. Khi ngựa trận suýt chạm vào đầu con trâu gầy, lúc ấy tướng quân mới lên tiếng:

(*) Đinh Tiên Hoàng người động Hoa Lư, sau khi được cả thiên hạ, lên ngôi, đóng đô ở các xã Trường Yên Thượng, Trường Yên Hạ, gọi là thành Hoa Lư Ninh Bình; đến đời Tiền Lê thì Ninh Bình cũng gọi là châu Trường Yên.

– Trưởng lão có việc gì cần kíp vào trấn thành? Người có điều gì dạy bảo?

Đạo sĩ cho trâu dừng bước, vẫn ngồi trên lưng trâu đạo sĩ bảo:

– Có phải tướng quân là Trịnh Tú đấy không?

Trịnh Tú là võ tướng nhưng tính tình thật hồn hậu, là trọng thần của triều đình danh vọng lớn lắm, thế mà có đạo sĩ lại có thái độ với những lời lẽ có phần bất kính như vậy cũng vẫn không làm cho tướng quân tức giận, ông bình tĩnh đáp:

– Chính tôi là Trịnh Tú, trưởng lão có việc gì thế?

Đạo sĩ không vội lên tiếng, ngồi trên lưng trâu gầy ông ngắm nghía Trịnh Tú rồi bảo:

– Hôm nay ngài cắp gươm đi giữ tính mạng cho sứ, sao lại chẳng biết tai họa sắp xảy ra, mạng mình còn chẳng giữ được còn dám nói là giữ được mạng cho người khác là thế nào?

Trịnh Tú kinh ngạc quá, tai họa nào sắp xảy ra, tính mạng nào chẳng giữ được, thế là thế nào? Ông thận trọng, vẫn giữ giọng ôn tồn hỏi:

– Thưa đạo trưởng, tính mạng thì ai cũng muốn giữ, tai họa hay phúc lành sắp đến thì dù hai mắt mở rộng thế mà chẳng ai trông thấy trước! Xin đạo trưởng chỉ bảo!

Đạo sĩ ngồi trên lưng trâu, bảo:

– Tướng tinh tướng quân là con Bạch Mã ở động La Phù, hấp thụ khí thiêng sông núi mà đi phò trợ cho tiên đế dựng nước. Nay lên đường vào chỗ "sư nhai" gặp con Hùng Hoàng sư thì thế nào cũng bị nó hại. Thân đã bị hại, ắt chẳng bảo hộ được cho quốc sứ, việc nước tất hỏng, người ra đi chịu trọng mệnh làm sao có thể bảo toàn được việc vua giao? Ta phải đến đây gặp tướng quân là vì thế!

Trịnh Tú lòng ngay thẳng trong sáng, không hề bao giờ lại có ý nghĩ quanh co, cho nên không hiểu rõ được những lời đạo sĩ nói, ông chỉ mang mang hiểu ra là đạo sĩ có ý nói: chuyến ra đi này gặp nhiều khó khăn nguy hiểm, ông khó bảo toàn được tính mạng, có ý lo lắng, liền thưa:

– Thưa đạo trưởng, tôi đã may mắn được đạo trưởng tìm đến chỉ bảo, ắt vững được mệnh, toàn thành được việc nước! Trước hết, xin đạo trưởng ban lời cho tôi được biết đạo trưởng tĩnh tu ở thiên nhai thiên động nào, để tôi được luôn luôn cầu gọi đến thần danh trên đường theo sứ lên Bắc.

Đạo sĩ dường như hơi mỉm cười, ông thong thả đáp:

– Cứ gọi ta là *La Đạo sĩ*[*] là được, ta theo mây mà đi, lấy núi rừng hay thôn ấp làm nhà ở đâu cũng được, tướng quân chẳng cần biết rõ làm gì. Còn việc của tướng quân, đấy là việc trời ta không thể tiết lộ được, nhưng có thể chỉ dẫn cho ít điều, như vậy mới không phạm vào tội "tiết lộ thiên cơ"! Vậy tướng quân hãy nhớ: "khi nào con hùng sư gầm ấy là lúc nó dễ sơ hở nhất, khi nào con hùng sư ngáp ngủ ấy là lúc tai họa dễ đến", việc đi sứ là của người, nhưng việc sống hay chết thành hay bại lại ở trong tay tướng quân, đừng quên lúc phải dụng văn khi thì lại phải diễn võ! Tướng quân giữ được mạng, ấy là giữ được tròn lệnh quân vương. Thôi thế là đủ, ta đi!

La Đạo sĩ dứt lời, tay chẳng chuyển động, thân hình vẫn ngay ngắn trên lưng trâu gầy, thế mà trâu gầy như hiểu rõ ý chủ liền cất bước, bước chân trâu đi khoan thai, thế mà tay kiếm sĩ lẫy lừng với thân thủ cực khinh khoái vội đi theo toan hỏi ít điều mà không sao theo kịp! Chỉ trong một thoáng là hình ảnh đạo sĩ râu tóc trắng như mây với con trâu gầy trơ xương đã lẫn vào lớp bụi mỏng mất hút ở phía Đông! Tướng quân Trịnh Tú ngẩn người rồi thong thả cho ngựa quay đầu trở lại.

Tướng quân kinh ngạc, chỉ mới giục ngựa chạy theo đạo sĩ với con trâu gầy có vài chục bước, thế mà quay lại chẳng thấy sứ giả với đoàn tùy tùng ở đâu, chỉ thấy đường xa hun hút vắng vẻ, nắng ban mai cuối xuân rực rỡ! Tướng quân hốt nhiên tỉnh ngộ, hóa ra đạo sĩ thần tiên đã dùng phép "rút đất" giúp trâu gầy một bước đi vượt cả dặm đường, thần mã của tướng quân chạy theo cũng được hưởng đôi chút phép thần cho nên chỉ trong chớp mắt đã đi được xa đến như thế! Trịnh Tú miên man nghĩ ngợi đủ thứ,

---

(*) Người ta báo đây chính là Ấp Lăng Chân Nhân, *theo* Đại Nam Nhất Thống Chí (ĐNNTC) *thì Chân Nhân là người ở thôn Nhân Phẩm, tổng Thần Phù, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Thần họ La, tên húy là Viên. Theo lời chua trong* Minh Lương thi tập *thì Viên là người xã Nhuệ Trai huyện Thuần Kênh (huyện Hậu Lộc), là đạo sĩ thời Hùng Vương. Khi vương đi đánh giặc ở phương Nam, đến cửa biển bị gió ngăn trở đến hơn một tháng, vương bèn trai giới, rồi sai Viên cỡi thuyền đi trước, đo đấy biển không nổi sóng. Khi trở về, Viên mất ở dọc đường, vương hạ chiếu phong là Ấp Lăng Chân Nhân, lập đền ở phía Nam cửa biển Thần Phù, cho số quân mà Viên đã thống suất khi trước ở lại đấy phụng thờ, tức là các thôn Nhân Phẩm, Phù Sa và Anh Tụy thuộc tổng Thần Phù bây giờ. Đời Lê Quang Hưng (1578-1599), quan quân đi đánh nhà Mạc, qua đây gặp sóng gió, chợt thấy một ông già đầu tóc bạc phơ, chèo chiếc thuyền nhỏ, thuyền đi đến đâu sóng gió im đến đấy, có lẽ là do thần hiển linh giúp sức, vì thế nhà vua cho thôn Nhân Phẩm được thu tiền đò ngang để phụng thờ.*

thắc mắc mãi với những lời dặn dò của đạo sĩ thần tiên, chẳng hiểu rõ ý nghĩa những lời mơ hồ ấy, chỉ loáng thoáng hiểu là đạo sĩ dặn "hãy tỉnh táo lúc dụng văn cho êm nhẹ, lúc dụng võ phải quyết liệt cương cường, để bảo toàn mạng mình mà cũng là gìn giữ được mạng cho sứ."

Tướng quân định hướng rồi quay lại chỗ cũ, loay hoay cũng phải vài tuần hương (cách tính thời gian theo cây hương dốt cháy hết) mới trở về được đến chỗ cũ. Vẫn thấy Giang Cự Vọng ngất ngưởng trên lưng ngựa, quân hộ tống có người cũng lảo đảo chẳng thua gì chủ!

Chiều tối hôm ấy, sứ đoàn đã đi được xa, đường vạn dặm hướng lên phía Bắc qua rừng qua núi cực kỳ vất vả, đi trước sứ đoàn là tế tác dò đường, theo cùng sứ đoàn là tế tác thám tử vâng lệnh triều đình đi theo sứ, lại canh cánh trong lòng lời quan nhiếp chính Thập Đạo Tướng quân dặn dò Giang sứ giả mà cũng là dặn cả đoàn tế tác: "Tống triều không phải là chưa nghĩ đến việc xua quân đánh chiếm nước ta, mà chính vì việc ấy mới phải có việc sứ đi nghị hòa cầu được có thời gian chậm lại để ta sửa soạn cuộc chiến tranh, vì vậy bên trong sứ giả phải kín đáo xem xét tính toán cùng những cử động của triều Tống, bên ngoài tế tác phải hết sức đi lại thu thập cho được nhiều tin tức các nơi từ đế kinh nhà Tống về đến tận biên cương nước ta, xem nó động tĩnh thế nào, nó sửa soạn khởi binh ra sao", vì vậy sứ đoàn ra đi có tế tác giả trang đi theo đông lắm.

Sứ đoàn từ Hoa Lư ra Bắc, đi theo ngả núi Đồng Lư, Tam Đái, rồi vượt dòng Bạch Hạc lên Phong Châu, qua Cổ Loa, hướng ra biên ải. Đường đi thật gian nan vất vả, tướng quân Trịnh Tú nhiều lúc thấy trong lòng bồi hồi nhớ lại những ngày chưa xa lúc thiên hạ còn náo động, chúng anh hùng Hoa Lư tung hoành đánh dẹp các nơi, quốc sự mới an định đã lại phải hưng binh cự ngoại! Qua nhiều nơi, tướng quân như còn nghe thấy tiếng quân reo ngựa hí, chiến trận tưng bừng cố kịp thời gian để chặn bước của Triệu Khuông Dẫn, những ngày ấy chưa xa thì nay sắp đến lúc mối lo của Động chúa Hoa Lư đã thành sự thật: Tống triều sắp đem quân đánh chiếm Đại Cồ Việt!

Đường đi lúc qua vùng Bắc Bồ Điền, tướng quân thấy bồi hồi xúc động, giơ tay chỉ một vùng đồng ruộng xanh mướt, loáng thoáng thôn làng cảnh đẹp như trong tranh rồi nói với Giang Cự Vọng:

– Ngày trước, ở nơi này có bậc kỳ tài giết tham tàn, đốt nhà bỏ quê hương rồi vào Hoa Lư giúp dỡ cho Tiên đế, ngày nay trong trận chiến lần này chắc còn khốc liệt hơn xưa gấp bội, chẳng còn biết có bậc thần trí nào ra giúp hay không?

Giang Cự Vọng nói:

– Ngày ấy cả cõi Giao Châu ta nghe danh quân sư Lê Thảo, xét trong thiên hạ hiếm có hiền tài như vậy. Ngày nay, giang sơn mới thu về một mối, nền tảng đất nước mới dựng chưa được lâu dài, nhưng chúng hùng tướng thì cũng nhờ thế mà vẫn còn tinh nhuệ, phép chiến trận vẫn ở hồi đang thịnh, quân binh chưa hề xao nhãng việc doanh trại. Ta có thể yên lòng được, vả lại ta còn có quan Nhiếp chính...

Trịnh Tú buột miệng hỏi ngay:

– Ông thấy quan Nhiếp chính thế nào?

Giang Cự Vọng đã không đáp câu hỏi, lại hỏi lại Trịnh Tú:

– Ông thấy thế nào?

Trịnh Tú ngập ngừng một chút rồi đáp ngay, giọng quả quyết:

– Với ông Lê Hoàn, thì các tướng chẳng ai xa lạ gì, ngày trước ở với nhau mấy chục năm, cùng nhau vào ra trận mạc, ai cũng phải nhận là ông ấy giỏi việc võ, là vị tướng khéo cầm quân, lại chú trọng đến văn tài, đến khi cáng đáng việc triều đình thì mới tỏ rõ được là bậc hùng tài, tôi không thấy ông ấy có điều gì đáng chê trách hay nghi ngờ cả! Duy có việc gần đây hình như ông ấy có nhiều đổi khác!

Giang Cự Vọng suy nghĩ, rồi hỏi:

– Đổi khác thế nào, còn việc ai cũng nói đến là việc ra vào hậu cung của tiên đế thì sao?

Trịnh Tú thận trọng đáp:

– Chẳng phải chỉ mới đây sau khi tiên đế băng hà mới thế, mà triều đình ai cũng nhận thấy ông Lê Hoàn binh quyền một tay nắm giữ, lại thân cận tiên đế, cho nên từ lâu rồi ông ấy có phần phô trương quyền lực, có lúc còn vượt cả phận vua tôi, đấy là điều triều đình lo lắng. Rồi đến việc đi lại với hậu cung, thì ngay từ khi tiên đế chưa dựng xong đại nghiệp việc ấy cũng đã xảy ra!

Giang Cự Vọng im lặng, có ý đợi nghe, khiến cho Trịnh Tú tuy đã thận trọng nhưng trót dã nói ra đôi chút, thành ra dù có sợ cũng không thể gỡ lại được, dành là nói thẳng ra, ông tiếp:

– Ông là người không cùng ăn cơm khô uống nước dồng trong những ngày ấy cho nên không biết, còn thì ai chẳng biết nhiều lần ông Lê Hoàn những ngày ấy gặp gỡ Dương thị trên sông nước ở Yên Khánh, mới đầu còn kín đáo, sau thì như thể công khai, đến nỗi người đời vì thế mỉa mai,

nhiều điều tiếng ra vào, lại còn thay đổi cả tên sông đi gọi là sông Vân Sàng nữa[*], thế thì việc ấy là có thật, có điều trái đạo hay không thì tôi không biết!

Giang Cự Vọng nghe Trịnh Tú nói thì trầm ngâm, rồi cũng lại thận trọng bảo:

– Việc người ngoài đi lại hậu cung của vua chúa, xưa nay không phải là điều hiếm, mà là việc cũng thường xảy ra! Việc ông Lê Hoàn là có thật! Duy có điều, giữa lúc thế nước có thể nghiêng đổ, có người hùng tài đứng ra chèo chống, đưa thân gánh vác việc nước khiến cho cái rủi lại thành cái may đấy! Giả thử tiên đế không gặp nạn thì không biết liệu có việc ông ấy tiếm quyền rồi tiếm ngôi không thì không biết, nay ông ấy được triều đình cử giữ trọng trách Nhiếp Chính có khi lại là số trời định trước để giữ yên được việc bên trong, ổn định được việc bên ngoài, phá được thế nguy cũng không chừng!

Giang Cự Vọng không nói rõ hẳn ý nghĩa sự việc khiến Trịnh Tú thắc mắc, cho nên lại hỏi:

– Như ông nghĩ riêng, thì thế nào?

Giang Cự Vọng vẫn thận trọng nhưng đáp ngay:

– Nếu tiên đế không lâm nạn, tôi quyết chắc không có việc quan Thập Đạo dám làm việc phản nghịch. Thế thì, sau khi Tiên đế lâm nạn, nhìn khắp triều đình có ai là người hơn được ông ấy để ngồi ở ghế Nhiếp Chính? Giả thử, mai kia việc nước đến hồi gian nan, bên ngoài phải lo cự giặc, bên trong phải giữ cho được triều đình ổn định, thì liệu lúc ấy triều đình có còn thật lòng hướng cả vào Hoàng đế tuổi còn thơ ấu để đợi chờ được thánh ý sai khiến hay không? Ai là người trong hoàng tộc tức vị thay

---

(*) Dòng Sinh Khuyết chia nhánh tạo thành ngã ba Non Nước, tỉnh Nam Định, rồi vào ngã ba Vũ Lâm (tục gọi là kênh Khát), xuống phía Nam huyện Yên Khánh, Ninh Bình, con sông gọi tên là "Vân Sàng" tiếp tục vào ngã ba Yên Đãng và ngã ba Yên Phú, (thuộc huyện Yên Khánh), lại chảy qua ngã ba Liên Trì thuộc huyện Yên Mô đến địa phận xã Trinh Nữ gọi là sông Trinh Nữ, đến Ngã ba Hồ, qua núi Ngọc Thổ, gọi là kênh Ngọc Thổ, đến ngã ba Bồ Xuyên đổ vào cửa sông Thần Phù (trước là cửa biển Thần Phù), đấy là chi lưu tắt. Còn từ sông Bạch Hổ (tức hạ lưu sông Trinh Nữ), chảy về phía Đông Nam đổ vào địa phận thôn Càn, thì gọi là sông Càn (trước là cửa Càn, đấy là phần lưu). Sở dĩ gọi là sông "Vân Sàng" tục truyền là cái giường mây nước giao hợp, vì Dương hậu (hậu phi của Đinh Tiên Hoàng) đặt thuyền giường ở trên sông để đón Lê Hoàn, vì Lê Hoàn có khí tượng đế vương nên khi Lê Hoàn đến, có sắc mây hiện hiện nên gọi là "Vân Sàng" Giường Mây.(ĐNNTC)

tiên đế chỉ xử trăm việc dược, trăm quan còn biết trông mong vào đâu ngoài ngài Nhiếp Chính Thập Đạo Tướng quân nữa!

Giang Cự Vọng thận trọng nhưng cũng đã hé đôi

chút nỗi lòng để Trịnh Tú biết, Tú hăng hái nói ngay:

– Đúng thế! Ông nhìn xa trông rộng, dám vượt dạo lý nhất thời để tìm an định lâu dài cho giang sơn đất nước, chính là thái độ phải có của kẻ sĩ! Việc mai sau, ta sẽ biết, còn bây giờ tôi nghĩ: sứ mạng của ông là làm sao giữa cái thế chông chênh của Đại Cồ Việt ta lúc này, trăm điều khó chưa thấy có một điều dễ, lưỡi ông nói sao để khuất phục được Tống đế, tay ông làm sao xua lui được trăm tướng vài chục muôn binh giặc dữ, đấy là điều khó! Có khi ông phải nói rõ cả nghĩ ngợi của mình ra cho Tống đế nghe cũng nên!

Đến lượt Giang Cự Vọng hỏi:

– Như ông vừa nói, thì có khi tôi phải nói cả nghĩ ngợi của mình cho Tống đế nghe, là nói cái gì?

– Ông còn hỏi thêm! Chẳng nói tình thế triều đại ta thì còn nói việc gì nữa! Chỉ có điều, tất thế nào họ cũng bắt bẻ đủ điều, giở cái giọng "lớn hiếp bé cố cựu của nó" ra, liệu ông phải nói thế nào?

Giang Cự Vọng trầm ngâm, rồi đáp:

– Quả thật tôi nghĩ ngợi nhiều lắm về việc ấy. Ta dù không nói, chắc chắn họ cũng biết, quanh ta tế tác của họ ở đâu chẳng có, thế thì việc cầu phong của ta chẳng qua chỉ là cái cớ cốt để trì hoãn việc chiến tranh thế nào cũng có, như vậy cho dù ta có biện luận đến đâu chăng nữa chắc cũng không xong, chỉ còn có việc trì hoãn được đến đâu hay đến đấy, việc ta nói ra có ảnh hưởng mai sau đến vua quan binh tướng của họ trong chiến trận mà thôi!

Trên đường đi, sứ giả họ Giang có lần bảo Trịnh Tú:

– Ngày xưa tiên đế tung hoành thu giang sơn về một mối, ông góp một tay kiếm lấy lừng, Hoa Lư đi lại trong thiên hạ chẳng còn thiếu nơi nào, thế thì ông nghĩ mai này nhà Tống sẽ dụng binh ra sao?

Trịnh Tú không đáp ngay, ông nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Ngày trước, hành động của Hoa Lư có lúc khoan thai chậm rãi, có lúc lại gấp rút vội vàng, hồi ấy tiên đế tuy chú trọng vào việc quân nhưng lại dẫn đo nhiều lắm về chính trị, cho nên ngài hành động cốt sao giữ cho Triệu Khuông Dẫn muốn xuống Nam ngay cũng không dám, nhờ thế mà tiên đế xong được việc nước. Nay, việc đã đổi khác chẳng ai ngờ trước được, ông lĩnh mệnh đi cản chiến tranh là một việc, còn chiến tranh

thì phải xảy ra lại là việc của người cầm quân. Ngày trước, tôi theo tiên đế vào thiên hạ, chỉ là vâng theo mệnh lệnh của ngài chứ chẳng phải là tự ý bài binh lập trận, vì thế ông hỏi tôi thấy khó trả lời! Tuy vậy, tôi thấy một điều: ngày trước tiên đế đánh dẹp các sứ quân, binh tướng của ngài cũng không đi quá Cổ Loa, chẳng ra đến miền biển, nay thật sự phải cự chiến đuổi binh ngoài, tất triều đình không thể không nghĩ đến những việc liên quan đến chiến trận, chiến trận miền núi, chiến trận miền xuôi, chiến trận trên sông nước, tôi nghĩ tất cả những việc ấy tướng cầm quân của ta không thể không tính toán tới...

Giang Cự Vọng ngắt lời Trịnh Tú hỏi:

– Như ông thấy, triều ta lúc này ai là người thay được tiên đế để dàn xếp mọi việc, cầm quân đuổi giặc?

Trịnh Tú đăm đăm nhìn Giang Cự Vọng, rồi đáp:

– ông muốn thử tôi chăng? Lúc này chỉ có quan Nhiếp chính Lê Hoàn là người cầm binh quyền, ông ấy là tướng giỏi, tất việc quân sẽ phải trông mong vào tay ông ấy. Còn ông hỏi "ai là người thay được tiên đế để dàn xếp mọi việc" thì tôi không dám nghe câu hỏi ấy! Triều đình tất sẽ tìm cách gỡ ra được những khó khăn, ông đang đi cầu phong cho tân quân, như thế thì còn có gì phải bàn thêm nữa!

Chợt Giang Cự Vọng chuyển sang việc khác, ông hỏi:

– Như ông thấy, dù trước kia các tướng của Hoa Lư không đi quá Cổ Loa, không ra đến miền biển, nhưng sau thì giang sơn thu về một mối, triều đình cai trị toàn cõi Giao Châu, tất là phải biết rõ nhà mình, vậy mai này lúc giặc vào nước ta, ông nghĩ nó sẽ đi những đường nào?

Câu hỏi này, chắc hẳn là cả triều đình Đại Cồ Việt thường nghĩ đến, cho nên Trịnh Tú đáp:

– Nước ta chung biên giới với Bắc phương, tuy thế không phải là nơi nào cũng là đường qua lại được. Vả lại, Nam Bắc thông thương có đường bộ, có đường thủy, đường bộ thường theo ngả quan lộ qua trấn ải Lạng Sơn, đường thủy thì thuyền lớn nhỏ đều có thể đi theo nhiều lối vào nhiều cửa bể cửa sông, thậm chí còn đi mãi được xuống phía Nam tới tận Chiêm Thành, vì vậy nhân chuyến đi này ta cũng nên chú tâm xem xét xem nhà Tống định xuất quân theo những ngả nào?

Giang Cự Vọng gật gù, bảo:

– Việc chưa xa, ấy là lúc nhà Nam Hán cho quân xuống Giao Châu, ngày ấy Hán chủ sai thái tử là Hoằng Thao đem quân lấy Giao Châu, Hoằng Thao không đi đường bộ mà lại chỉ đi đường biển, cuối cùng thì từ biển vào cửa sông Bạch Đằng rồi gặp phải quân của ông Ngô Quyền.

Ngô Quyền đại phá thủy quân Nam Hán, ngay bên sông bắt sống rồi chém đầu thái tử Hoằng Thao khiến Hán chủ nghe tin phát khóc rống ngay trên ngai vàng, sợ mà không dám đem quân đánh báo thù nữa. Như vậy thì đường bộ thuận tiện tất dễ phòng giữ, đường biển bao la khó đề phòng nhưng lại không phải là lối nào cũng vào được nội địa, quân Nam Hán chọn đường sông Bạch Đằng, tất đường ấy là đường lợi hại hơn cả. Ta nên để ý.

Sứ bộ trèo đèo lội suối đi ròng rã cả tháng trời mới ra đến biên ải, ấy là trên đường đi qua nơi nào cũng được đón tiếp giúp đỡ trọng hậu, đổi ngựa, lấy lương, cho đến khi sắp vào đến trấn ải Lạng Sơn thì trời đã tối không kịp vượt nốt chặng đường chừng năm ba dặm đường rừng, sứ bộ dành tạm dừng ở quốc biên Nam Quan sát châu Bằng Tường. Chúng quân hộ tống vâng lệnh sứ giả Giang Cự Vọng phát cỏ phá bụi rậm, tạm dựng lều trên nền đất dưới những tàn cây cao ngất trời làm nơi tạm trú.

Sứ giả Giang Cự Vọng nói với Trịnh Tú:

– Ta nghỉ lại nơi đây, ông là người cầm quân nên biết địa hình địa vật các nơi. Như ở đây, có rặng núi Kháo (Kháo Sơn, tỉnh Lạng Sơn), núi này cách châu Ôn mười một dặm về phía tây, một ngọn ở phía tây nam cao lớn, một ngọn ở phía tây bắc hơi thấp bé, hai ngọn liền nhau, ngọn cao ngọn thấp quay vào nhau như hình mẹ con, cho nên tục gọi là "kháo mẹ, kháo con", trên đỉnh Kháo mẹ có khe nước chảy xuống chân núi, nước này thật trong vị ngọt như sương đêm, tục gọi là nước trường sinh (trường sinh thủy). Trên hai đỉnh núi đều có hai con đường lớn cho sứ bộ đi, khách buôn đi lại cũng thường đi trên đường này, vậy tướng quân đến xem cho biết, lại hứng lấy một khạp nước khe núi Kháo đem về cho tôi!

Trịnh Tú kinh ngạc, chẳng lẽ Giang Cự Vọng muốn uống nước trường sinh ấy lại sai ông đi hứng về hay sao, nghĩ thì nghĩ nhưng tướng quân cũng lẳng lặng không nói. Giang Cự Vọng thấy thế lại bảo:

– Lúc lấy nước đem về, ông nên đi đường núi Tam Thanh cho tiện, nhân thể xem hòn Vọng Phu, rồi nhặt cho tôi một tảng đá lớn khoảng hai đầu người là được, nhớ chọn hòn nào có màu càng gần với màu đỏ càng tốt!

Trịnh Tú càng ngạc nhiên, nhưng vẫn lẳng lặng nghe lời, tưởng như thế đã là hết, nào ngờ Giang Cự Vọng chưa thôi nói tiếp:

– Lúc về qua nơi kẻ chợ nhà dân, tướng quân nhớ hỏi tìm hạt Kim Anh nấu thành cao rồi đem về cho tôi một ít nhé!

Lần này thì Trịnh Tú chẳng còn thắc mắc làm gì, ông lĩnh mệnh lẳng lặng ra đi cùng với mấy người quân. Trên đường đi, chẳng phải chỉ riêng Trịnh Tú thắc mắc với những điều sứ giả Giang Cự Vọng nói, mà mấy người quân cũng không kém thắc mắc như ông.

Khi ngắm cảnh Kháo sơn, khe nước chảy, tướng quân cùng mấy người quân như quên hẳn mọi thắc mắc, tranh nhau khen cảnh đất nước giang sơn đẹp tuyệt vời, rồi khi uống nước khe thì mới thật hả hê, chưa ở đâu lại có thứ nước trong dễ thường còn hơn cả sương đêm, đã thế nước cực tinh khiết thoang thoảng mùi rễ quý cây rừng như mùi hoa hồng mà chẳng phải là hoa hồng, hương còn phảng phất như có mùi hoa quế. Đến khi uống vào, thì cả bọn lại thi nhau nói là "tiếc rằng bụng có hạn, không uống hết được nước khe cho thật thỏa mãn!" Nước ngọt hơn nước mưa hứng trên đỉnh núi, uống vào thấy mát lạnh như có băng tuyết đang tan chảy trong dạ dày, rồi lát sau thấy tinh thần như đổi khác cực minh mẫn, đầu óc nhẹ lâng lâng, thân thể thấy ấm áp dị thường, vừa mới mát đấy lại hóa ra ấm ngay, ai cũng cảm thấy như sức lực vừa tăng gấp bội.

Đường về qua núi Tam Thanh, cả bọn theo tế tác ngẩn ngơ ngắm hòn Vọng Phu sừng sững, hình ảnh người chinh phụ ôm con đứng nhìn ra biển đông làm cho cả bọn tự nhiên thấy bồi hồi xúc động.

Ngắm rồi núi Vọng Phu rồi, Trịnh Tú chọn một tảng đá lớn màu đỏ đất, sai quân chất lên lưng ngựa đem về. Lúc qua nơi cư dân, tìm đến chốn kẻ chợ, tướng quân hỏi tìm thu được một bao lớn hạt Kim Anh sai đem nấu thành cao. Như thế, những thứ Giang Cự Vọng dặn tìm đã đủ cả, không thiếu thứ gì, nghĩ hoài đến núi Vọng Phu[*] tướng quân có thắc mắc rồi lại nghĩ: tất sứ có lúc dụng đến những thứ ấy, cứ nén lòng chờ thế nào cũng được biết cả!

Đón nhận ba thứ Trịnh Tú đem về, Giang Cự Vọng sai quân đi kiếm tre rừng ở thung lũng đèo Khau Cấp (tức Kỳ Lừa), chọn những cây trăm tuổi đã ra hoa, đem về giàng thành cáng chất mười tám ống tre lớn đốt dài, mỗi đốt chứa đầy nước khe núi Kháo. Lại lấy tre ấy đan thành năm hộp bao nhỏ đem cao hạt Kim Anh bỏ vào, dùng dây tơ hồng khâu kín nắp hộp bao lại. Riêng tảng đá thì Giang Cự Vọng bảo Trịnh Tú:

– Việc này phải nhờ đến kiếm báu của tướng quân, nhờ tướng quân gọt đá cho tàm tạm giống hình quả tim là được!

Trịnh Tú nghe lời, đem gươm đẽo gọt đá thành hình mường tượng như quả tim lớn, ông thắc mắc không hiểu Giang Cự Vọng đi sứ sao lại

---

(*) Đến đời nhà Trần, lúc Đại Vương Trần Quốc Tuấn đem binh đánh đuổi quân Nguyên, tướng quân Phạm Ngũ Lão qua nơi này, gặp kỳ tích núi Vọng Phu, rồi đúng khi giặc bị tan thì cũng là lúc sét đánh trúng hòn Vọng Phu này, núi đổ xuống, người đời thấy thế thì bảo rằng từ đây chẳng còn chiến tranh, kiếp vọng phu của người chinh phụ từ đây cũng hết! Nhưng việc không phải thế! Xin độc giả xem kỳ tích này trong bộ BẮN RỤNG MẶT TRỜI của Vũ Ngọc Đĩnh.

báo sửa soạn toàn những thứ lôi thôi lạ lùng như thế này. Trịnh Tú đem thắc mắc hỏi, thì Giang Cự Vọng bảo:

– Phương Bắc đất rộng bao la, giàu muôn ức vạn tải, nước ta so với nước họ chẳng khác nào như một đốt ngón tay trong cả bàn tay, lễ vật cầu hòa của ta dâng lên cho đủ được lòng tham của họ thì phải là dâng cả nước mà chưa chắc họ đã thỏa lòng! Thế thì, lễ chẳng cầu lớn, nhưng cốt làm sao để họ phải chịu là hơn cả, vì thế mới có những thứ tướng quân vừa dem về! Trong bảy hòm lễ vật, thật ra cái vỏ trông thì lớn lắm, kỳ thực ruột nó chẳng đáng là bao, thôi thì cứ để đến lúc ấy tướng quân khắc biết!

Trịnh Tú thôi không hỏi nữa, tạm dẹp thắc mắc để lo việc an toàn cho sứ bộ.

Xế trưa hôm ấy, sứ bộ bắt đầu vào ải địa đầu, vẫn tướng quân Trịnh Tú cưỡi con Ô Long ngày nào đoạt được của tướng Lê Hoạt Hoàng, triều Ngô, lúc Nam Tấn Vương đem binh từ Cổ Loa xuống đánh Hoa Lư. Con ngựa cao lớn đi qua cửa ải khiến tướng quân Trịnh Tú phải cúi đầu xuống. Ngựa bước đi chậm chậm, đầu cúi xuống, Trịnh Tú chợt thấy choáng váng: trên vòm cửa ải có hòn đá lớn giáng xuống trúng ngay lưng sát cần cổ, may mà tướng quân cúi đầu nếu không tất hòn đá đập trúng đầu!

Trịnh Tú không biết, và cũng chẳng người nào biết sự thể tại sao lại có đá rơi xuống như vậy? Nguyên, ải quan nơi rừng núi nhiều thú dữ rắn độc thường hay qua lại, trên vòm ải quan đá tảng nhấp nhô dây leo chằng chịt, có cặp rắn lớn lắm da trắng điểm những hoa vàng thật đẹp, cặp rắn đến làm tổ ở hốc đá ấy từ bao giờ thì không ai biết, lâu ngày hai con rắn gây họa cho nhiều người qua lại ải quan mà chẳng ai hiểu tại sao những người ấy lúc mới bước vào cửa ải lại ngã xuống chết thật mau lẹ chẳng có thương tích gì như thế? Khám xét, chỉ thấy kẻ gặp nạn mình mẩy tím đen, rõ ràng là bị trúng độc mạnh lắm, độc gì thì chẳng ai biết? Bây giờ, Trịnh Tú qua ải, ngựa Ô Long cao lớn khác thường, lại thêm vóc người ông cũng cao, hơi gầy, khi ngồi thẳng trên lưng ngựa thì cao lắm, vì vậy lúc lại gần vòm ải quan bóng dáng ông chợt làm cho cặp rắn hốt hoảng, nó chuyển mình phóng ra làm rớt một tảng đá lớn xuống dập trúng Trịnh Tú.

Trịnh Tú là võ tướng tài giỏi, cặp mắt của tay nhuệ kiếm hàng đầu cõi Giao Châu dù trong lúc thảng thốt choáng váng cũng nhận ra ngay có sự khác lạ. Tức thì tay tự động chạm vào gươm, tất cả mọi người không ai hiểu có gì lạ chỉ thấy con Ô Long như một vệt khói đen ào ngược trở lại, tay kiếm của Trịnh Tú triển ra lóe lên mấy đường.

Việc xảy ra cực nhanh, chỉ khi con thần mã Ô Long dừng vó, tay gươm Trịnh Tú cũng thu về, lúc ấy mọi người mới kịp kinh hãi với xác hai con rắn

lớn quá, con nào cũng bị chém đứt làm năm sáu đoạn! Rồi Tú lại xuống ngựa dùng gươm báu băm hai đầu rắn thành bùn nhão, bảo rằng: "để nọc độc khủng khiếp của loài bạch xà này khỏi vương vãi gây họa cho người đời", việc làm này của Trịnh Tú khiến sinh kỳ sự mà ông không biết!

Từ đấy, thiên hạ mới biết tai nạn chết người lúc qua cửa ải là do ở hai con rắn này. Nhờ Trịnh Tú, tai họa Hoàng Hoa Bạch Xà từ đây chấm dứt, người đời nhớ việc này lại thêm vì mê tín nên dựng miếu ngay bên ải quan, khói hương thờ Thần Rắn!

Từ đây, qua ải quan nước Đại Cồ Việt rồi, sứ bộ đi trên giang sơn nhà Đại Tống, mỗi bước đường sứ đi tế tác hai nước đều trình về triều đình thật đầy đủ.

Và sứ bộ đã được lệnh của Tống đế cho vào triều bái kiến.

Giang Cự Vọng nghe lệnh, sửa sang lại y phục cho chỉnh tề, lại dặn Trịnh Tú:

– Ông deo gươm đi hộ vệ cho tôi, chẳng qua là để cho có lệ mà thôi, chứ bao giờ lại có việc đâm chém gì ở nơi này, vì vậy khi phải vào việc *võ* trước tiên ông cũng chỉ nên lấy *văn* mà xử với họ nhé!

Rồi lại dặn chúng quân hầu hãy hết sức nghiêm trang, cho dù có thế nào chăng nữa cũng phải hết sức thản nhiên, không được tỏ ra sợ sệt hay lạ lùng gì cả.

Sứ bộ theo chân quan nội chính vào đại điện, cả đoàn người mang lễ vật thì cùng Vương Thiệu Tộ đứng lại chờ ở trước cửa điện, chánh phó văn võ sứ đi thật nghiêm chỉnh, chung quanh biết bao nhiêu là sự lạ, thế mà chẳng một ai liếc mắt xem xét, chỉ một mực nhìn thẳng phía trước, chân bước đi ung dung như thể đang nhàn tản ở nhà mình!

Sứ bộ đi giữa triều đình trăm quan văn võ nhà Đại Tống, đại điện mênh mông, cột son nhiều như cây lớn trong rừng rậm, vàng son khắp chốn, trăm cặp mắt chú cả vào sứ đoàn, đại điện im phăng phắc.

Xa xa, tít trên cao, ngai vàng Tống đế ngự chưa trông rõ, chỉ thấy cả một vùng vàng son rực rỡ, vị Hoàng đế ngồi im như thể một pho tượng lớn.

Chánh sứ Giang Cự Vọng khoan thai bước tới, văn hài của ông dang dạp trên giang sơn Đại Tống, theo sau ông là tướng quân hộ tống phái bộ Đại Cồ Việt lặng lẽ bước đi, đại điện không một tiếng động.

Rồi quan trấn điện lên tiếng, nghe rõ ràng là mệnh lệnh, đúng vào lúc Giang Cự Vọng đến ngay bên bực thềm rồng đầu tiên, ông dừng bước, nghiêm trang nhìn lên cao thẳng vào Tống đế, rồi nâng tà áo, khoan thai quỳ xuống. Phía sau ông, tướng quân Trịnh Tú cũng quỳ xuống theo, Giang Cự Vọng lên tiếng thật rõ ràng:

– Muôn tâu thánh đế đại Tống đại hùng, thần, Giang Cự Vọng vâng lệnh Nam quốc chủ vượt vạn dặm xa đến dâng lời tôn chúc thánh đế "Cửu Như"(*), dâng tấu thư trình việc nước, dâng lễ phẩm tỏ lòng tôn kính đức thánh đế!

Dứt lời, Giang Cự Vọng kính cẩn lạy ba lạy, hai tay nâng hòm sơn son thếp vàng đựng ngự sớ của Hoàng đế triều Nam. Trên điện cao, tướng trấn điện vâng lệnh Tống đế bước xuống nhận hộp tấu thư, bảo:

– Thánh hoàng ban lệnh cho sứ bình thân!

Giang Cự Vọng lạy tạ rồi đứng lên, tướng quân Trịnh Tú cũng đứng lên theo.

Tống đế không mở hộp thư, ngài ban lời phán:

– Ngươi vâng lệnh chủ đem dâng lễ vật, ấy là điều hiếu thuận đúng nghĩa cha con(**), trẫm khen lòng thành ấy! Sao chủ ngươi không tới lạy mừng? Trước, trẫm đã phong tước cho cha con quốc chủ, như thế là ý trẫm đã rõ, bây giờ quốc chủ ngươi có được mạnh khỏe không?

Thật ra, Tống đế đã biết việc có biến tại triều đình nước Đại Cồ Việt, Tiên Hoàng ngộ nạn, nhưng cứ hỏi làm như chưa biết gì. Giang Cự Vọng không ngập ngừng đáp ngay:

– Muôn tâu thánh đế, ấy cũng chỉ vì việc quốc chủ nên thần mới vâng lệnh gấp lên đường đến trước thiên nhan! Trước khi trình việc nhỏ, thần xin được thay quốc chủ kính dâng lên sắc thư cùng lễ vật trước đã!

Giang Cự Vọng lấy lời lẽ cực nhún nhường nước nhỏ, không lời nào lại chẳng tôn xưng Tống triều khiến cho trên từ Tống đế xuống đến các hàng trăm quan văn võ ai cũng thấy hài lòng, chưa một ông nào thấy khó chịu, cả triều cứ im lặng xem xét sứ bộ, lắng nghe những lời đối đáp giữa Hoàng đế và sứ.

(*) Cửu Như là chín lời chúc từ trong Kinh Thi: Như sơn *giống như núi;* Như Phụ: *giống như gò;* Như Lãng: *giống gò nhỏ;* Như Xuyên chi phương chí: *giống sông chảy khắp nơi;* Như Cương chi thăng: *giống bờ cõi;* Như Nguyệt chi hằng: *sáng như mặt trăng;* Như Nhật chi thăng: *như mặt trời lên;* Như Nam Sơn chi thọ: *sống lâu như Nam Sơn;* Như tùng bá chi mậu: *xanh tươi như cây tùng cây bá. Đây là những lời chúc tụng có ý cực tôn vinh người được chúc.*

(**) Trước, Tống đế hạch sách đòi Đinh Tiên Hoàng đế phải sang chầu, Tiên Hoàng không chịu đi, Nam Việt Vương Đinh Liễn vì thế mới vâng lệnh Tiên Hoàng đi sứ, ngày ấy Đinh Tiên Hoàng đế được Tống đế phong làm Giao Chỉ Quận Vương, Đinh Liễn được phong là Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ, An Nam Đô Hộ.

Tống đế phán:

– Lần trước, trưởng tử quốc chủ tới lạy chào, ta đã đãi đằng trọng hậu, ban lời dạy bảo, lại cho làm lễ "được ôm gối để tỏ tình yêu thương"(*), rồi dặn nhắn lời quốc chủ phải tới hầu, thế mà quốc chủ nước ngươi lần này cũng chỉ sai sứ chứ không chịu tự thân đến lạy, đến như trưởng tử cũng không nỡ sai đi, như thế lẽ ra ta không nhận lễ phẩm mới phải!

Giang Cự Vọng nhẹ nhàng đáp:

– Muôn tâu thánh đế, việc nước mới xong, trăm việc bộn bề, lại tự nghĩ mình là người ở xa không hiểu lễ nghi đại triều phương Bắc, cho nên quốc chủ chưa kịp đích thân lên Bắc, thì cũng có ít việc không thường, thành ra thần lấy mệnh triều đình ra đi, kính tó lời tâu lên thánh đế rõ việc. Trước hết thần xin được dâng lễ vật!

Đoàn lễ vật lúc ấy mới có lệnh vào triều nội.

Hoàng đế cũng như cả Tống triều đều cười thầm trong bụng, thừa biết sứ nước Nam cố tình dâng lễ trước, nên Hoàng đế cũng lấy làm vui vui, ngài phán:

– Vậy, khanh hãy trình lễ vật xem sao!

Giang Cự Vọng vòng tay cung kính:

– Thần tuân lệnh!

Quay lại Trịnh Tú, sứ giả khẽ gật đầu.

Từ lúc sứ bộ vào triều, tướng quân Trịnh Tú đứng sau Giang Cự Vọng một bước chân, nghiêm trang nhìn thẳng, ông tuy giữ ý chẳng nhìn lâu Tống đế, cũng chẳng liếc nhìn chung quanh, nhưng cũng thấy rõ Tống đế là một người vóc dáng có phần cao, hơi gầy, mặt dài, phong độ. Tống Thái Tông đang hồi trung niên đẹp mà ung dung khỏe mạnh, miệng rộng với cặp môi dầy đỏ nhuận là tướng miệng chữ "Tú", nhiều tham vọng lẫn dục vọng: cặp mắt theo Nhân tướng thuật mà xét thì là loại mắt "Phụng thùy", tức mắt con phụng đang ngủ hơi xếch là tướng cực phú quý, đi với cặp mày "Xuân tâm" chân mày nhỏ mà xéo xuống, nằm cao không tán loạn, dài hơn mắt, cặp mắt với mày này dích thị là người cực quý, rất thông minh, ôn hòa và rất ham mê việc phòng the.

(*) Bắc triều thường cậy mình là nước lớn, đại cường, coi các nước chung quanh đều là các tiểu quốc thần thuộc chư hầu, nên mỗi khi có quốc chủ các nước ấy đến chầu hầu thì Hoàng đế thường cho được lên điện quỳ mà hôn đầu gối Hoàng đế. Ý là Hoàng đế tỏ tình thương yêu vua nước nhỏ ấy như "cha thương yêu con", vì vậy các vua nước ta tự trọng không một vị nào chịu lên Bắc Kinh chầu lạy các Hoàng đế Trung Quốc cả.

Trịnh Tú còn đang nghĩ ngợi về tướng mạo Tống đế, thì thấy hiệu của Giang Cự Vọng, liền vòng tay hành lễ hướng lên ngai vàng, rồi lẳng lặng quay gót đi ra.

Sứ giả Giang Cự Vọng thấy Tống đế không mở xem thư của Hoàng đế nước Đại Cồ Việt ngay, thì có phần mừng ở trong bụng, như thế dễ cho ông ăn nói lúc phải giải thích về các lễ vật, ông tin chắc: sau khi nhận lễ vật rồi thì Tống đế chắc cũng thấy khó viện những lý lẽ để trách cứ nước Nam, hoặc có trách cứ cũng không đến nỗi quá nặng lời!

Trịnh Tú trở lại với đám quân hầu nghiêm chỉnh khiêng các hòm rương lễ vật lên đại diện. Thông lệ, những ngoại vật chưa biết chắc là gì, đều không được đem vào đại điện, Giang Cự Vọng thấy: khi sứ đoàn đi đông người lại thêm các hành trang lễ phẩm nhiều đến thế vào triều mà chẳng thấy quan Điện Tiền ra lệnh gì cả, thì dù cũng biết như thế là không được nhưng ông cứ lẳng lặng làm như không biết mà đem cả sứ đoàn vào. Bây giờ, đến lượt Trịnh Tú lại đưa cả đám quân với ngần ấy hòm rương vào giữa triều thì quả là điều chưa từng thấy!

Trên điện cao, đức Thái Tông lẳng lặng quan sát, ngài tuy có phần khó chịu nhưng vẫn im lặng, tướng trấn điện thì có vẻ bứt rứt nhưng không thấy Hoàng đế phán bảo điều gì thì cũng đành đứng im.

Giang Cự Vọng vòng tay vái dài một vái, rồi lớn giọng tâu:

– Muôn tâu thánh đế đại hùng đại lượng, sứ thần tiểu quốc vâng lệnh chủ kính cẩn dâng lên thánh đế lễ vật phương Nam!

Ngần ấy trăm cặp mắt dồn cả vào sứ đoàn, vào những hòm rương bay ra giữa đại điện, ngần ấy cặp tai lắng nghe sứ nước Nam tâu bày, chẳng có quan nào lại không lạ lùng với cung cách của sứ bộ nước Nam!

Giang Cự Vọng tâu xong, không thấy Tống đế phán bảo điều gì, liền lại tiếp:

– Muôn tâu, bậc nhân thần ở ngôi chí cao, chúa tể muôn họ, thay Trời cao ngự trị cai quản thế gian, cho nên tất phải là bậc "đại hùng đại lực", không thể nào là người "thân yếu, lực thiểu "được! Lại nghĩ: ngửa mặt nhìn trời cao, thăm thẳm chốn tôn nghiêm chẳng thấy tôn nhan, ơn lớn ban mưa cho tốt mùa màng, ban nắng cho trăm loài được thịnh vượng, vì thế quốc chủ thần sai trước hết dâng lên thánh đế "cả giang sơn" ngửa xin được bao dung che chở!

Nghe sứ giả tâu trình, cả triều đình Đại Tống lấy làm kinh ngạc, có phải như thế là vua nước Nam muốn xin được đem nước dâng nhà Tống, cầu được làm địa vị thần tử, cha con hay không? Ngự trên ngai vàng cao xa, Tống Thái Tông trong lòng chẳng kém thắc mắc, ngài im lặng chưa vội ban lời phán bảo, còn đợi nghe cho rõ thêm nữa.

Giang Cự Vọng tâu xong, thấy Tống đế cùng cả triều đình im lặng, thì hiểu là tất cả mọi người thận trọng chưa quyết là ý nghĩa những lời tâu ấy ra sao, nên đợi chờ, ông quay lại tướng quân Trịnh Tú khẽ ra hiệu mở rương mây.

Theo chỉ dẫn của Giang Cự Vọng, Trịnh Tú nghiêm trang bước đến bên chiếc rương mây lớn, chính tướng quân cũng thắc mắc chẳng hiểu trong rương đựng thứ gì, chỉ thấy quân khiêng có phần nặng, rương có nắp đậy nhưng đan kín thành ra không thể mở được, chỉ có cách cắt bỏ những dường mây đan chung quanh nắp. Ngay từ lúc thoạt nhìn thấy những chiếc rương, Trịnh Tú đã nhận ra ngay: rương có nắp, không có chỗ mở nhưng đan kín cả, đường viền nắp đan bằng dây mây có nhuộm màu xanh lá cây chạy quanh, bây giờ tướng quân thật bình tĩnh, quỳ gối hướng lên diện cao, trịnh trọng rút thanh gươm ngắn hai tay dâng lên đầu rồi rạp mình xuống sàn đại điện hành đại lễ.

Trên diện cao, quan trấn điện vâng lệnh Tống đế ra lệnh cho sứ mở rương.

Trịnh Tú đứng lên, gươm báu nhẹ nhàng lướt một vòng quanh nắp rương mây, rồi tướng quân lui lại tra gươm vào bao, kính cẩn đứng phía sau sứ giả. Bây giờ thì Giang Cự Vọng mới bước tới, ông khẽ ra lệnh để bốn người quân bốn góc nâng nắp rương lên rồi đi sang một bên.

Trăm cặp mắt đổ dồn cả vào lòng rương, tướng quân Trịnh Tú ở gần kín đáo nhìn xem trong rương là thứ bảo vật gì.

Rương còn lớp vải xanh biếc bọc kín bảo vật, Giang Cự Vọng tự tay mở lớp bọc, bên trong lại là một tấm da bò sống mà mềm ngâm phèn trắng như lụa bạch, mở lớp da trắng là một lớp gì màu sắc không ra nâu, cũng chẳng là đen hay nâu, vàng, đỏ, lẫn lộn đủ màu... , bảo vật là thứ gì không thể ai hiểu được!

Trăm cặp mắt chăm chú nhìn, trăm bộ mặt đầy vẻ tò mò chẳng hiểu gì cả. Trên ngai vàng, Tống đế lên tiếng phán hỏi, chắc là ngài nóng lòng lắm rồi, cả giang sơn nước Nam là thứ gì thế, lạ lùng chưa bao giờ ngài lại thấy:

– Sứ giả, nước ngươi dâng giang sơn đất nước cầu xin ta che chở, giang sơn ấy thế nào, mau nói rõ ta nghe?

Giang Cự Vọng vẫn đứng thẳng, ông khẽ cúi đầu như làm lễ, rồi cao giọng tâu:

– Muôn tâu thánh đế đại hùng, đại quốc hùng cường hay tiểu quốc bần nhược, đều đứng trong trời đất, bên trong giang sơn là phạm vi đất đai, có sông núi cùng vạn vật. Như thế, thì biểu trưng cho giang sơn ấy

chính là đất đai, cho nên quốc chủ của thần sai thần đi vạn dặm đường, đem đất đai nước Nam lên Bắc đặt dưới chân thánh đế cầu được an hòa! Lễ vật đầu tiên thần thay chủ dâng lên thánh đế, là đất lấy ở khắp các miền giang sơn nước Nam!

Hóa ra lễ vật đầu tiên dâng lên Tống Thái Tông, là đất lấy trên đất nước Đại Cồ Việt! Từ đức Thái Tông xuống đến hàng trăm quan văn võ, thảy đều chưng hửng! Ai cũng tưởng là lễ vật cống phẩm cầu an của nước Nam phải là những châu báu dị vật chẳng có giá nào sánh được, hóa ra chỉ là nắm đất, là cả giang sơn nước Nam!

Tống đế hỏi, giọng mỉa mai:

– Hóa ra cống phẩm giang sơn của vua nước Nam là nắm đất chẳng đáng giá một mảnh giấy vụn! Vua nước Nam muốn xem thường trẫm có phải không?

Giang Cự Vọng thật bình tĩnh, ông đứng thẳng người đáp:

– Muôn tâu thánh đế minh trí, lẽ nào thánh đế lại còn nghi ngờ muốn thử lòng trung ái của quốc chủ của thần, cho nên thánh đế mới phán rằng cống phẩm của vua nước Nam chẳng đáng giá một mảnh giấy vụn, khiến thần mang trọng tội! Thần ngửa cổ cầu xin thánh đế ban lời dạy: giang sơn một nước, không giá trị hơn một mảnh giấy vụn, thế thì giang sơn nào mới là báu vật khiến trăm họ phải lấy xương xây thành quách gìn giữ lấy? Cả một giang sơn chẳng có mảy may giá trị như thế, thì từ vạn cổ đến ngày nay sao chẳng bao giờ thiếu việc quân ngoài vào lấy giang sơn của nơi khác, làm thành họa chiến tranh, khiến thây người chết chất cao còn hơn trăm rặng Thái sơn, như vậy thì lời dạy bảo của thánh đế làm thần thắc mắc!

Tống Thái Tông không biết phải nói sao, liền bảo:

– Vậy thì đất ở nước Nam quý báu thế nào?

– Muôn tâu thánh đế, đất thì ở nơi nào cũng giống nhau, nó quý không ở chỗ "nó chỉ là đất", mà quý ở chỗ "cái hồn của nó ". Hồn của đất, chính là hồn của một dân tộc, chẳng phải là nhờ đất mà trăm loài vạn vật có được sự sống hay sao, có sự sống, ấy là có hồn? Nay, quốc chủ của thần đem đất trên giang sơn mình dâng lên thánh đế chẳng phải là dâng cả giang sơn dân tộc mình lên đấng chúa tể là gì?!

Lại còn có việc "đất có hồn" nữa! Tống đế dịu giọng:

– Vậy thì ngươi nói về đất ấy cho trẫm nghe xem sao?

Giang Cự Vọng nghe giọng nói của Tống đế, ông vững vàng giảng:

– Tâu trình thánh đế, xưa ông họ Quản có kể: "Bá Cao tâu vua Hoàng đế rằng: chỗ đất nào trên có đan sa, tất dưới có hoàng kim... ".

Sứ giả lấy trong rương ra một bọc lụa trắng, trong là một khối cát đỏ kết chặt vào nhau, Cự Vọng hai tay kính cẩn dâng lên Tống đế, tâu:

– Tâu thánh đế, đây chính là đan sa nơi bên dưới có mỏ vàng, thế là quốc chủ của thần có ý đem cả kho tàng trên giang sơn mình dâng lên thánh đế!

Một khối đất cát đỏ, lại là cả kho tàng một nước, việc khó nghe nhưng biết nói sao đây? Tống đế cười nhạt, phán:

– Được, cả kho tàng giang sơn nước Nam đem dâng ta, ngoài vàng ra còn có gì nữa?

– Muôn tâu thánh đế đại minh đại trí, trong đất chẳng phải chỉ có vàng, cho nên ông Bá Cao còn bảo:"... nơi nào trên đất có từ thạch (đá nam châm), tất dưới có đồng; trên có đá sắc cạnh (lăng thạch), tất dưới có chì, thiếc, đồng đỏ; trên có son, tất dưới có sắt ". Ông họ Quản còn bảo Hoàn công rằng: Chỗ nào trên có chì, tất dưới có trú ngân (mỏ bạc); trên có đan sa, tất dưới có trú kim (mỏ vàng). Ấy là đất với núi quí thế! Ta phải rào kín, cấm giữ, vì đấy là kho của trời, nguồn lợi của đất!..

Nói đến loại đất nào, Giang Cự Vọng lại thản nhiên mà trịnh trọng lấy từ trong rương ra một bọc, khi thì là lụa trắng, khi thì là lụa vàng, lụa xanh, mỗi gói là một thứ đất bày cả ra trước điện để Tống đế và triều thần xem, rồi tiếp:

– Tâu thánh đế, quốc chủ của thần suy nghĩ nhiều ngày mới tìm ra được cách để bày tỏ chân ý chân tình, đem tiêu biểu của giang sơn lên Bắc làm lễ vật tuân phục, chẳng phải là trọng ý tốt lành hay sao! Trước khi ra đi, quốc chủ có dặn thần tâu lên thánh đế: "tiếc một điều, là danh sơn trong thiên hạ cứ 500 năm một lần phát nổ, núi nứt ra, lúc ấy tinh vàng chảy ra, ấy vậy tỏ ra vận trời khí đất quan hệ với nhau không phải là nhỏ", nhưng lúc này không đúng vận hội để quốc chủ được cơ hội đem vàng trong núi chảy ra mà dâng thánh đế!

Tướng quân Trịnh Tú vẫn nghiêm trang đứng hầu, ông đã hiểu được một lễ phẩm của Giang Cự Vọng dâng lên Tống đế, tướng quân cười thầm trong bụng, nghĩ:" mấy nắm đất chẳng đáng một vầy vàng nhỏ, thế mà lại là cả một giang sơn! Quả thật đầu óc ông Giang Cự Vọng đáng nể!".

Tống đế đành để giận sang một bên, ngài phán:

– Thôi được, cả giang sơn nước Nam đã dâng rồi, thế thì còn gì nữa mà phải dâng theo?!

Giang Cự Vọng nghe Tống đế phán, ông ra hiệu: xong lễ vật cống phẩm thứ nhất, đến lượt ba rương mây cống phẩm thứ nhì được khiêng đến cùng một lúc. Không biết trong ba rương đựng gì mà lại phải mở cùng một

lượt, Tống đế cũng như cả triều đình lại tò mò hăm hở chăm chú nhìn xem. Tướng quân Trịnh Tú theo hiệu của sứ giả, lại khoan thai trịnh trọng bước ra, rồi sau tay gươm mới lần lượt cắt dây mở ba rương lễ phẩm.

Giang Cự Vọng bước tới, ông đứng thẳng chứ không quỳ mà tâu, rằng:

– Muôn tâu thánh đế đại hòa, xưa nay đấng nhân thần thay trời ở ngôi chủ tể muôn họ muôn loài, khi đã định xong giang sơn tất lại nghĩ đến kế sách vạn đời gìn giữ cho giang sơn ấy được sống mãi, trăm họ an lạc ấm no, vì thế ông Thần Nông mới phải nạo óc nghĩ ra các phép sửa trị đất, nghĩ ra các cách làm ra lúa gạo nuôi dân, dân no ấm mới không sinh loạn, đời đời tiếp nối khiến sinh ra nhiều mỹ tục thuần phong. Xem như thế, thì dân no là điều lo trước tiên của đấng nhân thần, dân đói là mầm mống tai họa báo trước, đấng chủ tể không thể không nhìn ra, cho nên quốc chủ của thần nghĩ rằng: thánh đế đại trí tiếp nhận giang sơn của tiên vương đại hùng, giang sơn mới định cảnh can qua chưa xa lâu, tất thế nào cũng lo lắng nhiều đến việc an cư của muôn dân, no ấm của trăm họ, cho nên sai thần đi vạn dặm, nâng niu báu vật ấm no từ phương Nam lên dâng để tỏ ý: đã lĩnh ý được mối lo hiền đức của thánh đế hôm nay, xin được cung kính bái phục!

Tống Thái Tông cũng như triều thần của ngài nghe sứ nước Nam nói ra những lời bày tỏ tình hình đại Tống mới định, lại ra vẻ có ý khích bác việc nuôi dân, mường tượng ra chắc đây phải là những cống phẩm thuộc về đất đai sản sinh ra, nhưng chưa biết là những thứ gì. Tống đế nghiêm trang phán:

– Phải, giang sơn trẫm đại định, trăm họ an cư no ấm là điều rõ ràng, chung quanh hướng về thần phục là việc tự nhiên, nước Nam cũng biết thế mà tới tỏ ý xưng tụng, dâng cống phẩm lại nói là hiểu ý nên dâng báu vật ấm no là thế nào?

Giang Cự Vọng vẫn bình tĩnh, lại cao giọng:

– Muôn tâu thánh đế, muôn loài nhờ ở đất mà sống được, vẫy vùng trong nước mà sống được, không có đất không có nước thì chẳng có sinh vật; con người ta nhờ ở đất mà có lương thực, nhờ ở nước mà thêm thực phẩm, sống được trước tất cả là trông mong ở lúa gạo trên đất trên ruộng, thế thì có gì quý báu hơn cho sự sống của con người bằng lúa gạo! Lúa gạo được các bậc hiền quân tử trong thiên hạ xưng tụng là "thần hảo lương", các bậc thánh đế xưa nói đến lúa gạo say sưa còn hơn nói cả về trời đất vũ trụ, xem như thế thì lúa gạo quả thật là thứ quý nhất trên thế gian này!

Tống đế cùng triều thần nghe sứ nước Nam cứ cao giọng ca tụng mãi về lúa gạo ruộng đất, thì nóng cả ruột, ngài liền lên tiếng phán bảo:

– Thôi thôi, lúa gạo thì ai chẳng mỗi ngày mỗi ăn! Quốc chủ ngươi định đem kho tàng lúa gạo trong nước dâng ta như thế nào mà gọi là báu phẩm cống vật dâng lên thiên triều?!

Giang Cự Vọng vẫn một mực ung dung, không vội vàng, tâu:

– Muôn tâu thánh đế, giá thử không được phúc lớn vào đến nơi này để mà thấy, sao dám bảo là "đại điện thiết triều của Đại Tống sánh ngang bằng Ngọc Điện của Thượng Đế trên trời!". Thần không theo lời thánh nhân xưa để trình về lúa gạo, thì tất phạm tội "ăn lúa gạo mà chẳng hiểu lúa gạo quý báu gấp trăm ngàn lần các báu vật xa hoa vô ích khác", vì thế thần mới viện dẫn lời xưa tâu trình thánh đế.

Tống đế nghe sứ ca ngợi triều đình của mình lộng lẫy huy hoàng ngang Ngọc Điện của Thượng Đế trên trời, hởi lòng đôi chút, cũng dịu giọng:

– Vậy, chắc là quốc chủ ngươi đem lúa gạo gì quý báu lắm dâng ta?

– Muôn tâu thánh đế thánh trí, quả thật quốc chủ của thần sai đem thứ "tối thượng thần hảo lương"báu vật ngoài nước thần ra thì chẳng còn nơi nào có nữa, kính cẩn dâng lên thánh đế! Xưa, thời Hoàng đế ở Trường An, Thành Đô Trung Quốc có gạo cánh trồng tháng mười, gạo cao lương trồng tháng chín, cơm ăn thơm tho vị béo như mỡ đông. Đến thời Ngụy Văn đế Tào Phi ngài nói: Vùng giang biểu có gạo ở Trường Sa, ngon tuy có tiếng, nhưng ví sao được với gạo cánh ở Tân Thành, gạo này đem ra quạt ở ngoài gió, năm dặm còn ngửi thấy hương thơm. Muôn tâu thánh đế, đấy là những gạo báu của thế gian, ngày nay mai một chẳng còn. Duy ở nước thần, người hiền đất lành, trời ban cho nhiều lúa gạo đến nỗi trong sách *Cổ kim chú* có ghi chép: "Năm Diên Quang thứ hai, đời vua An Đế (123) nhà Hán, ở quận Cửu Chân (*) lúa tốt quá: 150 gốc lúa được những 768 bông". Lúa gạo đã nhiều, lại có nhiều giống cực thơm ngon, hiếm có dưới thế gian, rồi nhờ ở các đời quốc chủ chú trọng gìn giữ báu vật báu sản của nước non, cho nên tuy giang sơn ở mãi phía Nam tăm tối, xa đế kinh phương Bắc vài vạn dặm đường, thế mà vẫn còn báu vật cung kính dâng lên là vì thế!

Tống đế buột miệng phán:

– Các đời quốc chủ nước ngươi biết gìn giữ báu vật báu sản, thế các nơi khác không biết hay sao? Giang sơn nhà đại Tống ta rộng ngang trời, cũng không biết gìn giữ báu vật chăng?

Giang Cự Vọng không nao núng, tâu:

(*) Quận Cửu Chân tức Thanh Hóa ngày nay.

– Tâu thánh đế, quả thật các đời quốc chủ nước thần biết gìn giữ báu vật báu sản, chẳng phải là vì tài giỏi hơn các nơi khác, mà là vì hiểu địa vị tiểu quốc lúc hướng lên cửa khuyết phía Bắc, nên mới dạy dân ra sức gìn giữ các báu vật riêng của nước, trước là không để mai một mất công lao tiên tổ, sau chờ cơ hội tỏ lòng thành, lòng thành ấy quả nhiên thần đang được thay quốc chủ để tỏ rõ nơi triều đình đại Tống hôm nay!

Giang Cự Vọng cứ thản nhiên cao giọng ca ngợi Tống đế Tống triều, rồi lại có ý khoe khoang tổ tiên đất nước mình, làm cho nhiều đại quan uyên bác đại Tống muốn lên tiếng nhưng còn chưa dám, thì ông lại tâu tiếp:

– Muôn tâu thánh đế, quốc chủ các đời ở nước thần ngày đêm lo rằng dân chưa được ấm no, cho nên chú trọng nhiều đến việc lúa gạo, khuyến khích việc đồng áng vì thế lúa gạo đã nhiều mà lại được nhiều thứ rất quý kể ra mấy ngày mới hết. Thời tiết khí hậu nước thần là nước nhỏ, nơi nóng nơi lạnh, nơi sương nơi mưa, thành ra việc cấy cày làm được hai mùa Thu, Hạ, lúa gạo chính có hai loại *nỏa* và *như*(*), mỗi thứ lại có nhiều giống. Như lúa nỏa trồng mùa Hạ, vắn tắt có đến mười một thứ, mỗi thứ một hương vị như *sài đường* cây mềm yếu, hạt thóc đỏ, nhọn mà dài, vỏ dầy, gạo trắng, chín sớm, nấu cơm ăn cực dẻo, người đau ốm ăn mau lành; lại như giống có tên *chiêm đi* thì mọc chậm, cây mềm, mỗi năm thay đổi chỗ trồng một lần, nước ngập cũng không sợ, ngâm nước trong một tháng cũng vẫn kết được, loại gạo lúa này nấu ăn cực dẻo, no lâu mà nhiều chất bổ.

Tống đế Thánh Tông là vua kế nghiệp, chú trọng nhiều đến việc trị an chứ không có cái hùng của bậc khai mở triều đại, cho nên khi nghe sứ nước Nam nói về lúa gạo thì tự nhiên cũng thấy thích nghe, ngài nghe chăm chú, khi Giang Cự Vọng ngưng tâu thì liền phán:

– Phương Bắc ta đất rộng bao la, lúa gạo nỏa hay như có thiếu gì, số nhiều của phương Nam làm sao sánh được?

Giang Cự Vọng kính cẩn đáp:

– Muôn tâu, đúng thế! Phương Bắc đất rộng mênh mông, lại có hai dòng sông vĩ đại Trường Giang, Dương Tử tiếp nguồn nước cho nên ngoài lúa gạo nỏa như, còn có những loại lúa phương Nam không có. Tâu thánh đế, nhân đây thần được ơn thánh đế ban hỏi, cho nên mới dám kính cẩn tâu trình: phương Bắc lúa gạo không thiếu, nhưng phần lớn "lại vì sức bồi dưỡng của hai sông lớn khiến lúa nhiều nhưng độc cũng lắm, nuôi người thì người sinh nhiều, vóc lớn, sức mạnh làm ắt mất nhiều "ôn tính" của

---

(*) *Gạo nỏa là gạo tẻ, gạo như là gạo nếp.*

phong thổ", phía đông biển chẳng biết đến đâu mới hết đẩy diêm khí vào trong sâu, phía tây núi non trùng điệp vây hãm khiến đất rộng người mạnh dễ sinh nhiều động loạn, nếu không chú ý chọn loại lương phẩm thanh mễ mà ăn, thì con người ta dễ sinh nhiều sai lạc, đấy là điều các đời quốc chủ nước thần hằng nghĩ ngợi, vì có liên quan đến bản quốc!

Tống đế chưa từng bao giờ lại nghe có ai nói ra những điều lạ lùng đến như thế, những điều liên quan đến lúa gạo lại ảnh hưởng đến con người phương Bắc, lấy làm lạ liền phán hỏi:

– Ngươi bảo rằng hai dòng sông lớn ảnh hưởng đến con người phương Bắc, dễ sinh nhiều sai lạc là thế nào?

Giang Cự Vọng như thể đợi chờ lúc này, câu hỏi này, liền thao thao đáp:

– Tâu thánh đế, quả thật có ảnh hưởng lớn! Xem những truyện xưa, từ ngày có Tam Hoàng Ngũ Đế trở đi, Trung Nguyên chưa từng được yên ổn, triền miên náo động, trải qua bao nhiêu triều đại tranh hùng hợp tan, như thế thì chẳng phải là vì ảnh hưởng ở hai dòng sông lớn có núi non hỗ trợ, cho nên khởi sinh nhiều sai lạc là gì! Sai lạc ấy, tự thân nó không thể hiển hiện, mà chính ở con người làm ra; nguyên thủy con người cũng không sai lạc, thánh nhân bảo rằng "nhân chi sơ tính bản thiện", thế thì tại sao cái thiện luôn luôn bị mất, để cho cái ác không ngừng xảy ra, dồn đẩy muôn vạn sinh linh phải chết chóc vì chiến tranh, chẳng phải là vì tranh chấp nhất thời, bị kích động vì những thứ hàng ngày, hàng đời, đem vào cơ thể con người ta để tạo thành "tính, khí" khiến mới thành như thế thì còn là gì nữa! Tâu thánh đế, tất cả những thứ ấy chính là vì thực phẩm của người, là lúa gạo hai phương trời Nam Bắc đã khác nhau rõ rệt! Vì thấy như thế, bản quốc chủ mới sai đem lên nơi cửa khuyết mà dâng những thứ lúa gạo được kể là "tối thần lương hảo", là có ý lành cầu thánh đế đem thánh tâm tu chỉnh nhân tâm, che chở cho cả bốn phương được an bình thường trụ, tru diệt nạn binh đao, làm cho tâm người được trong sáng!

Tống đế cũng như cả triều đình lờ mờ hiểu rằng sứ nước Nam có ý chê trách Trung Nguyên, lại lấy lúa gạo ra để biện giải cho tâm tính con người, an hay loạn của thiên hạ, Tống đế liền phán:

– Vậy, quốc chủ ngươi dâng ta lúa gạo gì?

– Muôn tâu thánh đế, như thần đã nói, giống loại lúa gạo hiền hòa quý báu ở nước thần nhiều lắm, mùa Hạ đã có lúa mùa Hạ, mùa Thu trồng nhiều thứ nhất, nông thư nước thần ghi chép những giống thường thấy có gần trăm loại, ấy là chưa kể những thứ hiếm hoi mọc ở nơi rừng

sâu núi hiểm, không nhiều nhưng đích thực là "thần lương hảo"! Tâu thánh đế, dân gian mỗi miền mỗi vùng ưa thích những giống lúa riêng, quen ăn hàng ngày, nhưng cả nước đều biết đều gìn giữ những giống quý báu, bảo đấy là lương thực cũng được, mà lấy đấy làm thuốc thần chữa trị bá bệnh cũng được!

Tống đế chăm chú nghe, đến đây thì lấy làm ngạc nhiên lắm, liền hỏi:

– Vua quan thì ăn lúa gạo thượng đẳng, dân gian thì quen ăn lúa gạo bình thường, gạo quý là quý ở ngon miệng, sao lại lấy làm thuốc thần chữa trị trăm bệnh cũng được là thế nào?

Giang Cự Vọng lại như càng được thể, trịnh trọng giảng:

– Muôn tâu thánh đế, lúa gạo dùng làm lương thực ăn hàng ngày nuôi sống người là điều bình thường. Tuy vậy chẳng phải là lúa gạo nào cũng là bình thường tốt đẹp cho sức khỏe của con người, đã thế lúa gạo cũng còn làm cho thay đổi được cả tính tình con người ta, mang họa hay phúc lại là điều nhỡn tiền! Muôn tâu, cứ xem một việc như của người phải bôn tẩu lâu ngày, dầm sương giải gió khiến mắc bệnh phong hàn nhập nội, khí tắc ở trung não, huyết bế ở trung cung, lúc ấy mà đem thứ lúa gạo trồng nơi núi cao rừng rậm, khí độc theo dất ám tàng trong mạch của lúa gạo, lại đem lúa gạo ấy nấu với nước suối chảy qua rừng nơi ác thúy xà khê, đem cho người bệnh ấy ăn thứ cơm ấy, uống nước cháo gạo ấy thì làm sao tránh khỏi huyết tán khí tan, kinh mạch loạn hướng, dù có Hoa-Đà Biển-Thước tái thế cũng không cứu được! Giả thử, người mang bệnh ấy, biết mà lấy một phần thứ gạo *đoản đâu* ba phần gạo *bầu hường*, cho một dúm muối đào, ba bát nước giếng *không tỉnh* đào ở hướng đông, nấu thành cháo thì cháo quánh như sữa đặc, nấu thành cơm thì cơm mềm như bún ướt, cho người bệnh ăn cơm này thì hương khí của lúa gạo mau lẹ tan vào cơ thể làm cho trung não thênh thang nguyên khí quy hoàn được cố vị, huyết vận lưu hành êm đềm như hơi thu thế mà lại có sức mạnh ào ạt của sông dài khiến cho sức lực phục hồi được tức thì! Muôn tâu thánh đế, như vậy thì chẳng phải thứ gạo ấy là gạo "tối thần lương hảo" thì còn là gì nữa!? Lúa gạo xem vậy có phải chỉ để ăn uống bình thường mà thôi dâu!

Tống đế cùng cả triều đình kinh ngạc quá, lần đầu tiên nghe có người luận giảng về lúa gạo lạ đến thế này. Hư thực ra sao cả triều chẳng ai biết rõ, đành cứ ngậm miệng đưa mắt nhìn nhau kín đáo dò hỏi, trên ngai cao Tống đế lại phán:

– Lúa gạo tốt như thế, quốc chủ nước ngươi đem dâng ta loại gì?

Giang Cự Vọng mặt nghiêm trọng, tâu:

– Muôn tâu thánh đế, Trung Nguyên bao la không lo thiếu ăn, duy có vài sai lầm trong phép dùng đến lúa gạo! Người ở phía Bắc dòng Hoàng Hà vì thời tiết giá băng, khó khăn về lương thực, không thể chọn lựa lúa gạo, cho nên ăn thứ lúa gạo hấp thụ khí độc của trời đất, gần như thuần hàn, bởi vậy bệnh thất ruột xương thịt teo nhỏ thường gặp phải; phía Nam Hoàng Hà, nhờ có núi non, có Trường thành Vạn Lý chắn giữ, khí hậu dịu lại xuống đến tận Hán Dương, nhập với dòng Dương Tử, làm cho cả một vùng phì nhiêu, lúa nhiều gạo lắm, nhưng cũng lại vì thế mà tiêm nhiễm hoang dàng, quái tính, dễ làm cho con người ở đây tính tình thất thường, tĩnh động bất nhất, vì vậy xã hội hay sinh biến động. Đến phía Nam Dương Tử đất bồi màu mỡ, lúa gạo hạt to bột nhiều (*lúa mì*), làm cho con người có vóc dáng cao lớn, hiếu động, tâm tư quay cuồng, nhiều khi sai lệch cả lẽ nghĩa. Bản quốc chủ nhìn thế nước riêng, nghĩ đến căn trạng Trung Nguyên, nghĩ: giả thử thay đổi được lương thực, thì thay đổi được tính tình người ta, nhờ đấy mà Bắc Nam được hòa thuận trường tồn tất là điều tốt đẹp, vì vậy mới sai thần vượt vạn dặm đường gian khổ, lên nơi cửa khuyết dâng lễ phẩm cực quý lúa gạo phương Nam!

Tống đế cười nhạt, phán:

– Hóa ra quốc chủ nhà ngươi nại cớ lương thực lúa gạo không tốt, không quý, để gièm pha người nước ta chẳng phải là hiền nhân chính chí, lại còn ngông cuồng muốn thay đổi cả trí óc dân ta, chê mặt trời là không sáng, khinh đại dương như thể vũng trâu đầm! Giỏi thật!

Giang Cự Vọng liền quỳ xuống, kêu lớn:

– Thần có tội! Thần có tội!

Tống đế mỉa mai:

– Nhà ngươi tội gì, biết tội rồi à?

– Muôn tâu, ấy là tội chậm tâu thánh đế sự việc! Trước khi lên đường lên Kinh Bắc, quốc chủ hội triều có than thở: "Hoàng đế Đại Tống mình cao chín thước chín tấc là bậc hùng tài đại chí; mắt bên trái thuộc Thái dương sáng rực ấy là điều đại phước lộc, mắt bên phải thuộc Thái âm đen biếc ấy là tướng cực sang, âm dương tịnh minh, có thể lúc ngủ mắt không nhắm; Sơn căn ở thế Nguyệt bột đấy là tướng giàu sang ngồi trên trăm họ, ngự trị cả trời đất, thần tướng ấy có thể trấn áp cả quỷ thần; ấn đường là Tỷ khí, nổi cao tròn trịa là hiếm tướng phải là bậc đại Hoàng đế mới có được, trong thế gian thì chỉ có đức Vạn Thế Sư họ Khổng mới được ngôi Tỷ khí như vậy! Mày bên trái là La hầu thật dài hưởng lộc lâu dài; Mày phải là Kế đô cũng dài bằng mắt ấy là tướng hậu cung đông đúc, lại thêm ngôi Kim Tinh có nốt ruồi son phía sau, ấy

là điều y thuật nói là phải nên "chế dục"(*)! "Bản quốc chủ lại nói: một vị Hoàng đế uy dũng như vậy, làm sao lại dễ dàng chế dục được vì thế tất long thể thế nào cũng có hiện tượng "dạ động nhật kinh "(**), đấy thường là bệnh của các vị Hoàng đế! Cho nên, bản quốc chủ mới sai thần đem dâng lên thánh đế thứ gạo "Trời Đất" cực quý, chỉ nước Nam mới có, để thánh đế ngự thiện, nó giúp triệt hóa những sai lạc nội phủ của mình rồng, giữ cho thánh đế được sức khỏe vẹn toàn, thần trí sáng suốt! Đấy là thành ý của bản quốc chủ!

Tống đế không khác cũng không hơn gì các Hoàng đế vua chúa khác, không thể không yêu thích nữ sắc, không thể không nghĩ đến sức khỏe của mình, nay nghe sứ nước Nam nói như vậy thì một mặt tin ngay là vua nước Nam có nghĩ và có lòng thành dâng hiến báu vật như thế cho mình, ngài liền phán:

– Lúa gạo để nuôi sống người, làm gì có thứ lúa gạo quy hoàn được nguyên khí, phát huy được thần khí? Quốc chủ nước ngươi muốn dối trẫm chăng?

Giang Cự Vọng đứng thẳng nghiêm trang tâu:

– Thần dám lấy mạng hèn bảo lãnh cho quốc chủ là chẳng bao giờ quốc chủ lại có ý muốn "lấy bàn tay nhỏ che mặt trời lớn, đem hũ bé mong thu gió cả thế gian", mà chỉ một lòng cầu mong thánh đế long thể an khang, thần trí minh linh sáng suốt, có vậy thì mới mong thấy bốn phương trời được thái bình, mà nước Nam cũng nhờ đấy được yên vui dưới bóng mặt trời. Muôn tâu, thần vâng mệnh chủ đi sứ, chỉ mong tâu rõ được rằng: gạo thóc phương Nam chẳng phải thứ nào cũng là thần lương thần dược, cũng có thứ độc thứ bình, còn thứ đại quý có sức phục hồi nguyên khí, phát huy được thần khí thì thần xin thay quốc chủ quả quyết là: thứ lúa gạo gọi là "Trời Đất" của bản quốc chính là gạo báu hôm nay thần trình dâng trước điện ngọc Tống triều!

(*) Giang Cự Vọng nói về tướng diện Tống Thái Tông. Sơn căn là chỗ giữa hai con mắt, trên gốc sống mũi. Ấn đường là chỗ ngay trên Sơn căn. Hậu cung đông đúc là ý nói: Tống đế có nhiều cung tần mỹ nữ, hậu cung đông đảo gái đẹp.

Theo thuật xem tướng diện, thì ngôi Kim Tinh là tai bên trái, ngôi Mộc Tinh là tai bên phải.

Chế dục: Kiềm chế bớt những thú vui hoan lạc nữ sắc.

(**) Dạ động nhật kinh: ý nói: ban đêm náo động quá nhiều nơi hậu cung, ban ngày mệt mỏi, suy nhược, tinh thần rối loạn, sinh run rẩy như bị động kinh.

Nói xong, Giang Cự Vọng thản nhiên chẳng nhìn triều đình, lẳng lặng lấy từ trong ba chiếc rương mây ra những gói lớn vải xanh đỏ đủ màu, bày cả ra sân điện. Rồi lần tay mở từng gói, mỗi gói một thứ gạo, từ xa nhìn chẳng rõ.

Giang Cự Vọng lần lượt trình giảng từng loại gạo, nào là lúa gạo *sài dường* cây mềm, hạt thóc đỏ, nhọn mà dài, vỏ dày, gạo trắng, chín sớm, cơm dẻo, thuần lương nhiều chất bổ, dùng để nuôi trẻ nhỏ, đàn bà sinh con, người đau ốm nấu cháo mà ăn thì mau lành bệnh. Đến lúa gạo *bồ lộ* thì thân cứng, thẳng không sợ dông bão, hạt thóc trắng mà nhỏ, tròn, vỏ mỏng, gạo vừa trắng vừa đỏ, chín không sớm, không muộn, cơm cứng, chuyên dùng làm lương khô ăn đường dài ngày, hay làm lương khô cho binh đội quân hành đường xa lâu ngày tháng. Rồi lúa *thạch* nhiều nhựa dính dùng cho người yếu tì vị thì rất tốt... Sứ giả cứ bình tĩnh trình ra mấy chục loại lúa gạo, thứ nào giảng ra nghe cũng thấy dùng làm thuốc chữa được bệnh, cuối cùng Giang Cự Vọng đưa ra một thứ gạo lạ. Mở bọc vải bọc bên ngoài, lại thấy bên trong là một tráp lớn gỗ mộc hơi đỏ, chiều dài khoảng hai gang tay, chiều rộng bằng phân nửa, Giang Cự Vọng dùng móng tay dài cắt đường giấy dỏ niêm kín chung quanh nắp tráp. Tráp vừa mở nắp, đại điện Tống triều rộng là thế, mà hương thơm tràn ra, nồng nhưng lại như lâng lâng cực thanh cực nhẹ nhàng, chưa bao giờ lại có thứ lúa gạo gì lại có hương thơm như cơm đã nấu chín như vậy!

Giang Cự Vọng không để Tống đế kịp phán hỏi, tâu:

– Tâu thánh đế, văn sách ghi: thế gian có cả thảy một-trăm-lẻ-bảy loài giống thóc lúa, đủ mọi thứ tên gọi, như sách *Quảng chí* ghi: lúa gạo có *Hổ chưởng đạo* (lúa tay hổ), *tử mang đạo* (lúa râu tía), *xích khoáng đạo* (lúa lụa đỏ), *thiền minh đạo* (lúa chín vào mùa ve sầu kêu), *thất nguyệt thục đạo* (lúa chín vào tháng bảy)... , lúa lại chia ra làm nhiều hạng cũng như con người cao thấp khác nhau. Con người ta có bậc chúa tể, có hàng thần tử, xuống đến thứ dân; lúa gạo cũng vậy, cũng có giống cao giống thấp, có thứ chỉ để nuôi gia súc gia cầm, có thứ cho người ốm người bệnh dùng riêng, đến bậc thiên tử thì thiên hạ phân định có riêng giống lúa bản quốc phương Nam gọi là "*thiên tử đạo*" thứ lúa gạo chỉ để dành riêng cho bậc đế vương ngự thiện! Muôn tâu, "thiên tử đạo" vượt đường xa vạn dặm, đã đến trước thiên nhan!

Hóa ra gạo thơm sứ giả trình ra, là giống lúa gạo vua ăn! Từ xa, Tống đế cũng như trăm quan văn võ chẳng ai có thể nhìn thấy rõ thứ gạo ấy thế nào, chỉ cảm thấy hương thơm thoảng ngát, lúc ấy Tống đế mới hỏi:

– Lúa gạo thơm ngon, thiên triều chẳng thiếu, "thiên tử đạo" của phương Nam lạ đến thế nào?

– Tâu thánh đế, quả thật Trung Nguyên lúa gạo thơm ngon nhiều lắm, tuy nhiên phẩm chất thì thần đã trình tâu rồi! Còn "thiên tử đạo" của bản quốc, lúc chưa nấu thành cơm, hạt nhỏ, dài, hương thoảng cực thanh tao, không nồng nặc như hương nặng nề của loại "thanh diệp hương" dùng để đánh lừa khứu giác, gạo cực trắng, dẻo mà vị ngọt. "Thiên tử đạo" rất kén đất trồng, chỉ chịu nơi đất cao để tỏ cái nghĩa "thượng phẩm", không chịu cái nóng mùa hè, ky lạnh mùa đông, cho nên lấy mùa thu làm mùa sinh trưởng, đón sương đêm để thu tinh hoa đất trời làm tinh hoa của mình, vì thế mới có cái huyền diệu của thứ lúa gạo có sức "phục hồi nguyên khí, khởi sinh nội lực ", có thể khu trừ bệnh tật, giúp trường sinh bất lão! (*). Quốc chủ của thần nghĩ: Hoàng đế Đại Tống, trước theo tiên đế vào nơi trận mạc khiến sức lực không thể không hao mòn, nay nghỉ ngơi nơi cung son kín đáo, thế nào nguyên khí cũng hư hao, cho nên sai đem "thiên tử đạo" lên dâng cốt để thánh đế lấy lại được sức mạnh thời ngồi trên lưng ngựa, phục hồi được nguyên khí dù ở giữa rừng hương sắc! Thành ý của bản quốc chủ là như vậy!

Ngày trước theo tiên đế vào ra trận mạc như thế nào thì không biết, còn ngày nay tung hoành ở chốn hậu cung giữa rừng hương sắc thì Thái Tông biết rõ, cho nên nghe sứ giả nước Nam nói đến thứ lúa gạo lạ quý đến như thế cho sức khỏe thì ngài liền phán:

– Phục nguyên khí, tăng nội lực, thì chẳng thiếu báu dược thảo mộc, còn thứ "thiên tử đạo" ta xem ra có nhiều điều khoe khoang chưa chắc đã đúng thế!

Giang Cự Vọng lại cao giọng, tâu:

– Tâu thánh đế, quả thật dược thảo quý báu thì không thiếu trong thiên hạ, nhưng cứ cái nghĩa "cây thuốc" của nó cũng đủ tỏ rõ: nó là thuốc chữa bệnh, vá chăng trên thế gian này chưa từng có thứ dược liệu nào mà lại thuần lương không có cái độc hại của nó! Duy, "thiên tử đạo" là tối lương phẩm, hàng ngày đưa vào cơ thể, hiển nhiên chẳng mảy may độc hại, chỉ thuần nhất là báu vật trời ban cho con người, từ tính đến chất của nó cũng đủ thấy là quý báu đến thế nào, lại nữa kinh nghiệm truyền đời ở bản quốc hiển nhiên đến nỗi các đời quốc chủ đời nào cũng dạy bảo dân, nhắc nhở phải gìn giữ lấy báu vật trời cho ấy, trân trọng nuôi trồng, trăm họ vì thế không bảo mà tự ước với nhau: báu vật "thiên tử đạo" gìn

---

(*) Nghe Giang Cự Vọng nói thì xem ra thứ lúa gạo này là lúa gạo tám xoan *trồng về mùa Thu, cây cao, ưa ruộng cao, bông dài mà mềm, gạo trắng, thơm, cơm rất ngon.*

giữ chỉ để tiến cống vào triều, dâng lên đấng thiên tử mà thôi, trăm họ không lấy làm lương thực!

Tống đế có vẻ hào hứng, ngài phán:

– Vậy chú ngươi sai đem dâng ta được mấy dấu thì được việc gì?

Giang Cự Vọng vẻ mặt hoan hỉ, tâu:

– Muôn tâu thánh đế, giống lúa "thiên tử đạo" này rất khó trồng, kén nơi cao ráo mà không thiếu nước, chọn chỗ trong sạch không nhiều bờ bụi, khác thời tiết là không nẩy mộng lên cây, đến khi ra bông thì lại thưa hạt, hương thơm lúc lúa mới ra cho đến lúc chín hẳn có thể theo gió đi xa mười dặm, làm cho khí trời chung quanh trở thành thanh khiết, người đau ốm có thể cất lều bên ruộng hít thở không khí tinh khiết ấy mà chữa được bệnh không cần phải dùng đến thuốc. Tâu thánh đế, bản triều lại còn ghi nhận được: có chín nhà nọ sinh toàn con gái, kêu cầu khắp các động phủ vẫn không sinh được con trai, bèn rủ nhau dựng nhà bên ruộng "thiên tử đạo", hít thở không khí huyền diệu của hương thơm lúa quý, đến khi sinh con quả nhiên cả chín nhà đều sinh con trai đẹp như thần tiên, cho nên người nước thần còn gọi lúa gạo ấy là "nam thần đạo" là vì vậy!

Đến đây thì Tống đế xem ra tin lời Giang Cự Vọng lắm rồi, ngài lại hỏi:

– Trẫm có hỏi: quốc chủ ngươi đem dâng trẫm được bao nhiêu lúa ấy?

– Tâu thánh đế, vì quý hiếm như thế, lại vì lúc thần ra đi chẳng phải là mùa gặt hái lúa ấy, cho nên quốc chủ phải ra lệnh đi rao khắp nơi, cẩn thận góp thu trong dân gian cũng chỉ được trăm dấu lúa giống, cố lắm mới tìm thêm được ít dấu nữa đem xay giã thành gạo trình lên thánh đế hôm nay!

Giang Cự Vọng tự tay bày ra gạo thơm, thóc quý, cứ chỉ thận trọng như thể không dám mạnh tay sợ làm hư hỏng mất báu vật mong manh! Tống đế cùng cả triều đình nhìn thóc vàng với gạo trắng, quả thật có hương thơm nhẹ nhàng, trong lòng lại nghi hoặc không biết có thật đây là thứ lúa gạo thần tiên quý đến độ ăn vào "phục hồi được nguyên khí, khởi sinh nội lực" giúp trường sinh bất lão!? Triều đình băn khoăn chưa hết, Giang Cự Vọng lại tâu:

– Tâu thánh đế, Trung Nguyên đất rộng trăm vạn dặm, vì thế thần nghĩ có thể có địa phương khí hậu thời tiết, đất đai hợp với giống lúa quý này, thánh đế nên xuống chỉ cho nơi ấy cố nuôi trồng làm cho lúa quý nhiều lên, đấy là việc làm của bậc thánh chúa!

Giang Cự Vọng thừa đà lên tiếng dạy bảo Tống đế cùng triều đình phép trồng giống lúa thơm, làm cho cả triều đình hào hứng, thế là Tống đế sai một đại quan chuyên việc trông nom gìn giữ giống lúa quý, sau

ngài lại xuống chiếu sai các trọng thần đi khắp nơi trong nước xem nơi nào hợp với giống lúa quý thì phân phát cho lúa quý để gây giống, đấy là việc về sau.

Xong việc tiến cống lúa gạo rồi, sứ thần Giang Cự Vọng lại ra hiệu, hai rương khác được khiêng đến đợi mở ra giữa lúc triều đình còn chưa hết lao xao hào hứng với lúa gạo, lần này Giang Cự Vọng tâu:

– Tâu thánh đế, bản quốc chủ nghĩ:" Con người ta ở đời, dù là con dân ở phương Bắc hay trời Nam, ở đâu cũng cầu được sống trong an bình dật lạc, vì thế sau khi được no cơm ấm áo, trăm họ đều cầu được thân thể khỏe mạnh không bệnh tật, đầu óc nhẹ nhàng minh mẫn", có thế xã hội mới đại định. Muốn thế, tất đấng minh quân không thể không nghĩ đến hạnh phúc của con dân mình, Trung Nguyên bao la, người đông trăm nước cũng không sánh kịp, thiên tử nói: "ngũ cốc là tính mạng của muôn dân", tính mạng ấy không phải từ lúc sinh ra là đã được an toàn, lúa gạo vì thế cũng có những phẩm vật bồi yểm cho thì mới tránh được bệnh tật, tính mạng mới gìn giữ được!

Sứ giả nước Nam luận giảng nhiều quá, khiến cho triều đình nhà Tống cũng phải bực mình, vì thế quan Đại phu Thái Bảo Đại Học Sĩ Đào Tử Vân liền xuất ban tâu:

– Muôn tâu thánh đế, cống vật lễ phẩm của nước Nam xem ra chẳng có gì là quý giá, thế mà sứ giả cứ khoe khoang nói mãi đến chán cả tai, làm mệt cả thánh thể, trăm quan mỏi lưng ngồi nghe, thần xin thánh đế phán bảo sứ trình việc mau mau!

Tống đế chưa kịp phán bảo, Giang Cự Vọng đã cả gan cướp lời, ông cao giọng:

– Tâu thánh đế, nhìn sắc phục thì thần chắc đây là hàng đại phu học sĩ danh vọng của Tống triều, tuy thế thần lại dám chắc rằng "đại phu học rộng, chẳng thứ gì ở Trung Nguyên còn chưa biết, nhưng đại phu chưa biết chút nào về bản quốc ở phương Nam"! Tâu thánh đế, thần phải trình tâu rõ ràng, mới nói hết được diệu dụng của lúa gạo, chứ không phải như đại phu vừa dạy!

Tống đế ôn tồn phán:

– Vậy ngươi nói về phẩm vật bồi yểm cho lúa gạo là thế nào?

Giang Cự Vọng làm ra vẻ mặt hân hoan, tâu:

– Muôn tâu, quả nhiên bậc nhân thần khác hẳn thế gian, thánh đế chỉ cả đức lớn như thế, quả nhiên thần đi sứ chắc không phụ lòng mong ước chân thành của chủ muốn tâu lên thánh đế!

Bây giờ thì các quan văn võ Tống triều chẳng ông nào còn dám lên tiếng bài bác ngăn chặn Giang Cự Vọng nói nữa, ông tiếp:

– Muôn tâu, lúa gạo có độc có lành, không thể đón hết được phúc tránh hết được họa, cho nên người ta mới có bệnh tật, đau đớn đủ thứ. Nay, bản quốc chủ nghĩ đến mạng trời ở ngôi thánh đế tất ngày đêm lo lắng cho con dân, dân miền Bắc khí lạnh tuyết rơi tất hay sinh những bệnh về hàn khí tích tụ làm hại tạng phủ; miền Nam đất rộng sông dài, rừng rú liên miên, khí lành chẳng xua được tà khí, cho nên dân đông sinh nhiều cũng gặp lắm tai ương huyết kiệt thần khí dễ hỗn loạn; phía Đông biển rộng bao la sinh nhiều giao loạn trời đất làm cho tinh thần con người hay bất định; phía Tây tiếp giáp với những giống dân mọi rợ cho nên dân tình không được ngay ngắn, đại để là như thế, xét riêng thì Trung Nguyên là nơi khởi sinh trăm bệnh ngàn tật, lúa gạo nuôi sống được con người nhưng cũng lại dễ tiếp trợ cho những tà độc trong trời đất nhiều không kể xiết! Tâu thánh đế, vì vậy bản quốc chủ sai thần gìn giữ cẩn thận, nắng che mưa đậy, nơi khí hậu nóng quá phải cầm quạt mà quạt cho phẩm vật được mát, qua vùng lạnh lẽo thì phải lấy rơm cỏ khô mà đắp giữ cho ấm, có thế báu phẩm mới không bị ảnh hưởng bên ngoài làm hư hỏng. Lúc này đây, thần vinh hạnh kính dâng lên thánh đế!

Chẳng biết phẩm vật là thứ gì, mà Giang Cự Vọng ra sức khoe khoang lạ đến thế!? Tống đế vừa lạ lùng vừa nóng lòng muốn biết thứ phẩm vật ấy, ngài bèn phán:

– Phải, phải! Trong dân gian có trăm bệnh ngàn tật, nguồn gốc bệnh tật phát sinh từ đủ thứ, vậy quốc chủ ngươi dâng ta thứ gì để chữa được các bệnh tật ấy?

Giang Cự Vọng vòng tay kính cẩn tâu:

– Tâu thánh đế, trong thế gian chẳng thiếu vật lạ, nhưng bản quốc chủ sai đem dâng lên thánh đế dị phẩm phương Nam, cốt để thánh đế được trường sinh đại thọ, ít ra cũng được trăm tuổi, còn nếu khéo dùng có thể gấp bốn năm lần tuổi thọ của thế gian!

Giang Cự Vọng không nói thứ ấy là thứ gì, nhưng ông khẽ ra hiệu và tướng quân Trịnh Tú bước tới. Trịnh Tú từ đầu đến lúc này luôn luôn giữ thái độ cực nghiêm chỉnh, lúc nào cũng đứng thẳng lưng, mắt không hề liếc nhìn nơi nào chỉ một mực nhìn thẳng ra phía trước, nhưng trong lòng ông lại không ngớt cười thầm với những lời lẽ biện luận lạ lùng của Giang Cự Vọng, ông cũng đang thắc mắc không hiểu nước mình có thứ báu vật gì lạ như vậy, thì thấy hiệu, liền thản nhiên bước tới, thong thả mở nắp cả hai rương mây. Trăm cặp mắt cùng chú cả vào lòng rương, chỉ thấy lụa vàng ông đậy kín, chẳng thấy thứ gì!

Giang Cự Vọng đợi cho Trịnh Tú trở lại chỗ đứng nghiêm chỉnh rồi, mới bước tới mở lớp lụa vàng, hai tay trịnh trọng bưng ra một bọc lớn gói bằng lụa trắng xem ra có phần nặng. Cự Vọng hai tay trình bọc lụa trắng, miệng tâu:

– Tâu thánh đế, quốc chủ nước tôi lo lắng nhiều đến sức khỏe của thánh đế, cho nên sai thu thập khắp nước, chọn loài cực quý, sai dâng lên thánh đế năm loại báu vật sản phẩm của đất lành, trước là để thánh đế ngự dụng, sau giữ làm giống trồng cho nhiều ban phát cho trăm họ cùng được hưởng phúc trời!

Rồi Giang Cự Vọng mở bọc lụa, trăm cặp mắt lại chú cả vào cố nhìn, Trịnh Tú vẫn đứng nghiêm trang thế mà mắt cũng phải kín đáo liếc nhìn xem Giang Cự Vọng dâng thứ gì mà quý đến thế!

Lụa trắng mở hết, Trịnh Tú ở gần, trăm quan văn võ với Tống đế ở xa, nhưng tất cả đều thấy rõ: báu vật chỉ là mấy củ khoai lớn! Giang Cự Vọng giọng hân hoan tâu:

– Muôn tâu thánh đế, bản quốc chủ sai tìm chọn giống *"báu thự"* ở tận mãi chân rặng Đồng Lư (*tỉnh Sơn Tây*), lại cầu kỳ chỉ lấy những củ xét ra là thực gốc tổ tiên, hình dáng tựa như lá gan con heo (lợn), cân nặng phải ngoài hai, ba chục cân mới là giống củ tiếp nhận được sáu lần mùa mưa, sáu lần mùa nắng, thu đủ được khí núi thiêng vì thế sắc củ đẹp tía đấy là sức mạnh an thần người có bệnh động phong không thuốc gì chữa khỏi ăn củ này là hết bệnh, vị ăn dã ngon lại giúp thanh can dưỡng tì giúp cho gan được mạnh khoẻ, ấm tì (lá lách), độc sang do ở phong thổ hay độc hại của lương thực làm cho can tì suy yếu khiến mình mẩy phát nhiều mụn nhọt, nhọt sinh ở mắt làm cho mù, sinh ở ngực làm co rút chân tay, mọc giữa lưng to bằng nắm tay chạy vào kinh mạch xương sống (nhọt độc hậu bối) thì không còn thuốc chữa, thế mà *báu thự* (*) này chẳng cần ăn nhiều cũng dều sạch hết được bệnh!

Tống đế, triều đình, ngay cả tướng quân Trịnh Tú nữa, thảy đều kinh ngạc! Khoai thì có nhiều giống, ai mà chẳng biết, chẳng có gì gọi là báu vật được, ở đâu cũng chỉ dùng làm thứ lương thực phụ cho lúa gạo, sao lại bảo là báu vật đem tiến cống!? Tống đế cười nhạt phán:

(*) Thật ra đây là giống hồng thự *chứ không phải là giống* can thự *có nói trong sách* Thực Vật Bản Thảo, *trong dân gian gọi củ này là* củ khái; *còn* hồng thự *chính là củ* khoai lang, *cũng còn gọi là* khoai lang ta; *sách* Thực Vật Bản Thảo *bảo rằng: giống khoai lang này vỏ đỏ, vốn gốc từ đảo Lữ Tống (Luzon) nước Phi Luật Tân (Philippines).*

– Khắp nơi giống củ hạ dắng này nhiều còn hơn cả cá ở trong nước, thế mà nó ở nước Nam lại là bảo vật đến nỗi phải chọn mà đem cống dâng lên thiên tử thiên triều thì lạ thật!

Giang Cự Vọng làm ra vẻ khúm núm sợ sệt tâu:

– Thần không dám! Quốc chủ nước thần không dám!...

Chẳng biết Giang Cự Vọng "không dám" cái gì, lại đem cả quốc chủ vào việc này nữa, khiến cho cả triều đình nhà Tống lấy làm lạ, đợi xem sứ nước Nam sẽ lại biện luận thế nào?!

Giang Cự Vọng "không dám" xong, thấy cả triều đình im lặng thì lại tiếp:

– Tâu thánh đế, lúa gạo sai lạc cũng sinh bệnh, củ thảo mộc thì nhiều lắm, nhưng có phải thứ nào cũng ăn được, cũng quý cả đâu! Có loại củ chỉ để nuôi súc vật, có thứ củ con người ta lấy làm lương thực, tất cũng có thứ củ chỉ bậc thiên tử mới xứng đáng ngự dụng! Muôn tâu, biển mênh mông nước mặn, khát mà cũng không thể uống được, vậy mà bản quốc chọn vùng biển làm nơi trồng *"bảo thự"*, thu hút tinh hoa vạn năng của biển để nuôi dưỡng, trồng vào đầu Hạ, sang Thu thì đào đất lấy củ. Chẳng phải nơi vùng biển nào cũng trồng được loài *"thự dự"* này, có trồng thì củ cũng chỉ bằng nắm tay là cùng. Trồng đúng chỗ, ấy là tìm đúng "hải mạch" làm cho củ nở lớn, thu được tinh hoa vạn năng của biển là vậy! Cho nên, thánh đế ban lời khiển trách là bản quốc chú đem thứ hạ dắng dâng thiên tử thiên triều, ấy là lỗi ở thần không khéo tâu trình làm cho mất cả ý lành của chủ, chính thần cũng dắc tội, vì thế mới kêu tâu là "không dám"!

Giang Cự Vọng biện bạch không biết có đúng hay không, Tống đế chẳng phải là người bác học, không hiểu được trăm vạn thứ trên thế gian, cho nên ngài dù nghi hoặc cũng không biết nên nói thế nào, thì đã nghe có người nói to:

– Đúng thế! Đúng thế!

Một người trong hàng các văn quan bước ra, hóa ra là Đại học sĩ tước Hầu, tên Trần Úc. Trần Úc là người bác học, sách đọc vạn quyển, nghe ở đâu có sách lạ thì dù vạn lạng cũng bỏ ra đổi lấy ngay, mức hiểu biết của Trần Úc thì cả Trung Nguyên đều nghe danh. Về thảo mộc, Trần Úc được kể là nhà bác học đời Tống ít có người sánh bằng. Nay dự buổi triều đón tiếp sứ phương Nam, suốt từ đầu đến giờ Úc nghe sứ nói, quả thật thấy nhiều điều đúng, trong đó cũng lại có nhiều điều ông không biết, nghi ngờ, lục lọi trong trí nhớ xem ở đâu nói như thế, luôn luôn gật gù ra chiều thích thú, đến khi nghe Giang Cự Vọng nói đến loại củ quý, Úc hầu hiểu ngay là thứ gì, nhưng chẳng phải là đúng như lời sứ nói, ông thốt lên "Đúng thế, đúng thế" xong thì biết lỡ lời, liền quỳ tâu:

– Tâu thánh thượng, củ thảo mộc dùng làm lương thực thì có nhiều, nước Sở nước Việt còn có thứ gọi là *củ bột tề*, còn gọi tên là *ô vu*, hay *địa đồng* đem tán nhỏ uống trừ được trùng độc, trồng được rất nhiều (*), như thế thì thứ *thự dự* của phương Nam có thể là có thật! Sứ giả có mang thứ ấy tiến cống không?

Những lời nói của Hầu tước Trần Úc làm cho cả triều nhà Tống tin những lời Giang Cự Vọng nói là đúng thật.

Tống đế vui vẻ phán:

– Vậy Trần Úc, khanh có hiểu được những thứ lúa gạo, củ đem từ phương Nam lên là quý báu thật không?

Trần Úc vẻ mặt hân hoan, Hoàng đế đã hiểu được tài học uyên bác của ông, ông tâu:

– Tâu hoàng thượng, nhìn bên ngoài thì không thể nói chắc được, phải thực nghiệm thì mới quyết chắc được thực hư thế nào? Tuy thế, các sách về thảo mộc có nói đến nhiều loài giống quý, thần nghe Nam sứ nói có nhiều điều đúng! Riêng loại *ô vu* mầm như long tu thảo, rễ đen, to bằng đầu ngón tay cái, vỏ dày, có lông, vị ngọt; còn loại *thự dự* có sách có nói đến đúng như lời sứ nói!

Hầu tước Trần Úc thật ra có uyên bác đến đâu cũng chẳng thấu đáo hết được các giống thảo mộc ở hết thảy mọi nơi phương Nam, vì thế ông không dám bài bác những lời Giang Cự Vọng nói, sợ bị vặn hỏi chẳng biết dâu mà trả lời thì hư danh mất, cho nên ông nói nương theo những lời sứ nói!

Giang Cự Vọng nghe Hầu tước Trần Úc nói, trong bụng cười thầm, liền vòng tay hướng về phía Trần Úc mà rằng:

– Đa tạ bậc đại thần uyên bác, may mà tôi chẳng dám nói sai mới khỏi bị đại nhân mắng dạy!

Hướng lên ngai rồng, Giang Cự Vọng tâu:

– Muôn tâu, lúa gạo nuôi sống người ta đã là quý, nhưng báu vật *thự dự* quý hơn nữa ở chỗ: trồng được năm khí hậu thời tiết thuận hòa, lại lấy nước giữa sông để dành mà tưới, tỏ cái lý : sông biển chỉ là một, lại lấy vỏ cây nhãn vốn là thứ thuốc phục hồi sức khỏe tán thành bột mà bón cho cây, đủ trăm ngày củ lớn có củ bằng con lợn con, vỏ đỏ tía như thoa chu sa, ruột trắng như ngó sen, vị ngọt mà thanh, sách *Thảo Mộc trạng* nói: "củ này nếu có đủ làm lương thực, ăn đều thì sống lâu được trăm tuổi". Bản

---

(*) Dây chính là củ năng, còn gọi là "củ mã thầy", dược tính hàn, giải nhiệt, tiêu dược độc, vị ngọt, rất thông dụng ở nước ta.

quốc chủ nghĩ tình nước lớn nước nhỏ, thánh đế ở phương Bắc, quốc chủ ở phương Nam, chưa được lúc thuận tiện để đến nơi của khuyết, cho nên cầu thánh đế vạn thọ mới cho tìm đem báu vật *thự dự* tiến dâng là vì thế!

Tống đế nhìn mấy củ khoai lang vỏ đỏ thẫm, củ nào cũng to, ngài chẳng thấy nó quý ở đâu, liền phán:

– Úc hầu, khanh thấy thế nào?

Trần Úc khi nghe Giang Cự Vọng giảng về báu vật phương Nam, lại viện dẫn cả sách nói về thảo mộc của phương Bắc, ông có biết sách ấy, cho nên khi nghe Tống đế phán hỏi, liền tâu:

– Tâu thánh thượng, quả thật sách *Thảo Mộc trạng* có nói như lời sứ giả viện dẫn, sách ấy còn nói: "... đem củ ấy sắt nhỏ, để dành, phơi khô làm lương thực thay lúa gạo, ăn nhiều sống được trăm tuổi". Ở phương Bắc, tức là nước ta, giống *thự dự* cũng có, nhưng không có loại như của phương Nam đem cống tiến.

Trần Úc tâu xong, Giang Cự Vọng lên tiếng ngay:

– Đa tạ đại nhân giúp đỡ, chứng thực những điều tỏ sự chân thành của bản quốc chủ! Tâu thánh đế, quốc chủ của thần còn nói:" dù có thu thập được trăm vạn cân củ quý, cũng chẳng có cách nào chuyển vận hết lên Bắc được ", vì vậy mới sai chọn lấy những củ tốt nhất, đóng làm hai rương dâng lên thánh đế, lại dặn tâu: đem củ cắt chia làm nhiều phần nhỏ, ươm trên cát ẩm tưới nước biển đông pha với nước giữa dòng sông, lại che nắng tránh mưa, giữ cho đừng nóng hay lạnh quá, thì chỉ mươi ngày là củ nẩy mầm, đem cấy xuống ruộng cát cao ráo đất trộn lẫn nhiều phân trâu bò khô, tốt nữa là đất nơi ven sông bồi nơi cửa biển, thì chỉ trăm ngày là củ đã lớn "! Như thế là chỉ một cân củ giống cũng có thể trồng được trên khoảng đất dài hai dặm, rộng một dặm!

Như vậy là chỉ hai rương củ khoai lang, Giang Cự Vọng đã trình lên Tống đế và triều đình nhà Tống một báu vật của phương Nam, Tống đế không thể không hài lòng, ngài phán:

– Thôi được! Chủ ngươi đã thành tâm thì ta cũng nhận mấy củ khoai ấy là báu vật! Thế sau đất rồi khoai, là đến thứ gì?

Triều đình nghe Hoàng đế phán giọng ngài có phần không nghiêm nghị, nhuốm vẻ vui, thì cũng vui lây, có nhiều tiếng xì xầm nho nhỏ của các quan bàn tán với nhau.

Giang Cự Vọng nghe Tống đế phán, thì tâu:

– Tâu thánh đế, lương thực quan hệ như thế đến mạng sống con người ta, ảnh hưởng lớn lao đến thịnh suy của đất nước, có nhiều là điều may, nhưng cứ ăn no cũng chưa hẳn đã là đại phúc! Trời có nắng có mưa, có

nóng có lạnh, lương thực cũng có tốt có hại, con người ta vì thế mà có lúc mạnh lúc yếu, khi lành khi bệnh. Từ phương Nam xa xôi, bán quốc chủ nghĩ đến mình rồng thánh đế nơi phương Bắc, lại nghĩ: thánh đế được tinh thần sáng suốt, long thể khỏe mạnh, tất thấy thương yêu thiên hạ, trước hưởng phúc riêng, sau dễ chăm lo đến hạnh phúc của các sinh linh, cho nên mới sai quan coi việc thảo mộc chọn lấy các giống củ, cây hay hoa quý dâng lên thánh đế để thực hiện mong ước này!

Lại những củ, những cây với hoa gì đây? Tống Thái Tông nhíu mày có vẻ lại bực mình, ngài phán:

– Đại Tống ta đất rộng mỗi chiều vài muôn dặm, cả nước Nam ngươi thu góp hoa với củ liệu có nhiều được bằng của một quận huyện của ta không, có gì là quý?

Giang Cự Vọng cung kính tâu:

- Muôn tâu thánh đế, quả thật nước thần nhỏ chỉ bằng một quận huyện của Đại Tống! Muôn tâu, thần thấy: cái đầu so với cả thân thể thì chẳng lớn là bao, lơ thơ vài nghìn sợi tóc, thế nhưng kim cổ đông tây đều gìn giữ cái đầu, có thể chặt tay bỏ chân, có thể giơ thân chịu đòn, chứ chẳng thể cắt đầu để giữ cho tay chân vẹn toàn, giơ đầu chịu đánh thay cho thân thể khỏi bị đau được! Vì thế, có khi số nhiều lại không quý bằng số ít, như thể cái cây cao mười trượng cành lá xum xuê nhiều đếm không được, nhưng chỉ có một thân, chặt bỏ thân ấy thì mười nghìn cành lớn nhỏ, năm mươi muôn lá xanh hay úa đều phải chết rụng cả! Do đó, thần mới thấy ý của quốc chủ tiến dâng lên thánh đế những củ quý đây là sâu xa thấm thiết!

Giang Cự Vọng nhân lời phán của Tống đế liền ra lời biện luận bênh vực ý của chủ mình, lại rõ ràng là chê bai xem thường Tống đế, những lời lẽ như thế làm cho Tống đế nổi giận, ngài nghiêm giọng phán:

– Giỏi! Sứ giả tiểu quốc Nam man dám vô lễ tự xem mình là trọng, coi ta chẳng ra gì! Ta có chém đầu lột da ngươi cũng không phải là điều quá đáng!

Giữa lúc chỉ có chết không thấy có mảy may nào là sống được như vậy, mới thấy được đởm lược của Giang Cự Vọng! Vọng đã không tỏ ra có chút gì là sợ sệt, mà lại quỳ ngay xuống tung hô "vạn tuế", vui vẻ tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, quả thật thánh đế là bậc chí thánh soi tỏ được cho thần cái việc *Kinh Thi* nói là "sứ giả tạo mệnh" tức là đã chọn được đường để làm tròn được sứ mạng chủ giao cho! Tâu thánh đế, quốc chủ nước thần lo lắng ngày đêm, chỉ sợ thần đi sứ không trình đủ được nỗi lòng băn khoăn hướng về cửa khuyết, nên bao nhiêu lần ân cần dặn

bảo thần phải nhớ việc. Nay, nhờ thiên ân thánh đế, minh trí soi tỏ được rõ nghĩa việc nhiều ít, lớn nhỏ, ban cho thần cơ hội để tâu trình! Nay vì việc tâu trình ấy, làm thánh đế động lòng đến nỗi muốn chém đầu lột da thần, mới tỏ được thần trí thánh đế thật ra chẳng phải là thực lòng muốn giết một kẻ bề tôi nhỏ mọn, mà chính là ban ân cho thần vì đã tỏ rõ được cái nghĩa của nhiều ít lớn nhỏ ấy, vốn là điều ngày đêm chủ thần lo lắng!

Giang Cự Vọng vững giọng tâu trình, việc cong uốn thành ngay, chuyển tình thế dữ thành lành! Tống đế nghe sứ nước Nam biện luận, thừa biết là ngoa ngôn lấy ẩn dụ mà ép ngài khiến không thể ra tay giết người để mang tiếng là "trí tối ân nông", giữa lúc cả triều đình chẳng quan nào lại không vừa sợ vừa giận vì những lời lẽ của sứ nước Nam, thì Tống đế đã đành lấy giọng vui vẻ mà phán:

– Giỏi! Quả thật nhà ngươi tâu biện đúng ý trẫm! Các khanh hãy lấy gương sứ nước Nam "tạo mệnh"(*) hôm nay mà luyện tập cho mình! Này sứ, ừ thì củ quý trẫm nhận, vậy còn quý vật gì nữa?

Thế là xong việc hai rương cống vật nữa, sân đại điện triều Tống la liệt những củ là củ với đất đủ thứ, gạo đủ hạng!

Triều thần nghe Tống đế phán, hết thảy cũng vội đối giận làm vui, lại đợi nghe sứ nước Nam trình cống vật!

Bây giờ thì Giang Cự Vọng mới thật là tự tin, vững vàng tâu:

– Tâu thánh đế, lúa gạo quý, rau củ quý đem dâng lên đấng nhân thần, lại có thể làm cho những giống quý ấy nhiều lên để ban cho trăm họ được hưởng phúc lạc của đấng thiên tử ban cho, quốc chủ thần lại nghĩ: chăn dắt muôn dân, ngày đêm xem việc bốn phương, tất đấng nhân thần phải mệt mỏi, chẳng thể cứ ăn gạo quý, ăn củ quý mà giữ cho mình rồng được an khang vững vàng mãi được, vì thế mới sai tìm rồi sao chế dâng lên thánh đế hai thứ thảo mộc đệ nhất báu vật ở phương Nam!

Lại báu vật thảo mộc phương Nam, hết gạo rồi đến khoai, củ, bây giờ lại thảo mộc gì nữa! Tống đế phán hỏi:

– Ra cả nước ngươi chỉ toàn là những cỏ với cây hay sao mà lúc nào cũng chỉ những thứ ấy?

(*) Truyện Kinh Thi *của họ Mao kể 9 truyện hay, truyện thứ 4 nói: "...đi sứ cần biết "tạo mệnh" (sứ năng tạo mệnh), truyện kể: xưa vua Tần sai sứ sang nước Sở, vua Sở định giết, sứ liền nói: tôi chết mà không về nước, tất vua nước tôi biết, thế nào cũng đem quân đánh Sở. Vua Sở nghe sứ nói, tỉnh ngộ, liền tha cho sứ được về. Như thế gọi là "tạo mệnh".*

Giang Cự Vọng mừng trong bụng với những lời phán của Tống đế, cho nên vội tâu:

– Muôn tâu thánh đế, quả thật có thế! Nước thần núi cao không bằng quả đồi nhỏ ở đại Tống, cho nên thú rừng hiếm hoi muốn kiếm sừng tê, ngà voi, gân hươu, lộc nhung... , đều khó khăn, mà những thứ ấy so với ở phương Bắc thì chẳng khác gì như bụi bặm lại sánh với đá tảng, lá mùa thu muốn đọ xanh với cảnh sắc mùa xuân! Quốc chủ của thần vì thế mới lệnh cho thái y chọn những thảo mộc quý phương Bắc có mà không bằng, nhiều mà không quý, đem dâng lên thánh đế ngự dụng!

Tống đế giọng mỉa mai phán hỏi:

– Vậy chứ nó là cây cỏ gì mà quý đến thế?

– Tâu thánh đế, đấy là *nhân sâm* với *hậu phác!*

Chợt Tống đế cả cười, triều đình cũng bật cười theo, Tống đế phán:

– Quan thảo vật bác học Trần Úc đâu, khanh hãy giảng về sâm đất Bắc của ta cho sứ nước Nam nghe xem sao?

Trần Úc vâng lệnh bước ra tâu:

– Muôn tâu, nhân sâm thì nước ta nhiều lắm, đất rộng khí hậu khác nhau, cho nên thu được nhiều giống sâm quý. Nhân sâm quý nhất là mọc ở trong hang núi Thượng Đảng nhiều lắm cân không thể hết được, các châu Liêu Đông đều có nhưng thua phẩm chất sâm Thượng Đảng. Lã Vũ cũng có nói: nhân sâm tốt nhất là sản xuất ở Thượng Đảng, thứ đến là sâm sản xuất ở Bách Tế, rồi Tân La, hạng chót mới đến sâm Cao Ly. Sách *Thảo Mộc trạng* của Kê Hàm từ đời Tây Tấn cũng nói như thế. Xét ra, nhân sâm quý, không đâu bằng sâm nước ta, nước Nam làm sao sánh được dù có sánh với sâm hạng tồi nhất là sâm Cao Ly cũng còn không được!

Cả triều cười ồ vui vẻ ra dáng chế nhạo sứ nước Nam, trên ngai rồng Tống đế nín cười ngài phán:

– Nam sứ, trẫm nghe sâm nước ngươi nhiều hơn sâm ở nước Trung Hoa đến nỗi có nơi đem cả sâm nuôi súc vật heo bò, quý hơn sâm Thượng Đảng đến độ đem rưới lên mồ xác chết cũng sống lại đội mồ mà lên, phải chăng vì thế mà chủ ngươi sai mang đến dâng ta không?

Giang Cự Vọng nghiêm trang, vẻ cung kính vòng tay tâu:

– Muôn tâu, nhiều thì thần quyết chắc chẳng bằng, nhưng quý thì thần dám chắc là không so sánh được!

Không biết Giang Cự Vọng nói như thế là thế nào, Tống đế cũng như triều đình chợt im lặng chưng hửng còn đang chưa hiểu thì Giang Cự Vọng hướng về phía Trần Úc nói:

– Hạ quan xin vô phép, hạ quan xin được trình thêm cho rõ!

Rồi hướng lên Tống đế, Giang Cự Vọng dõng dạc tâu:

– Tâu thánh đế, Úc hầu bác học quả nhiên thấu hiểu kinh sách của thế gian, nhưng thần thấy có nhiều chỗ hầu lại tránh không nói đến, như thế có khi là mắc tội chưa trình tâu hết lên đấng chí tôn, vì vậy thần xin được tiếp lời Úc hầu nói cho rõ thêm nữa! Muôn tâu, sâm Thượng Đảng, Bách Tế, Tân La hay Cao Ly cũng chỉ là sâm thường, nhất là Thượng Đảng thì không còn là sâm nữa mà đấy chỉ là Đảng sâm nông dân trồng ở Kế châu, trông thì thấy sắc trắng hồng, đẹp mắt, nhưng lạt lẽo, vô vị, các lái thương đem sao tẩm biến chế để đánh lừa thiên hạ, làm sao lại bảo là sâm quý được!?

Những điều Giang Cự Vọng tâu trình, lần đầu tiên Tống đế mới nghe thấy, triều đình kinh ngạc cũng không kém Hoàng đế, Giang Cự Vọng thông minh tinh ý vô cùng, ông tâu xong thấy tình hình triều Tống thì hiểu ngay sự tình, liền tâu tiếp:

– Muôn tâu, những việc đúng hay sai dưới thế gian chẳng có gì là lạ, vì vậy chủ thần mới sai chọn lọc đem dâng lên thánh đế thứ sâm Phù Lưu, Tiên Lễ. Sâm này trồng đã phải theo cách riêng biệt, kén đất kén khí hậu thời tiết, nước nhiều củ lớn nhưng loãng nên vượng âm ở phần dầu, nước thiếu củ dài nạp nhiều dương ở phần đuôi, cả hai đều lệch thế âm dương, trồng đúng thì âm dương cân bằng, trong hàn có ôn, trong ôn lại luân chuyển hàn chen lẫn, vì vậy vị thanh, ngọt, các lương y dùng loại sâm này để cứu chữa bệnh nguy cấp tính mệnh sắp đứt cũng hồi sinh, còn như đem rưới lên mồ thì nước thần không có thứ "ngoa ngôn sâm" ấy! Muôn tâu, chủ thần có nói: "Tống đế lao tâm khổ tứ lo việc nước, việc bốn phương thiên hạ, lại là đấng tài hoa ở nơi mật thất, cho nên dâng sâm Phù Tiên (*) để mạnh mẽ phục hồi chân lực, sinh tân dịch, bổ khí, giữ cho âm dương kinh mạch lưu thông đều hòa, lúc nào khí lực cũng như đang tuổi thanh niên cường tráng", như vậy thì thứ sâm quý ấy có lẽ nào lại nhiều đến độ đem cho heo bò ăn được!

Giang Cự Vọng giảng về sâm, chính ngay Trịnh Tú cũng chưa nghe nói bao giờ, vả lại ông cũng chẳng thấy hiệu dụng của sâm lại ghê gớm đến như vậy! Nghe thì cứ nghe, tướng quân một mực nghiêm trang, phong độ uy nghi.

Triều Tống ngạc nhiên với những lời giảng về sâm của sứ nước Nam, Tống đế hoang mang, quả thật ngài có dùng và nghe các thái y nói về

(*) Làng Phù Lưu, Tiên Lễ, thuộc châu Bố Chính, trấn Nghệ An, tức huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày nay.

sâm, toàn là những ca ngợi sâm tốt thế này thế nọ, chứ chưa nghe ai lại giảng về sâm như thế, ngài hoang mang nên giữ im lặng đợi nghe tiếp xem sao. Tống đế im lặng, nhưng nhiều quan thì không im lặng được, lại vẫn Trần Úc lên tiếng:

– Nam sứ nói như thế, thì dễ thường dưới thế gian này chỉ nước Nam là có sâm quý hay sao? Ta nghe nói, ở phương Tây cũng có nhiều thứ sâm quý thì sao?

Giang Cự Vọng nghe Úc hầu nói thì tươi cười, rồi lấy vẻ nghiêm trang đáp:

– Bẩm hầu, quả thật có việc Tây phương có sâm. Tôi nghe: bọn thương buôn đi lại đông tây, đem các phẩm vật ở phương trời đông ta về phương tây, trong đó có cả sâm, lại nói: "sâm của phương Tây bổ phế, giáng hỏa, sinh tân dịch, giải phiền muộn", nhiều người dư của ưa vật xa xứ lạ, đua nhau đổ vàng trút bạc ra để được sâm của phương Tây, mà không biết rằng sâm ấy thương buôn đem từ Trung Quốc về phương Tây, phương Tây chế biến sao tẩm, rồi cho thuyền chở lại sang Đông phương mà bán, như thế sao lại bảo là sâm quý được!

Hướng lên Tống đế, Giang Cự Vọng tâu:

– Tâu thánh đế, vẫn sách *Thảo Mộc trạng* của Kê Hàm, sau có các sách *Quảng Châu chí, Ích Châu chí, Quế Hải Ngu Hành chí*, phần lớn dựa vào sách của Kê Hàm, thảy đều nói là "sản vật tốt, phần nhiều sản xuất ở phương Nam", từ đời Hán người ta đã ra sức khai thác, sưu tầm những thảo mộc quý ở Giao Chỉ là nước tôi. Các châu Hoan *(Nghệ An)*, châu Thuận *(Thuận Hóa)* nước tôi đều là đất cực Nam nên nhiều các loại sâm quý, trầm, tốc(*), quế, đàn, mọc nhiều ở trong rừng, trồng nhiều ngoài dân gian. Tâu, nếu chỉ dùng một mình sâm quý thôi thì hiệu quả đã là cao, nhưng lại chưa bằng "nội phục Nam sâm, ngoại thông tốc đàn"!

Giang Cự Vọng tâu trình lại kể sách cổ kỳ thư thảo mộc, khiến Tống triều nghe như nghe truyện cổ tích thần tiên, Tống đế liền phán hỏi:

– Trong dùng Nam sâm, còn "ngoại thông tốc đàn" là thế nào?

Giang Cự Vọng nghiêm trang:

– Tâu thánh đế, tốc là tinh túy linh hồn của cây trầm, nghìn cây trầm may ra mới mong được một khối tốc, đem một mảnh tốc ấy đốt bằng lửa gỗ đàn hương, lúc ấy khói thơm hai thứ quyện vào nhau bốc lên, có diệu

---

(*) Tốc là tốc hương, cây trầm lâu đời, mục mà lõi kết tinh lại cực thơm, quý hiếm vô cùng, người ta còn gọi là "kỳ nam".

dụng thông kinh rửa não, làm cho tinh thần thông tuệ nhẹ nhàng lâng lâng, xua đuổi tà khí, lau sạch không gian, mở lối cho Nam sâm Phù Lưu, Tiên Lễ, thong thả tràn vào khắp sấu phủ năm tạng, đi khắp châu thân, sức mạnh thần kỳ của Nam sâm lúc ấy có thể khiến người hấp hối sống lại được ba năm, mỗi tuần trăng người khỏe mạnh "phục nam sâm, thông tốc đàn" vào ngày trăng tròn liền trong nửa năm thì có thể thọ thêm được một giáp!

Chao ôi! cả triều Tống như mê man nghe sứ giả nước Nam kể truyện lạ kỳ. Sứ giả ngưng nói đợi lời phán báo của Tống Thái Tông.

Hồi lâu Thái Tông mới phán, giọng ngài êm lắm:

– Hay lắm! Nam sâm Phù Lưu, Tiên Lễ thần diệu cải tử hồi sinh, uống mười năm thêm thọ hơn trăm tuổi! Vậy chứ sâm quý với tinh trầm ấy lấy gì làm chứng là tốt thật?

– Muôn tâu thánh đế, thánh ý quả thật rất đúng! Mặt trời không lên sao bảo được rằng đang là ngày, trăng không treo sao nói được là đang đêm tối! Sâm quý, tốc hiếm, các đời vua nước Nam đã từng kinh nghiệm, cho nên trong nước mới có những con người "sức đỡ được núi đá đổ, chận chuyển được cả dòng sông dữ", ngay đến kho tàng cung vua cũng chẳng có được vài trăm cân, làm gì còn có nhiều để dân gian đem ra mà thử được! Tâu thánh đế, chủ thần sai gìn giữ cẩn thận, dâng lên thánh đế Nam nhân sâm Phù Lưu Tiên Lễ hai trăm cân, tốc quý năm mươi cân, sâm thì thần không dám phóng tay đem thử để chứng minh trước thiên nhan, còn tốc hiếm phải lấy tận nước Giản Phố Trại(*), đường xa vạn dặm, trăm người đi may lắm chỉ về được vài ba người, nhưng có thể chứng nghiệm ngay tại điện rồng được!

Nói rồi, Giang Cự Vọng không cần đợi lệnh, lấy trong rương ra một gói bọc vóc hồng, nhanh tay mở gói thấy những cục đen óng hổ phách, họ Giang nhặt ra một cục nhỏ khoảng đầu ngón tay rồi gói ngay bọc vóc lại, thế mà cả triều đường bỗng nhiên cũng thấy phảng phất hương rừng cực thanh thoát. Giang Cự Vọng hướng về các quan nói:

– Ngài nào có lửa xin cho một mồi!

Lửa thì trong điện rộng mênh mông chẳng thiếu, khắp nơi bạch lạp đang cháy dù là giữa ban ngày.

Lửa châm vào cục tốc đen hổ phách, một làn khói xanh cực nhẹ bốc lên.

(*) Giản-Phố-Trại tức là phiên âm cũ của nước Kampuchia, trước kia nơi này tên gọi là Phù Nam.

Khói thơm hương trầm, sợi khói chỉ lớn bằng khói một cây hương (nhang). Cả triều dường im phăng phắc, ai cũng biết sợi khói kia là khói thơm hương trầm, trên ngai rồng Thái Tông hồi hộp đợi xem báu vật này quý đến thế nào, trầm thơm thì nước của ngài chẳng hiếm.

Kỳ diệu thay! Mảnh tốc đàn bé nhỏ, sợi khói mỏng manh là thế, vậy mà chỉ trong một thoáng là đại điện rộng mênh mông đã thấy hương thơm tràn ngập, như thể phải là hương thơm của hàng cân thứ trầm tối hảo đốt lên cùng một lúc! Tốc hương tuy là thượng phẩm của trầm hương nhưng phẩm hương vượt xa mùi thơm của trầm! Trong hương thơm kỳ diệu ấy tràn ngập đại điện, trên ngai rồng Tống đế đến trăm quan trong điện rộng cảm thấy như có khí nóng nồng ấm mà lại lâng lâng phảng phất như khói nhẹ thoát lên từ mặt hồ rộng chẳng nhìn thấy ôm ấp khắp không gian, hương thơm ấm nồng nhưng nhẹ lạ lùng len lỏi vào tận cùng phủ tạng, mở hết các huyệt đạo để cho khí huyết lưu thông thật êm đềm thông thoát! Trong khoảnh khắc, tất cả mọi người dù khỏe mạnh hay tiềm ẩn một căn bệnh nào đấy, thảy đều thấy tâm hồn thanh thản nhẹ nhàng, cơ thể khỏe mạnh, tốc hương có sức lau sạch không gian, hút khô thấp khí, đẩy mọi mầm mống bệnh tật. Tống Thái Tông cảm thấy bao nhiêu uể oải mệt mỏi sau đêm hoan lạc vừa rồi giữa rừng hương sắc chợt tan biến đâu mất, giọng vui vẻ ngài phán:

– Tuyệt thật! Quả nhiên tốc hương kỳ diệu quý hơn trầm hương nhiều lắm! Nước ta bao la, rừng núi nhiều đến thế, lẽ nào lại chẳng có tốc hương hay sao?(*)

Trăm quan văn võ Tống triều còn chưa kịp tâu trình, sứ giả Giang Cự Vọng đã lại tâu tiếp ngay:

– Muôn tâu thánh đế, Trung Quốc rừng bao la lớn hơn trăm lần rừng nước thần, tất trầm cũng không thiếu. Nhưng, tốc hương thì chỉ xuất hiện ở phương Nam, nước thần cũng có tốc hương nhưng hiếm, phải xuống tận Giản Phố Trại đường đi gian khổ chẳng thua đường đi của thầy Đường Tăng ngày trước sang Tây Trúc thỉnh kinh Phật! Còn đàn hương thì nước thần có, cũng không nhiều. Muôn tâu, vì thế tốc hương trộn với đàn hương mới quý đến như vậy, tuy thế, phép "phục nam sâm, thông tốc đàn" nhiệm mầu như thế mà thiếu mất *hậu phác* thì cũng như "người thông minh dĩnh tuệ, nhưng tai hại thay lại thiếu mất tay chân!"

Lại còn thứ gì quý sánh ngang "tay chân trên thân thể con người ta" đây? Tống đế phán:

(*) *Có lẽ vì thế mới gọi thứ trầm này là* "kỳ nam".

– Phục Nam sâm, thông tốc đàn đã kỳ diệu đến tối thượng như vậy rồi, sao lại còn hậu phác gì nữa?

Giang Cự Vọng lại nghiêm giọng, mắt nhìn lên ngai rồng nên không thấy tướng quân Trịnh Tú hơi mỉm cười.

Tú nghiêm trang đứng nghe Giang Cự Vọng luận giảng báu vật trong lòng đã lấy là kỳ, đến khi nghe nói đến *hậu phác*(*) thì dù trang nghiêm đến đâu ông cũng không thể không lộ nụ cười mỉm thật kín đáo.

Cự Vọng tâu:

– Tâu thánh đế, hậu phác là một giống cây cũng lại cực quý của nước thần, hoàn toàn không có ở Trung Quốc! Đây là một giống cây lớn, lá lớn xanh đậm, có hoa có trái, cả cây không một phần nào lại không là diệu dược! Người dân nước thần, trên cao nhất là đức vua, xuống đến hạng dân đen thấp nhất, ai cũng hàng ngày uống nước lá, nước nụ hoa của hậu phác thay cho các loại trà, dù trà có là trà Long Tỉnh, hầu trà núi Di, thần trà Hi Mã Lạp Sơn, vương trà Trảm Mã cũng không thể nào sánh bằng được! Muôn tâu, ở nước thần bá tính không thể có sâm, không thể có tốc hay đàn, vì thế chỉ dùng một thứ hậu phác thôi cũng đủ, tuy rằng sức hiệu dụng của đơn thuần một bát hậu phác cũng ngang bằng "năm thang thuốc bổ"!

Tống đế tai đã quen nghe lối giải thích tâu trình dài dòng của sứ nước Nam, ngài không còn thấy sốt ruột mà lại thấy tò mò, liền hỏi:

– Cây gì mà quý thế! Đất nước bao la của trẫm không có chăng? Nếu không có, thì trẫm cho người xuống nước ngươi đem về trồng có được không?

Giang Cự Vọng vui vẻ tâu:

– Muôn tâu thánh đế, đấy là ý của bậc nhân thần ngày đêm lo nghĩ làm cho nước mình thêm giàu có, làm cho trăm họ được thấm nhuần ân huệ! Tuy nhiên, thần còn nhớ truyện xưa nói việc trồng quýt khác thung thổ khí hậu làm cho quýt ngọt hóa thành quýt chua, sách cũ nói rõ: hậu phác chỉ mọc ở đất Giao Châu, thế thì thánh ý muốn đem về Bắc mà trồng tất là được, nhưng không biết nó phát triển lên được không, thần không dám chắc! Muôn tâu, hậu phác không dùng lá hay nụ hoa tươi làm thức uống, mà đem xao khô ủ kín, sau đấy mới nấu lấy nước. Nụ hoa hay lá

(*) Hậu phác *là cây vối. Sách* Bản Thảo *ghi: giống cây sản xuất ở Giao Chỉ. Người nước Nam rất thường dùng nước lá vối hay nụ vối, có hiệu lực thanh nhiệt, giải độc, trợ gan, chữa chứng đau bụng, bí tiểu tiện, làm tỉnh táo tinh thần, hết mệt mỏi.*

khô ấy, bản thân chứa tinh hoa rút tỉa từ lòng đất, chiếu theo vận chuyển của tinh tú trên trời cao mà tích tụ khí dương, đón sương đêm trời Nam để lập khí âm, đến khi sao khô ủ kỹ ấy là làm cho dương thừa thì âm tăng hai bên cân bằng, khiến cho khi nấu lấy nước mà uống thì mới thấy được hết hiệu dụng thần tiên của nó!

Tống đế cùng triều thần nghe từng lời nói của Nam sứ, bao nhiêu là chuyện lạ, nghe như huyền hoặc nhưng chẳng ai biết chắc là có đúng như thế hay không nên không dám vặn lại, ngay như quan đại học Trần Ức tước hầu nổi danh uyên bác, cũng còn không dám lên tiếng vặn hỏi, thì làm gì còn có người dám bài bác những lời nói ấy của họ Giang! Duy có tướng quân Trịnh Tú thì hiểu rõ hương vị của nước uống lá vối khô hay nụ vối khô, ông đâm ra nghi hoặc không biết những lời Giang Cự Vọng có đúng thật thế hay không?!

Giang Cự Vọng thấy cả Tống triều im thin thít, thì được thể càng cao giọng, giảng:

– Muôn tâu, nếu uống nước hậu phác sao tẩm theo lương y chỉ dẫn vào buổi tinh mơ, thì giúp cho tinh thần được sảng khoái, trí tuệ sáng láng; uống vào chính ngọ thì phục hồi được sức lực để ra suốt buổi sáng, trữ sẵn sức cho những việc buổi chiều; uống vào lúc tối đêm thì thật là thứ dược tháo này mới phát huy được hết sức thần hiệu của nó! Ở nước thần có thầy lang chỉ cho các cặp vợ chồng son mới lấy nhau cách uống hậu phác sao đặc liền trong một trăm ngày, đạt được diệu dụng truyền tụng trong dân gian "nhất dạ bát giao, nhất nhật canh điền bát mẫu!"(*)

Tống đế nghe Nam sứ nói ngài thoáng nghĩ đến hậu cung của mình thì thích lắm,nhưng ngài lại vui vẻ phán:

– Như thế, thì nước ngươi chẳng có đứa đau ốm bệnh tật, đứa nào cũng sống lâu trăm tuổi chắc?

Triều đình cũng vui lây cái vui của Hoàng đế, khẽ khẽ cười thành tiếng. Giang Cự Vọng cũng làm ra vẻ vui, tâu:

– Muôn tâu, quả thật nước thần ai cũng khỏe, tuy thế chẳng phải là ai cũng là người gân đồng xương sắt, cũng có kẻ đau ốm bệnh tật, kẻ yếu đuối già nua, ấy là vì trăm họ nghèo khó tất bật làm ăn, uống hậu phác cũng chỉ là thứ trà giải nhiệt, hồi lực, thông tì vị bình thường, sở dĩ như vậy là vì bá tính làm gì có hương quý tốc đàn, lại chẳng phải thuận lợi nhàn hạ để sao tẩm hậu phác đúng phép của lương y dặn bảo, cho nên diệu dụng của thần dược thảo cũng không hơn được món lương trà!

(*) Một đêm giao hợp được tám lần, một ngày cày được tám mẫu ruộng.

Tống đế tò mò lại có phần nóng ruột, ngài sai quan trấn diện đem lá với nụ hoa hậu phác lên để ngài ngự lãm. Lá vối sao ú thật kỹ khô mà thẳng băng, sắc nâu thẫm, bóp nhẹ là vỡ vụn bốc hương thơm riêng. Quả thật Tống đế chưa bao giờ lại thấy mùi hương cây cỏ nào như hương lá vối này! Ngài tự tay lật xem lá vối, rồi xem đến nụ vối li ti, bậc vương đế nhất thiên hạ làm gì biết được thứ nhật dụng trong dân gian nghèo khó, vì thế ngài chưa bao giờ lại thấy mùi hương cây cỏ nào như hương lá hậu phác kỳ lạ này! Ngài phán hỏi:

– Quả thật trẫm chưa thấy mùi hương loại thảo mộc này! Thế thì trà quý này chủ ngươi sai đem dâng trẫm mấy muôn cân?

Giang Cự Vọng bây giờ lại thật vững lòng, ông tâu:

– Muôn tâu, vận chuyển đường xa khó đi, cho nên chủ thần lựa chọn được trăm cân hậu phác diệp, trăm cân nụ hoa, sai thần đem lên phương Bắc, lại dặn: "trình tâu thánh đế, lá hậu phác phải nấu bằng nồi đất, cấm kỵ đồ kim khí, lấy nước giếng chứ không lấy nước sông, lại càng không được dùng nước suối nước khe, ấy là để cho hợp với lẽ sinh khắc của ngũ hành. Nấu rồi, lại ủ cả nồi trong tro nóng, cho đến khi nước lá hậu phác trở thành nâu thẫm lúc ấy mới đem mà uống, uống nóng hay để nguội đều tốt như nhau. Riêng nụ hậu phác, không được nấu, mà bỏ vào trong bình sứ, chế nước đun mới chí sủi bọt lăn tăn như phượng nhãn (mắt con chim phượng), không được dùng nước sôi là cốt để hãm không cho hương trà thoát mất mà phải quyện hết vào trong nước, ủ nước nụ hoa hậu phác một giờ một khắc rồi mới uống, lúc ấy nước trà có sắc nâu trong như hổ phách, diệu dụng ngay từ ngụm uống đầu tiên. Các lương y lại nói: "trà nụ hậu phác nên uống thật nóng vào lúc mặt trời chưa lên, nhưng không nên sớm quá trong đêm", như thế sẽ điều hòa được hai khí âm dương, thần khí tích tụ được nhiều nhất ở não bộ, có thể giúp loại trừ trăm bệnh, bồi lực tăng dương, thật là thứ nước uống quý báu!

Tống đế cũng như triều thần từng trải nhiều loại rượu quý, trà hiếm, sử dụng biết bao nhiêu là kỳ hoa dị thảo cốt để tăng lực bồi dưỡng nguyên khí, nghe ở đâu có thần dược giữ cho sức khỏe được vững bền, tha hồ tung hoành chốn hương sắc, là thế nào cũng xuống lệnh đem về, thế mà bây giờ mới được nghe nói đến có thứ nước uống thảo mộc quý đến như thế, nhất là khi lại đích thân Hoàng đế tay sờ lá vối khô, mũi ngửi hương của lá lạ, thì trong lòng thích lắm, ngài phán:

– Vậy mà ngươi ngại khó, chỉ mang theo mỗi thứ có trăm cân, sao không đóng xe mười ngựa đem dâng trăm xe có được không?

Giang Cự Vọng lại vội nghiêm trang, tâu:

– Muôn tâu, cả nước thần đem dặt dưới chân đức thánh đế còn được, thế thì vài muôn cân hậu phác có đáng kể gì! Duy có điều, người đi sứ chẳng thể ôm đồm tất cả mọi thứ được, cho nên chủ thần có dặn tâu lên thánh đế: "ngài ưng thích thứ gì, thì sẽ đều đều hằng năm đem cống dâng", vậy sau này thần sẽ tâu trình quốc chủ để nhớ đến hậu phác tiến cống!

Thế là sứ giả Giang Cự Vọng trình xong thêm hai rương báu vật hậu phác là lá vối nụ vối! Tống đế ưng ý lắm, long nhan không còn men mét tái như lúc mới hội trào, bây giờ sắc mặt tươi nhuận, ngài phán:

– Phải, mai này trẫm sẽ cho người xuống nước Nam lấy các thứ tốt ấy mới được nhiều, rồi nhân thể ban cho chủ ngươi lời khen!

Giang Cự Vọng cũng như Trịnh Tú nghe Tống đế phán, cả hai tâm cơ rung động, Tống đế nói trước là mai sau sẽ cho người xuống nước Nam, họa binh đao thế nào cũng xảy ra! Triều thần hiểu lời phán của Hoàng đế, có nhiều tiếng rì rào, các quan văn võ khe khẽ bàn gì với nhau!

Giang Cự Vọng rất thản nhiên, mặt không đổi sắc, giọng không run, ông vững vàng tâu tiếp:

– Muôn tâu thánh đế, nước thần nhỏ bé ít khi được các Hoàng đế Trung Quốc để tâm cho sứ xuống thăm hỏi, mai sau Hoàng đế cho người xuống thăm lấy trà hậu phác, thần nghĩ dấy là điều nước thần mong đợi để được đón rước thật lớn lao!

Giang Cự Vọng cũng lại ngầm đe dọa lại Tống đế, và trên ngai rồng Tống đế khẽ cười nhạt. Giang Cự Vọng tiếp:

– Muôn tâu, hương tốc đàn, trà hậu phác đã quý, hương tốc đàn lan rộng khiến nhiều người được hưởng, trà hậu phác ít người được nếm nhưng cũng vẫn còn là nhiều người được hưởng, riêng có một báu vật này thì chủ thần dặn: "dâng lên để chỉ một mình thánh đế ngự dụng, cho nên phải hết sức giữ gìn "...

Tống đế liền hỏi ngay:

– Như vậy, là báu vật gì nữa?

– Muôn tâu, chắc vì nước thần bé nhỏ cho nên như để bù lại Trời ban cho một số báu vật chẳng nơi nào trên thế gian có được! Một trong những thứ ấy, là *Trường Sinh Thủy* ở trong một rặng núi lạ, ai may mắn uống được nước này có thể tuổi thọ ngang trời đất!

Tống đế cũng như quần thần của ngài từng nghe chẳng thiếu những thứ thảo mộc hay thuốc lạ trường sinh, nghe nói ở Bồng Lai ngoài biển Đông còn có cả tiên dược trường sinh bất tử cho nên ở ngoài ấy có tiên sống, vì vậy ngày xưa Tần Thủy Hoàng đế mới cho người ra đảo Bồng Lai

để tìm thuốc tiên bất tử, nay lại nghe sứ nước Nam nói đến thứ nước trường sinh đem dâng, sau khi đã dâng mấy báu vật thì Hoàng đế bỗng thấy hào hứng lắm, ngài phán:

– Trẫm từng nghe trên thế gian có thuốc tiên trường sinh bất tử, nhưng chưa thấy có thứ thuốc nào được như thế, bao nhiêu đời thiên hạ tốn không biết bao nhiêu công lao tìm kiếm mà chẳng được, nay nước Nam lại có nước trường sinh ắt dân nước Nam toàn là tiên cả, quanh năm chẳng có người già hoặc đau ốm mà chết chăng?

Lời phán mỉa mai của Tống đế làm cho cả triều đình bật lên tiếng cười khe khẽ. Tướng quân Trịnh Tú vẫn trang nghiêm đứng nghe Giang Cự Vọng cứ liên tiếp lớn tiếng biện giảng những thứ báu vật cổ kim chẳng đâu có mà hóa ra toàn là những thứ thật tầm thường, thì trong lòng vừa phục tài ăn nói lại vừa thú vị, khi nghe Tống đế phán, nhớ lại nước ở núi Kháo ngày nọ Giang Cự Vọng bảo tướng quân lấy đi một ít, hóa ra giữa Tống triều nước suối rừng hoang ấy lại biến thành nước tiên trường sinh bất tử! Tướng quân lại nghiêm trang đợi nghe Giang Cự Vọng biện giảng.

Sứ giả nước Nam nghe Tống đế mỉa mai, đã không ngại lại còn có phần hãnh diện, vội tâu:

– Muôn tâu, cả nước thần trăm họ đều là thần tiên thì chẳng phải, nhưng gốc gác trăm họ nước thần chính là con cháu của "tiên với rồng" là có thật, việc ấy sử sách còn ghi rõ, lâu đời cốt cách thần tiên cũng có phai nhạt, thần chẳng dám nói thêm về những việc ấy, chỉ xin được tâu trình về nước trường sinh! Muôn tâu, nước trường sinh ở vùng núi quanh năm sương phủ, ứng với khu vực của sao Dực sao Chẩn, tinh thứ nằm ở sao Thuần Vĩ, một mình đứng trong trời đất chỉ là nơi tích tụ linh khí, nuôi dưỡng thần hoàn, nhưng ở tả phận còn có khu vực sao Đông Tỉnh, sao Dư Quỉ, nằm trong tinh thứ sao Thuần Thủ; đối ứng một bên hữu phận là dư lực của Dực Chẩn chưa ra khỏi tinh thứ Thuần Vĩ, cho nên một bên khai được dòng, một bên triển được thế, núi thiêng mở ra để cho dòng sinh thủy có lối xuất hiện ra ngoài đất trời bao la, một-trăm-mười-lăm năm mới có một lần đúng lúc Dực Chẩn định vị, Dư Quỉ quay đầu đồng quy Thuần Vĩ, thì nước ấy xuất hiện đúng vào giữa giờ Ngọ, lúc ấy dòng nước dù quanh năm vẫn chảy, nước có lúc đục lúc trong, nhưng đúng ngày, giữa Ngọ, dù có đem đổ bùn xuống dòng hay đem bất cứ thứ đục bẩn nào trút xuống, nước vẫn trong veo, lại có vị ngọt gấp mười lần nước mưa, kỳ diệu thêm ở chỗ: chỉ người chính nhân quân tử hay bậc đại hùng trong thiên hạ khi cầm chén nước ấy sẽ thấy hương thơm của hoa quỳnh, hoa lý, hoa sen trộn lẫn, cho nên còn có tên là "Tam Hoa Thủy ", hay "Quân Tử Hương Thủy"! Dầu năm nay, vào ngày Dần, tháng Dần, đúng

vào giờ Ngọ, dòng nước thần tiên xuất hiện, đúng như thiên văn nói rõ trong sử sách!...

Giang Cự Vọng nói một thôi dài, toàn những trăng sao trên trời, nghe cứ như trong truyện cổ tích thần tiên, làm cho cả triều đình Tống nghe như nghe truyện hoang đường đầy mê hoặc chẳng làm sao hiểu nổi!

Tống đế chợt phán hỏi:

– Sông suối chảy thì cứ chảy, nước lúc đục lúc trong là thường, có gì mà phải đợi trăng với sao mới khai thông được? Ngươi muốn lừa trẫm đấy chăng?

Giang Cự Vọng liền quỳ ngay xuống, hai tay nhấc khăn đặt xuống sàn điện, kính cẩn tâu:

– Muôn tâu, thần không dám phạm tội khi quân! Thần không dám! Muôn tâu, một-trăm-mười-lăm năm về trước, ấy là vào năm Ất Dậu (865), đời nhà Đường, có ông Cao Biền dòng dõi võ tướng môn, lại cực giỏi văn học, vâng lệnh đại Đường Hoàng đế cùng với đại tướng Lý Duy Chu mang binh dẹp giặc Nam Chiếu ở Giao Chỉ, bị Duy Chu vốn ganh tài không đem binh tiếp ứng khiến Cao Biền bị nguy ở Hải Môn, may đúng lúc dòng trường sinh thủy ứng thiên văn nhờ sao trời dẫn đường chảy, báu thủy xuất hiện, Cao Biền nhờ được nước ấy chỉ trong một giờ mà "tướng hùng binh mạnh" trăm ngày không ăn mà vẫn sống mạnh, rồi dẹp được giặc, việc ấy sử sách còn nói rõ. Đến nay, thời để cho nước thiêng xuất hiện, chủ thần được các quan thiên văn tính trước biết rõ, mới sai tướng đem binh kín đáo lập trại ngay bên núi, lấy được nước tiên đem về cất giữ, nay thần vâng lệnh đem trường sinh thủy lên Bắc dâng Hoàng đế thánh nhân. Nước quí là vì thế![*]

Bây giờ thì tướng quân Trịnh Tú hiểu rõ nước núi Kháo ở Lạng Sơn được Giang Cự Vọng sai đem theo sứ đoàn là như thế!

Nước quí trình ra giữa đại diện Tống triều, trăm quan văn võ cố nheo mắt nhìn xem nước ấy thế nào, chỉ thấy những ống tre già vàng óng cực đẹp, chắc là những ống tre ấy đựng nước tiên! Tống đế mấy lần tin lắm ở những lời nói của Giang Cự Vọng, bây giờ cũng lại hết nghi ngờ, long nhan có vẻ bứt rứt, chắc là ngài đang nóng lòng muốn biết thứ nước tiên một-trăm-mười-lăm năm mới xuất hiện một lần ấy!

(*) Có người nói: Lạng Sơn một mặt là đường hành quân chiến lược, một mặt lại có núi thần sản sinh ra dòng nước "trường sinh thủy" quý như thế, cho nên những lần đem quân đánh chiếm nước Việt, lần nào quân Trung Nguyên cũng tiến vào đường Lạng Sơn, cũng là có ý muốn chiếm dòng nước "trường sinh thủy"!

Giang Cự Vọng tự tay bưng một ống tre, sức văn nho tay yếu thành ra ống tre dài lớn đựng đầy nước cũng có phần nặng, Cự Vọng vẫn dứng nguyên một chỗ kính cẩn nâng ống tre dài lên ngang ngực, tâu:

– Muôn tâu thánh đế, tiên thủy không chịu vật kim khí, kỵ thứ sành gốm thấp kém, cho nên phải đựng trong những ống tre thần làng Gióng, lỗ khoét không được lớn hơn con mắt người hứng nước, nút dây lại phải là tơ của cây gian thảo(*), như thế mới giữ được nguyên tính của nước tiên. Thần xin được dùng chén ngọc của bậc thánh đế đựng nước dâng lên ngài ngự!

Giang Cự Vọng muốn dùng chén uống nước riêng của Tống đế để đựng nước tiên. Tống đế nghe tâu hiểu ý liền truyền đem chén ngọc xuống để Giang Cự Vọng rót nước.

Nước dâng lên, Tống đế thấy nước trong như sương đêm hứng trên lá sen, lại có vẻ như hơi ánh xanh trong lòng chén Bạch Ngọc. Ngài nâng chén, triều thần trăm cặp mắt chăm chú nhìn cả lên long nhan để xem đức Hoàng đế thấy thế nào. Tống đế kề chén sát môi, ngài chưa vội nhấp thử mà có ý như tìm xem hương thơm của nước như thế nào? Rồi ngài mới nhấp thử một chút.

Cũng lúc ấy, Giang Cự Vọng không đợi Hoàng đế phán bảo gì, đã lên tiếng tâu:

– Muôn tâu, thần tin chắc đức thánh đế hài lòng với "Quân Tử Hương Thủy ", với vị ngọt gấp mười lần nước "Vô Căn Thủy", quý ngang nước cam lồ của Bồ tát Quán Thế Âm! Thần kính cẩn đợi nghe đức thánh đế ban lời khen ngợi tiên thủy!

Giang Cự Vọng tâu như thế khiến cho Tống đế không làm sao để bài bác gì được, đành phải phán giọng chẳng mạnh dạn:

– Có hương thơm!

Ngài chỉ phán có thế! Hương thơm ấy, chẳng phải là hương thơm riêng của nước quyện lẫn hương ba loài hoa nào, mà chỉ là hương của lớp ruột tre già truyền sang trong một thời gian dài suốt dọc cuộc hành trình vạn dặm! Hoàng đế không thể không nói nước ấy có hương thơm thần tiên, ngài chẳng thể nào lại phán trước quần thần, nói trước thiên hạ rằng "ngài chẳng phải là chính nhân quân tử, chẳng phải là bậc đại hùng trong thiên hạ" khi phán bảo nước ấy chẳng có hương thơm hay vị quý gì! Tống đế lắng lặng nhấp một chút nước suối núi Kháo, nước có lạnh thật, có vị ngọt thật, ngọt hơn nước mưa! Bây giờ thì ngài hơi tươi nét mặt, ngài

---

(*) Gian thảo: *cây cói dùng để dệt chiếu.*

uống thêm một ít nữa cảm thấy nước như dòng tuyết tan chảy vào phủ tạng, ngài liền uống hết chén nước.

Quần thần của Tống đế hết sức chăm chú quan sát xem Hoàng đế biểu lộ nét long nhan thế nào, từ đấy có thể biết được về mức quý giá của nước tiên, và bây giờ thấy Tống đế uống cạn chén ngọc đựng nước báu, long nhan có phần tươi tỉnh, trăm quan vui trong lòng lắm, nhiều vị may mà kìm lại được để khỏi thốt ra lời tung hô "vạn tuế" mừng Hoàng đế!

Tống đế uống hết chén nước, quả nhiên nước mát và ngọt lắm, nhưng hương thơm như sứ giả nói thì ngài không thấy, tuy vậy ngài cũng vui vẻ phán:

- Nước có ngon thật!

Giang Cự Vọng vẫn vòng tay đứng giữa sân điện, bây giờ hướng về phía các quan, Vọng hỏi:

- Hương thơm tiên thủy quả thật nhẹ nhàng, tuy vậy cũng ngan ngát cả đại điện, chắc là chư vị đại quan cũng đều nhận thấy cả?!

Nào có ai ngửi thấy hương thơm gì, nhưng tất cả đều cũng phải có vẻ mặt ra chiều có thấy hương thơm thần tiên, mũi hít hít, có vị lại còn tỏ cử chỉ ước muốn được thưởng thức thứ nước hiếm có ấy lắm!

Giang Cự Vọng hỏi xong, chẳng để các quan kịp có lời nói nào, đã lại hướng lên ngai rồng, tâu:

- Muôn tâu thánh đế, nước thiêng thần tiên xuất hiện đúng thời giữa dòng cũng chỉ trong một khắc là hết, vì thế chẳng thu hứng được nhiều. Một đại tướng cùng với trăm quân cũng chỉ thu được số nước đựng đủ hai mươi khúc tre đằng ngà làng Gióng, chủ thần chỉ dám giữ lại có hai ống nước tiên, còn thì sai đem đủ mười tám giống nước ấy lên dâng Hoàng đế, để tỏ lòng thành cầu mong đấng nhân thần được sức khỏe dồi dào, tuổi thọ ngang trời đất!

Mười-tám giống tre dài đựng nước, sứ bộ gìn giữ xem ra trang trọng lắm, Tống đế Thái Tông có phần băn khoăn không tin hẳn nước lạ ấy có tiên lực trường sinh bất lão, bậc đế vương có bao giờ lại uống nước lã, chén nước mát lạnh thoang thoảng hương thơm ngài vừa uống quả thật có làm cho ngài thấy dược khác hẳn với hương và vị của các thứ trà Hoàng đế, ngài thấy tỉnh táo!

Dưới sân rồng, Giang Cự Vọng lại lên tiếng tâu:

- Muôn tâu, cùng với tiên thủy, chủ thần lại nghĩ: tuổi thọ đã có, bậc nhân thần chung quanh có vạn suối vui hoan lạc, ngày tháng hưởng lạc càng dài thì tất dương khí tinh cốt càng suy giảm đến cạn kiệt, thế là cái

họa tuổi già phải đến, cho nên mới sai chức Đô Đốc Tứ Trại mang binh thiết đột chia nhau lục tìm trong vùng núi thiêng rừng độc chưa từng có bước chân người đặt vào, thu thập cho kỳ được chủng tử Kim Anh, nấu thành cao quý đem dâng thánh đế. Cao Kim Anh diệu dụng vô cùng thế gian chỉ có ở nước thần là có, mà chỉ có ở một địa phương, các nơi khác trên khắp giang sơn tuyệt nhiên chẳng có, diệu dụng của cao Kim Anh(*) là ở chốn hậu cung, giúp đấp ứng được đủ tam cung lục viện, đời xưa thứ cao cực quý báu này đã từng được sử dụng nhiều lắm ở cung A Phòng(**), chỉ có bậc nhân thần mới có vì hiếm, chủ thần sai đem dâng Hoàng đế là để tỏ lòng cầu mong thánh đế luôn được an lạc!

Tống Thái Tông là Hoàng đế kế nghiệp, là em ruột tiên vương khai sáng triều đại, thừa hưởng vàng son chẳng phải tốn nhiều công sức, tung hoành chốn hậu cung bao nhiêu cũng chưa thể xem là đủ được, nay nghe sứ nói có thứ cao thảo mộc quý đến như vậy thì mừng lắm, nhưng lại phán:

– Như vậy, có phải là chủ ngươi có ý muốn làm cho ta mê man ở chốn hậu cung, say đắm hương sắc khiến cơ nghiệp của tiên đế phải suy vi không?!

Giang Cự Vọng lại một lần nữa nâng khăn đem đặt xuống sàn đại điện, tâu:

– Chủ thần không dám! Đấng quân vương là chủ tể muôn loài, ngự trị trên trăm họ, cổ kim bao giờ cũng được hưởng lộc trời hương sắc là điều tự nhiên, vì thế chủ thần mới sai dâng báu vật để đấng chí tôn luôn luôn được vững vàng khỏe mạnh!

Đến đây thì Tống Thái Tông hài lòng lắm, ngài sai đưa cao hạt Kim Anh lên để ngài ngự lãm. Cao gói trong gấm trắng (bạch cẩm) mỗi bao tre dan như hình dáng chiếc hộp mỗi bề ước khoảng hơn gang tay, trong đựng tám miếng cao sắc nâu vàng nhạt, óng như mật ong lọc kỹ. Tống đế xem xét các miếng cao Kim Anh, rồi phán hỏi:

(*) Cây Kim Anh là loại cây leo bám vào các cây khác, có ở các vùng núi rừng tỉnh Cao Bằng và chung quanh; hạt nó tương tự như hạt dành dành, người ta đem nấu rồi đúc thành cao, công dụng y dược của nó là ích dương cố tinh rất hiệu quả.

(**) Cung A Phòng là một trong những cung điện vĩ đại của Tần Thủy Hoàng đế xây dựng ở Hàm Dương, cung này ở gần Hàm Dương cho nên gọi là "A" có nghĩa là "gần", cung chưa xây dựng xong cũng gom gái đẹp trong thiên hạ về nhiều vô kể, đến đời Nhị Thế nhà Tần tiếp tục xây dựng cực kỳ nguy nga. Sau, thành Hàm Dương cháy vì lửa chiến tranh, 3 tháng ngọn lửa chưa tắt, cung A Phong cũng tan ra thành tro bụi.

– Vậy thứ cao này dùng như thế nào?

Giang Cự Vọng tay nâng khăn dội lại lên đầu, chỉnh lại cho ngay ngắn rồi mới tâu:

– Muôn tâu, mỗi chiều trước khi dấng nhân thần lên long sàng, lấy một mảnh nhỏ cao Kim Anh, lớn khoảng hạt ngô, hòa vào trong chén nước trường sinh mà ngự ẩm, hai khắc sau là cao ngấm, hiệu lực có thể giữ được đến lúc mặt trời lên. Cao với nước ấy còn làm tăng thêm hiệu dụng trường sinh bất lão!

Trịnh Tú nghe Giang Cự Vọng nói, chính tướng quân cũng hoang mang không biết họ Giang nói thật hay nói bịa?! Tướng quân chỉ nghe nói: quả và hạt Kim Anh rất được giống khỉ lớn, đười ươi thích tìm ăn vào những mùa tháng động đực tìm cái, hạt này có tính kích dục mạnh lắm, chẳng có gì là quý như lời sứ giả nói cả! Nhưng, Tống đế rất hài lòng, các quan thì nhiều ông nhấp nhổm thầm ước được có thứ cao quý báu ấy!

Giang Cự Vọng dâng xong cao Kim Anh, lại tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, ở nước thần núi lớn chẳng bằng một quả đồi ở Trung Quốc, nhưng lại có vài nơi kỳ lạ, có một nơi núi có sắc đá đỏ hồng, người xưa bảo: "hồng thạch thấm nhuần lời dạy của Đức Thích Ca, nên cũng có hồn", cho nên chủ thần sai ba trăm binh tướng đi lại trong vùng núi non kỳ lạ đó hết hai mùa trăng, tìm cho được hồng thạch có hồn ấy đem dâng lên thánh đế!

Cả Tống triều nghe sứ nói thì chẳng hiểu gì cả, nhưng Trịnh Tú lại cười thầm trong bụng, tướng quân nhớ đến tảng đá đỏ ông nghe lời Giang Cự Vọng đem từ núi Tam Thanh về! Tống đế nheo nheo cặp mắt nhìn các rương mây bay dưới điện, quả nhiên còn một rương nữa chưa mở ra, ngài phán hỏi:

– Lại còn hồng thạch có hồn, thấm nhuần lời dạy của đức Thích Ca là cái gì?

Giang Cự Vọng lần này tỏ vẻ thật kính cẩn, tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, trong vũ trụ này thì Đấng Thích Ca Phật Tổ là bậc chí tôn vô thượng, những lời dạy bảo đầy thương yêu chúng sinh của ngài ghi chép lại thành kinh sách, thế gian lập chùa thờ Phật hàng ngày tu học đọc kinh sách ấy, lời kinh bay vào vũ trụ, vạn vật thấm nhuần mà cũng được hưởng phúc siêu thoát. Ở nước thần tuy chỉ bằng một quận huyện của nước Trung Hoa, cũng có được trăm chùa lớn vài trăm chùa nhỏ thờ cúng Phật, riêng ở núi Tam Thanh có chùa thiêng, lời kinh Phật tụng mãi ngấm cả vào đá núi khiến có một nơi đá núi chuyển mầu biến thành đỏ hồng, chín năm một lần đá đỏ ấy vào đúng ngày Đản

sinh đức Phật Tổ, khi chùa Tam Thanh đã hết lễ đóng cửa khép kinh, thập phương im lặng đợi đúng nửa đêm trăng tròn sáng vằng vặc thì núi đá đỏ ngay bên chùa phát tiếng tụng kinh Phật nghe rõ mồn một, như thể có vị đại tăng đang tụng kinh trước điện thờ ở ngay bên cạnh! Muôn tâu, thập phương bảo rằng: đấy là hồn núi đá đỏ tụng kinh lạy Phật!

Tống đế cùng cả triều thần ngơ ngác ngạc nhiên quá, lại có việc huyền nhiệm đến như vậy ở nước Nam sao!? Tống đế cùng quần thần và trăm họ Trung Quốc, tất cả đều sùng mộ đạo Phật, luôn luôn lạy Đức Chí Tôn để mong cầu được phúc, thế mà cả Trung Nguyên bao la đến như vậy cũng chưa có được nơi nào lại được phúc lành như vậy! Tống đế phán hỏi:

– Vậy chứ hồng thạch núi Tam Thanh chín năm một lần đọc kinh Phật như thế, liên quan thế nào đến việc nước Nam sai sứ lên trình gì trước Tống triều ta?

Giang Cự Vọng tâu:

– Muôn tâu, năm ngoái là đúng năm núi đá đọc kinh, chủ thần sai bậc chân tu đạo cao đức cả đến chùa Tam Thanh làm lễ Phật đản, đợi nửa đêm núi đá đọc kinh, thập phương phụ họa đọc theo, hết ba thời kinh, chợt thấy bên sườn núi có ánh hồng rực rỡ như thể cả tòa núi là khối hồng ngọc vĩ đại dưới ánh trăng, ai cũng thấy sự lạ, tiếng kinh dường như vẫn cứ đều đều tiếng một văng vẳng trong không gian. Đại tăng vâng lệnh vua sai, liền đến nơi có ánh hồng ấy xem xét, thấy dưới ánh trăng có một khối hồng lớn chừng một người ôm, chính khối hồng ấy phát sáng làm cho cả một vùng sườn núi rực rỡ, cũng lại chính ở khối hồng ngọc ấy vẫn còn phát ra đều đều tiếng tụng kinh Phật, đại tăng liền quỳ xuống khấn Phật Tổ xin được đưa đá đỏ về triều. Trăm họ chứng kiến lúc ấy có kể lại: "... đại sư khấn Phật Tổ xong, lấy thiền trượng gõ vào đá đỏ mà rằng: "Thạch hồn! Thạch hồn! Lai kinh phụng mạng! Lai kinh phụng mạng!" (Hồn đá! Hồn Đá! Về kinh phụng mạng vua! Về kinh phụng mạng vua!). Đá đỏ nghe hiểu lời đại sư, ngưng tụng kinh, nhưng không làm sao lay chuyển được tảng đá, đại sư cho nhiều người xúm lại cùng lay thế mà tảng đá cũng không nhúc nhích, đại sư lại phải lầm rầm đọc kinh, lại lấy thiền trượng gõ ba lần vào đá, mỗi lần gõ như thế nghe đá đỏ phát ra tiếng kêu như chuông vàng khánh bạc, từ đấy mới đem được đá xuống núi"(*).

(*) Ba lần thiền trượng gõ vào đá, ba lần đá phát tiếng kêu như chuông vàng khánh bạc, vì thế gọi là "tam thanh" chăng? Người đời sau bảo: chỉ vì thiền trượng kêu xin lấy đi mất hồn đá, cho nên từ đấy đá núi Tam Thanh chẳng bao giờ còn đọc kinh Phật nữa.

Giang Cự Vọng kể truyện lạ về đá đỏ núi Tam Thanh, khiến cho cả triều đường đại Tống im phăng phắc, như thể tất cả đang kính cẩn lắng nghe một thời kinh Phật nhiệm mầu! Tống đế chợt phán hỏi:

– Đá đỏ tụng kinh Phật ấy đem về triều rồi thì thế nào?

– Muôn tâu đức thánh đế, sau khi đưa được đá xuống núi, đại sư lấy bao vải bọc đá, đóng xe tám ngựa chở đá về triều, giữa triều đường mở bọc vải, lại thấy sự lạ hiện ra: đá mới lấy đỏ như hồng ngọc, lớn chừng một người ôm, không có hình dáng gì riêng biệt cả, nhưng đến lúc mở ra thì đá lại không còn đỏ rực nữa, hình dáng lại giống như hình quả tim, lớn chỉ bằng một chiếc rổ lớn, sắc hồng nhuận. Lúc ấy, có bậc thiền sư uyên bác trăm vạn quyển kinh, thấu hiểu các phép nhiệm mầu của Phật Tổ, tâu trình: "đây là hồn đá núi thiêng, thấm nhuần kinh Phật, có sức huyền nhiệm ngang với cứu độ của đức Phật Tổ từ bi, ai có đá ấy chẳng khác nào luôn luôn được Phật Tổ ở bên cạnh phù trì cho ". Nghe thiền sư nói thế, đại sư đi thỉnh đá mới chợt nhớ ra: trên đường đưa đá về kinh, phải qua không biết bao nhiêu sông suối, núi cao rừng rậm, thế mà xe đi nhẹ nhàng như thể đi trên quan lộ phẳng phiu, trong khi ấy thì binh tướng cưỡi ngựa, đi bộ, lại thấy chặng đường dài ấy cực kỳ gian khổ, đến nỗi khi về đến kinh thành Hoa Lư thì có đến sáu người quân thiệt mạng, chín con ngựa trận trở thành ngựa què. Rõ ràng là xe chở đá được phù trì chẳng có nguy nan nào có thể xâm phạm được, bao nhiêu khó khăn vất vả đều trở thành thảnh thơi dễ dàng!

Trịnh Tú khẽ rùng mình, quả thật những lời biện giải của Giang Cự Vọng làm ông ghê sợ! Trên ngai rồng, Tống đế hào hứng lắm, ngài phán:

– Đá đỏ quý đến như thế, sao chú ngươi chẳng giữ lấy làm quốc bảo, lại sai đem lên đây là ý thế nào?

– Muôn tâu thánh đế, báu vật của trời đất, chẳng phải là người nào muốn giữ cũng được! Trong trời đất, vạn vật đều có hồn riêng của nó, hồn mỗi vật phải ứng với hồn của đối mệnh thì mới tồn tại phát huy được, do đó chẳng phải trong bá tánh họ nào cũng có thể nhận mệnh trời ở ngôi thiên tử được! Chủ thần nói rằng:" tự thấy phúc mỏng mệnh nhỏ, không thể tham lam cố giữ đá thiêng được, phải đem đá thiêng làm tùy vật phù trì của đấng nhân thần, nhờ đức lớn của bậc thánh đế mà hồng ân từ bi của Phật Tổ được ban phát cho cả thế gian", vì thế mới có việc hộ tống cho đá đỏ thiêng liêng lên đất Bắc mà dâng lên thánh đế!

Tống đế nghe Giang Cự Vọng tâu, dù chưa biết đá đỏ linh thiêng đến thế nào, cũng thấy hài lòng lắm! Giang Cự Vọng sai khiêng rương mây đựng tảng đá đỏ núi Tam Thanh trình trước ngai rồng. Đá đặt giữa lòng lụa trắng, quả nhiên có mầu hồng nhạt như cánh sen, lại có hình thù giống

như một quả tim thật! Đá dỏ không nhẵn nhụi, xem ra hình thù ấy là tự nhiên chứ chẳng phải là do tay người đẽo gọt!

Tống đế phán:

– Vậy đá dỏ này phát huy thiêng liêng thế nào?

– Muôn tâu, cứ theo như lời thiền sư bác học bảo, thì "phải đợi đến một-trăm-mười-lăm năm sau nữa lúc ấy mới lại được nghe đá thiêng tụng kinh Phật vào đêm Phật đản", còn từ nay ai giữ đá thiêng, người ấy được vạn phúc của uy lực vô biên của Phật pháp độ trì, giữ cho không phạm phải sát giới, tội lỗi"!

Phải đợi đến hơn trăm năm nữa mới lại được nghe đá lạ tụng kinh Phật, làm sao Tống đế sống được đến đấy để thấy được phép Phật uy linh! Ngài có ý không vui, nhưng nghĩ lại: "ai có đá bên mình, sẽ được hưởng vạn phúc", thì cũng mừng!

Thế là công việc đầu tiên là dâng lên Tống đế các cống phẩm của sứ giả nước Đại Cồ Việt đã xong, bao nhiêu là báu vật làm cho trên từ Tống đế xuống đến hàng trăm quan văn võ dều phải rùng mình thích thú. Buổi lạy chầu Tống đế với lễ dâng cống vật đã xong, thời gian đã sắp vào Ngọ, Tống đế truyền bãi triều, ngài phán bảo sứ giả nước Nam:

– Hôm nay vào tiết tàn thu, sắp vào thời gian tuyết xuống, ngày mai trẫm thiết triều nghe xem quốc chủ nước Nam muốn cầu xin thế nào!

Tống đế sai đem các cống phẩm cất vào kho, lại sai thợ giỏi làm một chiếc giá gỗ quý cẩn ngọc giát vàng đặt tảng đá dỏ biết tụng kinh Phật núi Tam Thanh, rồi cho dặt viên đá quý ấy ở trong ngự phòng văn của ngài.

2

Về đến dịch quán, tướng quân Trịnh Tú vui vẻ nói với sứ giả Giang Cự Vọng:

- Lần đầu tiên trong đời, nhờ đi theo ông mà tôi được thấy quang cảnh huy hoàng lớn lao của triều đình Trung Quốc! Tuy thế, tôi lại thấy những lời biện giải của ông còn lớn hơn triều đình Trung Quốc đến nghìn vạn lần! Cống phẩm triều đình Đại Cồ Việt ta chẳng ai biết là những thứ gì, lại vẫn chỉ mình tôi được biết, nghe ông đối đáp biện giải cho Tống đế nghe, tôi ghê quá! Cống phẩm toàn là những thứ chẳng đáng đến một thẻ vàng thẻ bạc, thế mà lại biến thành những báu vật thế gian chẳng có đến hai!

Giang Cự Vọng đáp:

– Nước ta là nước nhỏ, bị nước lớn chèn ép đến phải bỏ gốc gác bao la ở phương Bắc mà xuống phía Nam dựng nước, giang sơn tuy là nghìn năm nhưng phải nhận chỉ là mới lập chưa được bao lâu, nhỏ bé, dân ít nước nghèo, chiến tranh là đại họa cho nên tránh được đến đâu quý đến đấy. Trung Quốc rộng lớn bao la đến như vậy, kho tàng dù xây dựng bao nhiêu cũng không đủ chỗ để chứa báu vật, thế mà vẫn chẳng bao giờ cho là đủ, lòng tham thì vô cùng, một mảnh giang sơn ta đời nào nó cũng thèm muốn, cho nên nó không bao giờ từ bỏ lòng tham cướp nước. Lúc này nước ta nổi sóng gió, sứ phải ra đi cốt để làm cho chiến tranh chậm lại, đủ thời giờ để cho triều đình ta dàn xếp việc bên trong, kịp sửa soạn đón giặc ngoài từ phương Bắc tràn xuống mà phá nó. Vì thế, khi vâng lệnh đi sứ, tôi mới lấy toàn những thứ chẳng đáng gì đem dâng nó, lấy văn sách sử tích mà dạy dỗ nó, làm sao nó cãi lại được!

Tướng quân Trịnh Tú lại hỏi:

– Như ông thấy, liệu chuyến đi sứ này ông có thể làm cho mưu toan của nhà Tống khởi binh cướp nước ta phải bị hóa giải không?

Giang Cự Vọng trầm ngâm, rồi đáp:

– Trên đường đi, rồi khi tới Bắc Kinh này, ông cũng đã được nghe bao nhiêu tin trình, mắt được thấy rõ nhiều điều, nhất là những động đậy của nó về quân bị, rồi đến những đánh tiếng đe dọa ta ở chốn kinh thành nó, như thế thì khó lòng không xảy chiến tranh, vì vậy ông mới thấy tôi luôn luôn cho đưa tin về để triều đình ta hiểu rõ tình hình từng ngày một, thành thử như vậy thì giỏi lắm là ta trì hoãn được chiến tranh mà thôi chứ không thể hóa giải chiến tranh được!

– Ông thấy chiến tranh mai sau ấy sẽ thế nào?

Giang Cự Vọng im lặng suy nghĩ không đáp ngay, hồi lâu ông mới thong thả nói:

– Xét những gì ta nhìn thấy, ta nghe thấy, thì nó thèm muốn cướp nước ta, nhưng cũng lại nhiều dằn do sợ sệt, vị tất nó đã có được cái tinh thần quyết chiến dữ dội của một nước lớn tự tin!

– Vậy nó xuất binh thắng ta không?

– Tuy đến lúc sứ bộ ta ra đi, triều đình ta chưa có quyết chung là hòa hay chiến thế nào, dù vậy tôi vẫn thấy quan Thập Đạo Nhiếp Chính có những dàn xếp cả về mặt triều chính lẫn mặt quân binh, quyết sách của quan Nhiếp Chính sẽ là thế nào, ấy là tùy vào những báo trình của sứ đoàn ta đưa về.

– Giả thử chiến tranh xảy ra ngay, sứ bộ không còn hi vọng trở về nữa, thì ông nghĩ quan Nhiếp Chính sẽ hành động như thế nào?

Giang Cự Vọng im lặng hồi lâu, rồi thận trọng đáp:

– Nếu như thế, mà nếu quan Nhiếp Chính Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn là người dởm lược thích thời, có hùng chí để đem theo hùng tâm ra vượt qua những câu nệ thường tình, đứng ra gánh vác quốc sự, thì non nước dù có trải qua sóng gió cuối cùng cũng sẽ vững vàng thôi!

– Việc ông Lê Hoàn đứng ra gánh vác quốc sự phải ở vào địa vị nào?

Giang Cự Vọng chầm chầm nhìn tướng quân Trịnh Tú, rồi nói:

– Việc ấy ông với tôi có lần đã bàn tới, bây giờ ông lại hỏi tôi xin nói rõ ra: nếu Lê Hoàn hành động ở địa vị Nhiếp Chính, thì vâng lệnh nào? Tự quân mấy tuổi đầu, ngay đến việc riêng ăn ngủ một mình cũng còn chưa biết, chưa làm được, làm sao biết được việc nhà để hiểu được việc nước? Như thế, thì chỉ còn có cách Nhiếp Chính nhận ngôi trời mới xong!

Trịnh Tú không tỏ vẻ ngạc nhiên, kinh hãi hay đồng tình với những lời nói của Giang Cự Vọng, tướng quân thản nhiên nói:

– Liệu quan Thập Đạo Tướng Quân Nhiếp Chính lên ngôi tôn như thế

nào? Chẳng phải là các quan ai cũng nghĩ như ông, chẳng phải ông nào cũng nghe thấy nhìn thấy hết mọi việc ở đất nước Trung Quốc này!

Giang Cự Vọng nói thật rõ ràng:

– Giang sơn đất nước ta tổ tiên đổ xương đắp thành núi, đổ máu mở thành sông, bao nhiêu đời thịnh suy vui buồn, giang sơn này chẳng phải của riêng một ai, chẳng phải của riêng một dòng họ nào, con dân trăm họ đều là hậu duệ của các ngài, thừa hưởng đại nghiệp của tổ tiên chung! Đến đời ta sinh ra vào lúc họ Ngô suy tàn, họ Đinh tung hoành mà thu phục được thiên hạ, phúc hưởng chưa lâu đã bất thần kết thúc, hại thay lại đúng vào lúc bên trong sau hồi đại loạn dân còn nghèo khổ, kho tàng khánh kiệt, đất chưa kịp nuôi cho cây nẩy chồi ra lộc, sông suối chưa kịp thời gian để cá tôm sinh nở, thế mà giặc ngoài đã lại lăm le xua quân xuất ải toan thừa cơ hội hỗn loạn mà cướp nước ta! Tình thế thật còn bỏng hơn nước sôi, rát hơn lửa đốt, thế nước chông chênh chẳng khác nào như kẻ đi hia lảo đảo trên cầu tre mỏng một cây vắt ngang vực thẳm! Trong tình cảnh ấy, liệu một trẻ thơ như Đinh Tuệ dù là đích dòng Tiên đế thật, ở ngôi thiên tử thật, thử hỏi làm sao định được quốc sự bên trong, phá được giặc dữ bên ngoài tràn tới! Phải có tay kiệt hiệt trong thấu hiểu mọi lẽ an dân, ngoài thừa uy lực thần vũ mới mong triệt được hết quốc nạn ngoại xâm! Người như thế, nói ngay ra thì ở trong triều đình ta hiện giờ, phi ngài Thập Đạo Tướng quân đang ở ngôi Nhiếp Chính ra thì không thể người nào khác đảm dương nổi!

Giang Cự Vọng nói một hơi dài, Trịnh Tú không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, như thể mọi việc như thế tướng quân cũng đã nghĩ tới, tướng quân nói:

– Phải, chẳng phải chỉ mình ông nghĩ như thế, hiểu như thế, mà trong triều nhiều người nghĩ như thế. Đành rằng cái nỗi "trung quân, tôn phò họ Đinh là điều ai cũng phải lấy cái chết của mình để hành động", nhưng liệu khi thí mạng để trung quân khuông phò như thế có an được dân, phá được giặc không? Vì thế mới có nhiều điều bàn luận kín nơi triều đình, chưa ai nói ra nhưng gần như tất cả đều cùng chung một ý nghĩ rồi. Tuy vậy, chẳng phải là trăm quan văn võ trên dưới đều chung một lòng, cùng một ý nghĩ, tôi thấy cũng còn vài vị khác không nghĩ đến lẽ thịnh suy, lấy điều tồn vong của xã tắc làm điều hệ trọng trước tất cả, thành ra vì thế mà còn có sự phân ly trong triều đình!

Than thở của tướng quân Trịnh Tú, Giang Cự Vọng hiểu rõ, ông nói:

– Phải, tiếc rằng trung thần định quốc của tiên đế trong chuyến này thế nào cũng phải mất vài người uổng tử, quốc sự chẳng thể tránh được náo động! Xét đại cuộc, mới thấy hết được những lo toan nặng nề của quan Thập Đạo Nhiếp Chính, thế nước đẩy Nhiếp Chính phải bước tới,

chúng ta dành gác cái lẽ "trung quân với khuông phò "sang một bên để cùng hợp sức đối phó với tình hình, giữ lấy nước trước đã. Có điều cũng là may mắn cho quan Nhiếp Chính, mà cũng lại là hạnh vận của đất nước ta trong hồi đại loạn, ấy là việc Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn với Dương hậu của Tiên đế!

Trịnh Tú hỏi vội:

– Việc ấy thế nào?

Giang Cự Vọng hỏi lại:

– Ông thấy thế nào?

Trịnh Tú thận trọng đáp:

– Tôi chẳng tận mắt trông thấy, nhưng cũng có nghe nhiều, việc trên sông ở Yên Khánh (*) Lê Hoàn đi lại với Dương thị từ hồi Tiên đế còn đang lận đận chưa xong nghiệp lớn, nhiều người đã biết.

Tiên đế là người thích tung hoành nơi hương sắc, hùng chí hùng tâm, ngài lại rất khoáng đạt tin yêu tay chân thủ túc của mình cho nên ngài bỏ ngoài tai những lời thiên hạ nói về việc Lê Hoàn với Dương thị. Đến khi ở ngôi, bao nhiêu việc quốc sự da doan khiến Tiên đế chẳng còn thời giờ nào để nhớ đến việc ấy, rồi Lê Hoàn ở chức cao quyền lớn những lần ra vào hậu cung chẳng ai dám hé môi, những lần hẹn hò trên sông ở Yên Khánh thuyền chẳng phải một cái, rồi thì lại còn lời thiên hạ đồn rằng "mỗi lần ông Lê Hoàn cùng với Dương hậu gặp gỡ trên thuyền, có mây

---

(*) Đây là vùng trấn cũ "Vân Sàng"*ở phía tây bắc tỉnh lị Ninh Bình hiện nay, tức là trị sở Thanh Hoa ngoại trấn đời Lê; có thuyết nói là ở xã Thiện Trạo, tức là dinh Thủy sư đời Đinh, vì vậy có tên là Đồn Thủy, ở địa phận hai xã Trầm Hương và Bích Dào, nhân đấy sau lấy làm trị sở của trấn rồi lại dùng làm trị sở huyện Yên Khánh.* Đại Nam Nhất Thống Chí *viết: "tên gọi "Vân Sàng" tục truyền là cái giường mây nước giao hợp, vì Dương hậu (hậu phi của Đinh Tiên Hoàng đế) đặt giường ở trên sông để đón Lê Hoàn, khi Lê Hoàn đế đến, có sắc mây hiển hiện nên gọi là Vân Sàng". Vẫn theo* Đại Nam Nhất Thống chí, *thì Sông Vân Sàng ở phía nam huyện Yên Khánh, nước sông từ ngã ba Non Nước chảy qua ngã ba Vũ Lâm (tục gọi là kênh Khát), ngã ba Yên Đăng và ngã ba Yên Phú, thuộc huyện Yên Khánh (Ninh Bình) lại chảy qua ngã ba Liên Trì thuộc huyện Yên Mô đến địa phận xã Trinh Nữ gọi là sông Trinh Nữ, đến ngã ba Hố, lại chảy qua núi Ngọc Thỏ, gọi là Kênh Ngọc Thỏ, đến ngã ba Bồ Xuyên đổ vào cửa sông Thần Phù (trước là cửa biển Thần Phù) đấy là chi lưu tất. Còn từ sông Bạch Hổ (tức là hạ lưu sông Trinh Nữ) chảy về phía đông nam đổ vào địa phận thôn Càn, gọi là sông Càn (trước là cửa Càn), đấy là phân lưu.*

trời xuống phú kín giường nằm", báo rằng ông ấy chính là "chân mệnh đế vương ", thế thì việc đi lại tư thông ấy là có thật! Việc ấy đem ra xét với việc nước như ngày nay, ông thấy thế nào?

Trịnh Tú đã giãi bày tâm can, bây giờ đến lượt văn thần Giang Cự Vọng thuyết giảng:

– Quả có thế! Việc tư thông ấy bình thường thì là tội phải ba họ chết chém! Nếu xét lẽ chúa tôi, đạo quân thần, thì ông Lê Hoàn tất phải tội lớn, nay thế nước nghiêng ngửa, nhưng "phá cái nhọt bọc chết người "cho vỡ ra thì tính mạng quyết chẳng còn giữ được nữa! Thế thì, thà phải bỏ việc phá nhọt bọc, giữ cho mạng sống vững bền, sao lại không làm, lại cứ khăng khăng với định kiến nhất thời, phải nên chuyển dịch để cứu vãn đại cuộc mới phải? ông Lê Hoàn nếu là người túc trí đa mưu biết lo lắng đến sự còn hay mất của giang sơn đất nước, thì phải nên nhân cơ hội "đi lại hậu cung" để nương ngay vào uy thế của thái hậu mà quyết liệt thay chỗ ngồi của Đinh Tuệ (*), có vậy mới tránh được náo động bên trong chính sự, kịp thì giờ đối phó với giặc ngoài. Lê Hoàn chậm trễ, hành động để mất cơ hội, chẳng những việc riêng không xong, mà đại cuộc tất tan nát cả, lúc ấy mới thật là tội lớn không thể chữa được!

Trịnh Tú trầm ngâm, rồi nói:

– Những lời ông nói, tôi thấy cũng phải, không còn cách nào khác, "dành là phải bước qua cái phép nghiêm ngặt cũ, để ứng được với thời cơ sống hay chết của đất nước", thành công thì trăm nghìn sai lạc cũng đều bỏ qua được hết, duy có điều làm thế nào để ông Lê Hoàn hiểu được như những lời ông nói mà hành động đây?

Giang Cự Vọng mỉm cười, bảo:

– Khi sai tôi đi sứ, quan Nhiếp Chính nói "chuyến đi này dễ bị mất đường về, đối phó với Tống triều văn thôi chưa đủ, mà cần phải có tay thần võ nữa thì mới có cơ hội thoát hiểm, nhân chuyến đi văn võ hợp lại trong chốn trăm chết khó có một sống, lòng người lúc ấy dễ thông cảm với nhau, hãy nói để tướng quân Trịnh Tú rõ!".

Trịnh Tú thảng thốt kêu lên:

– Như vậy, Thập Đạo Tướng quân Nhiếp Chính đã có quyết định cả rồi?

– Phải! Triều đình phân vân, người cho là phải, người cho là trái đạo.

(*) Đinh Tuệ là con thứ của Đinh Tiên Hoàng đế, lên ngôi sau khi Tiên đế cùng con trưởng là Đinh Liễn thọ nạn; Lê Hoàn lên ngôi, truất phế Đinh Tuệ nên gọi là Phế Đế, cho tước Vệ Vương.

Nghiêm trọng hơn cả là đám Đinh Quốc công Nguyễn Bặc, lại thêm quan Phụ Chính Đại thần Đinh Điền bí mật liên minh với nhau chực để binh đánh quan Thập Đạo Tướng quân, tình hình thật nguy hiểm, chính vì thế mà Tống triều nhìn thấy chính sự nước ta hỗn loạn, thế nào cũng có cảnh nội bộ chém giết nhau, cơ hội để chúng xuất binh đánh lấy nước ta là điều khó tránh được. Nếu ông Lê Hoàn thay ngôi được nhanh chóng, ngăn chặn được cảnh chém giết để làm lòng người ly tán, nhờ thế mà cứu được nước khỏi bị mất, thì một việc truất ngôi bị xem là "thoán nghịch" lại trở thành một hành động chỉ có bậc nhân thần mới làm được! Chuyến đi sứ của hai ta lúc này, khéo lắm thì làm cho việc xuất binh của nhà Tống chậm lại, chứ không thể làm cho nó từ bỏ hẳn được đâu. Tuy vậy, nếu như giữa hoàn cảnh chỉ có chết mà không thấy có đường sống này, văn võ của ta khéo phô trương ra thì cũng có thể làm cho chúng phải e ngại, ta kịp báo về để triều đình hiểu rõ, chọn đúng lúc mà hành động cho nhanh mới được!

Tướng quân Trịnh Tú vẫn trầm ngâm, ông hiểu lẽ tiến thoái của quan Thập Đạo Tướng quân lúc này, ông hiểu con người Lê Hoàn từ khi tất cả còn theo Động chúa Hoa Lư lận đận trong đại cuộc thu thiên hạ. Nghĩ đi nghĩ lại, thêm những hành động của Lê Hoàn từ khi Động chúa Hoa Lư nên công đại định, dựng lên một triều đại, tướng quân Trịnh Tú bây giờ mới cảm thấy hết được những mưu lược của viên tướng xứng đáng gọi là bậc "văn thần võ thánh" ấy! Những việc đi lại với Dương thị từ ngày trước, rồi ra vào cung cấm ngày hôm nay, tai tiếng thì có, nhưng xét cho cùng chẳng qua cũng lại không ra khỏi được cái lẽ "anh hùng với mỹ nhân" ngàn đời vẫn như vậy!

Giang Cự Vọng với Trịnh Tú bàn việc, đắn đo từng bước đi cốt sao có lợi cho nước, việc đi sứ hôm nay hóa ra lại là một trọng mệnh có thể góp phần lớn vào lẽ an nguy của xã tắc.

Giang Cự Vọng bảo:

– Lúc sứ bộ ta lên đường, quan Thập Đạo Nhiếp Chính có dặn tôi:" phải mau lẹ lượng xét tình hình, đưa tin về gấp", vì trước đó quan Thập Đạo đã cùng với các quan cùng quyết định: tùy theo những gì sứ bộ ta trình báo về, để có hành động tiến thoái cho đúng với tình thế; do vậy, tôi nghĩ: những gì ta gửi trình về mọi việc, suốt từ biên giới hai nước lên đến Bắc thành này, thì có thể triều đình ta có biến động lớn, nhất là tin trình gửi về từ chiều tối hôm qua, tôi cho là khi tin ấy về đến nơi, thế nào cũng có thịnh sự!

Trịnh Tú tuy không nói ra, trong lòng nhiều thắc mắc, nay thì những thắc mắc của tướng quân đều đã được Giang Cự Vọng chẳng giáng mà hóa ra đã cho biết hết, tuy nhiên Giang Cự Vọng trình tin về như thế nào thì tướng quân chẳng được đọc chút nào. Tướng quân hỏi:

– Thưa, như ông nghĩ, thì liệu ông Lê Hoàn sẽ có quyết định trước tiên như thế nào?

– Trong những tin gửi tế tác khẩn cấp đem về, tôi đều nói rằng: "... xét tình hình, khó lòng tránh được chiến tranh, phải nên có quyết định ngay đi mới kịp", quyết định ấy là ông Lê Hoàn phải lên ngôi tôn ngay!

Trịnh Tú dù đã được biết đại sự, thế mà nghe Giang Cự Vọng nói điều này cũng thấy rung động sôi nổi trong lòng, tướng quân hỏi:

– Tình hình tế tác thu thập được, tôi không biết rõ nhưng cũng thấy là nhà Tống đang gấp sửa soạn chiến tranh, còn việc triều đình của nó thì ông thấy thế nào để đến phải khuyên ông Lê Hoàn lên ngôi tôn ngay mới kịp?

Giang Cự Vọng đáp, giọng dằm ấm:

– Thật ra chẳng phải tôi giấu giếm gì ông, mà một là công việc gấp rút quá chẳng còn thì giờ để trò chuyện, hai là tôi chỉ suy luận mà thôi chứ chưa thể có bằng chứng rõ ràng chắc chắn, cho nên chưa nói với ông. Tuy thế, những gì đôi bên đối đáp ở triều đình nhà Tống vừa rồi, Tống đế dù muốn che kín cũng vẫn để lộ ý định đe dọa ta. Tống đế hẹn gặp lại sứ bộ ta để nghe trình việc cầu xin, từ hôm ấy đến nay đã bốn năm ngày rồi mà chẳng nghe động tĩnh gì, làm như thể chưa bao giờ lại có việc sứ bộ ta lên Bắc Kinh là có ý gì? Tế tác của ta chắc chắn không dò xét được gì về những hành động bên trong của triều đình, nhưng tôi tin là Tống triều muốn che mắt ta làm như thể lúc nào cũng bình yên, chẳng có việc nào lớn lao, kỳ thực là kìm hãm ta cho đến khi có thể ra quân được thì lúc ấy mới cho ta biết! Nếu đúng như thế, thì cũng phải nhiều tháng nữa Tống triều mới hành động được, vì thế tôi lại tin rằng thế nào cũng chỉ nay mai là Tống đế sẽ lại thiết triều gọi sứ bộ ta vào trình việc!

Giang Cự Vọng với Trịnh Tú bàn việc càng bàn càng thấy khó khăn cứ bày ra thêm mãi, chưa làm sao quyết chắc được thế nào, thì tế tác trình vào:" có mật tin vừa mới đem đến". Giang Cự Vọng nghe trình, giật mình nói với Trịnh Tú:

– Quan Thập Đạo Tướng quân Nhiếp Chính hành động rồi chăng? Hay là Định Quốc công cử sự lớn rồi?

Cự Vọng cho gọi tế tác mật vào ngay. Nghe Giang Cự Vọng nói, Trịnh Tú chợt cảm thấy có điều gì băn khoăn lắm ở trong lòng.

Tế sứ mật vòng tay thi lễ rồi thưa:

– Bẩm tướng gia, tiện nữ vâng mật lệnh của Thái hậu gấp dường đi gặp tướng gia trình việc!

Vừa nói, tế sứ vừa cởi bỏ khăn bịt đầu, gỡ bỏ những hóa trang, tế sứ là một cô gái! Sứ thần Giang Cự Vọng, phó sứ Vương Thiệu Tộ với tướng

quân Trịnh Tú vừa kinh ngạc vừa thấy rung động dữ dội ở trong lòng, như thế thì nhất định là có biến động lớn "ở nhà" rồi!

Giang Cự Vọng chưa kịp hỏi thêm, nữ tế sứ đã thưa:

– Bẩm tướng gia, tiện nữ tên gọi Sương Mai, theo hầu thái hậu từ ngày tiên đế còn đang lận đận được thái hậu tin yêu. Lúc tướng gia lên đường được bốn ngày thì thái hậu sai tiện nữ gấp đường ngày đêm đuổi theo tướng gia mãi đến hôm nay mới theo kịp!

Giang Cự Vọng hỏi dồn:

– Việc quan Nhiếp Chính thế nào? Định Quốc công ra sao?

Tế sứ Sương Mai trình:

– Bẩm tướng gia, cả hai việc đều đã xong!

Giang Cự Vọng giật nẩy mình, ông hỏi:

– Xong thế nào?

– Bẩm tướng gia, Định Quốc công Nguyễn Bặc cùng với trọng thần Phụ chính Đinh Điền, Phạm Hạp khởi binh không thành, đã bị Nhiếp Chính vương giết rồi!

Giang Cự Vọng chợt để hai dòng nước mắt chảy dài, ông nghẹn ngào nói như tự bạch:

– Một phần vì ta không nói rõ, một phần Quốc công là người quá nghiêm khắc thành ra không vượt qua được ước định của người xưa đến phải uổng mạng, đem theo cả thần tướng Đinh Điền, Phạm Hạp! Uổng thay! Thương thay!

Tướng quân Trịnh Tú, Vương Thiệu Tộ cũng hai hàng nước mắt, hai ông không nói một lời, nhưng chắc là Trịnh Tú trong lòng ngổn ngang vạn việc từ hồi còn cùng nhau tung hoành nơi Hoa Lư cho đến ngày rong ngựa lên đường hộ tống sứ, từ đây giang sơn lại biến động, thân thiết thời ngang dọc đi thu phục non sông nay người mất người còn!

Giang Cự Vọng cố nén, giữ giọng bình tĩnh ông hỏi tiếp:

– Còn Nhiếp Chính, sao lại là vương?

– Bẩm tướng gia, để an định cho xong việc triều, ngài tự xưng vương để dàn xếp mọi việc, nhưng triều đình với quan Đại thần Vệ Úy Phạm Cự Lượng cầm đầu tôn Lê vương lên ngôi Hoàng đế thay tư quân, từ đấy việc triều mới tạm ổn! Sau khi lên ngôi Hoàng đế, Thái hậu cùng với tân Hoàng đế sai tiện nữ lên đường ngay trình việc để tướng gia biết mà đối phó với nhà Tống!

Giang Cự Vọng im lặng, trong lòng ông ngổn ngang trăm việc rối bời, tình thế này nay mai ông vào triều bệ kiến Tống đế thì sẽ thế nào đây!? ông hỏi:

– Dại để thì các việc như thế, con biết các việc ấy thế nào, có được biết nhiều không? Kể rõ ta nghe xem sao được không?

Nữ tế sứ Sương Mai trình:

– Bẩm tướng gia, những việc ở ngoài xa thì con chẳng biết, nhưng vì theo hầu Thái hậu cho nên việc bên trong con cũng được thấy ít nhiều, xin trình để tướng gia rõ...

... Lúc ấy, triều đình vừa hoang mang vừa kinh hãi, trăm quan văn võ vừa cảm thấy sôi nổi vừa lo sợ, tin trình Định Quốc công Nguyễn Bặc hợp lực với Phụ Chính Dinh Điền, trọng thần Phạm Hạp hưng binh toan kéo về kinh thành lấy tiếng là "đả diệt kẻ tiếm ngôi" làm cho cả Hoa Lư náo động, Nhiếp Chính vương liền xuống lệnh triều đình không nghị họp, tự quân không thiết triều.

Bên trong, Nhiếp Chính vương huy động cấm quân canh giữ các nơi, cửa ra vào đại nội đóng kín cả, ông ở hẳn trong cung, cùng với thái hậu và các quan thủ túc mưu bàn đại sự liên miên suốt ba ngày liền, Nhiếp Chính vương nói:

– Tình hình thật nguy nan, Tống triều đang gấp tập quân chọn tướng để xuống Nam, bao nhiêu biến động trong triều ta chúng đã le lói biết! Các tin mật trình liên miên của sứ bộ Giang Cự Vọng gửi về ngay từ lúc sứ bộ vượt biên giới đều nói rõ: nhà Tống đang gấp rút sửa soạn chiến tranh. Đến những tin từ Bắc Kinh gửi về mới đây thì Giang Cự Vọng quả quyết: chỉ có thể cố gắng kìm hãm làm cho Tống triều chậm lại việc xuất quân chứ không thể triệt tiêu chiến tranh được! Như thế, việc đối phó với bên ngoài ta đã rõ là phải làm gì rồi! Còn bên trong, các ông thấy thế nào?

Quan Vệ Úy Phạm Cự Lượng nói:

– Tâu thái hậu, thưa các ông, lúc này tình hình Tống triều thế nào thì ai cũng đã biết rõ, riêng việc nội bộ của ta thì cử sự của Định Quốc công với Phụ Chính càng làm cho Tống triều thêm gấp rút khởi binh xuống nam, nếu ta không mau tay đối phó thì họa vong quốc ngoại thuộc không thể tránh được! Tình hình gấp rút không thể trì hoãn được nữa, chậm trễ là mang tội lớn làm mất nước, bên trong phải mau mau ổn định việc triều đình để kịp xuất quân cự địch, vì thế chỉ còn cách phải tức thì an định ngôi chủ tể! Tâu thái hậu, thưa các ông, đại cuộc lúc này trông mong cả ở quan Nhiếp chính Thập Đạo Tướng quân, vậy thì xin thái hậu phán lời quyết định!

Các quan nghe quan Vệ Úy Phạm Cự Lượng nói như vậy, thì đồng ứng khẩu tung hô "Vạn Tuế". Thái hậu rất bình tĩnh, ngài phán:

– Suốt mấy ngày nay, các quan đã bàn việc đủ mọi lẽ, tuy chưa nói ra

nhưng triều đình có ý thế nào thì ai cũng biết rõ cả! Nay, tình thế gấp rút, chậm trễ nhất định mang tội lớn làm mất nước, làm cho sơn hà xã tắc sẽ không thể thoát được họa ngoại thuộc. Vả lại, trước kia tiên đế cũng có phán: "giang sơn này chẳng phải của riêng ai, mà là giang sơn chung của cả dân tộc giống nòi", vì vậy ta xin vâng lệnh dạy bảo của tiên đế đem giang sơn chung trao cho người đủ tài sức lúc này, một mình ta mang chịu phê phán của hậu thế để cốt kịp xoay chuyển được đại cuộc cứu nước giữ dân!

Các quan nghe thái hậu phán như thế, liền quỳ cả xuống lại tung hô "Vạn Tuế", thái hậu tiếp:

– Triều ta do tiên đế khai nghiệp, biết bao nhiêu hùng tài theo về giúp rập, người tài cũng có thể cao thấp, triều đình tuy chưa nói ra nhưng ta biết đều đã một lòng tin mà chọn quan Thập Đạo Tướng quân lên ngôi nhận mệnh trời giữ nước!

Các quan lại tung hô "Vạn tuế "ba lần. Thái hậu liền sai đem long bào của tiên đế tự tay thái hậu khoác cho quan Thập Đạo Tướng quân. Xưa, tiên đế vóc dáng cao lớn hùng vĩ, quan Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn chiều cao không thua tiên đế, nhưng vóc dáng thì không được bằng, vì thế long bào trở thành hơi dài và rộng, nhưng cũng vì thế trông quan Thập Đạo Tướng quân lại có dáng vẻ uy nghi đẹp mà thanh nhã!

Hôm sau, tân Hoàng đế thiết đại triều, trên ngai rồng ngài phán:

– Thế nước như thế nào, các quan đều đã rõ, tình hình ra sao, các quan đã thông hiểu, trẫm lên ngôi thừa hưởng đại lệnh của tiên đế, ứng vận trời nối chí hùng của ngài giữ vững giang sơn, các khanh có điều gì tâu bày?

Triều đình liền tung hô rồi dâng đế hiệu là "Đại Hành Hoàng đế" có ý nói "hoàng thế thay ngôi trời thi hành việc lớn giữ nước", Hoàng đế nhận hiệu, đặt niên hiệu đầu tiên của ngài là Thiên Phúc.

Các quan lại tâu xin Hoàng đế phán xử về việc "phế đế Đinh Tuệ", Hoàng đế ban cho ngài Đinh Tuệ tước Vệ Vương, xuống chiếu gia ân cho họ Đinh, bao nhiêu tước lộc cũ đều vẫn giữ nguyên như trước.

Việc quan Thập Đạo Tướng quân lên ngôi vừa xong, thì tin gấp trình việc Định Quốc công Nguyễn Bặc và quan Phụ Chính Đại thần Đinh Điền, Phạm Hạp đang kéo quân về phao tin cho trăm họ biết để "diệt kẻ quyền thần tiếm ngôi, khôi phục dòng họ nhà Đinh". Việc náo động khắp nơi, Đại Hành Hoàng đế thiết triều, phán:

– Nay việc nước triều chính vừa tạm yên, thì Định Quốc công không hiểu lẽ lớn mất còn của giang sơn, khư khư với khuôn nếp cũ làm khó khăn chậm trễ cho triều đình dân tộc ta trong việc sửa soạn để đối phó với Tống binh sắp vào bờ cõi, Quốc công lại kéo theo cả ngài Phụ chính Đại thần,

khiến cho cái lẽ hợp quần tự nhiên bị đổ gãy! Trẫm đã mấy phen giảng giải, mà Quốc công vẫn khăng khăng không nghe ra, nay việc không thể chậm trễ dàn xếp được nữa, dành là phải quyết liệt, mau mau an định bên trong thì mới mong kịp đối phó với bên ngoài, ý các quan thế nào?

Đại Hành Hoàng đế mới lên ngôi, ngài còn ý tứ gìn giữ chưa thể một sớm một chiều vận dụng đến uy lực của đấng chủ tể để hành xử, cho nên Hoàng đế mới phán như vậy. Triều đình khe khẽ bàn tán, các quan biết rõ mọi việc, bao nhiêu lần quan Thập Đạo Tướng quân nói lẽ thiệt hơn, lấy cái thế mất còn mà khuất phục lòng người, vậy mà Định Quốc công vẫn không nghe, nay để binh kéo về kinh thành, việc chém giết biến động nội bộ xâu xé nhau khó tránh khỏi! Cả triều đình lại tiếc tài năng đức độ của Định Quốc công Nguyễn Bặc, tiếc tinh thần uy vũ vằng vặc của quan Phụ chính Đinh Điền, trọng thần Phạm Hạp, những kỳ công của các ngài từ ngày còn chung sức tung hoành trong thiên hạ, sao có thể trong một sớm hủy đi được!

Triều đình còn dẫn do thì ngài Vệ Úy Phạm Cự Lượng xuất ban tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế, mọi lẽ thành bại mất còn đều đã rõ, tình thế ra sao ai cũng biết, thần nghĩ là chính Định Quốc công với ngài Phụ chính cũng biết rõ, nhưng chỉ vì cái lẽ "trung quân" dựng cao không phải lúc mà thành ra thảm họa! Muôn tâu, nếu đại cuộc cứ để cho thương tiếc với thân tình ràng buộc trì kéo, thì rồi ra "trung quân" biến thành "giết vua", vệ quốc trở thành "táng quốc"! Đành là phải quyết liệt hành động "chặt cánh tay để cứu mạng"! Vả lại, người lẽ ra phải bảo vệ đến cùng cái lẽ "tiền triều, chính thống" lúc này là Thái hậu nhiếp chính, thì chính ngài tuy là bậc quốc mẫu mà cũng nhìn ra dường đi của đại cuộc, đem giang sơn đang lúc nghiêng ngả phó thác vào tay bậc nhân thần, dấy chẳng phải là tinh thần "vị quốc toàn dâng" cổ kim hiếm có hay sao?! Thế thì, việc Định Quốc công với Phụ Chính khăng khăng dấy binh, ấy là tự lập cái thế "tạo phản, trên nghịch mệnh trời, dưới trái lòng người" không thể tha thứ được, đại công định quốc nay trở thành tội trọng phản nghịch! Muôn tâu, trước, Định Quốc công có bàn việc với thần, vậy nay xin nhân đấy để hành động....

Hoàng đế, triều đình nghe ngài Vệ Úy Phạm Cự Lượng tâu ai cũng cho là phải, duy có điều "hành động" như thế nào thì chưa ai biết, Hoàng đế phán:

– Lúc này không nên luận công hay định tội cho cặn kẽ khiến mất thì giờ, mà chỉ nên "định danh" cho hành động của mỗi phía, từ đó khanh sẽ hành động như thế nào?

Liên hệ giữa quan Vệ Úy với Định Quốc Công thì triều đình nhiều người biết, thật ra đã có nhiều điều dị nghị âm thầm lo ngại, chính Hoàng đế cũng nghe biết, nay nghe Hoàng đế phán hỏi thì các quan đều chăm chú đợi nghe quan Vệ Úy tâu trình.

Phạm Cự Lượng tâu:

– Tâu Hoàng đế, trước kia Định Quốc công có bàn việc với thần, lúc ấy quả thật thần nông cạn không hiểu ra nên có lúc cho là phải, nay được hiểu rõ tình thế trong ngoài, lại tận mắt thấy hành động cao cả thức thời của Thái hậu, thì đã nhận rõ hành động nào là hành động phải làm! Định Quốc công được nghe Hoàng đế phán dạy nhiều lần, lại chỉ cho thấy lẽ thiệt hơn trong tình thế biến động làm cho thế nước lâm nguy, thế mà vẫn khư khư với quyết định gươm giáo, làm cho công cũ không thể gánh bằng với trọng tội hôm nay được, vì thế chỉ còn có cách phải mau mau hóa giải mối nguy vong quốc loạn giang sơn này, tội này là tội phản quốc, mở đường cho ngoại tặc vào cướp nước, làm cho công lao của Tiên Hoàng đế bị tiêu vong chứ không phải là hưng phục Đinh triều! Thần xin vì lẽ ấy, nương vào mối đi lại cùng Định Quốc công để sang doanh giặc, dụ Định Quốc công vào triều bắt giam trị tội! Có thế mới nhanh chóng dẹp yên được nội loạn, kịp ứng phó với Bắc phương!

Lời lẽ khảng khái quyết liệt của quan Vệ Úy khiến cả triều đình nghe mà tóc gáy muốn dựng đứng, có người thấy nghẹn ngào khó thở. Trên ngai vàng, Đại Hành Hoàng đế chậm chậm phán:

– Các khanh đã hiểu rõ tình thế, cùng một lòng gác bỏ lề lối cũ để lo việc hôm nay, trẫm cũng phải vâng ý trời, thuận lòng người, ứng vận nước, dốc lực thần vũ ra để an định giang sơn, tình riêng hãy để sang một bên! Vậy, trước hết trẫm phong quan Vệ Úy chức Đại Tướng quân, lĩnh mệnh dẹp nội loạn để mau mau đem ấn nguyên soái ra ải quan đón giặc!

Triều đình tung hô vạn tuế, lại chúc Đại Tướng quân Phạm Cự Lượng xuất binh thành công. Đại Tướng quân lĩnh ấn Nguyên nhung, trước hết mau lẹ điều binh khiển tướng trấn giữ các nơi trong ngoài kinh thành, rồi sai đưa tin sang doanh Định Quốc công Nguyễn Bặc. Sau đó Đại Tướng quân đem quân hầu không mang khí giới vào doanh phó hội với Định Quốc công và ngài Phụ chính. Chẳng biết ngài Đại Tướng dàn xếp thế nào, nhưng lại xảy giao tranh, Phụ chính Đinh Điền bị chiến tử tại trận, trọng thần Phạm Hạp kéo binh chạy lên Bắc giang thì bị đuổi bắt đem về; riêng có Định Quốc công thì đưa được vào thành, hai ngài liền bị bắt giữ đóng cũi giải vào kinh. Hoàng đế thiết triều, dụ: "... giang sơn sắp lâm cảnh gươm giáo, giặc ngoài đang dốc sức tập binh tuyển tướng lấy việc tiên vương gặp nạn làm cớ để đánh lấy nước ta, triều đình trên dưới một lòng, mười đạo binh tướng của ta sắp rời doanh ra biên ải, trẫm họ góp sức giục con cháu lên đường đi giữ nước, thế mà trong triều có vài kẻ chức cao quyền lớn, ở thế cột trụ của giang sơn, lại chẳng nhìn ra được lẽ hưng vong của đất nước, hẹp hòi khư khư với lệ cũ không phải lúc, hành

động dễ làm cho đại nghĩa cùng sức mạnh của binh tướng trăm họ ta bị tiêu hao, giúp tay cho giặc cướp nước thêm được nhiều lợi. Những kẻ như thế, những hành động như thế, trời không dung, người không tha, trẫm thừa kế tiên vương, giữ ngôi chủ tể chỉ xử mọi việc không thể không ứng vận trời mà quyết định, trước là mau mau tru diệt kẻ tạo loạn, sau là kịp dốc tài thần vũ của binh tướng ra lấy xương máu xây thành cản giặc ngoài. Giặc ngoài sẽ phải bị tru diệt, như lúc này đây ta phải tru diệt ngay những kẻ phản loạn! Những ngày tháng cùng tiên đế tung hoành để lập quốc, công hãn mã của những công thần ấy dành cất bỏ để kịp triệt hạ mối nguy khó lường... ", chỉ dụ ban ra thế là Định Quốc công với quan trọng thần Phạm Hạp bị hành hình!...

Kể thêm: Ngày ấy, là đã giữa Thu, khí trời mát mẻ, trăm họ xem ra trong lòng thơ thới không mấy biết đến việc trong triều, lại càng không biết việc nơi biên ải sắp xảy chiến tranh. Lễ hội giữa Thu với trăng sáng, cũng có lẽ là minh ý của Thái hậu họ Dương, một hành động của bà thật giản dị, gọn gàng thế mà có sức mạnh ổn định mọi tình thế, giữ cho triều đình không xảy biến cố gì sau khi Tiên Hoàng đế về trời và quan Thập Đạo Tướng quân lên ngôi báu, chuyển đế nghiệp từ họ Đinh sang họ Lê, và cũng từ đây, năm Canh Thìn (980) mở đầu cho một triều đại mới.

Quan Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn lên ngôi, quần thần tôn xưng đế hiệu là Đại Hành Hoàng đế, lấy niên hiệu là Thiên Phúc năm thứ Nhất. Xưng đế hiệu rồi, Đại Hành Hoàng đế truất Đinh Tuệ ban tước Vệ Vương, từ đây Sử gọi ông vua cuối cùng của nhà Đinh là Phế Đế. Như thế, nhà Đinh làm vua được hai đời, dài có 14 năm trời.

Lê Hoàn lên ngôi, trong triều đình thần tuy có vẻ cùng nhau một lòng tôn xưng quan Thập Đạo Tướng quân lên ngôi báu, nhưng cũng còn những dị nghị, và ngoài dân gian cũng chẳng phải là không có những sự lạ! Ngày ấy giữa Thu, khắp nơi trăm họ tấp nập hưởng lễ hội Trăng Rằm Tháng Tám, việc Tiên Hoàng đế qua đời một dạo có nhiều xầm xì bây giờ như quên hẳn, một phần vì lễ hội hàng năm tưng bừng, một phần vì chính pháp khốc liệt của Tiên Hoàng đế khiến cho dân chúng luôn luôn lo sợ gìn giữ không dám dòm ngó đến những việc quốc sự, xua phủi khỏi tai những lời đồn đại, e vạ lớn sẽ vận vào thân[*], thế mà ở huyện Đông Sơn lại xảy việc lạ!

(*) Đinh Bộ Lĩnh gom thâu thiên hạ xong, thấy xã hội sau một thời gian dài đại loạn, nếu không nghiêm phép nước thì không làm sao giữ yên ổn được, cho nên ngài cho ban hành những hình pháp khốc liệt để trừng trị răn đe, như lập cũi nuôi cọp cho xé xác tội phạm, dựng cột đồng hun lửa rồi bắt tội phạm phải leo lên tụt xuống cột ấy, trộm cắp thì chặt tay chân, làm điều vô đạo thì khoét mắt, cắt lưỡi...

Nguyên, Dông Sơn(*) có nhiều núi, lạ hơn cả là rặng núi Bàn A(**) ở phía Bắc huyện, núi này có nhiều sản vật, người ta thường vào lấy, lại thêm phong cảnh kỳ tú nên cũng lại là nơi người đời lui tới du ngoạn. Cuối thu năm Canh Thìn sau khi Lê Hoàn đã lên ngôi thay nhà Đinh, thì một đêm trong núi có những tiếng nổ ầm ì nghe như tiếng sấm dậy kéo dài đến mấy canh giờ. Sáng ra người hiếu kỳ rủ nhau đem dao gậy vào xem có gì lạ, thấy rừng vẫn dày đặc, lối đi quen thuộc không có gì khác lạ, núi Bàn A vẫn như ngày hôm qua, nhưng rồi chúng chợt nhận ra: vách núi phía nhìn ra sông hôm nay có một hốc rộng nhẵn nhụi phẳng phiu như thể có bàn tay người đục đẽo gọt giũa mà thành. Dân chúng lấy làm kỳ liền lên tận nơi xem xét, từ trong hốc đá nhìn ra, thấy đủ mọi cảnh tuyệt đẹp của núi này, liền tranh nhau ngồi để ngắm cảnh, nhân đấy mới đặt tên cho hốc là "động Cư Sĩ Quan Lan Sào" (chỗ người ẩn dật ngồi ngắm cảnh sông Lương). Lại đồn bảo những lời giảng nghĩa xem ra có ý tứ riêng: những tiếng động như sấm rền đêm qua chính là trời sai Thiên Lôi đem búa Tầm Sét xuống đẽo núi làm nơi cho người bỏ Lê triều đi ở ẩn, ngồi đấy để ngắm non sông còn hơn là hàng ngày phải nhìn thấy kẻ đoạt ngôi!

Thiên hạ thấy lạ, hiếu kỳ rủ nhau bỏ cả công việc cấy cày, dắt díu kéo nhau đi như trẩy hội, quan sai địa phương cũng hoang mang không biết thực hư thần thánh thế nào cũng lên đến xem, đồn đại là trời đất cũng không bằng lòng về việc biến động trong triều và quan Thập Đạo Tướng quân bày mưu thay đổi triều đại.

Ở Bàn Sơn thì như vậy, đến đoạn sông Mã khúc huyện Thụy Nguyên phía bên sông Lương đổ vào vốn là nơi đất phẳng cao ráo, cây cỏ tốt tươi, trên bến dưới thuyền sầm uất chợ búa của dân nhiều huyện chung quanh

---

(*) Huyện Đông Sơn ở Thanh Hóa.

(**) Núi có tên nữa là Bàn Sa, nhìn ra sông Lương (sông Lương cùng sông Mã hợp lưu ở đây), sườn núi có động, trong động có chùa Đại Hùng. Nơi này, sau nhiều người đến vãn cảnh, thấy cảnh đẹp thì thi nhau làm thơ ca tụng, thơ khắc lên vách đá kể ra mười cảnh đẹp nơi này là: 1-Khánh Bằng liệt chướng (Núi Bằng Trình xã Đại Khánh giăng dài); 2-Lương Mã song phàm (hai cột buồm trên sông sông Mã); 3-Thạch tượng dục hà (Voi đá tắm sông);4-Linh qui hý thủy (Rùa núi vờn sóng nước); 5-Cổ độ kỳ đình (Nhà treo cờ ở bến Cổ Độ); 6-Viễn sầm yên thụ (Cây mờ ở non xa xa);7-Cô thôn mao xá (Mái nhà tranh ở thôn vắng);8- Cách ngạn thuyền lâm (Rừng thiêng cách sông);9- Sơn hạ ngư ky (Ghềnh thuyền chài ghé bến dưới chân núi) và 10- Giang trung mục phố (Bãi tắm trâu ở trong sông). Thơ ca tụng những cảnh đẹp này nay vẫn còn. Cuối đời hậu Lê, quan hiến sát sứ Thanh Hóa là Ngô Thì Sĩ khắc ba chữ lớn "Bàn A Sơn" để làm tiêu chí, ba chữ này nay vẫn còn.

tụ tập làm ăn, quán xá nhà cửa san sát, thế mà nửa đêm Trăng Rằm Trung Thu lễ hội vừa tàn thì sông nước tự nhiên dâng cao, sáng ra chẳng còn thấy quán xá chợ búa cầu đò gì cả, chỉ thấy một vùng nước mênh mông, sóng vỗ rì rào, đến giữa ngọ hôm sau thì nước tự nhiên rút hết, bãi chợ bên sông chỉ còn là bãi lầy, nhà cửa quán xá đi đâu mất cả, dân ở đấy mất tích cũng chẳng thấy có xác chết nào, người đời bảo nhau: "thủy thần báo trước giang sơn rồi đây sẽ bị điêu linh, cũng như con sông nước quét sạch bến thuyền chợ búa!"

Rồi khắp vùng không biết nguyên nhân từ đâu, lại thấy trẻ con đua nhau đi chọn những gốc tre già đã chết khô, đem về chẻ thành thanh nhỏ khoảng hai ngón tray, chơi trò: tay cầm hai thanh tre ngắn đập vào nhau lấy nhịp hát bài đồng dao:

Nhiều sông chảy thành sông Mã(*)
Sóng lặng rồi con lại thay cha
Trong nhà có Phật có ma
Cha đi mẹ ở chung nhà với con
Sông dài chở nước lên non
Ai làm nên cảnh con thành tổ tiên.

Chẳng ai hiểu chúng hát như vậy là thế nào, đồng dao ấy ở đâu ra? Rồi người ta lại truyền nhau nói nhỏ bảo là: thiên hạ xui con trẻ hát như thế có ý kể việc trong triều, quan Thập Đạo chiếm ngôi, đi lại với Thái hậu.

Người ta thì nhau giảng những câu hát lăng nhăng ấy.

Rồi ở dốc cầu Thọ Hạc, huyện Đông Sơn ngay bên bến chợ, có một đạo sĩ không biết từ đâu đến, dựng một am cỏ chật hẹp nơi đầu cầu, lại dựng một cành phan treo lá phướn viết những chữ "Thiên Hạ Thần Tri" hành nghề bói tướng rất hay, thiên hạ tranh nhau vào xin hỏi việc. Đạo sĩ xem bói toán cho mọi người nhưng không lấy tiền công cũng chẳng nhận tiền cúng, thường bảo: "việc dời lắm quỷ nhiều ma bịt mắt người ta khiến sa vào vòng tội lỗi, nay chỉ cho biết nẻo mà đi...". Ngày nọ, cũng như mọi ngày người ta đổ tới am đạo sĩ thì chẳng thấy đạo sĩ ở đâu, chỉ thấy lá phướn dài không còn bốn chữ "Thiên Hạ Thần Tri" nữa, thay vào đấy là

(*) Sử sách cũng chép sông Mã bắt nguồn từ sông Cửu Long tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) chảy qua Ai Lao vào địa phận Mai Châu và châu Ninh Biên, tỉnh Hưng Hóa, trên đường chảy bao nhiêu sông khác đều đổ cả vào sông Mã, kể cả sông Lương, cuối cùng thì vào tấn Hội Triều mà ra biển. Sông Mã còn có các tên Lỗi Giang, Lễ, sông Định Minh, sông Nguyệt Thường, sông Hội Thường đều là tên riêng của sông Mã khi chảy qua các địa phương.

một bài kệ chẳng ra kệ thơ chẳng ra thơ, mơ mơ hồ hồ như lời tiên tri, thiên hạ xúm xít xem, kẻ biết chữ nghĩa đọc lớn cho mọi người nghe, bài kệ viết:

Tam đại truyền lưu
Tam bát nhất thế
Tam nhật kế nghiệp
Huynh đệ thảm sát
Tứ thập bát nguyệt
Bạo phát bạo tàn
Mộc tử khởi nguyên
Cửu thế lưu truyền(*)

Chẳng ai hiểu như thế là thế nào, rồi lại nghe đạo sĩ xuất hiện ở tất cả mười một bến chín cầu trong châu Ái(**), ở nơi nào ông cũng chỉ làm một việc: dựng am cỏ giúp xem bói, rồi lại treo cây phướn với bài kệ thì như vậy, không biết đạo sĩ định nói gì.

Hết việc đạo sĩ thiên hạ lại đồn: trâu ba sừng xuất hiện ở quận Hà Trung, gà hai mào bốn cẳng ở Tống Sơn, rắn trắng hai đầu ở Nga Sơn, cá chép lại ở biển vảy lóng lánh bảy màu ở Hậu Lộc, trời đang yên tĩnh bỗng nổi gió lớn cát bay đá chạy làm gãy đổ mất nhiều cây cối ở Hoằng Hóa...rất nhiều việc lạ xảy ra, người ta bảo đấy là hồn thiêng Tiên Hoàng đế tung hoành trách phạt việc triều đình, khiến cho trăm họ sợ sệt, đua nhau đi chùa cầu đức Thích Ca che chở, cúng tế đủ thứ thánh thần để được bình an. Tình cảnh náo động trong nhân gian bay đến tận kinh đô Hoa Lư. Đại Hành Hoàng đế cho là những kẻ chống lại việc ngài lên ngôi, bày đặt ra những truyện hoang đường như thế để mê hoặc lòng người,

---

(*) Sau khi nhà Tiền Lê tàn, chuyển sang nhà Lý, người ta mới thấy và giảng: nhà Tiền Lê truyền ngôi được ba đời (tam đại): đời thứ nhất (Lê Hoàn) ở ngôi được tam bát 24 năm (tam bát = 3 lần 8 = 24) là nhất thế (đời thứ nhất); đời thứ hai (kế nghiệp) chỉ ở ngôi được tam nhật là 3 ngày, là việc Long Việt lên ngôi chỉ được ba ngày thì bị em là Long Đĩnh giết chết đoạt ngôi; Long Đĩnh hung ác dâm dục, ở ngôi được tứ thập bát nguyệt là 48 tháng = 4 năm, thọ 24 tuổi; từ đây nhà Tiền Lê về tay họ Lý. Người ta giảng: chữ Lý trong chữ Hán bên trên là chữ Mộc, bên dưới là chữ Tử, ứng với họ của Lý Công Uẩn lên ngôi lập ra nhà Lý truyền được 9 đời (cửu thế) làm vua, dài cả thảy 216 năm.

(**) Nước ta, từ đời Đinh, Lê vẫn gọi Thanh Hóa là Ái châu, đến đời Lý năm Thuận Thiên thứ 1 thì đổi là trại *sau đổi làm phủ Thanh Hóa, tên Thanh Hóa bắt đầu từ đây.*

mưu toan khuynh đảo triều chính, Hoàng đế liền xuống chỉ ban nghiêm lệnh, bắt được kẻ nào dồn đại việc hoang đường không có thực, thì bỏ vào cũi cho cọp xé xác, ai bắt được đạo sĩ gieo rắc việc mơ hồ xằng bậy thì được thưởng lớn. Nhờ có nghiêm lệnh như thế, thiên hạ mới tạm yên, dần dần an lạc.

Những việc ấy là những việc sau này xảy ra, còn lúc ấy Giang Cự Vọng cũng như Trịnh Tú lắng nghe Sương Mai kể, tưởng như trong giấc mơ, bàng hoàng im lặng chẳng thốt nửa lời.

Mãi sau Giang Cự Vọng mới hỏi:

– Lúc Dinh Quốc công bị đưa vào triều, ngài có nói gì không? Triều thần có ông nào tỏ ý gì không?

– Bẩm, không biết khi sang quân doanh Dinh Quốc công, Đại tướng Phạm Cự Lượng bàn cãi thế nào thì không biết, lúc bị giải vào triều Dinh Quốc công nhiều lần cả tiếng thóa mạ Đại tướng là kẻ phản phúc, toa rập với quan Thập Đạo Tướng quân lập mưu sai kẻ nội dịch là Đỗ Thích giết Tiên Hoàng, tư thông với Dương hậu để cướp ngôi!...

Giang Cự Vọng và Trịnh Tú cả hai không cầm được nước mắt.

Rồi Giang Cự Vọng bảo:

– Việc nghi án hay không nghi án, không phải là việc của chúng ta(*). Khi vâng lệnh gấp đường đi gặp ta, sao Hoàng đế không sai ai lại sai ngươi đi là thế nào?

– Bẩm, Hoàng đế có phán: nhất thời tuy việc bên trong đã dàn xếp xong, nhưng cũng chưa thật hoàn toàn yên lặng, có thể còn có những nghĩ ngợi hay hành động gì khác, cho nên việc lên Bắc đem tin đến cho sứ phải làm sao thật chắc chắn, không bị nghi ngờ hay nguy hiểm, vừa kín được bên trong vừa tránh được tai mắt của giặc ngoài đang ráo riết dòm ngó...

Rồi nữ tế sứ lấy một gói lụa nhỏ trình ra, nói:

(*) Về nghi án này sử không đề cập gì tới, có người cho rằng chính Lê Hoàn bày mưu giết Tiên Hoàng và Đinh Liễn, vì thế khi bắt được Đỗ Thích thì liền hành tội: băm vằm thành trăm nghìn mảnh để "phi tang hoàn toàn"; riêng sử thần Ngô Thời Sỹ trong Việt Sử Tiêu Án *nói về Phạm Cự Lượng có viết: "Xét Cự Lượng người huyện Chí Linh, anh là Phạm Hạp làm chức Vệ Úy, cùng với Nguyễn Bặc mưu tính giết Lê Hoàn, nay lại bội nghĩa đến thế. Truyện chép Cự Lượng sau khi đã chết, Thượng Đế cho làm chức Nam Đài, chuyên xét các án ngờ, đến nay hãy còn thờ làm ngục chủ, xưng là Hồng Thánh Đại Vương. Người như thế, sao lại được hưởng phúc như thế?".*

– Bẩm, Hoàng đế sai tiện nữ trình tướng công, lại dặn: tướng công xem rồi, nên hủy ngay!

Giang Cự Vọng trịnh trọng đỡ lấy gói lụa, mở ra mới thấy một chiếc hộp nhỏ bằng các mảnh tre ghép lại, trong hộp là một phong thư niêm kín.

Nhìn nét chữ lớn bên ngoài, Giang Cự Vọng nhận ra ngay chính là nét chữ quen thuộc của tướng quân Lê Hoàn, ông mở thư chăm chú đọc.

Chiếu thư của Hoàng đế không dài, nhưng Giang Cự Vọng cũng đọc đi đọc lại hai ba lần rồi quay mình hướng về Nam, hai tay kính cẩn nâng chiếu thư ngang mày, miệng thốt:

– Thần, Giang Cự Vọng vâng lệnh Hoàng đế, có sĩ tử Vương Thiệu Tộ phụ tá và tướng quân Trịnh Tú hộ trì, dù có phải lên trời hay xuống địa ngục cũng không chậm bước! Vạn tuế đức thánh quân hùng liệt!

Trịnh Tú, Vương Thiệu Tộ chẳng hiểu trong chiếu thư nói gì, nhưng nhìn cung cách và những lời của Giang Cự Vọng thì cũng vội chắp tay hướng về Nam, tung hô "Vạn tuế ".

Quay sang nữ tế sứ, Giang Cự Vọng bảo:

– Ở đây ta trộm lệnh Hoàng đế khen ngợi công lao của ngươi, tiếc rằng việc đi sứ vất vả chẳng có gì để ban thưởng được, thôi thì lấy lẽ an toàn của giang sơn làm công thưởng của người, Hoàng đế thế nào cũng nhớ đến. Ngươi trở về ngay, hết sức cẩn thận đừng để phụ lòng tin cậy của Hoàng đế, trình lên ngài lời tâu của ta: "xét tình hình khó lòng tránh được chiến tranh, nên đón chặn trước ở cả hai đường thủy bộ"!

Ngay trước mặt tế sứ, Giang Cự Vọng tự tay thiêu hủy chiếu thư của Hoàng đế, cũng lúc ấy Giang Cự Vọng thu xếp để nữ tế sứ lên đường ngay, lúc tiễn đưa mấy lần Giang Cự Vọng chẳng quản ngôi thứ, cầm tay tế sứ ân cần dặn dò như cảnh cha con, lại nói:

– Con một mình vượt vạn dặm an toàn, ta dù có lo lắng cũng vẫn tin chắc ở bản lĩnh của con, tinh thần thiết thạch, tài nghệ tất cũng phải siêu quần mới được Hoàng đế tin mà cho đảm đương trọng sự thế này, mai sau nếu ta còn sống trở về được thế nào cũng phải gặp con để nói lời bái phục! Con hãy bảo trọng cho đại cuộc của giang sơn dân tộc ta!

Nữ tế sứ lại cải trang thành một trang nam tử bôn tẩu vì mưu sinh tầm thường, tới lúc ấy Trịnh Tú mới thấy trong số hành trang nghèo nàn vật hộ thân của nữ tế sứ chẳng có gì hơn là một cây dao ngắn, lưỡi dao thép ánh xanh đen rõ ra là cây dao quý. Trịnh Tú bảo:

– *Túc hạ* hộ thân chỉ bằng một con dao nhỏ, bản lãnh tất vượt chúng, tôi xin đem thanh gươm báu tặng *túc hạ* phòng thân, đường xa vạn dặm cầu chúc *túc hạ* được bình an!

Miệng nói, tay Trịnh Tú cởi thanh gươm ngắn "Định Thiên" cực quý gọt thép nhẹ nhàng như gọt chuối chín, chặt đá núi dễ như chặt củ khoai, thanh gươm đã chém con rắn trắng mình hoa ở cửa ải Lạng Sơn, gọt hòn đá đỏ ở Tam Thanh.

Nữ tế sứ nghe Trịnh Tú nói thì cung kính đáp:

– Tiện nữ đi đường tuy xa thật, nhưng tránh hết mọi tranh chấp thành ra lúc nào cũng được yên ổn. Tướng quân theo sứ, tình hình nhiều nguy hiểm cần có gươm báu, tiện nữ cốt làm sao tránh được hết mọi tai mắt người đời, càng bình thường càng tốt vì thế mới chỉ mang có con dao nhỏ giấu kín trong mình, cốt phòng khi cùng đường thì có cái để bái mệnh quân vương, nay nếu có thanh kiếm dù là đoản kiếm cũng dễ làm cho thiên hạ chú ý, cho nên không dám vâng lệnh tướng quân!

Thế là nữ tế sứ ra đi ngay, Giang Cự Vọng nhìn theo bóng cô gái ông như thấy cặp mắt đen biếc vẫn còn hiển hiện. Quay sang Trịnh Tú, ông bảo:

– Chiếu thư của Hoàng đế, nói vắn tắt việc triều đình, tình hình còn chưa yên hẳn, dặn phải cố biện giải việc nội bộ để trì hoãn chiến tranh, lại nói: có thể Tống đế giết sứ để tuyệt đường chuyển tin về nước, vậy cùng đường thì Trịnh Tú hãy ra tay, tìm cách trốn về nước...

Việc nội bộ triều đình thế nào thì cả ba ông đều đã được nghe biết, cả ba không còn thì giờ để bàn thêm nữa, vì thế Trịnh Tú nói:

– Thưa ngài, lúc này ta như thân cá nằm trong chậu, chim giam trong lồng, lời dặn của Hoàng đế ngài nghĩ thế nào?

– Tôi thấy tình hình nội bộ triều chính của ta không phải là việc Đinh Quốc Công với hai quan Phụ Chính bị giết đã là xong xuôi, Hoàng đế tất đã nhìn thấy những mối họa hại khác cho nên ngài mới quyết chắc là chiến tranh khó tránh được, lại nghĩ đến đường xa lo về tính mạng của chúng ta cho nên ngài mới dặn dò đến điều tối hậu như vậy! Ta có thể chẳng quản sống chết, nhưng không thể không đem cái chết của mình đánh đổi lấy cái sống cho giang sơn đất nước ta, ông nghĩ thế nào?

Trịnh Tú khẳng khái:

– Đạo thần tử không thể không vâng lệnh quân vương, người quân tử chẳng thể quay mặt trước đại nghĩa! Ta sinh ra lúc đất nước ly loạn rồi lại xảy biến động đến giang sơn nghiêng ngả, lẽ tự nhiên cũng là phải tự bước vào cuộc mà ra tay, nay lại còn thêm lời dặn dò của quốc chủ thì sao lại có thái độ sợ chết được ? Ông lĩnh trọng mệnh đi sứ, an nguy của đất nước lúc này trông cậy vào một mình ông, sống chết đã rõ ràng, tôi chẳng thể giúp gì được cho ông, nhưng cùng đường thì tay gươm của tôi quyết không tha một mạng nào, kể cả mạng của Tống đế! Tôi thanh thản theo chân ông cùng vào chỗ chết, có gì phải sợ!

Giang Cự Vọng lặng lẽ suy nghĩ, rồi bảo:

– Nếu chiến tranh không thể tránh được, con đường trốn chạy của ta không thể thành công, thì ông cũng nên cho thiên hạ thấy bản lĩnh của người tướng nước Nam, có khi dấy cũng là điều khiến cho thói hung hăng tàn bạo của vua quan binh tướng Bắc phương phải nhụt bớt, ông ra tay tôi không cản, cứ hành động!

Thế là sứ đoàn của nước Đại Cồ Việt đã có chủ tâm, Giang Cự Vọng lại bảo quân hầu sửa soạn sẵn hành trang, bao nhiêu những thứ gì không cần thiết thì bỏ hết, lại dự trữ sẵn dao ngắn cho gọn, ngựa tốt không tỳ vết, lương khô ăn đường không được thiếu. Giang Cự Vọng lại cho mật tế sứ gấp lên đường về nước, tâu trình Hoàng đế mọi việc, trong sớ tâu có nói:"... chúng thần đã sẵn sàng vào chỗ chết, sẽ cố gắng trì hoãn chiến tranh để trong nước kịp sửa soạn... ". Rồi cả bọn ngồi đợi Tống đế mở buổi triều tiếp sứ...

Tại triều, Tống đế mở buổi thiết triều thật gấp rút nhưng lại hết sức giữ im lặng, từ tinh mơ các quan đã tề tựu, buổi thiết triều xem ra có phần nghiêm trọng.

Trong hàng trăm ánh bạch lạp soi tỏ đại điện, trên ngai rồng Tống đế uy nghi, ngài phán:

– Chư khanh, lúc này khắp nơi an bình, chỉ có phương Nam là biến động, vả lại nước Nam chính là mối bận tâm đêm ngày của trẫm. Triều đình đã quyết định khởi binh nam phạt, lấy nước Nam, an định hẳn bờ cõi phía Nam, các tướng còn đang sửa soạn thì sứ của nó đã đến, các khanh đã thấy rõ mọi việc. Mới đây, trẫm được tin gấp trình từ biên giới về kể rõ: chính sự nước Nam vừa có biến động lớn, vua nó bị quyền thần sát hại, cướp ngôi, triều đình văn võ chia làm mấy phe kình chống nhau, đây là lúc ta khởi binh nam phạt thật có lợi! Các khanh ý thế nào?

Tống đế vừa dứt lời phán, lập tức ngài Trần Khâm Tộ chức Đô đốc Quân Trấn phía Tây nhà đại Tống đang về triều dế trình việc, bước ra tâu:

– Tâu thánh đế, triều đình ta đã quyết định khởi binh, thần nghĩ: nước Nam có biến, ta nên tiến binh ngay đừng nên chậm trễ, có thế mới tranh đoạt được mọi thắng thế của phép dụng binh!

Hoàng đế hỏi:

– Tiến binh là việc trẫm đã quyết, thế còn việc sứ của nó hiện đang ở đây thì thế nào?

Đến lượt chức Tham mưu Chính sự Quách Nghi Khải bước ra tâu:

– Muôn tâu, việc sứ nước Nam thần thấy có thể đối xử theo hai cách: một là cứ thản nhiên làm như ta không hay biết gì, cứ tiếp sứ kéo dài

nhiều ngày hỏi việc khiến cho nó không hiểu được ý định của ta, trong khi ấy ta cho binh tiến nhanh lấy nước Nam; hai là, dù trong phép bang giao có nói: "hai nước xảy chiến tranh, không được giết sứ của nhau", ta cứ lặng lẽ nhanh tay bắt thần bắt giết cả bọn, thế là tuyệt được đường thông tin của nó! Việc của ta xong.

Triều đình nhiều quan văn võ cho ý kiến của quan Tham Mưu Chính Sự là phải, nhưng Tống Thái Tông lại phán:

– Giết sứ nước Nam, là việc dễ còn hơn lấy đồ vật trong túi, nhưng cũng dễ bị thiên hạ dị nghị. Việc nước Nam ta biết rõ, sứ của nó đến kịp lúc tất nó cũng đang muốn cầu xin điều gì, giả thử nó xin thần phục, ta được nước nó mà chẳng phải mất một mũi tên, chẳng sứt mẻ một ngọn giáo, sao lại chẳng chọn lối ấy? Lẽ nào ta cũng vẫn thắng thế, vì vậy trẫm nghĩ: cứ sửa soạn việc ra quân, một mặt lại cho sứ của nó vào triều tâu trình xem thế nào rồi quyết định ngay là hơn cả.

Tống đế kế nghiệp tiên đế, dư ảnh của chiến trận hàng phục thiên hạ còn chưa mờ, vì thế có lúc ngài cũng có tinh thần hùng liệt cho nên mới có ý định như vậy. Nhờ thế, sứ giả nước Đại Cồ Việt là Giang Cự Vọng được vào triều bệ kiến tâu việc lên Tống Thái Tông.

Bước chân vào cửa đại điện, Giang Cự Vọng kín đáo quay sang Trịnh Tú bảo:

– Từ nơi cửa này, an nguy của giang sơn dân tộc ta, mạng chúng ta đã quyết định, tướng quân lúc nào cũng phải thật bình tĩnh, thản nhiên, dù thấy tình hình có gay go nguy khốn cũng cố nhẫn nại, ta hành động sao cho thật khít khao với nhau nhé!

Sứ bộ chỉ có hai người sáng hôm ấy vào đại điện triều Tống. Nắng đã lên cao, trong điện không thấy đốt lửa, chỉ thấy mùi hương trầm thơm ngát, trăm quan văn võ uy nghi hai hàng tịnh không một tiếng động, chỉ thấy có tiếng hô lớn của quan Điện Tiền báo cho sứ biết Hoàng đế gia ân cho nhập điện.

Giang Cự Vọng sửa lại vành khăn, khép lại tà áo, Trịnh Tú ép thanh đoản kiếm "Định Thiên" vào sườn hít một hơi dài rồi vững vàng cất bước thật êm đi theo Giang Cự Vọng, chiến hài của tướng quân làm bằng da trâu sống cực mềm mại mà thật bền chắc, mũi hài là hai lưỡi thép uốn cong theo hình chân, một ngọn cước phóng ra nếu trúng đích thì lưỡi thép lợi hại ấy có thể tiện lìa một cây cột lớn.

Hai người bước đi, phong cách nhẹ nhàng thanh thản, thật ra trong lòng chưa bao giờ lại hồi hộp đến như thế. Trên cao và xa kia, Tống đế uy nghi lặng lẽ đợi sứ nước Nam quỳ gối tung hô "Vạn tuế đức thánh quân", rồi mới cất tiếng thật trầm, thật khoan thai phán:

– Nam sứ, hôm nay trẫm cho phép ngươi được tâu trình những điều mong ước. Trẫm cho phép được thong thả trình rõ mọi việc!

Giang Cự Vọng cũng khoan thai lớn tiếng tâu:

– Tâu thánh đế, quốc chủ thần tạ ơn thánh đế ban lời dụ cho được tâu trình mọi việc. Muôn tâu, thần trộm nghĩ: xưa nay, nước nào cũng có chủ, bang giao với các lân quốc được hòa thuận là điều mừng rỡ, tuy thế nước nhỏ chung quanh Trung Quốc vẫn hướng về Trung Nguyên một lòng tôn kính, xem như Trung Nguyên là nơi mặt trời lên, là nơi điều hòa khí hậu nóng lạnh, ấy vậy mà cũng có nhiều lúc "mặt trời nóng quá, khí hậu ngặt nghèo" khiến cho các nơi cũng có phần lao đao vất vả chẳng còn được thảnh thơi tự chủ. Nay, thần vâng lệnh quốc chủ, đi xa vạn dặm đường khổ nhọc lên đế kinh trình việc, cầu xin được thánh đế lấy lượng thê hoàng, tỏ rõ thánh đức nhận cho quốc chủ nước thần lời cầu xin trình rõ!

Giang Cự Vọng chưa nói rõ vào việc gì khiến thánh đế phải lấy lượng thê hoàng, nhưng Hoàng đế cũng như cả triều Tống đều hiểu rõ việc cùng ý nghĩa. Tống đế làm ra vẻ ngạc nhiên, phán:

– Phải, các nước nhỏ vẫn hướng về Trung Nguyên mà giữ phận chư hầu thần phục, nước Nam cũng thế, vậy thì nay có việc gì mà quốc chủ nước ngươi phải cầu đến trẫm lấy lượng thương cảm bùi ngùi mà xem xét như thế? Lại nữa, cứ theo lời tâu trình thì ngươi kêu than nhiều lúc mặt trời nóng quá, khí hậu ngặt nghèo, có phải như thế là than phiền gì ở Trung Nguyên ta không?

Giang Cự Vọng thừa rõ Tống đế đã biết mọi việc, nay còn giả vờ hỏi, liền tâu thật rõ ràng:

– Tâu thánh đế, quốc chủ nước thần hưng binh quét dọn giang sơn, ổn định thiên hạ, đem an bình lại cho muôn dân, từ đấy mới lên ngôi còn chưa kịp cho sứ lên đế kinh cáo trình thì đã lâm nạn về trời, việc nước vì thế cũng có phần lao đao, tự quân lên thay mới cho thần tới nơi cửa khuyết tâu trình cầu phong!

Tống đế nghiêm giọng phán:

– Trước, tiên đế có lần nói đến Đinh Bộ Lĩnh khởi binh hung hăng đánh phá khắp nơi, đoạt ngôi của Cổ Loa, lại có ý muốn dương cự với Tống triều, tiên đế bận rộn nhiều việc lớn chưa có thì giờ xem xét việc phương Nam thành ra vẫn để cho Bộ Lĩnh được tự do hoành hành. Nay, quả nhiên Bộ Lĩnh chẳng đủ tài đức, khiến cho bên trong sinh biến, bên ngoài thế nào cũng sinh loạn, làm cho Bắc phương lại phải bận lòng! Nay, ngươi vâng lệnh đi sứ trình tâu mọi việc, thế thì việc Bộ Lĩnh bị chết là như thế nào?

Các quan trong triều nghe Hoàng đế phán hỏi sứ nước Nam, thì im lặng chú ý dợi nghe những việc thế nào cũng là gay go. Giang Cự Vọng nghe Tống đế phán có ý nói sai sự việc, ông không sợ sệt, giọng thật rõ ràng tâu:

– Muôn tâu, quốc chủ hưng công dại định thiên hạ, giữ cho giang sơn được bền vững, làm cho trăm họ được an lạc, nào có phải là cướp ngôi của Cổ Loa, mà là hành động của bậc chí hùng ứng với thiên ý, nhận ngôi chủ tể để cứu trăm dân. Vả chăng, quốc chủ lên ngôi liền có sứ đi cầu phong, đã được ban cho làm Giao Chỉ Quận vương, sứ đi lại giao hòa tốt đẹp, nào đâu có phải là tự do hoành hành! Nay đoản mệnh, khí thiêng về trời nên tự quân sai sứ lên kinh đế trình tâu, cầu xin gia phong để ổn định mọi việc, ấy cũng là việc phải!

Tống đế cười nhạt, phán:

– Trước, Bộ Lĩnh ngạo mạn xưng vương, tiên triều muốn cho yên ổn tránh nạn "trâu lồng đổ xe"(*), thế mà đám quần thần sao dám dâng tôn hiệu "Hoàng đế"(**), rõ ra là trên dưới vẫn một lòng mưu việc phản nghịch. Nay nội bộ rối loạn, trong nhà chém giết lẫn nhau, quyền thần lại tiếm quyền chèn ép tự quân, thế thì có phải là lại toan việc lừa dối, cầu phong để lấy tự quân làm bung xung cho kẻ quyền thần thao túng không?

Giang Cự Vọng hùng hồn:

– Tâu thánh đế, nếu bảo có việc ngạo mạn xưng vương thì sao tiền triều lại phong vương cho trưởng tử của quốc chủ nước tôi, không hỏi gì đến việc quốc chủ xưng Hoàng đế, ấy chẳng phải cho là đúng mà không thắc mắc gì về truyện đó là gì! Muôn tâu, nay cầu phong ấy là mong được bên trong mau ổn định, bên ngoài vững mối giao hảo, sao lại là việc quyền thần thao túng được?

Đối đáp giữa Tống Thái Tông và sứ Giang Cự Vọng khiến cho cả triều đình nhà Tống hết sức im lặng lắng nghe thật gay go.

Tống đế lại hỏi:

– Chẳng phải việc thí vua cướp ngôi của kẻ quyền thần là gì? Triều đình trăm mắt, sao lại chẳng thấy việc tư thông chốn hậu cung, bày hiểm mưu thí vua cướp nước? Việc như thế, có ở đâu lại chẳng phải là điều

---

(*) Ý muốn nói: "tránh nạn trâu đang kéo xe bỗng nổi điên lồng lên làm đổ cả xe gây hại lớn", là muốn bảo: e rằng Đinh Bộ Lĩnh có hành động liều lĩnh, xuất chiến khiến cho việc trị an của nhà Tống bị nguy hại.

(**) Triều đình lúc ấy dâng lên Vạn Thắng Vương lúc đã ở ngôi tôn hiệu là "Đại Thắng Minh Hoàng đế".

"trời chu đất diệt", đến kẻ thất phu biết chuyện cũng phải ra tay, thế mà cả triều đình lại toa rập với kẻ quyền thần, sao lại bảo là đi cầu phong được?

Giang Cự Vọng hiểu là Tống đế kiếm uyện để hạch sách, lấy cớ cho những hành động mai sau, ông vững vàng đáp:

– Tâu Hoàng đế, nếu bảo là quyền thần thí vua cướp ngôi đoạt nước, thế thì sao lại không cầu phong cho chính mình mà lại cầu phong cho dòng dõi tiên vương? Đến việc gọi là tư thông ở chốn hậu cung thì thần trộm nghĩ: xưa nay tình cảm của anh hùng với thuyền quyên là việc bình thường, vả chăng việc từ thời tiên vương nước thần còn đang lận đận đi lại trong thiên hạ, biết mà đại lượng không vì một người đàn bà mà nỡ "chặt tay chân", thế thì việc hôm nay thần trộm nghĩ cũng là hành vi bình thường mà thôi!

Tống đế cười nhạt, phán:

– Ừ thì việc ấy bình thường, đã chẳng nghĩ đến ơn chủ là người đại độ chẳng thèm quy tội, sao lại còn có thể nhân thế mà dám làm việc bạo thiên nghịch địa là thí vua, nham hiểm bày mưu sâu cướp ngôi rồi băm vằm tội phạm(*) để phi tang như thế?

Giang Cự Vọng vẫn không sợ, giọng vẫn cứng, đáp:

– Muôn tâu thánh đế, kẻ tăm tối giết vua là đứa chức lại ở cạnh vua giữ việc dọn dẹp giấy tờ, chẳng ai bên ngoài đi lại quen biết với y, chính Định Quốc công thân xét việc rồi giết y chứ có phải ai giết tội phạm để phi tang đâu? Thánh đế ở nơi xa ắt cũng rõ chính Định Quốc công cùng với Nhiếp chính rước con của tiên vương lên ngôi, chẳng hề có việc chèn ép cướp ngôi! Như thế, thì nhất định không có việc phi tang gì cả!

Tống đế Thái Tông giọng lạnh như băng, phán:

– Thế việc Định Quốc công cử sự, đem binh hỏi tội đứa thí vua thì thế nào?

Thật là khủng khiếp, triều đình nhà Tống nghe Hoàng đế hỏi sứ thì rùng mình, các quan kín đáo đưa mắt nhìn nhau, lại có việc biến động ấy nữa!?

Giang Cự Vọng cũng thấy rung động trong lòng, chính ông mới được mật sứ gấp đưa tin cho biết, thế mà Tống đế cũng đã biết việc!

Giang Cự Vọng tâm cơ chuyển động, thần linh mặc khải cho trong lúc khó khăn, ông chẳng dấn do buột miệng tâu:

(*) Chính Định Quốc Công Nguyễn Bặc được cung nhân chỉ cho nên bắt được Đỗ Thích rồi băm vằm y thành đống thịt vụn.

– Muôn tâu Hoàng đế thánh nhân, quả thật có việc ấy! Muôn tâu, như vậy rõ ràng là không có việc thí vua!

– Không có việc thí vua như thế nào?

– Muôn tâu, chính Định Quốc công băm vằm đứa giết vua chứ không phải là quan Nhiếp Chính làm, thế thì rõ ràng là không có việc Nhiếp Chính phi tang gì cả! Rồi cũng chính Định Quốc công hiệp lực cùng với Nhiếp chính lập tự quân lên ngôi, rõ ràng là không có việc lập gian mưu cướp ngôi! Có điều, nước một ngày không thể không có chủ, chủ lại không thể là một người mất trí hay là trẻ thơ đi chưa vững bước được, cho nên triều đình nghị bàn quốc sự thấy tình hình nên cùng lòng tôn phò Nhiếp chính, chứ chính Nhiếp chính chẳng hề tự phong chiếm ngôi gì cả!

– Vậy sao lại dám xưng Phó vương?

– Muôn tâu thánh đế, đấy cũng lại là một điều nữa để tỏ ra Nhiếp chính chẳng hề lập mưu hay có ý định cướp ngôi gì cả! Thần vâng lệnh triều đình tâu trình lên thánh đế: triều đình một lòng tôn phò Nhiếp chính lên ngôi tôn, thế mà Nhiếp chính một mực không nghe, nhất định khuông phò tự quân, còn mình thì chỉ nhận tước Phó vương của triều đình mà thôi. Đấy là ý lành của Nhiếp chính.

Tống đế cũng như cả triều đình thừa hiểu sứ nước Nam ra sức biện luận bênh vực chủ, chứ thật ra chẳng phải là như thế, cho nên các quan lao xao bàn tán, Tống đế phán:

– Việc thịnh suy thay đổi của một triều đại, cũng là lẽ thường ở đời. Tuy thế, cũng không thể bỏ được kỷ cương lệ cũ, khiến cho cương thường đảo lộn, làm cho thiên hạ vì thế mà phải bị hỗn loạn. Nay, nước Nam trong nảy sinh nội loạn thoán nghịch giết vua, sai sứ cầu phong cho tân tự quân nhưng kỳ thực lại có ý che đậy nhiều điều gian dối. Trẫm thay trời chủ trị muôn phương, không thể làm ngơ để cho một góc trời bị hỗn loạn, làm gương không hay cho các nơi. Vì thế, nếu như nước Nam thực lòng cầu phong, một lòng tôn phò triều cũ, thì trẫm cũng thuận sẽ phong cho Đinh Toàn làm Thống Súy, Lê Hoàn thì làm Phó.

Giang Cự Vọng hiểu rõ tình thế, như thế thì Tống đế tuy đã có chủ trương xuất quân nhưng vẫn còn để dành cho nước Nam có chỗ để tránh chiến tranh nếu như thuận lòng tuân phục Tống triều. Ông liền tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, quả thật bậc nhân thần đại nhân đức ban phúc lành cho phương Nam! Thần hãy thay mặt quốc chủ bái tạ đức thánh đế ban ân cho được an bình để trăm họ cùng hướng về nơi cửa khuyết tạ ơn tung hô bậc thánh quân!

Giang Cự Vọng cố ý nói là như thế chiến tranh sẽ không có, an bình đã được Tống đế ban cho nước Nam. Tống đế mỉm cười, ngài phán:

– Trẫm cũng phán rõ để chủ tôi ngươi được biết: ân huệ trẫm ban cho Giao Chỉ, không phải là để cho Giao Chỉ nương vào đấy mà hoành hành, lừa dối thiên triều, thi thố những mưu gian mẹo hiểm để làm những việc bạo thiên nghịch địa! Nếu trẫm thấy việc sứ tâu trình hôm nay là những điều man tấu, trên là lừa dối thiên triều, trong nước là cưỡng bức trăm họ vào điều vô đạo phản loạn, ấy là lúc trẫm đề binh hỏi tội đứa loạn thần tặc tử, đành là phải gánh vác việc của chư hầu để an định việc chung. Trẫm phán rõ: không phải là trẫm không xét tội thí vua, làm loạn hậu cung khiến cho đạo lý phải lay động nghiêng ngả, thiên triều chẳng phải nhất nhất là tin ngay lời tâu trình của chủ tôi ngươi, mà còn phải xem xét kỹ!

Giang Cự Vọng thừa biết Tống đế chẳng xem xét gì mà đã có chủ trương chiến tranh, việc binh thu xếp kể như đã xong xuôi chỉ còn đợi ngày lên đường, thế mà nay Tống đế còn nói là để xem xét, ông lại tâu:

– Muôn tâu thánh đế, chủ thần hiểu rõ thánh ý anh minh, cho nên mới sai thần lên tâu trình mọi việc, nói rõ nghĩa việc cầu phong, làm cho mối giao hảo bắc nam được tốt đẹp.

Tống đế tuy đã sửa soạn xong việc chiến tranh, khi nghe Giang Cự Vọng tâu như thế ngài cũng phán:

– Cũng được, Giao Chỉ cầu phong, bắc nam giao hảo, đấy cũng là ý mong muốn của trẫm. Vậy trẫm chuẩn tấu trước là cho dưa chiếu thư xuống nước Nam, xem quốc chủ Giao Chỉ định thế nào, rồi sẽ quyết định sau cũng không muộn!

Giang Cự Vọng nghe Tống đế phán trong lòng mừng lắm, như thế thì cũng hoãn được việc chiến tranh một thời gian, còn việc tấn phong nhất định chẳng qua cũng chỉ là một cái cớ để Tống triều mưu tính việc riêng mà thôi, không thể tin được. Vì thế ông ra vẻ vui mừng tâu:

– Muôn tâu thánh đế, thần lại xin được thay quốc chủ tạ ơn cao của thánh đế chuẩn tấu tấn phong! Thần xin đợi lệnh!

Rồi Tống đế một mặt cho thảo chiếu thư, một mặt cứ hoàn tất việc quân, rồi sai người đưa chiếu thư xuống Nam khuyên dụ triều đình Đại Cồ Việt chứ không sai Giang Cự Vọng mang chiếu thư về nước, có ý ngầm giam dám sứ giả lại Bắc Kinh. Người mang chiếu thư của Tống đế xuống Nam là Lư Đa Tốn. Tống đế làm như thế cốt để một mặt đánh lừa sứ bộ nước Nam, một mặt làm cho triều đình Đại Cồ Việt không biết được là Tống triều đang gấp rút gom quân tuyển tướng đợi ngày nam chinh.

Nhưng, sứ giả Giang Cự Vọng là tay văn học tinh thâm, trước khi vào đến giang sơn nhà Tống đã hiểu rõ tình hình, lại thêm các tế tác đi lại hoạt động ráo riết dò la thu thập tin tức, sứ bộ thấy được rất rõ mọi việc, cho nên Giang Cự Vọng xem hành động của Tống Thái Tông không có gì là lạ lùng hay thực sự đáng để vui mừng cả!

Chiếu thư khuyên dụ của Tống Thái Tông đem lời ngon ngọt dụ dỗ, có chỗ nói: "... Trung Hoa đối với Man Di, cũng như thân người có tứ chi, vận động duỗi co tùy ở tim mình, cho nên nói tim là chủ. Nếu ở một tay một chân mà mạch máu ngừng dọng, gân cốt không yên thì phải dùng thuốc thang để chữa. Chữa mà không công hiệu thì lại phải châm cứu cho kỳ khỏi, không phải là không biết thuốc thang thì dắng miệng, mà châm chích thì rách da. Phải làm như thế là vì tổn hại ít mà lợi ích nhiều. Kẻ làm vua thiên hạ cũng phải làm như vậy chăng? cho nên Thái Tổ Hoàng đế ta nhận ngôi do nhà Chu nhường, đổi tên nước là Tống, văn vật trong sáng, một phen biến đổi theo xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn Man Di mắc bệnh. Cho nên năm thứ 1 thứ 2 thì thuốc thang cho các đất Kinh, Thục, Tương, Đàm, năm thứ 3 thứ 4 thì châm cứu cho các miền Quảng, Việt, Ngô, Sở(*), gân cốt huyết mạch ra dáng trẻ non, có phần khỏe mạnh. Không do cơ trí thần diệu sáng suốt của bậc vương giả mà trù liệu được đến thế ư? Đến khi ta nối giữ nghiệp lớn, đích thân coi chính sự, cho rằng dất Phần đất Tinh(**) là bệnh ở lòng bụng, nếu lòng bụng chưa chữa khỏi thì làm sao chữa nổi tứ chi? Vì thế mới luyện thuốc thang bằng nhân nghĩa, sửa dồ châm cứu bằng đạo đức, hết sức chữa cho các đất Phần, Tinh chỉ một lần là khỏi bệnh, chín châu bốn biển đã mạnh lại yên. Chỉ có Giao Châu của người ở xa cuối trời, thực là ngoài năm cõi(***).

"Nhưng phần thừa của tứ chi, ví như ngón tay ngón chân của thần người, tuy chỉ một ngón bị đau, bậc thánh nhân lại không nghĩ đến hay sao? Cho nên phải mở lòng ngu tối của ngươi, để thanh giáo của ta trùm tỏa, ngươi có theo chăng? Huống chi từ thời Thành Chu, nước ngươi đã

(*) Chỉ các cuộc hành quân tiêu diệt các thế lực cát cứ ở đầu thời Tống ở tỉnh Hồ Nam, Tứ Xuyên, Lưỡng Quảng v.v... Trung Quốc (ĐVSKTT-Bản kỷ- Q.1).

(**) Chỉ miền Phần Dương và Thái Nguyên thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Ở đây Tống Thái Tông muốn nhắc đến cuộc tiến quân tiêu diệt nước Bắc Hàn ở tỉnh Sơn Tây năm Kỷ Mão-979.(ĐVSKTT-Bản Kỷ- Q.1).

(***) Nguyên văn "Ngũ phục", chữ dùng trong Kinh Thư, *chỉ 5 vùng theo thứ tự xa cách kinh kỳ (hầu, điện, tuy, yêu, hoang). (ĐVSKTT- Bản Kỷ – Q.1)*

đem chim trĩ trắng sang dâng, đến thời Viêm Hán[*], dựng cột đồng làm mốc, cho đến thời Lý Đường, vẫn thuộc về nội địa. Cuối thời Đường nhiều họa nạn, chưa kịp xử trí. Nay thánh triều lòng nhân trùm khắp muôn nước, cơ nghiệp thái bình kể cũng đã thịnh. Lễ phân phòng đã sắp đặt sẵn, còn đợi ngươi đến chúc sức khỏe của ta. Ngươi dừng ru rú trong bốn góc nhà, khiến cho ta buồn phiền, phải chém cờ bổ sơ[**] làm cỏ nước ngươi, hối sao cho kịp. Dù cho sông nước ngươi có ngọc, ta vứt xuống suối; núi nước ngươi sản vàng, ta ném vào bụi; để thấy chẳng phải ta tham của báu nước ngươi. Dân của ngươi bay nhảy[***] còn ta thì có ngựa xe; dân ngươi uống bằng mũi[****], còn ta thì có cơm rượu để thay đổi phong tục của nước ngươi; dân ngươi bắt tóc còn ta thì có áo mũ, dân ngươi nói tiếng chim, còn ta thì có Thi, Thư, để dạy lễ cho dân ngươi. Cõi nóng chói chang, khói hơi mù mịt, ta tỏa mây Nghiêu, tưới cho mưa ngọt. Khí biển hầm hập, cháy mày cháy đá, ta gảy đàn Thuấn, quạt làn gió thơm. Sao trên trời nước ngươi, chẳng ai biết tên gì, ta quay chòm Tử vi để ngươi biết chầu về. Đất ngươi nhiều ma quỷ, ai cũng sợ chúng quấy, ta đã đúc vạc lớn để yểm trừ, khiến chúng không làm hại. Ra khỏi chốn đảo dị của ngươi mà xem Minh Đường, Bích Ung[*****] chăng? Trút áo quần có lá của ngươi mà mặc áo cổn hoa thêu hình rồng núi chăng? Ngươi có theo về hay không, chớ mau chuốc lấy tội..."

Chen vào vào những lời dọa dọa kiêu ngạo, có lúc lại ra vẻ ngon ngọt gian giáo phủ dụ, lại là những đoạn lấy giọng kẻ cả bề trên hung hăng dọa nạt:

"...Hiện nay ta đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha, nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội... ".

(*) Viêm Hán: tức nhà Hán, tự coi là dòng dõi vua Nghiêu, ứng vào ngôi hỏa (trong ngũ hành), cho nên gọi là Viêm Hán (Viêm đồng nghĩa với hỏa) (ĐVSKTT-Bản Kỷ- Q.1).

(**) Nguyên văn: "tiệt phan đoạn tiết". Tiết là con so để làm tin, khi tướng ra trận thì bổ đôi giao cho một nửa. (ĐVSKTT. Bản kỷ- Q.1).

(***) ý nói người hoang dã mọi rợ như giống chim muông.

(****)một vài dân tộc nước ta ở giáp Lưỡng Quảng vẫn còn cách uống bằng mũi.

(*****) Minh Đường: chỗ vua các nước chư hầu triều kiến vua nhà Chu. Bích Ung: nhà học của vua nhà Chu. (ĐVSKTT- Bản kỷ-Q.1).

Rồi khi nói đến việc triều đình nước Nam cầu phong, chiếu thư của Tống đế có viết:"... *Họ Đinh truyền nối đã được ba đời, trẫm muốn cho Đinh Toàn (Tuệ) làm thống suý, khanh*(*) *thì làm phó. Nếu Đinh Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con thì nên cho ngay mẹ con và thân thuộc y sang đây. Đợi khi vào chầu, tất sẽ được ban điển liễu tài hậu. Khanh sẽ được trao cờ tiết và cây việt*(**). *Có hai đường đấy, khanh nên xét kỹ mà chọn lấy một*".

Lư Đa Tốn vâng lệnh Tống đế còn chưa kịp mang chiếu thư đi, thì Giang Cự Vọng đã có thám mã tế tác dốc sức chạy ngựa ngày đêm về nước trình báo mọi việc lên triều đình. Vì thế khi chiếu thư của Tống đế xuống đến nước Nam thì triều đình đã biết hết mọi việc, đã có quyết định rồi, cho nên triều đình đón sứ tiếp chiếu thư rồi cứ im lặng không trả lời.

Tống đế nghe theo lời quần thần bàn nghị là không nên để cho sứ nước Nam có điều gì nghi ngờ vì bị giữ lại ở đế kinh lâu quá mà không có việc chầu hầu gì, cho nên sau khi sứ giả mang chiếu thư xuống Nam đi được chừng ít ngày rồi, Tống đế liền lại thiết triều cho sứ bộ được vào triều nghe việc.

Được tin, Giang Cự Vọng bảo với Vương Thiệu Tộ và Trịnh Tú:

– Chắc là Tống triều đã sửa soạn xong việc quân bị, sứ lên đường chẳng qua chỉ là để đánh lừa ta, nay Tống đế lại thiết triều ấy là muốn cho mắt không cho ta biết việc thật, mà cũng là để quyết định về số phận của bọn ta trước khi phát lệnh tiến quân đây!

Lời nói của Giang Cự Vọng khiến cho hai phó sứ cảm thấy nghiêm trọng, phó sứ Vương Thiệu Tộ bảo:

– Thường thì sứ bộ sang địch quốc trong lúc hai nước sắp có hay đang có chiến tranh, bao giờ cũng là nguy hiểm, tính mạng xem như đã bỏ đi rồi! Nay, sứ đoàn ta cũng lâm vào tình trạng như vậy, việc nước đang hồi khó khăn, sứ bộ ta cốt làm sao trì hoãn được chiến tranh, nếu như việc trì hoãn ấy đến lúc này là không còn trì hoãn thêm được nữa mà tính mạng của ta lâm nguy, ta có sợ gì mà không quyết liệt một phen! Vả chăng, đã có lời dặn dò chỉ bảo trước của ngài nhiếp chính Hoàng đế, thế thì ta dù có phải ra tay cũng là điều không trái mệnh! Việc văn, ông Giang đã làm cho cả triều nhà Tống phải kính nể người Nam, bây giờ có khi đến lượt ông Trịnh Tú ra tài gươm giáo vừa gỡ lại được đôi chút máu xương vừa làm cho binh tướng nhà Tống sau này có xuống nước ta cũng phải lo sợ e dè!

(*) Chỉ Lê Hoàn.

(**) Cờ tiết là cờ lệnh; việt là cái búa (rìu) đi cùng cờ tiết tượng trưng uy quyền của bậc làm tướng.

Trịnh Tú còn ngỡ ngàng thì Giang Cự Vọng đã hỏi:

– Ông nói như thế, là thế nào?

– Trong sử sách, các sứ bộ chư hầu thuộc quốc thường phải dối dầu nhiều việc với đại triều, nước ta cũng thế. Bây giờ việc nước đang hồi khó khăn, Tống triều lại biết rõ nhiều việc của ta, mưu mô toan xua quân đánh lấy nước ta, dã hẳn là họ phải sửa soạn việc gươm giáo. Việc quân quan trọng ở tài của tướng, tướng tài là người giỏi tay gươm nơi chiến trường, thấu hiểu địch tình ngay từ trong tướng phủ nên biết lẽ phải bài binh bố trận ra sao. Nay giả thử ông Trịnh Tú có cơ hội phô trương thanh thế cho các tướng Đại Cồ Việt ta, làm sao để các tướng nhà Tống tuy hung hăng cậy sức thật đấy, nhưng ngay từ khi binh nó chưa ra khỏi doanh trong lòng lúc nào cũng đã nơm nớp lo lắng, như thế thì ta chỉ dàn xếp một vài trận đánh thắng cho to, thế nào cũng làm cho các tướng nhà Tống phải nhụt chí lo đường bại tẩu chứ chẳng còn tinh thần quyết chiến nữa!

Những lời nói của Vương Thiệu Tộ, tuy có thể là đúng phần nào, nhưng quyết chắc là như thế thì không thể tin được, cho nên Giang Cự Vọng lại nói:

– Theo như trong sử sách kể, thì cũng có nhiều lần tướng dịch mới chỉ phong thanh nghe danh tiếng tài nghệ tướng bên kia đã thấy kinh sợ, lo nghĩ nhiều đến đường bỏ chạy hơn là tính kế thắng địch. Còn như nước ta với nhà Tống hiện giờ, ta lấy gì để làm cho tinh thần của họ phải sợ sệt lo lắng được đây?

Vương Thiệu Tộ vẫn vững vàng:

– Không phải là nước Nam ta không có những kỳ công đại nghiệp để cho phương Bắc phải lao đao! Kể từ thượng cổ, các tiền nhân anh kiệt của ta đã chẳng nhiều phen cự chống Bắc phương thật hùng liệt là gì? Rồi đến khi hai bậc nữ lưu họ Trưng đứng lên phất cờ giống trống, binh đi như nước dòng sông lớn cuốn trôi mọi nhục nhằn giành lại được quyền tự chủ, thì Bắc phương rõ ràng là khiếp sợ phải cầu đến đại danh tướng Mã Viện mới khuất phục được hai đấng nữ thần nước ta. Nghìn năm Bắc thuộc phải đợi đến hào kiệt Ngô Quyền dứt họa Nam Hán, phục hồi lại được giang sơn của Hai Bà, hào quang phương Nam mới lại bừng sáng. Hào quang vừa mới rạng, non nước đã lại lầm than, kịp đến đời Tiên Hoàng đế, lúc ấy nước ta đang hồi náo nhiệt, Thái tổ nhà Tống đại nghiệp vừa dựng xong uy danh còn như sấm rền chưa tắt tiếng, thế mà cũng không dám xuất binh, lại một phen nữa Bắc phương nể sợ chí hùng phương Nam, mãi đến nay mới dám viện cớ ép bức muốn xuất binh, sao ta lại chẳng vạch mắt khoan tai cho chúng biết hùng liệt phương Nam là thế nào, có thế khi nó xuất quân mà trống ngực hồi hộp đập còn hơn trống

trận, binh tướng vào trận mới nơm nớp lo sợ như thể nhắm mắt miễn cưỡng phải đi vào cạm bẫy chết! Chúng ta đi sứ, đã không làm nhục mệnh triều đình sai đi, sao lại chẳng dám đem tấm thân như đã chết hẳn rồi để ngăn cản giặc mai sau, giúp cho binh tướng của ta mai này lúc mở trận!

Những lời nói của Vương Thiệu Tộ làm cho Giang Cự Vọng với Trịnh Tú hừng chí nức lòng đến trào nước mắt, Giang Cự Vọng bảo:

– Phải! Ta nào có sợ chết, thân không tiếc nhưng tiếc từng cơ hội một nếu không kịp mở mắt cho giặc, không kịp đem cuộc đời đổi lấy một chút vinh quang cho đất nước! Việc binh nơi trận tiền, cần có binh hùng tướng mạnh, nhưng binh tướng ấy lại cần có thần soái ở đằng sau lập trận dụng binh. Ông là người tinh thâm chiến sử, nay vào Tống triều thì cũng nên liệu một phen làm cho Tống triều phải khiếp sợ, thân phận bọn ta kể như đã xong rồi, ông hãy tìm cách lấy "giọt nước yếu mềm làm tắc được hơi thở" để mở mắt cho nhà Tống, làm như Gia Cát Vũ Hầu ngày xưa thời Ba Nước Tranh Hùng, nhẹ nhàng thì mượn mấy hòn đá vô tri mà giam được đại đô đốc Đông Ngô, nặng thì lấy tiếng thét không bén như gươm nhưng còn hơn cả tiếng gầm rung chuyển trời đất của Lôi thần của dũng sĩ họ Trương mà đuổi được giặc lớn trên cầu Trường Bản(*), cũng là điều giúp quan trọng cho tướng sĩ của ta sau này dấy!

Rồi sứ bộ ba người vào triều. Quang cảnh Tống triều hôm nay có phần khác với những lần trước tiếp sứ, xem ra trong uy nghi lại phảng phất nỗi niềm hỉ hả. Vì thế Tống đế phán bảo:

– Này sứ bộ Giao Chỉ, chiếu thư của trẫm gửi xuống phương Nam còn đợi quốc chủ các ngươi trình đáp, trẫm cho gọi các ngươi vào triều hôm nay là để phán hỏi thêm về những việc phương Nam, phòng khi mai sau hai phương đi lại bang giao được thuận tiện! Trẫm nghĩ: nước Nam bé nhỏ, mấy nghìn năm các đời thay nhau đều hướng về Bắc phương cầu được che chở dặn bảo, thế mà đến đời nay sao quốc chủ các ngươi lại có ý muốn "ngửa mặt nhìn trời, tự cho mình là cao sơn đại hải, thích lấy sức ngọn cỏ yếu ớt mong sánh với dại thụ hùng cường" là thế nào?

Cũng đời Tam Quốc Tranh Hùng, Trương Phi là em kết nghĩa của Lưu Bị, một mình một ngựa hươi Bát Xà Mâu đứng trên cầu Đương Dương chặn đại binh của Tào Tháo, cả dạo quân lớn do chính Tào Tháo dẫn đầu khiếp sợ không dám tiến lên cầu rồi dành quay đầu bỏ chạy cả!

(*) Xưa, đời Tam Quốc Tranh Hùng, quân sư của Hán Thục là Gia Cát Lượng dùng đá lập thành trận Bát Quái giam giữ được Đại Đô đốc nhà Đông Ngô là Lục Tốn, sau nhờ có bố vợ của chính Gia Cát Lượng chỉ cho Lục Tốn mới thoát ra khỏi trận đá được.

Giang Cự Vọng chưa có cử động gì tỏ ra tâu đáp, thì Vương Thiệu Tộ đã bước ra cung kính quỳ tâu:

– Muôn tâu thánh đế đại hùng, thần, phó sứ Vương thị, trộm nghĩ: một đời người phương Nam ít có ai dám hi vọng mong ước được đặt chân đến đế kinh phương Bắc, huống hồ lại còn được vào triều quỳ lạy đức thánh quân trị vì muôn phương ở chỗ thâm nghiêm, cho nên thần ngửa mặt nhìn trông lên, xin được tâu hầu thánh quân đôi lời quê kệch, để khi về nước lấy đấy làm điều vinh dự cho cả dòng tộc, thần xin được thay lời chánh sứ trình giải ý trời thắc mắc!

Từ khi sứ Đại Cồ Việt vào triều, trên từ Thái Tông xuống đến các hàng văn võ trăm quan, cũng có vài lần thấy phó sứ cùng Giang Cự Vọng chầu hầu nhưng chẳng lần nào có lời tâu trình gì, lần này phó sứ lên tiếng khiến cả triều chú ý. Đức Thái Tông phán:

– Hay lắm! Trẫm nghe, phương Nam lâu lâu cũng nảy sinh được một vài người tài, võ cũng biết cầm gươm, văn cũng hiểu ý sử sách Trung Nguyên. Nay, phó sứ xin được đỡ lời chánh sứ, ắt cũng là người hiểu biết mới dám cầu như thế! Trẫm chuẩn tấu!

Giang Cự Vọng không có cử chỉ khác nào. Vương Thiệu Tộ mặt lại càng không tỏ vẻ gì là gay cấn, lo sợ hay xem nhẹ Tống triều, ông vẫn cung kính sửa lại vành khăn, chỉnh lại nếp áo, không vội vàng tâu bày mà cử chỉ thật khoan thai như thể "chậm lại để cho cả Tống triều chú ý vào", rồi mới đĩnh đạc tâu:

– Thần tạ ơn thánh đế minh trí, thần không dám tự cho là hiểu Bắc sử, chỉ xin được tâu trình việc thánh đế ban lời hỏi! Thần trộm nghĩ: từ ngày bỏ quê hương ở tận Động Đình Hồ, con dân Trăm Việt tản mát khắp phương Nam tìm đất lập quốc. Tổ tiên nước thần, chính vì kính sợ trời cao nên đi mãi xuống phương Nam thật xa xôi tăm tối mới dám dừng chân dựng nước. Ấy thế mà từ thượng cổ, trời cao vẫn không dung đời nào cũng lấy sức mạnh để thôn tính, chiến tranh vì thế liên miên không dứt, đến nỗi phận nữ nhi như hai chị em họ Trưng cũng phải ra khỏi phòng the mang gươm đi đòi lại nước, thắng bại luân phiên, tự chủ hay lệ thuộc cũng không dứt khoát. Đến mấy đời mới đây, nhà Nam Hán mấy lần lại theo lối cũ nhòm ngó phương Nam không được, kịp khi có lời cầu xin của kẻ nghịch thần phản bội(*) mới lấy cớ mà xua quân xuống Nam, để đến nỗi thái tử Hoằng Thao

---

(*)Đây và việc Kiều Công Tiễn giết chủ là Dương Diên Nghệ để cướp quyền, khi bị Ngô Quyền đề binh hỏi tội thì cầu xin nhà Nam Hán đem binh cứu viện; Hán chúa sai Thái tử là Hoằng Thao đem binh xuống đánh nước Nam, Ngô Quyền bài binh bố trận bên sông Bạch Đằng, phá tan giặc Bắc, bắt sống thái tử Hoằng Thao đem chém đầu bên sông.

phải bỏ mạng nơi xa xôi tăm tối. Lẽ ra, việc phải với Ngô Quyền xưng vương chịu thần phục, Bắc Nam đi lại giao hòa, chẳng nên vì có cơn gió thoảng bụi vẩn chút ít lại lấy làm "bão lớn rung chuyển càn khôn" để ôm dồm việc xa, quên mất việc trước mắt chưa mờ mới phải! Thần ngửa cổ mong đức thánh quân trí sáng hơn sao, đức rộng ngang trời biển, thấu rõ thế vận hành của trời đất mà để cho ánh sáng trời cao soi tỏ chốn tối tăm, nhờ thế bốn phương an bình, phương Nam cũng được hưởng phúc lành!

Vương Thiệu Tộ sang sảng giảng lẽ thiệt hơn, lại nêu cả những việc cũ có ý trách các triều đại Bắc phương khiến cho Tống đế và cả triều đình không nén được giận, triều đình lao xao, Tống đế nghiêm nghị phán:

– Này sứ Giao Chỉ, nay nước ngươi bên trong hỗn loạn thí vua cướp ngôi, chia bè kết đảng chém giết lẫn nhau, làm loạn cả đạo lý, bên ngoài lại mong đem sự giả dối che đậy mưu gian, lấy sử sách muốn đánh lừa thiên triều, cầu phong mà chính là để dò la thách thức thiên triều! Các ngươi toan "lấy bàn tay nhỏ mà che mặt trời lớn" sao qua nổi thiên triều!

Giang Cự Vọng vẻ mặt thản nhiên bao nhiêu, thì tướng quân Trịnh Tú giữ thái độ bình tĩnh bấy nhiêu, chỉ Vương Thiệu Tộ thì lại tỏ ý hốt hoảng, ông quỳ xuống kính cẩn tâu:

– Muôn tâu thánh đế, tiểu quốc phương Nam đời nào cũng quay đầu hướng lên Bắc một lòng thần phục cầu an, chưa hề có việc binh tướng nào ở phương Nam lại dám xâm phạm Trung Nguyên, thế thì chắc là không có việc giả dối che đậy mưu gian, lại càng không thể có việc "bàn tay nhỏ che khuất cả mặt trời" được! Muôn tâu, việc nội bộ thịnh suy hay an bình náo loạn, thì ở đời nào cũng có, chẳng phân biệt Bắc Nam, vì thế hết thịnh thì chuyển xuống suy, bĩ rồi lại thông, mấy nghìn năm lịch sử Bắc phương đã thấy rành rành, dựng nghiệp hay kế nghiệp cũng có, thí vua lấy ngôi cũng có, trời đất còn chia ra bốn phương tám hướng, lòng người theo nhau nhiều ngả cũng là việc bình thường, duy có việc nhiều ngả mà bao giờ cũng quy về một mối, hướng về một ngôi, đấy mới là điều trọng. Thần ngửa cổ cầu đức thánh đế minh trí xem việc các đời xưa, luận việc đời này nên thấy rõ việc hôm nay, nghĩ ra cách ban ơn mưa móc cho trăm dân ở khắp muôn phương.

Vương Thiệu Tộ luận sử, lấy lẽ thịnh suy thay ngôi đổi chủ để đối đáp với Tống đế, lời ngay thẳng dễ làm động lòng sinh ghét bỏ của người nghe, vì thế Tống đế nhạt nhẽo phán:

– Mặt trời đang lúc nắng gắt, tiều phu mang cái rìu mẻ toan hạ cây lớn để đốt lửa ganh nóng với trời, dòng sông lớn dang dâng sóng cao, ngư phủ cưỡi cái thuyền ọp ẹp lại muốn bưng đắp con trạch nhỏ để ngăn dòng nước, nhà ngươi muốn lý sự để dạy ta về cách xử thế đấy chăng?

Vương Thiệu Tộ không dẫn đo đáp ngay:

– Muôn tâu, thần nghe nói: "mũi tên đi thẳng thì có tiếng rít xé tai, lời nói ngay thẳng thì dễ sinh oán giận", tiếng rít tỏ ra đấy là đường đi của mũi tên trúng đích, còn lời nói thẳng sinh giận là chỉ sinh giận ở người tăm tối. Với các bậc thánh quân, không những chỉ thích nghe lời nói thẳng, mà còn lập ra cả chức gián nghị cầu được nghe lời khuyên giải, thế thì thánh đế sao lại bảo là thần muốn lý sự để dạy về cách xử thế! Thần không biết cách làm của Ngụy Chinh mới đây, hay Nguyễn Tịch ngày xưa cho nên mới làm thánh nhĩ khó chịu, tuy vậy thần lại vẫn yên lòng là đấng thánh quân chỉ muốn ướm lời cốt ý tìm nghe lời nói thẳng mà thôi!

Tống đế là người kế nghiệp, cũng có đọc sách, nhưng chẳng phải là bậc uyên bác biết hết mọi việc xưa được, cho nên ngài nghe họ Vương nói thì ấm ức, đình thần nhà Tống nhiều bậc uyên thâm, có người biết tích Ngụy Chinh với Nguyễn Tịch, nhưng chẳng có lời phán hỏi của Hoàng đế nên chẳng dám tâu trình gì. Hoàng đế nén lòng phán:

– Ngươi muốn đem Ngụy Chinh với Nguyễn Tịch ra để che đậy ẩn ý gì? Ngươi muốn chê trẫm là tăm tối chăng?

Vương Thiệu Tộ cười thầm trong bụng, rõ ràng là Tống đế không hiểu gì về những việc xưa ấy, ông rập đầu tạ ơn, tâu:

– Thần tạ ơn đức thánh quân, quả nhiên đức thánh quân muốn được xem đường tên thẳng đi phát tiếng rít mạnh, ban ơn cho thần được kể tích xưa để thánh đế ngự lãm! Muôn tâu, người đời thường bảo: "Trời có tội mà người cũng có tội", ấy là muốn san sẻ tội lội cả cho Trời, đức thánh quân đại hùng muốn nghe tích xưa ấy chính là thẳng thắn chẳng muốn chia hay đổ tội cho Trời, thần vạn phần kính phục!

Vương Thiệu Tộ rào trước đón sau, cốt không cho Tống đế có thể nại cớ gì để sau khi nghe truyện tích lại sẽ tìm cách sinh sự, Thiệu Tộ tâu:

– Muôn tâu, Ngụy Chinh là việc ở đời Đường cách nay chẳng xa. Sử tích nói: "số vua chúa biết khoan dung kẻ can gián xúc phạm mình, hiếm lắm", ấy là kết luận sau khi kể lại việc Ngụy Chinh thời ấy là một gián quan can khéo Đường Thái Tông. Nguyên, Đường Thái Tông tính mê thích nuôi chim, nhiều khi bỏ bê cả việc triều chính. Một hôm, Ngụy Chinh vào, Thái Tông đang cầm con chim ve vuốt, vội giấu con chim vào lòng. Ngụy Chinh vờ không nhìn thấy, cứ thong thả cùng Thái Tông bàn quốc gia đại sự mãi, Thái Tông ngoài mặt vờ lo lắng, đến khi Ngụy Chinh đi rồi nhà vua vội xem con chim, thì nó vì bị giấu kín trong long bào nên nghẹt thở, tiếng kêu yếu lắm rồi, sắp chết. Thái Tông tức lắm, phán:"sẽ có ngày ta giết chết tên nhà quê này"...

Tống đế nghe đến đây, liền chen lời phán:

– Như thế, thì việc giấu chim với tiếng ngọn tên rít có liên quan gì đến nhau?

Vương Thiệu Tộ, thản nhiên tiếp:

-- Muôn tâu, sau đấy, bà Hoàng hậu nghe biết câu chuyện, mới sửa sang y phục cho đẹp đẽ vào chầu hầu nhà vua, bà chúc mừng nhà vua, vua chẳng hiểu mừng về việc gì, lúc ấy hoàng hậu mới tâu:

– "Đại Đường ta có trọng thần giỏi hành động mà can đảm như Ngụy Chinh, lại có Hoàng đế đức độ bao dung như đức vua, đấy là điều xưa nay hiếm có trong lịch sử, chính là điểm quốc gia thịnh vượng, như vậy chẳng đáng để chúc mừng sao"! Đường Thái Tông nghe xong nguôi giận, không oán Ngụy Chinh nữa...

Tống đế lại phán:

– Một việc ấy, liên quan gì đến thịnh suy của một đại quốc?

– Muôn tâu, sau khi Ngụy Chinh qua đời, trong triều nhiều kẻ ghen ghét gièm pha, vua ưa điều xu nịnh, bỏ những lời ngay thẳng, đến nỗi Thái Tông sai xô đổ cả bia mộ Ngụy Chinh. Sau mãi đến khi Thái Tông đánh Cao Ly bị đại bại, quần thần xu nịnh ngơ ngác, lúc ấy vua mới tỉnh ra, nói: "nếu Ngụy Chinh còn sống, thì chắc là không có cảnh bại trận hôm nay". Muôn tâu, xem như thế thì lời nói thẳng của kẻ dưới, đức bao dung của người trên, há chẳng liên quan đến thịnh suy tồn vong vinh nhục của một nước là gì?

Tống đế cùng triều thần không có đường cãi lại, dành im lặng, Hoàng đế lại phán:

– Thế còn chuyện Nguyễn Tịch thì sao?

Vương Thiệu Tộ được đà, liền tâu:

– Muôn tâu, đời Ngụy Tấn loạn lạc, trăm họ diêu đứng khổ cực, tính mạng danh sĩ như cỏ rác khó bảo toàn, hiền sĩ Nguyễn Tịch bèn dấm mình trong rượu, không tham chính sự nữa. Tư Mã Chiêu muốn thông gia với Nguyễn Tịch, Tịch liền uống rượu triền miên say một hơi đến sáu mươi ngày không tỉnh, làm cho Tư Mã Chiêu không làm sao nói chuyện cho được. Chung Hội trọng thần cũng nhiều lần đem chuyện chính sự triều đình ra nói với Nguyễn Tịch, những mong Nguyễn Tịch sẽ có thất thố trong lời nói, ý nghĩ, lúc ấy sẽ trị tội, nhưng Nguyễn Tịch cứ say đến mê man không làm sao nghe và trả lời Chung Hội được, nhờ đó mà thoát chết.

Hoàng đế nghe kể thì hiểu ý họ Vương, nhưng phán:

– Nguyễn Tịch lấy say để cứu mạng, như thế là phạm tội: biết mà không can gián vua, sao lại bảo là hiền sĩ hiền thần được?

Vương Thiệu Tộ nghiêm trang, tâu:

– Muôn tâu, một đàng Ngụy Chinh lấy hành xử khéo léo mà can vua, vua lại phải nhờ hoàng hậu mới hiểu ra, nhưng rồi cũng lại mê muội đến lúc cùng cực mới thật lòng hối hận; giả thử không có hoàng hậu thì Ngụy Chinh liệu có thoát chết được không? Đến Nguyễn Tịch, cũng lấy cách khéo xử để thoát thân, vì biết rằng mọi lời can gián khuyên bảo đều không được nghe, chi bằng không nói. Cách giả say ấy là cách vừa tránh được tội vạ cho mình, lại vừa chẳng phải đổ lỗi cho Trời phần nào. Hành xử của Nguyễn Tịch không can vua mà hóa ra can vua còn thâm thúy hơn Ngụy Chinh gấp bội. Hai cách hành xử ấy, thần hèn kém không thể theo được là vì thế!

Hoàng đế Tống Thái Tông nghe Vương Thiệu Tộ kể, ngài le lói hiểu thâm ý của sứ nước Nam, nhưng quan Tham Mưu Chính Sự Quách Nghi Khải lại xuất ban tâu:

– Muôn tâu đức kim thượng, sứ nước Nam cố ý lấy chuyện xưa để khinh thị đức thánh quân, ngạo mạn xem thường thiên triều, tội không thể không chém đầu, thần xin minh đế phán xét!

Tống đế hỏi:

– Nam sứ tội đáng chết thế nào?

– Muôn tâu, chuyện Ngụy Chinh lấy cớ can vua mà làm chết con chim quý của vua, như thế là cố ý "miệt quân ngạo mạn"; Nguyễn Tịch giả say để khỏi phải tiếp bề trên cũng lại là "khinh thượng ngạo mạn", tội đáng chết. Đến như sứ nước Nam đem chuyện xưa tích cũ ra để dối trời, che đậy ý tưởng ngạo mạn quả thật là muốn "lấy bàn tay nhỏ để che khuất mặt trời", lấy thói biện bác của bọn du thuyết sĩ đời Xuân Thu, Chiến Quốc ra che đậy ý riêng, tội không tha thứ được!

Tống đế chẳng có đường cãi lại Vương Thiệu Tộ, có muốn hạch tội cũng chưa biết phải làm thế nào, đến khi nghe Quách Nghi Khải tâu thì cũng chẳng hiểu rõ sứ nước Nam muốn theo lối biện bác của các du thuyết sĩ đời xưa ra sao, nhưng cũng phán:

– Phải! Trẫm nén lòng lấy đức bao dung của thiên tử ra để nghe sứ nước Nam tâu trình việc nước, thế mà sứ nước Nam lại chỉ muốn đem những điều vu vơ ra cố ý khinh bạc thiên triều, chê bai trẫm, giữa chốn triều đường đại quốc không ngớt huênh hoang, quá thật tội khó dung tha!

Vương Thiệu Tộ vẫn không tỏ ra sợ sệt, lại quay sang Quách Nghi Khải, miệng tâu:

– Muôn tâu hoàng thượng, trước khi thần chịu tội xin được hỏi đại nhân dây có phải là người ngày xưa hành nghề "hành giả thu phúc toàn thiên hạ" đấy không?

Tống đế cũng như triều thần nghe sứ nước Nam nói, chẳng ai hiểu câu nói là thế nào, chính ngay như Quách Nghi Khải cũng hoang mang, ông hỏi:

– Sứ muốn hỏi như vậy là thế nào?

Vương Thiệu Tộ mỉm nụ cười có vẻ khinh bỉ, đáp:

– Thưa ngài, tôi có nghe đấng Vạn Thế Sư họ Khổng nói "nhân bần trí đoản ", quả nhiên thấy đúng! Xưa chẳng xa, có ông Tôn Ngộ Không hành giả bản lĩnh kinh thiên động địa, tung hoành khắp trên trời dưới đất, đấy là bậc hành giả lớn có một không hai của trời đất. Còn trong xã hội bình thường thì "hành giả" đi nhận phúc khắp thiên hạ ban cho nhiều như ruồi ở thớt thịt ngoài chợ, như sâu bọ trong luống cày, loại hành giả này nghèo khổ đi lạy khắp thế gian nhận phúc ban để được sống, đầu óc tăm tối nên thánh họ Khổng mới nói như vậy!

Đến đây thì Quách Nghi Khải chợt hiểu ra, mặt tái mét. Nguyên, họ Quách người ở bên bờ sông Hoài, gia phả cũng nhiều vẻ vang, phải năm nước lớn lụt lội nước dìm cả một vùng rộng lớn, làm cho trăm họ khốn cùng trắng tay mất sạch cơ nghiệp. Nhà họ Quách cũng lâm nạn sông nước năm ấy dến phải tha phương giấu tích, khổ tâm tạm xin ăn để sống, sau không trở về đất cũ cốt để không ai biết. Sau, Quách Nghi Khải trưởng thành văn hay chữ tốt, tên tuổi một thời, giao du với những hàng cao sĩ cũng có phần khoe khoang làm cho không ít người ghen ghét, vì thế ở Hàng Châu có họa sĩ họ Thôi ngày đi họa cảnh sông Hoài tràn bờ, có gặp họ Quách phải đi ăn mày, liền tiết lộ việc họ Quách, lại bịa thêm những chuyện chẳng hay dẹp gì cho Quách. Họa sĩ họ Thôi lang thang khắp nơi vẽ cảnh đất trời, sinh hoạt bừa bãi nên sức khỏe kém lắm, chẳng thọ được lâu, chết giữa lúc đang vẽ cảnh tuyết rơi ở bến Tầm Dương, nhờ họa sĩ yểu tử nên chuyện họ Quách ít người nghe biết, nên Quách cũng có đôi chút yên lòng.

Bây giờ, chẳng hiểu tại sao sứ nước Nam lại biết chuyện đem bêu rếu ở chốn triều đường, Quách Nghi Khải mặt tái, tay run bần bật chẳng dám nhúc nhích. Vương Thiệu Tộ lại tiếp:

– Muôn tâu thánh đế, hành động của Ngụy Chinh là cốt tránh cho vua khỏi lỗi lầm trách phạt oan kẻ tôi hiền, sao lại bảo như thế là khinh thị đức thánh quân, ngạo mạn đức vua được; đến như Nguyễn Tịch say liền mấy chục ngày, nhận hại vào thân cốt để giữ tiếng cho người trên khỏi bị chê cười là tăm tối, đúng là kẻ sĩ đại nghĩa, chứ sao lại bảo là "khinh

thường ngạo mạn" bề trên được! Còn như thần, kể truyện xưa ấy là vì tự biết mình chẳng thể theo được việc làm đại nghĩa của người xưa, nhưng thần tin chắc là đức thánh quân trường minh trí, chẳng phải là đoán trí của kẻ nghèo hèn như đức thánh Khổng nói, xét việc thời nay thấu đến mai sau, như thế thì thần đáng được khen thưởng, chứ chẳng phải là hạng thuyết sĩ đáng tội chết như ngài đại thần Nghi Khải báo!

Vương Thiệu Tộ lấy cái giả làm cái thật, giành lấy lẽ phải về mình, lại ngầm đe dọa cả Quách Nghi Khải, khiến cho Tống triều chẳng khỏi kiêng nể miệng lưỡi sứ nước Nam. Tống đế nghe họ Vương tâu như thế, thì cười nhạt phán:

– Giỏi lắm! Bọn thuyết sĩ xưa nay thường hay lấy việc tối làm sáng, che việc sáng bảo là tối, miệng lưỡi dẻo quẹo đến chết cũng không chừa! Nay, nước ngươi bên trong thì có loạn giết vua, đi lại tư thông với hoàng hậu, cướp ngôi giết trọng thần, bên ngoài lại giả dạng thuần hiền cho sứ đi cầu phong, kỳ thực là trong lòng muốn kiêu ngạo xưng vương xưng bá nhưng sợ bị đánh phạt nên mới sai sứ đi cầu lạy, thế mà vẫn một mực cao ngạo nói toàn những điều nghịch tai, sao tránh được tội!

Tống đế vừa ngưng lời phán, đã thấy có người nói lớn, khí lực rõ ràng là rất hùng hậu:

– Muôn tâu, quả nhiên nước Nam đang lúc xảy lắm điều nghịch thiên bạo địa, thương hại đến cả nhân luân, làm gương xấu cho chư hầu ở quanh thiên quốc, tội không thể tha thứ cho được, có đề binh trừng phạt cũng là điều khắp thiên hạ ai cũng cho là phải!

Người này vừa tâu vừa bước ra trước đại điện, quỳ xuống tung hô rồi có ý đợi lời phán bảo của Hoàng đế. Hoàng đế phán:

– Như Lưu khanh, thì tội nước Nam đáng phải bị trừng phạt, vậy ta nên dạy dỗ thế nào?

– Muôn tâu, nước Nam biển thông với biển nước ta, đất đai núi rừng liền một dải, đấy vốn là giang sơn của đất Bắc ta, lúc này hỗn loạn trong ngoài đều đáng tội, nay mặt biển ta mang thuyền, mặt bộ ta cho ngựa trận ra biên ải, tất thu phục lại giang sơn chẳng có gì là khó, không có gì là trái đạo cả!

Cũng như tất cả các triều đại trước ở Trung Nguyên, chẳng phải Tống đế ngày nay mới thèm muốn thu chiếm nước Nam, mà ngay từ thời Tống Khai tổ Hoàng đế là Triệu Khuông Dẫn cũng đã nhiều năm tháng vắt óc định kế, thế mà vẫn chưa dám đưa quân ra ngoài biên ải, đến đời Thái Tông việc triều chính đã vững vàng Tống đế mới dám nghĩ đến việc thực sự đem quân viễn chinh thu phục nước Nam, nay nghe Đốc sư Hải chiếu Lưu Trừng tâu như vậy thì Thái Tông hài lòng lắm nhưng thận trọng chưa ra lời phán bảo, thì Vương Thiệu Tộ đã lại dông dạc:

– Muôn tâu đức thánh đế, sao giữa chốn triều đường nghiêm trang thế này mà đức thánh đế lại thi đại ân khoan dung, để cho người chỉ biết "bắt con ba ba dưới sông, tìm con chạch trong bùn" ba hoa những điều tai hại như thế! Việc bang giao giữa các nước, có phải là việc uống hớp nước hay nuốt miếng ăn đâu! Nước uống vào còn có khi bị nấc, miếng nuốt xuống còn có khi bị nghẹn, huống hồ có việc bang giao nào mà lại chỉ "xuất hai quân thủy bộ" là định xong được đại kế, trọng thần trình ý lên Hoàng đế như thế là có tội "trên, lừa dối vua; dưới, hại trăm họ", tội đáng chết!

Trên từ đức Thái Tông xuống đến hàng các trăm quan văn võ, không ai lại chẳng sửng sốt về những lời lẽ vừa khinh mạn vừa cứng cỏi quyết liệt của sứ nước Nam. Thái Tông kinh ngạc đến như lặng đi trên ngai vàng, cả triều đường im phăng phắc. Đốc sư Lưu Trừng mặt tái đỏ như chàm, hai mắt trợn ngược vừa giận quá lại vừa có điều gì không phải khiến ông như kẻ bất thần bị bắt quả tang phạm tội, đến nỗi môi mím chặt đến thâm tím cả lại!

Sứ giả Giang Cự Vọng trong lòng thầm trách Vương Thiệu Tộ nặng lời quá nhưng không có cách nào để ngăn cản họ Vương được, buổi hầu triều hôm nay Tống đế đã phán bảo để một mình Vương Thiệu Tộ thay sứ bộ trình mọi việc!

Vương Thiệu Tộ đem việc xưa của Lưu Trừng ra có ý bêu rếu trước triều đường, cũng là điều không phải! Nguyên, họ Lưu quê ở hữu ngạn dòng đại giang Hoàng Hà, dòng dõi danh thần, thuở nhỏ có tài lặn ngụp trong sông nước, giỏi đến độ bắt ba ba dưới lòng sông, truy tìm loài chạch lẩn dưới bùn đáy sông dễ thường còn dễ hơn cả bắt cá trong chậu, bắt chạch trong giỏ, tài đến độ một hôm trong nhà có khách, phụ thân ông bảo đi bắt con ba ba, lại hạn là không được hơn hay kém "bốn cân bốn lạng" để làm món ăn đãi khách uống rượu. Lưu Trừng vâng lệnh ra sông, sông đang mùa nước cao sóng lớn, mênh mông như biển đến ngay như dân chài chuyên nghiệp cũng chẳng ai dám xuống nước lúc sông như thế này, biết nơi nào có ba ba, thế mà Lưu Trừng chỉ nhìn xoáy nước, ước mực sóng cao thấp, xuống nước lặn ngụp vài lần, hồi lâu khoảng tàn nửa nén hương đã ngoi lên, hai tay hai con ba ba béo trắng. Đem về bắc lên cân quả nhiên hai con ba ba đều đúng chẵn chặn "bốn cân bốn lạng" không sai một ly một lai nào. Lưu Trừng lại nói: "khách của gia phụ là khách quý, phải một cặp ba ba đủ cả âm dương mới quý, vì thế mới bắt hai con! ". Nhà bếp làm thịt ba ba, quả nhiên đúng là một con đực một con cái!

Lớn lên, Lưu Trừng sức mạnh hơn đời, thường nói chơi "hôm nào rảnh rỗi sẽ lên non trói cọp cõng về nuôi làm chó giữ nhà", thiên hạ nghe nói rất nể nang, lớn lên ông lại rất ưa sông nước, chú tâm học hỏi tất cả những gì liên quan đến sông biển, lại chịu khó nghiền ngẫm những trận

thủy chiến cổ kim, phê bình danh tướng này sơ hở, khen thủy tướng kia khéo dàn xếp, sau nhiều lần trông nom quân thuyền cự phá các đám thủy khấu, nức danh là tay giỏi về chiến trận trên sông nước, đức khai tổ Tống triều nghe danh chiêu mộ, sai cầm thủy quân, đến đời Thái Tông thì Hoàng đế sai xuống phía Nam cai quản binh quyền quân biển, tiễu trừ các đảng hải khấu thủy tặc, an định cả mặt biển phía Nam. Nay, vì việc Hoàng đế muốn xuất quân chinh phục nước Nam, Lưu Trừng được triệu về triều để bàn việc, thế mà lại bị sứ giả nước Nam đem kỳ tích xưa của ông ra làm điều chê bai sỉ nhục, làm cho cả triều đình vừa kinh hãi vừa tức giận. Tống đế giọng lạnh như băng, phán:

– Đại đô đốc hải sư của ta, vào ra trận mạc đến Long Vương Thủy Tề cũng phải kiêng nể, cả mặt biển đông sóng dậy suốt từ Bắc xuống Nam mà vẫn an bình, thế thì có bắt một trăm con ba ba cũng là việc làm oai dũng của tay hùng lược dám đe nẹt cả thủy cung, sao lại bảo là hạng thấp hèn đáng xem thường được! Vậy, nước Nam các ngươi có kẻ nào làm được như thế không?

Vương Thiệu Tộ đã chẳng tỏ chút gì là lo lắng về những lời nói của mình, đến khi nghe Tống đế phán hỏi dầy khoan dung như thế thì lại càng lên giọng:

– Muôn tâu thánh đế, xuống nước bắt con ba ba là việc nhỏ của kẻ quen lặn lội, lên rừng trói con cọp cõng về là truyện bịa của hạng dũng sĩ huênh hoang khoác lác, hai hạng người ấy chẳng phải là ít trong thiên hạ, vì vậy nước tôi chắc cũng có vài đứa. Nhưng, "bắt đứa bắt trộm ba ba, trói kẻ dũng sĩ khoác lác" thì nước tôi nhất định có nhiều người làm được!

Vương Thiệu Tộ nói đến đây thì Tống đế tái mặt, triều thần lao xao nhiều võ tướng day tay mắm miệng ra chiều giận dữ lắm!

Tống đế giọng bây giờ còn lạnh hơn cả băng, phán:

– Giỏi! Có ngày trẫm sẽ cho vua quan nước ngươi biết cái lẽ tranh biện về sông nước hôm nay là thế nào! Còn bây giờ, giang sơn đại Tống bao la, vì thế biên cương của ta chẳng phải là xuống tận cùng của biển lớn là gì, vậy sao nước ngươi sống nhờ trên giang sơn ấy lại cứ muốn xưng hùng dấy nghiệp đế vương, đương cự lại Trung Nguyên là thế nào?

Sứ bộ nước Nam hiểu ý câu phán của Tống đế, Vương Thiệu Tộ chẳng còn nể nang gì nữa ngẩng cao đầu giọng sang sảng tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, những lời vàng ngọc đức thánh đế vừa ban phán, cũng chính là những lời từ xa xưa khiến cho tổ tiên thần phải bỏ cả quê hương xuống mãi phương Nam cốt để bảo tồn tộc Việt! Trải qua bao nhiêu đời, thịnh suy xen kẽ, cường nhược có phen, chịu Bắc thuộc có lần

dài cả nghìn năm, thế mà nước vẫn mấy phen tự chủ, đến như hạng quần thoa cũng khởi nghiệp anh hùng thu phục lại giang sơn thì đấy chẳng phải là việc dân tộc nào cũng phải làm, nước lớn hay nhỏ nào cũng phải làm hay sao, thần e rằng những lời ban phán của đức thánh đế chẳng phải là mẫu mực của các bậc thánh hoàng thánh đế thuở xưa từng lấy làm điều răn dạy thiên hạ. Cũng bởi lẽ ấy, cho nên "cột đồng đông Hán" chẳng còn dấu tích nhưng oanh liệt họ Trưng thì vẫn rỡ ràng; dòng Bạch Đằng vẫn trôi chảy thế mà tiếng than khóc của muôn binh tướng nam Hán khóc bóng ma thái tử Hoằng Thao không đầu vẫn còn văng vẳng bên sông; đến như mới đây, đời đức tiên đế khai tổ vừa mới thu phục xong Trung Nguyên, hào khí cao vượt vạn từng trời, sức mạnh trùm mặt đất, binh dữ vài trăm muôn, tướng giỏi vài nghìn, thế mà tiên đế cũng đắn đo không sai tướng đem quân xuất biên xuống Nam, ấy là vì tiên đế giữ lấy đức lớn của bậc thánh hoàng khai tổ(*).Còn nay, Trung Nguyên an lạc, trăm họ đang hưởng phúc lạc của họ Triệu, bốn phương ngửa cổ trông về mong đợi được chút mưa móc ân lộc, sao đức thánh đế lại muốn làm cho "mưa móc tạnh khô, ân lộc bạc mỏng", nỡ để cho mấy kẻ quyền thần mau quên đại nghĩa, mau quên thánh ý của đức thánh tổ khai sáng, nghĩ là chỉ sức mạnh là đủ, để toan làm càn gây chiến như thế?

Thật là khủng khiếp, cả triều đình nhà Tống lặng nghe những lời tâu của Vương Thiệu Tộ xét ra còn dữ dội gay gắt hơn cả những lời gián nghị của chức quan "gián nghị đại phu", nặng nề còn hơn cả những lời hài tội của "ngự sử đài ", nghe ra sẵn sàng lấy tính mệnh mình ra để can gián vua, vì đâu Vương Thiệu Tộ lại cả gan quyết liệt đến như vậy?

Đến chính Giang Cự Vọng tuy đã thỏa thuận là bây giờ chẳng còn gì phải sợ sệt nữa, cả sứ bộ xem như đã chết rồi, thế mà cũng phải than thầm trong bụng: "Vương Thiệu Tộ hấp tấp nặng lời quá làm gì như thế! Chẳng biết ông ta còn nói Vương Thiệu Tộ ngưng lời, thấy triều Tống im lặng, nhìn lên thấy đức Thái Tông giận đến tái mặt, đã chẳng sợ hãi thì chớ, lại tâu tiếp liền:

– Muôn tâu đức thánh đế, những lời thần vừa tâu trình, quả nhiên đúng ý trời của bậc minh quân, cho nên đức thánh đế chẳng quở trách, thần muôn vàn cảm tạ! Thần nghe: các bậc minh quân không lấy chiến tranh là điều ưa thích, chỉ lấy chiến tranh để cứu muôn họ, thích lấy ân đức ban phát khắp thiên hạ, vì thế thiên hạ được yên, cũng nhờ đức tiên

---

(*) Tức Triệu Khuông Dẫn là vua khai sáng ra nhà Tống.

đế bao dung cho nên nước Nam không bị cái cảnh "thành xây xương linh, hào trôi máu người", nhờ vậy trăm họ thái bình, tuyệt nhiên chẳng có cái "loạn bên trong, gian dối bên ngoài", thế thì đức thánh đế nỡ nào để cho mấy giọng quyền ngôn làm hao tổn thịnh đức, trút khổ xuống trăm họ làm gì!?

Đến đây, Tống đế đã bình tĩnh lại, ngài chẳng khỏi thấy ngại về miệng lưỡi của sứ bộ nước Nam, ngài thừa hiểu là sứ nước Nam cũng biết là khó có đường trở về nên mới nặng lời đến như vậy! Kẻ đã không sợ chết, có giết cũng chẳng ích gì, nói gì đến dọa nạt hay thịnh nộ của đấng chí tôn, ý mình nên che giấu kỹ là hơn, vì thế ngài ôn tồn phán:

– Phải, trẫm không có ý thôn tính nước Nam, chẳng qua là việc nước Nam dễ làm hư hại đến lòng người ở khắp bốn phương, cho nên triều thần của trẫm mới có người muốn đề binh phạt tội cốt để giữ lấy kỷ cương, là vì vậy! Việc binh đi gần hay xa ngoài biên ải, cũng không phải là điều nên mong ước, vì thế trẫm chẳng muốn làm cho các tướng phải vất vả, chiến tranh sẽ không có! Vua tôi dân chúng nước các ngươi không phải lo lắng gì về việc ấy!

Ý đức Thái Tông, triều thần nhiều người hiểu rõ, nhưng cũng có người không thấu đạt chân tình cho nên Hoàng đế vừa dứt lời đã lại có tiếng tâu lớn:

– Muôn tâu đức thánh đế, lúc này không thể không xuất binh nam phạt, đức thánh đế đừng nên nghe lời xằng bậy của bọn thuyết khách, xin trước hãy chém đầu chúng, sau là cho binh xuất doanh ngay mới là thượng sách lấy nước Nam!

Trên ngai rồng, Tống Thái Tông trong lòng phiền muộn vì người vừa mới tâu lớn không hiểu ý ngài, những quan thấu hiểu ý của đức Hoàng đế thì có ông nheo nheo cặp mắt tỏ ý không vừa lòng, triều đình đổ dồn vào người vừa mới bước ra quỳ tâu. Sứ bộ nước Nam cũng vội quan sát người ấy. Đây chính là ngài Hầu Nhân Bảo đại thần biên trấn lãnh chức Trì châu Ung Châu. Chánh sứ Giang Cự Vọng còn chưa nghĩ được gì thì Vương Thiệu Tộ đã lại tâu lớn:

– Muôn tâu đức thánh đế, ngu thần xin thánh lệnh được hỏi đại quan đây có phải là "tù lưu đày chín năm" mới trốn về đấy chăng?

Lời tâu của Vương Thiệu Tộ lần này thì làm cho cả Tống triều xôn xao, chính Tống đế cũng cau mày có ý tức giận, ngài phán:

– Phiên sứ không được vô lễ! Đại quan nào của Tống triều lại là "tù lưu đầy chín năm mới trốn về", ngươi phải hiểu nơi đang đứng là đâu, tính mạng các ngươi là thế nào?

Vương Thiệu Tộ vẫn giữ giọng kính cẩn, tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, quả thật chúng thần biết mình đang đứng trước triều đình đại Tống, hầu chầu đức thánh đế quang minh, vì thế mới giận kẻ bất xứng dám tâu trình xằng bậy khiến mất cả uy danh vẻ vang của thiên triều, cho nên chẳng quản đến tính mệnh riêng mới dám trình tâu lên thánh đế như vậy!

Đến đây, thì triều Tống trên từ đức Hoàng đế Thái Tông xuống đến hàng các quan văn võ dù là nhỏ nhất, ai nấy đều hiểu ý câu nói của Nam sứ, tất cả đành im lặng hậm hực cũng có, mà vẻ hân hoan khoan khoái cũng có!

Nguyên, dù rằng đức Thái Tông kế nghiệp tiên vương giữa lúc uy danh khai sáng triều đại còn đang rực rỡ, nhưng cũng không khỏi có cái cảnh "triều đình chia cách phe phái, lục hặc, tìm cách hại nhau" chẳng thiếu. Ngay từ lúc đức khai tổ Triệu Khuông Dẫn còn đang xua quân tiến về kinh đô, dưới trướng của ngài cũng đã có nhiều ý không dung nhau, đến khi lập triều thì người cũ người mới cũng lại âm thầm tranh giành nhau đủ thứ, hại nhau đủ chuyện. Hồi ấy, có đại trọng thần họ Triệu tên Phổ là người được kể vào hàng "khai quốc công thần" thân danh được trọng vọng lắm. Họ Triệu có người em gái nhan sắc chẳng phải là hạng "nghiêng nước nghiêng thành", nhưng là bậc thì thư cũng nổi tiếng. Hầu Nhân Bảo là tướng văn theo ngựa dức tiên đế ngoài mặt trận, nay về triều thì muốn tìm chỗ tựa lưng tìm thế, mới nhìn đến em gái Triệu Phổ. Triệu Phổ không ưa Nhân Bảo, chê Bảo không phải là tay anh hùng đáng trọng, rằng "Nhân Bảo là quan võ kém cỏi, muốn đem tấm thân năm thước ngắn ngủi để toan làm dây leo quấn cột đỡ trời".

Nhưng Nhân Bảo cũng lấy được em gái của Triệu Phổ, và Phổ vì thế đành im tiếng chẳng phê bình gì Nhân Bảo thêm nữa, nhưng Nhân Bảo thì chẳng bao giờ quên những gì Triệu Phổ nói lúc trước, cho nên trong lòng vẫn hậm hực, lại có ý theo bè theo đảng muốn chống lại Triệu Phổ, Phổ nhân hiềm khích này liền cậy cục chạy chọt, bẩy Hầu Nhân Bảo ra làm Tri châu Ung Châu, trói chân Nhân Bảo ở nơi biên cương ấy lâu đến chín năm trời, phong tỏa mọi đường mọi lối khiến Bảo chẳng thể nào chạy chọt để mong dời đi đâu được.(*)

(*) Việc lục hặc hiềm khích này giữa Triệu Phổ với Hầu Nhân Bảo, có nói qua trong Sử Cương Mục tục biên (Trung Quốc). Việc này có nói qua trong Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục *của Quốc Sử quán triều Nguyễn nước Việt, phần chính biên trích dẫn, quyển 1, bản dịch của Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia, Viện Sử Học, nhà Xuất bản Giáo Dục, tập 1 trang 249.*

Về phần Nhân Bảo thì sợ rằng mình bị giam hãm rồi chết già ở nơi Ung Châu mất, chẳng lúc nào lại không nghĩ đến cách để thoát cảnh lưu đày, trở lại được kinh thành. Khi nghe tin việc triều chính nước Nam có biến động, lại hiểu rõ ý Tống đế cùng triều đình muốn nhân cơ hội đánh lấy nước Nam, liền dâng sớ về triều đình khuyên nên xuất quân, vì việc này mà Nhân Bảo được mật triệu về triều đình để tâu trình sự việc.

Khi nghe đức Thái Tông nói những lời giả dối có ý muốn đánh lừa sứ bộ nước Nam là chẳng bao giờ có việc Tống triều mở chiến tranh thôn tính nước Nam, thì Nhân Bảo lại tưởng là Tống đế nói thật mới hấp tấp tâu trình như thế, và Vương Thiệu Tộ mới ra lời tâu có ý bêu xấu Hầu Nhân Bảo đến như vậy!

Giang Cự Vọng là chánh sứ, dọc sách chẳng ít, thế mà cũng không biết rõ việc họ Triệu với họ Hầu, khi nghe Vương Thiệu Tộ tâu thì ông lo lắng nhiều lắm.

Nhìn ra, quan Tri châu Hầu Nhân Bảo vóc dáng tuy không thấp lùn, nhưng lâu ngày rời yên ngựa đi làm công việc an nhàn cai trị, thân thể không còn cơ hội vận động nhưng chắc lại có nhiều cơ hội để thân thể dễ béo phì, nên lúc này béo tròn như hạt mít mảy, so ro vừa có vẻ sợ sệt lại vừa hậm hực tức giận đến da mặt xám ngoèt, cặp môi lắp bắp chẳng thốt ra được lời nào.

Vương Thiệu Tộ không để cho Tống đế hay có vị quan nào ra lời tâu trình, liền tiếp ngay:

– Muôn tâu đức thánh đế quang minh, việc triều chính tất các đại thần thấu hiểu rõ cả, vâng lệnh đức thiên tử dàn xếp việc trong ngoài, có đâu một chức quan nhỏ lưu lạc lâu năm nơi biên ải lại đủ hiểu biết đại cuộc để cao ngạo lên tiếng chỉ bảo cho triều đình như thế! Muôn tâu, đức thánh đế cũng đã phán dạy "việc chinh chiến không phải là điều đức thánh đế mong ước", vậy mà sao ngài Tri châu lại còn tâu trình những điều làm tổn thương đến đức lớn của đức thánh đế đến như vậy! Thần xin ngửa cổ đợi chờ đức thánh đế minh xét xử!

Vương Thiệu Tộ gỡ tội mình hóa ra lại càng đổ tội lớn cho người, khiến cho chẳng còn một ai lại không kinh hãi miệng lưỡi của ông, duy có đại thần Triệu Phổ thì mỉm cười dường như ngài định tâu trình điều gì, ngập ngừng rồi lại thôi, ngài vẫn an vị!

Trên ngai rồng, đức Thái Tông nghe sứ nước Nam tâu trình vừa dìm Hầu Nhân Bảo xuống hơn nữa vừa có ý ca ngợi Hoàng đế cùng triều đình, thì chẳng còn giận nữa, vả lại ngài hiểu là Hầu Nhân Bảo không hiểu ý ngài, cho nên đức Hoàng đế nén lòng, tươi nét mặt, ngài phán:

– Phải, sứ tâu đúng. Quả thật trẫm chẳng muốn có chiến tranh, chỉ vì Bá tước Hầu Nhân Bảo chưa rõ mọi việc nên có lầm lẫn. Chưa rõ việc nhưng lòng thành thật vì thế mà lầm lẫn thì cũng bỏ qua cho được! Trẫm đã không muốn các tướng sĩ của trẫm vất vả, thì không có gì nước Nam phải lo lắng nữa. Nước Nam cầu phong, trẫm rất hài lòng, sẽ cho sứ mang chiếu sắc phong cho vua nước Nam!

Thế là buổi triều hôm ấy xong. Tống đế bãi triều vừa có ý muốn cắt ngang cuộc tranh biện khiến khó cho chủ trương của ngài là đề binh dánh lấy Đại Cồ Việt, vừa muốn để cho sứ bộ không nghi ngờ về chủ trương của ngài, vì vậy Tống đế sai ngài Trương Tôn Quyền mang chiếu thư phủ dụ của ngài xuống Nam, cố ý giữ sứ bộ ở lại để sứ bộ không thể đưa tin gì về nước được. Tống đế phán:

– Ý trẫm muốn tất cả các thuộc quốc chư hầu quanh Trung Nguyên lúc nào cũng được yên ổn thanh bình, chỉ khi nào bất đắc dĩ mới phải dụng đến binh tướng. Nay, nước Nam tuy có biến động, nhưng cũng đã biết lỗi cho sứ đến thiên triều cầu phong, lại năn nỉ xin thiên triều "cửa quân khép kín, ngựa trận thả cho ăn cỏ ngoài đồng rộng", trẫm cũng thể tình mà ban cho được như lời cầu xin ấy. Vậy, đường xa vạn dặm, sứ bộ nước Nam đã lên tới đây, trẫm cho phép được ở lại Trung Nguyên ít ngày để thêm kiến thức, đợi chủ các ngươi tới thiên triều bái kiến, rồi thầy trò cùng lên đường về nước!

Thế là Tống đế một mặt sai thảo chiếu thư gửi quốc chủ nước Đại Cồ Việt, một mặt giữ sứ bộ ở lại đế kinh, nhưng dức Thái Tông lại lệnh cho Binh bộ Thượng thư gấp gấp việc quân bị, sai quan Tri Ung Châu là Hầu Nhân Bảo làm đại đô đốc, thống lĩnh quân bộ chiến; sai đốc sư Lưu Trừng trông nom hải quân, hai mặt thủy bộ tùy ý lấy quân cho dú dùng, đợi lệnh lên đường dánh lấy nước Đại Cồ Việt.

Tống đế Thái Tông muốn che mắt sứ bộ, giấu việc binh đang gấp rút sửa soạn, lại sai mở đại tiệc ở ngay diện Tiếp Phong, cho trăm quan văn võ cùng dự, chủ yếu là tiếp sứ nước Nam, làm ra vẻ lúc nào cũng thanh bình thịnh trị, chẳng có việc chiến tranh, Tống đế dặn các tướng sẽ xuất chinh xuống Nam đều phải có mặt trong tiệc cốt để Nam sứ không nghi ngờ gì.

3

Trở lại sứ đình, chánh sứ Giang Cự Vọng bảo với hai phó sứ:

– Tống đế gian giảo, việc quân gấp rút thế mà vẫn che dậy bày trò yến tiệc giam sứ không cho về, cốt để ta không thông tin về nước được! Xem như việc đối đáp hôm nay với những lời lẽ của ông Vương như thế mà Tống đế vẫn nén giận, cũng đủ biết Tống đế là người nham hiểm đáng sợ. Nay, tin về nước thì tế tác mật của ta vẫn đi lại được, tuy nhiên giả thử ta làm sao để lúc nào cũng biết rõ được ruột gan sứ bộ của Tống đế như thế nào thì mới thật là tốt!

Vương Thiệu Tộ nói:

– Tôi nhớ lời các ông dặn dại ý: "chúng ta không có đường về nữa", cho nên mới quyết liệt như vậy với Tống đế! Nay, Tống triều lấy cớ sai sứ xuống nước ta, lại chẳng nói gì đến việc ta ra về, thì thế nào Tống đế cũng tìm cách để giữ chân ta không cho về cùng đi với sứ! Không biết Tống đế sai quan nào đi sứ chuyến này?

Ba ông bàn việc không tìm ra manh mối, đành chỉ chia nhau trông nom tế tác ra sức dò la thu thập tin tức hành động của Tống triều, nhất là về việc sứ bộ xuống Nam là ai, sau thì cũng biết rõ cả. Nam sứ cho tế tác gấp rút đem tin về nước, trong trình thư thuật rõ mọi việc, lại nói:"... thế nào cũng có chiến tranh, Tống triều sẽ đề binh đi cả hai đường thủy bộ, ai là người trông coi quân viễn chinh thì sứ bộ sẽ hết sức dò la tin tức... ", vì thế bao nhiêu việc ở Bắc triều Đại Hành Hoàng đế Lê Hoàn đều biết rõ cả, ngài liên miên hội triều bàn việc, xem xét những trình thư của sứ bộ ngày nào cũng có, có ngày tin về đến hai ba lần, thành thử vì thế triều đình nước Đại Cồ Việt tuy ở mãi phương Nam xa xôi thế mà gần như biết hết mọi việc ở Bắc triều. Cuối cùng, cũng biết được sứ giả của Tống đế là ai, là người thế nào.

Trong một buổi hội triều, Đại Hành Hoàng đế phán:

– Sứ của ta đi Bắc đã lâu, tự xét là không còn đường về, cẩm bằng đã bỏ xác lại nơi quê người, cho nên ông nào cũng có lời lẽ hay hành động quyết liệt, thế mà Tống đế vẫn nén giận dữ sứ cốt để che giấu ta việc xuất chinh. Nay Tống đế lại cho sứ xuống nước ta, tất là có ẩn ý mưu toan khốc liệt lắm đây!

Nghe Hoàng đế phán, dưới sân chầu trăm quan nhiều người thắc mắc. Trọng thần Lưu Cơ lên tiếng:

– Tâu hoàng thượng, Tống đế đã quyết mở chiến tranh, thì còn cử sứ xuống nước ta là có ý thế nào?

Hoàng đế giảng:

– Thật ý của Tống đế tất là dem quân thôn tính nước ta, nhưng lại nham hiểm muốn che giấu ý định của mình, lừa dối khiến ta tưởng thật tin theo, thế là bất kỳ xuất ý xua quân lập cái thế "hành quân như vũ bão, bất thần như sét nổ không kịp bưng tai", như thế thì dễ dàng chiến thắng. Nay cử sứ xuống Nam, chắc là để giở giọng bề trên cố hữu để khiển trách việc nước ta, rồi lại đem cái mồi phong vương phong tướng ra để dụ ta như các trình thư báo tin của các ông Cự Vọng, Thiệu Tộ, kỳ thực thì quân đã "xong lương thực, ngựa trận đã đóng yên cương" chỉ còn chờ ngày xuất doanh tràn xuống nước ta nữa mà thôi.

Triều đình bàn việc nhiều lúc gay go, có nhiều vị bàn "việc đã như thế, thì cũng chẳng nể nang gì Tống đế với Tống triều nữa, cứ hạ ngục hay giết sứ trả thù cho việc Tống đế giữ sứ của ta lại, sau đấy thì xuất quân trấn các nơi trọng yếu chờ đánh binh ngoài vào bờ cõi". Chung cuộc, Hoàng đế bảo:

– Dành là thế nào cũng có chiến tranh, chẳng phải bây giờ nhà Tống mới có ý nhòm ngó nước ta, mà ngay từ lúc Tiên vương còn đang vất vả dẹp thu thiên hạ, Tống Thái Tổ đã muốn nhân cơ hội nước ta đại loạn xua binh cướp nước ta, nhưng chỉ vì một phần còn chưa vững nội bộ, một phần do ở Tiên vương khéo xếp đặt khiến cho Tống Thái Tổ phải e dè chưa dám ra quân. Nay, Tống Thái Tông tự cho là nội bộ triều chính vững vàng, bốn phương quy phục, lấy cớ nội bộ nước ta để gây sự, ý đồ đen tối đã rõ, ta đã biết, sứ của ta đi không hi vọng dẹp được chiến tranh, mà chỉ mong làm cho chiến tranh chậm lại để ta kịp dàn xếp các mặt. Lúc này, việc của ta đã xong, những nơi hiểm yếu binh ta đã sẵn sàng, chỉ tiếc một điều là sứ của ta không còn đường về, nay ta cũng lại vì thế mà giết sứ của họ tất thiên hạ không khỏi chê cười, xếp ta vào hạng cũng hẹp hòi tàn ác như họ, chi bằng ta cứ tiếp sứ dú lễ, tỏ cho thiên hạ thấy đức độ của ta, ta cứ làm như không biết gì cả, tin những gì sứ mang đến cho ta, vâng

theo chiếu lệnh của Tống đế, đến khi phá xong quân của họ lúc ấy ta mới dễ ăn nói!

Thế là triều đình lúc ấy nghe theo kế lệnh của Hoàng đế, mọi việc vẫn giữ bình thường, lại sửa soạn đón sứ Tống triều sắp tới.

Sứ của Tống đế là Hàn lâm Trương Tôn Quyền mang theo năm mươi thiết kỵ, sáu văn nho, cùng chiếu thư xuống nước Đại Cồ Việt. Vó ngựa của sứ đi đến đâu thì tế tác của Giang Cự Vọng theo đến đấy, nhất nhất chẳng có hành động gì của sứ bộ mà tế tác Đại Cồ Việt lại không hay biết, tin tức gửi theo "ngựa bay" như chớp nhoáng về triều đình. Sứ giả Giang Cự Vọng lại có mật thư trình triều đình về riêng sứ giả họ Trương, và triều đình nước Nam đã sửa soạn xong mọi việc.

Lúc sứ đến trước quan ải nước Đại Cồ Việt, thì trấn môn quan ở ải địa đầu được lệnh đón sứ thật trọng vọng, lại cầm sứ bộ ở ải nói là để được "một phen mười đời người chẳng có một, vinh dự tiếp đón thiên sứ qua ải", yến tiệc mở ra, tin trình về triều gấp gấp, vì thế sứ giả Trương Tôn Quyền hài lòng lắm, ông bảo với sáu văn nho thuộc hạ "ta đi sứ không cốt để điều đình việc gì cả, chẳng qua là để làm cho chủ tớ nước Nam không biết ý của Hoàng đế ra quân, vì thế cũng chẳng cần phải vội vàng, cứ thong thả hưởng thụ! Ta có nghe, nước Nam xa xôi mọi rợ, của cải chẳng nhiều, dầu óc tăm tối, nhưng cũng được vài ba đứa con gái, ta ở phương Bắc lạnh lẽo, nay thử xem con gái phương Nam nóng bức "nóng" đến mức nào!?". Sáu văn nho tùy tùng thích thú lắm với ý định của Hàn Lâm chánh sứ. Sứ bộ ý như thế, trấn ải quan nhìn thấy ngay liền dàn xếp để sứ bộ ngày thì triền miên yến tiệc, đêm ra sức vùi đầu với gái đẹp, thành ra sứ lưu lại ải quan đến gần mười ngày, thời gian đủ để triều đình nước Đại Cồ Việt càng rõ thêm về sứ bộ, và vì thế Hoàng đế *Phó vương Nhiếp chính* Đại Hành Hoàng đế hội triều nói:

– Sứ bộ như thế, chân chỉ mới bước qua quan ải nước ta đã chỉ lo hưởng thụ, thế thì ta cũng chẳng nên hẹp hòi gì mà chẳng đón tiếp làm cho chúng mờ mắt, lại khéo léo để nó thấy sức mạnh của ta "một thành mười", có như thế vua quan triều đình chúng nó mới sai lầm, khi nào binh tướng của nó vào nước ta thì lúc nào trong lòng cũng nơm nớp lo sợ, binh đi cướp nước mà như thể binh bị cưỡng buộc ra trận, có thế ta mới dễ phá nó!

Sứ bộ vào triều nước Nam, nghênh ngang kiêu ngạo, bao nhiêu hoan lạc cung phụng ở chốn ải quan sứ bộ thấy như thể khoái lạc còn chưa dứt trong thân thể, vì thế chánh sứ Hàn lâm Trương Tôn Quyền nói:

– Bản sứ vâng lệnh đức thánh đế nhà đại Tống, đi vạn dặm xa xuống nơi tăm tối, hỏi việc bể bộn ở phương Nam thật là vất vả! Vậy, trước hết hãy tuyên đọc chiếu thư của Hoàng đế để quốc chủ nước Nam được rõ!

Trương Tôn Quyền không trình chiếu thư mà lại tự thân đọc lên cho cả triều đình nước Nam nghe, có ý: tuyên đọc chiếu chỉ của Hoàng đế cho đám bề tôi nhỏ mọn nghe mà chiếu lệnh thi hành! Chiếu thư của Tống đế Thái Tông hạch sách về việc quan Thập Đạo Tướng quân tiếm hiệu xưng Phó vương, có ý uy hiếp chủ nhỏ, nhưng chiếu của Tống đế lại mưu mô cốt làm cho triều đình nước Nam tưởng thật mà chẳng phòng bị, vì thế trong chiếu thư đến đoạn này thì Hàn lâm chánh sứ Trương Tôn Quyền cao giọng đọc:

– "... Trẫm thấy: họ Đinh truyền nối đã được ba đời, trẫm muốn giữ cho mạch định được trôi chảy lưu truyền, cho nên cho Đinh Toàn (Tuệ) làm thống súy, khanh (*chỉ quan Thập Đạo Tướng quân*) thì làm phó. Nếu Đinh Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con thì nên cho ngay mẹ con và thân thuộc y sang đây. Đợi khi vào chầu, tất sẽ được ban điển lễ ưu hậu. Khanh sẽ được trao cờ tiết và cây việt. Có hai đường đấy, khanh nên xét kỹ mà chọn lấy một, làm sao để được lợi cho mình... "

Trương Tôn Quyền làm như thể chính mình là Tống đế, giọng thật cao ngạo, trong lúc đọc chiếu dụ, thỉnh thoảng mắt lại liếc nhìn quan Thập Đạo Tướng quân như thể răn bảo. Đợi cho sứ đọc hết chiếu thư dụ dỗ, tự quân Đinh Toàn, lúc ấy được Đại Hành Hoàng đế tạm để cho ngồi trên ngai vàng, và Lê Hoàn vẫn ở địa vị Phó vương Nhiếp chính, chẳng ai lên tiếng "tạ lời ban dạy của Tống đế, nói câu "vâng mệnh tuân chỉ "thì chớ, Phó vương Nhiếp chính Lê Hoàn lại còn đáp:

– Tôi xin thay lời nhà vua thưa với sứ, trước Hoàng đế muốn che dậy việc chiến chinh, một dàng sai sửa soạn gươm giáo, một dàng lại sai ngài Lưu đa Tốn mang chiếu khuyến dụ bản quốc, trong chiếu dụ một dằng nói rằng: *"... rừng rực xứ nóng, khói tỏa, mù hun, ta hóa ra áng mây của vua Nghiêu, tưới cơn mưa ngọt. Sùng sục chướng khí, mầy dốt, đá mung, ta gẩy khúc đàn của vua Thuấn, nổi cơn gió mát"*. Ấy vậy mà Hoàng đế lại còn đe nẹt chẳng nể nang che giấu ý mình:*"... hiện nay ta đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội"*. Như thế, rõ ràng là Hoàng đế chẳng muốn ban ân ban phước, mà chỉ muốn làm công việc "dâm chém, muốn cậy sức để thôn tính "chứ chẳng có ý khoan hòa dạy dỗ gì cả, thế thì sai sứ mang chiếu khuyến dụ phong tước làm chi!

Sứ giả Trương Tôn Quyền chẳng biết phải trả lời ra sao, thì Phó vương Nhiếp chính lại nói:

– Quân sắp xuất doanh, tướng sắp lên ngựa đi lấy thành ải của dịch, lại còn sai sứ đi làm điều giả dối, rõ ra là Tống đế muốn giết người, đẩy sứ vào chỗ chết, như thế thì nói Tống đế có lòng nhân sao được!

Trương Tôn Quyền bây giờ mới tỉnh ra, trong lòng kinh hãi quá, lắp bắp muốn nói mà không được. Nhiếp chính tiếp:

– Ý của Tống đế đã rõ ràng, việc can qua bản triều biết là không thể tránh được, máu thịt rơi vãi sẽ không còn biết là bao nhiêu mà kể, thế thì một vài mạng sứ giả các ông phỏng có đáng kể gì! Bản triều ân đức tha mạng cho các ông, để các ông thấy mà trở về trình cho Hoàng đế rõ những điều các ông tai nghe mắt thấy ở xứ sở xa xôi tăm tối này!

Rồi truyền tiếp dãi sứ nồng hậu làm như thế chẳng có gì, lại bảo: "con người ta ở đời, ai cũng muốn sống, đã được sống rồi thì ai cũng lại muốn sướng", vì thế những gì gọi là sung sướng ở đời thì đều đem ra cho sứ Tống triều được hưởng thụ. Sứ bộ Trương Tôn Quyền bấy người lại được triền miên hưởng khoái lạc, yến tiệc lại tưng bừng, gái đẹp tha hồ được kề cận đến mờ cả mắt, nhưng trong lòng vẫn nơm nớp chỉ sợ Nam triều đổi ý thì sứ bộ mất mạng như chơi!

Cho đến một hôm, khi được tin mật từ Bắc gửi về gấp, Đại Hành Hoàng đế vẫn giữ địa vị Phó vương Nhiếp chính cho gọi sứ bộ đến báo:

– Nay, Tống đế sắp cho binh ra khỏi doanh, lẽ ra là lúc các ông cũng phải mất mạng! Nhưng bản triều chẳng làm việc nhỏ mọn như thế, cho nên mở tiệc tiễn các ông trở về, về rồi hãy đem những gì thấy được ra cố trình bày, khuyên can Hoàng đế đừng nên xuất quân, giữ lấy hòa hảo là hơn!

Rồi sai mở đại tiệc tiễn sứ, tiệc không mở tại nội triều, mà lại cho mở ở giáo trường đại trại Bảo Sơn Châu, thuộc châu Ái (tức Thanh Hóa), Hoàng đế báo: "mở tiệc ở đấy, cốt lấy thế núi sông rừng biển Bảo Sơn (có nơi gọi là Sơn Thù) để uy hiếp tinh thần sứ bộ...", rồi sai kín đáo sửa soạn, cử tướng dàn quân, xếp đặt nhiều điều bí mật lạ lùng...

Đại trại Bảo Sơn, lập từ đời Đinh Tiên Hoàng, lấy làm nơi hội quân tuyển tướng, địa thế cực hóc hiểm cho việc dụng binh. Nơi này, mặt đông trông ra biển rộng, mặt tây khống chế rừng già ngút ngàn, chặn hiểm ở phía nam (mặt này tục gọi là Eo Ống), giáp huyện Quỳnh Lưu, núi Tam Điệp giăng ngang ở phía Bắc; ở trong thì sông Mã, sông Lương và sông Ngọc Giáp hợp nhau; ở ngoài thì núi Chiếc Đũa, núi Biện Sơn che chở, đây là một trọng trấn dụng binh rất tốt. Cũng ở vùng này, có cả thảy 7 cửa biển, nhưng chỉ hai cửa Hội Triều và Y Bích là đường biển phải qua để thông lên sông Lương sông Mã; khi xảy việc cần kíp thì hai huyện Hoằng Hóa và Hậu Lộc như hai cánh tay khổng lồ vững chãi trấn ở vị trí xung yếu. Đường núi thì một đường do huyện Thạch Thành qua huyện Phụng Hóa (Ninh Bình) chạy suốt đến các huyện Chương Đức, Từ Liêm, Đông thành (tức *tỉnh* Hà Nội xưa), và các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất (Sơn Tây); một đường từ Quan Hóa qua địa phận phủ Trấn Man, phía bắc

suốt đến Châu Mai, Châu Mộc (Hưng Hóa), phía tây suốt đến Ai Lao và Nam Chương; một đường do huyện Nông Cống qua địa phận hai phủ Quì Châu và Tương Dương (Nghệ An) chạy suốt đến tận ven rừng các xứ phía Nam (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam và Bình Định ngày nay).

Có người hỏi: "Đại Sảnh (*) một nơi địa thế hung hiểm lợi hại như thế, sao lại để cho ngoại sứ biết?!". Đại Hành Hoàng đế nói: "Sấm bên đông, nhưng mưa ở bên tây, ta cứ để cho nó biết một nơi ghê gớm, nhưng rồi sẽ đốn nó ở một nơi khác, có thế mới là cao kiến, rồi các ông sẽ biết!"

Vào hội đại yến, có đầy đủ mặt trăm quan văn võ, sứ bộ bảy người được Hoàng đế Phó vương xếp cho ngồi ở bên cạnh ngài, có ý trọng vọng. Yến đình mở ở đại sảnh "Hội Tường "mái cong có ba mươi tám cột cái lớn đỡ, sảnh bát ngát bốn bề không tường vách nhìn ra núi rừng sông suối, phong cảnh vừa uy nghi hùng vĩ lại vừa u nhã như nơi ở của bậc ẩn sĩ.

Trong tiệc, Hoàng đế cùng quần thần hoàn toàn lờ đi chẳng nói gì đến việc chinh chiến hay giao hòa giữa hai nước, chỉ một mực nói những việc trăm dân cấy cày, mưa gió thuận nghịch, điềm lành điềm gở ở khắp nơi ... như thể chẳng phải là tiệc yến bang giao giữa hai nước lớn nhỏ sắp đến hồi phân tranh chinh chiến.

Sứ bộ bảy người, từ chánh sứ cho đến sáu nho gia phó sứ thảy đều là những tay văn học, nay đi sứ xuống Nam cũng lâu ngày rồi, thỏa sức tung hoành hưởng thụ trong cõi yên hoa, ngày nào cũng được thù tiếp như những bậc chủ nhân cao trọng, thì sứ mệnh Hoàng đế giao cho dường như quên mất cả, nằm mãi ở nước Nam quên cả ngày tháng lẫn lo sợ, tới hôm nay đến đại sảnh hội yến mới chợt nhớ ra sứ mạng của mình! Chánh sứ Trương Tôn Quyền bảo:

(*) Tương truyền: vào năm Đinh Mùi, năm Thiên Phù Khánh Thọ thứ 1 (1127) tức là vào nhà Tống Cao Tông, năm Kiến Viêm thứ 1, đời vua Lý Nhân Tông, mưa dầm từ tháng giêng mãi đến tháng 2; tháng tư, mùa hạ, trời mưa ra thóc, đến tháng 10, mùa đông, sao Thiên Cẩu (1) ở trên không sa xuống lưng chừng trời, tiếng vang như sấm sét, cũng trong tháng này nhà vua băng, thái tử Dương Hoán lên ngôi tức vua Lý Thần Tông; điềm trời như thế, cùng lúc sao Thiên Cẩu đổi ngôi, thì đại sảnh "Hội Tường" rung chuyển tự nhiên bốc lửa cháy tan ra tro bụi, đất nứt chiếc khánh đá bên ngoài sảnh lọt chìm xuống, từ đấy không còn dấu tích.

(1) Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, *chính biên, quyển 4 giảng:* Thiên Cẩu: *theo sách* Tinh Kinh, *bảy vì sao Thiên Cẩu ở về phía tây nam sao Quỷ, nằm ngang giữa sông Ngân Hà.* Sử Cương Mục tục biên *(Trung Quốc) chép rằng: Thiên Cẩu là một vì ác tinh.*

– Hóa ra bọn ta xuống Nam thấm thoát thế mà cũng được mấy tháng rồi, bao nhiêu ngày hưởng lạc cũng có, mà nơm nớp lo sợ cũng có! Hôm nay Nam triều mở hội yến tiễn sứ đã hẳn như thế là chúng chẳng dám hại ta, mà ắt là sẽ nói lời tiễn biệt rồi thế nào cũng cầu xin ta khi về đến đế kinh thì hãy trình tâu lên Hoàng đế những điều an lành, ban ân tứ phước! Ta hưởng thụ khoái lạc nốt ngày hôm nay, mai lên đường về Bắc!

Sáu văn nho phụ sứ nghe nói, đều lấy làm hỉ hả, cả bọn dường như quên hẳn việc "tính mạng như chỉ mành treo chuông", Văn Hoa bảo:

– Trương đại nhân nói phải, tuy rằng nước Nam bé nhỏ tăm tối, thế mà hoan lạc lại nhiều, hưởng thụ bao nhiêu cũng không đủ thỏa, thôi thì nó có lỡ lời đe dọa ta mấy câu, thì khi nó cầu xin điều gì ta cũng nên ban ân cho nó cũng chẳng sao!

Tiếp lời Văn Hoa, đến lượt Văn Phong bảo:

– Hoa đại nhân tổ tiên gốc người miền Nam, quả nhiên trong lòng tràn đầy ý lành nhân nghĩa thuận thảo! Còn như tôi nghĩ, thì bọn người Nam tính tình xảo quyệt, bao nhiêu lần nó nói ra nào là vâng theo ý chỉ, thuận theo sai bảo của thiên triều... , thế mà rồi rút cục lần nào nó cũng hưng binh cự lại Bắc phương, làm cho các triều đại Bắc phương chẳng phải là không vất vả! Nay, nó mở hội tiễn sứ, lại nói là lễ ra giết sứ rõ ra là nó ngoa ngôn chứ chẳng dám dụng đến ta, tôi nghĩ trong tiệc ta cứ lựa cơ hội mà dạy bảo thêm chúng nó một phen nữa cũng là điều hay!

Hết Văn Phong, lại đến lượt Văn Khôn bảo:

– Nước Nam bé nhỏ, cũng có được vài đứa giỏi, cho nên mấy lần làm cho Bắc triều khó khăn, vì thế tôi nghĩ thế nào trong tiệc nó cũng bày trò vừa giả dối nịnh bợ ta, vừa khoe khoang cốt làm ta phải e dè sợ hãi, vậy ta cứ bình tĩnh mà đối phó.

Chánh sứ Trương Tôn Quyền cười vui vẻ, bảo:

– Dù nó nịnh bợ hay huênh hoang đe dọa, thì rõ ràng là nó chẳng dám dụng đến ta, các ông đừng quên mình là sứ giả của thiên triều lĩnh mệnh mang chiếu đi dạy bảo vua tôi nước chư hầu ngoại biên!

Vì thế, khi vào yến tiệc, thấy triều đình nước Đại Cồ Việt ngay từ đầu chẳng đả động gì đến việc can qua, cũng chẳng nói gì đến bang giao khó khăn giữa hai nước sắp xảy chiến tranh, chánh sứ Trương Tôn Quyền đứng lên, tay giơ cao chén rượu, giọng hách dịch:

– Hôm nay nước Nam tiễn sứ thiên triều, sao không thấy tự quân có mặt?

Các quan tuy đã quen nhiều với cách xử sự của Tống sứ, cũng có vẻ tức lắm, nhưng vẫn cố giữ được thái độ thản nhiên, Hoàng đế đáp:

– Tự quân không quen những việc yến tiệc, vả lại hôm nay mở tiệc tiễn sứ tất tình cảm là bịn rịn tiễn đưa, cho nên không nói đến những điều những việc khó khăn, mà chỉ có những điều những việc mua vui, vui văn vui võ, tự quân không thích những thứ ấy nên không ngự tiệc!

Chánh sứ Trương Tôn Quyền tuy biết không phải là như thế, nhưng cũng chẳng có cách gì để trách cứ thêm, nên bảo:

– Vậy thì nước Nam có chiếu thư trình tâu lên thiên triều, sao chẳng thấy đem ra?

Vẫn Hoàng đế với vai Nhiếp chính Phó vương đáp:

– Chiếu thư thì sẽ có, còn ngày hôm nay chỉ là ngày yến tiệc đãi sứ, vì vậy không đem chiếu thư trao ở chốn này.

Rồi yến tiệc tưng bừng, toàn là những lời lẽ giao hòa thuận hảo, tiệc kéo dài, men rượu quý dần dần ngấm sâu, sứ bộ chẳng còn ông nào nghĩ đến gìn giữ, tha hồ lớn tiếng khoác lác huênh hoang, các quan triều đình nước Đại Cồ Việt thi nhau mời rượu đãi sứ càng làm cho sứ bộ mê man chẳng còn biết trời đất là gì, rồi ngài Phó vương Nhiếp chính lại còn sai cử nhạc để mua vui.

Nhạc triều nhà Đinh chẳng có gì khác lạ, duy triều mới dựng chưa được bao lâu nên "nhạc chiến" vẫn còn thịnh hành, vì thế khi lệnh ban ra tức thì dàn "nhạc chiến" nổi lên, trước hết là dàn trống đồng Ngọc Lũ dập khúc "Khởi-Trận Chiến-Cổ" mười sáu chiếc cùng lúc lên tiếng, âm thanh nghe như trời cao chợt có sấm dậy đến rung rinh cả mái đại sảnh "Hội Tướng"! Tiếng trống trận năm xưa làm cho các võ tướng chợt thấy bừng bừng trong huyết quản những sôi nổi ngày ấy trong trận chiến "hỏa thiêu thành Ngọc Lũ"(*), các quan chợt nhất tề hô vang "Chiến!", tiếng hô dũng mãnh chẳng thua gì tiếng trống trận làm cho bảy người của sứ bộ Tống triều giật nẩy mình, tai ù mắt hoa chẳng hiểu rõ là việc gì, lại tưởng là triều đình ra tay giết sứ, thành ra các ông vội vàng đứng bật cả dậy, xô bàn vẹt ghế, lảo đảo xiêu vẹo toan bỏ chạy! Trong tiệc, Hoàng đế giữ địa vị Phó vương Nhiếp chính tuy vui với mọi người nhưng luôn luôn để ý theo dõi cử chỉ của sứ bộ, bây giờ thấy tình cảnh thì cười thầm trong bụng, vội hô các quan dỡ sứ, dìu trở lại ghế ngồi, nói cười vui vẻ, lại tiếp tục chuốc rượu.

(*) Xem trận đánh thành Ngọc Lũ, khi Đinh Bộ Lĩnh đem chúng anh hùng ra ngoài thiên hạ tung hoành, thu phục giang sơn về một mối trong bộ truyện MƯỜI HAI SỨ QUÂN của Vũ Ngọc Đĩnh.

Bây giờ, tiếng trống đồng vẫn giục ầm ầm chẳng đổi giọng, rồi từ mé trong thấy kéo ra một đoàn vũ nữ ăn vận theo lối cung nữ đương triều nhà Tống. Đoàn vũ nữ tung tăng múa lượn tuy nhịp nhàng uyển chuyển nhưng bước đi thì lại hùng dũng theo nhịp trống, tay múa lên xuống vào ra như thế biểu diễn những thế thức quyền cước võ nghệ, cả đoàn dần dần áp sát sứ bộ, tay tiên vũ nữ múa lượn uyển chuyển thế mà nghe trong hơi gió phát ra lại hùng hậu tưởng có thể xô ngã ngay được các ngài khiến cho sứ bộ lại kinh hãi, nghĩ rằng người Nam định dùng các vũ sĩ giả dạng đám vũ nữ để ám hại mình, bảy ngài tính cả rượu, loay hoay tránh né những cánh tay múa lượn lên xuống như những tay quyền hiểm độc, những thân hình éo lả lúc áp sát lúc tách xa thế mà trong hương thơm dầy mê hoặc của những thân hình ấy cả bảy ngài lại cảm thấy dường như có sức mạnh trì trọng có thể dè nát được cả đại dũng sĩ chi chực ập xuống thân thể các ngài!

Chưa xong việc nghiêng ngả né tránh những cánh tay éo lả, những thân hình uốn lượn của đám vũ nữ, thì lại thấy xuất hiện thêm một đoàn vũ nữ nữa. Đoàn này vận toàn vũ y lụa đỏ chói, bất thần rút trong tay áo rộng ra một ngọn dao bạc sáng chói. Dao múa lên loang loáng như tuyết đổ, cả đoàn áo đỏ quyện ngay vào đám vũ nữ cứ thế quấn lấy bảy người sứ bộ. Tay ngà lên xuống, dao bay như gió cuốn vây lấy bảy người, thoạt đầu các ngài kinh hoàng còn kịp né tránh, đến bây giờ thì không dám động đậy chỉ sợ nhúc nhích là dao bay hay tay quyền của đám vũ nữ trúng ngay, cả bọn vã mồ hôi, men rượu quý tan đâu mất cả, ông nào cũng cảm thấy toàn thân lạnh như "giữa mùa đông bị dội nước lạnh"!

Thoáng lát trống trận chợt đổi khác, kéo dài như sấm rền trên trời cao, chỉ trong một thoáng các vũ nữ đã bặt dạng, bây giờ đại sảnh như thể lại càng ồn ào vui hơn nữa với những khen lao của các quan, Hoàng đế bảo sứ bộ:

– Bản quốc từ ngày dựng nước đến giờ, phải triền miên lấy xương máu xây thành chống đỡ giặc ngoài, cho nên đến như bọn vũ công cũng thạo võ nghệ, trăm họ đều là những người "bình vi nông, loạn vi tướng", ai cũng đều có thể làm tướng ra trận được!

Trương Tôn Quyền xem chừng đã lấy lại được hồn vía, nghe Nhiếp Chính nói thế thì lại vênh mặt bảo:

– Nông dân ngu dốt, vác gươm giáo đi lính có khi còn chưa được, còn làm tướng ra trận sao được!?

Đại Hành Hoàng đế nhếch mép cười chẳng nói, ông truyền lệnh:

– Kích cổ khai trận!

Lệnh vừa truyền, trống đồng Ngọc Lũ đang còn rền rền âm âm như sấm lăn xa xa trên trời cao chợt đổi điệu, ầm ầm như sóng dập đầu ghềnh, lạ một điều âm thanh như truyền đi trong khe núi, len lỏi bay ra ngoài xa tít vào vùng núi rừng chung quanh đại sảnh Hội Tướng.

Cùng với tiếng trống trận nổi lên, hiệu mở trận bắt đầu với những sự lạ: cờ năm màu chợt xuất hiện như thể cây rừng khắp nơi lá cây là cờ đủ sắc, xa gần màu sắc như chen nhau. Sứ giả Trương Tôn Quyền cùng sáu mưu sĩ nho gia học rộng biết nhiều nhận thấy ngay: khắp chung quanh, rừng cờ không phải là ngẫu nhiên như thế, mà rõ ràng là hình "Bát Quái", Trương Tôn Quyền thốt lên:

– Bát Quái trận!

Cùng với tiếng kêu thảng thốt kinh hoàng của Trương Tôn Quyền, lại thấy đám vũ nữ áo đỏ xuất hiện, lần này không thấy ai cầm dao, nhưng vũ điệu bước đi như thể rồng uốn khúc, như mây tụ rồi tán ở trên trời, vũ điệu làm thay đổi hiệu trống trận, tiếng trống lúc thúc ầm ầm gấp rút, lúc khoan thai như chọn từng tiếng thật chắc, có lúc âm thanh cao thấp như trộn vào nhau, và ngoài xa trăm vạn lá cờ đủ màu sắc cũng chuyển động, lúc tụ lúc tan, lúc chảy thành hàng dài, lúc chia thành nhiều nhánh tràn ra mọi phía. Bảy người sứ bộ nhà Tống nheo nheo mắt mà nhìn, chẳng hiểu gì cả, chỉ thấy rừng cờ xa xa chẳng còn thiếu nơi nào lại không có dang chuyển động, sứ bộ thì thầm bàn tán, không làm sao hiểu nổi. Rồi Trương Tôn Quyền hỏi:

– Như vậy là thế nào?

Triều đình nước Đại Cồ Việt quan văn cũng như võ tướng, ông nào cũng có vẻ thản nhiên, xem những biến đổi của rừng cờ ngoài xa kia như thể là những việc gì quen thuộc lắm, khi nghe chánh sứ hỏi như vậy, thì vẫn chính Hoàng đế đáp thay mọi người:

– Nước tôi là nước nhỏ, luôn luôn bị ngoại cường hiếp đáp, vì thế không thể không nghĩ đến việc dưỡng sức dân, nuôi dưỡng binh hùng tướng mạnh, cái phép "bình nông, loạn binh" là như thế! Lúc nãy tôi có bảo "lúc có giặc, trăm họ ai cũng có thể cầm quân cự giặc được là thế"! Các ngài tận mắt xem thấy, ngay như bọn vũ nữ mua vui trong chốn triều đình đây, múa may là nghề của chúng, thế mà tà áo lụa có thể lại là cờ lệnh cho binh tướng ngoài kia mở trận, bước chân di uyển chuyển lại có thể là lệnh giục quân, tay ngà lên xuống lại chứa đựng sức mạnh giục ba quân tận diệt ngoại địch!

Những lời nói của Hoàng đế làm cho sứ bộ bảy người toàn là những tay văn học uyên thâm chợt nhận ra những thế trận "tiến thoái súc triển", thu lại hay mở rộng ra thật, như thể đang có cuộc thao diễn quân binh nơi giáo trường, nhưng vẫn chưa hiểu rõ.

Đại Hành Hoàng đế giơ tay chỉ chếch ra phía Bắc, giảng:

– Lúc nãy, các ngài có người thốt ra ba tiếng "Bát Quái Trận", đấy là trận đồ của Hoàng Thái công ngày xưa chưa ai thấy mà chỉ nghe nói! Còn trận ở đây, nơi đất nước Đại Cồ Việt này, thì lại khác! Khởi trận là ở mé Bắc, khai trận là ở Đông Bắc, khiển trận là ở Tây Bắc, quyết trận là ở phía Nam, trận thoạt trông người tướng không giỏi dễ lầm với Bát Quái Trận của Thái công, tên gọi của trận này là "Thiên Địa Trận ", là một trong hai mươi bảy tuyệt trận của người nước Nam tôi!

Trương Tôn Quyền chăm chú nghe, chợt hỏi:

– Như thế, thì còn các trận khác thế nào?

– Các trận khác, không phải là nơi nào cũng có đủ sông ngòi, núi non, rừng rú, biển rộng, đất phẳng hay hiểm trở, người đông hay thưa thớt, địa phương nơi khí hậu khô ráo hay ẩm ướt..., mỗi nơi một khác, vì thế nước tôi mới có hai mươi bảy trận thế tùy từng nơi từng tiết trời mà ứng dụng, nơi nhiều sông ngòi ắt không thể dựng trận như ở nơi núi cao, chốn đồng bằng rộng phẳng tất không thể lập trận như ở nơi rừng rú, mùa đông nơi biển cả lập trận khác với mùa hạ mở trận ở nơi vách núi hay chốn ao đầm. Tiên đế chọn nơi này làm sảnh Hội Tướng, ấy là ngài có ý lấy nơi hội đủ cả mọi thế núi sông rừng rậm với đồng bằng để dạy võ. Các ngài hôm nay ngồi ở đây, có thể được thấy thần uy vũ lược của tiên đế nước tôi, đấy cũng là một kỷ niệm của chuyến đi sứ vượt vạn dặm xuống nơi tăm tối này!

Sứ bộ nghe nói, trong lòng ông nào cũng băn khoăn mơ hồ không tin, vì thế vẫn thì thầm bàn tán, rồi Trương Tôn Quyền thận trọng nói, ý thăm dò:

– Một nơi có thể có núi, có rừng, có sông ngòi đầm lạch, nhưng bảo là lập trận được tất chẳng phải chỉ ngần ấy thứ là được?! Vả chăng, một nước các nơi địa thế khác nhau, tất không thể cùng một lúc làm giống nhau được!

Hoàng đế cười thật tươi, ngài bảo:

– Quả nhiên Trương gia uyên bác, tiếc một điều chắc hẳn chưa bao giờ được thấy cho nên trong lòng còn nghi hoặc! Vậy, xin được hiến đạt một phen để ngài xem xét!

Rồi Đại Hành Hoàng đế Lê Hoàn truyền gióng khánh đá[1].

---

[1] *Chiếc khánh đá này đã chìm xuống lòng đất trong một trận động đất, đại sảnh bị cháy tan, việc xảy ra năm Đinh Hợi năm thứ 7 đời Lý Nhân Tông (1107), tức là cách xa đến 126 năm sau ngày Phó Vương Lê Hoàn đãi sứ ở Hội Tướng Sảnh này.*

Khánh đá rộng cả sải tay treo bên ngoài đại sảnh, quân nghe lệnh liền dùng chày gỗ "thiết mộc" đập vào khánh, tiếng khánh trong mà cao nghe như tiếng gõ vào chén ngọc, lạ một điều là âm thanh không hiểu theo lối nào mà cũng lại như tiếng trống đồng bay đi cực xa, len lỏi vào núi rừng tưởng như chẳng ngưng âm hưởng. Ba tiếng khánh đá nối nhau trườn đi trong không gian, cũng là lúc các vũ nữ xuất hiện đang chuyển bộ, tất cả chợt dừng bước, thân hình rướn cao, tay trái chỉ thẳng ra phía trước hướng chính Bắc, hội sảnh không một tiếng thì thào, tất cả lắng thần dợi xem việc gì xảy ra.

Trong tiếng khánh đá còn ngân dài, một đại hán vận trường bào, vóc dáng thật lực lưỡng, đầu quấn khăn "nguyệt khuyết" dải dài thả sau lưng, chân đi dép cỏ, đại hán có khuôn mặt hơi dài, cặp mắt sâu long lanh tinh quang, bước đi nhẹ như không chạm đất bước vào giữa sảnh, mặt lạnh như băng, chân phải án ở phương Nam, chân trái trấn hơi chếch lên phía Bắc, tay trái nghiêng về hướng Đông Bắc, tay phải duỗi thẳng hướng Tây Bắc, cử chỉ của đại hán không làm các quan văn võ nước Đại Cồ Việt lạ lùng, nhưng bầy người sứ bộ thì lấy làm lạ lắm, cả bọn chăm chú vểnh tai giương mắt mà đợi xem.

Đại hán lấy thế đứng như vậy, rồi cất giọng mạnh như trống trận ca bài ca lạ, vừa ca vừa từ từ chuyển động đổi thế đứng, và dám vũ nữ cũng chuyển bộ múa theo bài ca. Giọng ca lúc đũng mãnh thì như sóng lớn đập đầu ghềnh, ào ạt như trời đất có bao nhiêu sức mạnh đều tụ cả lại nơi này, lúc khoan lúc nhặt, lúc lại êm đềm như dòng sông rộng xuôi dòng chảy đến vô cùng, có khi lại như thanh thản kể lể truyện trời đất mưa thuận gió hòa, con người ngụp lặn trong hạnh phúc thanh bình, có lúc giọng ca lại như nức nở uất nghẹn như những lời kể lể nỗi niềm riêng tư đau buồn nơi phòng the lúc chinh phu còn đang rong ruổi ngựa trận nơi xa.

Ngoài xa, hàng vạn lá cờ dủ màu chuyển động biến đổi theo tà áo múa của các mỹ nhân đang mê man trong âm thanh trống đồng và lời ca của đại hán cực hùng hậu. Đại hán ca rằng:

i... i... hi... hi... ô hà...
Trời đất bao la rộng vô cùng
Thăm thẳm mây cao muôn vạn trượng
Hun hút núi rừng đâu là hết
Mênh mông một giải chẳng thấy bờ
i... i... hi... hi... ô hà...
Núi rừng xuân

lũy xanh chắn ngang phương Bắc
vạn thế cự cường địch
ba sông hợp lực
hai núi đồng phù
Hùng quan thần vũ
một giáo gác ngang chặn lưng trời
non sông nhờ dây bền vững(*)
i... i... hi... hi... ô hà...

Đám vũ nữ nghiêng ngả, bước tới thoái lui, lúc nhanh lúc chậm, khi giăng thành hàng ngang nhấp nhô như sóng nước, như núi cao hùng vĩ, có lúc lại lay động như thể rừng cây đang trong bão táp, chỉ có điều rừng cây không phải lá xanh mà là những tà áo đỏ! Ngoài xa, phía Bắc, trăm ngàn lá cờ hiệu chuyển động theo với áo đỏ của vũ nữ nơi này, thế trận xoay vần lạ lùng cơ hồ nhổ núi chuyển rừng để xếp thành chiến trận thật. Cả triều đình nước Đại Cồ Việt như mê man trong biến diễn kỳ ảo ở ngoài xa, các quan văn võ có người hiểu rõ có người còn có chỗ mơ hồ, nhưng tựu trung thì vẫn có thể theo dõi được những biến chuyển trận thế ngoài xa trong bài ca của đại hán, trong điệu múa của những mỹ nhân. Duy có sứ bộ nhà Tống thì ngẩn ngơ chẳng hiểu gì cả, nhưng bảy tay nho sĩ uyên bác cũng mường tượng thấy phảng phất thế trận đang diễn ra. Sứ giả Trương Tôn Quyền nén lòng không được, liền khẽ hỏi Phó vương Nhiếp chính:

– Như thế, trận đang chuyển như thế nào?

Hoàng đế mắt không rời nhìn ra xa, đáp nhanh:

– Trời đất đang lúc dựng lập, vạn vật chưa định.

Trương Tôn Quyền cùng sáu nho sĩ phó sứ chợt hiểu ra, quả nhiên các ông đã thấy được đôi chút diệu kỳ!

Giọng ca của đại hán đi cùng bộ điệu thay đổi chậm chạp mà lại vô cùng thanh thản, giọng ca ấy lên cao rồi chợt như vỡ ra, rộng vô cùng và ảo ạt như thể trong âm thanh có cả tiếng sóng vỗ ì ầm, tiếng vọng huyền bí của núi lớn:

(*) Địa thế này lập trận lấy rặng núi Tam Điệp giăng ngang ở phía Bắc, tướng quân Lê Hoàn lấy làm điểm khởi trận cho đại trận "Thiên Địa trận". Ba sông là các sông Mã, Lương và Ngọc Giáp. Hai núi là núi chiếc Đũa và Biện Sơn.

Bảy cửa mở dòng[*]
thênh thang thuyền ta rong ruổi
Hai vòng tay mạnh vươn dài[**]
ôm cả vũ trụ
giữ cả non sông

i... i... hi... hi... ô hà

Nghe có tiếng móng sắt vó ngựa
xiết trên đá núi
có gió tên dài bay nhanh
rạch đôi dòng nước
lập lòa ánh chớp tranh sức đường gươm
ì ầm sấm sét dọ tiếng thót quân
Trời dất mịt mù nhìn về Đông
biển dông sôi sùng sục
Âm u sát khí tràn sang Tây
phía Tây Hùng Lĩnh vào trận[***]
Khí át Dấu Ngưu trùm phương Bắc
Tam Điệp[****] chắn lối đi
quay về Nam mờ mịt
núi Nam cũng kéo nhau vào trận

i... i..hi... hi... ô hà

Giang sơn ta lồng lộng
chừ cao rộng
núi rừng ta hiểm trở
chừ phong nhiêu
Trời Đất cùng hợp nhau
chừ gìn giữ
Bão táp cũng thành gió thoảng
vạn đời dân ta vững
chừ an lạc
Sấm sét cũng thành nhạc dịu
Đất này giặc đến giặc tan

Nơi này trời sinh trời dưỡng
Trời không lên tiếng, đất chẳng ra lời
Thế mà linh thiêng
Thánh thần canh giữ
vạn thế trường tồn
i i hi hi ô hò

Bài ca của đại hán nghe như tiếng ca của ngư phủ lúc chiều buông nơi hoang dã, thảnh thơi mà lồng lộng trùm kín cả trời cao đất rộng, ấy thế mà những tà áo của bầy vũ nữ theo sức mạnh của tiếng ca lại như vạn cánh bướm lúc quyện vào nhau trào đi như một dòng suối đỏ cuốn theo cả những ngọn cờ ở mãi núi rừng xa xa, thế trận "Thiên Địa "nghiêng ngửa lúc thu hẹp lúc mở rộng, khi như ngọn giáo dữ dội đâm tới mở thế "tung", lúc lại ào ạt bất thần hóa thành "hoành" mường tượng như khí thế dường gươm dũng mãnh quét ngang. Cứ thế, cứ thế, tiếng ca lên xuống khoan thai dẫn dụ hay quyết liệt, vừa như nâng đỡ lại vừa như cuốn hút bước đi của vũ nữ, và hiệu lệnh những tà áo đỏ ở tít xa kia chẳng biết nhận thấy như thế nào trong tiếng trống dồng khởi trận, khai trận, khiển trận, rồi kết trận với âm điệu nghe như tan vào vũ trụ dũng mãnh trong hình ảnh chúa sơn lâm dứt tiếng gầm lớn kéo dài thì thản nhiên phủ phục ngạo nghễ trong giấc ngủ đầy tự tin oai vệ.

Trận Thiên Địa ngoài xa biến đổi, dù chẳng phải là những hảo tướng tinh thông thao lược, thế mà bầy văn nho sứ bộ nhà Tống vẫn nhận ra những biến đổi ấy, sức hiểu biết uyên bác của các ngài làm cho các ngài càng cảm thấy: núi rừng như cũng chuyển động, sông biển cũng hướng cả về trận, lạ lùng kỳ ảo đến như vậy được sao?! Thần vũ của người làm tướng lập trận lại có thể ở xa trăm dặm sai khiến được cả trời đất hành động theo ý muốn của mình, biến cây có núi rừng sông biển vô tri thành những binh tướng có hồn sống động chăng? Nếu đúng thế, thì binh tướng nước Đại Cồ Việt là những người như thế nào?

(*) Bảy cửa biển ở Bảo Sơn.

(**) Bảy cửa biển ở đây chỉ có hai cửa Hội Triều và Y Bích là đường biển phải qua để lên sông Lương sông Mã.

(***) Núi Hùng Lĩnh, trong tỉnh Thanh Hóa, nằm về phía tây huyện Vĩnh Lộc khoảng 15 dặm.

(****) Núi Tam Điệp ở Thanh Hóa, phía bắc huyện Tống Sơn 21 dặm, mạch núi từ huyện Thạch Thành kéo đến, liên tiếp chạy ngang, suốt cả bãi biển, giữa có đường quan thông qua, là cổ họng giữa nam bắc.

Sứ bộ Tống triều cùng các quan văn võ nước Nam mê man trong cảnh lạ, cho đến khi tiếng trống đồng Ngọc Lũ lại nhẹ nhẹ rền rền như sấm trên trời cao lăn mãi đi xa rồi tan vào không gian vũ trụ, lúc ấy mọi người như mới tỉnh ra, bầy vũ nữ áo lụa đỏ như một dòng sông đỏ uốn éo trôi đi và đại hán cũng rảo bước vào trong, đại sảnh Hội Tướng vừa trải qua một thời gian dài "trên đài tướng xem trận", lúc này duốc rừng rực, ngoài trời xa xa trên đỉnh cây cao trong thung lũng còn có nơi thấy rõ vạt nắng trải dài.

Chánh sứ Trương Tôn Quyền lên tiếng trước tất cả, ông hướng về phía Phó vương Nhiếp Chính, giọng xúc động mà rằng:

– Thưa ngài[*], bể học mênh mông, tôi chưa phải là người đọc nhiều nhất thiên hạ, nhưng vạn quyển thì cũng có, cổ kim có nhiều binh thư đồ trận tôi đều đọc kỹ, xem kỹ cả, đọc thì có mà thấy tận mắt thì chưa, nay ngồi ở đây chẳng cần đọc một chữ thế mà lại nhận ra được "vạn quyển chưa theo được một tà áo đỏ, khốc liệt nơi chiến trường còn kém xa một lời ca"! Thành thử như thế chợt thấy hoang mang về sở học, xin được nghe ngài giảng trận!

Hoàng đế Đại Hành, các quan văn võ nước Đại Cồ Việt đã nghe rõ những lời nói dịu dàng đầy kính cẩn mà thành thật của chánh sứ nhà Đại Tống. Hoàng đế nét mặt tươi tắn, ngài đứng lên vóc dáng hơi mảnh mà cao, thanh tao mà lại oai dũng, ngài bước tới tay cầm chén rượu mời Tống sứ:

– Mừng đại quan đã nhìn thấy một góc trời! Sở học uyên bác của ngài thật ra chẳng có tà áo hay lời ca nào có thể sánh kịp, tuy thế ở nơi xa xôi tăm tối này ngài đã có dịp kiểm chứng lại sở học quả nhiên là có thật, vì thế mới nhận biết những biến chuyển của trận pháp! Ngài thừa rõ: thao lược có thể dàn xếp để thiên nhiên với con người cùng hành động, làm cho sức mạnh của nhà tướng có thể là vô cùng, mở trận là cầm chắc phần thắng, vào việc là quyết chắc thành công!

Hoàng đế rõ ràng là không muốn giảng rõ, chánh sứ Trương Tôn Quyền mỉm cười nói:

– Binh thư trăm quyển, quả thật nói nhiều đến các kỳ trận, nhưng chỉ nghe xưa có người xếp đá thành trận, thật ra chưa ai được thấy. Nay ở chốn này, tôi chứng kiến trận thế xếp đặt tuyệt vời, nhưng dám chắc là không phải kỳ trận!?

Hoàng đế nét mặt như càng tươi thêm, đáp:

– Phải, núi rừng đằng xa kia vừa rồi vào trận cùng với binh tướng,

---

(*) Không thấy còn giọng hách dịch nữa!

cho nên chưa phải hoàn toàn là kỳ trận đích thực. Tuy thế, trong trời đất có thế "thiên, địa, nhân" nếu liên hiệp lại thì là sức vô địch; trận thế "Thiên Địa" của tiên đế xưa nhiều phen dựng lập(*) chỉ có trời đất mà không có người tham dự, nay tôi muốn để ngài thấy rõ cho nên mới trộm phép tiên đế đem cả con người vào để ngài có thể nhận biết được dễ dàng mà thôi. Có điều, mỗi chuyển động của trận còn có các tay kiệt hiệt cùng hành động, làm cho sức mạnh diệu kỳ của trận có thể nói là "tuyệt đối, bất khả đối kháng", dù binh tướng địch đông bao nhiêu, mạnh bao nhiêu mà vào trận thì cũng đều bị giết cả, không một ai sống sót!

Trương Tôn Quyền nghe nói trong lòng nghi hoặc lẫn xem thường, liền bảo:

– Những tay kiệt hiệt thì trong thiên hạ chẳng thiếu, bảo rằng đến độ tuyệt đối thì e rằng chẳng khác gì nói núi Thái Sơn đỉnh chạm Thiên Môn của Ngọc Hoàng Thượng Đế chăng?

Hoàng đế đáp ngay:

– Đỉnh Thái Sơn cao mà nhất định không tới cửa trời được, nhưng những tay kiệt hiệt với trận pháp vô song ở nước tôi thì đã được thiên hạ chứng nghiệm rồi!

– Thiên hạ chứng nghiệm lúc nào, ai chứng nghiệm?

– Chính đức khai tổ nhà Đại Tống đã chứng nghiệm! Chẳng thế mà trong tay ngài binh hùng mấy trăm muôn, hổ tướng mấy nghìn người, khí thế quân oai lúc vừa dứt nhà Hậu Chu lập lên nhà Đại Tống vĩ đại là thế, mà Tống khai tổ Hoàng đế nhìn cuộc thế vẫn phải e dè không dám xuất quân xuống Nam là vì vậy! Nay, đức Thái Tông (Tống) lại muốn cho quân xuất biên, e rằng ngài đã nghĩ lầm rồi chăng?

Trương Tôn Quyền không tin những lời Lê Hoàn nói, nhưng hiểu rõ ý đức khai tổ nhà Tống không xuất quân lấy nước Nam hồi đó, Quyền không muốn tranh luận về việc ấy, liền nói lảng:

– Quả thật đức khai tổ không xuất quân Nam chinh thật, nhưng đấy là việc của ngài. Còn bảo rằng kiệt hiệt ở nước Nam này là vô địch, tuyệt đối, thì e rằng không đúng chăng?

Hoàng đế sắc diện không đổi, chẳng tỏ vẻ gì là không bằng lòng với câu nói của sứ giả, thản nhiên đáp:

– Tai không nghe thì không biết tiếng trống đồng vào trận thế nào, không tận mắt chứng kiến thì chẳng rõ được trận pháp của người nước

---

(*) Quý độc giả có thể xem trong Mười Hai Sứ Quân *của Vũ Ngọc Đĩnh để thấy các kỳ trận ấy thế nào.*

Nam lợi hại ra sao! Vậy, xin gọi vài kiếm sĩ hạng "giữ cửa ngoài" ra mua vui cho ngài cũng là điều hay!

Rồi ra hiệu, giáp sĩ dạ ran, trong khoảnh khắc từ trong một người bước ra. Người này vóc gầy, cao, trong ánh sáng lửa đuốc buổi hoàng hôn chỉ thấy khổ mặt xương xương hơi dài, cặp mắt sâu long lanh như hai vì sao, tà áo dài bạch bố, tay không khí giới, xem ra có dáng nho sinh hơn là một võ sĩ hay kiếm sĩ. Người áo trắng bước tới hành lễ rồi chẳng đợi thêm lệnh nào nữa, bất thần chuyển bộ chớp mắt chẳng thấy hình tích, chỉ thấy tà áo dài trắng bây giờ quyện bay biến thành một vừng mây bạc lượn lờ trong đại sảnh. Từ vừng mây bạc ấy khi giang ra xa, mọi người trong sảnh chợt thấy có gió mạnh phát ra như thể cả chục chiếc quạt lúa "tai voi" cùng lúc thốc lên, làn gió mạnh làm cho đuốc lửa rung rinh cơ hồ muốn tắt cả, các quan có râu dài thì râu bạt cả đi, trên các bàn tiệc những đồ vật không nặng đều nghiêng ngả chực bay đi. Vầng mây bạc quay tít ở phương đông, rồi trôi nhanh về phía tây tiến lại giữa sảnh thì có điều lạ xảy ra: gió đang mạnh, chợt ngưng bặt, bao nhiêu ngọn lửa đuốc đang nghiêng ngả lay động chực tắt thì lại bùng lên, ngọn lửa thẳng tắp, râu dài của các vị không giạt bay nữa, trên các bàn tiệc chẳng còn thứ gì lay động, như thể nơi này chưa hề bao giờ lại có gió mạnh thổi như vừa rồi!

Người áo dài trắng lại hiện ra, bộ cước chậm hẳn lại để cho mọi người trông rõ mặt, người này vừa biểu diễn thuật phi đằng có một không hai của nước Nam thời đó!

Phụ tá của Chánh sứ Trương Tôn Quyền là nho sinh Văn Kế chợt kêu lên:

– Vô ảnh phi đằng!

Lập tức Đại Hành Hoàng đế ra hiệu cho người áo trắng dừng bước, ngài hướng về phía nho sinh Văn Kế vui vẻ hỏi:

– Ngài đã nhận ra thuật đi lại vặt vãnh của y?!

Trăm cặp mắt hướng cả vào Văn Kế, nho sinh vẻ mặt hân hoan ra dáng khoan khoái, nghe quan Nhiếp chính nước Đại Cồ Việt hỏi thì đáp:

– Phải, tôi đã nhận ra đây là thuật phi đằng có lần nghe nói đến ở phương Bắc!

– Ngài nghe nói đến như thế nào?

– Tôi không phải là võ gia, nhưng sách có nói đến thuật lạ này, bảo nó là "võ công chí bảo", lại nhiều phen đổ công đi tìm người biết thuật ấy mà lần nào cũng chỉ nghe nói chứ chẳng được thấy! Sách bảo: thuật phi đằng vô ảnh khi đạt đến độ tối chung, có thể biến hẳn hình ảnh, trở thành một làn gió tùy theo ý muốn mà gió ấy mạnh hay nhẹ, tức là thi thố thuật ấy ở mức độ nhanh hay chậm đều được cả! Bao nhiêu năm lặn lội, đến nay

ngồi ở đây mới thấy được điều mình bôn tẩu mấy mươi năm tìm tòi mong gặp! Lành vậy thay!

Đại sảnh xôn xao bàn tán, phần thán phục tài học uyên bác của phụ tá chánh sứ là ngài Văn Kế, phần thú vị với môn vũ thuật tuyệt vời. Hoàng đế Phó vương tay cầm chén rượu bước tới trước nho sinh Văn Kế, nói:

– Tôi mừng ông đã thấy được điều mong ước khao khát bao nhiêu năm mà không gặp! Ở nước tôi, việc ấy bình thường như "ngựa biết chạy, gà biết gáy" chẳng có gì là lạ!

Rồi Hoàng đế mời rượu mừng Văn Kế.

Văn Kế là người ở Hàng Châu, địa phương nức tiếng phong cảnh đẹp vào hạng nhất ở Trung Quốc, ông là một trong "tứ đại gia" văn tài lỗi lạc, thích đọc sách, vạn quyển đọc đến đâu nhớ như tạc vào lòng đến đấy, lại thích tìm tòi kiểm chứng xem những điều trong sách nói có đúng không, vì thế đi lại khắp cả Trung Nguyên bao la, lần mò ra tận ngoài biển rộng để thỏa lòng "muốn biết", trong những "muốn biết" ấy là môn võ học thấy nói trong sách tên gọi "vô ảnh phi đằng thuật", tìm hỏi mãi chẳng được, ông cho là "sách ngoa ngôn của hạng vũ biền thích khoe khoang" chứ không có thật! Nay được tận mắt thấy điều nghi ngờ xưa, thì không nén được nên thốt kêu lên.

Khi Phó vương cầm chén rượu đến mừng, nho sinh Văn Kế vội đứng lên, hai tay cung kính đỡ chén rượu, nói:

– Tạ ơn ngài tặng rượu! Nhưng tôi nghĩ, chẳng có rượu khen nào lại quý báu bằng chính tráng sĩ bạch y đây, vậy xin được trao lại rượu thưởng này cho tráng sĩ ấy!

Nói rồi, bước tới người áo dài trắng, Văn Kế hai tay trình chén rượu ra, miệng cười tươi như hoa bảo:

– Các hạ là kỳ tài trong thiên hạ, nhờ các hạ mà nghi ngờ của tôi được giải tỏa, lời chê xưa xin được gửi vào chén rượu này để tạ lỗi với thư lâm, võ lâm!

Ý Văn Kế muốn gỡ lại lời bình phẩm lúc xưa chê những lời trong sách và bọn "vũ biền khoác lác", người áo trắng không hiểu lời ngài phó sứ nói, nhưng cũng đón chén rượu rồi quay lại phía Hoàng đế nói:

– Thuộc hạ tạ ơn!

Quay sang Văn Kế, tráng sĩ kính cẩn thưa:

– Chỉ mấy bước chân đi, đã được đại quan rộng rãi ban thưởng, thật lấy làm hổ thẹn! Tại hạ tạ ơn, xin được tự bêu xấu thêm chút nữa!

Nói xong ngửa cổ uống một hơi cạn chén rượu lớn, rồi trịnh trọng trao lại chiếc chén cho Văn Kế. Văn Kế vừa quay gót, chợt thấy như sau lưng có sức mạnh thần kỳ cuốn đi cực kỳ dũng mãnh khiến tối tăm cả mặt mũi, rồi thấy thân thể nhẹ như bông hạ êm xuống chỗ ngồi. Khi định được thần, thấy lại ngồi vững vàng trong ghế bàn tiệc, không thấy bóng dáng người áo trắng!

Khoảnh khắc kỳ ảo ấy diễn ra cực nhanh, cả đại sảnh chỉ thấy phó sứ bay đi rồi ngồi lại ghế cũ, còn người áo trắng thì lại như một vầng mây bạc lang thang khắp đại sảnh, chẳng ai hiểu sự việc là thế nào! Nhìn ra, Phó vương thản nhiên quan sát bảy người trong sứ bộ. Lúc ấy vầng mây bạc chắc đi chuyển nhanh hơn nữa, chỉ còn thấy mờ mờ thấp thoáng vài vệt sáng chập chờn vây quanh sứ bộ, không thấy sứ bộ có cử chỉ gì khác lạ.

Đại sảnh Hội Tướng đang chứng kiến một tuyệt kỹ võ thuật của họ Giang ở chân núi Long Sơn trong rặng Đồng Lư. Nguyên, hồi Đinh Tiên Hoàng đế mang chúng anh hùng đi thu thiên hạ, thu phục trấn ải Đồng Lư của lão đại tướng Mạc Cương Hồng, thì trong đám thuộc hạ của họ Mạc có người họ Giang, tên là Trầm Trúc biết phép "Vô Ảnh Phi Đằng" là người duy nhất bỏ đi không cùng với chủ quy hàng Đinh Tiên Hoàng đế. Họ Giang nói là học được thuật lạ phi đằng của kỳ nhân trong rừng núi tận mãi Phong Châu, phép luyện tập đạt đến độ "ngưng thở, xả thân, nhập khí" khiến thân thể như chẳng còn gì, nhẹ còn hơn cả mây trời, nhờ thế có thể bay đi nhanh đến độ mắt thường tinh anh đến đâu cũng không thể kịp nhận ra thân hình, vì vậy thuật phi đằng này mới có tên là "Vô Ảnh Phi Đằng".

Họ Giang chu du thiên hạ, gặp nhiều người tài, chỉ phục một mình lão tướng họ Mạc nên theo về, và vì là người có thuật phi đằng cực lợi hại nên được lão tướng thương yêu cho ở bên cạnh, giữ việc lên xuống núi Đồng Lư để đưa tin nhận lệnh. Sau, đi chu du trong thiên hạ mãi cũng chán, họ Giang mới trở lại theo về dưới trướng Tướng quân Thập Đạo Lê Hoàn. Nhiều tay võ học cao siêu thời ấy xin họ Giang truyền cho kỳ thuật, nhưng Giang lấy cớ: "kỳ nhân truyền nghề năm xưa, có lệnh "thân chỉ có thể tan vào vũ trụ, chứ không đem vũ trụ phổ vào người đời", vì thế không được phép truyền lại báu thuật cho ai cả."(*)

Đây cũng là một điều đáng tiếc, sau Giang Trầm Trúc thì thế gian không còn người nào ở nước Đại Cồ Việt biết phép "Vô Ảnh Phi Đằng" nữa!

(*) Xin xem Mười Hai Sứ Quân *để rõ về trấn ải Đồng Lư với "trận đá" của lão đại tướng Mạc Cương Hồng.*

Nay, trong tiệc vâng lệnh Phó vương, Giang Trầm Trúc biểu diễn kỳ thuật trước mắt mọi người, ai cũng thấy chỉ là những hiện ra rồi biến đi, xem ra chẳng có gì lạ lùng hơn là những biến hiện ấy.

Giang Trầm Trúc thi thố tuyệt kỹ "vô ảnh phi đăng" một hồi, có lúc thấy một ánh lửa lung linh thì biết là Giang lướt qua nơi ấy, có khi lại thấy một loạt lửa đuốc tắt phụt rồi chợt bùng ngay lại, tỏ ra rằng lửa đuốc ấy bị tắt hết rồi đốt lại ngay nhanh không thể tưởng tượng được. Rồi, đại sảnh như mất hẳn Giang Trầm Trúc, chẳng còn dấu hiệu gì tỏ ra họ Giang đang ở trong sảnh!

Cuối cùng, bên ngoài trời tối hẳn, đuốc lửa rực rỡ và lại thấy Giang Trầm Trúc hiện ra ở giữa sảnh, tà áo dài trắng như không lay động, khuôn mặt khắc khổ với cặp mắt sâu như càng sâu thêm.

Giang Trầm Trúc bước tới trước sứ bộ bảy người, vòng tay kính cẩn, thưa:

– Tại hạ thô lỗ, muôn vàn đắc tội, xin các đại nhân tha thứ!

Chẳng ai hiểu Giang Trầm Trúc đắc tội gì với sứ bộ. Bảy người sứ bộ ngẩn mặt ngạc nhiên chưa biết thế nào, thì Giang Trầm Trúc đã vén tà áo dài lấy trong dây lưng lụa trắng ra một con dao nhỏ như lá liễu ánh thép chói lòa và một túi lụa nhỏ trình ra.

Hành động của Giang Trầm Trúc khiến mọi người lạ lùng lắm, vẻ mặt ông nào cũng tỏ ra gay cấn, chỉ có Phó vương là tủm tỉm cười rồi nghiêm nét mặt lại ngay.

Giang Trầm Trúc đặt cọn dao và túi nhỏ lên bàn trước ngài chánh sứ Trương Tôn Quyền, rồi vòng tay kính cẩn thưa:

– Trình bẩm đại nhân, sứ bộ các ngài sắp lên đường trở lại thiên quốc, tại hạ vô lễ mạn phép giúp sửa sang lại râu cho gọn gàng!

Cả bảy người trong sứ bộ chẳng ai bảo ai cùng nhất loạt giơ tay xoa cằm xoa mép!

Sứ bộ, toàn là các văn quan uyên bác, coi việc gìn giữ diện mạo cho chỉnh tề là việc quan trọng của nhà nho, vì thế ông nào cũng để râu cằm, nhưng có mấy nho sinh còn trẻ thì chỉ để ria mép, bây giờ tay xoa lên chỉ thấy cằm với mép thật nhẵn nhụi thì kinh hoàng, cả bảy ông tái mặt!

Giang Trầm Trúc tay dốc túi nhỏ, đổ ra mặt bàn một nắm râu ria các ngài, rồi vòng tay cung kính vái dài.

Phó vương Nhiếp chính tức thì lên tiếng, giọng ngài oai nghiêm bảo:

– Giang Trầm Trúc vô lễ thái quá, tội không tha được! Bay đâu, lôi y vào chờ xử tội!

Giáp sĩ dạ ran ùa ra điệu Giang Trầm Trúc vào trong, Nhiếp chính quay sang sứ bộ nói:

– Đầy tớ của tôi vô lễ, xin đại nhân bỏ qua! May mà y chỉ dám xúc phạm đến thế chứ không dám làm càn hơn nữa!

Trương Tôn Quyền vừa giận tím mặt vừa sợ đến run rẩy, hai môi bần bật chẳng nói ra lời, lát sau mới thẫn thờ vươn tay cầm con dao nhỏ lên xem xét, con dao này trong tay kỳ nhân nước Đại Cổ Việt trong khoảnh khắc cực ngắn đã theo chân thuật phi đằng vô ảnh mà cạo nhẵn râu cả bảy người êm nhẹ đến chẳng ai biết, thật là "không tận mắt nhìn thấy, không tự thân kinh qua, thì không thể nào tin được!". Nho sinh phó sứ Văn Kế sau cơn thảng thốt, lại vui vẻ nói với Phó vương Lê Hoàn :

– Thật là thế gian chẳng có đến hai người! Tài này thì chẳng phải là xúc phạm gì cả mà là "chứng nghiệm mở mắt cho kiến thức đây"! Hảo vũ thuật! Nước Đại Cổ Việt các ông có được mấy người như thế?

Hoàng đế giọng khiêm tốn đáp:

– Tôi tưởng ngài nói quá, khen tài kẻ thô lỗ chứ làm gì có việc mở mắt cho ai! Nước tôi nhiều võ phái, mỗi phái có một hay vài thuật kỹ riêng, thuật.Vô Ảnh Phi Đằng thì gần hết các phái ấy đều biết rành cả, lấy thuật ấy làm căn bản luyện tập cho bộ pháp di chuyển của võ nghệ, có gì hay lạ đâu!

Hóa ra như thế thì ở nước Đại Cổ Việt thuật Vô Ảnh Phi Đằng lại có nhiều người biết đến thế hay sao!? Thật là lạ! Thật là kinh hoàng! Phó vương Nhiếp chính chẳng để cho sứ bộ kinh ngạc lâu, ngài tiếp:

– Vừa rồi, kẻ gia nhân của tôi không cốt diễn trình thuật phi đằng tầm thường, mà y vốn có cây dao quý với phép "Bách Bộ Đoạt Mệnh Đao" cả cõi Giao Châu phải nể phục, y muốn khoe khoang tài nghệ ấy nên mới có hành động xúc phạm các ngài như vậy!

Lại như thế nữa ư?! Thế nào là "Bách Bộ Đoạt Mệnh Dao", vẫn Văn Kế hỏi:

– Dao pháp ấy thế nào?

Phó vương đáp:

– Nó vốn là đao pháp có một không hai của họ Bạch ở nước chúng tôi, từ khi người cuối cùng trong dòng họ ấy bỏ mạng trong trận đá ở núi Đồng Lư(*) thì đao pháp ấy mất hẳn, nhưng họ Giang lại bảo là y học được dao

---

(*) Xem trong MƯỜI HAI SỨ QUÂN để rõ về "thạch trận" và đao pháp có một không hai của họ Bạch.

pháp ấy, cho nên lấy thép trắng ở núi Tử Trầm, nhờ đạo sĩ ẩn tu trong núi chỉ dùng toàn trúc đốt lò luyện thành cây dao nhỏ cực sắc bén, có thể gọt đá như gọt khoai, không có khí giới nào đọ được. Vì thế họ Giang mới lấy tên là Trầm Trúc là cốt để kỷ niệm núi Tử Trầm với rừng trúc bị chặt hết dùng vào việc ấy. Nay y đem dao quý với đao pháp của họ Bạch y nói rằng "trong vòng một trăm bước chân, đao pháp ấy lấy mạng tướng giỏi trăm lần chẳng hỏng một" ra khoe khoang, thật là đáng phạt!

Trương Tôn Quyền cầm con dao thật thận trọng, như thể sợ dao báu có thể tự chuyển động mà làm hại đến tính mạng ông!

Phó vương Nhiếp chính lặng lẽ, đến lượt nho sinh phó sứ Văn Tài bảo:

– Phải chi ngày xưa dũng sĩ Kinh Kha sang Tần trong tay có con dao này, bản thân Kha biết được thuật Vô Ảnh Phi Đằng, thì ắt là mộng ước của thái tử Đan nước Yên đã được toại nguyện rồi, mà Kha không đến nỗi nát thây nơi cung điện nước Tần! Kinh Kha phụ lòng thái tử Đan chẳng qua là Kha không được như đầy tớ của các ông mà thôi!

Nghe Văn Tài nói thế, Phó vương vội đáp:

– Không phải! Kinh Kha ngày xưa là hào sĩ hiếm có ở đời, vì đại nghĩa thiên hạ dám một dao vào nơi hang rồng thiêng, sao lại bảo là chẳng bằng kẻ tôi tớ thô lỗ của tôi được!

Chánh sứ Trương Tôn Quyền muốn dứt việc cả bọn bị gọt nhẵn râu ria, lên tiếng hỏi:

– Vừa rồi, vũ nữ chuyển bước theo lời ca của đại hán, phát lệnh cho trận thế Thiên Địa ngoài xa, tôi có thấy nhưng không hiểu rõ những chuyển động ấy là thế nào?

Đây là trận pháp bí mật của riêng nước Đại Cồ Việt không thể tiết lộ cho bên ngoài biết được, Tống sứ hỏi chẳng qua là cốt để tránh việc chứ thật lòng thì tin là chẳng bao giờ nước Nam lại nói cho biết. Nào ngờ, Hoàng đế Phó vương lại mong muốn chờ đợi có dịp để "khoe" ra, cho nên nghe sứ hỏi thì vui vẻ đáp:

– Trận pháp ấy, chẳng phải là kỳ trận, chẳng qua chỉ là một trận nhỏ trong các phép chiến trận của nước tôi mà thôi. Đại nhân đã quan tâm muốn biết, tôi xin được nói rõ!

Rồi Phó vương lần lượt kể rõ mọi việc, từ địa thế chung quanh đại sảnh Hội Tướng với núi rừng sông ngòi như thế nào, từ đấy tiên đế đã bày ra thế trận có thể đem được cả sông núi biển rộng với rừng sâu vào trận. Càng nói, Phó vương dường như càng cố ý để lộ cho sứ bộ nhà Tống thấy rõ sức lợi hại của trận thế, rồi bảo:

– Trước, tiên đế lúc tung hoành trong thiên hạ, lần lượt đem binh tướng đi khắp cõi Giao Châu, ngài có lập lên những trận pháp thật lợi hại quả nhiên nhờ đấy mà thu phục được các nơi, đến khi ngài trao binh quyền cho tôi có dặn: "Lập một trận, lấy một thành, là điều bình thường, dễ dàng; lập được trăm trận có biển rộng, núi cao, rừng rậm, nơi đồng bằng ruộng vườn phẳng phiu sung túc lương thảo, hay chỗ đầm lầy hiểm trở khó có kế vận lương, thế mà dù quân đông trăm vạn vẫn thung dung, đấy mới là thần lược đả bại được cường ngoại, bảo tồn được giang sơn vạn đại an bình", thần võ của tiên đế quả nhiên giữ được cõi Giao Châu ngày ấy đang hồi đại loạn mà vẫn không lo binh ngoài thừa cơ tập kích, làm cho đức khai tổ nhà Tống lúc bấy giờ là bậc hùng tài cũng phải kiêng nể không dám xuất binh nam chinh là vì thế!

Phó vương có ý khoe khoang, làm cho chánh sứ Trương Tôn Quyền trong lòng quả thật đang lo lắng nhiều lắm, cũng phải hỏi:

– Ngày ấy, đức khai tổ còn chưa thật bình định được cả giang sơn, cho nên ngài không nghĩ đến việc xuất binh viễn chinh. Nay bốn phương bình định, trăm họ an bình, Thái Tông cho quân ra ngoài biên ải là điều "tiến tất thắng, trị tất an", thế thì những trận pháp của người trước liệu đối địch được như thế nào?

Phó vương đáp ngay như thể ngài đang đợi câu hỏi này:

– Nước trị ra quân là hành động tán quốc, trăm họ an lạc không lo bồi dưỡng lại mở chiến chinh có khác nào như "thấy dân giàu thì phải làm cho nghèo kiệt đi, thấy nước mạnh thì cố làm cho suy nhược đi "hay không? Người xưa người nay, có ai lại bảo "chinh chiến là diều làm cho dân giàu, nước mạnh lên được" đâu, các bậc minh quân đời xưa đều tránh chiến tranh, cho nên quốc kế không gì cao hơn là bang giao hòa hảo với các lân quốc. Nay, đức Thái Tông ngồi ở thâm cung, không rõ việc xa ngoài vạn dặm, chẳng thể nào thấy được những gì các ngài vừa mới thấy ở đây, chẳng biết được thiên hạ lợi hại thế nào, thử hỏi "trời đất cùng với người phương Nam cùng vào trận như các ngài vừa thấy, có binh ngoài nào đến mà lại chạy thoát chẳng tan", rồi giả thử "một dao Kinh Kha ngày trước, lại là trúc đao với Vô Ảnh Phi Đằng hôm nay, liệu bạo chúa Tần Thủy Hoàng dế có còn kịp rút trường kiếm để thoát thân được không"? May mà các ông đã thấy được tất cả, mai kia trở lại chốn thiên triều, hãy nên làm cho được cái điều đức Vạn Thế Sư dạy: "người quân tử làm chính trị, không làm việc chém giết", đem cái biết của mình ở nơi này để cố giải binh giải họa giúp đức Thái Tông, như thế mới là người quân tử, như thế chuyến đi sứ của các ông trăm ngàn vất vả hôm nay mới không là uổng công đọc vạn quyển, tri vạn sự!

Hoàng đế nói một hơi dài, trong lời phân trần xem ra có nhiều lời đe dọa, dọa việc chinh chiến thắng bại, lại dọa cả đến việc như của Kinh Kha ngày xưa sang Tần: hành thích Hoàng đế! Thật là quá thế, chẳng riêng một mình chánh sứ Trương Tôn Quyền kinh hãi, mà cả sáu văn nho thuộc cấp của ông cũng đều sởn da gà! Lẽ nào người nước Nam lại lớn gan to mật đến dọa cả thiên triều, nói chuyện xưa mà rõ ràng là ngầm đe dọa đến cả thiên mạng của Hoàng đế đương thời ở Trung Nguyên!

Văn Hoa liền hỏi:

– Như thế, thì nước Nam là nơi "văn thánh hội tụ, võ thần hiển oai "cùng nhau phù trợ minh quân hay sao? Nếu thế thì sao lại có cảnh nghìn năm Hán thuộc, nội bộ chẳng lúc nào yên, đến nay thì loạn thần giết vua đoạt ngôi, bao nhiêu là việc loạn kỷ cương, thế thì võ thần với văn thánh ấy có là thật hay không?

Từ ngày sứ nhà Tống xuống nước Nam cho đến lúc này, chỉ mới đây thôi sứ bộ mới có lời gièm pha người Nam, đem việc Bắc thuộc ra có ý làm nhục, lại trách mắng triều đình vua tôi nước Nam đương thời nặng lời đến như thế! Các quan văn võ nghe Văn Hoa nói, chẳng mấy ai còn giữ được bình tĩnh, ông nào cũng tỏ vẻ bất bình. Nhìn lại, Đại Hành Hoàng đế Lê Hoàn nghiêm nét mặt, ngài bảo:

– Phải, Trung Quốc từ thượng cổ, có thời nào lại không mở chiến tranh làm khổ khắp bốn phương trời, nước tôi chẳng phải chỉ có một cái nạn nghìn năm Hán thuộc, mà đời nào cũng bị Bắc phương gây sự, nghìn năm ngoại thuộc chỉ mới hết chẳng mấy xa, hùng tài dựng nước cũng phải đợi đến lúc phong thủy phát huy khí thiêng sông núi, thao lược muôn thuở mới xuất hiện, cho nên Lý Khắc Chính, Lý Tiến(*) mới phải ôm đầu bỏ chạy, bởi thế thái tử Hoằng Thao mới rụng đầu bên dòng Bạch Đằng, khiến Hán chủ phải bưng mặt khóc ròng, mỗi khi nghĩ đến việc bại quân chết tướng ở nước Nam lại thấy kinh hãi đến "ba ngày đêm bỏ ăn bỏ ngủ"! Đến khi Triệu đại tướng quân(**) quay binh hồi triều đoạt ngôi lập ra nhà Tống hiện giờ, Thái tổ sáng nghiệp còn phải run lòng không dám nghĩ đến việc nhòm ngó nước Nam, thế mà Thái Tông ngày nay lại cạn nghĩ, muốn xem cảnh "thái tử Hoằng Thao liều mạng bên sông" hay sao mà lại muốn khởi binh! Các ông vừa tận mắt chứng kiến: núi rừng sông

---

(*) Lý Khắc Chính, Lý Tiến là hai quan cai trị cuối cùng của nhà Nam Hán ở Giao Châu, hai ông này bị bộ tướng của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ nổi lên đánh đuổi, lập thế tự chủ cho nước, tự xưng là Tiết Độ Sứ.

(**) Tức Triệu Khuông Dẫn là người khai sáng ra nhà Tống.

biển nước tôi cũng biết nghe lệnh vào trận, lại thêm "dao bay vô ảnh" nhiều như lá tre rừng, liệu tôi nói những điều thật ấy, có là ngoa ngôn hay không?

Sứ bộ toàn là các nho gia thông kim bác cổ, những điều Lê Hoàn nói ra các ông đều đã nhờ vào sử sách mà biết cả, quả thật có như thế! Bây giờ, đôi bên cứ giằng dai tranh biện mãi, lỡ ra triều đình nước Đại Cồ Việt lại vì tức giận đổi ý, ra tay giết sứ thì triều đình nhà Tống tất chẳng thể cứu mạng cho các ông được, mà chiến tranh cũng không thể đổi khác đi được, chi bằng hòa hoãn là hơn!

Thế là Trương Tôn Quyền nói:

– Phải, nước nào chẳng có lúc trị lúc loạn, loạn là để lập lại trị, là điều bình thường, còn như "loạn là vì loạn" của mỗi triều đại thì là việc của mỗi nước. Chúng tôi vâng lệnh Tống đế mang chiếu thư xuống nước Nam phong tước, việc đã xong lại được triều đình nước Nam tiếp đãi trọng hậu, lại thật lòng chẳng giấu gì cho xem cả tài năng thần vũ, biểu diễn cho thấy tuyệt nghệ dáng nể, như thế là cũng đủ, sứ bộ chúng tôi cảm ơn lòng hiếu khách của các vị, xin triều đình thu xếp các hành động đáp chiếu để giúp cho sứ bộ chúng tôi hoàn thành sứ mạng đức thiên tử sai báo!

Thế là triều đình nước Nam có chiếu thư nhờ sứ giả mang về thiên triều, lại làm lễ tiễn sứ thật trọng hậu, cho binh tướng hộ dẫn lên tận ải Nam quan mà về nước.

Sứ bộ Tống triều ở nước Đại Cồ Việt trước là được hưởng thụ tràn trề mọi thứ khoái lạc ở đời, sau lại được mắt thấy tai nghe người nước Nam phô trương tài thánh võ, ra về tuy được tiễn đưa trọng hậu, thế mà chỉ đến khi qua được ải quan thì các ông mới thở ra nhẹ nhõm, chánh sứ Trương Tôn Quyền bảo:

– Thật là hút chết, ta không tin là bọn người Nam lại để cho ta ra về được yên lành, thế nào nó cũng hẹp hòi giết sứ! Ta nghĩ, một là nó chẳng biết gì, không biết là sắp mất nước, tin tưởng ở sắc phong với sứ bộ ta đi giao hảo cho nên mới tiếp sứ trọng hậu đến thế, chẳng thấy có phòng bị gì; hai là, nó gian xảo nham hiểm, ngoài mặt thản nhiên đãi đằng ta nhưng kỳ thực bên trong lại ra sức sửa soạn chiến tranh cũng không chừng!

Phó sứ nho sinh Văn Phong nói ngay:

– Đại nhân có điều sai lầm chăng? Nếu như nó dám gian xảo kín đáo sửa soạn chiến tranh, thì nó đã không để ta ra về, chẳng cần phải có chiếu thư tâu lên Hoàng đế nước ta. Tôi nghĩ: nó thật thà không biết sắp bị chết!

Trương Tôn Quyền bảo:

– Các ông quên việc nó bày đặt sai vũ nữ múa may làm hiệu để lập

trận, cố ý để ta biết tài thao lược của chúng hay sao? Nó lại thậm vô lễ, sai tên múa dao khoe tài đến cắt cả râu của ta, thì chẳng phải là nó ngầm đe dọa ta là gì, chúng khinh thường ta quá lắm! Giả thử, những trận pháp ấy mở ra thật, binh tướng của ta có thắng nổi không; lối chạy nhảy múa dao không hình không ảnh ấy, giả thử nó liều lĩnh sai vài đứa làm điều xằng bậy, thì liệu ta có thể thoát hiểm được không? Ta không nên xem thường chúng quá, mà nên làm cái điều nó nói: "đức Vạn Thế Sư Khổng Khâu có dạy: đạo của người quân tử là làm chính trị ", phen này về đến đế kinh ta nên trình hết mọi nhẽ để Hoàng đế biết mà cẩn thận là hơn!

Thế là sứ bộ từ đây yên lòng rong ruổi về kinh đô. Sứ bộ lên đường, tin trình về đế kinh nhanh lắm, Tống triều biết ngay.

Cũng trong lúc sứ bộ Tống triều lang thang hưởng thụ ở phương Nam, thì sứ bộ nước Đại Cồ Việt liên miên đón tin từ trong nước gửi đến, lại đáp tin chẳng còn thiếu việc gì của triều đình nhà Tống sứ bộ lại chẳng biết. Vì thế, một hôm Giang Cự Vọng bảo với phó sứ Trịnh Tú và Vương Thiệu Tộ:

– Cứ xem tình hình này, thì chắc chắn bọn ta không bị Tống đế hãm hại đâu, họ chưa cho ta về ấy chẳng qua còn sửa soạn kỹ lưỡng việc quân, vả lại chắc chắn sứ bộ của họ ở nước ta cũng chuyển tin về, chắc là có nhiều điều sứ giả tâu trình, cho nên Tống đế còn chưa có quyết lệnh! Tuy thế, sứ bộ ta ở Bắc Kinh cũng đã lâu, chẳng lẽ Tống đế lại giữ ta làm con tin trong khi hai nước giao chiến hay sao, sứ bộ ta nào có giá trị gì đáng để Tống triều phải giữ làm con tin đâu!

Đến khi được tin báo: triều đình Đại Cồ Việt sắp mở tiệc tiễn sứ, thì Giang Cự Vọng bảo:

– Đây là lúc nước ta đã sửa soạn xong, để cho sứ của nó ra về tâu trình mọi việc, thế nào Tống đế cũng sẽ sắp xét đến việc sứ bộ ta!

Quả nhiên, chỉ ít ngày sau, đã có tin lệnh đưa vào: Tống đế khai triều, cho gọi sứ bộ nước Nam vào nghe việc. Đến lúc này, thì Giang Cự Vọng lại nói cho hai phó sứ nghe:

– Giết ta thì chắc chắn nhà Tống không giết rồi, nhưng đe dọa hay dối trá để ta lầm lẫn thì cũng lại là chắc chắn có! Tuy vậy, ta cứ đề phòng những điều không thể biết trước được bằng cách: "trước khi qua được biên ải, chúng ta coi như đã chết rồi, vì thế không có gì phải nề hà ngập ngừng nữa", do vậy ông Trịnh Tú cứ đem theo gươm báu, nếu phải ra tay trước khi chết thì ông hãy tận lực một phen cho đáng với mạng của chúng ta nhé!

Rồi sứ bộ theo hiệu quan vào triều, hóa ra Tống đế hôm nay hội triều chỉ nói toàn điều tốt lành giao hảo, ngài phán với sứ bộ nước Đại Cồ Việt:

– Các ngươi mang lệnh của chủ lên thiên triều cũng đã lâu ngày, trẫm

cho sứ xuống Nam cũng chưa thấy có tin về, tuy thế trẫm nghĩ mọi việc cũng không có gì khó khăn, cho nên hôm nay cho gọi các ngươi vào triều, trước là ban lời khen thưởng công lao, sau là cho được dự yến trước ngày lên đường trở về nước!

Giang Cự Vọng tung hô vạn tuế, tâu:

– Thần, sứ giả nước Đại Cồ Việt như vậy là đã hoàn thành sứ mạng chủ giao, nay lại được đức thánh đế ban thưởng, chúng thần phen này về nước mang theo sắc chỉ hòa hảo bang giao, quả thật là một đại hạnh ít người được hưởng, chúng thần khấu đầu tạ ơn đức thánh đế!

Tống Thái Tông rất hài lòng, ngài sai chọn ngày mở đại yến ở Điện Hội Tân là điện để các triều Trung Nguyên đón tiếp đãi các sứ bộ của các nước chư hầu đến lạy mừng. Tống đế ban yến cho sứ bộ nước Đại Cồ Việt, lại cho triệu gần hết các quan văn võ trong triều cho cùng dự yến. Đức Thái Tông phán:

– Hôm nay, trẫm ban tiệc tiễn sứ, mọi việc bang giao đều đã bàn hết, có gì cần phán bảo thì đã có trong chiếu chỉ của trẫm gửi cho quốc chủ nước Nam, vì thế trong tiệc yến không được bàn đến việc gì ngoài những việc vui chơi, hưởng tiệc ban!

Tống đế lại đặc cách ban cho sứ bộ ba người được ngồi ở phía trên, gần ngự kỷ của thiên tử, ngài phán:

– Như thế, để tỏ ý trẫm thương nước Nam, lúc nào cũng muốn được thấy nước Nam yên lành, luôn luôn nhìn về phương Bắc để cầu được che chở!

Sứ giả Giang Cự Vọng lại tạ ơn Tống đế, rồi kín đáo bảo Trịnh Tú và Vương Thiệu Tộ:

– Lúc này còn trong mùa Hạ(*), khí trời oi bức, thế mà có nhiều quan võ dự tiệc yến lại nhung phục kín mít như sắp đi trận, như thế tất có ý, Trịnh tướng quân nên chú ý đề phòng!

Trong tiệc, ngự tửu ban phát cho tất cả các quan, vua tôi thật vui vẻ, Tống đế phán:

– Ở đâu có người, là ở đấy có rượu, rượu thì nhiều, ngon cũng có mà dở cũng có, thiên hạ nói: "chỉ có rượu của Trung Nguyên là hơn cả", hôm nay trẫm ban rượu Trung Nguyên cho các người phương Nam được hưởng mà lại là "Trung Nguyên Ngự Tửu" thế thì các ngươi hãy uống đi rồi tâu trẫm nghe xem rượu ngự này thế nào?

(*) Lúc ấy là vào mùa Hạ năm Canh Thìn (980 – Lê Đại Hành Hoàng đế năm Thiên Phúc thứ 1; nhà Tống là năm Thái Bình Hưng quốc thứ 5). Đến tháng Ba mùa xuân năm sau (981) thì đại quân Tống mới vượt ải tiến đánh nước Đại Cồ Việt.

Triều thần tung hô vạn tuế, rồi vâng lệnh tất cả cùng nâng chén. Mỹ tửu Trung Nguyên vốn đã nức tiếng, bây giờ lại uống đến hạng ngự tửu thì ắt hẳn là dưới thế gian này khó có thứ rượu nào ngon hơn được nữa! Sứ bộ ba người cùng các quan uống xong chén ngự tửu, thì Vương Thiệu Tộ chỉnh lại khăn áo, đứng lên kính cẩn tâu:

– Muôn tâu thánh đế, thần, phó sứ Vương thị(*), từ lúc được cha mẹ ban cho cuộc đời, cho đến lúc này lần đầu tiên mới uống rượu, biết thế nào là rượu, quả thật lạ lùng.

Tống đế cùng tất cả triều thần của ngài bật cười, trên đời này lại có người quan cao chức trọng, văn học nói là uyên bác, thế mà trong đời lại chưa từng bao giờ biết đến mùi vị của thứ "mê thủy" là rượu thì quả thật là lạ!

Còn Giang Cự Vọng với Trịnh Tú thì cũng lấy làm lạ, hai ông thừa biết Vương Thiệu Tộ danh tiếng với tật thích rượu, là tay sành rượu hiếm có ở đời, thế mà không hiểu ông dịnh giở trò gì ở nơi tôn nghiêm này để nói là chưa từng bao giờ biết hương vị rượu ra sao!

Tống đế phán:

– Hay lắm! Hôm nay ngươi mới được biết thế nào là rượu, mà lại là thứ ngự tửu của Hoàng đế Trung Nguyên! Vậy, ngươi thấy rượu thế nào?

Vương Thiệu Tộ lấy vẻ mặt hết sức cung kính, lại chẳng thiếu nét băn khoăn, tâu:

– Muôn tâu thánh đế, thần thấy thật khó tâu trình, hóa ra rượu là như thế!

Cả điện im phăng phắc, ai cũng thắc mắc không hiểu "rượu là như thế" là thế nào, tại sao lại khó tâu trình?

Tống đế phán hỏi:

– Khanh cứ tâu, khó đến đâu trẫm cũng nghe được!

Giang Cự Vọng như chợt xúc động tâm cơ, ông kín đáo liếc mắt có ý bảo Vương Thiệu Tộ hãy cẩn thận, nhưng Tộ làm như không thấy cái đưa mắt của Giang Cự Vọng, ông cung kính vái Tống đế một vái rồi mới thủng thỉnh tâu:

– Muôn tâu, thần thấy khó nói là ở chỗ: xưa nay khắp cả thiên hạ đều mê rượu, có người còn đem rượu lên hàng "tôn đạo", thờ rượu còn hơn cả thờ tổ tiên thần thánh, có người vui vẻ đổi mạng chỉ lấy một chén

---

(*) *Phó sứ họ Vương.*

rượu, tất rượu phải là mê dược hay tiên dược thế nào mới có cái sức chế ngự, ban phát ân sủng đến như thế! Hôm nay, trong tiệc được đức thánh đế ban đại ân, cho được uống đến hàng Trung Nguyên ngự tửu, tất phải là thứ rượu "phi tiên thánh tất danh nhân việt chúng" phúc nhà lớn lắm mới được thưởng thức, thế mà thần uống vào thấy "thiên đình thủy" còn đậm đà hơn, "lục thủy phù du hoa" có khi còn hương vị hơn! Trung Nguyên ngự tửu uống vào thấy tinh thần choáng váng, khí huyết đảo lộn, có lẽ nào thứ nước từng được tôn thờ lên hàng "đạo" ấy lại chỉ là như vậy nói gì đến những thứ thường tửu nữa! Thành ra thần không biết phải tâu trình về rượu này là thế nào?

Không còn ai lại chẳng kinh ngạc với những lời lẽ của Vương Thiệu Tộ, Giang Cự Vọng thầm than khổ trong lòng, chỉ một mình Trịnh Tú là mặt không đổi sắc hay đổi nét.

Tống đế hỏi vội:

– Như thế thì ngự tửu của ta chẳng ra gì! Hoặc là ngươi chỉ là hạng "trâu uống nước đục" chẳng hiểu thế nào là rượu cả! Thế còn những "thiên đình thủy" với cái gì "lục thủy phù du hoa" là thứ nước gì? Tâu rõ trẫm nghe!

Chính Giang Cự Vọng với Trịnh Tú cũng chưa từng nghe nói đến hai thứ nước lạ này của Vương Thiệu Tộ, không hiểu ông định ám chỉ thứ nước gì đây, lỡ ra nói quá xúc phạm đến Tống đế thì "lẽ ra còn mạng hóa ra mất mạng cả bọn cũng không chừng!" Nhưng xem ra Vương Thiệu Tộ lại có vẻ rất ung dung, ông vẫn kính cẩn tâu:

– Muôn tâu thánh đế, thần cầm tinh tuổi Sửu, quả thật là tuổi con trâu, đúng là trâu uống nước đục vũng bùn, cho nên mới không cảm thấy được rượu ngon thần tiên như thế nào! Muôn tâu...

Tống đế nghiêm vẻ mặt, ngài phán:

– Ngươi xuất thân văn nho, đọc vạn quyển, tất thấy các danh sĩ trong thiên hạ nói đến rượu, thế mà chẳng nghiệm được thế nào là rượu, còn viện cớ cầm tinh con Trâu để chê bai ngự tửu của trẫm, rõ ra là có ý ngạo mạn, khi quân!

Giang Cự Vọng kinh hãi, Vương Thiệu Tộ vội vàng nâng khăn đặt xuống sàn điện, cung kính tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, đúng như lời thánh đế phán bảo, thánh văn nho sinh trong thế gian nói đến rượu nhiều lắm, thần có được đọc, toàn là những lời hay ý đẹp xưng tụng rượu, thế mà thần thiệt thòi từ lúc cha mẹ sinh ra không hiểu vì sao bụng dạ chẳng thể nào ý thức được hương vị thần tiên của mỹ tửu, thành ra vì thế càng đọc văn thơ ca tụng

rượu thần càng cố tìm cách biết cho được hương vị rượu, thế mà chẳng thể nào đạt được ước muốn! Đến khi nghe đức thánh đế ban ngự yến, trong lòng đinh ninh là thế nào cũng được thưởng thức ngự tửu, nhờ thứ rượu tiên hiếm có ấy mà biết được hương vị rượu chăng! Rút cuộc, trâu uống vũng nước đục vẫn thấy không khác gì uống nước ngọc tuyền là thế! Thần tự thấy thương mình thiệt thòi! Quả thật không phải là thần dám có lời lẽ khi quân!

Nếu như trên đời này lại có người không có cái giác niệm về một thứ gì, như Vương Thiệu Tộ cho dù uống đến cả vò cũng không thể nào cảm giác được hương vị rượu là thế nào, thì chẳng còn cách gì để trách ông ta được, vì thế khi nghe họ Vương tâu trình có vẻ thành thật, thì Tống đế lấy làm lạ, liền phán:

– Trẫm không tin là trên đời này lại có kẻ không làm sao nhận biết được hương vị rượu như thế nào? Cho dù không thể nhận biết được, chẳng khác nào như con trâu uống nước đục hay uống ngự tửu cũng thấy chẳng khác gì nhau, thì nhất định nó uống rượu tất cũng phải say, nhà ngươi không thấy được hương vị của rượu thì ta nhất định rượu cũng phải làm cho ngươi say! Vậy, nếu đã thế ngươi hãy uống hết một bình "Thanh Hư ngự tửu" của trẫm xem sao!?

Cả triều đình văn võ các quan Tống triều xôn xao, có người tỏ ra hí hả, có người lại có nét mặt ưu tư khiến cho Giang Cự Vọng tự nhiên thấy lo lắng vô cùng! Tống đế sai Vương Thiệu Tộ phải uống hết cả một bình rượu lớn chứa có đến một đấu lớn, một bình như thế có thể rót cho hai mươi người mỗi người hai chén cũng có khi chưa hết, làm sao Vương Thiệu Tộ uống cho được! Lại thêm ngự tửu của Tống đế nhất định phải là thứ rượu hiếm có ở đời, thêm cái tên "Thanh Hư" của rượu tất ám chỉ sức mạnh của nó vừa mạnh vừa êm đềm vô cùng, vì thế cũng nguy hiểm chẳng biết đến thế nào! Giang Cự Vọng lo lắng lắm, nhìn ra vẫn thấy Vương Thiệu Tộ thản nhiên, rõ ra ông chẳng có chút gì bận tâm, rồi ông quỳ xuống tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, trâu uống nước đục quen lưỡi, bây giờ đem thứ Thanh Hư ngự tửu cho uống, thần e rằng uổng mất thứ rượu báu, chi bằng để ban cho các quan có phải là ân đức của thánh đế càng nồng nàn hơn không?

Chẳng biết ý Vương Thiệu Tộ định thế nào, nhưng khi nghe thấy ông tâu như thế thì Tống đế lại tin chắc là ông không dám uống, tìm cách trốn tránh, ngài liền phán:

– Phải, trâu uống nước đục quen lưỡi, uống ngự tửu cũng thế thôi. Rượu quý trẫm có vạn bình, đổ đi một bình cũng chẳng sao, ngươi cứ

uống, ân đức của trẫm lúc nào cũng rộng lớn, các quan bốn mươi người uống một bình tiếp ngươi!

Rượu mang đến, Vương Thiệu Tộ hai tay dỡ bình rượu lớn, tạ ơn Tống đế, rồi ngồi xuống thản nhiên vâng lệnh rót rượu ra bát lớn. Nhìn cử chỉ của phó sứ, không quan nào lại chẳng thấy vừa thương vừa lạ lùng! Uống hết một bình rượu ấy, có khác gì phó sứ tự chuốc lấy cái chết, làm sao các kinh mạch trong con người nho nhã trung niên phó sứ nước Đại Cồ Việt chịu nổi khỏi bị tan nát! Nhưng, lệnh vua kẻ thần tử không thể không tuân theo! Giang Cự Vọng bấn loạn trong lòng, mấy lần ông dưa mắt có ý hỏi hay ngầm bảo Trịnh Tú xem có cách nào để triệt phá bình rượu ngự đi, lần nào cũng chỉ thấy Trịnh Tú thản nhiên, thì chánh sứ càng thêm sợ, đến khi thấy Vương Thiệu Tộ bưng bát rượu lên, cung kính hướng về Tống đế tạ ơn rồi thản nhiên ngửa cổ uống, thì ông thấy nghẹn trong cổ, như thể chính ông uống thứ "thuốc độc" ấy chứ không phải là họ Vương!

Đại điện im phăng phắc, trăm cặp mắt dồn cả vào Vương Thiệu Tộ. Ông uống xong bát thứ nhất, thản nhiên nghiêng bình rót bát thứ hai trước cả trăm cặp mắt kinh lạ đến sững sờ. Trên ngai rồng, Tống đế ngồi lặng, ngài chợt thấy thương cảm, cho là phó sứ vì vâng lệnh ngài mà uống rượu thế nào cũng không tránh khỏi cái chết oan, ngài toan lên tiếng bảo ngưng, thì Vương Thiệu Tộ đã lại nâng bát ngửa cổ uống!

Thật là lạ lùng! Trên từ đức Thái Tông xuống đến hết thảy các quan văn võ, sứ bộ, đều kinh hãi, có lẽ nào lại có thể như thế được? Nhưng, sự thật đúng là như thế, phó sứ đang ngửa cổ và bát rượu thứ hai đã hết, ông lại nghiêng bình rót tiếp bát thứ ba!

Chỉ trừ có Trịnh Tú với Giang Cự Vọng là không hiểu rõ dẫn lực của thứ "Thanh Hư ngự tửu" của Tống đế, còn thì cả triều nhà Tống biết rõ, và lần đầu tiên thấy có người uống được chẳng phải là chén thứ hai mà là hết bát thứ hai, đang sang bát thứ ba! Và, Vương Thiệu Tộ cũng đang biết!

Thanh Hư tửu, là thứ rượu không phải là nấu bằng các loại ngũ cốc, nó là thứ "mê dược ma hắc diệp "của giống người vùng sơn cước tận mãi Tân Cương xa xôi heo hút, người ta lấy lá cây mọc ở những khe núi khe suối quanh năm chẳng có bóng mặt trời, rồi đem ủ với men nấm trắng như bọt tuyết bọc quanh cây "tầm ma gai xanh"(*), đợi khoảng hai tuần trăng khi lá ma hắc diệp bị men nấm trắng ăn nát thành thứ bột nhão như phấn thổ, thì lại đem bột ấy bọc vào trong lá ma hắc diệp, bỏ vào trong hũ dài, lấy nước suối "Long Tuyền" ngâm, lấy lá cây mây mọc ở núi Vu

---

(*) Ở nước ta nhiều dân tộc ít người cũng dùng các loại cây cỏ để ủ thành rượu, thường gọi là "rượu cần".

Sơn làm nút đậy cho kín rồi đem chôn xuống lòng suối lạnh trọn một năm, lấy hũ lên mở ra, thấy hương thơm ngào ngạt, nước trong hũ trong còn hơn cả nước mưa hứng giữa trời cao lại thoáng có ánh xanh nhạt của sắc gai tầm ma. Người ta gọi thứ nước này là "mê thánh tửu", người tửu lượng vào hàng cự phách chịu nổi ba chén nhỏ là cùng, lúc uống vào rượu qua cổ là thấy ngay hương thơm như một làn gió thoảng lan lỏi khắp các kinh mạch, thấm sâu vào lục phủ ngũ tạng, uống một chén thì tinh thần sảng khoái sáng láng lâng lâng như thể ở nơi tiên cảnh trên thượng giới, uống chén thứ hai thì văn nho có thể đọc vạn quyển thông suốt không biết mệt mỏi, tinh thần cực sáng đọc đến đâu liền nhớ văn sách đến đấy ngay, uống đến chén thứ ba thì tay "dũng tửu" cũng phải mê man chìm trong khoái lạc liền mấy ngày mới tỉnh. Quá ba chén, thì chưa có ai được thử hay dám thử! Vì thế, các quan mới dâng mỹ hiệu "Thanh Hư" cho thứ rượu này, ý nói là thứ rượu thánh tuyệt tinh khiết gột rửa tâm hồn tửu đồ khiến được trong sạch như thể "chưa bao giờ có mặt ở cõi trần này", hoặc giả như thứ rượu của Ngọc Hoàng Thượng Đế cất giữ ở cung Thanh Hư trên thiên đình chỉ đem ban phát lúc thiên đình có đại lễ mà thôi!

Rượu quý này, đức khai tổ đại Tống là tướng quân Triệu Khuông Dẫn lúc mang chúng binh tướng đi tung hoành khắp thiên hạ phát giác ra, từ đấy Trung Nguyên mới biết đến thứ rượu này.

Bây giờ, phó sứ nước Đại Cồ Việt lại nghiêng bình trút rượu Thanh Hư đến bát thứ ba mà uống, thì quả là một việc lạ lùng cổ kim chưa thấy ở chốn tôn nghiêm này!

Bát rượu thứ nhất chậm chậm trôi qua cổ, Vương Thiệu Tộ thấy như có cả một vùng trời đất núi rừng bao la theo dòng suối mạnh ào ạt tràn qua một lối hẹp, rồi tranh nhau ùa vào các kinh mạch, toàn thân ông cho đến tận chân từng sợi tóc ở trên đầu, từng chót mỗi móng tay, tất cả như hiển hiện cả trời cao đất rộng với núi rừng sông suối, tinh thần cực sảng khoái tinh tế lạ kỳ! Trong trạng thái thần tiên ấy, ông uống bát Thanh Hư mê tửu thứ hai, lần này thì Vương Thiệu Tộ thấy rõ mười-hai kinh qua hai-trăm-tám-mươi-chín huyệt, hai mạch với 28 huyệt Đốc 24 huyệt Nhâm, tất cả có huyệt mở, huyệt đóng, khiến cho nguyên khí tràn đi xung mãn lạ kỳ, huyết dịch lưu thông như trường giang đang ào ạt tuôn ra biển rộng, chưa bao giờ ông lại thấy cơ thể có một sức mạnh diệu kỳ đến như vậy, cơ thể này là toàn hảo không có một khiếm khuyết nào làm mầm mống cho suy vi theo lâu dài của thời gian, lạ lùng thay! Hào hứng thay!

Phó sứ như chẳng còn biết mọi sự ở chung quanh, ông đang ở đâu, chẳng thấy Tống đế, chẳng thấy trăm quan văn võ, cũng chẳng còn thấy thân phận mình lúc này, tất cả là toàn hư, tuyệt đối chẳng có gì vướng

bận trong cuộc đời, hai mắt ông nhìn vào khoảng chân không tuyệt đối, tinh thần hoan lạc dẫn dắt cho cảnh vật chẳng có thực tùy ý hiện ra!

Bát rượu thứ ba trôi qua cổ, sức dẫn của thứ mê thần ma tửu như chống lại hết thảy những khai triển phong bế tất cả các kinh huyệt của hai bát rượu trước, mắt đang nhìn vào mãi chốn chân không thăm thẳm cực quang đãng, tự nhiên chói lòa rồi tối xầm lại, Vương phó sứ thấy toàn thân tê liệt mắt vẫn mở mà không chớp được, tay cầm bát mà mười ngón như chuyển thành gang thép cứng đến không thể động đậy, ông dã biến thành tượng gỗ, cảm thấy tất cả mọi hoạt động của lục phủ ngũ tạng đình chỉ hoàn toàn, đến hơi thở cũng tắt, máu ngừng chảy, tuyệt nhiên không còn cảm giác gì, nhưng thần trí thì lại cực sáng suốt, như thể tinh hoa của cả cuộc đời tích tụ cô đọng lại ở chỉ một điểm cực nhỏ, giúp sức cảm nhận của ông cực kỳ tinh mẫn siêu việt rõ ràng chẳng phải là chính ông nữa, mà là một trạng thái người đời thường nói:"trăm năm thu lại một giờ, tinh hoa trời đất tích tụ" làm thay đổi con người ông từ trí tuệ đến thân xác, ông thấy như thể đang ở trong một thế giới huyền nhiệm nào, không vui, không buồn, không ước muốn, không còn một quyến rũ nào ở nơi trần thế lại có thể mê hoặc lôi cuốn được ông. Thật là lạ kỳ, và trong trạng thái vong thân xuất thần ấy, hai cánh tay Vương nho gia như có huyền lực ngoại siêu nào điều khiển, ông thản nhiên nghiêng bình trút hết rượu ra bát, bình ngọc chứa đúng bốn bát, mỗi bát như thế là được mười chén, ông nâng bát thấy rượu như trút hết vào cơ thể chứ chẳng phải là uống qua cửa miệng. Bát rượu thứ tư, không còn hương vị gì là của rượu nữa, Vương Thiệu Tộ(*) thấy rõ ràng ông uống một thứ nước tinh khiết thoảng hương thơm của sương đêm đọng trên lá sen trắng, lạnh như băng, dòng nước len lỏi khắp các kinh mạch giải tỏa tất cả mọi khai triển phong bế dẫn tụ lạ lùng của ba bát rượu trước, đưa ông trở lại con người bình thường!

Giữa đại điện Hội Tân, trong buổi chiều tà ngày hôm ấy, giữa trăm ánh lửa bạch lạp, trăm cặp mắt chú cả vào phó sứ nước Nam xem điều lạ chưa từng thấy, chẳng một ai biết: áo trong của Vương Thiệu Tộ ướt dầm sau bát rượu thứ tư, rượu uống vào thấy lạnh như nước băng tan thế mà

(*) Người đời kể rằng: sau này, lúc trở về nước, Vương Thiệu Tộ có thái độ khác hẳn ngày trước, sau ông từ quan về ở ẩn, ngao du khắp các nơi núi rừng, khi ẩn khi hiện, chập chờn như thể chưa hề có ông, rồi hình ảnh ông tan vào núi cao rừng sâu nơi nào dấy chẳng ai còn thấy dâu nữa; rồi có người báo gặp ông lập am ở núi Long Tương (huyện Bàn Thạch, đạo Hà Tĩnh) rồi đi về phía đông nam của núi đứng nhìn vũ trụ mà hóa thành đá, người địa phương gọi tượng núi đá ấy là "núi Tiên Sơn", bèn dựng đền thờ, ngày nay vẫn còn dấu tích.

tiên sinh lại xuất hạn dầm dề, sức nóng từ trong đẩy ra ngoài, kết tụ khí lạnh thành nước thấm đẫm áo! Thật là cổ kim chưa từng thấy!

Vương Thiệu Tộ choàng tỉnh, thần trí trong một thoáng hoang mang cực ngắn thì định lại được ngay, tất cả mọi việc diễn ra cực nhanh chỉ trong một chớp mắt là ông hiểu hết, liền cung kính vòng tay tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, vâng thánh lệnh thần đã ân thụ trọn một bình thánh tửu! Quả thật là diệu kỳ, từ đây trâu đã biết rượu là thế nào, thần đã đi từ cõi người ta vào cõi chết rồi trở lại đất sống, bây giờ thì biết được rượu: nơi người quân tử thì rượu là kẻ dầy tớ trung thành, nơi kẻ phàm phu thì rượu là dao nhọn đưa vào tay kẻ cường đồ! Người quân tử không đem danh dự của mình nhờ cậy vào tay kẻ tôi tớ, kẻ cường đồ không cần phải có dao nhọn mới là quân đạo tặc! Rượu là thế, thánh tửu nơi đế điện tôn nghiêm hay rượu bày nơi kẻ chợ cũng chỉ là rượu mà thôi!

Vương Thiệu Tộ uống một lúc hết một bình Thanh Hư ngự tửu của Tống đế đã là việc cổ kim chưa từng thấy, rồi lại bảo ngự tửu hay rượu bày nơi kẻ chợ cũng chỉ là rượu mà thôi, rõ ràng họ Vương xem tiên tửu của Tống đế chẳng ra gì, khinh bỉ đến thế là cùng cực, thế gian chưa có một ai lại dám giữa triều đình Trung Nguyên nói ra những lời lẽ như vậy! Tống đế hoang mang đến sững sờ, triều thần nhà Tống thì nhìn họ Vương như thể nhìn một quái vật mới từ âm ti chui lên hay là thiên thần thiên tướng mới từ thiên đình bước xuống!

Tống đế hiểu rõ thứ rượu Thanh Hư của ngài, chỉ một bát thôi lẽ ra phó sứ nước Nam cũng phải tan nát hết kinh mạch, chết ngay tại chỗ mới phải, thế mà ông ta lại uống đến bốn bát, trọn một bình, đã chẳng chết mà xem ra lại còn tỉnh táo hơn trước, thì dù lời bình phẩm của ông ta có thế nào chăng nữa Tống đế cũng không thể nào bắt bẻ vào đâu được, ngài phán:

– Trẫm không nghe tiên đế nói có ai dám uống đến ba chén rượu Thanh Hư mà lại chẳng ngã hại, cũng lại chưa thấy có ai dám thử quá bốn chén để tự hủy cuộc đời mình, thế mà khanh uống được hết một bình thì trẫm chẳng còn điều gì để trách "trâu uống tiên thủy vẫn thấy chẳng khác gì thứ thủy trọc nê (nước bùn đục)"! Đây là dị sự trong đời trẫm! Khanh muốn trẫm ban thưởng thế nào?

Vương Thiệu Tộ còn muốn được ban thưởng gì nữa, nhân men ma tửu như còn tàng ẩn tận chỗ sâu xa nhất của các kinh mạch, ông liền tâu:

– Vi thần[*] phạm tội làm hại cả một bình ngự tửu hiếm có của đúc

---

(*) Tự xưng mình là một thần tử, chức quan bé nhỏ, một lối nói nhún nhường.

thánh đế, thế mà đã không bị trách phạt lại còn được thánh đế ban thưởng, rõ ràng là ân sủng của đức thánh đế bao la, thần chỉ xin được thấy ân sủng bao la ấy dội khắp thế gian, làm cho trăm họ ở muôn phương được sống thanh bình, chẳng bị oan khổ vì nạn gươm đao, như thế chẳng phải là ân sủng ban phát đã đầy đủ rồi sao!

Vương Thiệu Tộ khinh mạn Tống triều đến như thế, vậy mà vẫn không quên đón từng cơ hội nhỏ một để cố tiếp tay với cả sứ bộ để cứu cho đất nước thoát họa binh đao, hoặc ít ra cũng làm cho tai nạn ấy chậm lại!

Tống đế nghe Vương Thiệu Tộ tâu, ngài nghĩ ngợi lắm, rồi phán:

– Phải, ân sủng nên ban phát rộng rãi, đã vui nên càng thêm vui! Trẫm ban cho các khanh ai uống được ngự tửu của trẫm đến đâu cứ uống! Phó sứ nước Nam là người duy nhất ở trên thế gian này làm được điều từ tiên đế cho đến đương thời chẳng ai làm được, như thế đã là đủ lắm rồi, trẫm sẽ có ban thưởng riêng! Sứ bộ các người có ba người, hai văn quan thì trẫm đã biết, còn người thứ ba là đại tướng nào, có gì tâu trình lên trẫm?

Tống đế lờ đi không phán lời nào về cầu xin của Vương Thiệu Tộ "tránh cho trăm họ nạn binh đao, chiến tranh", quay sang hỏi người thứ ba trong sứ bộ, khiến cho Vương Thiệu Tộ không còn cơ hội để nói năng hay thi thố thủ đoạn nào nữa, ông đành ngồi im trong lòng ấm ức! Còn Giang Cự Vọng thì thắc mắc vô cùng về những việc trước mắt. Trịnh Tú nghe Tống đế phán hỏi, vội đứng lên, thân thẳng như cây thông già trên đỉnh núi chứ không cúi lạy, ông tâu:

– Tâu đức thánh đế, thần tạ ơn thánh đế ban cho hai tiếng "đại tướng" thần mơ ước cả đời cũng chẳng được! Thần họ Trịnh, tên Tú, tài năng kém cỏi nên theo hầu sứ đợi nghe sai bảo vặt vãnh mà thôi.

Cặp mắt Trịnh Tú hơi sâu long lanh sáng như có hào quang trên gương mặt đẹp như tượng tạc, con người này làm sao lại có thể là một kẻ kém cỏi theo sứ bộ chỉ để nghe sứ sai bảo lặt vặt được! Chiếc áo vóc màu xanh rêu hoa cúc chìm thẳng tắp trên thân hình dong dỏng cao với dải thắt lưng nhiều dỏ chói, làm cho vóc dáng Trịnh Tú có vẻ rất nhẹ nhàng khinh khoái. Tống đế cũng như các quan tự nhiên thấy có cảm tình với nhân vật này.

Người đi theo sứ bộ làm công việc gìn giữ an toàn cho sứ, tất phải là tay võ học vào hàng thượng thặng mới được chọn đi, làm sao lại có thể chỉ là một thân phận nhỏ mọn sai vặt được, vả lại người này lần nào cũng đi cùng chánh phó sứ, xem ra thân phận chẳng phải là nhỏ ở nước Nam. Vì thế, khi nghe Trịnh Tú tâu trình, Tống đế vui vẻ phán:

– Ngươi thân phận bé nhỏ, trẫm đã phong chức "đại tướng" thì từ đây ngươi được chức phong ấy ở nước Nam!

Ý lành của Tống đế tuy có, thế mà vẫn để cho ý xấu có cơ hội hoành hành, bởi vậy mà ngài vừa muốn thử tài con người "đại tướng" ngài mới phong, vừa muốn gỡ lại những gì với cả một bình ngự tửu qua sự lạ phó sứ, ngài nghĩ nhanh: "thế tất, con người này bản lĩnh cũng không kém, nước Nam lắm người tài, triệt hạ được kẻ nào cũng là một điều tốt cho binh tướng của ta mai sau", vì vậy ngài phán:

– Ngự tửu của trẫm, người duy nhất trên thế gian này là phó sứ họ Vương uống hết một bình mà tinh thần vẫn sáng láng, đấy là một kỳ sự chẳng có hai lần trong đời trẫm! Trẫm vừa mới phong "Đại Tướng nước Nam" cho một tướng, cũng phải ban ngự tửu để tướng ấy uống mừng!

Rồi Tống đế ra lệnh ban cho Trịnh Tú ba chén Thanh Hư ngự tửu, ngài phán:

– Bản triều từ đức khai tổ đến trẫm, ban ngự tửu nhiều lắm là ba chén, hiếm có người uống nổi ba chén, vậy trẫm tuy ban cho Đại Tướng nước Nam ba chén ngự tửu Thanh Hư, nếu Đại tướng uống được đến đâu cứ uống, trẫm không ép, nhất định là Đại tướng nước Nam chẳng thể nào như phó sứ được!

Trịnh Tú tạ ơn, tâu xin chỉ nhận một chén Thanh Hư mà thôi, ông tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, quả thật thần rất kém về tửu lượng, đại ân thánh đế thần xin chỉ dám uống một chén mà thôi, như thế cũng đã là hai chén rồi!

Đúng thế, Trịnh Tú cùng tất cả các quan lúc nảy đã cùng nhau uống một chén ngự tửu, men rượu hầm hập trong cơ thể muốn dẫn mạch mà ông cảm thấy như có gì ngăn cản, không hiểu tại sao lại thế, bây giờ được ban thưởng mừng chức phong "Đại Tướng nước Nam" ông vẫn thận trọng, không dám nhận uống nhiều thứ rượu lạ là vì thế!

Tướng quân Trịnh Tú thận trọng, thì sự thận trọng ấy lại làm cho đám các quan võ Tống triều càng thêm quyết liệt, và chén ngự tửu đem đến cho Trịnh Tú lại là một võ quan giáp phục đầy đủ. Tướng này bưng chén rượu đến trước Trịnh Tú nói:

– Võ quan Tống triều vâng lệnh Hoàng đế ban rượu thưởng cho Đại Tướng Nước Nam, chúng tôi xin được giành vinh dự bồi tửu!

Thật là điều lạ, Tống đế cũng thấy điều khác thường này, nhưng ngài chẳng phán bảo gì. Giang Cự Vọng trong lòng bấn loạn chẳng biết phải làm thế nào, cứ tình hình này thì rõ ràng chén rượu không phải là bình thường. Và, Trịnh Tú tâm cơ sáng suốt, thân làm tướng vào ra trăm trận

nhưng chẳng phải vì thế mà kém phần tinh tường nhận xét mọi việc, ông đỡ chén rượu trên tay vị tướng nhà Tống, hướng về phía Tống đế tướng quân giọng kính cẩn mà rắn rỏi tâu:

– Thần tạ ơn thánh đế ban ngự tửu!

Rồi quay sang vị tướng, ông nói:

– Chúng ta là người cưỡi ngựa vào ra chiến trường, người ngựa cùng nhau chia xẻ sống chết, ở đây là chốn điện triều tôn nghiêm chẳng có ngựa trận để chia sẻ vinh nhục, vậy xin đem vinh dự này chia sẻ với ngọn dao tùy thân!

Tướng quân thản nhiên lấy trong mình ra con dao nhỏ, lưỡi dao dẹp hơi cong cong như hình lá liễu. Đây là cây gươm báu "Định Thiên" không kể chuôi thì lưỡi gươm dài chỉ hơn một gang tay, nước thép trắng như bạc đánh bóng, gươm báu mỗi khi đâm chém không bao giờ dính máu, lại thêm chuôi gươm làm bằng sừng tê giác trăm tuổi có huyền lực trị thương tên độc cực hiệu quả, Trịnh Tú nhờ cây gươm "Định Thiên" này mà ngày trước theo chân Đinh Tiên Hoàng dế vào ra trận mạc mấy lần trúng thương tên độc lần nào tính mạng cũng được an toàn.

Lúc này, nhận chén ngự tửu trong hoàn cảnh khác thường, lại thêm có lời kín đáo dặn trước của Giang Cự Vọng lúc mới vào tiệc, ông không làm sao từ chối chén rượu được, thì tâm cơ chuyển động nhớ đến gươm Định Thiên có chuôi sừng tê giác trị độc, thôi thì đành cứ liều đem ra trước là thử xem sao, cũng là để cảnh cáo cho đám võ quan biết trong tay ông có gươm báu, sau là nếu cần ra thì thanh gươm nhỏ tất cũng giúp được nhiều việc.

Tống triều thấy tướng nước Đại Cồ Việt cầm cây gươm nhỏ óng ánh sắc sáng bạc, cũng chẳng quan tâm với cây dao, nhưng trăm cặp mắt nhìn cả vào chén rượu, thế nào rượu cũng có độc!

Trịnh Tú chấm ngọn Định Thiên vào chén ngự tửu, ông nghe người ta nói: nếu trong rượu có độc, sắc thép gươm báu thường đổi màu, lúc ấy sẽ ra tay!

Nào ngờ, ngọn dao Định Thiên nhúng vào ngự tửu đầy tinh độc lá ma hắc diệp với nhựa tầm ma gai xanh vùng núi Tân Cương, lại thêm nhất định trong rượu có thuốc độc của các quan võ hòa vào, thì Trịnh Tú ruột gan có là ống đồng hay gang đúc cũng phải tan nát, thế mà mũi nhọn cây Định Thiên báu gươm vẫn sáng choang, không một mảy may rượu dính vào lưỡi thép.

Trịnh Tú một tay cầm chén rượu, một tay nâng cây dao lên ngang vai, hướng về Tống đế tâu:

– Sống chết vinh nhục người làm tướng đã chia sẻ với vật tùy thân, thần tạ ơn thánh đế!

Rồi tướng quân thản nhiên uống hết chén rượu! Bao nhiêu cặp mắt chăm chú nhìn, bao nhiêu ý tình khác nhau nơi những người ở đại diện. Giang Cự Vọng nín thở, Vương Thiệu Tộ than thầm trong lòng, làm sao Trịnh Tú có thể thoát chết được, ngay đến chính ông cũng không khỏi mạng vong với độc chất trong rượu, làm sao lại chẳng có độc chất bỏ vào trong đó!

Nhìn ra, thần sắc tướng quân Trịnh Tú vẫn như thường, sắc mặt dường như còn có phần hồng nhuận hơn trước đôi chút! Các quan tuy nhiều người chẳng biết trong chén rượu có độc chất gì, nhưng tất cả đều tin chắc: rượu qua cổ, tướng nước Nam thế nào cũng phải gục xuống ngay!

Chính tướng quân Trịnh Tú cũng không hiểu được sự việc, ông vừa trải qua cái chết khó tránh khỏi mà không biết! Chẳng phải là nhờ vào linh khí của lưỡi gươm báu Định Thiên, cũng chẳng thể nào nhờ sừng tê giác trăm tuổi có thể triệt giải được độc chất "Tận tử độc" của các võ quan triều Tống!

"Tận tử độc" là độc chất của tộc người Ba Tư từ thời cổ đại chế ra, dùng độc chất của nhiều loài thảo mộc và động vật kết tụ trộn lẫn với nhau theo nhiều phần khác nhau hết sức khó, thuốc độc lại được luyện bằng khí lạnh của đỉnh tuyết Hi Mã Lạp Sơn chứ không dùng sức nóng của củi lửa, sau cùng thì đem độc chất này lọc bằng màng nhầy của một giống cây leo trên vách núi lạnh, lọc nhiều lần đến trong vắt không màu sắc, lúc ấy độc chất nhầy như chất nhựa cây đào bị thương tích trong mùa đông, độc chất này tan trong nước lạnh, trong rượu, hay trong nước nóng đều không có mùi vị hay màu sắc gì, vì thế ngay đến cả những tay phù thủy pháp sư chuyên về độc dược cũng khó lòng phát hiện ra được. Độc chất "tận tử độc" có tên này là vì dù động vật hay thực vật bị trúng độc cũng đều phải chết, động vật thì tan nát phủ tạng bên trong, thực vật thì khô héo mau chóng không thể phục sinh được nữa. Độc dược này dùng tẩm vào đầu các mũi tên, mỗi khi trúng đích thì chỉ trong khoảnh khắc là người hay vật đều chết ngay, mũi tên đi trượt mà cắm trúng vào thân cây thì dù cây đại thụ cũng phải chết khô! Vì thế, người ta nói: sau mỗi lần chiến trận ở nơi nào mà các tướng sĩ cổ Ba Tư có dùng tên tẩm độc "tận tử", thì có nơi cả một khu rừng lớn cây bị chết cả, cảnh vật tiêu điều khủng khiếp.

Thế mà, tại đại diện Hội Tân của Tống triều, mấy võ quan muốn giết tướng Đại Cồ Việt chẳng vì duyên cớ gì, đem "tận tử độc" bí mật pha vào rượu cho uống, vậy mà tướng Đại Cồ Việt chẳng bị hề hấn gì, quả là một điều lạ thế gian chưa từng thấy!

Vương Thiệu Tộ bản thân trải qua những kỳ lạ của ngự tửu Thanh Hư, chính ông cũng thắc mắc nhiều lắm dù rằng ông đã phòng bị trước, đến khi thấy chén rượu đưa cho Trịnh Tú uống thì ông hết sức lo lắng, làm sao Trịnh Tú có thể thoát chết được! Vậy mà Tú vẫn khỏe mạnh! Thật là lạ! Thật là lạ! Còn Giang Cự Vọng thì lo sợ hơn tất cả mọi người ở đây, ông đã tưởng là cảnh chém giết sắp xảy ra, thế mà cuối cùng lại thật êm đẹp! Giang Cự Vọng rất thông minh, đọc sách nhiều, ông vận dụng đến sách để cố tìm hiểu, vẫn chẳng thấy được gì, nhưng rồi chợt như hiểu ra điều gì, nét mặt ông có phần vừa tươi tỉnh vừa thật băn khoăn, bứt rứt! Hay là nhờ thế mà Trịnh Tú thoát chết!?

Phía các võ quan Tống triều thấy sự thể, nhiều ông lao xao bàn tán, nhìn cử chỉ của các ông thì thấy ngay: các ông muốn ra tay đàn áp tướng Đại Cồ Việt! Trên ngai rồng, đức Thái Tông hiểu cả và ngài cũng ngạc nhiên chẳng kém đám quần thần của ngài.

Việc xảy ra thật nhanh, lúc ấy tướng nhà Tống mang rượu đến cho Trịnh Tú vẫn còn đứng đấy, tướng này có lẽ là người tinh thần rung động dữ dội hơn tất cả mọi người, rung động vì dú mọi lẽ, và rồi là rung động vì tướng Đại Cồ Việt chẳng có dấu hiệu gì là bị rượu độc giết hại! Như thế là thế nào? Đây chẳng phải là người phàm mà là người nhà Trời chăng?! Giáp trụ kín mít lại thêm những sự thể quá sức tưởng tượng đến kinh hoàng làm cho tướng quân thấy trong người nóng bừng bừng, mồ hôi vã ra như tắm đến nỗi qua những khe hở của khớp cử động trên giáp trụ,Trịnh Tú trông thấy rõ ràng nước ứa ra. Lại thêm một lần nữa tâm cơ chuyển động, bây giờ thì tướng quân chẳng còn chút nghi ngờ gì nữa về việc tướng này toan dùng độc dược để giết ông! Tự nhiên, miệng thốt cùng lúc tay dao triển ra cực nhanh:

– Giáp trụ kín làm đại tướng nóng vã cả mồ hôi, tôi xin giúp cởi giáp để đại tướng bớt nóng!

Lời nói chưa dứt, thì cây gươm báu Định Thiên đã xẻ toang giáp trụ của tướng nhà Tống! Thật là khủng khiếp! Chưa bao giờ lại có việc ghê gớm như thế này xảy ra ngay trước triều đình nhà Tống! Trịnh Tú vừa như để "trả mối hận bị đánh thuốc độc", vừa như để đe dọa tướng nhà Tống!

Vị tướng bị mở toang giáp trụ cứ đứng lặng như đã mất hồn, chắc là ông vừa bàng hoàng vì chén rượu độc chẳng có hiệu quả, rồi hành động của tướng nước Nam quá nhanh, quá bất ngờ làm cho tinh thần ông thảng thốt khiến cứ đứng ngây ra nhìn Trịnh Tú còn đang ở trụ thế "Bạch Hạc Cầu Phong", sẵn sàng ứng phó nếu tướng nhà Tống ra tay!

Trên ngai rồng, Tống đế là người tỉnh trí lại trước tiên, ngài cất giọng oai nghiêm phán:

– Tướng nước Nam không được bạo hành! Lui cả lại!

Trịnh Tú thu cây dao, ông kính cẩn hướng về Tống đế tâu:

– Vi thần tạ ơn thánh đế!

Rồi làm như thể chẳng có việc gì xảy ra, Trịnh Tú trở lại chỗ ngồi. Tướng nhà Tống lúc ấy mới thẫn thờ quay gót, giáp trận bị dao báu cắt đứt một vệt dài từ ngang chiến đai lên tận cổ, trông tướng quân thất thểu thật đáng sợ!

Giang Cự Vọng lúc ấy mới bước ra khỏi ghế ngồi, ông quỳ gối tâu:

– Muôn tâu thánh đế, ân tứu thánh đế ban cho chúng vi thần, là một diều thần tử vạn phước mới được hưởng, chẳng hiểu có điều gì khiến để xảy ra những việc chẳng lành?! Vi thần cầu xin thánh đế ban thánh lệnh "tiệc thưởng không có bạo sự", để cho sứ mạng chủ giao cho chúng thần đến lúc ra về được vẹn toàn!

Tống Thái Tông tự ngài cũng có ý muốn mượn rượu quỷ, mà cũng là rượu tiên, để gây khó dễ cho sứ nước Nam, tiếp theo là đến lượt các thuộc quan văn võ của ngài cũng lại muốn gây sự với sứ giả, việc xảy ra toàn là những diều trái với ý muốn của ngài và triều đình, cứ tình thế này thì có thể Hoàng đế bị mang tiếng với các chư hầu là hẹp lượng, rồi biết dâu trong lúc túng cùng sứ giả nước Nam với bản lĩnh ấy lỡ ra đâm quẩn hành động hồ đồ thì có khi mang họa to cũng không chừng, vì vậy khi nghe chánh sứ Giang Cự Vọng tâu, Hoàng đế liền vui vẻ phán:

– Phải! Trẫm ban ngự tửu cho các khanh, có phải là để các khanh nhân đấy mà lỗi lầm đâu! Ngự tửu ban như thế là đủ rồi, tiệc yến không nên dùng đến thứ ngự tửu ấy nữa!

Rồi Tống đế truyền đem rượu "Nghi Địch" ra để ban cho quần thần cùng sứ bộ nước Nam.

Đợi cho các quan và sứ bộ hết một tuần rượu rồi, Tống đế lúc ấy lại phán:

– Thanh Hư tiên tửu có nguồn gốc, có thể thay trời thần phán xét người đời; còn rượu Nghi Dịch này sứ bộ nước Nam thấy thế nào?

Giang Cự Vọng đưa mắt làm hiệu, Vương Thiệu Tộ hiểu ý liền đứng lên, tâu:

– Muôn tâu thánh đế, người giỏi về rượu luận về tính của rượu tất không qua khỏi tính cao thấp thanh trọc của thứ rượu, còn như thần vốn là "trâu quen uống nước đục", cho nên có uống đến tiên tửu nơi miếu điện hay uống tục tửu chốn kẻ chợ, thì cũng không thấy gì khác lạ! Duy

có điều, mỗi loại phẩm vật đều có nguồn gốc của nó, nếu biết rõ được nguồn gốc của mỗi thứ thì khi thưởng thức, hưởng dụng nó mới thật là thưởng thức hưởng dụng của bậc thanh cao!

Nghe Vương Thiệu Tộ tâu đến đây, Tống đế liền ngắt lời ông, phán:

– Như thế, hẳn là ngươi biết nguồn gốc rượu này?

– Muôn tâu thánh đế, thần không biết uống rượu, nên thiệt thòi chẳng thấu được cái hay của ma men, đổi lại thần cũng có biết đôi chút về nguồn gốc của vài phẩm vật, vài thứ rượu...

– Ngươi biết nguồn gốc của vài phẩm vật như thế nào?

– Muôn tâu, vi thần thật chẳng dám đem cái hiểu biết nhỏ mọn như ánh sáng con đom đóm để phô diễn trước trăm quan có kiến văn bao la vằng vặc như trăng sáng giữa trời, vì thế thần xin dắc tội trình tâu vài điều hiểu biết...

Chẳng hiểu Vương Thiệu Tộ hiểu biết những gì, nghe lời tâu của ông trăm quan nhà Đại Tống đều thấy hào hứng, cho là sắp có cơ hội để thử tài thách thức kiến thức của người nước Nam (*), vì thế Tống đế phán:

– Hay lắm, trẫm cho phép con đom đóm cứ tự nhiên lập lòe sáng nơi miếu điện này xem sao!

Vương Thiệu Tộ phong cách rất tự nhiên, không tỏ chút gì ngượng hay tức vì những lời lẽ phán bảo của Tống đế đầy ý khinh bỉ. Ông ung dung tâu:

– Muôn tâu, *Kinh Dịch* nói:"người quân tử ghi lòng được nhiều lời hay nết tốt của người xưa để dưỡng đức của mình"; *Kinh Thư* thì bảo: "con người ta cần có nhiều kiến văn để tùy lúc đem ra mà ứng dụng"; *Kinh Thi* thì dạy phép làm người giữa muôn loài muôn vật, ở đâu cũng khuyên dạy là "phải biết cho nhiều" có thế đức mới rộng, mọi lẽ hành xử ở đời mới không lỗi lầm. Cho nên xét đức của một người, bao giờ cũng xét đến cái "biết" của người ấy trước. Đức nhỏ, ấy là vì biết cạn. Cũng các kinh sách ấy lại bảo: đọc sách mà không hiểu sách, có khác nào trâu uống nước đục mà không biết nước ấy thế nào? Cũng vậy, nhất nhất mỗi vật ở thế gian này đều có cái nguồn gốc của nó, dùng nó mà không biết nguồn gốc thì chẳng khác nào như trâu uống nước đục vẫn chẳng biết đấy là nước đục! Muôn tâu, phẩm vật chung quanh ta kể có hàng vạn, chẳng ai có thể

(*) Quả thật đời Tống sau này lấy lừng với các danh nho, được tiếng là uyên bác như Châu Đôn Di người Liêm Khê; Trình Di, Trình Hiệu người Lạc Dương; Trương Tái người Quan Trung; Chu Hy người Mân Trung... Nho lâm vẫn có câu: "sách của các danh nho ở Liêm, Lạc, Quan, Mân" *là để chỉ những ông này.*

biết hết nguồn gốc của nó được. Tuy thế, trong vòng hiểu biết của thế gian về rượu, khi thần nghe tên rượu "Nghi Địch" thì lấy làm lạ sao lại gọi tên rượu là như vậy!?

Tống đế thấy ấm ức, như vậy có phải là phó sứ nước Nam ngầm chê bai "đức" tức là cái "biết" của ngài cùng quần thần văn võ nhà Tống là mỏng là cạn không? Những lời tâu của Vương Thiệu Tộ làm cho các quan văn võ nhà Tống tự nhiên lo lắng, ai là người có thể biết được tất cả mọi thứ mọi việc cổ kim ở đời được, cứ như lời họ Vương nói thì rõ ràng là ông ta mở sẵn đường để dồn thiên hạ vào nơi "không biết "mà chê bai hạ nhục dây! Các quan đâm ra lo lắng sợ ngầm trong lòng, vì thế các quan nghe phó sứ hỏi thì im thin thít.

Hoàng đế phán:

– Ngươi nói xem sao?

Vương Thiệu Tộ ung dung đứng thẳng lưng, hùng hồn:

– Muôn tâu, thần ít học, có lần đọc trong sách *Vật Nguyên Thiên* của Lã Lãm, thấy có nói:" Hồ Tào là người chế ra áo; Hậu Nghệ chế ra cái cung bắn tên; Chúc Dong là người đầu tiên mở ra chợ cho người ta đổi chác hàng hóa; bà Nghi Địch thì lại chế ra rượu; ông Cao Nguyên nghĩ ra cách làm nhà; Ngu Hu làm ra thuyền; Bá Ích nghĩ ra cách đào giếng lấy được nước; Xích Ký thì làm ra cối để giã gạo; Thừa Nha chân yếu mới chế ra xe ngựa để đi lại được dễ dàng; Hàn Thôi nghĩ ra cặp dây cương để sai bảo cho ngựa biết ý mà đi; đến Vương Băng thì nghĩ ra được cách mắc trâu vào ngáng bắt kéo xe cho đỡ nhọc sức con người; rồi Sử Hoàng thì dùng các loại màu sắc họa lại phong cảnh gọi là tranh vẽ cốt mua vui; danh sư Vu Hành thì tìm ra cách dùng cây cỏ côn trùng để chữa trị những đau đớn bệnh hoạn cho con người gọi là dược phương; sau nữa là hiền sĩ Vu Hàm lại tìm ra thuật bói toán để đoán trước an nguy tương lai của con người ta... ". Muôn tâu đức thánh đế, nếu kể ra cho hết nguồn gốc cùng tổ sư của mỗi thứ mỗi loài mỗi vật ở thế gian, thì thần nghĩ phải kể đến một năm trời mới hết, mà phải cầu đến các người khác ở nước thần, một mình thần ít học, kiến văn hẹp hòi, chỉ biết được đại khái là như thế. Như vậy, riêng rượu thì do bà Nghi Địch nghĩ ra cách chế ra trước tất cả, sau người đời thay đổi, biến cách thức đổi vật liệu đi, làm thành nhiều thứ rượu, mỗi thứ có một đặc điểm riêng chẳng thứ nào giống thứ nào. Riêng cái tên "Nghi Địch "chỉ là tên bậc tổ sư, lấy đặt tên cho một thứ rượu thì rượu ấy tất phải có những đức tính như của người có tên ấy!? Vậy, rượu Nghi Địch có đúng như tính cách, cuộc đời của bà Nghi Địch hay không(*)?

(*) Những nguồn gốc này là kiến văn của đại học giả Lê Quý Đôn viết trong "Vân Đài Loại Ngữ ".

Vương Thiệu Tộ luận kể một hơi dài, lại nói là mình ít học, thiếu kiến văn, muốn kể thì phải nhờ đến nhiều người trong nước, như thế thì nước Nam ắt phải sưng túc lắm về người tài, người có kiến văn bao la như biển rộng! Rồi Vương phó sứ lại hỏi về tính chất rượu, liệu rượu Nghi Địch có đúng với tinh thần, tính cách và cuộc đời của bà tổ sư rượu Nghi Địch hay không? Câu hỏi này, làm sao các nhà văn nho uyên bác của nhà Tống có thể khẳng quyết được! Có quyết chắc là bà Nghi Địch là người đầu tiên chế ra rượu không? Bà Nghi Địch là người nghe nói sống ở đời Tam Hoàng Ngũ Đế, làm sao ai dám quả quyết là biết rõ những điều sứ bộ hỏi được! Vả chăng, giả thử dám lên tiếng đối đáp câu hỏi ấy, thế nào cũng bị phó sứ bác đi rồi kể ra những thứ lạ lùng khác, làm sao cãi được, lấy gì làm chứng cứ để quyết đoán! Thế là các quan văn học uyên bác liền giữ thái độ thản nhiên im lặng là hơn, không nên lên tiếng tranh luận với kẻ miệng lưỡi!

Trên ngai rồng, Tống đế thấy quần thần văn võ của ngài im lặng, ngài hiểu khó khăn trong câu hỏi của sứ bộ, thật ra chính Hoàng đế cũng thấy nể nang sứ bộ lắm, cứ thế này thì cũng nhiều phần lời nói việc làm của sứ bộ cho thấy nước Nam lắm người tài văn võ là đúng thật! Hoàng đế liền phán:

– Phải, mỗi thứ đều có người chế hay nghĩ ra đầu tiên, rượu thì có bà Nghi Địch, nay uống rượu Nghi Địch không phải là để nhắc lại tính cách, đời sống của bà ấy, mà chẳng qua chỉ là để nhớ đến kẻ đã nghĩ ra cho người đời được hưởng dụng một phẩm vật quý báu mà thôi! Thế khanh thấy rượu Nghi Địch của trẫm thế nào?

Phải nói rằng rượu ngự của Hoàng đế là hảo tửu, làm sao có chỗ chê bai được, nhưng để khen ngợi thì nhất định Vương Thiệu Tộ không khen, ông chỉ khen thầm trong lòng mà thôi. Vì thế nghe Hoàng đế phán hỏi, ông tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, thần vẫn là trâu uống nước đục vũng bùn, thành ra rượu Nghi Địch cũng không thấy được hay dở thế nào. Duy có điều, bà Nghi Địch là hiền mẫu, nữ tài tử tài hoa nhiều mặt, tinh thần thanh tao, cho nên rượu mang tên tổ sư tất cũng phải là rượu thanh lương tao nhã, Hoàng đế chọn thứ rượu như thế thì quả thật xứng danh Hoàng đế nhân đức thanh tao, thần xin được tung hô bậc nhân thần cao cả ở đời!

Như thế là Vương Thiệu Tộ ngầm khen rượu quý, lại nhân đấy đề cao tâm địa nhân đức, tinh thần thanh tao của Tống Thái Tông, phần nào làm cho Hoàng đế phải dè dặt trong quyết định hành động về chiến tranh của ngài với nước Đại Cồ Việt!

Nghe phó sứ tâu như vậy, Hoàng đế nhà Tống rất hài lòng, ngài vui vẻ phán:

– Phải, vua tôi thưởng thức hảo tửu, vui vẻ với việc hai nước giao hòa, như thế là tốt đẹp mọi bề, trẫm cho phép các khanh muốn uống bao nhiêu rượu Nghi Địch cũng được!

Thế là tiệc ban tiễn sứ từ lúc ấy cho đến khi tàn cuộc, không còn có đối đáp hay hành động đối đầu nào nữa, sứ bộ nước Đại Cồ Việt với các quan văn võ Tống triều tất cả đều hỉ hả trong men rượu, xem ra mối bang giao nam bắc thật tốt đẹp, chẳng thể nào lại sắp có chiến tranh được!

Tiệc vui đến khuya mới tàn, Tống đế sai người đưa sứ bộ trở về dịch quán, rõ ra là ân cần thương yêu! Sứ bộ nước Nam, chỉ một mình chánh sứ Giang Cự Vọng là người say men rượu nhiều hơn cả, chân bước đi chẳng vững, lưỡi cứng nói chẳng ra lời, còn phó sứ họ Vương với tướng quân Trịnh Tú thì lại vẫn như thường, có chăng chỉ thấy trong người men rượu có làm cho nóng lên đôi chút.

Trong đêm, Giang Cự Vọng được Vương Thiệu Tộ đưa cho một viên thuốc lạ màu xanh vàng như lá úa, uống khỏi miệng chỉ một lát là tan hết men rượu, tinh thần sảng khoái, ba người không ngủ mà thức để bàn việc. Giang Cự Vọng bảo:

– Say rượu là lẽ thường ở đời, lạ là làm sao ông Vương uống đến thế mà chẳng hề hấn gì, là thế nào?

Vương Thiệu Tộ cười, đáp rằng:

– Chắc nguồn gốc là kỳ sự ở chằm Nhất Dạ(*)!

Tôi vốn hay uống rượu, lưỡi nếm vạn thứ rượu lạ, rút cục nhận ra: dù thế nào chăng nữa rượu cũng vẫn là độc chất làm hại tinh thần, uống nhiều vì thế một phần quen với men rượu nên cũng có phần nào chịu đựng được rượu, một phần lớn nhờ ở thứ thuốc giải rượu thần kỳ của tay giang hồ kỳ nhân họ Đặng ở châu Dằng (sau đổi là phủ Thái Bình, rồi sau

---

(*) Chằm Nhất Dạ ở địa phận huyện Đông Yên, gần bãi Tự Nhiên thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội xưa. Chằm này bao bọc địa phận các xã thuộc các tổng Mễ Sở, Khóa Nhu, Bình Dân, Yên Vĩnh, Yên Cảnh, Yên Lịch, Đại Quan và Đông Kết, trong địa bạ đều chép là "xứ Dạ Trạch". Đầm Dạ Trạch là nơi vợ chồng Chử Đồng Tử, Tiên Dung bay về trời, tránh bị quân của vua Hùng tới đánh, chỉ trong một đêm nhà cửa đền đài ở bãi Màn Trù biến mất cả, bên cạnh chỉ còn lại một đầm rộng mênh mông, vì thế gọi là Đầm Dạ Trạch, hay Nhất Dạ (một đêm), kỳ duyên chằm Nhất Dạ!...

nữa là Hưng Yên ngày nay), ông ta vốn là người hay rượu, đi khắp thế gian để nếm rượu, gặp được.

Ngày nọ, họ Đặng lưu lạc khắp đất trời rồi quay về vùng chằm Nhất Dạ thưởng thức thứ rượu "Vạn Xuân" say liền trong bảy mươi chín ngày, đến khi tỉnh lại thấy nằm trên thảm bèo lớn bồng bềnh trôi nổi trong đầm Nhất Dạ.

Họ Đặng lấy làm lạ, hỏi thì người ta bảo: trong bãi Màn Trù bên đầm Dạ Trạch, có một đạo sĩ có đại thuật cưỡi gió gọi mây, thường chu du khắp thiên hạ, thích rượu, kẻ nào đến nơi này mà uống rượu Vạn Xuân say được bảy mươi chín ngày thì được đạo sĩ tiếp đón...

Họ Đặng được đạo sĩ đón tại am cỏ, suốt bốn ngày giảng cho nghe về rượu ở thế gian, lại bảo: trong thiên hạ có nhiều kẻ dùng rượu để hại người, tửu đồ chân chính phải làm sao thoát được cái chết vì rượu, vì độc chất pha vào trong rượu; chết vì rượu là một điều sỉ nhục, chết vì rượu độc khiến ngũ khiếu trào máu, da thịt cháy đen, lại càng là điều sỉ nhục. Rồi đạo sĩ chỉ cho thứ thần thảo mọc ở nhiều nơi nước ta, đấy là cây *thanh dong* mọc ở vùng đầm Nhất Dạ, đem cọng với lá giã nát chắt lọc lấy nước lá, dùng phép "cách không thu nhiệt" tức là không cho lửa đốt trực tiếp mà cô đặc nước ấy lại, trộn với bột "thanh đậu" sống rồi tẩm vào bột giấy bản tinh, viên thành viên lớn bằng hạt ngô, chỉ một viên dù giải rượu cực hay.

Vương Thiệu Tộ tiếp:

– Họ Đặng truyền cho tôi thần dược ấy, tôi thử nhiều lần thấy hết sức hiệu nghiệm, tài tình đến cả uống rượu độc cũng không hề hấn gì, thành ra mới biết nhựa cây ấy có tính lạ như vậy. Trước lúc vào triều nhận tiệc rượu ban của Tống đế, tôi nghĩ là thế nào cũng phải uống nhiều rượu, không nên để say sưa dễ sinh lỗi lầm, mới uống trước một lúc mười viên "Thanh dong giải tửu hoàn"(*) lúc bụng trống không. Khi nghe Tống đế sai uống cả một bình ma tửu, trong lòng tôi lo lắng lắm, không còn cách nào thoái thác được, đành là uống, lại lén uống thêm ít viên giải rượu nữa, không ngờ lại hiệu nghiệm đến như vậy! Tôi nhờ thuốc giải mà thoát hiểm đã đành, còn ông Tú thì sao cũng không bị hại thì tôi không làm sao hiểu nổi, lúc ấy lo quá, tìm cách để đưa thuốc giải rượu cho ông mà không được!?

Đến lượt Trịnh Tú lên tiếng:

– Tôi thì không thích rượu, phải uống thì uống. Chén đầu tiên đã thấy

---

(*) Thanh dong chính là cây lá dong *người nước ta vẫn dùng gói bánh chưng ngày Tết.*

choáng váng lắm rồi, đến chén của ông tướng đưa cho tôi thấy cung cách của ông ta thì nghi chắc là rượu độc, mới đành lấy gươm Định Thiên nói thác ra việc khác, nhúng gươm vào rượu để xem sao, người ta bảo nếu lưỡi gươm gặp rượu độc thế nào cũng đen sạm lại, khi thấy gươm vẫn sáng, thì yên lòng cho là không có độc, đành là uống chén rượu ấy chịu say vậy. Nào ngờ uống vào, đã chẳng say, lại còn thấy tinh thần sảng khoái, máu chạy mạnh trong người, cảm thấy sức mạnh tăng cao lắm. Chẳng hiểu tại sao lại như thế!?

Đến đây, Giang Cự Vọng bảo:

– Việc ông Vương thì đã rõ, hóa ra nhựa cây thanh dong trộn với nước cốt đậu xanh sống lại có tính dã rượu mạnh đến thế! Còn ông Trịnh, thì chẳng có thuốc thánh nào cứu ông thoát chết được, tôi tin chắc là chén rượu ông uống có độc chất, bọn các tướng không hiểu vì sao lại muốn hại ông, nhưng có trời xếp đặt che chở cho nên ông không sao cả! Trời ấy, ông có biết là thế nào không?

Trịnh Tú không biết, Vương Thiệu Tộ cũng không biết, Giang Cự Vọng nói:

– Trên đường đi sứ vạn dặm xa đầy nguy hiểm, cho nên tôi để ý mọi việc ở chung quanh để phòng bất trắc. Các ông có nhớ khi qua ải quan, bước chân vào đất Trung Nguyên thì xảy ra việc gì không?

Vương Thiệu Tộ thì không rõ, chứ Trịnh Tú thì nhớ ngay, ông đáp:

– Tôi thấy chẳng có việc gì hệ trọng cả, chỉ có việc chém con rắn hoa ở cửa ải mà thôi, việc ấy nào có đáng gì!

Giang Cự Vọng cười mà rằng:

– Thế mà chính việc nhỏ mọn ấy lại khiến cho ông làm được kỳ công dị sử, cả triều nhà Tống phải ngơ ngác kinh sợ không hiểu ông là người thế nào, chỉ có người nhà Trời mới chịu đựng nổi ma tửu pha thuốc độc của họ! May nhờ ông nghi rượu độc, lấy gươm báu toan thử độc để có cớ gây sự, nào ngờ gươm báu lại chẳng biến sắc thành ra ông nghĩ là rượu không có độc, thản nhiên uống. Rượu độc đã không giết được ông, ngay đến chính men rượu ma ấy cũng không làm ông lảo đảo, rõ ràng là có sự lạ không? Sao ông chẳng để ý: ngay trong chén rượu đầu, ông đã mặt đỏ chân xiêu, gươm báu chuôi sừng tê trăm tuổi cũng chỉ bảo vệ cho ông được đến thế! Thế mà đến chén thứ hai thì đầu óc lại tỉnh táo, sức khỏe lại tăng lên, thế là thế nào? Tôi nghĩ: chén rượu thứ nhất, sức lực mạnh mẽ của ông chịu đựng được, chén thứ hai thì thần vật chế độc là thanh gươm báu đã cứu ông, giải hết mọi chất độc trong rượu, ấy là nhờ thanh gươm chém con rắn hoa ở cửa ải, ông lại băm nát đầu con rắn, chắc là nọc

độc của nó là thứ độc vô song trên thế gian đã tẩm vào gươm, làm cho gươm có sức chế độc, giải độc cực mạnh là vì thế!

Trịnh Tú lấy gươm Định Thiên ra ngắm nghía, chỉ thấy ánh thép sáng như bạc đánh bóng, có thế nào như lời ông Giang Cự Vọng nói hay không? Vương Thiệu Tộ gật gù nói:

– Phải, ông Giang nói đúng đấy! Có lần tôi đọc một cuốn sách nói về dân tộc Tây Vực, họ có nhiều cái lạ, trong đó có lạ về độc chất. Người Tây Vực có rất nhiều loại độc, ưa chuộng hơn cả là nọc độc của các loài rắn rết, riêng rắn thì chuộng nhất là giống rắn có mào đen chỉ sống ở vùng núi đá cao, lớn thì có con dài đến tám thước tám tấc, nọc cực độc, gọi tên là "Tiêu Thi Xà" là vì: trúng độc của loài rắn này thì chết rồi thây xác từ từ tan ra thành nước vàng chẳng còn xương cốt, đem nọc độc của nó trộn với nọc độc của bọ cạp Hi Mã Lạp Sơn, rết độc ở Ngoại Mông, nhựa độc da lưng cóc tía ở thượng nguồn Tiêu Giang, thì được một chất màu hơi xanh, dùng tẩm vào tên lúc ra trận, hay để hạ độc giết người không để lại dấu tích. Sách lại nói: nọc độc của Tiêu Thi Xà giết người hay thú vật khủng khiếp đến như vậy, nhưng nếu biết cách dùng nọc độc ấy để trị độc thì lại cực kỳ hiệu nghiệm. Biết đâu con rắn trắng ông Trịnh Tú giết ở cửa bắc ải quan, lại chẳng là loài cực độc, nhờ ông mang độc chất ấy ở trong người thành ra mới thoát chết cũng không chừng!

Ba ông bàn cãi, truyện trò suốt đêm, rồi hôm sau sửa soạn lại hành trang, đón nhận tặng phẩm của Tống đế cùng chiếu chỉ sắc phong của Thái Tông nhà Tống gửi cho quốc chủ nước Đại Cồ Việt. Sứ bộ làm lễ bái vọng Tống đế, rồi lên đường về nước ngay. Trên đường về, Giang chánh sứ cho nhiều tế tác đi rộng ra hai bên, nghe ngóng xem quan tướng nhà Tống hành động thế nào, lại có ý đề phòng lỡ ra bọn võ quan có hành động gì bất thường giết sứ bộ rửa hận chăng!

Dọc đường đi, sứ bộ được tế tác trình về nhiều tin, đón những tin ấy, Giang Cự Vọng một mặt cho lệnh đưa những tin hệ trọng về nước ngay, rồi bảo với hai ông Vương, Trịnh:

– Đất Trung Nguyên bao la, đường ta đi là chính lộ cái quan, không thấy có dấu hiệu gì là sắp có chiến tranh, một phần cũng là vì khởi binh đánh một nước nhỏ như nước ta chắc là nhà Tống chẳng phải dùng đến "dao mổ trâu để giết gà", cho nên tình hình ở đây mới yên tĩnh như thế, một phần chắc là nhà Tống muốn che giấu ta, cho nên không để lộ hành động khởi binh. Ta nghĩ: về đến biên giới, thế nào tình hình cũng khác!

Quả nhiên, sứ bộ xuống phía Nam, vào địa phận Quảng Đông, thì tế tác dò la được nhiều tin lắm, chiến tranh đã thấy hình tích nhưng không

đến nỗi làm náo động cả vùng biên cương hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Binh nhà Tống nam chinh thu phục Đại Cồ Việt là binh tuyến ngay tại hai tỉnh cực nam này của Trung Quốc, trao quyền tổng binh cho quan Tri phủ Ung Châu là Bá tước Hầu Nhân Bảo, Bảo vâng lệnh Tống đế sai Tôn Toàn Hưng cầm cờ tiên phong đem quân mã bộ chiến định là sẽ từ phía Tây chia đường qua ngả ải quan Chi Lăng nhắm đến Đại La, sai Hải sư đốc chiến Đại tướng quân Lưu Trừng mang quân thủy vượt bể sẽ vào mặt sông Bạch Đằng, lại đem theo một phần quân kỵ theo thuyền rồi sẽ lên bộ đánh vào mặt Thiên Trường (Nam Định). Bao nhiêu tin tức về binh tình của nhà Tống, sứ bộ đều đón được hết, tin chạy về triều đình liên miên ngày đêm không nghỉ, sứ bộ lại trình: "mọi việc đi sứ đã xong, mọi trình báo đều đã gửi về, vì thế sứ bộ không gấp bước mà còn thư thả để thu thêm tin tức, đến lúc cuối cùng mới theo ngựa lưu tinh về cho nhanh...". Nhờ thế, Phó vương Nhiếp chính Lê Hoàn, lúc ấy đã lên ngôi triều thần lại dâng hiệu là Đại Hành Hoàng đế, ngài cùng triều đình nước Đại Cồ Việt rất thuận tiện sửa soạn trước mọi việc.

4

Ngay khi sứ bộ nước Đại Cồ Việt làm lễ bái vọng Tống đế rồi lên đường về nước, Tống đế lại hội triều, phán:

– Như vậy, khi sứ bộ nước Nam về đến kinh thành, thì binh ta có thể đã vào sâu đất nước nó! Tuy thế, trong việc tiến quân này, trẫm thấy có nhiều điều các tướng phải cẩn thận!

Điều gì khiến đức Thái Tông phải bận lòng như vậy trong cuộc tiến quân chinh phục một nước bé nhỏ ở phương Nam là nước Đại Cồ Việt? Nhiều quan văn võ trong triều cũng có những nghĩ ngợi riêng nhưng giữ kín chẳng ai nói ra, bây giờ nghe Hoàng đế phán bảo như vậy thì quần thần của ngài tỏ ý nóng lòng đợi nghe Hoàng đế giảng.

Tống đế phán:

– Nước Nam bé nhỏ, chẳng phải vì thế mà Trung Nguyên ta dễ dàng thôn tính được! Chẳng thế, suốt từ thượng cổ đến giờ, bao nhiêu lần binh tướng Trung Nguyên phải xuất chinh thế mà "nghìn năm chinh chiến với thôn tính, Trung Nguyên vẫn không biến dối được nước Nam thành một quận huyện của mình!"Đấy chẳng phải là điều nhà tướng khi xuất chinh phải nghĩ đến hay sao? Như bản triều, đức khai tổ hùng liệt là thế, uy danh dựng lập triều đại lẫy lừng dễ dàng khuất phục các chư hầu chung quanh, thế mà ngài cũng phải dấn đo, phân vân thận trọng đến độ chưa ban lệnh cho binh tướng xuất ải chinh nam! Đấy là điều ta phải suy nghĩ, cẩn thận.

Thì ra thế, đức Thái Tông Hoàng đế vốn được tiếng là bậc minh quân, văn võ toàn tài, công đức của ngài trong dòng triều đại nhà Tống là rất lớn, dẫn đường cho các Hoàng đế truyền ngôi sau này đưa nhà Tống vào hàng các "cự triều" huy hoàng của Trung Quốc, cho nên sai tướng cầm quân đi chinh phục một nước bé nhỏ ở phương Nam chỉ bằng một quận huyện của Trung Nguyên, Hoàng đế cũng phải dấn đo dằn vặt nhiều lắm mọi bề. Xem như cung cách ngài tiếp sứ nước Nam, đối xử với sứ bộ thế nào, cũng đủ biết ngài nể nang nước Nam lắm lắm!

Bây giờ, thiết triều ngay khi sứ nước Nam ra về, sứ bộ của ngài cứ xuống nước Nam sắp về đến nơi, và trước khi tướng của triều đình lên ngựa mang quân vượt ải, đức Hoàng đế còn nhiều điều phán dạy dặn dò. Triều đình nghe Hoàng đế phán, im thin thít, bao nhiêu tâm tư giữ kín cả ở trong lòng, tất cả không dám xuất ban tâu trình ý mình, chỉ một mực đợi nghe Hoàng đế phán bảo. Ngài nhìn quần thần đang im lặng, rồi nghiêm nghị phán:

– Từ những đời trước, Trung Nguyên từng có bao nhiêu danh tài xuống Nam, thế mà tựu chung dược cũng có mà mất lớn cũng chẳng thiếu, như vậy là vì đâu? Trẫm xem sử cũ, nghe các bậc hiền nho thuật lại, thì khắp bốn phương trời hùng tài chẳng thiếu, nhưng nếu có bảo là phương Nam đời nào hùng tài cũng nhiều, át cả bốn phương thiên hạ, thì cũng không phải là ngoa ngôn. Thượng cổ từ các nhà Tấn, Tần, trải qua Hán, Tây Hán, Đông Hán, Nam Hán, rồi Đường, bao nhiêu lần phương Bắc muốn khuất phục phương Nam mà không được, những lần thắng thế đến thay đổi cả địa dư, tên nước, cốt ý xóa đi một dân tộc hùng liệt không cho ngóc đầu lên được, thế mà rồi có lúc nào thành công dâu, rồi lại còn có hai đứa con gái đứng lên đuổi binh tướng Bắc, tự lập làm vua, làm cho cục thế từ đấy xoay chuyển khác hẳn, phải nhờ đến lão đại danh tướng Mã Viện ương cao cờ Phục Ba Tướng Quân mới triệt được hai người đàn bà ấy. Gần nghìn năm Bắc thuộc, những tưởng là nó phải tiêu vong bản gốc, nào ngờ vẫn lại có việc thái tử Hoằng Thao nhà Nam Hán chiến tử đến mất đầu ở bên sông Bạch Đằng, khiến người Nam lại xưng vương, tình thế loạn lạc ấy cũng là lúc đức tiên đế khai tổ nhà đại Tống ta nhìn thấy thời cơ tốt đẹp, bao nhiêu phen ngài muốn đem quân Nam phạt thế mà dằn do đến tận hôm nay trẫm mới dám tiếp nối ý đức thánh tổ, cho binh xuất biên thu phục nước Nam. Như thế, dã hẳn là khó khăn biết bao nhiêu mà kể, làm sao lại chẳng lo nghĩ, sửa soạn cho thật kỹ lưỡng, nhìn trước đón sau trăm lẽ, có vậy mới mong đi là thắng, tới là xong, nhược bằng chẳng hiểu rõ địch trước, chẳng lượng sức mình trước, đến khi vào việc thì cái bại của nghìn năm trước là điều khó tránh được ở ngày hôm nay!

Tống Thái Tông phán giảng một hồi dài, lời lẽ của ngài làm cho quần thần lo nhiều hơn là hăng hái trong việc nam chinh. Ngồi trên ngai rồng nhìn xuống quần thần văn võ, văn thì toàn là những bậc lương tể tài trùm trời dất, võ thì các tướng sức mạnh có thể chuyển núi lấp sông, thế mà chỉ thấy các quan một mực im lặng, nhiều vị gương mặt tỏ ra lo lắng. Tống Thái Tông đã không nản lòng thì chớ, ngài càng rắn giọng phán tiếp:

– Như việc mới chỉ hôm qua thôi, sứ bộ nước Nam vào triều ta, những hành động hành vi của chúng, các khanh đều đã được biết rõ. Nay nó ra

về, trẫm tin chắc là chẳng phải nó không biết việc binh biến sắp xảy ra, nhưng ta giữ nó ở lại Trung Nguyên đủ để binh tướng của ta có thì giờ sửa soạn, nó về đến nơi cũng chẳng kịp báo gì cho chủ nó biết! Việc quân của ta, trẫm trao cho các khanh: Tri phủ Ung Châu Bá tước tướng quân Hầu Nhân Bảo nhận chức "Giao Châu lục lộ chuyển vận sứ "cầm quyền thống lĩnh, đem hai quân thủy bộ lấy ngay ở các tỉnh biên cương cho thuận tiện. Phụ tá cho nguyên soái có Lan Lăng doàn luyện sứ Tôn Toàn Hưng; Bất Tác sứ Hác Thủ Tuấn; Yên bi khổ sứ Trần Khâm Tộ; Tả giám môn tướng quân Thôi Lượng làm Ung Châu Lộ binh mã bộ thư; Ninh Châu Thứ sứ Đốc sư Lưu Trừng; Quân khí khố phó sứ Giả Thực; Cung phụng quan cấp môn chi hậu Vương Soạn làm Quảng Châu Lộ binh mã đô bộ thư, hợp quân cả bốn hướng hẹn ngày cùng tiến quân. Trẫm ban lời dặn trước: binh tiến phải lấy thận trọng làm đầu, nhưng không được quên những lợi hại của thuật dụng binh nhanh chậm, kín hở, tiến thoái, công thủ. Binh ta mạnh, tất binh dịch cũng mạnh, mà dịch của ta lại là binh tướng nước Đại Cồ Việt. Tài nghệ bản lĩnh của nó, các khanh đã tận mắt nhìn thấy, có người tự thân kinh qua kinh nghiệm, tài nghệ bản lĩnh ấy không phải là dễ dàng khuất phục được, cho nên trẫm ban cho các tướng nam chinh được tùy hoàn cảnh nơi chiến trường mà có quyết định: "tiến hay lui", quyết định của nhà tướng nơi chiến trường lần này của các khanh, trẫm đều cho phép, miễn sao là không phải tan quân chết tướng!

Lời phán bảo của đức Thái Tông làm cho cả triều thần kinh ngạc, trong sử sách chưa lần nào lại có việc Hoàng đế ban lời dụ cho tướng ra trận như thế, nhất là việc xuất chinh lấy một nước con con như nước Nam!

Trong đám các quan lao xao có nhiều người muốn xuất ban tâu trình ý thế nào. Đức Thái Tông lại phán tiếp ngay:

– Tuy thế, lợi hại, thắng thua nơi chiến trường, trẫm sẽ xem xét theo từng hành động của mỗi tướng, chiếu theo lời dụ của trẫm hôm nay. Thắng mà khinh xuất để cho cái thắng ấy là cớ cho dịch tiến lên, là thắng có tội; thua mà vì thận trọng đúng tình thế, lui mà chặn được hệ quả kéo theo, thì không phải là có tội, đấy là công! Chinh phục một nước nhỏ như thế, lẽ nào trẫm phải ngự giá thân chinh, như thế cũng đủ để các khanh thấy việc đánh lấy nước Đại Cồ Việt không phải là việc dễ dàng tất thắng!

Các quan văn võ nghe Hoàng đế phán dụ, tuy rằng nhận ra những khó khăn trong việc chinh chiến lần này, nhưng nhiều quan vẫn tỏ thái độ cho là những lời phán bảo của Hoàng đế thận trọng quá đối với một nước như nước Nam bé nhỏ, cho nên ngài dứt lời không lâu thì đến lượt Đại tướng Nam chinh là Triệu Phụng Huân xuất ban tâu:

– Muôn tâu thánh đế, thần vâng lệnh thánh đế lĩnh cờ tiên phong đi

trước ngựa Thống soái Bá tước Nhân Bảo, tất nhiên là chỉ có việc xẻ núi ngăn sông, thúc quân phá địch, đoạt thành chém tướng, thu phục nước địch. Nay, được ân phán của Hoàng đế cho được tiến thoái tùy ý theo hoàn cảnh nơi chiến trường, đấy là phán dịnh của bậc minh đế hiểu rõ binh thư chiến pháp, tuy thế thần thắc mắc: lẽ nào cả nước Nam đều giỏi, bọn Nam man ấy lại có thể ngăn dòng sông mạnh Đại Tống ta, cho nên ân sủng Hoàng đế ban cho chúng thần xin ân cảm, nhưng trộm nghĩ: vì thế mà sẽ có kẻ nơm nớp trong lòng, sợ giặc hoặc biếng nhác, vin vào thánh lịnh để tìm an toàn, tránh gian nguy, như thế thì tinh thần chiến đấu bị sa sút chăng? Bởi vậy, muôn tâu thánh đế thần xin được lệnh: quân đi là phải thắng, tới đâu là thành trì của địch phải bị san thành bình địa đến đấy, dứa quay mặt đi thì có thể được tha, dứa dám nhìn lại ấy là muốn chống cự tất phải bị chết, có thế hùng khí ba quân mới mạnh, quân thanh mới lẫy lừng dễ thành công. Thần cúi đầu chờ nghe lệnh thánh đế ban phán!

Khủng khiếp thật, những lời tâu xin đầy sắt máu chém giết không nương tay của Đại tướng tiên phong Triệu Phụng Huân, những lời tâu làm nức lòng các võ tướng cương cường, nhưng cũng lại làm cho chẳng ít các quan văn võ khác kín đáo bĩu môi ra chiều chê bác. Trên ngai rồng, đức Thái Tông nửa vui vì tướng của ngài tinh thần hùng tráng, nhưng lại nửa lo vì tinh thần ấy dễ sinh kiêu căng, mất sáng suốt, thất bại là điều dễ xảy ra, cho nên ngài phán:

– Phải, tướng ra trận xua quân phá địch, đã hẳn là phải tận sức, thắng là điều phải đạt được. Tuy thế, trận thế không lợi, hoàn cảnh không lợi, lực chiến không lợi, ba điều không lợi ấy gặp phải một cũng không thể vì muốn tranh công mà người làm tướng cứ thúc quân tiến tới để rồi thất bại là điều không tránh được nữa, như vậy thì tinh thần quyết tử của người làm tướng có phải là trở thành tăm tối của kẻ vũ phu hay không, còn nói gì đến lúc gặp phải cả ba điều không lợi ấy mà cứ tiến quân!? Cho nên, trẫm phải lấy lời ân cần căn dặn các khanh: dừng bao giờ ỷ sức nước lớn, binh cường tướng giỏi, mà khinh địch là nước nhỏ, binh nhược tướng hèn. Dã thế, sao đã dám chắc là binh của nó yếu, tướng của nó hèn được, ngay tại đại điện đón chư hầu, sứ bộ của nó chỉ có ba người, thế mà bản lĩnh của nó thế nào các khanh đã biết rõ, sao lại không vì thế mà thận trọng!? Người quân tử thận trọng để không chết, kẻ tiểu nhân không thận trọng nên tìm đi vào chỗ chết, đấy là điều trẫm muốn các tướng đem quân vượt biên ải vào đất địch lúc nào cũng phải nhớ kỹ trong lòng!

Tống Thái Tông cùng với quần thần văn võ còn đang bàn nghị gay go, thận trọng từng việc một trong việc tiến quân Nam chinh, thì tin trình vào: sứ bộ từ nước Đại Cồ Việt đã về, xin vào bái yết long nhan.

Đức Thái Tông nghe quan Tổng quản trình, ngài phán:

– Sứ của ta đã về gần đúng với ý định về thời gian của trẫm, như thế thì chuyến quân hành của các tướng xuống Nam có thể được hanh thông. Hãy cho sứ bộ vào trình việc ngay!

Sứ bộ Trương Tôn Quyền chánh sứ cùng các văn nho phó sứ vào bệ kiến đức Thái Tông, cả bọn quỳ xuống tung hô lạy chào Hoàng đế, rồi Quyền bỗng bật khóc hu hu làm cho cả triều đình trên từ Hoàng đế xuống các hàng trăm quan văn võ ai cũng phải kinh ngạc quá. Đức Thái Tông phán hỏi:

– Các ngươi vâng lệnh mang chiếu dụ của trẫm đi sứ xuống Nam, nay trở về sao lại tự dưng khóc lên giữa chốn triều đường như thế là thế nào? Mau tâu trình trẫm rõ!

Trông cả bọn sứ bộ trở về, không thấy ông nào có vẻ gì là mang thương tích hay bị hành hạ, ngược lại ông nào xem ra cũng có phần béo tốt hơn trước lúc ra đi, chẳng có vẻ gì là đáng để phải khóc lên như bọn quần vận yếm mang như vậy! Cho nên, phán hỏi của đức Thái Tông cũng là thắc mắc của tất cả các quan.

Trương Tôn Quyền gạt nước mắt, vẫn quỳ nhưng ngẩng mặt lên cố giữ giọng cứng cỏi thế mà vẫn nức nở, tâu:

– Muôn tâu đức thánh đế, nam nhi đứng ở trong trời đất, được vinh tụng là "tu mi nam tử", râu tóc được thánh hiền xưa xem trọng cũng như mạng mình, thế mà bọn Nam man dám làm cái việc bạo thiên nghịch địa cắt gọt hết râu của sứ giả là người vâng lệnh đức thánh đế mang chiếu dụ xuống Nam!

Bây giờ thì mọi người chợt nhận ra, quả thật bọn Trương Tôn Quyền ông nào râu ria chẳng phải là những "bộ râu dài cao quý, ria đẹp như mây thêu" nữa, mà cả bọn chỉ có những bộ râu ria lởm chởm mới mọc chắc chỉ quá mươi ngày một chút! Thế là thế nào!? Quần thần lao xao, Hoàng đế phán hỏi, và sứ bộ Trương Tôn Quyền lần lượt tâu trình tất cả mọi việc, từ quang cảnh nước Nam, đến núi non sông ngòi như thế nào, dân tình sinh sống ra sao, đến việc triều đình nước Đại Cồ Việt bình an hay biến động, nhất nhất mọi việc sứ thu thập được ở nước Nam đều trình tâu đầy đủ. Hoàng đế và triều đình thay nhau hỏi sứ bộ mọi thứ ở nước Nam, từ việc chính trị, quân sự, đến việc con dân sinh sống ruộng nương cấy cầy, sông hồ đánh cá, lễ hội tục lệ ra sao... , sứ bộ thay nhau trình bầy liên miên suốt cả một ngày mà xem ra còn chưa hết, cuối cùng Hoàng đế phán:

– Hôm nay trẫm nghe các khanh thuật lại nhiều việc hay, buổi triều như thế là cũng dã lâu lắm rồi. Trẫm bãi triều, ngày mai trẫm hỏi sứ những việc khác!

Thế là buổi triều hôm ấy hết.

Hôm sau, Trương Tôn Quyền giữa triều đường kể lại những lời nói của Phó Vương Nhiếp chính Lê Hoàn tiếp sứ đe dọa như thế nào, rồi đến việc mở tiệc tiễn sứ, lại khoe khoang bầy trận huy động cả núi rừng, sai mỹ nhân hát theo bài ca nghe ra như bài kệ kêu gọi thần núi thần sông, dẫn lối cho trống đồng chỉ huy kỳ trận biến đổi lạ kỳ. Hết trận lạ đến Thái Công ngày xưa cũng không tài giỏi bằng, cho dù Tôn Ngô có sống lại cũng phải khiếp phục. Trương Tôn Quyền tâu:

– Muôn tâu thánh đế, như thế thì người Nam chẳng phải chỉ là những kẻ vũ dũng không thôi, mà còn là những bực nhân thần trí tuệ, biết phép mầu có thể đem cả núi rừng sông lạch cùng vào trận, biến lá cây thành hùng binh, chuyển dòng suối thành trận thế bao vây. Nó còn nói :"ở vùng núi rừng có những trận pháp riêng để huy động núi rừng; ở nơi đồng bằng rộng rãi thì sai khiến sông lạch ruộng nương cùng vào trận, nhất nhất mỗi tấc đất đều có thể tùy hoàn cảnh để mở trận được! Cho nên, từ vạn cổ đất Nam tuy liên miên xảy chiến tranh chống Bắc phương, mà trước sau vẫn vững vàng là vì thế "!

Triều đình lại nghị bàn, bao nhiêu là lạ lùng vừa hào hứng vừa có phần lo lắng. Rồi đức Thái Tông phán:

– Phải, các tiên liệt ở các đời trước, tuy chẳng đời nào các ngài lại không muốn chinh phục đất Nam, nhưng các ngài đều dẫn đo cân nhắc kỹ lưỡng là vì thế, có ngài còn bảo:"đất phương Nam là linh địa, ở đấy kiệt hiệt xuống đến cả hạng đồ điếu"(*), cho nên họ mọi rợ mà lại hiểu ý tứ của thánh hiền, đồ điếu mà lại biết phép dụng binh thông thạo binh thư đồ trận còn hơn là thông thạo việc nấu nướng hàng ngày, vì thế quân viễn xuất nam chinh phải thật thận trọng, đừng nên khinh thường nó khiến dễ bị bại!

Hoàng đế phán rồi, quần thần im lặng ra chiều suy nghĩ, ngài lại phán hỏi:

– Thế còn việc nó cắt gọt hết râu ria của các khanh thì là thế nào?

Trương Tôn Quyền lại lấy vẻ mặt mếu máo tâu trình cặn kẽ hết mọi việc, rồi tâu:

– Nhân việc ấy, Lê Hoàn còn đem việc Kinh Kha sang Tần ngày xưa ra

---

(*) Đồ điếu: *người đồ tể và người chài lưới câu cá kiếm sống, xưa xem là hạng người bị khinh bỉ.*

để đe dọa, có ý nói: một phép "Không Ảnh Phi Đằng", một ngọn dao "Bách Bộ Đoạt Mệnh Đao" liệu Hoàng đế nhà Tần ngày nay có thoát hiểm được không! Như thế là y có ý đe dọa làm điều xằng bậy xâm phạm đến thiên mạng của Hoàng đế ta!

Triều đình trầm lặng, chẳng một tiếng thì thào. Hoàng đế cũng như hết thảy các quan văn võ, ai lại còn chưa tận mắt chứng kiến những việc lạ đến "rung trời chuyển đất" trong buổi tiệc tiễn Nam sứ cách nay chẳng mấy ngày! Phép "bay không hình dáng" thế nào thì không biết, còn như phép "Đao Trăm Bước Lấy Mệnh" thì ai cũng đã thấy rõ ràng với ngọn dao trong tay tướng Nam mở toang giáp bào của đại tướng nhà Tống khủng khiếp đến thế nào rồi!

Ngọn dao ấy, không mở giáp, mà đoạt mệnh thì đại tướng ấy nhất định chết mà không hiểu mình chết như thế nào rồi! Thật là khủng khiếp, phương Nam là miền đáng sợ!

Đức Thái Tông phán:

– Trẫm không tin là khắp nước Nam đứa nào cũng biết phép "Vô Ảnh Phi Đằng", nhưng trong đám võ tướng của nó rất nhiều đứa biết phép ấy. Đến phép "Bách Bộ Đoạt Mệnh Đao" thì dễ hiểu, ngay Trung Nguyên ta cũng có nhiều võ phái, nhiều tay gươm đao thần kỳ, ta tin phép ấy là có thật. Vả lại, cái ngày tên tướng đi theo sứ bộ của nó đã chẳng hành động một lần phá giáp trận của tướng nhà Tống ta ngay trước mắt mọi người, thì chẳng phải là phép Trăm Bước Lấy Mạng Địch là gì, huống hồ lúc ấy hai người chỉ cách nhau có vài bước chân!

Triều đình bàn cãi các việc sứ xuống Nam, rồi Tống đế phán:

– Tuy rằng thế, cũng chẳng phải là binh tướng của ta lại không hơn được binh tướng nước Đại Cồ Việt! Binh có thể ít mà vẫn thắng địch nhiều, binh có thể yếu mà vẫn thắng địch mạnh, phép dụng binh chẳng cứ phải trăm tướng vạn binh mới thắng được, mà có thể chỉ một tướng với trăm binh cũng phá được đại trận, người làm tướng thông hiểu binh pháp, biết phép hành quân thì có thể đánh là thắng! Nay, nước Nam có ý phô diễn tài nghệ, tất là cũng có phần nào đúng thật, chẳng thế đức khai tổ đang lúc cường thịnh cũng còn phải ngập ngừng, vì thế trẫm thấy hào hứng với việc Nam chinh, trẫm muốn ngự giá đi chinh phục phương trời kỳ lạ! Các khanh thấy thế nào?

Thật là lạ! Cổ kim trải qua bao nhiêu triều đại thịnh suy chưa từng có vị Hoàng đế Trung Nguyên nào lại phải ngự giá thân chinh cầm binh tiến xuống Nam đánh nước nhỏ bé này! Nay Hoàng đế muốn đích thân ngài cầm quân xuống Nam, tất sự việc phải là sự việc kinh thiên động địa đến

thế nào?. Cũng chính vì thế, đình thần văn võ lần lượt thay nhau xuất ban tâu trình can ngăn Hoàng đế không nên ngự giá như thế, các quan viện dù lẽ dủ lý để can gián Hoàng đế, nhưng cũng vì thế mà triều đình xem việc Nam chinh là điều cực kỳ khó khăn, nguy hiểm(*). Các quan còn biện luận: "Hoàng đế Trung Nguyên, là chúa tể cả thế giới, có lẽ nào lại phải tự thân vất vả với việc chinh chiến đánh phạt một nước chư hầu con con! Như thế, dễ làm nguy hại đến uy danh của Hoàng đế trước mắt các chư hầu; vả lại triều đình

Chẳng thiếu những đại tướng danh tiếng lẫy lừng, binh đông trăm vạn muôn, khí giới trăm kho chưa đủ chỗ chứa, sao lại phải sợ một nước bé nhỏ ấy! Ngay đến sai một đại tướng tại triều cầm quân nam chinh cũng là điều chẳng xứng, sao lại phải vất vả đến bậc Hoàng đế như vậy! Chỉ cần một chức quan nơi biên trấn cầm lệnh sai bảo các tướng thuộc vào trận, cũng là đủ lấy nước Nam rồi!".

Trước những lý lẽ can gián ấy của các quan, đức Thái Tông nghiêm nghị phán:

– Chẳng phải là trẫm không biết triều đình có những đại tướng lẫy lừng tên tuổi, cũng chẳng phải là trẫm không tin ở tài trí các quần thần văn võ của trẫm. Nhưng một mặt trẫm muốn binh ta xuất ải là thành công, một mặt trẫm muốn tự thân xếp đặt mọi việc trị an để hóa giải cho kỳ được cái nạn "một nước Nam bé nhỏ cản trở khiến Trung Nguyên ta không thể xuống tận cùng phương Nam được", lại nữa xét trong sử sách, dân tộc nhỏ bé ấy dời nào cũng là mối bận tâm của Trung Nguyên, phải làm sao để từ thời đại của trẫm cho đến mãi muôn ngàn năm sau không còn cái việc binh tướng phải vất vả hao tổn xương máu ngoài biên ải vì nước ấy nữa mới được! Nay, các khanh can ngăn, trẫm thật không vừa ý, quân vương sáng suốt năng nghe lời can gián, nhưng lúc này những lời can gián ấy chẳng phải vì một lỗi lầm gì của nhà vua, thế thì vì đại cuộc trẫm có thể tự tay cầm trống lệnh sai bảo các tướng được!

Hoàng đế vẫn không bỏ ý định ngự giá nam chinh, đến lượt chính Bá tước Trì phủ Ung Châu Hầu Nhân Bảo xuất ban tâu:

(*) Ba-trăm-lẻ-bốn năm sau, tức là vào năm Giáp Thân (1284) tháng Chạp, quân Nguyên khởi sự xâm phạm nước Đại Việt, ba lần bị thần vũ nhà Trần là Đại Nguyên soái Trần Quốc Tuấn đả bại, khiến Nguyên Thế Tổ là Hốt Tất Liệt uất hận, quyết định thu thập hết binh tướng, sửa soạn để ngài đích thân cầm quân xuống Nam lấy Đại Việt báo thù rửa hận, nhưng vì lo nghĩ nhiều quá, uất hận dồn chứa trong lòng khiến Nguyên chúa sinh bệnh nặng mà chết, Thánh Tông nối ngôi sợ bị chiến bại, bãi hẳn việc xuất chinh, và vì thế Trung Nguyên vẫn không có vị Hoàng đế nào ngự giá thân chinh đi đánh nước Nam.

– Muôn tâu thánh đế, quả thật đức thánh đế không nên xuất cung! Chưa bao giờ một Hoàng đế Trung Nguyên lại phải xuất cung chinh phạt một nước chư hầu con con như nước Nam, làm như thế thần sợ từ đây uy danh của Hoàng đế Trung Nguyên bị suy hại, khiến các chư hầu khác dễ lấy việc nước Nam mà cũng đua đòi theo gương gây loạn, vả chăng binh tướng của triều Tống ta khuất phục được bốn phương, sao lại không đủ sức để thu phục một nước Nam! Hoàng đế ngự giá xuất chinh vừa vất vả, không xứng, lại dễ làm buồn lòng chúng tướng sĩ, thần đã vâng lệnh cầm quân đánh nước Nam, thấy có bổn phận phải tâu trình lên đức thánh đế việc triều đình lo lắng, cầu mong đức thánh đế minh xét!

Hầu Nhân Bảo cũng như các tướng khác, xem việc đánh chiếm nước Nam tuy có thể có khó khăn, nhiều nguy hiểm, nghĩ đến những gì tai nghe mắt thấy thì trong lòng lại nơm nớp lo sợ; nhưng mặt khác hệ trọng hơn cả là: giả thử đức Hoàng đế ngự giá cầm quân, tất lúc ấy phải có nhiều văn võ các quan vào hàng cột trụ của triều đình tòng giá, lúc ấy thì thân phận một Tri phủ nơi biên cương còn dáng kể gì, việc riêng của ông nhất định vẫn chỉ là điều bất hạnh không gỡ ra được!

Nghe Hầu Nhân Bảo tâu, Hoàng đế chậm rãi phán:

– Thôi thì trẫm nghe lời chư khanh, nhưng vẫn thấy trẫm thân chinh cầm quân mới phải! Vậy thì, việc sửa soạn đã xong, khanh giữ lệnh sai khiến các binh tướng khác thì hãy lên đường ngay, đừng để mất lợi thế hành binh!

Hầu Nhân Bảo cả mừng, lạy tạ Hoàng đế rồi tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế, mọi việc sửa soạn đã xong, lương thực đầy đủ, khí giới quân dụng có thể cung cấp cho quân ta được một năm. Lúc này thời tiết chưa thuận tiện cho việc hai quân thủy bộ cùng tiến đến các nơi hợp quân, cho nên thần tuy đã gửi lệnh cho quân kỵ bộ sẵn sàng vượt ải, nhưng cũng còn phải đợi quân thủy đến đúng vị trí ước hẹn, vì thế việc quân hành tuy có chậm nhưng chắc chắn, thần tin chỉ chớm vào hạ năm sau là quân nam chinh của ta đã dứt được triều đình Hoa Lư, xong việc nước Đại Cồ Việt!

Tống đế hài lòng lắm, ngài phán thêm:

– Kể từ ngày mai, khanh không cần phải vào triều tâu trình việc gì nữa, nhưng cứ theo ước định tâu trình mọi việc về triều. Trước khi khanh lên đường, trẫm ban cho quyền được quyết định tất cả mọi việc tiến thoái nơi chiến trường, có trường hợp lui không phải là có tội, nhưng cũng có trường hợp tiến được lại là điều phải bị khiển trách!

Trẫm hiểu bản lĩnh binh tướng nước Nam, cho nên dù biết sức binh tướng của trẫm không yếu hèn, nhưng cũng phải nhắc lại lời răn bảo các khanh: người nước Nam không phải là kém cỏi, các chư hầu chung quanh Trung Nguyên ta chưa chắc đã có mấy nước sánh bằng họ, cho nên mỗi quyết định đều phải cho thật thận trọng, sai lời trẫm dặn dò ấy là tự tìm lấy tai họa!

Triều đình lắng nghe những lời phán dụ của đức Thái Tông, hầu hết các quan văn võ đều cho là việc đánh nước Đại Cồ Việt quả thật có khó khăn, nhưng can gián mà nếu Hoàng đế vẫn quyết định nam chinh, thì cũng đành vâng lệnh, nay thì việc xông pha nơi chiến trận là việc của Hầu Nhân Bảo với các tướng khác nơi biên cương, chứ chẳng liên quan gì tới các quan ở triều đình, cho nên vì thế các quan cũng mừng lớn ở trong lòng, tỏ ý hoan hỉ vâng lệnh Hoàng đế. Các quan lại bảo nhau mở tiệc riêng tiễn tướng Tổng thống thủy bộ hai quân sắp viễn chinh, tiệc nào cũng chúc tụng Hầu Nhân Bảo cùng các thuộc tướng được mọi sự tốt đẹp, sớm chiến thắng khải hoàn.

Thế là, Hầu Nhân Bảo tạm quên đi nỗi lo lắng về binh tướng nước Nam, liên miên nhận tiệc tiễn hành của các quan. Đến ngày lên đường, xem lại tin trình trong những ngày qua, thì mới rõ: các thuộc tướng xong việc sửa soạn đã lâu rồi, quân tụ tập ở các doanh chờ ngày lên đường đã được nghỉ ngơi nhiều ngày. Lúc ấy Nhân Bảo mới cùng các tùy tướng mở cờ nguyên soái treo ở đầu chiến xa, rồi cả bọn cùng hướng về phía hoàng cung bái vọng, sau đấy mới lên chiến xa khởi đầu chuyến hành trình xuống Nam dài vạn dặm, quan Trì phủ Ung Châu, Bá tước Tổng thống đại binh Nam chinh của nhà Đại tống đi bằng chiến xa chứ không đi bằng ngựa cho đỡ phần mỏi mệt!

Bao nhiêu việc ở Bắc Kinh, cho đến lúc tám ngựa kéo chiến xa của tướng Tổng thống bắt đầu cất bước, thì tế tác nước Đại Việt còn để lại ở đế kinh nhà Tống cũng tức thì đưa tin về Nam ngay, ngựa tin cướp đường mà đi chứ không khoan thai như ngựa kéo chiến xa của tướng Tổng thống.

Ở Hoa Lư, cách xa Bắc Kinh kể có gần hai vạn dặm đường, thế mà nhờ tin tế tác gửi về ngày nào cũng có, khiến triều đình như thấy tất cả mọi việc ở đế kinh nước Đại Tống diễn ra như thể ngay trước mắt, rồi tin trình về quân nhà Tống vào các doanh ở hai tỉnh sát biên giới Bắc Nam như thế nào, thuyền chiến nhà Tống sửa soạn ra sao, ai là người cai quản đạo thủy quân lớn này, triều đình đều biết rõ cả.

Hội triều, Đại Hành Hoàng đế phán:

– Từ ngày sứ của ta lên đường, rồi từ ngày sứ của nhà Tống ra về, tuy đường đất xa xôi, nhưng sứ của ta cũng tìm được cách đều đặn gửi tin về, ta đã rõ mọi việc, Tống đế Thái Tông đã quyết định khởi binh, bây giờ là tàn Hạ chớm vào Thu, tướng Tống thống đại binh nhà Tống là Hầu Nhân Bảo cũng đã lên đường, chỉ sang năm là chiến trường sẽ mở ra, vậy ta tính việc lâu dài của đất nước trước đã!

Những lời nói của Hoàng đế xem ra có phần nào mơ hồ, chứa nhiều ẩn ý, cho nên triều đình còn thận trọng chưa ông nào dám lên tiếng, Hoàng đế phán tiếp:

– Trước hết, ta cần xem Hầu Nhân Bảo là người thống lĩnh thủy bộ hai quân mở chiến trận, vậy ông ta là người thế nào?

Từ thời Tiên Hoàng đế, ngài đã chú ý lắm đến phương Bắc, cho tế tác lẻn lỏi khắp nơi, dò xét từng việc từ nhỏ đến to, nhất là các quan trị nhậm của nhà Tống nơi biên cương, cho nên biết rõ từng người một tính nết ra sao, tài năng đức độ thế nào. Bây giờ trong việc, Hoàng đế báo:

– Theo sứ giả của ta lên Bắc, thì Tống triều sai Hầu Nhân Bảo làm Tổng binh chỉ huy hai quân thủy bộ đi đánh nước ta. Nhân Bảo là tước Bá, giữ Trị phủ Ung Châu, ông ta là người võ tướng gốc văn học, trước cũng lên ngựa theo chân Tống đế vào trận, nhiều tham vọng bè đảng, vì kém thế cho nên bị đẩy ra trị nhậm ở tận nơi biên cương. Là văn quan, nhưng Nhân Bảo thông hiểu binh thư chiến pháp, phải xem ông ta là người đáng nể trọng. Tuy thế, cứ xem những tin trình của sứ giả nước ta thì vì các ông ấy trong hoàn cảnh chẳng có đất sống, ra tay đe dọa Tống triều dủ thứ, thành ra như vậy các quan triều đình nhà Tống cũng có ý sợ mà thận trọng. Việc này, vừa có lợi cho ta mà cũng vừa có hại cho ta là: tướng cầm quân trong lòng lúc nào cũng lo sợ địch, thành ra quân thanh vì thế mà bị suy giảm; sợ nên thận trọng, tất lúc nào cũng tính táo đề phòng, khiến địch khó đánh phá. Như vậy, với Hầu Nhân Bảo thì ông ta sợ nhiều, thận trọng cũng lắm, sợ mà thận trọng tất sinh nhiều điều nghi ngờ, nhất nhất việc gì cũng đều có chỗ nghi ngờ là bất lợi, da nghi khi đã tin thì lại tin lắm cho nên dễ bị mắc lừa, sai lầm để thất bại một lần là trăm lần sau lại càng nghi ngờ càng thêm lỗi lầm thất bại. Trị phủ Ung Châu Hầu Nhân Bảo là người như thế cầm quân, ta phá ông ta sẽ không mấy khó khăn!

Những lời luận giải của Hoàng đế khiến các quan văn võ đều vui vẻ, quả thật những nhận xét ấy là đúng lắm, quan Đô Hộ phủ Sĩ Sư Lưu Cơ nói:

– Tâu Hoàng đế, nước ta sức dân chưa lấy lại được hẳn, việc triều chính lại mới biến động, ta cố làm sao để cho chiến tranh đừng khốc liệt, tránh tai họa lớn lâu dài, đây là lúc văn tài phải tạm nhường bước cho

thần vũ ra uy, phải phá giặc ngay từ nơi ải địa đầu, đừng để cho nó vào sâu gan ruột ta lúc ấy khó bề sửa trị! Muốn thế, ta cần phải biết: giặc đi những đường nào để vào nước ta, từ đấy mới có cách phá nó được?

Lời quan Sĩ Sư nói rất đúng, các quan lại sôi nổi bàn tán, rồi Hoàng đế phán:

Cứ theo như tin tế tác gửi về, thêm tin của sứ bộ ta, thì quân nhà Tống do Tri phủ Ung Châu tổng lĩnh, tất binh kỵ bộ của nó sẽ xuất phát từ ngả Ung Châu(*). Hầu Nhân Bảo trong lòng vốn lo sợ lại thêm cẩn trọng đa nghi, tất ông ta không chọn đường núi rừng hiểm trở khó khăn, e sợ bị phục binh hay trận đá chặn đường, thế nào cũng theo quan lộ chính ngả Lạng Châu(**) mà vào nước ta, vậy ta đem quân lập trận ở đấy. Quân kỵ bộ của giặc có thể là tiến như thế, còn quân thủy của nó sẽ đi đường nào?

Đến lượt đại thần Vương Bảo Quyền lên tiếng:

– Tâu hoàng thượng, Tổng thống quân binh thì do Hầu Nhân Bảo lĩnh, ông ta coi luôn cả quân kỵ bộ, còn quân thủy thì không biết do tướng nào cai quản?

Hoàng đế phán :

– Cũng nhờ sứ bộ với tế tác của ta đưa tin về mới biết rõ: chính Lưu Trừng quản lĩnh thủy quân của Hầu Nhân Bảo, xuất phát từ Quảng Châu.

Vương Bảo Quyền lại hỏi:

– Tâu hoàng thượng có biết Lưu Trừng là người thế nào không?

– Lưu Trừng là tướng cũ của Tống khai tổ Triệu Khuông Dẫn, có nhiều công lao, nghe nói là rất giỏi nghề thủy chiến. Ngày còn trẻ, tung hoành trên sông biển còn dữ dội hơn cả loài thủy quái, rất được khai tổ tin yêu, phong cho tước cao, ban cho chức lớn đến Hải Sư Đốc Chiến Đại Tướng quân, người đời báo ông ta không thua gì với Phục Ba Tướng Quân Mã Viện thời Nam Hán là đại danh tướng giỏi về bộ chiến lẫn thủy chiến.

Hội nghị bàn tán xôn xao, có người lo ngại về tướng Lưu Trừng, có người lại thấy hào hứng muốn được so tài với họ Lưu xem sao. Nhưng Hoàng đế phán:

–Với thủy quân của giặc, thì Lưu Trừng là người như thế, còn thủy

---

(*) Ung Châu, theo sách Đại Thanh Nhất Thống Chí thì Ung Châu thuộc về Quảng Tây thống bộ.

(**) Lạng Châu: nhà Lê nhà Lý đặt làm lộ; nhà Trần gọi là Lạng Giang; nay gọi là tỉnh Lạng Sơn.

quân của ông ta phải vượt biển xuống nước ta, quân ấy thế nào. Quân thủy đi xa, thế nào cũng là những thuyền lớn mới chịu được với sóng gió biển rộng những tháng cuối năm nhiều sóng gió. Lại nữa, trên bộ quân tiến chẳng bao giờ lại chỉ có một đạo một đường, tất phải chia thành nhiều đạo giằng co yểm trợ cho nhau ở nhiều mặt; quân thủy cũng vậy dù mạnh đến đâu, cũng chẳng bao giờ người cầm quân lại chỉ tiến một nẻo, trước sau không có những đạo trợ chiến. Thế thì Lưu Trừng sẽ cho thuyền vào nơi nào của nước ta để mở trận, những đạo quân nào là quân bộ chiến yểm trợ cho chính binh của Lưu Trừng?

Các quan lại bàn cãi thật sôi nổi, đem cả truyện ngày xưa lúc ông Ngô Quyền phá thủy quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng để diễn giải thế trận, đường tiến quân của ngoại địch theo đường thủy, thế thì có thể quân thủy của Lưu Trừng cũng lại theo con đường sông lợi hại ấy để tiến vào sâu trong lãnh thổ nước Đại Cồ Việt, từ đấy hội quân với quân kỵ bộ của Thống soái Hầu Nhân Bảo làm thế trận "Khai Sơn Phá Thạch" tràn về chiếm giữ La Thành trước, giữ vững thế yểm trợ phía sau lưng tức là từ La Thành ngược lên phía Bắc tiếp nối với Quảng Tây, Quảng Đông, rồi sau đó được thảnh thơi bình an mở rộng thế lực nhìn xuống kinh đô Hoa Lư.

Hoàng đế phán:

– Như thế, ta có thể ước định được đường tiến quân của Hầu Nhân Bảo, Lưu Trừng. Với quân kỵ bộ, thì ngoài con đường qua lộ Lạng Châu, ta quyết chắc là Hầu Nhân Bảo không đi con đường nào khác là đường ải Chi Lăng của ta, ta sẽ lập trận ở nơi thuận tiện đón Hầu Nhân Bảo. Còn Lưu Trừng chắc không thể nào dám cho thuyền chiến đơn phương vượt biển vào tận đế kinh của ta, bỏ mặc phía sau cho quân kỵ bộ lạc lòng một mình khiến hai quân thủy bộ chẳng thể nào giao tiếp yểm trợ được cho nhau. Tuy thế, ta hãy đưa thêm quân lên Lạng Châu, tiếp sức cho các nơi đã có quân trấn giữ, đợi thêm ít ngày nữa thế nào cũng có thêm tin của sứ bộ của ta còn cố tình đi chậm lại để dò xét tình hình địch, xem dích xác quân Tống tiến thoái thế nào, rồi sẽ định sau.

Hội nghị quân binh tại triều chỉ mới qua có hai ngày, quả nhiên đã có tin của sứ bộ Giang Cự Vọng gửi về, xem mật tin trình, Hoàng đế liền tức thì triệu tập các tướng lần nữa, ngài phán:

– Quả nhiên đã có tin của ông Giang Cự Vọng mới gửi về cho hay: Hầu Nhân Bảo giữ ấn Giao Châu Thủy Lục Chuyển Vận Sứ, Tống Thống Đại Binh Nam Chinh, có các thuộc tướng là Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trừng, Giả Thực bốn ông giữ chức Binh Mã Đô Bộ Thự, thêm các bộ tướng Triệu Phụng Huân, Quách Quân Biện, Tham Diệp Tuyên, Đới Quyết Đồng, và Chuyển vận sứ Hứa Trọng Tuyên theo quân, tất cả chia

làm hai ngả thủy bộ sẽ cùng tiến. Mặt bộ, Hầu Nhân Bảo, có phó tướng là Tôn Toàn Hưng sẽ đi theo ngả Lạng Giang; mặt thủy do Lưu Trừng sẽ vượt biển rồi nghe nói là sẽ vào sông Bạch Đằng. Như thế là đường tiến của giặc đã tạm rõ ràng, ta có thể lập thế trận được rồi!

Rồi Hoàng đế chọn ngày, thiết đại triều, buổi hội triều này là buổi hội triều thật quan trọng, vì thế các quan văn đều mặc đại triều phục, các quan võ đều giáp trụ đầy đủ như thể sắp ra trận.

Khai triều hội, Hoàng đế phán:

– Như thế là sứ bộ của ta đã làm xong sứ mạng, đã trì hoãn được chiến tranh để binh tướng của ta có thì giờ xếp đặt mọi việc bên trong, thu xếp trận thế. Đến lúc này, binh tướng nhà Tống đã phân định xong nhiệm vụ, quân sắp chuyển động, ta cũng không nên chậm trễ trong việc binh tướng lên ải quan chặn giặc không cho nó tiến sâu xuống đồng bằng, trước trẫm đã sai tướng quân Phạm Cự Lượng cầm cờ tiên phong mang ấn Đại Tướng Quân(*), nay hãy lập tức đem các tướng đưa quân lên biên ải đợi đón giặc

Hoàng đế hội triều, ban chiếu lệnh xuống trăm họ nói cho biết quan quân đi phá giặc, qua địa phương nào nơi ấy phải cung ứng lương thảo, lại phải tiết kiệm không được lãng phí, cho lập các kho tàng ở nhiều nơi, phòng việc chiến tranh làm hao tổn sức dân, dễ bị nạn đói kém(**); Hoàng đế ban nghiêm lệnh cho các quan: "Tiên Hoàng đem quân bình thiên hạ, gian lao bao nhiêu năm tháng nhờ được lòng người ở cái thế dẹp bạo trừ gian, cứu vãn an bình cho trăm họ, cho nên đại nghiệp cánh thành giang sơn khởi sắc; nay các quan thay triều đình giữ trọng mệnh chăn dắt con dân, nếu lại thừa lúc quyền lớn nắm trong tay, bạo ngược tham tàn làm những điều hút máu lóc thịt dân, lấy đen làm trắng, ngược ngạo với dân, làm suy hại đến công lao của Tiên đế, tai tiếng cho triều đình, ấy là hành động của quân giặc cướp, ấy là hành vi của kẻ phản quốc, tội ấy không tha. Nay, trẫm đem binh đi cự ngoại xâm, giữ lấy giang san khỏi mất vào tay giặc ngoài, việc chiến chinh tất hại nhiều cho sức dân, do vậy các quan lại càng phải ra sức bồi dưỡng cho dân, dãi dân như dãi người ruột thịt thân tình, xem dân như ân nhân của nước, có dân mới vững được nước của Tổ Tiên dựng lập để lại, có dân các ngươi hôm nay mới có được

---

(*) Sau này, năm Bính Tuất (986) tức là năm năm sau ngày phá xong quân Tống, vua phong Đại tướng quân Phạm Cự Lượng chức Thái Úy, chức này cũng tương đương như tể tướng.

(**) Tuy đã thận trọng nhìn xa như vậy, thế mà năm sau tức Nhâm Ngọ (982) cả nước vẫn bị nạn đói to.

quyền cao bổng lộc hậu, vợ con hạnh phúc, ấy là dân nuôi các ngươi, dân ban phúc cho gia đình họ hàng các ngươi, nơi nào trẫm nghe thấy dân kêu ca, ấy là nơi ấy có án "tham quan hại dân hại nước" chính là nơi có án quyết tử hình không dung tha!...."

Hoàng đế ra hiếu dụ làm nô nức lòng người[*].

Kinh đô Hoa Lư đang náo nhiệt với việc Hoàng đế xuất chinh ra Bắc thì tin trình vào: "sứ bộ Giang Cự Vọng đã về đến nơi, xin lệnh chỉ vào bái yết...", Hoàng đế cho triệu vào ngay, ngài thiết triều nghe sứ bộ tâu trình mọi việc.

Sứ bộ Giang Cự Vọng tung hô vạn tuế, tỏ ý tuân phục tân triều, tán dương Hoàng đế xong, tâu:

– Muôn tâu, chúng thần vâng lệnh đi sứ sang Đại Tống tự xét thấy không làm nhục sứ mạng vua sai, bây giờ xin tâu thuật hết thấy mọi việc!

Sứ bộ thay nhau tâu trình cặn kẽ mọi việc xảy ra từ ngày sứ bộ vượt ải quan vào đất Tống cho đến hôm nay. Rồi sau cũng biết việc Hoàng đế mật sai Giang Trầm Trúc bí mật đi hộ tống cho sứ bộ như thế nào.

_ Giang Cự Vọng tâu:

- Tâu Hoàng đế, như thế chỉ vì nghĩ là chẳng còn đường về, xác thế nào cũng bó lại nơi quê người, cho nên ông Vương Thiệu Tộ chẳng nể mặt Tống đế, ông Trịnh Tú ra uy thần vũ làm nhục tướng Tống triều, những việc như thế chắc chắn là phải chết, chúng thần dã chẳng chết lại còn thu được nhiều điều hay!

Triều đình cực kỳ vui vẻ, bàn tán xôn xao, hỉ hả nghe sứ bộ thuật mọi việc, rồi Đại Hành Hoàng đế phán:

– Như thế, các khanh thấy được những điều hay là những điều gì?

- Tâu Hoàng đế, riêng thần nhận thấy, thì Tống Thái Tông trước đã dấn đo nhiều về việc cho quân ra ngoại biên thôn tính nước ta, chẳng thế mà ông ta còn nhắc cả đến Thái tổ khai nghiệp Triệu Khuông Dẫn, để cho quần thần thấy việc đánh nước ta chẳng phải là dễ, hại nhiều hơn lợi. Đến

---

(*) Trước có nghiêm pháp của Tiên Hoàng đế, gia hình khốc liệt nên xã hội được yên, đến đời Đại Hành Hoàng đế phép nước vẫn còn nghiêm ngặt, Hoàng đế không ngại vất vả, các quan không dám phạm lệnh của vua, vì thế trong hai mươi bốn năm ở ngôi, Đại Hành Hoàng đế làm được rất nhiều việc, dân giàu nước mạnh, binh lực lẫy lừng, văn học thịnh vượng, ngài xây dựng được nhiều cung điện to tát; Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sỹ chép:...vua cất nhiều cung thất ở núi Đại Vân, (tên điện là Phong Lưu, Cực Lạc, Trang Xuân, Tử Hoa) cột nhà thếp vàng lợp ngói bạc để làm nơi coi chầu, các xây dựng này ảnh hưởng lớn cho các thế hệ mai sau.

khi sai Hầu Nhân Bảo lĩnh mệnh Tổng thống hai quân thủy bộ viễn chinh, thì rõ ràng là Tống đế sai lầm sai một chức quan nơi biên thùy cầm quân, dù rằng viên quan ấy tài giỏi đến đâu cũng dễ khiến các tướng xem thường. Đã thế, Hầu Nhân Bảo chỉ vì việc riêng, khăng khăng tâu trình toàn những điều hay đẹp, chỉ thấy có thắng chứ chẳng thấy có chỗ nào là khó khăn, nguy hiểm, cốt để thoát ra được cái cảnh "chín năm lưu đầy"...

Đến đây thì Đại Hành Hoàng đế cắt lời Giang Cự Vọng, ngài phán hỏi:

– Hầu Nhân Bảo bị lưu đầy vì sao? Y muốn thoát cảnh ấy sao lại phải có chiến tranh?

Giang Cự Vọng tâu xin để Vương Thiệu Tộ nói rõ về việc này vì ông ta biết rõ.

Vương Thiệu Tộ tâu thuật xong, Đại Hành Hoàng đế nghiêm nghị nhìn quần thần, phán:

– Trước, ta chỉ nghe loáng thoáng là Trần Khâm Tộ mới chính là người có xích mích với Hầu Nhân Bảo, rồi nhân việc Nhân Bảo lấy được em gái Triệu Phổ khiến Phổ cũng ghét, vì thế Trần Khâm Tộ mới xúi giục Triệu Phổ bảo là dòng dõi Hoàng đế khai nghiệp nhà Tống, thế lực rất lớn, cầy bẩy đuổi Hầu Nhân Bảo ra tận biên cương cực nam Trung Nguyên. Cứ theo như các khanh trình về, thêm tin tức của tế tác báo, thì trong chuyến nam chinh này trong quân lại có cả Trần Khâm Tộ, trẫm không hiểu vì sao Tống đế lại chủ trương như vậy, sự thế dễ làm mất gắn bó giữa các tướng với nhau. Nay có thể nhân việc các khanh hành động ở Trung Nguyên, lại thêm truyện xưa giữa Trần Khâm Tộ, Hầu Nhân Bảo, Triệu Phổ, ta có thể bài trận, dụng kỳ mưu phá chúng được dễ dàng!

Triều thần nghị bàn rất nhiều đến kế sách ra quân lập trận, mỗi người một ý thật hào hứng, việc không thể dứt khoát được. Tới lúc ấy, Đại Hành Hoàng đế mới phán:

– Từ đầu, trẫm vẫn chủ ý là không để cho giặc tiến sâu vào đất nước ta, tức là ta hạn chế những tai hại của chiến tranh, tai hại ấy thế nào cũng làm cho dân chúng bị thiệt hại nhiều lắm. Vả chăng, miền xuôi bằng phẳng không có núi non, chỉ có sông ngòi, không phải là nơi lập trận chế ngự giặc. Để cho giặc đã xuống được đến vùng xuôi rồi, thì cũng như là ta đã ban cho giặc có cơ hội dồi dào để bồi tiếp lương thực, chèn bắt được dân chúng, lấy lại được sức lực đã bị ta làm cho hao mòn. Còn ta, mất vùng xuôi, tất phải lui về miền Nam, hoặc lánh ra mặt biển. Lùi về miền Nam, ấy là ta để mất thanh thế, chiến tranh lại gần kinh thành của ta, tránh sao khỏi náo động làm xôn xao lòng người; còn ra mặt biển thì dù quân thủy của ta có mạnh chăng nữa, huống hồ là chưa mạnh, ấy là ta

đem thân đến cho quân thủy của giặc đánh giết. Bao nhiêu đời, Bắc phương muốn thôn tính nước ta, cho nên lần nào dưa binh xuống Nam cũng đều nghĩ đến thế an định chính trị Bắc thuộc ở nước ta. Miền Bắc, ta có cố đô Cổ Loa, có nhiều thành quách, hệ trọng hơn cả là thành Đại La(*), giặc chiếm được miền Bắc ấy là giặc đã vững hai phần ba mưu đồ của nó thôn tính nước ta! Lúc ấy, phía Bắc từ đông sang tây giáp ranh nước nó, nó dễ dàng đi lại lợi đủ thứ, bao nhiêu trọng điểm giặc trấn giữ mất cả, giành lại được chẳng phải là dễ. Như vậy, không còn cách nào khác hơn là phải phá cho xong giặc ngay từ nơi biên cương, làm cho miền xuôi hoàn toàn yên tĩnh, có thế mới tránh được những hậu quả tan nát lâu dài, khó khăn không biết đến bao giờ mới gỡ ra được, vì vậy thành Đại La không thể để cho giặc tới được!

Hoàng đế phán một hồi dài, luận giảng về chính tình với quân thế giữa đôi bên, lại chú trọng đến quân thanh để chúng binh tướng nức lòng đuổi giặc, ngài quyết liệt tìm cách bài binh bố trận ở nơi cửa ngõ giang sơn chỗ giặc mới bước chân vào. Ngài phán tiếp:

– Giặc từ xa tới, thế nào cũng hoang mang không hiểu rõ địa hình, không biết rõ những nơi trọng yếu, nó thua ta ở chỗ: ta biết rõ nơi ta mở trận, thế là ta đã thắng được keo đầu, hơn được giặc ở thế dụng binh. Chọn nơi mở chiến trường như thế, tức là ta đã thắng giặc một điểm!

Quần thần nức nở khen ngợi ý định của Hoàng đế, rồi tâu: xin đợi để được nghe tài thần vũ của Hoàng đế.

Ngài phán tiếp:

– Địa lợi nơi ta chọn để dàn quân mở trận đợi giặc đã có, thế là ta làm chủ được cuộc chiến, đẩy giặc sang thế phải liên miên đón đỡ lúc ta tấn công, không còn thì giờ để nghĩ đến các việc khác. Phàm chiến trận, bên nào giành được phần tiến công, ấy là bên ấy thắng. Tuy thế, không phải tiến công lúc nào cũng là thắng cả, mà còn có cả thất bại, lui quân có khi lại trở thành dẫn dịch vào thế dàn xếp trước của ta! Giành được thế công, ấy là ta mạnh, lại nhàn nhã thắng được giặc ở xa mới tới mệt mỏi hoang mang, đấy là điểm thắng thứ hai của ta. Thắng ở địa lợi, thắng ở thế trận, thắng ở kỳ mưu lui mà vẫn là tiến, là diều thắng thứ ba. Ba điều thắng ấy, ta có cơ hội để làm không?

(*) Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, *thì thành Đại La do Trương Bá Nghi đắp năm Đường Đại Hữu thứ 2, sau Triệu Xương và Trương Nghi đắp thêm, Ý Cao Tông Cao Biền lại đắp thêm, quanh co 1982 trượng, có 55 sở vọng lâu, 6 cửa ống, lâu năm đổ lở, không rõ ở chỗ nào. Phía ngoài tỉnh thành có lũy tre bao bọc bốn mặt, hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận có 12 cửa ô là xây đắp vào năm Kỷ Tị Cảnh Hưng thứ 10, không phải là dấu cũ thành Đại La của Cao Biền.*

Đại Hành Hoàng đế nói ba điều trong binh thư chiến pháp, khiến cho quần thần thật kính phục, bất chợt các quan chẳng bảo nhau mà cùng hô vang "Vạn tuế" tỏ ý ca ngợi thần trí của Hoàng đế. Trên ngai vàng, Đại Hành Hoàng đế đợi cho quần thần đã thật im lặng lại rồi, ngài lại phán:

– Ta nhiều phần đã biết đường bộ giặc sẽ đi từ Ung Châu, qua ngả ải quan Chi Lăng, Lạng Châu, ta lại đã đem quân lên đấy ẩn phục chọn những nơi hiểm yếu trọng địa đợi trước, bây giờ ta sửa đổi lại đôi chút thì nhất định "địa lợi" ấy ta có thừa cơ hội để thành công! Rồi từ những "địa lợi" ấy, ta mở trận ngay từ khi giặc mới bước chân vào giang sơn ta, không cho nó có thì giờ nghỉ ngơi xem xét địa thế, ngay từ đầu ta ra sức dồn ép nó phải hoàn toàn không thể tự ý xuất quân được, mà chỉ có thể dốn đỡ trong vất vả thiệt thòi, thế là "thuật chiến" của ta cũng đã làm được!

Hai điều trong chiến trận, Đại Hành Hoàng đế phân giải thật quả quyết, không thấy ngài nói chút nào đến trường hợp ngược lại, sự ngược lại ấy binh thư bảo là "bất ngờ không biết trước được của người làm tướng", vì thế quần thần có nhiều nghi ngờ, nhưng vẫn im lặng lắng nghe Hoàng đế phán. Ngài tiếp:

– Hai điều ta đã thắng, đến điều thứ ba là dụng "kỳ mưu" tiến cũng thắng, lùi cũng thắng, đấy là "mưu chiến tại chiến trường". Điều này ta có thể làm được không, để mong được thắng trọn vẹn?

Hoàng đế chủ trương đánh giặc thật mạnh ngay từ đầu, không cho giặc có thì giờ để nghỉ ngơi xem xét mọi việc, lại quả quyết về hai điều thắng đầu tiên, thế thì có thấy chỗ nào để dụng "kỳ mưu nơi chiến trường đâu" thành thử vì thế quần thần tuy có lao xao nho nhỏ bàn với nhau về câu phán hỏi của Hoàng đế, mà vẫn không thấy có vị nào lên tiếng. Nhìn quần thần im lặng, Hoàng đế hiểu nỗi lòng các vị, ngài thay đổi nét mặt nghiêm nghị, tỏ vẻ vui mà phán rằng:

– Từ khi biết trong quân của Hầu Nhân Bảo, có cả Đốc quân Tây trấn của nhà Tống là Trần Khâm Tộ, thì trẫm cho rằng: một là Tống đế lỗi lầm sai hai kẻ không ưa nhau làm cùng một việc, thói đời đã không ưa nhau thì thế nào kẻ nọ cũng muốn người kia bị thiệt hại cho hả những mối giận riêng. Nơi trận mạc, tướng với tướng bất hòa, rồi tướng với binh bất hòa, là những điều tối kỵ, sự bất hòa ấy làm cho sức mạnh trong quân sút giảm nhiều lắm, có khi triệt tiêu hẳn sức mạnh ấy: Điều thứ hai, trẫm nghĩ: Hầu Nhân Bảo, Trần Khâm Tộ nhất định chẳng thể nào cùng đi một đường, chẳng thể chung nhau một trại, chẳng thể đồng ý với nhau về hoàn cảnh trận mạc, thế nào mỗi ông cũng cầm một đạo quân, lấy cớ là "hai ngả cùng tiến quân, lập thế công hai mặt, làm thế ỷ dốc cho nhau", nếu quả là đúng như thế, thì ta có thể cùng một lúc dụng được hai kế, một là "ly gián kế" làm cho hai tướng đã nghi kỵ ghét nhau càng thêm

nghi kỵ ghét nhau, hai là "đả hổ kinh sư" đánh con cọp để cho con sư tử phải kinh sợ!

Triều đình nghe Hoàng đế luận chiến kế, hào hứng vô cùng, Đô hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ tâu:

– Tâu Hoàng đế, ly gián kế thì ai cũng biết, còn thế nào là "đả hổ kinh sư"?

Đại Hành Hoàng đế giảng:

– Hai tướng Hầu Nhân Bảo với Trần Khâm Tộ cùng cai quản quân bộ, Nhân Bảo lĩnh mệnh thống súy, lại giữ cờ tiên phong, tất ông ta là người đi trước. Binh tiến không thể chỉ đi một đường, tất phải còn đường thứ hai, thứ ba làm thế yểm trợ, đường thứ hai này tất lại phải là phó tướng trông coi. Nếu đúng như ta suy nghĩ, thì Nhân Bảo đi trước, Khâm Tộ theo sau; bấy giờ ta đánh Nhân Bảo mà thắng, tất làm cho Khâm Tộ phải sợ; ngược lại, ta đánh Khâm Tộ trước thì Nhân Bảo lo lắng chùn bước. Tướng cầm quân vào trận lúc nào cũng nơm nớp sợ địch, thì tinh thần phải là sa sút nhiều phần nghĩ đến thế thoát thân hơn là quyết chiến để thắng trận, thành ra như thế ta đánh Hầu Nhân Bảo mà hóa ra lại đuổi luôn được cả Trần Khâm Tộ nữa cũng chưa biết chừng! Giả thử Trần Khâm Tộ thấy Hầu Nhân Bảo bại trận, lớn gan dám đem quân cứu viện, thì tinh thần binh tướng ấy cũng khó lòng không khỏi hoang mang kinh sợ, binh tướng ấy vào trận thì chỉ có bị thua, chứ không thể có thắng được!

Bây giờ thì triều thần mới thật hiểu rõ chiến kế của Hoàng đế, văn vũ các quan không ngớt lời ngợi khen Hoàng đế.

Vẫn lại Đô hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ tâu:

– Tâu Hoàng đế, muốn cho thật chắc chắn là ta chiến thắng, thì phải dụng đến kế "ly gián" giữa hai tướng Hầu Nhân Bảo với Trần Khâm Tộ, vậy có thể dùng kế ấy được như thế nào?

– Trước tiên, ta phải dợi tin xem chắc chắn các tướng nhà Tống tiến binh như thế nào, sau đấy mới dụng kế ấy được. Giả thử hai tướng không chia hai đường, hay nhiều đường, để tiến quân, thì lúc ấy kế ly gián tất phải khác. Còn như nếu hai tướng hai đường, thì kế ly gián của ta không khó, kế của ta sẽ làm cho hai kẻ đi trước đi sau vừa sợ, vừa nghi, vừa cho là có cơ hội trả thù nhau đã đến, lúc ấy địa thế lập trận là của ta, chiến trường động hay tĩnh cũng là về phần ta chỉ xử, chỉ còn lại tướng vào trận có đủ tài sức để đả bại tướng địch hay không?!

Triều đình chưa biết tài nghệ tướng nhà Tống như thế nào, nhưng với những gì Trịnh Tú kể lại lúc ở tiệc ban của Tống đế cho sứ bộ, thì triều đình rất tin ở tài sức của các tướng Nam, tuy thế Hoàng đế lại phán:

– Việc các tướng nhà Tống có người trong lòng thật sự sợ tài nghệ tướng Nam, tất cũng có người lại không sợ mà còn mong được thử tài nhau nơi chiến trường. Vì thế, ta không nên vì một lý do nào hoặc vì việc nhất thời để quả quyết được rằng việc nào cũng y như thế, lúc nào cũng y như thế, vả chăng đây chẳng phải là việc bình thường, làm hỏng thì làm lại, không đúng thì lần sau sửa lại cho đúng, mà việc đây là việc chiến trận, làm hỏng ấy là mang họa sát thân, làm không đúng ấy là bỏ sống tìm đến chết, chết một tướng đã là điều nguy hại, khi cái chết ấy lại kéo theo nghìn vạn cái chết khác nữa của chúng quân, lúc ấy thử hỏi xem tai họa mới ghê gớm thế nào?

Những lời răn dạy nghiêm nghị của Đại Hành Hoàng đế làm cho các quan phải im lặng, không còn dám công nhiên tỏ thái độ xem thường binh tướng nhà Đại Tống, tuy vậy thế nào cũng có người chưa phục hẳn những lời phán bảo của Hoàng đế, cho nên mới thấy có người xuất ban tâu:

– Tâu Hoàng đế, từ ngày Tiên Hoàng ra khỏi Hoa Lư, thu thập được biết bao nhiêu anh tài, vì thế triều đình ta chẳng thiếu tướng giỏi, thần thấy tuy rằng không nên khinh địch là phải, nhưng cũng không nên vì thế mà e dè khiến suy giảm mất uy phong binh tướng nước Nam!

Nhìn ra, hóa ra là tướng Hồ Tường Thụy, tướng cũ của Tiên Hoàng đế. Thụy là tay bắn cung không có đến hai người ở Giao Châu thời Tiên Hoàng mang binh tướng đi đánh dẹp các Sứ quân. Nghe Hồ Tường Thụy tâu như thế, Hoàng đế gật đầu phán:

– Phải, trẫm nhắc đến tài giỏi của các tướng nhà Tống, chẳng phải là để làm cho nhụt bớt nhuệ khí của binh tướng ta, nhưng là để các tướng nhớ rằng: chính các tướng ấy, là những người từng theo chân Tống khai tổ tung hoành khắp nơi, như thế thì họ chẳng phải là những kẻ kém cỏi. Có điều, nước ta là nước nhỏ, không làm sao so sánh được với Trung Quốc về sức lực, chỉ còn lấy trí tuệ mà đối phó, cho nên mỗi việc dù là văn hay võ ta cũng đều phải thận trọng, làm sao đã ra tay là phải thắng, thắng rồi lại phải làm sao cho kẻ địch khổng lồ to xác ấy quên đi mối hận, có thế mới mong dứt chiến tranh, tránh được họa "kẻ thù lớn uất hận, khởi đại binh báo thù", tới lúc ấy nếu ta có gian khổ quyết chống trả đến chục năm, chắc cũng chưa làm hao mòn hẳn được sức của nó, còn ta thì sức lực nhất định kiệt quệ không thể nào còn đứng vững được nữa. Lúc này thanh thế nhà Tống còn đang lên, dư hương chiến thắng dựng triều mới còn đang thịnh, bởi vậy khi ta đã phải dùng đến việc binh đao để cự lại nó, thì phải quyết thắng cho nhanh, mọi thận trọng dù là mưu kế tính toán trong màn soái tướng, hay hành động ngoài chiến địa, cũng đều phải luôn luôn ghi nhớ trong lòng. Ta đợi thêm vài ngày nữa, sẽ có tin từ biên giới trình về!

Các quan văn võ bây giờ mới yên lòng, bao nhiêu sôi nổi bồng bột đều tạm lắng xuống. Đại Hành Hoàng đế ngày đêm dích thân ngự xét mọi việc, ngài chăm chú tính toán trên bản đồ, vùng biên giới phía Bắc thấy ghi chẳng chịt bao nhiêu là nét bút son, chấm đen, là dấu vết ngự điểm, ngài tính toán định kế như thế nào chưa ai được rõ. Bốn ngày sau, tin của quan trấn ải địa đầu sai tế tác gấp trình về tâu rõ:"...Binh Đại Tống xuất doanh từ Ung Châu, theo hai ngả thủy bộ; mặt bộ thì Soái tướng Hầu Nhân Bảo cùng phó tướng Tôn Toàn Hưng sẽ vào ngả Lạng Châu, qua cửa ải Chi Lăng; một đạo quân nữa do Đại tướng Trần Khâm Tộ vượt đường kéo đến Tây Kết làm thế trợ chiến. Còn đường thủy, soái quyền trao vào tay Hải sư Lưu Trừng theo đường biển, chọn đường vào cửa Bạch Đằng giang, ngày quân ngoại xâm vượt biên giới thì chưa được rõ...", được tin trình, Đại Hành Hoàng đế liền thiết triều, hội quần thần văn võ lại, ngài phán:

– Tin trình về nói rõ về các ngả đường tiến binh của giặc gần đúng với những suy đoán của ta, tuy rằng có thể có những thay đổi, hoặc chưa đúng hẳn về đường đi như vậy, nhưng ta cũng có thể quyết được rằng: ngoài những đường đi nhiều thuận tiện ấy ra, tướng cầm quân như Hầu Nhân Bảo không thể mà cũng không dám chọn con đường bất trắc nào khác của một danh tướng lâu thông binh thư chiến pháp, dày dạn kinh nghiệm: "vào chỗ chết để có cái sống". Hầu Nhân Bảo vừa sợ vừa khinh địch, sẽ phải chọn những con đường xem ra quang đãng, dễ đi, ông ta sợ gian khó, lại xem thường địch, tất sẽ tiến binh trong tinh thần "binh đại quốc, không có gì phải sợ binh nhược tiểu chư hầu". Nhờ thế, ta có thể lập trận được!

Triều thần lại nghị bàn sôi nổi, phần lớn các quan võ thì muốn: Hoàng đế chủ trương không để giặc vào sâu trong đất nước, vậy dem thật nhiều binh tướng lên phía Bắc đón đánh giặc, nhưng khi hỏi là: binh nhiều tướng đông, phải lập trận ra sao, thì các tướng lúng túng mỗi người một ý, xem ra không mấy đắc dụng, mà phần nhiều là: lấy mạnh, nhanh, đánh phủ đầu giặc không cho nó kịp dừng chân hạ trại, lập trận, thành ra như thế chẳng thể nào quyết đoán được chiến trận sẽ phải kết thúc như thế nào. Đại Hành Hoàng đế lúc ấy mới phán:

– Bây giờ ta hãy cứ cho là giặc sẽ tiến binh đúng theo những đường từ biên ải trình về. Đường thủy, tất nó vượt biển, rồi vào cửa Bạch Đằng như tin trình, mặt này ta sẽ tính đến sau. Còn mặt bộ, quân bộ chiến của nó một qua ải Chi Lăng, một tiếp tục tràn xuống giành chiếm Tây Kết, ấy là nó tự tin làm chủ được vùng Lạng Châu, nếu quân ta cự chiến ở đấy thì binh Tây Kết của nó chọn sau lưng ta, thế là tiền hậu hai quân của nó đánh ép ta vào giữa. Ta phải tính sao?

Có tướng lại bàn: tin tế tác của ta thu thập được, nhiều điều đúng, tuy thế cũng nên chú ý: có thể nào các tin ấy cũng có tin không đúng, chẳng hạn như trong trường hợp giặc dụng hiểm kế, phao dồn tin cốt để đối phương đón nhận rồi bị sai lầm không?

Ý kiến lời bàn này, Đại Hành Hoàng đế bảo: cũng thường là như thế, đấy là điều người làm tướng phải luôn luôn để ý, có thế mới quyết chắc được mọi hư thực, với Hầu Nhân Bảo và với các tin tế tác thu thập được, thì chắc chắn không thể có việc Hầu Nhân Bảo dụng nghiệt kế để lừa quân Nam, Bảo vốn là văn quan quen đọc sách, thông hiểu kinh sử, theo chân ngựa trận Tống khai tổ vâng lệnh nhiều hơn là tự thân cầm quân lập trận, vì vậy Nhân Bảo tuy thế không thể không mang cái tinh thần "trọng văn khinh võ", không có đởm lược nhiều lúc đến trở thành "vũ dũng" như ở một nhà tướng thật sự, nhưng không phải là Hầu Nhân Bảo không biết việc cầm quân.

Đến lượt tướng quân Vương Bảo Quyền cũng là tướng cũ của tiền triều, tâu:

– Tâu Hoàng thượng, giặc tiến qua ngả ải Chi Lăng, Lạng Giang(*) thì dễ hiểu rồi, còn tại sao nó lại xuống tận Tây Kết là định ý thế nào?

Đại Hành Hoàng đế gật đầu, phán:

– Phải, đấy là điều hệ trọng trong chiến kế của giặc, nó tin rằng binh mới vào trận tất còn trọn vẹn tinh thần, sức lực đang hăng, cho nên nó toan tính dốc đường xuống tận Tây Kết, ấy là muốn lập trận "Nam Bắc hợp tung, thượng hạ đồng chiến", khoảng giữa là cả một vùng rộng lớn ruộng vườn phì nhiêu nhờ có đất phẳng sông ngòi không thiếu, nó chiếm giữ làm thế lâu dài, sau đấy thì nhìn về Nam, nhòm ngó đến kinh đô Hoa Lư của ta, nếu tin trình đúng thì chắc nó muốn xuống tận Tây Kết là vì thế(**). Về mặt biển nếu thủy quân của nó vào được Bạch Đằng giang tức là nó khống chế được toàn vùng biển, khi xong miền Bắc nó lại hai mặt

---

(*) Chi Lăng là tên xã, thuộc châu Ôn, phủ Trùng Khánh, ở đầu địa giới Lạng Giang tức Lạng Sơn.

(**) Tây Kết, theo Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, *thì: Không biết ở đâu. Theo trong sách "Tổ Tiên Ta Đánh Giặc", của Học Viện Quân Sử QĐNDVN, tái bản của Mặt Trận Dân Tộc Tây Ninh năm 1975, thì Tây Kết thuộc Đằng Châu, tức Khoái Châu Hưng Yên ngày nay có xã Đông Kết, Tây Kết không còn nữa nhưng thuộc phía Tây của xã đó. Theo* Việt Nam Sử Lược *của Trần Trọng Kim viết:"Hiện nay thuộc phủ Khoái Châu (Hưng Yên) có làng Đông Kết ở vào trong cách xa bờ sông Hồng Hà. Hoặc ở phía Tây gần bờ sông, ngày xưa có làng Tây Kết mà nay đã lỡ mất đi chăng?".*

thủy bộ tiến đánh kinh đô ta, lúc ấy chiến trận sẽ thế nào? Ta nghĩ: nếu nó thành đạt được chiến kế ấy, thì cả miền Bắc của ta mất, thế lâu dài của nó vững vàng, chiến tranh không thể vài ba năm mà xong được! Tình thế như thế, ta quyết phải phá tan được nó ở ngay nơi địa đầu đất nước, có thế mới bảo toàn được giang sơn, mau chóng dứt được trận giặc ngoại xâm này!

Như thế, liền trong ba ngày nghị triều, triều đình đã có thể nhìn thấy quang cảnh nơi chiến trường sắp xảy ra, có thể là ở nơi nào, và phải hành động ra sao. Đại Hành Hoàng đế phán:

- Giặc dữ tất sửa soạn kỹ mọi mặt, một phần cũng vì sứ bộ của ta phô trương tài nghệ khiến cho nó phải e dè thận trọng, vì thế nếu từ đầu nó thắng thế, thì quân thanh của nó lên cao, quân khí thịnh vượng, nó tiến xuống vùng đồng bằng trong tinh thần"cuồng phong" khó có gì có thể ngăn cản được, lúc ấy chiến trận sẽ vô cùng khó khăn, chưa biết đến năm nào mới kết thúc! Vì vậy, trẫm quyết định ngự giá thân chinh, phá cho kỳ được giặc ở vùng biên cương!

Triều đình nghe Hoàng đế phán, ngạc nhiên lắm, các quan lại lần lượt xuất ban tâu trình, viện đủ mọi lý lẽ để ngăn cản không để Hoàng đế ngự giá thân chinh. Rồi chính Dương Thái hậu tiền triều, cũng có lời mật gởi đến Hoàng đế, Thái hậu tỏ ý:" Việc triều đình thật ra chưa được yên ổn hẳn mọi bề, tuy rằng đã triệt xong các người chống lại việc quan Thập Đạo Tướng quân lên ngôi, nhưng nay nếu Hoàng đế vắng mặt ở kinh đô, sao chẳng khỏi dễ sinh biến!".

Hoàng đế Đại Hành cứ im lặng nghe triều thần nghị bàn khuyên can, ngài lại suy nghĩ nhiều lắm đến lời khuyên của Dương Thái hậu, cuối cùng trong một buổi thiết triều, ngài phán:

- Những lý lẽ các quan đem ra để khuyên can trẫm không nên ngự giá cự giặc, đều là những lời nghị bàn khuyên can không có gì sai lạc. Tuy nhiên, không sai thì cũng có thể lại là không có lợi, việc trẫm ngự giá thảo phạt Tống hồ (giặc Tống), tuy có vất vả thật, nhưng trẫm từng quen chiến trận cho nên không có gì là vất vả cả, vả chăng trẫm là người định kế, mở trận, lập mưu, thì chính người xếp đặt ấy đích thân thực hiện mới thật là thấu đáo mọi bề, không còn sợ có gì lầm lẫn! Giả thử như mưu và kế cùng trận ấy có điều gì bất thần xảy ra làm thay đổi tình thế, thì cũng dễ đối phó, các quan không nên lo lắng việc gì cả!

Đình thần còn loáng thoáng có vị chưa yên lòng, tiếp tục nại việc nội an để ngăn cản Hoàng đế, chẳng khác gì như những lời khuyên của Dương Thái hậu, Hoàng đế nhân cơ hội này liền phán:

– Trẫm đi chinh chiến là để giữ nước, cho nên kẻ nào nhân lúc trẫm vắng mặt ở triều đình để ra tay làm điều xằng bậy, ấy là tội phản quốc, không thể tha thứ! Lại nữa, trẫm vẫn nhớ lời Đinh Tiên Hoàng đế báo:"giang sơn này chẳng phải của riêng ai, không phải là chỉ một họ được quyền cai trị" cho nên trẫm nghĩ: nếu như bên ngoài trẫm bất tài để giặc vào bờ cõi, cướp được nước, trong thì bê trễ để cho việc triều chính tan nát, thì kẻ nào đủ hùng tài thao lược, giỏi việc an định nội chính cứu được nước được dân, tự đứng ra thay thế trẫm, đấy cũng là điều đúng không sai lạc, trẫm không có gì để trách cả, ngược lại trẫm tạ ơn cứu nguy ấy. Vả chăng, trẫm mới lên ngôi, lòng người còn có chỗ xao xuyến, trẫm đi chinh phạt cũng là để tỏ lòng thành của một minh quân, chẳng nệ nhiều nguy hiểm, đấy cũng là việc tốt để lòng người quy phục!

Những lời phán bảo của Đại Hành Hoàng đế thật cổ kim chưa có vị vua nào lại có được hùng tâm thiện chí đến như vậy, quần thần nghe ngài phán dứt thì liền quỳ cả xuống tung hô vạn tuế, nhiều vị còn trào nước mắt cảm động! Các quan lúc ấy mới lại thay nhau xuất ban tâu lời ngợi khen đức độ của Hoàng đế. Đợi cho quần thần đã tung hô xong, Hoàng đế nghiêm nghị phán:

– Bây giờ vào cuối thu, tính thời gian thì giặc đã khởi binh được gần tháng trời, nếu như chúng sửa soạn xong rồi binh ra khỏi doanh ngay, thì lúc này cũng đã lại gần được ải quan của ta nhiều lắm rồi, chỉ trong nửa tuần trăng là cùng thì chiến trận bắt đầu, ta không thể chậm trễ được nữa, vậy trong thượng tuần tháng Chín năm nay, ta lập đàn tế cáo trời đất tổ tiên, rồi đem quân ra Bắc là vừa tốt!

Ngày ấy, lễ hội Trăng Rằm vừa xong, khắp nơi còn như chưa hết kể lể những hoan lạc của ngày lễ ấy, nhất là ở Tam Đái có nơi còn chưa dứt hẳn lễ hội, cho đến khi có tin loa của triều đình báo việc chiến tranh thì mới bàng hoàng vội vàng thu xếp, trai tráng ngày đêm tụ tập ở nơi đình quán, bàn tán việc nước, lại nhắc lại thời Đinh Tiên Hoàng đế mở trận thu phục Tam Đái cách nay chưa lâu, rồi chẳng có lệnh của triều đình hay lệnh của quan trị nhậm tại địa phương, dân chúng khắp nơi vẫn tự mở hội gọi là "Hội Tòng Quân", thi tài võ nghệ, dấu sức. Rồi những hành động của dân chúng ở Tam Đái lan truyền đi khắp nơi, trai tráng khắp nơi từ Phong Châu xuống, vượt sông xuống Hồi Hồ, Bạch Hạc, vào Đường Lâm, rẽ sang Siêu Loại sang Đằng Châu..., nhiều nơi trai tráng lại rủ nhau sắm sửa hành trang lên đường vào Nam, đến tận Hoa Lư để xin theo quân đi đánh giặc.

Từ ngày Ngô Quyền tru diệt kẻ bạo nghịch Kiều Công Tiễn, đàn binh phá quân Nam Hán, chém đầu thái tử Hoằng Thao bên sông Bạch Đằng, lên ngôi tôn lập ra nhà Ngô cho đến lúc suy tàn, dẫn đến loạn Mười Hai

Sứ Quân, tiếp đến là hùng tài Đinh Bộ Lĩnh đứng giậy trương cao cờ dẹp loạn thu giang sơn về một mối, lập ra nhà Đinh cho đến nay, thời gian cũng mới chỉ nửa một đời người, vì thế hào khí đấu tranh vẫn còn chảy mạnh trong huyết quản chúng dân. Khi nghe tin Đại Hành Hoàng đế cho dựng lễ đài, lập giáo trường để xuất quân ra Bắc, thì thiên hạ lũ lượt đổ về Đại Trại Bảo Sơn là nơi Hoàng đế mở lễ, thành thử đây là nơi tụ hội đông đảo đủ loại văn tài lẫn tráng sĩ.

Hoàng đế nghe trình dân chúng khắp nơi đổ về xem lễ tế cáo ra quân, thì nhân đấy liền cho lập vũ đài ở mé đông giáo trường. Ngài bảo với đình thần: "Ta ra quân, thiên hạ nô nức kéo về nhiều đến thế, rõ ràng lòng người dang thịnh thế nào cũng có người tài để ý xem xét, nhân đây ta mở hội thí võ biết đâu lại chẳng đón được người tài; lúc đợi binh tướng của ta chỉnh đốn hàng ngũ xong để lên đường, ta mở hội thí võ để thêm nức lòng dân chúng cũng là điều hay".

Vì đây là hội thí võ chẳng phải là để tranh ngôi thứ hoặc đoạt giải gì của triều đình, cho nên Hoàng đế cho lệnh chỉ khảo võ mà không đấu võ, thử sức mạnh thì bầy hai hàng mỗi hàng năm con kỳ lân đá nặng từ trăm cân đến năm trăm cân(*), lại cho để sẵn đủ mọi loại vũ khí để tùy anh tài ai giỏi thứ gì thì cứ lấy mà biểu diễn. Hoàng đế ban chỉ cho đặt giải thưởng, đến người nào thật giỏi thì quan giám đài sẽ tâu trình lên Hoàng đế để ngài ban thưởng quan tước. Hoàng đế bảo: - Anh tài trong thiên hạ, chẳng phải chỉ là người có sức mạnh giỏi nghề cầm vũ khí, mà còn có những người "sức trói gà không chặt" nhưng lại có thể sai bảo được cả núi sông, vậy nên để ý đến những người như thế.

Hội thí võ sẽ kéo dài trong bảy ngày, ngày cuối thì Hoàng đế ngự giá đến xem tài thiên hạ. Thế là loa truyền khắp nẻo, tin lan nhanh chóng, chẳng bao lâu cả vùng kinh thành Hoa Lư người khắp nước đổ về, những người ở xa đi ngựa đông đến mấy nghìn con, các dòng sông lớn nhỏ quanh vùng thuyền chở khách đậu có nơi kín cả mặt sông, chưa bao giờ kinh thành Hoa Lư lại có hội lớn đến như thế.

Suốt trong sáu ngày có hội thí võ, không biết bao nhiêu anh tài nô nức lên võ đài, biểu diễn tài nghệ cũng có, thách thức nhau cũng có, có tay lực sĩ ở Tiên Lữ hai tay nâng nổi mỗi tay một con kỳ lân hai trăm cân; có người biểu diễn thuật nội công, làm cho da thịt cứng như đồng hun sắt nguội, lấy gươm giáo đâm vào thì giáo quằn mũi, gươm cong lưỡi; có người đi quyền cho người khác lấy nước hắt vào nước không làm sao vào

---

(*) Cân ta ngày xưa theo Trung Quốc, 1 cân ta khoảng 300 gr. theo cân ngày nay.

đến áo người ấy; có người thị uy ngầm vận công dồn sức xuống hai chân theo phép "thiên cân trụy", mỗi bước đi là một bước tuy thấy nhẹ nhàng mà còn hơn cả búa lớn bổ xuống mặt sàn võ đài, làm cho sàn gỗ phải gẫy nát,đá cũng phải tan... Suốt trong sáu ngày, anh tài xuất hiện đã nhiều, thế mà thiên hạ còn đồn rằng: đại tài còn đợi ngày chót lúc vua ra ngự khán mới xuất hiện, chẳng biết có đúng hay không, chỉ biết người tài trong thiên hạ kể không làm sao cho hết được, Hoàng đế rất hài lòng, sai thu dụng hết xung vào binh đội.

Đến ngày cuối cùng của hội thi võ, vào giữa giờ Thìn Hoàng đế ngự ra giáo trường, ngài đến võ đài ngự khán anh tài trong thiên hạ biểu diễn ngày chót. Hôm nay, thiên hạ nô nức chen nhau xem hội đông hơn các ngày qua rất nhiều, ai cũng tin là hôm nay có đức vua thế nào cũng có kỳ tài xuất hiện, lại nữa đây là cơ hội để được chiêm ngưỡng long nhan. Quả nhiên, hôm nay người tài lạ xuất hiện.

Lúc một đại lực sĩ thi thố tài nghệ hai tay xách hai kỳ lân ba trăm cân đi vòng quanh võ đài ba lượt, đặt kỳ lân lại chỗ cũ, rồi bước tới nhấc kỳ lân trăm cân bước ra giữa võ đài, khom mình hành lễ trước Đức vua rồi thét lên một tiếng lớn tung bổng kỳ lân lên cao cả hai xải tay rồi lại đón lấy, lực sĩ tung kỳ lân như vậy ba lần rồi đem đặt kỳ lân lại chỗ cũ, hơi thở không gấp, sắc mặt không đổi, hảo hán bước tới thi lễ trước vua, chúng dân quanh võ đài hò reo ầm ầm tán tụng thần lực của hảo hán, nhiều người lại hô to "vạn tuế, vạn tuế". Đức vua vẻ mặt thật vui, ngài ban lời khen, rồi ngay tại võ đài ban thưởng cho hảo hán một tấm lụa hồng, mười nén bạc. Vua lại cho lệnh thu nhận hảo hán vào trong quân, cho được hưởng suất đội trưởng dũng binh.

Vua ban thưởng vừa xong, thì từ mé Nam một bóng người như con én lượn, vụt bay lên võ đài, thân thủ thật khinh khoái khiến cả võ đài đang náo nhiệt chợt im phăng phắc rồi nhất tề vỗ tay khen ngợi vang dội, đức vua cũng phải khen thầm thủ pháp phi hành tuyệt vời ấy. Người mới lên võ đài vóc dáng mảnh mai, bước nhanh lại trước Hoàng đế, vòng tay thi lễ tà áo thư sinh màu hồng quân tung lên như đại bàng xòe cánh, chàng tung hô vạn tuế, rồi tâu:

– Muôn tâu thánh thượng, anh tài trong thiên hạ quy tụ về đây dự lễ hội thi đông đủ, hàn dân lạy mừng Hoàng đế tuyển được nhiều dũng sĩ. Tâu Hoàng đế, thần dân thiết nghĩ: việc quân, chẳng cốt chỉ ở sức mạnh với tài cầm gươm lên ngựa của người ra trận, mà có khi còn cần đến cả hạng "người gió thổi cũng bay, buộc nút dây không chặt", cho nên vì thế thần mới dám đi năm lần đò, đi bảy lần xe trâu, theo thiên hạ về đây trước là để được một lần bệ kiến long nhan, sau là xem Hoàng đế ra tài thần vũ cứu nước!

Giọng nói của người này khác thường, thật thanh tao, nghe như tiếng ngọc chạm vào nhau, lại vang như tiếng khánh đá, cao quý mà đầm ấm. Hoàng đế cùng tất cả các quan, dân chúng quanh võ đài, đều kinh ngạc về giọng nói của người lạ. Ở xa không thấy rõ, nhưng Hoàng đế cùng các quan văn võ ở quanh ngài thấy rất rõ ràng: người mới tới vóc dáng đã mảnh mai thanh tao, giọng nói thì như thế, đến gương mặt lại quả là gương mặt "mỹ mạo lang quân", nam tử mà đẹp như con gái khuê các! Trong một thoáng ngẩn người nghe tâu lạy, Hoàng đế phán:

– Phải, khanh nói đúng, chẳng phải xã tắc chỉ cần một hạng nâng nổi thạch kỳ lân, múa gươm cát bay không vào tới áo, mà còn cần người tài trí cao siêu, trị nước thì có tài an định muôn dân, việc quân chẳng cần ra trận chỉ ngồi trong trướng gẩy bàn tán mà biết việc ngoài nghìn dặm. Khanh khiêm cung tự nhận là "hạng gió thổi cũng bay, buộc nút dây không chặt", tất trí lự hơn đời, có thể hơn vạn binh trăm tướng đấy chăng?

Thư sinh vòng tay cung kính tâu đáp:

– Muôn tâu Hoàng đế, thần chẳng dám khoe mình như thế, tài học thì văn chưa đáng được tuyển làm kẻ hầu lau nghiên mài mực cho người cầm bút, võ thì mới chỉ được "đứng ngoài cửa Tướng vũ, mắt chỉ mới nhìn thấy những kỳ công của Tiên Hoàng", cho nên không dám khi quân tự nhận mình như lời ban hỏi của Hoàng đế!

Những lời đối đáp của người lạ, càng làm cho đức vua cùng quần thần chung quanh ngài lấy làm lạ. Thư sinh bay lên võ đài nhẹ như cánh én, tất võ học phải uyên thâm mới có thể đạt được thuật khinh công phi đẳng tuyệt vời đến thế. Rồi những lời nói ra, thì xem ra chàng ta không chú trọng đến tài vũ nghệ sức lực, mà muốn phô trương bản lãnh của bậc kinh bang tế thế, hay bậc nguyên nhung, lấy tài thao lược điều binh khiển tướng, lập trận sai quân mới là điều trọng.

Ngài chợt nhớ lại những việc năm xưa lúc mang quân đi tuần trên đỉnh Kiệm Lộng Sơn, ngày ấy ngài đã gặp kỳ nhân Lê Thảo một mình gẩy cây đàn lạ, sau Lê Thảo theo phò Tiên Hoàng đế làm nên những kỳ tích rạng tỏ tinh hoa trí tuệ của người Giao Châu, ngày nay ngài lại gặp kỳ tài như ngày xưa chăng?![*]

Nhìn vóc dáng, nghe những lời tâu trình, lại thêm giọng nói trong như ngọc, êm như nhung, trong con người thanh tao này liệu có được cái bản lĩnh kinh hồn của quân sư trong hành động khuất phục Phạm Cự Lượng năm xưa không? Hoàng đế hoang mang liền phán hỏi:

– Phải, sức mạnh phá được núi, một ngày vượt được năm suối chín non, mà trí não hoang mang thì cũng chẳng khác gì như loài thảo mộc, sức

---

(*) Những việc này xin xem trong MƯỜI HAI SỨ QUÂN của Vũ Ngọc Đĩnh.

ấy chẳng đáng gì. Còn như trí lự vượt chúng, trước vạn người vẫn xem là chẳng có ai, dấy mới là bậc kỳ tài bản lĩnh trùm trời đất. Vậy trẫm hỏi: khanh người quê quán ở đâu, tên gì, trả lời trẫm trước rồi sẽ trình bầy sở học sau?

Thanh niên quỳ gối tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế, thần dân người ở Yên Thành(*), họ Trịnh.

– Trịnh khanh, hôm nay về dự hội thí võ, khanh muốn phô diễn tài nghệ thế nào?

– Muôn tâu Hoàng đế, thần đã tâu trình trước: sức thần thuộc hạng gió thổi cũng bay, buộc dây nút chưa chặt, vì thế thần không dám theo gót hào kiệt trong thiên hạ để làm trò cười, cũng không dám thi thố gì về nghề văn, mà chỉ cầu được nghe Hoàng đế giảng về thần vũ để đuổi giặc sắp vào bờ cõi!

Hoàng đế cùng quần thần vừa kinh ngạc, vừa thích thú, Hoàng đế phán hỏi:

– Như thế thì Trịnh khanh thấy binh thư của Tôn, Ngô, hay Thái công, hay Gia Cát Vũ Hầu thế nào?

Thư sinh mặt ngọc có vẻ muốn đấu tài thần vũ với ngay Hoàng đế bằng khảo nghiệm binh thư, chàng tâu:

– Muôn tâu, các đại gia quân sự thời xưa ấy, thì mười ba thiên binh thư của Tôn Vũ nước Yên cũng có thể xem là tướng biết bày trận(*), lại

---

(*) Yên Thành là tên huyện, nằm về phía bắc Nghệ An (Nghệ An là tên gọi ở dời Đinh, đời Lê là Châu Hoan, đời Trần gọi là Diễn Châu)...

(*) Ba đại gia quân sự này của Trung Quốc cổ đại, thì Tôn Vũ là người nước Tề, đem binh pháp thuyết vua Ngô là Hạp Lư. Vua thử tài cho cầm quân sai 180 mỹ nhân trong cung ra giả làm quân, Vũ sai khiến mệnh lệnh các mỹ nhân cười, không nghe tướng lệnh, đến lần thứ ba vẫn cười, Vũ liền đem chém đầu người đội trưởng là mỹ nhân được Hạp Lư sủng ái nhất, Hạp Lư xin tha chết cho nàng cũng không được. Sau đấy thì Tôn Vũ điều khiển được đám quân mỹ nhân ấy. Ngô Khởi người nước Vệ, giỏi dụng binh, thờ vua Lỗ. Người Tề đánh nước Lỗ, nước Lỗ muốn dùng Ngô Khởi làm tướng nhưng vì Ngô Khởi lấy con gái Tề làm vợ nên người Lỗ ngờ vực. Ngô Khởi muốn lập danh, bèn giết vợ để tỏ ra mình không liên hệ gì với Tề. Hoàng Thạch công có binh thư hay, người đời chẳng biết, đến già ngồi "câu danh" bên bờ sông gặp được Chu Vương mời làm tướng; Vũ hầu Gia Cát Lượng người ở Nam Dương, thời ba nước Ngụy Thục Ngô tranh hùng, Vũ hầu thờ Lưu Bị làm chúa, đem tài thao lược giúp Bị đánh Ngụy để giành lại giang sơn của Hán Cao Tổ mà không được, người đời vẫn xem Gia Cát Lượng là kỳ tài hiếm có trong thiên hạ.

phải dụng đến kế chém đầu mỹ nhân sủng ái của nhà vua mới dựng được uy để sai khiến, như thế là kém về tâm trận, phi bạo lực tất không được việc, đấy là tướng đa sát hung đồ; Ngô Khởi có tài cầm quân, không có tài lấy trí nhân để thuyết phục thiên hạ, phải làm cái việc bất nhân bất đức thật hèn mạt là giết vợ để được lòng người, vợ là người không thể xa lìa được, thế mà thản nhiên giết vợ để mua lòng tin của người khác, kẻ làm tướng như thế tất là đa sát, hung tàn, háo danh, ưa việc ganh tị, cho nên sau phải chết thảm năm xe xé xác; Thái Thạch công kém tài lanh để phí cuộc đời, thiên hạ đại loạn mà không có chỗ chen chân, thế có phải là người kiệt hiệt chuyển được dòng sông phải chẩy theo ý mình muốn không, đến lúc già nua lại thất chí đến nỗi bầy trò ngồi câu bên sông, dây câu không lưỡi câu, may gặp vua hiền mới có cơ hội ra tài, người như thế là hạng bất đắc chí, không phải là bậc "anh hùng dựng thời thế"; Gia Cát Lượng tự cho là đọc vạn quyển, thông kim quán cổ, bảo là không ra khỏi lều cỏ mà đã định xong việc thiên hạ phân ba, xem thiên hạ không bằng một giấc ngủ trưa, kênh kiệu, kém tài, muốn cao danh lại ép người phải quỵ lụy ba lần đến chực trước nhà cỏ, chí lớn tài cao sao chẳng đưa được họ Lưu về kinh đô?

Họ Trịnh giảng việc như nước chảy mây trôi, cực kỳ tự chủ, chàng tiếp:

– Như nước ta, xưa thì có hai bà họ Trưng, khởi nghiệp duổi giặc giành lại được nước, đấy là hạng anh thư đông tây kim cổ hiếm có tất phải giỏi văn lại có tài dụng võ, đức độ vẹn toàn mới thế được; đến mới đây, Ngô Quyền là người thế nào mà lấy được đầu Thái tử Nam Hán, lập thế tự chủ cho đất nước; rồi đến kỳ tài chăn trâu sai dựng cờ lau, thế mà hùng chí tung hoành gồm thâu giang sơn về một mối, làm cho ngoại cường kinh khủng đến không dám rút dao ra khỏi vỏ thi hành thủ đoạn hung đồ hiếp đáp, đấy mới là những hạng hào kiệt đáng thờ muôn thuở, đáng phục nghìn năm. Thiên hạ làm sao sánh được!

Thật là lạ lùng, thanh niên lạ mặt này là người thế nào mà luận cổ thì khinh cổ, suy kim thì lại ra chiều kính cẩn, khiến cho Đại Hành Hoàng đế cùng quần thần thảy đều kinh ngạc quá! Đến việc Đinh Tiên Hoàng đế là người hùng liệt được người thanh niên ca ngợi, nói là "đáng thờ muôn thuở, đáng phục nghìn năm", thì làm cho Hoàng đế và các quan thấy xốn xang trong lòng.

Hoàng đế nghiêm nghị phán:

– Như thế thì khanh nhìn thế nước hôm nay thế nào?

Thanh niên chẳng đắn đo tâu:

– Muôn tâu, triều đại nào cũng có thịnh có suy, kế nghiệp triều cũ suy để dựng một triều thịnh mới, chỉ hệ trọng ở chỗ kế nghiệp để cứu giang sơn, mở đường cho cường thịnh lâu dài, như thế thì tiên đế tất cũng hài lòng, thiên hạ tất xưng tụng. Thế nước ngày hôm nay vừa mới định đã muốn ngả nghiêng, giặc ngoài sắp vào bờ cõi, thì việc làm của Ngô Quyền ngày trước chính là việc của người hôm nay, không có gì phải trách cả, mà chỉ có dón đợi đại công sẽ hiển hiện mà thôi!

Hoàng đế cùng hết thảy các quan văn võ đều hân hoan với lời tâu của người tuổi trẻ, Hoàng đế hào hứng quá, ngài bước tới khiến thanh niên vội vàng quỳ xuống, Hoàng đế tự tay nâng thanh niên đứng lên, ngài nhìn thật sâu vào cặp mắt cực êm của thanh niên, phán:

– Trẫm ra quân cự giặc ngoài, mở hội thí võ thu được nhiều tài, khanh mới là người tài trẫm mong đợi!

Hoàng đế không còn phán hỏi gì thêm nữa, ngài thu dụng thanh niên, sai đem ghế để chàng ngồi ngay bên cạnh, tỏ vẻ vô cùng ưu ái.(*)

Lại kể, xong hội thí võ tuyển tài, Đại Hành Hoàng đế tức thì hồi triều, hội quần thần lại phán:

(*) Người ta kể rằng, sau này thanh niên rất được Hoàng đế ưu ái, luôn luôn cho gọi vào cung để bàn việc, chàng tỏ ra thật am hiểu sử sách, có tài chẳng kém các hiền sĩ đời xưa. Sau, Hoàng đế phát giác ra thanh niên là gái giả trai, lúc phải vâng lệnh hiện trở lại là bậc nhi nữ, có có nhan sắc tuyệt vời, khiến Đại Hành Hoàng đế say đắm, lập làm một trong năm ngôi hoàng hậu của ngài. (Năm hoàng hậu của Đại Hành Hoàng đế là: Đại Thắng Minh hoàng hậu (là thái hậu họ Dương, hoàng hậu của tiên đế), Phụng Kiền chí lý hoàng hậu, Thuận Thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh quốc hoàng hậu, và Phạm hoàng hậu). Trịnh quốc hoàng hậu thường bàn việc, giúp ý cho Đại Hành Hoàng đế trong các công việc triều chính, binh bị.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí thì: Người đời truyền tụng: Bà chính là Trịnh Hoàng hậu, một trong năm hoàng hậu của vua Lê Đại Hành, là vương mẫu của hoàng tử Nam Quốc Vương tên Long Mang, hoàng tử thứ sáu của Đại Hành Hoàng đế, hoàng tử vâng lệnh Hoàng đế trấn thủ Diễn Châu (Châu Hoan), lỵ sở đóng ở xã Công Trung; khi Bà mất, hoàng tử đem hài cốt mẹ táng ở quê cũ Yên Thành nơi có núi Mã Yên, núi có hang sâu vài ba trượng, vì thế người đời gọi hang ấy là "huyệt Vương Mẫu" hiện vẫn còn dấu tích cửa hang. Sử truyện lại kể: sau khi nhà Lý cướp ngôi, hoàng tử Long Mang chiếm cứ châu Hoan, xưng Hoàng đế, nhà Lý đánh mãi không được, bèn mật sai người đào huyệt hủy cốt Trịnh Hoàng hậu, sau mới đánh được Hoàng tử Long Mang. Có truyện lại cho huyệt ấy là nơi táng hài cốt mẹ các thân vương nhà Trần, sử gia chỉ ghi lại các lời ấy mà thôi.

– Công lao sứ bộ của ta lên triều Đại Tống, thu thập được nhiều tin, lại vì cùng dường nên có những lời lẽ, những hành động khiến nào động cả Tống triều, tất những việc ấy cũng có làm cho Tống đế với các quan văn võ nghĩ ngợi, nhờ thế mai này ta ra quân cũng có điều lợi. Từ đầu Thu, tin biên giới trình về nói là Tri phủ Ung Châu Hầu Nhân Bảo hội chúng thuộc tướng ở lỵ sở, sai lập tướng doanh để lấy làm nơi sai phái binh tướng. Cứ theo như những gì sứ bộ của ta từ ngày ấy liên tiếp trình về, đến những tin biên giới mấy ngày nay nói rõ, thì trẫm lờ mờ thấy được tinh thần, ý định của các tướng nhà Tống. Các khanh có thấy gì không?

Trong việc Hầu Nhân Bảo lĩnh trọng mệnh của Tống đế tổng quản binh tướng xuống Nam chinh phục Đại Cồ Việt, thì ai cũng đều biết rõ cả, còn trong tướng phủ Hầu Nhân Bảo có ý định thế nào, tinh thần ra sao thì không nghe tế tác trình về được tin gì. Nay Hoàng đế phán hỏi như thế tất là ngài đã thấy điều gì hệ trọng, các quan văn võ thì thào bàn tán với nhau, chẳng làm sao thấy được điều gì lạ trong tướng phủ của Hầu Nhân Bảo. Lúc ấy, Đại Hành Hoàng đế mới phán:

– Các khanh quên một diều trong các phép dụng binh, ấy là diều binh thư có nói :" hội quân xuất trận, lấy cốt yếu ở chỗ hành động mau lẹ, bất ngờ khiến dịch không kịp trở tay, chẳng khác nào như sét đánh chẳng kịp bưng tai", thế thì từ ngày Hầu Nhân Bảo về Bắc Kinh trình tâu mọi việc, cho đến lúc ông ta trở lại lỵ sở để hội quân, phân việc cho các tướng, đến nay là bao nhiêu ngày rồi, sao chưa thấy có tin là quân đã xuất doanh? Có lẽ nào Hầu Nhân Bảo, các tướng khác nữa, lại chẳng đứa nào biết sự chậm trễ ấy tai hại cho phép dụng binh như thế nào hay sao?

Triều thần liền sực hiểu ra! Phải, lẽ ra binh Tống ít nhất cũng đã là phải hạ trại trước ải quan nước Đại Cồ Việt rồi mới phải, còn như nhanh thì binh ấy phải đã vào sâu trong giang sơn nước Nam, thế mà hết cả mùa Thu vẫn chưa thấy nhúc nhích! Tuy vậy, bảo rằng vì đâu lại có sự chậm trễ ấy thì chẳng ai biết được rõ! Vì vậy, Hoàng đế phán:

– Ra binh chậm trễ, thì một là soái tướng không phải là hạng giỏi cầm quân, không thông hiểu binh thư chiến pháp, cho nên để lỡ mất lợi thế. Thứ hai, cũng lại có thể trong soái phủ có những bất hòa giữa các tướng, cho nên dàn xếp chưa xong. Giả sử điều này đúng, thì rõ ràng Hầu Nhân Bảo chẳng phải là soái tướng được các thuộc tướng kính nể tuân phục, trong hàng võ tướng có những điều không ổn. Thứ ba, tướng ra trận không hăng hái, lòng không nô nức muốn tung hoành đánh địch, ấy là tướng có tinh thần mỏi mệt, ngập ngừng không quyết vì sợ địch, không hiểu rõ sức địch như thế nào, như thế là không ứng dược với điều binh

thư dạy: "biết ta biết địch, trăm trận đánh thắng cả trăm", hoặc giả là vì các ông Giang, Trịnh, Vương làm náo loạn Tống triều, khiến cho các tướng nhà Tống sợ thật chăng? Thứ tư, binh chậm trễ chưa ra khỏi doanh được, cũng có thể là quân trận còn thiếu, quân lương chưa đủ, quân khí chưa xong, quân dụng chưa đạt, nếu như thế thì tinh thần binh tướng sẽ vì thời gian kéo dài mà suy nhược, quân thanh chẳng thể nào lên cao được! Bốn điều nghi ngờ ấy, điều nào là đúng?

Đình thần lao xao, quả thật có những nghi ngờ như Hoàng đế suy luận phán bảo! Các quan nghị bàn thật sôi nổi.

Cuối buổi triều, Hoàng đế phán:

– Dù tình hình trong tướng doanh của Hầu Nhân Bảo thế nào chăng nữa, ta không thể biết rõ, nhưng rõ ràng là ta cũng còn được ung dung, thêm thời gian nhàn hạ lập trận ngay nơi ải địa đầu, dón dợi giặc, theo gương đại hùng Ngô Quyền xưa, ta chém đầu bọn Hầu Nhân Bảo ngay nơi biên giới, không cho nó có cơ hội xuống sâu trọng địa đồng bằng của ta, giữ cho chiến trận không vượt vùng biên giới, có thế vua của nó mới kinh sợ, triều đình nó mới khiếp hãi! Ta dợi sau trận đại thắng này, gấp chấn chỉnh mọi việc, hội sức lập quân lớn trong lúc triều đình vua quan nó còn đang khiếp hãi, tướng sĩ nhà Tống trong ngoài nghe tiếng động lại hốt hoảng tưởng đang bị quân Nam ta đuổi đánh giết, ta nhân việc nhà Tống đánh ta không xong, ta lấy cớ kêu ca ấy mà đem binh vượt ải vào đất nó một phen cho rõ mặt hùng tài nước Nam, làm cho nó từ đấy chẳng còn dám dòm ngó phương Nam ta nữa![*]

Ý của Hoàng đế từ xưa đến triều đại của ngài chưa từng có người nào dám nghĩ đến, hùng chí ấy khiến cho cả triều đình giậy tinh thần, tướng quân Trịnh Tú bước ra tâu:

– Tâu Hoàng đế, việc binh của Hầu Nhân Bảo chậm trễ thì ta đã thấy rõ; việc bất hòa trong các tướng nhà Tống thì lại càng rõ trong việc

---

(*) Hùng chí của Đại Hành Hoàng đế muốn có phen xua quân đánh Tống, trong đời ngài chẳng thực hiện được, chỉ vì việc trong hoàng gia không yên, các con ngầm ngầm tranh giành, nhòm ngó ngôi thái tử kế nghiệp, chém giết lẫn nhau; rồi giặc ngoài phía Nam lại hay quấy nhiễu, có lần ngài phải ngự giá chinh phạt. Trong lúc ấy, ngài nhiều lần cho sứ sang Tống cốt lấy chính trị để trì hoãn ổn định việc trị an, dợi dựng xong được quân lực hùng mạnh; Tống đế cũng nhiều lần sai sứ xuống Nam, Tống sứ đem chiếu chỉ của Tống đế vào triều, Đại Hành Hoàng đế nhận chiếu chẳng lạy, tỏ ý kiêu hùng. Mãi sau, đến đời nhà Lý, hùng chí của Đại Hành Hoàng đế mới được Đại tướng Lý Thường Kiệt thực hiện: xua quân đánh Tống, lẫy lừng một thời!

Hầu Nhân Bảo lấy em gái Triệu Phố rồi bị đẩy ra nơi biên cương, tất lúc này trong hàng các tướng có sự bất hòa; việc các tướng nhà Tống e dè sợ binh tướng nước ta, thần nghĩ cũng có thể có, bằng không thì lúc thần hoa dao xẻ áo giáp của tướng ấy tất chúng phải xúm lại xé xác thần ra làm trăm nghìn mảnh rồi mới phải; còn về quân thanh nhà Tống sa sút, cũng lại có thể có thật chỉ vì Hầu Nhân Bảo chậm trễ. Muôn tâu, thần thấy vì những sự ấy ta nên dốc hết lực lên biên giới, lấy nhanh, mạnh, dụng lợi thế địa hình, lập kế hay phá giặc cả ở hai mặt thủy bộ, thì thế nào cũng thành công!

Trịnh Tú vừa dứt lời, đã đến lượt Lưu Cơ xuất ban tâu:

– Tâu Hoàng đế, cơ hội chiếm nước ta của Tống đế khai sáng Triệu Khuông Dẫn chỉ vì ngập ngừng e ngại, cho nên bỏ lỡ, đến Thái Tông hiện giờ thì dù thế nào chăng nữa, ông ta cũng chẳng thể nào có hùng chí như của vị đại tướng Tổng Nguyên Nhung Triệu Khuông Dẫn, cho nên có quyết lệnh xuất quân Nam chinh có khi chính ngay Tống Thái Tông cũng còn e ngại, không tin ở tài sức binh tướng của mình là sẽ thắng được ta. Cho nên, nếu ta đủ sức lâu dài, thần nghĩ: ta thúc quân vượt ải, vào đất Tống, tiến đánh Hầu Nhân Bảo trước mới là diệu sách, việc ấy ta chưa làm được, đành là lấy những lợi thế của mình trong một thời gian thật ngắn dốc lực, thì thế nào cũng phá tan được binh Tống!

Triều đình vô cùng hào hứng, nghị bàn thật hăng hái, đại để thì chẳng còn mấy người còn lo lắng là binh tướng Đại Cồ Việt không hơn được binh tướng nhà Tống. Cuối cùng, Đại Hành Hoàng đế phán:

– Giặc đã quyết mở cuộc xâm lăng, ta một lòng quyết phá giặc, như thế là mọi việc đã rõ, thế của giặc, thế của ta, tình hình của giặc, tình hình của ta, đôi bên đều đã rõ, vả lại ta không còn lối thoái lui, trì hoãn chiến tranh lâu hơn được nữa, lại càng không thể dứt được việc can qua, cho nên ta ra quân chính trẫm thân chinh phá Tống là rất đúng. Vậy, như trước đã định, Đại Tướng quân Phạm Cự Lượng lập tức đem thêm binh lên biên giới, tạm thời chấn chỉnh, thêm sức cho các nơi đã trấn giữ, đợi trẫm sẽ có kế hay lên lập trận phá giặc!

Đại Tướng quân Phạm Cự Lượng vâng lệnh, mang cờ tiên phong Soái Tướng về tướng phủ triệu tập các tướng, hội bàn phân chia trách nhiệm.

Ngày ấy, đã bắt đầu những ngày đầu tiên của mùa đông năm Canh Thìn (980), tức là gần hai tháng trời sau khi có những buổi hội triều của Tống đế quyết định mang quân chinh phục nước Nam, và sứ bộ nước Đại Cồ Việt hùng biện khoe tài trước Tống đế cùng quần thần văn võ của ngài.

5

Dù ở miền Nam không lạnh giá bằng miền Bắc, thế mà những ngày cuối thu sang đông ở vùng Lưỡng Quảng thời tiết năm nay cũng lạnh nhiều, rét sớm. Tới khi những cụm tuyết đầu tiên bắt đầu lất phất trên bầu trời u ám, thì cũng là lúc Tướng doanh của Soái Tướng Hầu Nhân Bảo, Tri phủ Ung Châu trong Quảng Tây Thống bộ bỗng nhiên nhộn nhịp, tấp nập ngựa xe: các quan văn áo mũ chỉnh tề, các võ tướng nhung phục hùng dũng có quân hầu thuộc hạ tòng hành, tại Soái doanh cờ xí rợp trời, quân canh nghiêm nhặt, quan trị nhậm Ung Châu tức Soái tướng Hầu Nhân Bảo hội chúng tướng xếp đặt việc đưa binh vượt biên ải, xuống đánh nước Đại Cồ Việt ở phương Nam!

Ngoài dân gian, người người bàn tán về việc đại quân sắp đi đánh nước Nam, người hào hứng cho là sau khi lấy được nước Nam, tha hồ đi lại, háo hức đợi được dựng nghiệp ở vùng đất xưa nay nhiều điều lạ lùng; người khác lại lo lắng việc chiến tranh, binh lấy tại địa phương tất phải xảy ra nhiều truyện sinh ly tử biệt, bao nhiêu là tan nát, khổ sở, thế nào cũng có cảnh binh tướng sách nhiễu, trăm họ phải bỏ tài sản riêng tư cung ứng cho việc quân viễn chinh. Lại có người lo xa, sợ rằng Bắc binh bao nhiêu lần đánh quân Nam, thắng cũng có mà bại cũng có, thế nào cũng có phen quân Nam vượt ải xâm phạm bờ cõi Bắc quốc để trả thù, lúc ấy việc chiến tranh hôm nay chính là "cái nhân chém giết" để cho "cái quả rửa hận mai sau" lúc ấy hiện ra, thế là họ bảo nhau bỏ cửa bỏ nhà, bồng bế nhau lánh đi nơi khác xa hẳn vùng biên giới để lập nghiệp, tạo cuộc đời mới! Khổ sở tai hại vì chiến tranh thế nào chưa thấy, đã thấy cả một vùng bao la nơi biên giới xuất hiện cảnh: những kẻ cùng khổ, những quân du thủ vô nghệ nghiệp, thừa cơ hội tụ tập đi cướp bóc, giết người cướp của, quan quân còn bận việc sửa soạn viễn chinh, dân tình khổ sở không lời nào nói cho đủ được, chỉ thấy: cả một vùng rộng lớn dọc biên giới hai nước Bắc Nam bỗng nhiên hiện ra bao nhiêu là sự lạ trong dân gian.

Trong Soái doanh, tinh thần các tướng chẳng đến nỗi lo lắng sợ sệt chiến tranh lần này như trăm họ ngoài kia, nhưng cũng chẳng mấy ông lại mong thích cuộc ra quân này. Chính Soái tướng Hầu Nhân Bảo là người dâng biểu tâu trình Hoàng đế nên đưa quân đi lấy nước Nam, chẳng qua cũng chỉ là một cái cớ để ông thoát cánh "lưu dầy sang trọng" trị nhậm nơi biên cương, chiến mà thắng tất ông trở về vinh quang, chắc chắn trở lại được dế kinh; còn như thất bại, thì binh tướng có thiệt hại bao nhiêu chắc ông cũng chỉ bị Hoàng đế khiển trách mà thôi, trước sau ông cũng nhờ thế mà thoát khỏi cái chức Tri phủ Ung Châu xa xôi này!

Vào hội chúng tướng hôm nay, Soái tướng Tri phủ Ung Châu nói:

– Chúng ta vâng lệnh Hoàng đế, hội quân để đi lấy nước Nam, đấy là một việc quan trọng không thể khinh xuất được, nước Nam cũng có lắm người tài, nhưng lúc này triều đình nó đang có xáo trộn, quyền thần dựng mưu hiểm thí vua cướp ngôi, nội bộ nó nhất định phải chia năm xẻ bảy, phe phái chém giết nhau, nhân cơ hội tốt này, binh ta ra ngoài quan ải quyết một trận hai mặt thủy bộ, thì thế nào cũng thu phục được nó! Các ông nghĩ thế nào?

Các tướng còn nghĩ thế nào nữa, lệnh Hoàng đế là xuất quân, thì chỉ còn có việc lên ngựa đem binh vào trận, nhưng vào trận như thế nào, cho nên Hải Sư Đốc Chiến Đại tướng quân Lưu Trừng là người lên tiếng trước tiên, nói:

– Ông vâng lệnh Hoàng đế, ngồi ghế soái tướng, lại cầm cờ tiên phong, thế thì đã hẳn là quân bộ chiến của ông đi đường bộ vượt ải xuống nước Nam. Trước hết ông định lập trận thế như thế nào, chúng tôi đợi nghe để có thể cho hải quân khởi hành?

Tri phủ Hầu Nhân Bảo là tay tướng văn học, sách đọc nhiều, binh thư đồ trận cũng nghiền ngẫm, xưa theo chân tiên đế vào trong thiên hạ, cũng chỉ là chức phận của các văn quan tham mưu chứ không phải là võ tướng xông pha thật sự, theo sách dạy thì ông có thể hiểu binh thư, biết binh pháp, cho nên việc của ông gánh vác là ngồi ở soái doanh sai phái các tướng theo như xếp đặt của ông để vào trận, khi nghe Hải Sư Đốc Chiến Đại tướng Lưu Trừng hỏi, ông thẳng thắn đáp:

– Phải, nay quân ta hai mặt thủy bộ xuống Nam, đường bộ thì ta sẽ qua ải Chi Lăng của nó, đường biển ông xuất phát binh thuyền từ Ung Châu này, ông định liệu đem bao nhiêu thuyền, lấy bao nhiêu quân thì cho là đủ?

Soái tướng Hầu Nhân Bảo đã không trả lời câu hỏi của Đốc Sư Hải chiến Lưu Trừng, lại hỏi lại Trừng! Lưu Trừng là chiến tướng có thực tài, nghe hỏi thì đáp:

– Đánh một nước, dù là nước nhỏ, cũng không phải là việc vây đánh một bọn giặc cướp, vả lại đi đường biển xa xôi tuy được yên ổn không lo địch phục chặn đánh ở dọc đường, nhưng lại phải lo về mặt sóng nước, thời tiết, lương thực. Vả lại, quân thủy vừa làm sức trợ chiến, vừa dễ dàng làm công việc "khai sơn phá thạch" mở đường đưa quân lên bộ, vì thế cần có loại quân thủy chiến cũng được, lên bộ cũng thạo, muốn thế thuyền nhỏ không chở được nhiều quân trên biển cả, phải dùng đến hạng chu sư viễn chiến, vì vậy nếu Soái tướng thấy quân thủy yểm trợ phải bao nhiêu thì lúc ấy tôi mới có thể lấy quân, lấy thuyền được!

Đến lượt Lưu Trừng không hỏi mà hóa ra hỏi Hầu Nhân Bảo. Bảo đáp:

– Phải, đánh nước Nam không phải là đánh một bọn giặc cướp vặt, lại nữa nước nó cũng có vài đứa tài, thế thì quân đi chinh phục của ta không thể vài vạn là được, mà phải hai mặt thủy bộ hội quân đủ để gìn giữ được cho nhau, vì thế ta muốn ông đem mười vạn quân đi đường biển xuống Nam, lấy hạng chu sư để phòng sóng nước, lại phải kéo theo các thuyền nhỏ để dễ dàng đi lại trong sông. Ông đem quân vào thủy lộ xưa các tướng phương Bắc đều dụng đến tốt hơn cả, là cửa Bạch Đằng Giang, chặn không cho nó dù có muốn đưa quân thuyền ra biển bày trận chiến với ta cũng không được, cũng là để chặn đường biển của nó từ trong kéo ra. Mặt bộ, ta có xếp đặt riêng!

Như thế, chỉ riêng mặt quân thủy thôi, Soái tướng Hầu Nhân Bảo đã tỏ ra xem việc đánh nước Nam là hệ trọng khó khăn đến thế nào, cho nên ông mới đòi Lưu Trừng lấy đến mười vạn quân! Các tướng nghe Hầu Nhân Bảo xếp đặt như thế, hiểu ngay tâm tư Soái tướng, chính các tướng cũng vì nghe xếp đặt này tự nhiên nhớ lại tất cả những việc sứ bộ nước Nam làm ở giữa triều đình Bắc Kinh, rồi lại thêm những sự việc bọn Trương Tôn Quyền đi sứ nước Nam về kể thuật lại! Các tướng im lặng, Lưu Trừng ra chiều nghĩ ngợi, ông đã biết phải lấy bao nhiêu quân, ngần ấy quân thì phải bao nhiêu thuyền lớn chu sư, bao nhiêu thuyền nhỏ để có thể đủ đi lại trong sông. Chỉ còn đường đi của đạo quân thuyền này thế nào, thì ông chưa biết, vì thế Lưu Trừng nói:

– Tôi sẽ lấy mười vạn quân, thuyền lớn nhỏ đủ dùng, lương thực dự trữ dùng được khoảng nửa năm, còn đi đường nào thì Soái tướng chỉ định, hay là tôi tùy ý chọn đường tốt mà đi?

Hầu Nhân Bảo đáp:

– Người làm tướng cầm quân vào trận, chiến kế đã có, còn việc thực hiện chiến kế ấy thì nhà tướng cũng phải tùy ở hoàn cảnh tại chỗ mà ứng phó cho thích hợp, vì vậy ông có thể chọn đường đi thuận tiện!

Thế là Đốc Sư Hải Chiến Lưu Trừng được toàn quyền chọn đường đi trên biển, ông thừa biết Soái tướng Hầu Nhân Bảo không thể nào hiểu biết kinh nghiệm về hải chiến bằng ông, thành ra vì thế ông cũng cảm thấy phần nào hãnh diện, ông lại hỏi:

– Thưa soái tướng, đích đến của quân thủy ta là trấn giữ vùng biển vào cửa sông Bạch Đằng, sẵn sàng theo đường sông ấy lên thành Đại La, quay mặt về phía Nam chặn đường giặc từ trong Hoan Châu (Nghệ An), Ái Châu (Thanh Hóa) kéo ra, đại để là như thế, còn tiến lên trên bộ thì thế nào?

Hầu Nhân Bảo đáp:

– Quân thủy của ông tới được nơi đã định, ấy là lập thế yểm trợ cho quân bộ chiến của tôi yên lòng tiến chiếm các nơi, còn khi nào vào trận thế nào, tôi sẽ tùy trận thế thông báo ngay cho ông biết.

Lưu Trừng lại hỏi thêm:

– Như vậy, khi nào thì tôi cho thuyền ra khỏi thủy doanh?

– Đường biển nếu êm sóng, thuận tiện yên ổn hơn đường bộ nhiều lắm. Nay, việc quân sửa soạn cũng chưa hoàn tất các mặt, ông hãy cứ sắp sẵn trước mọi thứ, khi nào xong cho tôi hay. Thủy quân vượt biển, đường xa gấp nhiều lần, lại phải đề phòng thời tiết cuối năm sang năm mới thường nhiều gió bão, chắc là quân thuyền của ông phải lên đường trước quân bộ!

Đốc sư Lưu Trừng nghe lệnh, hồi doanh sửa soạn mọi việc.

Hầu Nhân Bảo lại nói với các tướng:

– Đường thủy đã vậy, bây giờ đến đường bộ. Quân doanh của ta từ Ung Châu ra đi, tất cả kéo qua quan ải Chi Lăng của nước Nam vào Lạng Châu, lấy sức mạnh quân đông tướng nhiều làm trụ thế, rồi sau đấy thì một phần dừng lại lập doanh, làm "căn bản quân" ở phía sau yểm trợ cho một dạo tiến sâu hẳn xuống phía Nam, chiếm giữ cửa ngõ vùng đồng bằng cửa sông, làm thế liên lạc với quân thủy, từ đấy đại quân của ta hướng đến thành Đại La, lấy cho được thành này, cắt hẳn đường nối tiếp Cổ Loa với kinh thành Hoa Lư của nó ở phía Nam. Chiếm giữ được Đại La thành, là ta vững căn cứ rồi sau đấy sẽ tiến quân xuống phía Nam, vào kinh thành Hoa Lư của nó!

Soái tướng Hầu Nhân Bảo nói sơ qua về kế tiến quân của ông, ông chẳng hề hỏi hay bàn với các thuộc tướng về chiến kế ấy, thành ra trong hàng các thuộc tướng Nam chinh của ông có nhiều người không phục, có người còn cho là chiến kế xem ra khinh địch, chỉ tính việc của mình mà không tính đến việc địch kháng cự lại như thế nào. Những ý kiến ấy, đến

tai Hầu Nhân Bảo, ông vẫn không thay đổi ý định thì chớ, lại còn bảo:"Hoàng đế sai ta cầm quân, ắt là ngài đã hiểu tài sức của ta như thế nào mới giao việc, nay ta xếp đặt ấy là theo cách tính toán của người làm soái sai khiến các tướng, làm sao các tướng hiểu được ý định của soái tướng?". Vì thế Hầu Nhân Bảo gác bỏ ngoài tai tất cả mọi lời bàn nghị của chúng thuộc tướng. Đến khi các thuộc tướng đợi lệnh để làm lễ xuất quân, thì Hầu Nhân Bảo lại nói:"quân thủy đi đường xa, sẽ đi trước, ít ra cũng phải cuối Đông mới tới được chỗ hẹn, vậy cuối Đông ta xuất doanh", chúng tướng nghe nói lấy làm lạ, sao Soái tướng lại có thể trì hoãn chậm trễ đến như thế được, lẽ nào Soái tướng lại xem việc quân hành viễn chinh là một cuộc đi chơi chẳng có gì phải lo lắng cả hay sao? Các tướng thắc mắc, không biết lý do tại sao soái tướng lại ra quân trễ, Hầu Nhân Bảo thì tuy có lo lắng về binh tướng Đại Cồ Việt, nhưng ông lại cho là quân Nam có thể chỉ có sức trên bộ, không thể nào cự được với quân thủy hùng mạnh của đại Tống, lại thêm người cai quản quân thủy chính là Đốc Sư Hải Chiến Lưu Trừng thì chắc chắn việc chiến thắng là điều dễ dàng, vậy cứ đợi cho đến lúc Lưu Trừng vào sâu được trọng địa nước Nam, chiếm giữ được các nơi hiểm yếu, lúc ấy quân bộ mới ào ạt tiến xuống thì cầm chắc chẳng vất vả gì mà nước Nam sẽ phải bị chinh phục.

Về nhiệm vụ của người làm tướng cầm quân, Hầu Nhân Bảo đã như thế, lại thêm việc riêng: chỉ vì ông lấy cho kỳ được em gái của Triệu Phổ, nghĩ là nương nhờ vào thế lực người thiên hạ bảo là trong họ đức khai tổ Triệu Khuông Dẫn để thành đạt những ước mộng của mình, nào ngờ chỉ vì chính việc lấy được em gái Triệu Phổ hóa ra lại mang họa vào thân suốt chín năm lưu đày nơi biên ải chẳng có cơ hội trở về, thành thử quan Trị phủ Hầu Nhân Bảo có phần oán hận chính vợ mình, từ đấy đi lại nơi hí viện "Trường Xuân Viện" đến mê say kỹ nữ Chu Bội Ngọc người gốc ở Hàng Châu là người có văn học, biết đôi chút thi thư, nay gia cảnh sa sút đến phải vào kỹ viện, Bảo gặp rồi mê say nhan sắc nàng kỹ nữ đến độ nàng nói điều gì cũng đều nghe theo cả. Chu Bội Ngọc đẹp người, nết không đến nỗi xấu, chỉ phải mắc một chứng bệnh khó chịu: những khi nghe thấy việc gì sôi nổi hoặc gay go thì sinh nhức đầu vật vã, đau đớn đến bỏ cả mọi thứ, đau như thế đến vài ba ngày phải ở hẳn một nơi thật yên tĩnh thì mới lần lần hết. Nhiều lần đích thân Hầu Nhân Bảo vì thương xót người tình thường tự thân đi tìm thầy thuốc giỏi, hốt thuốc cứu chữa bệnh ngặt cho nàng mà bệnh vẫn không khỏi.

Khi Hầu Nhân Bảo từ đế kinh trở lại lỵ sở trị nhậm sửa soạn việc xuất chinh, thì nàng Chu Bội Ngọc có nghe Bảo kể mọi việc, nàng giữ đạo lý cùng thân phận, một mực khuyên Hầu Nhân Bảo nên chú hết tâm vào việc lớn Hoàng đế tin mà trao cho, Bảo nghe nhưng cho rằng đấy chỉ là những lời thường nói của người đàn bà thuần đức mà thôi. Nàng còn nói:

– Tướng công mang trọng mệnh của Hoàng đế đem quân xuống Nam, đấy là điều vừa vinh dự vừa nặng nề trong trách nhiệm. Thiếp có nghe trong quân theo lệnh tướng công xuống Nam, còn có những người vốn có những điều hiềm khích với tướng công, vì thế tướng công phải nên cẩn trọng!

Hầu Nhân Bảo nghe Chu Bội Ngọc nói như thế, lẽ ra phải để ý đến chỗ: "tại sao nàng kỹ nữ lại nói như thế", thì ông lại một mực cho là phải lắm, rồi lại còn bảo:

– Phải, ta chỉ vì bị ghen ghét nên phải xuống tận phương Nam xa xôi này, ấy cũng vì thế hóa ra mới gặp được nàng, rõ ràng trong cái rủi lại có cái may! Còn trong hàng các tướng của ta, thì tuy chẳng có Lư Đa Tốn hay Triệu Phổ, nhưng chắc cũng có vài kẻ là người đi lại với hai ông ấy, ở bên cạnh ta nghe ngóng mọi việc rồi mật trình về triều, nhưng mệnh lệnh là trong tay ta ban ra, những người theo quân của ta làm gì được ta!

Chu Bội Ngọc vẫn tỏ ra hiền thục, thưa:

– Tướng công nói phải, nhưng cũng nên đề phòng kẻ tiểu nhân. Thiếp nghe trong quân có các tướng Trần Khâm Tộ, Tôn Toàn Hưng là thân tín của ngài Triệu Phổ, Lư Đa Tốn. Lại thêm đại tướng Hải Sư Đốc chiến Lưu Trừng thiếp nghe tướng công bảo ông ta cũng thường hay ra vào tướng phủ họ Triệu, tướng công không nên khinh xuất!

Chu Bội Ngọc nhắc đến Lưu Trừng, chẳng là vì trong những ngày soái phủ hội họp để bàn việc khởi binh, Đốc sư Lưu Trừng nghe danh nàng cũng có đôi phen thấy mặt nàng kỹ nữ ở hí viện, thấy mặt là mê tuy thế cũng còn nể nang Hầu Nhân Bảo nên chưa dám dở trò gì để ép liễu nài hoa, nhưng ngỏ lời thì đã có vài lần. Chu Bội Ngọc thân phận là kỹ nữ, không dám cậy mình được quan trị Ung Châu yêu thương mà thẳng cánh từ chối Lưu Trừng, nên chỉ giữ thái độ vừa phải.

Chu Bội Ngọc dù là người hiền thục, nhưng cuộc đời kỹ nữ cũng đã làm sự thuần khiết hoen ố nhiều, vì vậy cái tính sở đồng "cầu lợi riêng" không thể không có trong nàng. Họ Chu dẫn đo cân nhắc lợi hại của sự kề cận giữa Hầu Nhân Bảo với Lưu Trừng, mỗi bên có một lợi thế, tuy nhiên trong lúc này thì đã hẳn là Hầu Nhân Bảo đang ở ngôi soái tướng tổng chỉ huy, là người sai khiến được Lưu Trừng, không nên "thả mồi bắt bóng", vì thế nàng một mặt tỏ ra trung thành quý trọng họ Hầu, nhưng cũng để tâm cố tìm những cơ hội để tỏ ý trọng vọng Lưu Trừng, để dành lấy một đường phòng khi bất trắc.

Hầu Nhân Bảo nghe Chu Bội Ngọc nói như vậy thì vẫn một mực kiêu ngạo, bảo:

– Trần Khâm Tộ là đại tướng Tây trấn, danh vọng cao lắm, danh vọng cao nay ở dưới quyền ta thì cũng chỉ có cách là phải tuân lệnh ta mà thôi, làm gì được ta! Đến Tôn Toàn Hưng, là tướng bộ chiến cũng có tài thật, nhưng thân phận chẳng bằng Trần Khâm Tộ, lại nữa ta sai cai quản một dạo quân làm thế yểm trợ, làm sao Tộ dám không tuân lệnh soái tướng. Hai người ấy, ở kinh đô cũng có đi lại tướng phủ họ Triệu, thì những sự đi lại ấy chẳng qua cũng chỉ như các người khác mà thôi! Đến như Lưu Trừng, ông ta có ý cậy tài, thế lớn, muốn tranh công của ta, muốn tranh cầm lệnh soái tướng trong chuyến Nam chinh này, nay hóa ra lại phải nghe lệnh ta, cai quản quân thủy làm thế trợ chiến, ta nghĩ thế nào ông ta cũng tìm cách cố xông pha, lập đại công, vì thế ta sai ông ta cầm mười vạn quân là thế, để cho ông ta đủ sức mạnh đánh phá giặc, ta cứ thong thả mà đi, an nhàn đến mà nhận công lớn rồi trình trước Hoàng đế!

Lẽ ra những tâm tư thầm kín, những tính toán ghê gớm như vậy, Hầu Nhân Bảo không nên nói ra cho ai biết, ngay đến các thuộc tướng tâm phúc cũng nên im lặng, thế mà ông lại đem tâm sự ấy kể cả cho một nàng kỹ nữ nghe! Dằng sau nhan sắc kiều mị của gái Hàng Châu họ Chu ấy, soái tướng Hầu Nhân Bảo làm sao biết được có những khủng khiếp gì!?

Nghe Hầu Nhân Bảo huênh hoang như thế, Chu Bội Ngọc lại bảo:

– Phải, Hoàng đế sai các tướng theo tướng công nghe lệnh vào trận, tất nhiên là chẳng ai dám cãi lệnh, tuy thế thiếp thấy tướng công cũng đừng quên bên cạnh tướng công còn có phu nhân là em gái của ngài Triệu Phổ, có khi nào phu nhân được mật lệnh gì để ý đến mọi việc của tướng công chăng?

Quả thật nhiều lần Hầu Nhân Bảo cũng có ý nghi ngờ vợ mình đem việc nhà riêng tư trình mách anh là Triệu Phổ, nay mờ mắt vì sắc đẹp khi nghe kỹ nữ Chu Bội Ngọc nói như vậy thì mới giật mình, vội hỏi:

– Như nàng nghĩ, thì liệu vợ ta có thể như thế nào?

Thật là lạ, có bao giờ một người theo đòi bút nghiên đọc sách thánh hiền, rồi vâng lệnh Hoàng đế trị nhậm một phương trời như Hầu Nhân Bảo mà lại có những nghĩ ngợi, những hành động như vậy! Vợ Hầu Nhân Bảo là em ruột Triệu Phổ, nhưng bà giữ đạo làm vợ của người phụ nữ gia phong trọng đạo Khổng Mạnh, làm sao bà lại có thể có âm mưu gì để di hại đến chồng mình được! Hầu Nhân Bảo hẹp hòi, chỉ vì oán hận không dâu mà nghi ngờ vợ, quên mất cả phép hành xử của người quân tử chân chính.

Bội Ngọc nghe hỏi, ngập ngừng rồi đáp:

– Thiếp không dám có lời bàn về thân phận phu nhân, chỉ xin nhắc tướng công phải nên cẩn thận.

Hầu Nhân Bảo đã có ý nghi ngờ vợ mình, nghe kỹ nữ họ Chu nói như vậy thì từ đấy càng thêm nghi ngờ, đề phòng, lại có ý ngầm theo dõi xem có thấy phu nhân có ý gì khác chăng!

Hầu Nhân Bảo hành xử, tính toán như thế, thì các phó tướng lục quân của ông là Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ cũng lại có những nghĩ ngợi riêng, bàn kín với nhau. Trước hết là Tôn Toàn Hưng bảo:

– Chúng ta vâng lệnh Hoàng đế đem quân lấy nước Nam, trận mạc là việc của chúng ta, thế mà nay lại phải nghe lệnh sai khiến của Hầu Nhân Bảo, ông ta biết gì về việc chiến tranh, chẳng qua cũng như trăm người đọc sách khác, "giỏi việc trên giấy, vụng việc trên lưng ngựa", nay cầm đại quân xuống Nam giả thử không có bọn ta thì ông ta xoay xở thế nào với đám binh tướng dữ dội hung tàn Đại Cồ Việt?

Trần Khâm Tộ tiếp:

– Phải, nhất định là ông ta chẳng giỏi việc thanh gươm yên ngựa, tuy vậy cứ theo như ông ta xếp đặt chia đường cho binh xuống Nam, thì cũng kể là người biết việc, nhưng không phải chỉ như vậy là được, còn phía địch nữa, muốn kế của mình thành công tất phải còn có những dàn xếp khác, chứ chẳng phải là cứ sai tướng đưa binh đi như vậy là được! Tôi có nghe Triệu đại nhân dặn:"Đốc sư Lưu Trừng là hải tướng do đại nhân xin Hoàng đế cho cầm quân thủy, là có ý để cho ông ta có cơ hội lập công trước cả Hầu Nhân Bảo, còn bọn ta thì một là trì hoãn làm cho Hầu Nhân Bảo không thể đi trước, giành công của Lưu Trừng được, hai là phải làm sao để cho Hầu Nhân Bảo bị lỗi lầm, có thế sau khi xong việc ông ta sẽ chẳng có công thì chớ lại còn có tội nữa là khác!

Tôn Toàn Hưng cả cười, đáp:

– Hóa ra chẳng phải một mình tôi được Triệu đại nhân dặn bảo, ông cũng được nghe lời khuyên! Thật ra, nếu chẳng có những lời dặn ấy, thì bọn ta cũng phải tìm cách mà tự liệu lấy thân, chứ cứ nhắm mắt vâng lệnh ông soái tướng chẳng biết gì này thì mau để xác lại nơi chiến trường lắm! Bây giờ, ông ta chia quân bộ làm hai đường, một do chính ông ta có tôi làm phó đem quân chiếm giữ Lạng Châu, ông thì cũng qua cửa Chi Lăng nhưng tiến sâu xuống chiếm giữ Tây Kết, công bằng mà nói thì xếp đặt như thế kể cũng là tướng giỏi, nhưng lại rõ ràng là ông ta khôn mảnh, tiếng là tiên phong tiến chiếm trọng địa của địch trước, mà hóa ra lại chỉ là làm cái kế "chạy trước xua chó săn vượt lên đón đầu con cọp", sau đó thì ông ta hóa ra tụt lại ở sau lưng ông, ở nơi an toàn mà hò hét ông ở phía trước, ông Lưu Trừng ở ngoài khơi, ông với ông Trừng chiếm được nơi nào thì nhất định sẽ lại có lệnh tiến lên nữa, phần chiếm được thì ông ta sẽ đến trấn giữ, cứ thế hóa ra bọn ta đem thân kéo nhau cùng chúng quân đi đón gươm giáo, đỡ cung tên của địch cho ông ta hưởng công!

Hai tướng ha hả cười với nhau, quả quyết là mưu gian của Hầu Nhân Bảo chẳng thể nào qua được những cặp mắt thánh của mình quen việc chiến trận như quen việc rửa mặt hàng ngày buổi sáng! Hai tướng thỏa thuận với nhau: cứ để cho soái tướng Hầu Nhân Bảo tiến binh, tha hồ mà tiến, binh yểm chiến ở các nơi cứ chậm chạp không tiến lên, xem ông ta xoay trở thế nào, thắng thì mình đỡ mệt, thua thì ông ta lãnh đủ tội! Chưa bao giờ tướng vào trận mà lại có chủ trương như vậy! Đã thế, hai tướng còn hi há gọt tỉa mãi gian mưu hại người cho thật đẹp, thật chính, xem việc xuất chinh như thể trò đùa có cơ hội mua vui!

Cuối Đông, trời vẫn rét căm căm, nhưng cũng thỉnh thoảng có ngày lọc lói những tia nắng đầu Xuân, đấy cũng là lúc Đốc Sư Hải chiến Lưu Trừng bắt đầu phát lệnh cho quân xuất thủy doanh. Lệnh chủ tướng ban ra, nhờ có được nhiều ngày sửa soạn nên chúng thuộc tướng của Lưu Trừng lập tức điều động quân thuyền được ngay, tất cả đã tề chỉnh, chỉ còn đợi lệnh mở cửa doanh, thì thuộc tướng Đường Kiển vào doanh thưa soái tướng:

– Bẩm soái tướng, quân ta theo đường biển đi trước, đường xa nhưng quan thiên văn báo thời tiết có thuận tiện, vì thế ta sẽ tới chỗ hẹn được mau lắm, như thế thì quân bộ chiến của ông Hầu Nhân Bảo đi như thế nào, lỡ ra quân ấy có khó khăn thì binh thuyền của ta dễ bị lạc lõng sâu trong đất địch, nhiều nguy hiểm chăng?

Đốc sư Lưu Trừng cả cười mà rằng:

– Ông lo lắng như thế cũng là phải, ta đã nghĩ kỹ, ông quên lo lắng ấy đi! Sức một mình quân thủy của ta dù lấy nước Nam, mười vạn quân với cả vài trăm chu sư, mấy trăm chiến thuyền nhỏ, vào cửa Bạch Đằng nào có khó gì! Ta đi trước, đến sớm, đoạt xong thành ải của giặc, ấy là đại công thu phục nước Nam, Hầu Nhân Bảo đi sau chẳng qua chỉ như là một đạo quân "đến sau nhận đất" mà thôi, làm sao bằng được với quân khai sơn phá thạch của ta! Vả lại, ta lên đường đã có mật lệnh: không để cho Hầu Nhân Bảo lập công, vì thế xong việc nước Nam thì ông ta vẫn trị nhậm chỗ cũ mà thôi, không thể nhờ công lao nào mà được ra khỏi Ung Châu, có gì phải lo!

Đường Kiển nghe chủ tướng nói, ông giật mình: có lẽ nào quân viễn chinh nội bộ lại lục đục như thế, một mình quân thuyền vượt biển vào sâu trong đất địch, tuy rằng quân có thể chiến cả trên thủy lẫn trên bộ được thật, nhưng có bao giờ một quân như thế lại có thể hoàn thành được hết thấy mọi việc trong một cuộc chiến quan trọng như thế này! Vì thế tướng quân lại thưa:

– Thưa soái tướng, quân thế của ta có mạnh thật, chắc chắn là vượt xa

quân thủy của nước Nam, đích ta đến lại không phải là vào tận vùng kinh đô của giặc, thế là đỡ được nhiều mối lo, tuy nhiên tôi nghĩ: chẳng lẽ nào triều đình Hoa Lư lại lơ là cả vùng đất Bắc, thế nào nó cũng có các chỗ trấn quân, lỡ ra phục binh của nó lấy địa lợi dàn xếp trận trước, lúc ấy tất ta gặp khó khăn chăng?

Lưu Trừng vẫn vui vẻ, đáp:

– Những lo lắng của ông, đều đúng! Tuy thế, ông không được biết: từ thủy doanh của ta ra đến ngoài bể, vào tận cửa Bạch Đằng giang, tế tác tiền trận của ta nói rõ: nước Nam không có chiến thuyền canh giữ, quân thủy của họ không đáng để ta phải bận tâm, có chăng là quân trên bộ, trên bộ thì đã có ông Hầu Nhân Bảo với các tướng khác, người Nam tất họ cũng hiểu thế của đôi bên cho nên sẽ chú trọng nhiều vào mặt bộ, mặt thủy ta tung hoành kể như không có sức nào của địch ngăn cản được, ông đừng lo, tài của ông thế nào cũng đắc dụng, tha hồ thi thố cho bọn người Nam mở mắt một phen!

Lưu Trừng một mặt tự tin, khinh địch vô cùng khiến cho tướng Đường Kiền có nói gì cũng không để vào tai, Kiền thở dài! Đường Kiền thì thận trọng lo lắng như thế, còn các tướng khác của Lưu Trừng thì ông nào nghe chủ tướng nói cũng đều tin theo, hoan hỉ đợi ngày cửa doanh mở để giong chiến thuyền ra khơi!

Lưu Trừng sai chuyển hẳn cả doanh tư lệnh thủy quân từ giữa trại ra tận cửa doanh, dựng kỳ đài cao chín trượng, sai may sẵn lá cờ lớn lụa đỏ tươi viết chữ "Lưu" màu vàng thắm, đấy là soái kỳ của ông sẽ được rước xuống Nam, sẽ mở đường phát lệnh cho đạo chu sư dẹ sóng biển Đông xuống nước Đại Cồ Việt.

Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng là tay giỏi thủy chiến, nhưng lại nhiều kiêu căng khinh địch, xem thủy quân của nước Nam chẳng có gì, cho nên dù trong lòng có nhiều lúc lo ngại, e dè đến tài năng của các tướng Đại Cồ Việt nếu quả thật đúng như lời cùng hành động của sứ bộ nước Nam ngày nào ở đế kinh, nghĩ đến những ngày ấy nhiều đêm Lưu Trừng không ngủ được. Lưu Trừng tung hoành trên sông nước biển cả nhiều nguy hiểm, tài thì có mà ngoại cảnh biển rộng trời đất bao la, làm cho ông thành ra mê tín kính sợ thánh thần cũng lại chẳng ít, vì thế mỗi lần xuất trận bao giờ ông cũng cho làm lễ tế cờ lớn lắm.

Lần ra quân này, đường xa biển lớn, tất nhiều gian nguy, vì thế Lưu Trừng bảo chúng thuộc tướng:" Đất có thổ công, sông có hà bá, biển lớn có long vương thủy tề cùng bao nhiêu thần thánh khác, không thể xem thường bất kính được!" Thế là Đốc sư sai lập tế đàn ngay trước cửa thủy doanh, tế đàn cao 6 trượng 4 thước, ông bảo: "Có lần nằm mộng thấy

Long vương ngài nói là ngài cao như thế", cho nên Lưu Trừng lấy con số kích thước vóc dáng của Long vương để dựng tế đài.

Tế đài lập trên một bè lớn gồm thật nhiều thuyền nhỏ ghép lại thành một sàn rộng ngựa trận có thể phi quanh được, gọi là "phù đảo", ý nói đấy là cả một hòn đảo nổi. Chung quanh phù đảo cứ cách ba bước chân cắm một cây cờ nhỏ, cờ nhỏ là những cờ năm sắc theo pháp sư thì đấy là năm mau của ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, vì thế trên mặt biển cờ ngũ sắc nhiều chẳng thua gì một rừng cây trên bộ! Chính đài ở giữa đảo nổi, đường đi bắt đầu từ hướng Tây vòng vèo quanh co qua các lối xếp đặt theo hình Bát Quái dẫn vào giữa là tế đài, quân canh cũng lại mặc chiến phục theo màu sắc của ngũ hành chia nhau theo thứ tự đứng dọc theo các lối đi ấy, khí giới cũng tùy theo mỗi "hành" mà đem theo cho hợp. Đảo nổi không tròn, mà lại vuông vức, vì thế ở bốn cạnh bốn góc đặt cả thảy tám cỗ trống lớn, mỗi trống bề mặt rộng cả sải tay, mặt trống không căng bằng da trâu như thường thấy mà lại căng bằng da con hải cẩu biển Bắc, mỗi trống có bốn lực sĩ cầm chày lớn bằng bắp chân chực sẵn.

Tế đài là chốn tôn nghiêm, từ khi dựng xong, bày biện các đồ tế khí rồi, thì không một ai được bén mảng tới, chỉ có chín chín tám mốt người lính mặc giáp trận trắng, đầu đội mũ bạc kết vảy như vảy rồng, tay không cầm khí giới mà mỗi người cầm một cây gươm ngắn lưỡi gươm ba cạnh đứng canh.

Chung quanh đảo nổi tế đàn, Đốc sư Lưu Trừng sai các thuộc tướng dàn hết đạo quân vĩ đại sắp Nam chinh ra, phân thành ba đạo: tiền quân chu sư khai lộ, trung quân chu sư trợ chiến, hậu quân chu sư tiếp viện, tất cả đông đến ba trăm chiếc chiến thuyền lớn cao ngất nghểu, còn các thuyền nhỏ đi kèm ba đạo chu sư ấy thì nhiều lắm không đếm xuể. Thuyền tin là những thuyền tế tác nhỏ dài hình dáng như con thoi trên khung dệt đi lại như mắc cửi, liên lạc giữa các đạo quân với nhau thật khít khao.

Đúng giữa giờ Tị, ngày đầu tiên của mùa xuân năm Tân Tị (981), tức năm Thái Bình Hưng quốc thứ 6 nhà Tống, ứng với năm Thiên Phúc thứ 2 của đời Lê Đại Hành Hoàng đế ở nước Đại Cồ Việt, lệnh của Đốc sư Hải chiến nhà Đại Tống là Tướng quân Lưu Trừng ban ra, tức thì tám cỗ đại cổ với 32 tay chày của 16 lực sĩ nhất tề đập lên mặt trống da hải cẩu biển Bắc, tiếng trống chợt nổi lên dữ dội nghe như tiếng sấm dậy ngay cạnh tai, ầm ì mà mạnh mẽ như búa lớn bổ vào mặt đồng mặt thép, tiếng động ầm ầm đến nỗi sức mạnh làm cho rung rinh cả sóng nước, cờ trận khắp nơi theo hơi gió trống bay ra lay động rào rào!

Trống trận cứ dập đều đều, từ thủy doanh bên trong thuyền lệnh treo cờ hoàng thổ đi đầu dẫn đường, theo sau là thật đông các chiến thuyền,

một chu sư sơn nửa trên đỏ chói, nửa dưới xanh như màu nước biển dè sóng đường bệ trôi ra, hai hàng mái chèo vẫy đều như mái chèo vây con thủy quái, đấy là soái thuyền có ba hàng cột buồm, mũi thuyền lại có cây cột thấp treo lá cờ soái đỏ chói, trên lá cờ ấy có thêu chữ "Lưu" chỉ vàng. Dấy là soái thuyền của Đốc sư Lưu Trừng. Chung quanh soái thuyền, nhiều chiến thuyền khác đi theo, đấy là thuyền của các chiến tướng.

Trên soái thuyền, chính giữa có đặt hai chiếc ghế lớn bọc da con hải cẩu miền núi nhiều tuyết tận Sơn Hải quan ở cực đông tòa thành vĩ đại Vạn Lý, hai ghế này một là ghế của Soái tướng Tổng quản quân thủy bộ Nam chinh Bá tước Hầu Nhân Bảo, một là của Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng Tư lệnh thủy quân Nam phạt cầm cờ khai sơn phá thạch dẫn đường cho quân trên bộ sẽ kéo theo. Phía sau hai chiếc ghế, là các tướng thủy bộ giáp trụ đầy đủ, người nào đứng sau ghế của chủ tướng người nấy. Vì Soái tướng Tổng quản Hầu Nhân Bảo cho lệnh thủy quân đi trước cho kịp đến nơi hẹn, cho nên mới có lễ xuất doanh long trọng ngày hôm nay trước khi quân bộ vượt ải theo sau.

Đốc sư Lưu Trừng vóc dáng to lớn cực kỳ hùng vĩ, nhất là bộ râu quai nón thật rậm càng làm cho Đốc sư thêm vẻ oai phong hiếm có. Đốc sư có sức mạnh hơn đời, lại cực giỏi nghề bơi lặn sâu dưới nước, tinh thông chiến pháp, lại thường xuyên chú trọng vào các trận thủy chiến cổ kim để học hỏi, vì thế người đời thời ấy bảo rằng: ngoài Đốc sư Lưu Trừng ra, không ai có thể đủ tài chế ngự được sức mạnh của Long vương! Con người Lưu Trừng như thế, cuộc đời ngang dọc của ông như thế, ông đi lại nhiều nơi khắp các dòng sông nước Trung Nguyên, biển rộng từ Bắc xuống Nam chẳng còn nơi nào ông chưa tới. Ấy cũng vì đi nhiều, sống nhiều, trong tay lại có quyền lực, cho nên hùng tướng vẫn chẳng thể vượt qua được cửa ải mỹ nhân, tướng quân hao phí sức lực vào chốn yên hoa chẳng phải là ít, khiến nhiều lúc cũng cảm thấy sức khỏe sa sút, danh tướng thủy quân mà nhiều lúc nhìn sóng nước cũng thấy nôn nao xây xẩm mặt mày!

Hôm nay, Đốc sư cưỡi soái thuyền xuất doanh ra lễ đàn, trong mình Đốc sư không được khỏe mạnh, ấy cũng vẫn lại vì ý nghĩ:" sắp phải lên đường xuống Nam nơi tăm tối mọi rợ, chẳng còn được hưởng thú mỹ nhân như ở đất Bắc" cho nên ông dốc nhiều sức vào khoái lạc gọi là để bù cho những ngày sắp phải thiếu thốn!

Hôm nay, trời cuối đông chuyển sang xuân, buổi tinh mơ sóng lặng gió im, đến giữa buổi sáng gió nhẹ mới nổi lên, mặt biển rộng lăn tăn sóng như trong hồ rộng. Ấy thế mà khi soái thuyền ba cột buồm từ từ rẽ nước đi ra cửa doanh, tám cỗ trống trận "đại cổ bắc hải cấu" vẫn đều đều

ầm ì, đúng lúc soái thuyền đi đến trước lễ đàn cũng là được nửa đường từ cửa thủy doanh tới, tức thì tám cỗ đại cổ với 32 tay chày của 16 lực sĩ nhất tề vận hết lực đập như búa bổ vào mặt trống. Hốt nhiên cả một vùng biển ầm ầm tưởng như có hàng trăm cỗ xe lớn bánh sắt từ trời cao lăn xuống, dấy là trống hiệu đón mừng soái tướng ra giám trận!

Cùng với tiếng trống bất thần nổi lên dữ dội, Đốc sư Thủy chiến đang oai vệ ngồi trên ghế, thong thả đứng lên chắc là để đón nhận hiệu trống đón chào. Mặt sàn soái thuyền rộng lớn, soái thuyền như con rồng lớn vô cùng vững chãi, sóng nước lăn tăn, gió nhẹ, chỉ có tiếng trống là dữ dội mạnh tưởng đến tung sóng nước biển đông, Đốc sư vừa đứng lên bỗng thấy hai mắt như có tấm nhung đen bịt kín, đầu như rỗng ra nhẹ bổng, Đốc sư lảo đảo ngồi ngay xuống, dầu ông nghẹo xuống vai.

Sự việc xảy ra bất ngờ quá, các tướng đứng sau ghế hoảng hồn xô đến. Soái tướng Tổng quản thủy bộ hai quân là Hầu Nhân Bảo bật ngay dậy, ông nào cũng hốt hoảng không hiểu có việc gì xảy ra? Tùy tướng của Đốc sư đứng phía sau vội bước tới, một tay đỡ cho đầu ông ngay ngắn lại, một tay gỡ bó thật nhanh mũ trận, lúc ấy mọi người thấy rõ Đốc sư mặt tái nhợt, cặp mắt đầy hùng khí tinh anh lúc này đục mờ đờ dẫn như mắt người đã chết! Mọi người xôn xao, Đốc sư bất thần trúng gió độc, soái thuyền nhốn nháo, Đại phu (thầy thuốc) đã tới, ông án mạch ngay nơi cổ Đốc sư, rồi nói:

– Không sao! Đốc sư chỉ bị xáo trộn đôi chút, kinh mạch có lầm lẫn khiến nguyên khí bị rung động, nghỉ một chút là cũng có thể tự bình thường!

Đại phu nói như thế quả thật đúng, nhưng ông lại có phần nghĩ ngợi. Còn cặp mắt tinh đời từng trải nhiều việc quay quắt trong cuộc đời và bản thân kinh qua của Soái tướng Hầu Nhân Bảo khiến ông nhận thấy ngay. Hầu Nhân Bảo thoáng nghĩ thật nhanh, rồi ông truyền lệnh cho dàn tám cỗ trống nhẹ tay chày để bớt kinh động đến soái tướng thủy quân.

Đốc sư Lưu Trừng xây xẩm mặt mày chẳng lâu rồi cũng tỉnh táo lại ngay, nhưng ông cảm thấy trong người mệt mỏi, gió mát buổi sáng ngày đầu xuân trên biển rộng đậm mùi mặn, lẽ ra làm cho viên hải tướng lẫy lừng này phải cảm thấy tinh thần sáng suốt sức khỏe dâng cao mới phải, thì ông lại cảm thấy gai gai như người đau yếu gặp phải làn gió lạnh. Tướng quân thấy tay chân mỏi mỏi, nặng nề.

Soái thuyền tiếp tục tiến tới, rồi cặp vào lễ đàn. Hầu Nhân Bảo đứng lên, Lưu Trừng đứng lên theo, phía sau một tùy tướng đưa tay có ý đỡ sức cho Lưu Trừng, ông mạnh mẽ đứng lên khẽ làm cử chỉ không cần phải giúp đỡ. Lưu Trừng vận thần tụ khí, lấy lại vẻ oai phong mạnh mẽ, thong thả bước lên lễ đàn, dàn trống lại đập nhẹ nhẹ âm âm. Dẫn lối đi cho Lưu

Trừng và Hầu Nhân Bảo là pháp sư vận pháp y màu vàng chói có những xọc đỏ, mường tượng như pháp y của các vị cao tăng đạo Phật, theo sau cùng là các tướng thủy bộ.

Pháp sư bước lên cầu thang tre dẫn từ lễ đàn lên lễ đài trên cao, theo sau ông là Lưu Trừng. Đây là lễ xuất quân của thủy quân cho nên Hầu Nhân Bảo tuy là Soái tướng Tổng quản Thủy bộ hải quân, nhưng ông lùi lại phía sau nhường lối đi trước cho Lưu Trừng. Pháp sư nhẹ nhàng bước đi, tay phải cầm pháp trượng chín đốt sơn son, tay trái cầm bình hương bằng đồng treo bằng sợi xích bạc nho nhỏ, khói trầm hương trong bình bốc ra thơm ngát. Lưu Trừng đợi cho pháp sư lên cầu thang được bốn năm bậc rồi mới thong thả bước lên theo.

Cầu thang làm bằng tre không rộng, nhưng b c thang dễ đi, chiến hài của Đốc sư bước lên nghe tiếng tre ghép phát ra tiếng cọt kẹt, sức nặng của thân thể vóc dáng to lớn của Dốc sư dường như thang tre nhẹ nhẹ oằn xuống theo nhịp bước chân chậm chậm. Vẫn cặp mắt tinh đời của Hầu Nhân Bảo nhận thấy sự việc thang tre, ông thận trọng đợi cho Lưu Trừng đi năm bảy bước lên cao rồi ông mới nhẹ nhàng bước lên. Chính Hầu Nhân Bảo tuy vóc dáng không to lớn bằng Lưu Trừng, nhưng cũng phải kể là vào hàng to béo, cho nên dù ông đã thận trọng nhẹ nhàng bước đi thì thang tre vẫn phải võng thêm xuống. Trên cao, Pháp sư đã đi hết cầu thang, vào lễ đài, rồi Lưu Trừng cũng đã đi qua yên ổn. Hầu Nhân Bảo yên lòng bước lên, phía sau ông ra hiệu cho các tướng dừng cả lại không lên thang, một là để tránh sức nặng, hai là để giữ vẻ trang nghiêm tôn kính cho lễ đài: chỉ có các soái tướng mới được lên.

Lễ đài cao, nhìn xuống ra xa biển mênh mông, các chu sư thuyền chiến nhà Đại Tống tuy rằng nhiều thế mà vẫn chỉ như một nắm lá tre tụ ở một góc hồ lớn! Đốc sư bao nhiêu lần xuất quân, chưa lần nào ông lại phải tổ chức lễ xuất quân trọng đại đến thế này, một phần vì ông linh cảm thấy trong chuyến viễn chinh này có nhiều khó khăn, một phần ông tận mắt chứng kiến những việc, tận tai nghe những lời nói về người nước Nam, nên cũng có thấp thỏm lo lắng ở trong lòng nhiều lắm, lại thêm chính soái tướng Tổng binh Hầu Nhân Bảo phải làm lễ xuất quân cho trang trọng, cầu xin trời đất thần bể che chở giúp sức cho, cho nên mới có buổi lễ xuất quân lớn đến thế này!

Pháp sư vào lễ đàn, hương đốt mù mịt tranh đua với khói hương trầm tỏa thơm cả một vùng biển, các chiến thuyền ở xa dưới kia cũng thấy mùi thơm hương và trầm. Bàn thờ ở đây thật giản dị chính giữa chỉ có một bệ nhỏ cao chừng xải tay, trên có treo một cành liễu phất phới đạo sớ viết bằng cổ tự từ thời Tần Thủy Hoàng đế, chẳng ai biết pháp sư viết trên sớ ấy những gì.

Pháp sư đặt bình hương lên bàn lễ, pháp trượng vẫn cầm trong tay, vẻ mặt ông vốn khắc khổ lúc này lại càng thêm nghiêm nghị, pháp sư gióng ba hồi chuông, tay pháp trượng dọng mạnh ba lần xuống sàn lễ đàn, rồi tay trái bỏ dùi chuông giữ thế "Phật quyết" ở trước ngực, ông lên tiếng líu lo một tràng kinh kệ cổ ngữ, hai vị đại tướng chẳng hiểu chút nào về những lời cầu khấn hay kêu gọi thần linh ấy! Hai ông kính cẩn đứng nghiêm trang, đầu hơi cúi tỏ vẻ thành kính thần linh. Pháp sư hành lễ không quỳ gối lần nào, nhưng mỗi lần xong một lễ ông lại bỏ tay quyết thỉnh chuông, cả thảy chín lần như thế kéo dài chừng tàn một cây nhang là xong. Quay sang hai tướng, pháp sư nghiêm nghị mời hai ông quỳ xuống lạy tạ thánh thần ba lần. Giáp trụ của chiến tướng khiến các ông khó khăn lắm mới quỳ được một chân, và hai tướng đã xong việc hành lễ cầu xin thánh thần phù trợ.

Pháp sư đứng sang một bên, tỏ dấu hiệu buổi lễ đã xong, và Đốc sư Lưu Trừng bước ra, ông đứng trước cửa lễ đàn nhìn xuống thủy doanh, một vùng rộng lớn, ngay chỗ chân thang lên lễ đàn các tướng nghiêm chỉnh đứng chờ, ông lên tiếng, thu nội lực rồi hiểu dụ chúng quân:

– Hỡi các binh tướng của ta!...

Dù trong người đang lúc mệt mỏi, thế mà giọng của Đốc sư Lưu Trừng nghe vẫn oai phong đầy khí lực, ông hiểu dụ khích lòng quân sĩ, quyết chắc đi là đến đích, chiến là thắng, sức mạnh quân thủy Đại Tống thừa để biến cả nước Nam thành vùng đất phẳng, bao nhiêu sông ngòi trên vùng đất ấy lấp kín cũng xong, bao nhiêu núi cao núi thấp đạp cũng thành bình địa, phen này ra đi ấy là để mở đường cho binh Trung Nguyên xuống sâu mãi phương Nam, lấy Đại Cồ Việt làm "lập địa" để cho cờ Đại Tống đi tiếp xuống lấy Chiêm Thành, quay binh lấy Xiêm, La Hộc, Mã Bát Nhi, Tô Mộc Đỗ Lạt...(*) mở rộng giang sơn, gieo rắc văn minh cho các dân tộc mọi rợ. Sứ mạng thiêng liêng này, thủy quân Đại Tống nhận vinh dự mở đường!

(*) Đây là tên phiên âm Hán cũ, là các nước Xiêm và La Hộc, sau các nơi này gồm lại thành nước Xiêm La (tức Thái Lan ngày nay) đều ở lưu vực sông Ménam (tức Mékong);

.....Tô Mộc Đỗ Lạt là phiên âm của Sumatra thuộc Nam Dương (Indonesia) ngày nay. Mã Bát Nhi thì ở vùng ven biển phía đông nam Ấn Độ... Ý đồ này của nhà Tống không thực hiện được, sau này đến nhà Nguyên thì tham vọng thôn tính cả vùng Đông Nam Á để quay binh sang phía tây phá nốt để quốc Ấn Độ, là Mông Cổ xong cuộc trường chinh toàn thu thế giới, nhưng vì ba lần đại bại ở Đại Việt cho nên ý muốn của các Hãn Mông cổ không thành, sự kiện lịch sử vĩ đại này xin xem trong BẮN RỤNG MẶT TRỜI của Vũ Ngọc Đĩnh.

Hiểu dụ chúng binh tướng xong, Đốc Sư hiên ngang rời lễ đàn bước xuống, ông làm như chẳng thấy có Soái tướng Tổng binh đứng ngay bên cạnh. Lưu Trừng xuống thang trong tiếng trống đập ầm ầm, tiếng quân reo phát hơi gió rung rinh cả sóng nước biển đông. Hầu Nhân Bảo tự nhiên lại giơ tay ra hiệu cho pháp sư đi trước, theo sau Lưu Trừng, còn ông đợi cho hai người đi trước xuống đến gần hết thang mới thong thả cất bước.

Chúng binh nghe hiểu dụ thì nhất tề hò reo, tung hô vị đại tướng kiêu hùng, ngợi ca thánh ý hùng liệt của đức Hoàng đế đại Tống. Trống lớn lại đập át cả tiếng mười muôn quân hò reo, thế mà cũng không át được tiếng tim đang đập mạnh trong lồng ngực Soái tướng Tổng binh Hầu Nhân Bảo đại nhân!

Tổng binh đứng nghe Đốc sư hiểu dụ chúng quân, rõ ràng ông ta tự thị ngầm nói: chỉ một mình quân thủy của ông ta cũng thừa để chiến thắng lấy nước Nam, mở đường cho các lộ quân khác tiến theo sau, kể cả binh trên bộ của ngài soái tướng Tổng quản đang đứng ngay bên cạnh! Thật là coi thường ông quá đáng! Thật là ngông cuồng tự thị quá đáng!

Hầu Nhân Bảo im lặng không nói một lời, vẻ mặt nghiêm nghị, trong lòng ông đang sôi nổi bao nhiêu ý nghĩ.

Lưu Trừng càng xuống gần hết thang, tiếng trống đập càng dữ dội, tiếng quân reo càng khủng khiếp. Hầu Nhân Bảo đi xuống mới chỉ được ba bậc thang thì tự nhiên thang tre rung rinh oằn hẳn xuống thật nhanh, rồi nghe "rắc" một tiếng gãy gập ngay tại bậc thang nơi ông vừa bước xuống. Thang gãy, Lưu Trừng đã xuống đến sàn lễ đàn, ông kịp vươn tay đỡ lấy pháp sư vừa ập xuống nhưng không kịp đỡ Soái tướng Tổng binh Hầu Nhân Bảo. Bảo ập xuống theo đè ngay lên ngang lưng pháp sư nghe "huych" một tiếng, sức nặng thân thể quan Tổng binh từ trên cao đổ xuống khiến cả ba người đều ngã rập trên sàn. Trong một thoáng kinh hoàng, trống lớn ngưng tiếng, các thuộc tướng xô cả lại đỡ ba người lên, may chẳng ông nào bị thương tích ấy cũng là nhờ ở Lưu Trừng là võ tướng mạnh mẽ lại giáp trụ đầy đủ thành ra đỡ được cho cả bọn, chỉ có pháp sư mặc pháp y lại bị chèn vào giữa thành ra có bị nhộn nhạo tức ngực!

Thang mới làm, chiều hôm trước còn soát xét thấy không có gì khác lạ, tại sao sáng hôm nay thang lại bị gãy ngang như thế? Tướng quân trại tức thì xem xét, phát giác ra: chỉ trong một đêm, loài ong bầu vốn ở trên đất rừng không biết tại sao lại kéo nhau ra đây đục nhiều lỗ chui vào các đốt tre thang, vì thế thang mới bị yếu hẳn đi rồi gãy! Việc xảy ra, các tướng cũng như chúng quân từ đây nghĩ ngợi nhiều lắm, chẳng ai lại không tin rằng đấy là điềm xấu.

Lễ tế cáo trời biển vừa xong, thì trong cửa doanh một thuyền lớn chèo ra, trên thuyền cờ xí đủ màu, chiêng trống đập nhịp ầm ầm, trên soái thuyền các tướng ngẩn người chẳng hiểu có việc gì, thuyền nào làm náo loạn!

Đốc sư Lưu Trừng hơi nhíu mày, một tùy tướng ghé tai ông nói nhỏ:

– Thưa Đốc sư soái tướng, đấy là thuyền tế Long vương của chúng binh sĩ, chúng bảo: đây là lần viễn chinh đầu tiên vượt biển xuống mãi phương Nam, Nam Hải có thủy thần linh thiêng lắm, phải van vái cầu được sóng lặng bình yên!

Lưu Trừng nhiều mê tín chẳng thua gì các người khác, các tướng khác, cho nên tuy có đôi chút khó chịu về việc làm của chúng quân vì không xin lệnh ông trước, ông cũng thấy có phần nguôi nguôi.

Thuyền tế ra đến giữa doanh dừng lại, khoảng cách từ thuyền ấy đến soái thuyền ước chừng vài mươi đường chèo. Trên thuyền chiêng trống đều nhịp trầm hẳn xuống để chung quanh nghe rõ tiếng pháp sư ê a đọc kệ cầu an một hồi dài, rồi chiêng trống lại bừng bừng, chúng quân trên thuyền đồng thanh hô vang nhiều lần lời khấn tụng thủy thần, tiếp đến chúng quân trên thuyền trút xuống biển các lễ vật dủ thứ thật nhiều hoa quả, mấy con heo (lợn) cạo lông trắng hếu bụng mở toang, gà đã giết... tất cả trút xuống biển đấy là lễ vật dâng thủy thần để cầu được an bình trong chuyến hải hành. Lưu Trừng chưa hề thấy có cảnh tượng này, ông không hiểu chúng quân nghe ai bày cho cái việc cúng tế này?

Lễ vật trút xuống biển bềnh bồng theo sóng nước lăn tăn, chẳng biết lúc ấy thủy triều lên xuống thế nào, mà tất cả các lễ vật hoa quả lợn gà ấy không chìm lại dập dềnh chậm chậm trôi lại gần soái thuyền! Trăm ngàn cặp mắt nhìn cả vào sự việc, ở xa không thấy rõ nhưng ở trên soái thuyền thì các tướng thấy rõ lắm, nhất là Soái tướng Tổng binh Hầu Nhân Bảo lúc ấy đứng ngay cạnh mạn thuyền, ông thấy mấy con lợn trắng hếu mắt chẳng nhắm hẳn dường như hi hí nhìn ông, hai má phình lớn với hàm răng nhe nửa vời, ông thấy rõ mấy con lợn ấy nhăn nhở cười cười với ông. Hầu Nhân Bảo chợt cảm thấy tinh thần hoảng loạn, trời đất tối sầm nhưng mặt mấy con lợn thì lại lồ lộ càng lúc càng lớn mãi lên, khủng khiếp quá! Hầu Nhân Bảo rú lên hôn mê bất tỉnh, Đốc sư Lưu Trừng vươn cánh tay hộ pháp túm ngay lấy Hầu Nhân Bảo, đỡ không để Bảo ngã xuống, chỉ trong một thoáng là Hầu Nhân Bảo đã lại định được thần, tỉnh táo, nhưng cảm thấy trong mình mệt mỏi lắm.

Lễ dàn lập trên mặt nước, thuyền quân dự lễ cũng như chúng dân hiếu kỳ đến xem lễ xuất quân của Đốc sư đều ở quá xa, không thể nào nghe hay nhìn thấy các sự việc xảy ra ở nơi đây. Nhưng, trong hàng các

tướng thủy bộ thì chẳng ai lại không biết, không nghe thấy những lời kể lại, ai cũng tin là chuyến ra quân này không có lợi!

Đến khi thuyền riêng đưa Soái tướng Tổng Binh Hầu Nhân Bảo khua chèo quay mũi trở lại bộ doanh, Đốc sư Lưu Trừng còn đứng tần ngần ở mũi soái thuyền, thì tướng giám trận là Tái Đức Quyền theo đúng kế hoạch cho lệnh một trăm lẻ bốn quả pháo hiệu lần lượt châm lửa, tiếng nổ cực lớn đều đều liên tiếp nhau hồi lâu, biến cả một vùng biển mờ trong khói thuốc, lòng người rạo rực lạ kỳ.

Chính trong lúc pháo hiệu xuất doanh khởi hành đang nổ, sóng nước rung rinh nhẹ nhẹ, Đốc sư Lưu Trừng cùng các thuộc tướng thấy từ xa ngoài khơi, mặt nước rẽ ra, rồi một con kình ngư lướt tới không rõ là con thủy quái gì, chỉ thấy con vật to gần bằng một chiếc chu sư, mình đen bóng không trông rõ đầu nhưng khổ đuôi vươn cao khỏi mặt nước lớn như một cánh buồm. Con thủy quái đâm thẳng vào soái thuyền khiến mọi người hết hồn, thần tướng Chu Tích Mộc vươn tay tung ra một đường phi kiếm, luồng sáng bay đi mọi người tin chắc là trúng vào khoảng giữa lưng thủy quái, thủy quái quẫy mạnh đuôi đập sóng nước ầm ầm làm cho soái thuyền rung rinh nghiêng ngả cơ hồ muốn lật úp, mọi người trên thuyền kinh hoàng xô giạt cả về một phía. Con thủy quái quẫy lộn như vậy ba lần quanh soái thuyền, rồi rẽ sóng vùn vụt ra khơi, mang theo cả thanh gươm của thần tướng Chu Tích Mộc lừng danh với tài phóng phi kiếm ở nhà Tống thời đó.

Việc xảy ra không lâu, tiếng pháo hiệu nổ còn chưa hết, Đốc sư Lưu Trừng trong lòng vừa lấy làm kỳ lạ vừa lo lắng với bao nhiêu việc bất thường xảy ra, ông lập tức cho gọi pháp sư đến hỏi việc.

Pháp sư Tất Ma Đạo Sư người Tây Tạng, khổ tu theo phái Tuyết Sơn, đắc dạo đến độ thân thể teo quắt như xác khô, bao nhiêu năng lực nội tại hợp với năng lực thiên nhiên hội tụ cả vào cặp mắt khiến cho cặp mắt ấy long lanh như hai hạt kim cương lớn, lúc pháp sư tụ thần ngưng khí hóa thân vào trời đất để giải việc, thì có thể xuất hồn đi khắp thế gian, hiểu được tận cùng của sự việc; ông là người tu hành đạt chính quả, lẽ ra xem việc thế gian chẳng hơn gì một làn gió thoảng, thì lại chỉ vì hạnh tu đạt đến mức thoát phàm khiến ông quay lại để xem việc thế gian có đúng thật như ông nhìn biết thấy như trời xếp đặt hay không, vì thế ông đến với tướng quân thủy chiến Lưu Trừng của nhà đại Tống là người có lẽ đi lại nhiều nơi nhất trong số các danh tướng của Tống triều thời ấy, cốt để có nhiều cơ hội chứng nghiệm việc huyền bí của trời đất.

Lúc Pháp sư làm lễ trên lễ đài, khi các việc bất tường xảy ra, tâm cơ chuyển động Tất Ma Đạo Sư đã thấy ngay những việc mai sau, ông lặng lẽ chẳng nói cho ai biết. Đến khi thủy quái xuất hiện rồi bỏ đi, Lưu Trừng hỏi việc, thì pháp sư thưa:

– Bẩm tướng quân, việc trời không nên tiết lộ nhiều! Người với Trời đều có ở trong nhau, hãy tâm thành là được!

Lưu Trừng hiểu ý, liền truyền lệnh cho các tướng lui hết ra khỏi soái doanh, một mình ông đợi nghe pháp sư đạo sĩ nói việc mật. Pháp sư chỉ nói vắn tắt:"Đến rồi đi, tới rồi về, khi soái kỳ đổ không nên lưu luyến mang họa vào thân", hỏi thì pháp sư không nói gì thêm nữa, nhưng Lưu Trừng cũng mang máng hiểu, không dám hỏi thêm, chỉ lẳng lặng giữ kín trong lòng những lời chỉ bảo bí mật ấy, từ đây hết sức thận trọng kín đáo để ý từng việc lớn nhỏ một, trong lòng chẳng khỏi lo lắng lắm lắm.

Pháo lệnh nổ hết, cũng là lúc soái thuyền của Đốc sư chậm chậm rẽ sóng nước bắt đầu xuất doanh mở đường cho đạo quân thuyền vĩ đại ra khơi xuống Nam chinh phục nước Đại Cồ Việt.

Tiếng nổ đến rung rinh cả mặt nước của pháo lệnh nơi thủy doanh lễ dàn của Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng theo chân tế tác đường bộ của Tế sứ Đô Hộ Phủ Sĩ sư Lưu Cơ, cướp đường vượt núi rừng gấp bay đi trình về kinh đô Hoa Lư chỉ mấy ngày sau là đã tới.

Được tin quân Tống đã khởi trình, Hoàng đế Đại Hành hội triều, ngài phán:

– Việc ta đợi chờ, nay đã đến, thủy quân của giặc lên đường trước, theo đường biển thế nào cũng theo đường qua núi Ô Lôi ở cửa vịnh Khâm Châu men theo bờ biển vào biển Lục Thủy, đây là đường biển thuận tiện nhất để các thuyền chiến hay thuyền buôn của Trung Nguyên vào giang sơn ta(*). Đường đi đã vậy, còn đường tới của nó với những chu sư lớn như thế, không thể vào các cửa sông nhỏ được, chỉ có thể vào cửa Hải Thị(**), chắc chắn nó không dám làm liều mạo hiểm vượt biển xa vào tận Hoan Ái của ta, dù rằng sức của thủy quân nó mạnh đến đâu cũng không dám, bởi một lẽ nếu hành động như thế là nó bỏ trống hẳn một khoảng cực lớn phía sau lưng, giả thử hai quân thủy bộ sau đấy không liên lạc được với nhau, thì lúc ấy cả hai đạo quân đều bị bơ vơ, tiền hậu rã rời, phỏng còn

---

(*) Vùng biển Lục Thủy còn gọi là vịnh Tùng Bách, nay là vùng biển Hòn Gai, Quảng Ninh, Hạ Long;

(**) Hải Thị là ngã ba sông Luộc, cũng gọi là Chợ Biển.

được việc gì nữa. Bởi thế, ta nghĩ nó sẽ phải tìm đường lần đến cửa sông Bạch Đằng thật(*)!

Hoàng đế luận về đường đi của thủy quân Lưu Trừng, lại quả quyết nơi thuyền giặc sẽ tới, thật kim cổ chưa có tướng nào lại quyết chắc như thế! Vì vậy, Hoàng đế phán tiếp:

– Ta tin như thế, cho nên đem thủy quân ra chặn trước. Thủy quân của nó đi trước, mùa này biển không nhiều sóng gió, nó có thể đi nhanh đến trước lục quân nhiều ngày, giả thử ta phá được thủy quân của nó thì tất nhiên làm cho quân bộ của nó một là phải chùn bước lo sợ, hai là phải gấp đường đến cứu, cố giành lấy thế công. Đằng nào ta cũng phải chiến lớn, đương trường hành động như thế không có lợi, sao ta lại không dùng đến mưu kế? Các khanh ai có mưu kế gì hay?

Hoàng đế tin ở việc quân bị của mình, lại lo trước đến những khó khăn chiến tranh nên muốn dùng kế hay để phá giặc, ngài chú trọng đến cửa sông Bạch Đằng, vua hỏi làm cho quần thần lao xao bàn tán, chưa ai có mưu kế gì lợi hại, cứ tiếp tục bàn luận. Cuối cùng vẫn Hoàng đế phán:

– Quân kế có thể lập được nhiều cách, nhắm vào nhiều hoạt động khác nhau của mình cũng như của giặc. Quân kế hay nhất bao giờ cũng trước hết là nhắm vào tướng soái cầm quân, hiểu cho rõ con người ấy, tính tình, ý thích của ông ta, biết rõ cả thì có thể dùng kế theo ý mình được!

Binh thư chiến pháp không phải chỉ hiểu thôi là đủ để trở thành người lập trận cầm quân giỏi được, thành thử vì thế quần thần lại nghị bàn xem các tướng nhà Tống thế nào, rốt cuộc cũng vẫn chẳng tìm ra được diệu kế gì để đối phó với những con người ấy.

(*)Cửa sông Bạch Đằng, và dòng Bạch Đằng giang là thủy lộ ghi nhiều chiến tích lẫy lừng của nước ta thời xưa. Theo các nghiên cứu của các nhà "thủy chiến học" thì cửa Bạch Đằng phải hiểu một cách rộng rãi và linh hoạt, nhưng dù vào cửa nào theo quan niệm Bạch Đằng thời xưa vẫn phải chung một hướng qua sông Kinh Môn hoặc Kinh Thầy mà vào sông Lục Đầu (theo Quân Thủy, trong lịch sử chống ngoại xâm, *sách của Bộ Tư Lệnh Hải Quân QDNDVN). Lần theo sử cũ, ta thấy: đầu tiên, các chiến thuyền của tướng Đoàn Chí theo Phục Ba Tướng quân Mã Viện vào đánh Hai Bà Trưng, rồi sau là hải quân của Trần Bá Tiên vào đánh Lý Bôn, sau nữa là của Thái tử nhà Nam Hán là Hoằng Thao vào cứu Kiều Công Tiễn, tất cả đều tìm đến và theo đường sông Bạch Đằng. Sau đến lượt Lưu Trừng của nhà Tống; đến đời nhà Nguyên các đại tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, hội quân với thái tử Thoát Hoan cũng vẫn là sông Bạch Đằng và đại bại ở đấy.*

Đại Hành Hoàng đế cứ im lặng nghe quần thần thay nhau xuất ban tâu trình ý nghĩ, dưa mưu dâng kế, ngài lắng nghe ý kiến của quần thần, có lúc nghiêm nét mặt, có khi lại gật đầu ra chiều khen thưởng.

Cuối cùng ngài nghiêm nghị phán:

– Với một tướng địch, ta hiểu rõ con người ấy, thì dựng được quân mưu phá một tướng ở một trận; với nhiều tướng địch hợp lực lập trận ở nhiều phía hướng cả vào ta để công kích, thì phải làm sao cho cái thế "hợp quần hội lực" ấy phải bị hoặc là tan rã, hoặc là sai lệch chẳng thể cùng một lúc nhiều mặt vây đánh làm cho ta khốn đốn được. Như trong lúc này, ta đã biết tuy rằng chẳng mười phần rõ được cả mười, nhưng cũng chắc được giữa Hầu Nhân Bảo với Lưu Trừng không hòa thuận, cứ xem như cách xếp đặt của Soái tướng Tổng binh thì cũng có thể thấy: một, Nhân Bảo sợ khó sai người đi trước đón nguy đỡ chết cho mình; hai, sai lầm trong phép hành quân lập thế ỷ dốc dánh chiếm thành địch; ba, hẹn điểm hội quân mà lại không quyết chắc hai ngả cùng đến đúng hẹn vào thời gian nào, kẻ trước người sau dều sẽ lâm thế bơ vơ, sẽ chẳng khác gì "con cua giơ càng gẫy mất một", loe ngoe không thể chống đỡ được với con đại bàng trên cao ở các mặt. Thế thì, cùng một lúc ta có thể dựng kế hay, vừa hại chung hai phía, vừa hại riêng từng phía một.

Quần thần lắng nghe Đại Hành Hoàng đế nghị phán, ngài phân tích tình hình vừa theo sự thực được biết, vừa dựa vào binh thư chiến pháp để giảng giải, khiến cho quần thần chẳng khỏi tôn phục, Hoàng đế tiếp:

– Các khanh luôn luôn phải nhớ: nước ta tuy được cảnh giang sơn đã thu về một mối, nhưng thanh bình chẳng được mấy lâu, lại thêm tình hình dễ làm lòng người xao động, cho nên chiến tranh đã không thể tránh được thì phải làm sao cho chiến tranh ấy phải thật sớm chấm dứt, mà phải là chấm dứt phá xong giặc chứ không phải là ta dại bại để cho giặc cướp được nước. Lại nữa, phải làm sao càng giới hạn vùng chiến càng hẹp lại càng tốt, càng xa nơi trăm họ lập nghiệp càng hay, chiến tranh lan rộng ấy là tướng kém quân yếu, trăm họ tất phải lầm than, tai hại hơn nữa là khi chiến tranh ấy lại lan đến tận kinh thành, lòng người lúc ấy cho dù sắt đá đến đâu cũng phải xôn xao, ta thua một thì quân thanh của giặc lên mười; ngược lại ta thắng một trận nhất là trận ấy làm cho giặc thấy rõ thế nguy khó gỡ lại, thì quân thanh của ta lên trăm, khí thế của giặc nghìn chẳng còn một! Sau đấy, đại kế mới thành được!

Hoàng đế phán dạy một hồi dài, quần thần văn võ nhiều người từng quen chiến trận, theo chân tiên đế tung hoành mấy mươi năm, hiểu chiến trận thế mà cũng chưa bao giờ lại nghĩ đến những điều như Hoàng đế vừa

phán(*). Các văn quan, nhiều bậc uyên bác, xem việc trị an thường là chú trọng vào quốc kế dân sinh thời bình, chẳng mấy ông lại dung hợp chiến tranh vào với bình thời để lập kế sách lâu dài, cho nên khi nghe Hoàng đế phán dạy, nhiều vị mới tỉnh ngộ thầm hẹn với lòng mình về những quốc kế mai sau. Đại Hành Hoàng đế đợi cho quần thần đã thấm sâu những lời phán dạy, ngài tiếp:

– Giặc đi đường thủy tới trước, ta đem quân thuyền ra đối phó, đánh chặn nó ở vùng cửa Bạch Đằng, một là làm cho nó vì chưa thấy quân bộ đến nên không dám một mình mạnh bạo ngược dòng sông đi lên mà phải dừng lại đợi nhau. Trong khi ấy, một mặt ta làm cho nó "thắng sinh kiêu", lấy nghi binh để kìm hãm tinh thần kẻ thắng mà lúc nào cũng nơm nớp lo sợ. Cùng lúc, ta dụng kế ly gián làm cho quân bộ của nó dừng chân, gây nghi ngờ kẻ nọ thận trọng đợi xem kẻ kia hành động xem có đúng như mình nghĩ hay không!

Quần thần chưa hiểu Hoàng đế sẽ dụng kế ly gián như thế nào, dụng vào những tướng nào, thì ngài đã lại phán:

– Tướng quân Phạm Cự Lượng lĩnh ấn Đại tướng phá cường địch Tống quân, lên vùng biên ải xếp đặt việc quân, tùy ý đem theo các tướng, trẫm sẽ có quyết kế lên sau!

Đại tướng Phạm Cự Lượng tuân lệnh, lập tức hồi doanh điểm binh chọn tướng.

Nhìn sang hướng Đại tướng Trịnh Tú, Hoàng đế phán:

– Ngươi nhiều cẩn trọng, lại có phen gây náo động cả Tống triều, khoe tài khiến các tướng nhà Tống phải khiếp hãi, vậy hãy lĩnh mệnh đi thu xếp binh thuyền, có bao nhiêu lực ở kinh thành dàn ra hết, đợi lệnh trẫm lên đường ra Bắc đón giặc!

Trịnh Tú vốn là hảo tướng của Đinh Tiên Hoàng đế, nhiều tài, tính tình thuần hậu cương cường, trong quân hay nơi triều đình ai cũng quý trọng tôn kính, nay vâng lệnh Đại Hành Hoàng đế mang quân thủy ra Bắc đón giặc, thì thắc mắc lắm, vâng lệnh nhưng vẫn tâu:

– Muôn tâu, thần vâng lệnh Hoàng đế đem quân thủy ra Bắc chặn đón giặc, đấy cũng lại là một vinh dự nữa cho thần, duy có điều thần thắc mắc: tại triều ta, còn có nhiều thủy tướng kiệt hiệt, như các ông Nghi Bá Tường, Cao Duy Hưng, lão đại tướng Mộc Đường... đều là những tay

---

(*) Dù thế, thời Đại Hành Hoàng đế tuy làm được nhiều việc, nước tương đối được ổn định, dân sung túc, cũng vẫn có lúc đói lụt, nhưng nhà vua cùng với quần thần lại vẫn "bỏ quên mất việc học hành mở mang dân trí."

thủy tướng hiếm có, thần nghĩ các ông ấy cầm thủy quân đi phá Lưu Trừng mới phải, thần không biết gì về thủy chiến, e rằng làm hại quân, giúp giặc mất chăng?

Hoàng đế nét mặt tươi tắn, ngài phán:

– Khanh nói rất đúng, Lưu Trừng là danh tướng Đốc sư Hải chiến vào hàng cự phách của Tống Thái Tổ, cứ theo tài mà nói thì các thủy tướng của ta có thể chưa đủ sức để đối đầu với ông ta, nhưng binh thư có nói "binh quý hồ tinh bất quý hồ đa", binh thì thế còn tướng thì trầm nói: "soái quý hồ tinh, bất quý hồ kinh" nghĩa là: người cầm cờ soái, coi giữ vận mệnh muôn quân trăm tướng vào trận, phải làm sao cho tinh tế mọi việc quân, chứ không trọng phải là người có sức mạnh thần kinh quỷ khiếp. Lưu Trừng là hạng tướng thần kinh quỷ khiếp, ưa chọn dường sát quân, lấy sức mạnh làm đầu, cho nên tướng cự phách của Tống Thái Tổ chẳng qua chỉ là hạng "hùa theo gió mạnh mà rung cây, theo tiếng trống lớn mà hò hét dọa nạt", hạng tướng như thế thì nhiều lắm, khi những tướng ấy đụng phải "tinh hoa của chiến pháp" thì sẽ rã ra như đống cát khô gặp dòng nước mạnh, tan nhanh như muối bỏ vào thùng nước sôi, có gì mà phải sợ! Khanh mang quân đi đánh Lưu Trừng, tức là làm công việc "đem miếng thịt hư ấn vào miệng con cọp mù đang đói", chứ có phải là đem con lợn béo dâng vào mồm con hùng sư dâu. Trẫm đã có cách!

Quần thần lần đầu tiên nghe Hoàng đế luận về thế chiến với người tướng vào trận có phần quyết đoán khinh địch, nhiều ông e ngại nhưng không dám nói ra. Hoàng đế, thật ra chẳng xa lạ gì với tất cả các tướng, với các quan văn, ngài vốn có tiếng là tay tướng mưu lược, giỏi cầm gươm mà cũng lại khéo lập trận, tuy thế chưa bao giờ ngài lại có thái độ kiêu thượng như lúc này. Có người bảo: "cái thế của Hoàng đế lúc này, là cái thế chẳng phải chỉ ngồi trên lưng một con cọp, mà ngồi trên cổ hai con: một con trong nước, một con ngoài nước, ngài không thể không có thái độ quyết liệt quyết đoán để trấn an lòng người, vì vậy tướng quân Trịnh Tú nghe Hoàng đế phán dạy như thế, ông nghiêm trang quỳ gối tâu:

– Thần vâng lệnh Hoàng đế, đi làm công việc dụ địch "dẫn con cọp mù đang đói vào bẫy hiểm ăn miếng thịt hư!"

Hoàng đế cả cười, ngài biết là Trịnh Tú đã hiểu, và bây giờ thì quần thần của ngài cũng đã hiểu. Hoàng đế sai Trịnh Tú lấy một số chiến thuyền loại tốt, chọn lấy quân vào trận gan dạ, nhanh nhẹn, quân đông khoảng ba nghìn người; lại thu thập khắp nơi lấy vài trăm thuyền kém, trương cờ chiến, chở theo trống trận, vũ khí cung tên, đi kèm các thuyền này là những thuyền nhỏ tay chèo cho mạnh, đợi lệnh hành động!

Trịnh Tú vâng lệnh Hoàng đế, hối doanh chuẩn bị mọi việc, thu thập thuyền với quân.

Hoàng đế lại cho gọi đến bọn lão tướng Mộc Đường, thủy tướng Cao Duy Hưng, ngài phán:

– Ngày trước trên sông Bạch Hạc, trận thủy chiến đến nay còn chưa có ai nói rõ tại sao có thắng bại, bây giờ các tướng lĩnh mệnh lấy tất cả chiến thuyền của Đại Cồ Việt ta, thuyền không đủ nhiều thì kết bè nguỵ trang cho ở phía sau để giặc khỏi biết, các thuyền ấy trang bị cờ trận, trống trận cho nhiều, quân ít nhưng bày quân giả cho đông, mau mau kéo theo binh thủy chiến của ông Trịnh Tú, phải nương vào biển rộng, đầu năm tiết trời còn lạnh, có thể nhiều sương mù mà ẩn quân, đợi khi nào giặc đã bại được đoàn thuyền chiến của ông Trịnh Tú rồi, thì hãy xuất hiện. Trẫm sẽ có lệnh cho hành động sau!

Lão đại tướng Mộc Đường cùng thủy tướng Cao Duy Hưng vâng lệnh đi sửa soạn mọi việc ngay.

Hoàng đế lại phán:

– Bây giờ, thủy bộ ta đã có tướng cầm quân, trận thế chưa định hẳn. Ta còn đợi thêm một chút tin nữa về phía Hầu Nhân Bảo là có thể lên đường ra trận được rồi.

Phán rồi, Hoàng đế truyền bãi triều nhưng lưu một mình ngài Đô Hộ Phủ Sĩ sư Lưu Cơ ở lại, ngài phán:

– Khanh là người hành động thận trọng, giỏi biến báo, giỏi gỡ ra lúc gặp khó, lại có tài khéo léo tay chân, vậy kín đáo cai quản tất cả các đạo tế tác trong ngoài triều, đừng để sót hay lọt mất tin nào cả!

Lưu Cơ là tướng cũ của Đinh Tiên Hoàng đế, cùng thời tung hoành với đương kim Hoàng đế, ông là người gan dạ mà kín đáo, có tài khéo tay có thể ngay trước mặt mọi người lấy đồ vật trong người người ta mà chung quanh chẳng ai biết, nay Hoàng đế tin tưởng trao cho trọng trách cai quản các hoạt động của tế tác, Hoàng đế phán:

– Khanh đã thấy, thời đi dẹp các Sứ quân, quân sư của ta chú trọng đến tế tác như thế nào, khi nào ta hiểu hết, hiểu rõ mọi việc, mọi cử động, kể cả suy ra mọi nghĩ ngợi tính toán của địch, ấy là ta đã cầm chắc được cái thắng. Như thế, tế tác là tai là mắt của quân, tai điếc mắt mù thì cầm chắc là thảm bại. Nhờ ở tế tác mà người làm tướng thấy rõ việc mình phải làm ở mỗi tình thế. Nay, Hầu Nhân Bảo đi đường bộ, thế nào y cũng đi qua đường quan ải Chi Lăng của ta, ngoài ra chẳng còn đường nào khác thuận tiện hơn, nhàn hạ hơn. Vậy khanh hãy cho tế tác đi rộng sang đất nhà Tống, trước hết tìm hiểu xem Nhân Bảo cử động thế nào, chắc chắn đi

đường nào. Các tướng nào theo quân ra sao, là những người thế nào, quân đông bao nhiêu, tinh thần, quân kỷ ra sao, nhất là lúc nào thì Nhân Báo xuất doanh, ước lượng bao nhiêu ngày thì vượt được ải quan của ta? Trẫm tin ở khanh, đừng để lỡ cơ hội góp phần cứu nước. Khi nào sửa soạn xong mọi việc thì đến nhận mật lệnh!

Đô Hộ Phủ Sĩ sư Lưu Cơ thế là nhận thêm một mật lệnh điều khiển tế tác trong ngoài kinh thành, lại còn một mật lệnh nào nữa thì chưa được biết.

Lưu Cơ phân phối tế tác đi các ngả, theo chân quân bộ cũng như quân thủy của triều đình, kín đáo đến nỗi các tướng chỉ huy các đạo quân ấy cũng không hề hay biết là có tế tác mật theo dõi mọi cử động của mình. Xong việc xếp đặt trong quân nhà rồi, Tế sứ Đô Hộ Phủ Sĩ sư Lưu Cơ kín đáo vào triều kiến Hoàng đế, Hoàng đế nghe Lưu Cơ tâu trình mọi việc xong thì phán:

– Quả nhiên trẫm trao cho khanh việc này là hoàn toàn yên tâm mọi mặt. Bây giờ đến việc quan trọng khác, khanh là Tế sứ thì cần phải biết hết, biết thật rõ mọi việc. Trẫm biết, trẫm tính toán, dàn xếp thế nào, thì nhất nhất khanh cũng phải biết rõ tất cả, có thế mới dễ dàng hoàn thành được mọi việc của tai nghe tin, mắt nhìn việc, đem lên cho óc biết cả để suy nghĩ.

Lưu Cơ nghe Hoàng đế phán, ông cảm động lắm, như thế là Hoàng đế rất tin cẩn ở ông, bao nhiêu việc quân cơ quốc mật sẽ chỉ một mình Hoàng đế và ông biết, thế còn các tướng khác?

Hoàng đế dường như cảm thấy được ngay thắc mắc của Tế sứ Lưu Cơ, ngài tiếp:

– Các tướng nghe lệnh cầm quân nơi mặt trận, quý hồ thi hành mệnh lệnh cho thật chu đáo, lấy kinh nghiệm cùng bản lĩnh riêng xông pha chiến trận để đạt cho được ý muốn của soái tướng, đấy là những hổ tướng, không cần phải biết rõ tất cả các việc khác không phải là việc của nơi mình trách nhiệm, trận mình cầm quân. Tuy thế, tin lệnh truyền đến các tướng nơi mặt trận phải làm sao thật khít khao, kịp lúc, đúng hoàn cảnh, để giúp cho các tướng ấy hoàn tất được sứ mạng được giao cho, vì vậy trách nhiệm của Tế sứ chẳng phải chỉ chuyên về một mặt thu thập tin tức, nghe ngóng tình hình địch, mà còn là trách nhiệm dẫn truyền mệnh lệnh sao cho đúng nhất, an toàn nhất đến các tướng ngoài mặt trận kịp lúc nhất. Sứ mạng nặng nề ấy, thắng hay bại của chiến trận ấy, tất cả trông mong vào khả năng của Tế sứ, vì thế Tế sứ phải biết hết, có thế mới thu xếp được công việc của mình nhận lãnh.

Bây giờ thì Đô Hộ phủ Sĩ sư kiêm Tế sứ Lưu Cơ đã hiểu trọn vẹn ý nghĩ của Hoàng đế, và đến lúc này ông mới thấy tài thao lược của tướng

quân Lê Hoàn ngày trước, tài ấy vẫn ấn kín và hôm nay mới phát tiết để hành động trong những việc trọng đại có thể giữ cho nước được trường tồn, hay khiến cho nước phải bị suy tàn! Lưu Cơ kính cẩn đợi nghe tiếp.

Hoàng đế phán:

– Chúng ta đều biết, tuy rằng chưa thật đủ cả trăm phần về các tướng nhà Tống, nhất là các mối liên hệ giữa họ với nhau trong trận chiến này, ta chỉ mới mường tượng ra lối hành động của họ mà thôi. Nếu ta chỉ có thế để xếp đặt việc ta, thì vẫn chỉ là "đợi gió lên xem thổi chiều nào, rồi mới có cách che chắn theo chiều ấy", như thế là ta bị địch dẫn dụ vào hành động của họ, ta phải theo họ mà đối phó, ta là khách chứ không phải là ta làm chủ trong trận chiến, đấy là điều thất bại một nửa. Tại sao ta lại không thay vị đổi ngôi cho họ, ta phải làm chủ, tiếp khách theo ý muốn của ta, sao ta lại không "bảo gió thổi theo chiều mình muốn, nắn dòng nước cho chảy theo ý định của mình"?

Lưu Cơ bật nói:

– Hay quá, thần chưa bao giờ lại được nghe những lời như hoàng thượng mới phán! Ngày xưa, lúc Quân sư theo Tiên Hoàng dẫn các tướng vào trận, thường dàn xếp một mình mà không nói cho ai biết việc, mọi người chỉ thấy: quân sư lúc nào cũng tìm cách giữ ngôi "chủ" trong trận thế, hôm nay thần mới được nghe giảng rõ thế chủ khách trong cuộc chiến! Thần đợi nghe tiếp!

Đại Hành Hoàng đế tiếp:

– Phải, ngày xưa Quân sư không nói cho ai biết, nhưng chắc chắn có thưa trình bàn bạc với Tiên Hoàng; ngày nay, ông là người nhận lệnh kế đem đi các nơi, có khác gì cầm giữ mối dây đại cuộc, thắt hay cởi là trông đợi vào ông làm được hay không, trẫm tin là ông làm được! Việc đầu tiên ông sẽ làm được, là việc này đây, ông nghe cho kỹ!

Đến đây thì Lưu Cơ hiểu là trọng mệnh của ông sắp được Hoàng đế phán ra, trọng mệnh thế nào? Lưu Cơ sửa sang lại tà áo, tay nâng mũ vẫn ngay ngắn chỉnh lại thêm nữa, thái độ của ông thật cẩn trọng đợi nghe.

Hoàng đế phán chậm mà thật rõ:

– Ta mới chỉ biết, giữa các tướng nhà Tống có những điều nghi kỵ hiềm khích đến ngấm ngầm cầm cự với nhau. Tướng vào trận mà lâm tình trạng ấy thì sức quân mười phải giảm mất bảy tám rồi. Nay, ta nương vào đấy để quyết chắc những nghi kỵ, hiềm khích, ngấm ngầm cầm cự với nhau của các tướng ấy phải thành "nghi mà đúng thực", "hiềm khích mà trở thành đối thù", "ngấm ngầm biến thành công khai", có thế thì hai mặt thủy bộ của chúng mới hoàn toàn tách rời nhau, chẳng có cái thế ỷ dốc

thủy bộ, nhưng có cái cảnh thủy bộ cùng nghĩ: kẻ nào chết thì là đúng tội cứ chết một mình, có thế mới xứng! Tiếp đến là ngay như trong quân bộ chiến của nó, ta cũng lại thấy có chỗ đáng mừng, thật may mắn, ấy là hiềm khích lâu dài giữa Soái tướng Hầu Nhân Bảo với trọng thần mang họ hoàng tộc Triệu Phổ và Tôn Toàn Hưng thượng thư, hiềm khích này lại không thể không đổ xuống đến các hàng thuộc tướng của Hầu Nhân Bảo theo quân lần này, bọn ấy vốn là thuộc hạ của hai họ Triệu, Tôn, đấy là chỗ để ta có cơ hội tốt mà hành động làm cho nội bộ các tướng bộ chiến viễn chinh rã rời, chia rẽ, tiền hậu bỏ mặc chẳng cứu ứng cho nhau, mà chỉ thấy có cảnh "đợi xem nhau chết", có thế mới hả dạ! Trẫm tin là Tống đế không biết nội tình các tướng như thế, Tống đế nếu biết như vậy thì chắc chắn ông ta không sai các tướng ấy cùng đi Nam như vậy! Thế mới biết, cái họa quần thần ngấm ngầm chia bè phân cánh hại nhau, người trên chẳng biết, thì trăm việc đều sẽ hỏng cả trăm, đến khi xảy sự ra rồi thì đành là phải chịu tan nát hết!

Rõ ràng là Hoàng đế quyết sử dụng đến kế ly gián, làm cho các tướng nhà Tống chia rẽ nghi kỵ ghét bỏ nhau, khiến cho chiến trận rời rạc mỗi phía sẽ hành dộng theo ý riêng của mình, lại có ý hại nhau nữa là khác, nhưng kế ấy thế nào thì chưa biết, Lưu Cơ vẫn chỉ một mực cung kính dợi nghe.

Hoàng đế bảo:

– May thay, trẫm lục lại các văn từ đi về giữa hai nước từ tiền triều, quả nhiên gặp được mấy bản chiếu chỉ của Minh đế lại do Triệu Phổ chấp bút, vì thế đã có kế hay!

Lưu Cơ đã hiểu, và Đại Hành Hoàng đế lấy ra một túi lụa đỏ nhỏ dài ước khoảng hơn gang tay, nhìn bên ngoài thì rõ ràng là một chiếc tráp nhỏ vẫn dùng để đựng văn thư trình lên vua ngự lãm, Hoàng đế trao túi cho Lưu Cơ bảo:

– Khanh cố làm sao cho túi này tới tay Lưu Trừng, khi ấy Trừng tin chắc là bí mật của Hầu Nhân Bảo lọt vào tay y, là được!

Lưu Cơ kính cẩn đón túi lụa, ông hiểu ý Hoàng đế nên chẳng dám hỏi thêm. Hoàng đế lại lấy một túi lụa tương tự nhưng màu xanh, trao cho Lưu Cơ ngài phán:

– Túi này khanh cũng lại trao cho Hầu Nhân Báo, được túi Bảo sẽ có thái độ!

Lưu Cơ nhận túi chưa kịp có cử chỉ gì thì Hoàng đế lại trao cho một túi lụa nữa màu trắng, ngài phán:

– Còn túi này, khanh trao cho phó tướng của Hầu Nhân Bảo là Tôn Toàn Hưng, nhưng nhớ một điều: chỉ khi nào họ Tôn trấn quân xong mới được nhận túi này!

Lưu Cơ vâng lệnh của vua, Hoàng đế nhắc lại lần nữa túi nào trao cho ai, rồi ngài bảo:"... cứ thế mà làm, khanh vốn giỏi tay, khéo lừa thiên hạ, thành công ấy là ta đã nhìn thấy thắng trận của mình rồi!. Sau đấy thì hãy gắng thu thập tình hình xem sao!"

Chiều tối hôm ấy, Lưu Cơ kín đáo rời cung, thế mà vẫn không tránh khỏi có người nhìn thấy, người này như bóng một con cú ăn đêm lướt đi cực êm, nhanh vô cùng, theo dõi Lưu Cơ ở khoảng cách xa xa.

Nhắc lại: sau đại lễ xuất doanh, Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng tiễn Soái tướng Hầu Nhân Bảo trở lại tướng phủ, ông nào trong lòng cũng nặng trĩu lo lắng, bao nhiêu là điềm bất tường như thế là thế nào, chuyến đi này thắng bại ra sao, rồi đây ai còn ai mất! Bao nhiêu tâm tư trĩu nặng tâm hồn các tướng, chẳng một ông nào thấy thanh thản trong lòng, chẳng một ông nào thấy nô nức muốn vào trận như các lần chinh chiến trước!

Tiễn Soái tướng Hầu Nhân Bảo lên bộ, đợi khi kiệu của Soái tướng đi khuất, lúc ấy Lưu Trừng mới quay vào soái thuyền, tự nhiên ông linh cảm thấy có điều gì hoang mang trong lòng, liền lại bước ra ngoài nhìn về hướng Soái tướng Hầu đại nhân đã khuất nẻo. Ngay lúc ấy, tùy tướng hộ vệ của Hầu Nhân Bảo giục ngựa như bay quay trở lại thủy doanh, vừa thấy Đốc sư tướng ấy đã kêu to lên:

– Nguy cấp! Nguy cấp! Nguyên soái trúng gió ngất đi trong kiệu! Xin Đốc sư trợ giúp!

Tức thì Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng thét lấy ngựa, ông đem theo mấy thuộc tướng gấp dường theo tướng hộ tống của Hầu Nhân Bảo chạy đi.

Kiệu của soái tướng dừng bên đường, chúng binh tướng canh giữ nghiêm nhặt, Đốc sư ào đến tung cương xuống ngựa chạy đến trước kiệu.

Soái tướng Hầu Nhân Bảo còn thiêm thiếp, thần sắc ông có phần mỏi mệt lắm, hai má phính chảy xệ xuống, trời lạnh mà như ứa mỡ, Đốc sư không biết gì về y thuật, ông thét các tướng mau mau đưa Soái tướng trở lại thủy doanh.

Trần Cốc Tư Bình là thầy thuốc riêng của Lưu Trừng được lệnh đến soái thuyền xem mạch cho nguyên soái. Cốc Bình người ở Tương Dương, ba đời làm nghề thuốc, tài có thể tranh chấp ngang ngửa với Thần Chết mà giành giật mạng sống cho người bệnh, người đời gọi ông là "Trần Bình của nhà Tống". Trần Cốc Tư Bình chỉ mới quan sát thần sắc Hầu Nhân Bảo đã gật gù, tỏ ý đã hiểu rõ bệnh, cho nên ông có vẻ như không cần phải xem xét gì thêm nữa, nhìn ra thấy chủ là Đốc sư Hải chiến về mặt băn khoăn lo lắng, đại phu liền như bất dắc dĩ giơ tay án mạch cho họ Hầu. Cổ tay Hầu Nhân Bảo to tròn, trắng bóc dầy mỡ, Trần đại phu hai

mày hơi nhíu lại bỗng như chăm chú lắm, rồi cặp mắt tinh anh của đại phu như trầm hẳn xuống, ánh mắt có phần u tối. Quang cảnh này, không sao thoát khỏi cặp mắt của nhà tướng rất tinh là Lưu Trừng, tâm cơ chuyển động Trừng bỗng nhiên thấy sợ, nỗi sợ không duyên cớ chẳng biết là vì đâu tự dưng lại sợ như thế!

Trần Cốc Tử Bình lặng lẽ án mạch xét bệnh cho Hầu Nhân Bảo xong, lấy trong đãy thuốc ra hai viên thuốc nhỏ, một vàng một xanh, đưa cho thuộc tướng đứng bên cạnh bảo hãy cho Hầu Nhân Bảo uống hai viên thuốc ấy đi. Quay sang Lưu Trừng, đại phu thong thả thưa:

– Thưa Dốc sư, Hầu nguyên soái lo lắng nhiều việc, thần khí bị quái nghiệt thời khí xâm phạm làm cho đảo lộn tất cả, cho nên sức khỏe hư hao, hai viên "phục sinh hoàn" là đủ để nguyên soái lành hẳn, không có gì phải lo lắng!

Lưu Trừng tin ở y thuật hiếm có của họ Trần, ông già gần tám chục tuổi mà phong cách chỉ như người trung niên với thân hình mảnh mai nhưng khỏe mạnh lanh lẹ khác người. Nghe đại phu nói, Trừng không hỏi gì thêm, ông sai các tướng trông nom cho Hầu nguyên soái lại dặn không được gây tiếng động, phải hết sức giữ ý để soái tướng nghỉ ngơi, khi nào soái tướng tỉnh lại rồi thì phải báo cho Dốc sư biết ngay.

Lưu Trừng tiễn Trần đại phu rồi, lặng lẽ một mình nghĩ ngợi, nhất định có điều gì khác lạ trong việc soái tướng tự nhiên bị trúng bệnh, chỉ một mình Trần đại phu biết bệnh của soái tướng. Ngay lúc ấy, thuộc tướng ra trình:

– Hầu đại nhân đã tỉnh lại!

Lưu Trừng vội vào trong vấn an, ông kinh ngạc thấy thần sắc Hầu Nhân Bảo chẳng có vẻ gì là đau ốm đến ngất đi như vừa rồi, lúc ấy trông Nhân Bảo chẳng khác gì mấy với một cái xác chết, thế mà sao bây giờ ông ta lại tỉnh táo lạ thường, có phần khỏe khoắn, trong mình khoan khoái nữa là khác!

Lưu Trừng vui vẻ:

– Nguyên soái đại nhân khỏe hẳn chưa? Đại nhân bất thần ngất đi, tôi lo quá!

Hầu Nhân Bảo cũng mỉm cười, bảo:

– Tôi không hiểu tại sao đang khỏe mạnh, chẳng có gió máy gì, thế mà tự nhiên thấy tối tăm mặt mũi, chẳng còn biết gì nữa!

Rồi Lưu Trừng thuật lại mọi việc cho Nhân Bảo nghe, nghe xong Hầu soái tướng bảo:

– Đúng là nhờ ở hai viên "phục sinh hoàn" của thần y họ Trần rồi! Tôi chưa chết cho nên ông ta mới chỉ cho uống thuốc "phục sinh" chứ không cho thuốc "cải sinh", tôi nghe ông ta có thể cứu được người đã chết hẳn, lại còn có thể xem mạch biết được mạng người dài vắn thế nào nữa!?

Nhân Bảo ra về, rõ ràng trông ông chẳng có chút gì lo lắng nghĩ ngợi về việc của mình vừa rồi. Hầu Nhân Bảo thảnh thơi không thắc mắc, nhưng Lưu Trừng thì lại nặng nỗi niềm thắc mắc lắm, nhất là sau khi nghe họ Hầu nói về y thuật tuyệt diệu của họ Trần, cho nên khi Hầu soái tướng vừa đi khuất là ông đã sai đi mời ngay Trần Cốc Tư Bình.

Lưu Trừng hỏi Tư Bình:

– Lúc này, ngài xem mạch cho Hầu đại nhân, chắc có điều gì khác thường?

Trần Cốc Tư Bình tuổi già cực uyên bác, theo dưới trướng Lưu Trừng thì lại rất kính nể chủ, chẳng có điều gì Trừng hỏi mà Tư Bình lại giấu giếm, vì thế ông thong thả đáp:

– Thưa chủ tướng, lúc mới tới, nhìn sắc diện Nguyên soái, nho sinh nhận thấy: tướng quân vướng phải căn bệnh "thoát khí", ngũ đại huyệt Dũng Tuyền, Nhiên Cốc, Thái Khê, Đại Chung, Thủy Tuyền không giữ chủ vị của nó mà lại tan loãng khắp cả hai-mươi-bẩy huyệt Kinh Túc Thiếu Âm Thận, dội ngược vào cửu huyệt của Kinh Thủ Quyết Âm Tâm Bào, dẫn dắt cho tất cả các kinh mạch khác đều bị lôi cuốn theo dòng hỗn loạn, nếu tình trạng kéo dài trong một giờ hai khắc, người bệnh lại vì không biết mà cho nằm ở chỗ kín gió ấm tắc, thì khó tránh khỏi mất mạng. Lúc ấy nhờ ở ngoài trời thoáng đãng, lại thêm hai viên thuốc uống vào, thì Hầu đại nhân không còn gì phải lo lắng về nghiệt chứng "thoát khí" nữa. Nhưng, khi án mạch, thì nho sinh tôi thấy chẳng phải là lo lắng nữa, mà là lo sợ!

Lưu Trừng giật mình bảo:

– Quả nhiên ta nhận thấy đúng! Trước hết, tại sao nguyên soái tự dưng lại bị nghiệt chứng thoát khí là thế nào?

– Ở đời này không có thứ bệnh nào lại là tự dưng mà có cả! Hết thảy đều có nguyên nhân đúng thực của nó! Như soái tướng bị nghiệt chứng thoát khí, là điều rất dễ hiểu, người làm nghề thuốc chỉ nhìn qua ngoại diện cũng hiểu được căn bệnh, chẳng qua nó có nguyên nhân là ở chỗ "đắm đuối chốn phòng the, hành sự chẳng kể nội ngoại cảnh", thế là nhiễm bệnh "thoát khí "!

Lưu Trừng hiểu ra ngay, ông gật gù, rồi hỏi:

– Thế còn điều gì để tiên sinh lo sợ chứ không còn là lo lắng nữa?

Trần Cốc Tư Bình kín đáo đưa mắt, Đốc sư Lưu Trừng hiểu ý ngay, ông truyền tất cả các tướng hãy tạm ra ngoài.

Còn lại hai người, Trần Cốc Tư Bình mới khẽ khàng nói:

– Thưa chủ tướng, y thuật của tôi kể cũng đã vững có thể án mạch quyết chắc việc sống chết trăm lần không sai một, mới đầu tôi chỉ nhìn sắc diện Nguyên soái cho là đã rõ căn bệnh, cho nên không xem mạch, đến khi chủ tướng ra hiệu thì tôi mới án mạch. Đã rõ mọi việc! Đã rõ mọi việc!

Lưu Trừng lo lắng quá, hỏi gấp:

– Đã rõ mọi việc thế nào? Xin nói rõ!

– Thưa chủ tướng, nếu chỉ một bệnh căn thoát khí, thì hai viên thuốc uống vào chẳng khác gì như "gáo nước lớn tạt đi hạt bụi" có gì khó khăn phải suy nghĩ nữa! Nhưng khi án mạch, nho sinh tôi nhận thấy: tất cả mười hai kinh với hai mạch nhâm đốc đều có "đoạn ty" ở sinh tử huyệt, y học bảo rằng đấy là hiệu lệnh kết thúc sinh kỳ, không thể sửa chữa hay cứu được!(*)

Lưu Trừng toát mồ hôi, tướng quân từng biết tài của lão nho sinh họ Trần này, vả lại những điều ông vừa nói ra liên quan đến sự sống chết của Soái tướng, làm sao lại có thể hồ đồ sơ suất nói ra những điều sai lầm nghiêm trọng được!?

Lưu Trừng mặt tái nhợt lắp bắp hỏi:

– Tiên sinh nói rõ thêm có được không?

– Được! Thường, cũng có khi ở một hai kinh hay mạch nào đấy có hiện ảnh của "đoạn ty", nhưng vận chuyển đi về qua lại giữa các kinh mạch rồi cũng điều hòa được tai biến, nhờ thế mà không có việc sống chết. Còn ở Hầu đại nhân, thì hiện ảnh của "đoạn ty" lại rõ ràng trong tất cả các kinh mạch, thì không còn gì để nói đến việc cầu sinh được nữa! Chỉ có việc: chiếu vào những án định quyết vận ấy, mà xem thời gian nào nữa mà thôi!

Lưu Trừng tự biết không thể hiểu được phép án mạch cực siêu của lão nho sinh Tư Bình, thành ra ông không dám ép giảng cho nghe về y thuật ấy, mà thẫn thờ hỏi:

(*) Chắc là Trần Cốc Tư Bình nói đến phép án mạch gọi là "mạch thái tố" cực kỳ cao siêu không mảy may sai lạc của Đông Y Trung Quốc cổ, có thể án mạch biết rõ được ngày giờ chết của một người đang khoẻ mạnh, hoặc một người bệnh "mười phần chết chỉ có một phần sống" nhưng vẫn quyết đoán: không chết! Ngày nay phép xem "mạch thái tố "dường như không còn ai am hiểu nữa.

– Tiên sinh nói là "xem thời gian nào nữa mà thôi", vậy có thể nào biết rõ được không?

Trần Cốc Tư Bình im lặng, lắng thần thầm tính toán, có lúc ông lại giơ tay bấm đốt tay, vẻ mặt cực kỳ nghiêm trọng, có lúc hai đường mày trắng như mây nhíu lại, chắc là ông đang tìm hiểu bí mật của trời đất trong những chuyển động kinh mạch trong thân thể nguyên soái Hầu Nhân Bảo, những chuyển động cùng hiển hiện thế nào, ông vẫn nhớ rõ như in trong dạ. Rồi tiên sinh ngẩng đầu, thong thả đáp:

– Thưa chủ tướng, việc quân đi đường bể còn được đôi chút thư thả, vậy xin được nói kỹ một chút để chủ tướng biết, cũng là điều có lợi cho chuyến quân hành nam chinh này của chủ tướng!

Thế là trên đường hải hành dài vạn dặm vượt biển xuống Nam, đoàn thuyền chiến vĩ đại của Đốc sư Lưu Trừng cưỡi sóng biển Đông vào lúc tiết Tiểu Xuân (đầu mùa Đông) sắp chuyển sang năm mới. Khí lạnh trên biển rộng mờ sương buổi sớm hay lúc trời chiều, hết thảy binh tướng đều co ro tìm lửa sưởi lạnh, núp nơi kín đáo tránh gió.

Chiều hôm nay, tức là ngày thứ ba đoàn hải thuyền xuất doanh, Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng tuy bận rộn với việc phát lệnh, sai khiến mọi việc, nhưng trong lòng ông chẳng lúc nào nguôi ngoai với việc Soái tướng Hầu Nhân Bảo và lão nho sinh họ Trần, vì thế khi việc tạm xong, Đốc sư cho hâm rượu quí "Sương Đường tửu" là thứ rượu riêng của hòa thượng họ Trâu đất Toại Minh di cư lên ở Tiểu Khê, núi Tản Sơn, dạy cho người họ Hoàng cách chế, tức là lấy đường phèn mà ngâm với lá cây kim diệp cho lên men, cất lấy rượu. Rượu Sương Đường còn gọi là rượu Băng Đường, sắc nước trong hơi xanh, hương thơm thoảng nhưng men lại cực êm mà mạnh vô cùng, không phải là thứ rượu bình thường dễ có cho nên các đại gia thường chỉ uống vào các ngày tiết trời giá lạnh với người đối ẩm thật trọng vọng.

Lưu Trừng sai hâm rượu Sương Đường, lại bảo quân nướng thịt cá ngao khô biển đông để ông thù tiếp Trần nho gia. Trong soái thuyền, chỉ có Lưu Trừng với Trần Cốc Tư Bình, lò nhỏ hâm rượu lửa riu riu, rượu đựng trong vò pha lê không đậy nắp dang sủi tăm, hương thơm không còn là thoang thoảng nữa mà ngào ngạt khắp một vùng rộng, trộn với mùi thơm thịt cá ngao khô biểu lộ một thần sắc lạ kỳ, hiếm có ở bất cứ bữa tiệc quý nào.

Rượu quý được hai tuần, Lưu Trừng nói như thủ thỉ:

– Trên mặt biển mênh mông, chẳng phải là thanh nhàn dạo chơi tìm thi hứng cho cuộc đời, nâng chén Sương Đường trong lòng lại chẳng được thanh thản, tiếc thay cuộc đời nhiều bất trắc! Mời tiên sinh!

Trần Cốc Tư Bình lặng lẽ nâng chén, ông chẳng nói một lời, cứ thế đến chén thứ bay thì có thể đã gục xuống chiếu rượu mới phải, thế mà ông lại cất giọng thật đĩnh đạc, rõ ràng nói:

– Thưa chủ tướng, quả thật cuộc đời nhiều bất trắc! Tiếc thay! Rượu quý hôm nay không uống để mừng bất cứ điều gì, mà là để cho nho sinh tôi được trình chủ một điều hệ trọng: việc sống chết của Soái tướng Tổng Binh thủy bộ nhà đại Tống đi Nam chinh!

Những lời nói của Trần nho sinh nghe còn lạnh hơn cả gió trên biển rộng tiết Tiểu Xuân, cho dù Lưu Trừng cũng đã uống cạn mấy chén rượu quí, men rượu đang chảy mạnh trong huyết quán nghe rần rật như vó ngựa trận gấp rút bay ra chiến trường!

Lưu Trừng lẳng lặng dợi nghe, ông không nói lời nào. Trần nho sinh đưa tay vuốt nhẹ nhẹ chòm râu cằm thưa mà trắng như mây mỏng, nói:

– Ngày ấy, lúc án mạch Hầu đại nhân, xét hết mười hai kinh hai mạch, thấy điều lạ tôi xem đi xem lại từng chính huyệt một, thấy tất cả đều y như nhau: có "đoạn ty" chấn ở sinh tử huyệt!

Lưu Trừng chẳng hiểu gì về y đạo y thuật, nghe Trần nho sinh nói thì chẳng hiểu gì, nhưng cứ nghe những chữ như "đoạn ty" với huyệt sinh tử, thì ông cũng thấy là Trần gia nói về sự chết, chẳng thấy có gì là sự sống! Vậy sống chết ấy thế nào? Trước sau Lưu Trừng cũng không nói một lời, cũng không dám nghiêng bình rót rượu Sương Đường thêm nữa, sợ say gục thì mất nghe!

Trần nho sinh tiếp:

– Theo y thuật dùng đá nhọn nung nóng mà dâm vào các huyệt mạch của người xưa cực mầu nhiệm, thì mỗi kinh hay mạch đều có một chủ huyệt tối linh của nó, chủ huyệt ấy giữ cho cả dòng kinh hay mạch ở được thế điều hòa, âm dương nhờ đấy mà quân bình, con người ta nhờ thế mà được khỏe mạnh. Chủ huyệt tối linh có gì lệch lạc, ấy là sinh bệnh tật, hao tổn nguyên khí, lúc ấy dùng đến phép châm dùi nhọn, đốt nóng huyệt đạo để khai thông bế tắc, giải tỏa ứ trệ, hoặc phong bế cửa ngõ không cho tà khí xâm nhập, y học huyền diệu nói không cùng được!

Gió nhẹ ngoài biển rộng lùa vào trong soái thuyền, cuốn theo hương rượu quý Sương Đường đưa vào vùng trời biển bao la. Trần Cốc Tư Bình hùng hồn:

– Tay giỏi y thuật đâm dùi đá nóng, có thể chuyển đổi được vị trí của các huyệt mạch, đấy là kỳ công cạnh tranh với Trời cùng ngang ngửa trong thế cường nhược. Nhưng cạnh tranh này, cũng chỉ có thể đối đáp được với nhau ở một vài huyệt chủ mà thôi, chứ chẳng thể nào hơn được

Trời ở tất cả mười hai kinh hai mạch chuyển động khít khao có khác gì ngàn sao trên trời cao chuyển động cùng một lúc mà có chạm nhau đâu, do đấy mới có ngày đêm, thời tiết bốn mùa...! Trong cơ thể con người ta cũng thế, ngần ấy kinh mạch với ngần ấy huyệt đạo có khác gì cả trời đất hội tụ thu nhỏ lại, cùng chuyển động nhịp nhàng, sai một nơi, sinh tắc một việc, sai lạc không phải chỉ có một mà có nghìn có vạn, giữa nghìn với vạn ấy lại chỉ có một là quyết định sinh hay tử, mười hai kinh có mười hai chủ huyệt sinh tử, hai mạch có hai chủ huyệt quyết định tử sinh, như thế là mười bốn chủ huyệt sống chết cầm giữ mạng của con người, một là trăm năm thì mờ dì tắc hẳn, hoặc là chuyển vần huyền bí để cùng nhau hướng về đường tuyệt tận. Tại sao lại như thế? Y thuật cao siêu chí biết mà không giải thích được. Tôi cũng chỉ biết mà không giải thích được với việc sống chết của Hầu đại nhân!

Hai người im lặng, rượu quý Sương Dường cũng chẳng ai rót thêm, thịt cá ngao biển Đông xấy khô thơm ngào ngạt cũng chẳng ai muốn thưởng thức. Hồi lâu, Lưu Trừng hỏi giọng như thẫn thờ:

– Đành là có mệnh trời! Thế tiên sinh tính được việc ấy có thể là vào lúc nào?

Đến đây thì Trần nho sinh vẻ mặt có phần ngỡ ngàng, thoáng bối rối rồi đáp:

– Thưa chủ tướng, thường thường thì y thuật xem quyết mạch như thế mà thấy rõ được thật chắc chắn sống hay chết, nhất là nói rõ được khoảng thời gian nào có khi đến một hai năm về sau, đích xác đến từng giờ từng khắc, chứ không nói đến từng ngày là còn quá rộng. Còn xem trong các kinh mạch trong cơ thể Hầu đại nhân, về phía quyết chắc sinh tử thì không còn gì phải nói nữa, không thể sai chệch được, không thể trì hoãn hay thay đổi được, Hầu đại nhân liễu mệnh là điều chắc chắn rồi, còn thời gian nào và liễu mệnh như thế nào, thì lại là điều kỳ lạ, chính điều này làm tôi suy nghĩ nhiều lắm mà chưa hiểu được hết!

Lưu Trừng lại ngạc nhiên, trong cái chết mai này của Hầu Nhân Bảo lại còn có gì lạ lùng nữa, ông không thể cầm lòng được, liền hỏi:

– Tiên sinh nói như thế, thì Hầu đại nhân tất mai này liễu mệnh lạ lùng?

– Thưa chủ tướng, trước hết, mười hai huyệt mạch chủ của mười hai kinh ấy, chuyển vần thế nào mà đều ứng thuộc những chủ mạch ở phương Tây, tức là ứng vào mùa Hạ, tính cho thật xít xao, thì vào trọng Hạ, ngày thứ mười, ở phương Đông Nam, tàn giờ Tị sang Ngọ một khắc!

Lưu Trừng rùng mình, có lẽ nào chỉ án mạch nơi cổ tay mà lại biết được người ấy sống chết đích xác vào ngày giờ nào đến gần cả nửa năm

sau như thế!? Nhìn ra, Trần Cốc Tư Bình cực nghiêm trang, cặp mắt ông nhìn vào cõi trống trước mặt như thể đang vận đến huệ thần để xuyên thủng bí mật của tương lai mà nhìn cho rõ mọi việc!

Tiên sinh không nhìn chủ, giọng thong thả mà đượm đầy lạ lùng:

– Các huyệt kinh chủ tể thì như thế, lạ là tất cả cùng nhau hướng cả vào một phương, hiện xuất một "đoạn ty", hết thảy đều tiện lìa dòng kinh, hai đầu "đoạn ty" phong bế trọn vẹn không còn lối cho khai mở chuyển hướng khác đi, dứt khoát là đúng ngày giờ ấy thì kết thúc mạng sống! Án mạch sinh tử dã có thể tính được vận chuyển của các huyệt kinh mạch, tất có thể nhìn thấy rõ được những vận chuyển ấy đi như thế nào, chẳng khác gì như các nhà thiên văn tính đầu số thấy rõ ngàn sao chuyển vận, quyết đoán được vận mệnh lâu dài, hoặc thấy được việc sắp xảy ra trước mắt. Y thuật chẩn xét kinh mạch chuyển động, nào có khác gì chuyển động của sao trên trời! Sống chết là điều y thuật cao siêu dã nhìn thấy rõ ràng không thể sai chệch được! Duy có điều y thuật án mạch như thế biết mà không giải thích được tại sao các huyệt kinh mạch lại chuyển vần như thế, thì tôi đành chịu, chỉ có tướng thuật, hay số thuật của Lưu Bá Ôn tính việc theo đường đi chuyển vần của tinh tú trên trời, ứng với việc thế gian lấy biến hóa của Dịch mà tính toán thì chắc là nói được mà thôi! Tiếc thay, tôi lại chẳng phải là Lưu Bá Ôn(*) thời xưa!

Lưu Trừng vẫn lặng lẽ nghe, việc tướng ra trận thì thắng bại sinh tử là lẽ thường, nhưng những việc ấy xảy ra người làm tướng không thể nào biết trước được như đang mở mắt nhìn đồ vật trước mắt thì lại là sự việc khác! Còn bây giờ nho sinh họ Trần lại nói được cả việc sống chết của một tướng nơi chiến trường rõ ràng quyết chắc đến như thế này thì quả thật là khủng khiếp, thà rằng tương lai ấy lại là bình an vững mệnh tất lòng người sẽ có những cảm nghĩ khác, còn biết trước một cái chết ghê gớm có

(*) Lưu Bá Ôn người thời Trung Quốc cổ đại, có tài nhìn thấu tương lai nghìn năm, tính số Thái Ất biết rõ việc ngoài vạn dặm ở mai sau. Ở nước ta có ngài Trạng nguyên Trình Quốc Công tên Nguyễn Bỉnh Khiêm, thường vẫn gọi là cụ Trạng Trình, cũng có cái tài thuật số cực cao siêu huyền diệu như Lưu Bá Ôn. Trạng Trình có sấm *là những câu kệ nói việc mai sau rất khó hiểu, đến khi việc xảy ra rồi mới thấy các lời* sấm *ấy là hết sức đúng, nói rõ trước việc hệ trọng mà trí thông minh của thế gian không đủ để hiểu, tiếc thay số học cao siêu huyền bí này ngày nay chẳng còn ai biết được! Tác giả có biết một ông họ Đoàn cụ ông thân sinh ra ông họ Đoàn ấy rất tinh thông Dịch và Lý Số, có thể tính được việc trong vòng một năm sau. Tây phương cũng có các nhà tiên tri danh tiếng tính việc tương lai chiếu theo thiên văn học huyền bí của phép bói toán như ông Nostradamus, bà Soleil..., nhưng các vị ấy nói có sai nhiều.*

ảnh hưởng đến nhiều chục vạn con người, liên quan lớn đến việc bang giao giữa các nước với nhau, thì đây chính là "cơ duyên duy nhất và cuối cùng" trong đời làm tướng của Lưu Trừng! Ông thần thờ im lặng, rồi lại lẩm bẩm "Lưu Bá Ôn, Lưu Bá Ôn". Rồi Trần Cốc Tư Bình chậm rãi nói, giọng ông chuyển thành như tiếng nói của vô hình, tuy nhẹ như gió thoảng thế mà lại trầm trọng như lời cảnh cáo:

– Bí mật của việc Trời, con người dòm ngó vào nhiều đến như vậy là quá đáng rồi! Người xưa vẫn nói: "thiên cơ bất khả lậu", việc trời không thể để tiết lộ ra được, xâm phạm yếu lý ấy thì Trời thu mệnh, nay ta tuổi trời đã cao, chẳng tiếc gì những ngày còn lại, chỉ tiếc: vì việc tiết lộ này, hạnh tu luyện có mất mát một phần, cũng vẫn là số Trời! Thân tàn mệnh hết, thì tu hạnh phỏng còn được ích gì!? Chỉ có Lưu Bá Ôn lúc này là giúp hiểu rõ được hết, mà tôi thì không phải là Lưu Bá Ôn!

Nghe Trần nho sinh nói vậy, Lưu Trừng hiểu ý ông ngầm cảnh cáo Trừng không được để lộ việc này ra ngoài, khiến thoạt đầu Lưu Trừng có ý muốn nhờ Trần nho sinh án mạch xem vận số cho chính mình, bây giờ tự nhiên lại thấy khó nói, cũng có ý sợ, băn khoăn ngập ngừng, mấy lần muốn nói ra mà chẳng được. Trần Cốc Tư Bình là người chân tu dưỡng thần, đạt đến độ huệ trí có thể vận dụng soi tỏ được những nơi tối tăm cùng cực của bí mật tương lai, cho nên không nhìn mà ông cũng thấu hiểu được nỗi lòng của chủ tướng Lưu Trừng, ông thong thả báo:

– Việc Hầu nguyên soái như vậy, lẽ ra với chiến trận thì tôi được chủ tướng tin mà cho ngồi ở ghế "hỏi việc", thì phải trình thưa tất cả những gì mình biết, khuyên người làm tướng thế nào để khi vào trận được toàn thắng, vững được mệnh tướng mệnh quân. Còn lúc này, tôi chỉ có thể làm được công việc: không thể không khuyên chủ tướng là: hãy hết sức thận trọng, không cứu được nguyên soái, thì cũng đừng hấp tấp để chết theo nguyên soái, ta không nên cố cưỡng mệnh trời đã rõ!

Trần Cốc Tư Bình chỉ nói có vậy cũng đủ để Lưu Trừng biết phải hành động như thế nào. Thế là ông không có cơ hội xem mạch tìm tương lai cho Lưu Trừng, vì thế cả hai ông không được thấy thêm một việc lạ kỳ nữa! Tuy thế, nhà tướng không thể không tính đến những việc liên quan đến chiến trận, vì vậy Lưu Trừng bảo:

– Phải, binh ta đi trước, đường xa cố đến đúng hẹn là điều khó, chưa thể quyết chắc là thành công. Tuy thế, ta nghĩ: việc chiến trận thắng hay bại đều nhờ cả vào thao lược của nhà tướng, mệnh trời[*] tuy vẫn có, nhưng thành tâm của con người cũng làm chuyển dổi được ít nhiều mệnh

---

(*) Việc lạ kỳ này phải đợi đến khi chiến trận kết thúc mới hiểu ra.

trời. Ta nghĩ: giả thử như binh thủy của ta vào trận tuy có gian nan nhưng thành công thắng trận, thì việc không may của nguyên soái cũng chẳng vì thế mà làm cho cả đại cuộc phải tan nát! Ta vẫn có thể chuyển đổi được hoàn cảnh, cũng vì việc này có khi ta còn lập được đại công nữa cũng không chừng!

Trần Cốc Tư Bình không nói gì thêm, ông lui về nơi nghỉ riêng. Đốc sư Lưu Trừng một mình ngồi nghĩ ngợi thật lung, lại nhớ đến lời nói của Pháp sư Tất Ma dặn hồi làm lễ xuất doanh thủy quân, chợt thấy có liên quan, có đúng với những gì thần y họ Trần nói, liền hội chúng thuộc tướng lại bảo:

– Lần xuất trận này, binh ta mười vạn, chiến thuyền chu sư ba trăm chiếc, thuyền trận nhỏ vài trăm nữa, sức mạnh có thể tung hoành trên mặt nước, chiếm thành phá địch trên bộ, binh ta đi trước binh nguyên soái, nếu được trời yên bể lặng đừng nhiều sóng gió quá, thì ta có thể gần cuối xuân, cùng lắm là chớm hạ, ta sẽ tới điểm hẹn. Lúc ấy, tình hình sẽ ra sao, đây là điều ta phải tính trước để có quyết định ngay từ bây giờ?

Các tướng lao xao bàn cãi, nhưng hết thảy đều chưa biết hoàn cảnh chiến trường thế nào, cho nên chẳng ông nào đưa ra được kế trận gì hay. Đốc sư Lưu Trừng báo:

– Binh ta là binh khai sơn phá thạch, mở đường lấy thế cho binh trên bộ tiến lên, giả thử thế "mở núi phá đá" của ta xong rồi, đường rộng thênh thang, sao ta lại chẳng tiến lên đoạt thành lấy ải của địch, lại dừng nhìn để cho quân bộ theo sau được yên ổn, nhàn hạ hưởng hết công lao của ta?

Các tướng cho là phải, tại sao công sức mở dường lại để cho người khác hưởng lợi, vì thế tướng quân Đường Kiền lên tiếng:

– Thưa chủ tướng, sức quân thủy của ta quả thật đủ để lấy nước Nam, tuy thế tôi nghĩ ta cũng không nên khinh địch, nước Nam tuy nhỏ nhưng cứ xem như ở những đời trước của nó, cũng có những thủy tướng giỏi!

Lưu Trừng vẫn không thay đổi thái độ, ông bảo:

– Phải, nước Nam cũng có vài thủy tướng biết cầm chèo lái thuyền, ông thận trọng là phải! Vì thế, ta muốn nhờ ông trương cờ tiên phong, dẹp cho hết những thủy tướng cùng binh thuyền của chúng đi, để cho đại quân của ta được an nhàn phía sau!

Đường Kiền vâng lệnh, nửa cho là tài của mình xứng đáng để chủ tướng sai cầm cờ tiên phong phá địch, nửa lại cho là chỉ vì mình khuyên can cho nên Lưu Trừng không vui trong lòng nên mới sai đi trước để cho

được một phen mở mắt về những nhận xét về địch của chủ tướng! Đường Kiền trong lòng vừa không vui, vừa lo lắng thận trọng, chưa bao giờ ông theo chủ tướng vào trận lại có tình cảnh như ngày hôm nay! Nghĩ thì nghĩ, ông cũng tức thì thi hành nhiệm vụ tướng tiên phong của mình, cáo từ chủ tướng đi sửa soạn mọi việc.

Đường Kiền sửa soạn xong các thuyền chiến, lấy hai mươi nghìn quân làm binh tiên phong, trương cao cờ của chủ tướng đề họ "Lưu", trên soái thuyền tiên phong thì dựng cờ đề chữ "Đường" màu xanh biếc chữ thêu trắng. Sở dĩ Đường Kiền lấy cờ hiệu tiên phong của mình màu xanh biếc chữ trắng như thế, ấy là vì dưới trướng của Kiền có một thuật sĩ họ Đạo, tên Đống Bàng, mặt dài như mặt ngựa, trán cao mà rộng tưởng không có chỗ hết, hai mắt to luôn luôn đảo lộn dưới hàng lông mày màu nâu nhạt thưa thớt, thuật sĩ mũi dài miệng hô, cả gương mặt trông thật kỳ cục vì thế người đời tặng cho tên hiệu là "Kỳ Ảnh sĩ" ý nói kẻ sĩ có gương mặt kỳ dị. Thuật sĩ khi ấy khuyên chủ là Đường Kiền tiên phong:

– Chủ tướng mệnh Thủy, nay giữ cờ tiên phong đi trên sóng nước biển cả, là "thủy thủy thành hải" như thế thì biển rộng là nơi chủ tướng nhập vào để thành biển, có lẽ nào danh tướng lại muốn hóa thân vào biển rộng! Chủ tướng phải xoay chuyển điềm trời, vì điềm trời không phải là mệnh trời nên xoay chuyển được, bằng cách: dùng cờ hiệu tiên phong màu xanh biếc, ấy là màu "chế thủy" cưỡi trên sóng chứ không phải là tan vào trong sóng, mạng tất vừng!

Đường Kiền rất tin nghe theo những lời khuyên của thuật sĩ quân sư họ Đạo, liền lấy màu cờ tiên phong xanh là vì thế. Từ xa, trông lá cờ xanh biếc dễ lẫn vào màu biển rộng. Đạo Đống Bàng lại báo:

– Một bước chân đi, một cánh tay giơ lên, nhất nhất mỗi cử động của con người ta đều ứng trước cả với xếp đặt trước của Trời cao, nay chủ tướng mang trọng trách xuống Nam, tất chẳng phải là tình cờ mà có, vậy để thuộc hạ cầu xin một quẻ "phá chỉ" xem thiêng liêng khuyên dạy thế nào!?

Đạo Đống Bàng có thuật bói toán xưa nay chưa từng ở đâu có: lấy một tờ giấy, viết tên họ người cầu hỏi việc, để lẫn lộn với vài tờ giấy khác, rồi sai một người nhắm kín mắt, cứ lần tay gặp tờ giấy nào cũng tùy ý mà xé tan thành nhiều mảnh ít nhiều gì cũng được, sau đó thì thuật sĩ sẽ quan sát những mảnh xé của tờ giấy có tên viết mà đoán việc.

Đường Kiền nghe thuật sĩ quân sư của mình nói như vậy thì liền sai: ngay trên thuyền tiên phong cho lập một bàn lễ, đốt sáu cây hương lớn, để sáu tờ giấy bạch chỉ trong đó có một tờ viết rõ tên họ Đường Kiền cùng nhiệm việc "tiên phong thủy quân nam chinh" thì lại là mầu hồng, rồi thuật sĩ vận đạo bào bẩy mầu, một tay bưng một bát nước múc từ

biển lên, một tay cầm cây "khổ mộc đạo kiếm" ngắn chỉ khoảng một gang tay. Thuật sĩ đứng thẳng trước bàn thờ thật giản dị ấy, dùng kiếm gỗ gõ vào bát khiến phát ra tiếng kêu nghe kỳ dị như thể mái chèo khua vào trong bùn loãng nặng nề.

Tướng tiên phong thủy quân Đường Kiển kính cẩn quỳ một bên, thuật sĩ cất tiếng ê a đọc bài kệ bằng cổ ngữ một chi tộc Chuân ngày xưa di cư vượt Trường Giang, qua Đan Dương, đến Tiền Đường lập nghiệp, tộc này mang theo nhiều thuật bí hiểm, đến đời nhà Tống thì Đạo Đống Bàng chỉ biết có một thuật bói "phá chỉ". Bài kệ nói gì chẳng ai biết, chỉ nghe âm điệu rờn rợn như pháp sư gọi hồn ma quỷ, lúc lên cao thì nghe như cầu Sơn thần, lúc xuống thấp tưởng như gọi Địa Tạng, có lúc lại thênh thang như gió bay trên đồng cỏ rộng, khi âm thanh ngắn, rít, thì như mũi nhọn đường tên bay xé gió. Thuật sĩ ê a như vậy hồi lâu, liền ra hiệu cho chúng quân dẫn tới một tên binh mắt bịt kín bằng khăn đỏ. Người quân bịt kín mắt này vâng lệnh giơ tay quờ quạng lần tìm các tờ giấy trên mặt bàn lễ xé đi. Có tờ y chỉ xé làm hai, có tờ y xé đi xé lại đến năm sáu lần.

Bao nhiêu con mắt chăm chú nhìn cả vào tờ giấy quan trọng nhất trên có viết tên họ tướng tiên phong, riêng tờ giấy này màu hồng, ấy là "hồng chỉ" thường dùng trong những việc hôn lễ vui mừng.

Xé xong sáu tờ giấy, tất cả các mảnh của năm tờ kia đều được thu dọn đem đốt đi, tro thả xuống biển, chỉ giữ lại những mảnh xé của tờ hồng chỉ có chữ viết. Thuật sĩ đốt một nắm hương bái tạ linh thiêng, thế là xong lễ cầu quẻ bói. Soái thuyền tiên phong chỉ còn có thuật sĩ, Đường Kiển và các thuộc tướng của ông. Lúc ấy, đạo sĩ trịnh trọng giơ tay chỉ các mảnh giấy, nói:

– Thuật "phá chỉ thần toán" của tôi từ tổ tiên tộc Chuân truyền lại, chưa bao giờ lại có lần sai lạc, các vị đều đã rõ cả, hôm nay chủ tướng cầu xin trời đất linh thiêng chỉ cho biết chuyến hải hành nam chinh này thành bại thế nào, quẻ cầu đã có, xin được xem xét!

Tự tay Đường Kiển nhặt các mảnh hồng chỉ, gỡ ra từng mảnh riêng đếm được cả thảy mười chín mảnh vụn!

Thuật sĩ họ Đạo quan sát các mảnh giấy, có mảnh to mảnh nhỏ, có mảnh xé ngang có mảnh xé dọc, tại sao khi xé tờ giấy người quân đều chập lại cho đến khi không xé được nữa, lẽ ra số mảnh vụn vì thế mà chẵn mới phải, nay sao lại là lẻ, mười chín mảnh vụn?

Đạo Đống Bàng lẩm nhẩm tính toán, mấy lần còn bấm cả đốt ngón tay xem ra gay go lắm, tiên phong Đường Kiển cùng các thuộc tướng chăm chú theo dõi, hồi hộp dợi, rồi chợt thuật sĩ mặt vụt tươi tỉnh, hân hoan nói:

– Hi tai! Hi tai! Mừng chủ tướng lập được đại công rồi!

Đường Kiền cùng các tướng khác chẳng biết đại công chuyến này là thế nào, nhưng tất cả cũng đều vụt vui nét mặt, Đường Kiền hấp tấp bảo:

– Đạo sư xem kỹ, xem đại công như thế nào?

Thuật sĩ không vội trả lời, lại tiếp tục bấm đốt ngón tay tính toán một hồi nữa, rồi giọng vui vẻ giảng:

– Thưa chủ tướng, hồng tiên chỉ xé ra làm mười chín mảnh, ứng với Chín phương trời, mười phương Phật! Trời đất do ngũ hành lập thành, thêm thời tiết bốn mùa chuyển vần làm nẩy sinh vạn vật vạn việc, như thế là ứng với thần quẻ "cửu dụng" của phép "phá chỉ toán", tổ sư dạy: gặp được quẻ "cửu dụng" thì nếu đi sang Đông được biển yên sóng lặng, hướng về Tây được Thần gió hỗ trợ cầu gió là có gió, cầu mưa là có mưa, ngoánh về Bắc cho dù thiên sơn vạn thủy tuyết lạnh hay nóng bức cũng đều vững được bản mệnh, còn xuôi Nam thì thương nghiệp hanh thông việc kinh doanh, văn nghiệp đạt ngôi Bắc Đẩu, võ nghiệp tận thu chiến thắng! Đây là quẻ tốt nhất trong tám-tám-sáu-tư thần quẻ của phép "phá chỉ toán"!

Chưa bao giờ Đường Kiền lại hả hê vui mừng đến như vậy, ông toan thét quân sửa soạn tiệc rượu mừng quân thì thuật sĩ lại nghiêm trang bảo:

– Thưa chủ tướng, trong bóng tối còn chút ánh sáng, trong chỗ sáng cũng chứa bóng tối, trong cái may còn chứa cái họa, vì thế khi đi vào thế cùng cực thì trở lại khởi đầu chứ chẳng bao giờ lại vĩnh viễn là đường thẳng, huyền bí của trời đất khó hiểu hóa ra cũng dễ hiểu, bởi vậy thần quẻ "cửu dụng" là nơi cao nhất của hanh thông, là cùng cực của tiến hóa, sau đấy thì như người lên hết đỉnh núi cao tất lại phải trèo xuống thấp, tướng quân chủ nhân đại thắng lập chiến công lớn quá làm ắt mất cả khí thế ba quân, chẳng khác nào như bông hoa đẹp nở hết cách rồi thì là bắt đầu của tàn vong. Thắng xong trận, tướng quân hãy tìm cách dừng quân, đừng tham lam tiến thêm nữa khiến phạm vào luật "cao cùng cực thì trở về tuần hoàn nguyên thủy cực thấp", để cho ứng với vận hành của trời đất, có thế mới vững được bổn mệnh, bảo trì được chiến tích có một không hai trong chuyến Nam chinh này!

Đường Kiền vui mừng quá đỗi, luôn mồm nói "xin tuân theo thánh linh thần toán chỉ dạy", rồi thét các thuộc tướng mau mau mở tiệc rượu mừng, nhưng để giấu không cho chủ tướng Lưu Trừng biết, lại bảo là: tiệc xuất quân, và dặn các chúng thuộc tướng phải hết sức cẩn thận kín đáo không được để lộ việc này ra ngoài!

Khi chỉ còn một mình Đường Kiền với thuật sĩ Đạo Đống Bàng, thuật sĩ lúc ấy mới nghiêm trang nói đủ để Đường Kiền nghe một mình:

– Thưa chủ tướng, trong quẻ thần còn có chỗ chí bảo, lúc nay có nhiều người không tiện nói, bây giờ xin nói riêng để chủ tướng biết!

Đường Kiền đang vui, chợt thấy xốn xang lo lắng quá, hỏi vội:

– Quả thật trong cái may của tôi, vẫn còn cái họa nào đấy chăng?

Kỳ Ảnh Sĩ nhẹ lắc đầu, đáp:

– Quả thật có cái họa, nhưng không phải là họa của tướng quân! Theo thần quẻ, thì tôi mường tượng thấy: ở nơi đỉnh cao của cùng cực, có cụm mây đen, đấy là việc thần linh nói rằng: phía cao bên trên đầu tướng quân, có việc sinh tử! Cứ theo lời dạy, thì chủ tướng của tướng quân không toàn được mệnh!

Đường Kiên giật nẩy mình, hỏi lại:

– Chủ tướng trên bộ của cả ba quân là Hầu đại nhân, chủ tướng trên nước của quân thủy ta là Đốc sư Lưu Trừng, thế thì ai là người gặp họa trong việc?

Thuật sĩ thong thả đáp:

– Trên bộ, soái tướng Hầu đại nhân thì tôi không biết, nhưng trên thủy thì Đốc sư là "vị trí trên đầu" của tướng quân, tất là quẻ ứng vào với Đốc sư!

Đường Kiền đang vui như mở hội trong lòng, bây giờ thì tiu nghỉu lo lắng, hồi lâu hỏi có vẻ vu vơ:

– Như thế, đại hạnh thắng trận của ta là thế nào? Chẳng lẽ nào ta thắng mà Đốc sư lại nhận họa, thế là làm sao?

Thế là làm sao, thì cả Kỳ Ảnh Sĩ lẫn Đường Kiền đều không thể biết được, thôi đành là phải đợi khi việc xảy ra. Từ đây, tướng tiên phong Đường Kiền trong mỗi hành động đều nhất nhất thận trọng, trong lòng dành sẵn một góc để sẽ đón niềm vui, còn bao nhiêu chỗ thì dành cho cả lo lắng lẫn thận trọng đợi chờ!

Đường Kiền vâng lệnh Đốc sư Lưu Trừng đem quân tiên phong đi trước, ngày theo bóng mặt trời lấy hướng, đêm nhìn sao lấy đường đi, chuyến hải hành cũng có lúc biển lặng sóng êm, cũng có khi gió mạnh sóng lớn nổi dậy, cuối cùng dạo thuyền chiến tiên phong cũng đã vào vùng biển nước Đại Cồ Việt.

Tin tế tác biên cương gấp rút trình về kinh đô, lập tức Đại Hành Hoàng đế triệu tập văn vũ các quan nghị triều, ngài phán:

– Tin tế tác biên cương vừa trình về nói rằng: quân thủy của giặc đi tiên phong đã vào vùng biển phía đông bắc nước ta. Như thế, giặc làm lễ uất doanh, mở chuyến hải hành từ cuối đông năm trước, đường đi không

xa thế mà bây giờ là tháng ba mùa xuân giặc mới tới nơi, thì một là nó tuy làm lễ xuất doanh xong vẫn không lên đường ngay, hai là nó gặp khó ở dọc đường, bất luận là thế nào thì giặc cũng đã vào bờ cõi. Đường thủy ta đã có tin, còn đường bộ thì vẫn chưa thấy gì, như thế thì ta có thể nghĩ được rằng: giặc bê trễ trong phép hành quân. Sự bê trễ này có thể là thế nào? Ta biết được điều ấy, là định chắc được chiến kế của ta(*).

Nghe Hoàng đế phán, các quan lao xao nghị bàn, đại thần Từ Mục xuất ban quỳ tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế, việc quân mấy mặt phải ăn khớp với nhau, làm thế giằng co yểm trợ, nay chỉ thấy tin về quân thủy của giặc, không thấy tin về quân bộ, có điều gì sai lạc không bình thường trong quân của giặc, hay là ta thu thập tin tức không được đúng chăng?

Lời tâu nghị của quan Từ Mục quả nhiên rất xác đáng, Hoàng đế gật đầu, trăm quan chờ nghe lời phán bảo, Hoàng đế phán:

– Đúng thế, Từ khanh gia nói đúng! Quân ra trận chia làm hai ngả thủy bộ, mỗi mặt không thể riêng rẽ hành động mà không có chút liên quan với nhau được. Vả chăng, giặc đi đường xa, mở cuộc viễn chinh tự biết là nhiều khó khăn phải chia làm hai đường yểm trợ nâng đỡ cho nhau, thế mà nay lại hành động xem ra có phần sai lầm như thế, đã hẳn là không phải ngẫu nhiên, người làm tướng không thể không biết điều ấy. Vậy mà trong việc xua quân xuống Nam này của nhà Tống, quả thật có sự đơn độc hành động ở mỗi quân thủy bộ, đấy là một phần ta suy luận theo những điều đã biết, một phần ta biết chắc là có thật vì hành động của chính ta! Từ(**) khanh nghĩ đúng.

Những suy luận về tình hình Tống triều, các tướng trong cuộc Nam chinh, thì triều đình nước Đại Cồ Việt đã nghị bàn nhiều rồi, có thể suy luận được nhiều việc. Còn như chính hành động của mình phải như thế nào thì quần thần không được biết, tất cả mong đợi Hoàng đế phán giảng, ngài phán:

– Trên bộ, ta đã có đại tướng Phạm Cự Lượng mang quân ra Bắc, mặt đường thủy thì đã có tướng quân Trịnh Tú, mọi sửa soạn của ta đã xong từ lâu, nay giặc tới là lúc trẫm xuất sư phá giặc!

(*) Thời gian này là vào năm Tân Tỵ (981) đời Lê Đại Hành Hoàng đế năm Thiên Phúc thứ 2, ứng với năm Thái Bình Thiên Quốc thứ 6 nhà Tống.

(**) Văn quan Từ Mục sau được ban tước Hầu, phong làm Tổng quản giữ việc quân và dân sự, ông nhiều lần lãnh nhiệm đi sứ sang Tống. Theo Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục *thì chức Tổng quản là một chức quan có từ đời nhà Đường, chuyên giữ về quân sự, nhà Lê phỏng theo phép nhà Đường mà đặt chức quan này, lại cho kiêm cả giữ việc dân sự.*

Quần thần tuy đã biết Hoàng đế ngự giá phá giặc, xong nhiều lần khuyên can vẫn không được, hôm nay lại nghe phán lần nữa thì các quan cũng lại thay nhau can cản Hoàng đế không nên xuất cung, Hoàng đế phán:

– Nếu trẫm không thân cầm quân, thì bao nhiêu mưu kế tốn nhiều công sức mới dựng lập được đều có thể hỏng cả, lúc ấy chiến tranh lan rộng khắp nơi, kéo dài nhiều năm tháng, có phải là chỉ vì sợ một việc vất vả nhỏ mà làm hại đến cả đại cuộc an bình lớn không!

Vì vậy, Hoàng đế truyền sửa soạn để ngài xuất cung, thân cầm quân đi phá giặc theo mưu kế đã định trước. Mưu kế ấy thế nào thì trăm quan vẫn không được biết!

6

Đô hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ nhiệm mật trọng mệnh của Hoàng đế mang ba túi lụa mật kế ra đi. Sĩ sư trút bỏ phẩm phục triều đình, cải trang làm kẻ thương buôn trong dân gian, vai khoác tay nải, trong người kín đáo giắt theo cây dao ngắn, mang theo gia tướng Cao Cẩm Bình đợi lúc trời sắp tối thì hai thầy trò kín đáo cho ngựa ra khỏi đế thành nhắm hướng Bắc mà đi.

Hai thầy trò rong ruổi ngày đi đêm nghỉ, qua trạm đổi ngựa, gấp đường mà đi, lên đến biên ải thì thời tiết đã vào trọng đông, khí hậu miền Bắc nơi biên cương rét lạnh như dao nứa cắt vào da thịt, thầy trò Sĩ sư nhiều lúc rét đến tê cóng cả tay chân cơ hồ không còn cử động được nữa. Lẫn vào thương buôn qua lại cửa ải giữa hai nước Bắc Nam, Sĩ sư cùng gia tướng bó ngựa đi bộ cho thêm phần kín đáo. Sĩ sư lại để ý đến cung cách giám ải của binh tướng Đại Cồ Việt, ông gật gù có vẻ có điều gì để ý.

Lên đất nhà Tống, Sĩ sư kín đáo liên lạc với các trạm tế tác của nước Đại Cồ Việt, nơi nào cũng kinh ngạc đến bàng hoàng, không thể nào ngờ được đại thần danh tướng nhiệm mệnh Hoàng đế trông nom tế tác lại có phen vượt biên, đích thân tới tận nơi này để hành sự. Sĩ sư nhờ có các mối tế tác xếp đặt từ thời Đinh Tiên Hoàng đế, cho nên chẳng khó khăn gì trong công việc đi lại của mình trên đất nhà Tống.

Xét thời gian, nghe ngóng tình hình, thu thập tin tức, Sĩ sư bảo với thuộc tướng Cao Cẩm Bình:

– Như thế, thủy binh của giặc đã lên đường, có thể là ta bị chậm trễ! Công việc của ta ở đây không nên kéo dài!

Vào ly sở địa phận Ung Châu, đất trị nhậm của Tổng Binh Hầu Nhân Bảo, hai thầy trò Sĩ sư không thấy có điều gì tỏ ra là sắp có đại quân lên đường xuống Nam, liền đi tìm tế tác của nước Đại Cồ Việt ở đây.

Cứ sở tế tác là một cửa hàng bán thuốc treo tấm biển lớn "Nam Thần Dược Phòng", chủ nhân là một ông già hom hem, cứ chí chậm chạp ngồi xem mạch ở góc nhà thuốc, ông già bắt mạch kê toa cho thân chủ ra quầy lấy thuốc.

Sĩ sư bước tới ngồi xuống ghế lặng lẽ chìa tay cho thầy thuốc già án mạch, thầy thuốc chẳng nhìn xem thân chủ là người thế nào, lẳng lặng ấn ba đầu ngón tay lên cổ tay Sĩ sư, giây lát thầy thuốc già vẫn không ngẩng đầu, chậm rãi nói:

– Sức ngang voi, hơi dài hơn cả hơi thuồng luồng lặn sâu, sao lại đến dây bệnh tật gì?

Sĩ sư Lưu Cơ thản nhiên bảo:

– Khí độc theo gió Bắc xâm nhập thân thể, phương Nam sinh ra nhiều bệnh khó, bệnh gì cũng có!

Thầy thuốc già vẫn thản nhiên hỏi thêm:

– Đã uống thuốc gì chưa?

– Thuốc chưa có, chưa uống gì cả!

– Vậy hãy vào đây lấy thuốc!

Thầy thuốc già lẳng lặng đứng lên, quay tấm biển nhỏ đề hai chữ "Tạ khách "ra ngoài, ý nói nhà thuốc không tiếp khách xem mạch nữa.

Bước qua khung cửa kín dáo phía sau tủ thuốc vào bên trong tối tăm đường đi quanh co, Sĩ sư Lưu Cơ đi theo ông già kịp vung tay dỡ một quyền như búa bổ đánh vào giữa mặt, ngay lúc ấy Cao Cấm Binh kịp co cẳng bốc mình lên cao tránh một cước quét qua nhanh như gió cuốn. Việc xảy ra cực nhanh, trong một thoáng ông già gầy gò đã biến đâu mất, hai thầy trò Sĩ sư tựa lưng vào nhau thủ thế, vận thần cố nhìn trong bóng tối. Có tiếng ông già không biết từ hướng nào lên tiếng:

– Thuốc lấy chữa bệnh ở ngoài kia, vào đây có ý gì?

Đến đây thì Sĩ sư Tế sứ Lưu Cơ hiểu ngay, ông dõng dạc:

– Có thuốc nào chữa được bệnh tử thi thối nát, đuổi được tà khí thì ta chuộc về!

Tức thì có tiếng cười ha hả, ông già thầy thuốc hom hem hiện ra như ma quỷ, ông bảo:

– Ngài phải là thân phận thế nào mới biết được mật khẩu ấy, lại đích thân tới tận đây, vậy xin theo tôi!

Ông già đưa Lưu Cơ vào một nơi nhiều cây cối, chậu hoa, phong cảnh xếp đặt thật êm đềm thanh nhã. Chủ khách yên chỗ trong căn nhà chắc là

để uống trà, thưởng thức cảnh đẹp, hưởng không gian u tịch nơi này. Lão dược sĩ lúc ấy vừa pha trà Liên Tính, vừa hỏi:

– Lão phu vâng lệnh hành nghề bốc thuốc ở đây, vẫn phát lệnh đem về, gần bảy năm trời lần đầu tiên hôm nay mới tiếp người kinh sư! Cao nhân xin bỏ qua những việc vừa rồi, chẳng hay ngài là người thế nào?

Sĩ sư Lưu Cơ giọng thân mật, đầm ấm, đáp:

– Sĩ sư Đô Hộ phủ, Tế sứ Lưu Cơ vâng lệnh Hoàng đế tới đây, đại phu vẫn mạnh khỏe tay quyền dũng mãnh lắm!

Thầy thuốc già nghe nói vội ngừng tay, xụp ngay xuống lạy miệng hấp tấp thưa:

– Thuộc hạ không biết đại chủ giáng lâm! Thật đắc tội, thật đắc tội!

Lưu Cơ ra hiệu, Cao Cẩm Bình đỡ ông già dậy, sau Lưu Cơ mới biết: ông thầy thuốc già chính là tướng quân Trịnh Xuân Thu bộ tướng cũ của Sứ quân Phạm Phòng Ất ở Đằng Châu ngày trước(*), họ Trịnh cùng các tướng khác theo chủ về với nhà Đinh, rồi vâng lệnh lên Bắc mở phòng thuốc làm tai mắt ở ngay trên đất nhà Tống. Trịnh Xuân Thu giỏi võ, lại tinh thông y thuật, hành nghề xem mạch bốc thuốc rất được tiếng ở lỵ phủ Ung Châu, tính tình ông hòa nhã, rất hào phóng cứu giúp người bệnh nghèo, lại vì công việc riêng tiền triều trao cho nên ông lấy thế y đạo cứu đời lập dược mối quảng giao, lần lần nhờ ở giao thiệp rộng ấy ông đi lại được cả với các quan chức trong lỵ sở, cho nên vì thế các việc của Hầu Nhân Bảo ông đều biết rõ.

Nay, tuy rằng Lưu Cơ là chiến tướng ngày xưa theo Đinh Tiên Hoàng đế, cũng là tôi thần nhà Đinh như ông, nhưng nay ngôi thứ mỗi người một khác, cho nên Trịnh Xuân Thu giữ lễ không vượt quá địa vị của mình để tỏ tình huynh đệ cũ. Lưu Cơ hiểu hoàn cảnh, ông vui vẻ bảo:

– Ông Trịnh vì việc nước, thản nhiên nhận cảnh tha hương, quả là kẻ sĩ đáng kính! Cho dù hôm nay thế nào, chúng ta vẫn là huynh đệ như ngày xưa lúc thời thế náo loạn, không nên giữ lễ khiến mất đi cái tình "người cùng nước"!

Hai tướng cũ nói với nhau ít điều thăm hỏi, rồi Lưu Cơ bảo:

– Lưu Trừng đem quân thuyền ra khơi rồi, sao Hầu Nhân Bảo còn chưa xuất doanh đem quân bộ xuống Nam lập thế trận? Ông có biết tại sao không?

Trịnh Xuân Thu đáp ngay:

(*) Xem trong MƯỜI HAI SỨ QUÂN của Vũ Ngọc Đĩnh.

– Thật ra, ý riêng của Tống đế Thái Tông thế nào thì tôi không rõ, nhưng cứ xem như trong những lúc nghị triều thì Tống đế không biết có việc ngấm ngầm hiềm khích giữa các đại thần với nhau, cho nên Tống đế mới sai Hầu Nhân Bảo làm soái tướng, có các thuộc tướng đều là người của trọng thần ghét Nhân Bảo. Ngay như Lưu Trừng, tuy không phải là người ở phe đối nghịch với Nhân Bảo, nhưng chắc gì ông ta lại không nhận lệnh riêng của các người trên!

– Vì thế mà Nhân Bảo chưa xuất quân?

– Chính vậy, tôi giao thiệp với một số quan lại trong phủ, được biết ý Nhân Bảo: đợi cho Lưu Trừng mở đường, gánh lấy nguy hiểm, rồi quân bộ mới đến mà nhận công!

Lưu Cơ nghe Trịnh Xuân Thu nói rõ mọi việc, bảo:

– Nay tôi vâng lệnh Hoàng đế, trao vào tay Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Lưu Trừng mỗi người một mật thư, Lưu Trừng thì ra biển rồi, tôi sẽ đón ông ta ở nước mình, còn hai họ Hầu, Tôn ở đây ông bảo nên làm thế nào?

Sau khi biết rõ ý định của Lưu Cơ, Trịnh Xuân Thu suy nghĩ rồi chợt kêu lên:

– Có thể xong việc! Có thể xong việc được rồi! Dạo này chắc là nghe Hầu Nhân Bảo mang quân xuống Nam, cho nên người tình của ông ta là Chu Bội Ngọc(*) có điều gì không vui, vì thế lại phát sinh bệnh cũ, ngày nào cũng sai người đến đây lấy thuốc, năm ngày thì đích thân nàng ta tới để tôi xem lại mạch, ta nhân đấy có thể xong việc được rồi!

Trịnh Xuân Thu kể cho Lưu Cơ nghe về việc mối dây nàng Chu đi lại với Hầu Nhân Bảo như thế nào, nhân việc xem mạch lấy thuốc của nàng ta Lưu Cơ có thể hành động được như thế nào.

Hai tướng bàn bạc, rồi Lưu Cơ vui vẻ bảo:

– Cứ thế, cứ thế là được!

Ngay trong chiều hôm ấy, người nhà của Chu Bội Ngọc sai đến lấy thuốc nói rằng: "phu nhân" đau nhiều, không đợi đến mai được nên sai đi lấy thuốc. Đại phu Trịnh Xuân Thu lấy mấy viên kim đan trao cho gia nhân ấy, dặn:

– Bệnh của phu nhân lần này nặng đấy, mấy viên đan này chỉ để phu nhân giảm đau trong nhất thời chứ không phải là thuốc dứt bệnh, nhớ sáng mai đưa phu nhân đến cho ta án mạch, sai là nguy hiểm đấy!

(*) Chu Bội Ngọc là một kỹ nữ, tuổi mới mười bảy, nhan sắc dễ đắm say lòng người, cô được Trí phủ Hầu Nhân Bảo thương yêu, bắt mọi người gọi là "phu nhân".

Sáng hôm sau, người của phủ trị Ung Châu vâng lệnh quan châu Hầu Nhân Bảo đi hầu kiệu "Chu phu nhân" đi xem mạch, vì quan báo: phu nhân đang bệnh nặng, cần phải có giáp sĩ hộ tống, phòng mọi việc không hay.

Giáp sĩ hộ tống cho Chu Bội Ngọc tới Nam Thần Dược Phòng như thể dẹp đường cho mệnh phụ phu nhân đi công việc, cảnh này thì người dân đã quen lắm rồi, chẳng ai để ý, nhưng khi Lưu Cơ thấy mặt họ Chu thì ông giật mình kinh hãi: quả thật Chu Bội Ngọc nhan sắc khác người, đẹp sắc sảo mà đầy vẻ kiêu sa, hèn gì Hầu Nhân Bảo chẳng mê man! Khi được biết nàng Chu đi xem mạch lại có cả giáp sĩ của phủ trị theo hầu dẹp đường, thì Lưu Cơ bảo với Trịnh Xuân Thu:

– Rõ thật có trời cao trợ giúp, tự nhiên lại có kẻ giúp ta việc làm! Thế là xong mọi việc! Ông xem mạch cho mỹ nhân, rồi hết sức chú ý đến mọi hành động của Nhân Bảo, ta chia tay nhau từ đây nhé!

Lưu Cơ ra thì đúng vào lúc thầy lang Trịnh Xuân Thu bắt đầu đón Chu Bội Ngọc vào phòng mạch, Lưu Cơ làm như thể là khách đi lấy thuốc, thản nhiên ra cửa. Nhìn mấy giáp sĩ của trị phủ Ung Châu sắc phục riêng với gươm giáo cầm tay, ông nhận ra ngay, liền kín đáo theo dõi.

Trong lúc chờ "phu nhân" xem mạch, mấy giáp sĩ liền rủ nhau kéo vào tửu quán "Đào Tiên" làm mấy chén cho ấm. Lưu Cơ đi theo chọn bàn ngồi ngay bên cửa ra vào. Chén rượu vừa mới nâng lên chưa kịp chạm môi, thì một người ở đâu xăm xăm bước tới, lớn tiếng bảo:

– Gớm thật! Sai nha trị phủ lúc này lại rảnh rang đi uống rượu, lỡ ra quá chén có đứa ám hại phu nhân thì lúc ấy tính sao?

Người lạ tuổi khoảng quá trung niên, đội chiếc nón giang hồ đan bằng tre rộng vành che khuất nhiều phần gương mặt nên trông không rõ diện mạo người ấy, chỉ thấy thoáng thoáng người lạ khổ mặt xương xương, có hàng ria mỏng. Bọn giáp sĩ vốn hung hăng hách dịch, bây giờ có người rõ ra vừa xem thường vừa trách mắng chúng thì chúng tự nhiên nổi tính hung dồ, chẳng nói chẳng rằng cả bọn nhất tề thét vang đứng ngay lên, tay gươm tay giáo toan chém giết người lạ. Cả vùng các phủ trị nơi biên cương nhiều năm nay vẫn thường náo loạn, chỉ vì quan trị thì tham tàn, thuộc hạ thì hống hách hung đồ, dân chúng khổ sở nhiều lắm rồi cũng quen đi với những oan khổ ấy, vì thế hôm nay xảy việc đánh nhau chém giết trong tửu quán thì cũng chẳng ai lấy làm lạ, chỉ có việc người nào hãy liệu mà tự lo thân lo mạng của người nấy, lánh xa khỏi chỗ chém giết là hơn.

Lưu Cơ ngồi ở ngay chỗ cửa ra vào, làm như thể chậm chạp bị người ta chen nhau chạy ra ngoài nên bị vướng cản không chạy được, ông quan

sát sự thể. Mấy người giáp sĩ vây lấy người lạ, gươm giáo chĩa cả ra, cuộc đâm chém ngay từ đầu đã thấy dữ dội, ai cũng thấy máu sắp đổ, ấy vậy mà ngần ấy gươm giáo ra sức đâm chém vẫn chẳng trúng người lạ, bọn giáp sĩ vừa ra sức đâm chém vừa hò hét giận dữ, bàn ghế trong tửu quán chớp mắt đổ vỡ ngổn ngang, máu không thấy chỉ thấy đủ thứ đồ ăn thức uống tung toé khắp nơi.

Lưu Cơ chẳng cần quan sát lâu, ông nhận ra ngay thân thủ khinh khoái lạ lùng của người lạ, thân pháp ấy như thể làn khói mỏng lướt đi giữa rừng gươm giáo, nhẹ nhàng mà uyển chuyển rõ ràng người lạ chỉ lẩn tránh đòn của đối phương chứ không hề có đòn phản công. Lưu Cơ lấy làm lạ, đã chẳng theo thiên hạ chạy ra ngoài lại còn đứng nép vào một góc chăm chú xem trận đánh. Đôi bên cứ thế quần nhau, một bên hợp nhau ra sức đâm chém, một phía toàn dùng thân thủ khinh khoái lẩn tránh khiến cho bọn giáp sĩ như điên như cuồng, hò hét càng lớn, chẳng mấy chốc bao nhiêu đồ đạc bàn ghế trong tửu quán đều nát vụn cả, có lúc cuộc đánh nhau xô đến chỗ Lưu Cơ, ông cũng vẫn chỉ rảo bước né tránh vào mé trong chứ không chạy ra ngoài. Có điều lạ: Lưu Cơ tránh né đi mé nào, thì đám đánh nhau lại tràn đến nơi ấy, làm cho ông cứ phải luôn chân chạy. Hồi sau, Lưu Cơ chợt nhận ra: khách giang hồ lạ mặt tuy liên miên lẩn tránh gươm giáo của bọn giáp sĩ kích tới, nhưng lại khéo léo dồn cả bọn về phía Lưu Cơ, hành động của người lạ mới đầu Lưu Cơ không nhận ra, dần dần khi cuộc đánh nhau cứ nhằm vào chỗ ông lẩn tránh mà áp tới thì ông hiểu ra.

Lưu Cơ thử xem có đúng như mình nhận thấy không, ông chọn những nơi chật chội vướng víu để tránh đám đánh nhau, quả nhiên dù tránh vào đến chỗ vướng víu chật chội thế nào thì đám đánh nhau cũng dồn theo đến chỗ ấy. Lưu Cơ liền ra tay hành động xem khách giang hồ ấy là người thế nào?

Lưu Cơ tung mình vọt tới, tay không đánh ra một quyền "Long Vương Đảo Hải", tay trái bổ thẳng vào giữa mặt khách lạ đẩy ông ta phải lui lại ba bốn bước mới thoát vòng kiềm tỏa của thế đánh, đồng thời tay phải Lưu Cơ chuyển một vòng rộng đánh dội tất cả khí giới của bọn giáp sĩ lại, thế là chỉ trong một thế quyền Lưu Cơ đã tách rời được hai bên phe đánh nhau ra, cùng lúc ấy khách lạ giang hồ thốt lên:

– Hảo võ thuật! Quyền gia họ Bạch quả thật lợi hại!

Lưu Cơ không hiểu khách giang hồ này là người thế nào mà lại hiểu được ngay thế quyền ông vừa thi thố. Bọn giáp sĩ đâm chém mãi không trúng người lạ, tự biết không phải là đối thủ của người ấy, thế nào cũng bị nguy, bây giờ lại có người can cuộc đánh nhau ra cứu cho mình khỏi nguy hiểm thì cũng vội dừng tay. Lưu Cơ lên tiếng:

– Hiệp khách khó dễ bọn sai nha là có ý thế nào?

Khách giang hồ hơi cúi đầu khiến vành nón rộng càng che khuất thêm gương mặt, ông ta nói nhanh:

– Quan nhân nhanh việc, nên tránh chỗ này ngay!

Chỉ nói có thế xong là khách lạ giang hồ như làn khói nhẹ cuốn theo ngọn gió vô hình lướt ra ngoài cửa quán, thân hình ông ta như tan vào không khí biến mất, Lưu Cơ giật mình khẽ thốt:

– Vô ảnh phi đằng!

Ở đất nhà Tống cũng có người biết thuật phi đằng siêu tuyệt ấy ư? Lưu Cơ thoáng nghi ngờ: có lẽ nào "Vô Ảnh Phi Đằng" Giang Trầm Trúc vốn là thuộc hạ rất hiếm khi ra mặt của Tướng quân Lê Hoàn bây giờ là Đại Hành Hoàng đế lại xuất hiện ở nơi này!?

Nghĩ thì nghĩ, Tế sứ Lưu Cơ cũng không thể ngẩn ngơ lâu được, ông phải mau mau hành động để tránh bị lộ tung tích, quay sang mấy tay giáp sĩ còn chưa hết ngơ ngác, Lưu Cơ từ tốn nói:

– Các ông sao lại gây sự đánh nhau với người lạ ấy? Chắc là y muốn làm điều sằng bậy?

Mấy tên giáp sĩ vừa thoát khỏi một phen đại bại, thần hồn còn chưa hồi tỉnh, thế mà nghe Lưu Cơ nói thì đã lại huênh hoang:

– Nó là thằng giặc chuyên trèo tường đục vách trộm cắp ở nơi này, ai mà chẳng biết! Ông là ai, sao lại ra tay trợ giúp quan sai?

Vừa lúc ấy, người nhà thầy thuốc chạy đi tìm các giáp sĩ hộ tống cho Chu Bội Ngọc bước vào, người nhà bảo:

– Xét mạch đã xong, phu nhân sai đi tìm các ông lâu lắm rồi!

Sai nha làm như chẳng hề có việc đánh nhau vừa mới xảy ra, thản nhiên dứng lên bỏ ra về, không quan tâm gì tới những đổ vỡ trong quán rượu. Đám giáp sĩ đi được vài bước, Lưu Cơ kêu to lên:

– Này các ông, các ông để quên cái này!

Dám sai nha giáp sĩ đi hộ tống cho Chu Bội Ngọc quen thói hống hách, ăn lừa uống quịt, lại còn ranh ma cậy thế chủ nên mỗi lúc có cơ hội kéo nhau đi phá phách xách nhiễu các hàng quán, thường đem theo một cái túi da dê, trong túi không hiểu vì đâu lại có một lệnh bài của quan trị viết hai chữ: "Bất Khả" (không thể) nhưng không nói rõ là bất khả việc gì, thành thử nhờ đấy đám sai nha tha hồ xách nhiễu, muốn gì cứ việc làm, rồi khoe lệnh bài giảng là "quan cho phép, không thể bị ai cản trở bất cứ việc gì", tha hồ làm những điều xằng bậy chẳng còn thứ gì là không dám

nhúng tay vào! Hôm nay theo như lệ thường, đám sai nha đem theo túi nhưng lại gặp việc đánh nhau may nhờ người lạ mới thoát hiểm, quýnh quáng đến quên cả túi bảo bối, khi Lưu Cơ gọi mới nhớ ra vội quay lại nhận túi. Lưu Cơ bảo:

– Lúc nảy, người lạ đoạt cái túi của các ông, may mà tôi kịp nhận ra thấy y đang lục soát xem ra có ý gian, liền giành lại được, không hiểu người lạ có lấy mất thứ gì của các ông để trong túi không?

Sai nha vội xem lại túi, lệnh bài bảo bối vẫn còn, nhưng sao lại còn có thêm một túi nhỏ nữa bằng lụa màu xanh? Sai nha giáp sĩ không lấy túi lụa ra ngoài xem xét, cứ để trong túi da dê kín đáo quan sát, bọn sai nha chẳng biết những chữ viết bên ngoài túi, nhưng nhìn túi lụa thì thấy rõ ràng không phải là của hạng người bình thường, xem ra là vật của hàng quyền quý, liền bảo nhau gìn giữ cẩn thận để đem về trình chủ.

Lưu Cơ kín đáo theo dõi đám giáp sĩ không thấy chúng trình túi ấy cho Chu Bội Ngọc biết, mà đem túi vào trong phủ trị, ông mới yên lòng cùng thuộc hạ ra đi, tin là túi ấy sẽ được trình lên quan trị Ung Châu là Nguyên soái Hầu Nhân Bảo.

Lưu Cơ nán lại phủ Ung Châu thêm hai ngày nữa, nghe ngóng động tĩnh không thấy có gì lạ, dặn dò tướng Trịnh Xuân Thu chủ nhân nhà thuốc Nam Thần Dược Phòng ít điều rồi lên đường trở về Nam ngay.

Kể lại, đám sai nha giáp sĩ hộ tống cho nàng Bội Ngọc người tình của quan trị Hầu Nhân Bảo trình lại việc đã làm xong lệnh sai bảo, chúng giấu biệt việc đánh nhau trong tửu quán, nhưng trình túi lụa xanh lên quan phủ, chỉ nói là: "không hiểu tại sao lại có cái túi lụa ấy ở trong túi lệnh bài?".

Hầu Nhân Bảo nhận túi, nhìn những hàng chữ ghi bên ngoài thì giật mình, trước khi mở túi xem bên trong Hầu Nhân Bảo tra hỏi ráo riết, rốt cuộc chúng phải thú thật khai trình hết mọi việc. Hầu Nhân Bảo truyền hết thảy các thuộc tướng, sai nha ra khỏi thư phòng, một mình ông sẽ mở túi lụa.

Trước khi mở túi, Hầu Nhân Bảo dù nóng lòng lắm nhưng cũng đọc thêm lần nữa những chữ đề bên ngoài: " Đốc Sư Hải Chiến Lưu Trừng đích thủ khai cẩm nang", nét chữ viết trên lụa mà cực cứng cáp, lại đẹp như phụng múa rồng lượn, không thấy đề là của ai gửi nhưng xem nét chữ thì biết ngay người viết là người nào, lại thêm còn một chứng vật nữa rành rành.

Hầu Nhân Bảo mở túi, lấy ra một mảnh lụa trắng chi chít chữ đại ý nói rằng: "dừng tiến quân nhanh, không yểm trợ, cứ để quân bộ của Hầu

Nhân Bảo đi trước, thế nào cũng bị giặc phá, sau đấy hãy đem quân đến lấy lại các nơi đã mất, đoạt công chuyển hết tội bại quân cho quân bộ...". Đề khoản người gửi chỉ là một chữ "Triệu" dấu khắc theo lối chữ triện thời Tần Thủy Hoàng Đế rất rắc rối khó đọc.

Hầu Nhân Bảo toát mồ hôi, thì ra đây là mật thư của Triệu Phổ gửi cho Lưu Trừng, không còn gì nghi ngờ được nữa với những nét chữ dẹp có tiếng của họ Triệu, lại thêm triện son họ Triệu viết theo lối chữ cổ này thì ai cũng biết!

Như vậy, cái họa "chín năm lưu đày" vẫn không phai, Triệu Phổ chưa quên việc cũ vẫn còn muốn hại Hầu Nhân Bảo, có mật thư dặn dò Lưu Trừng, nhưng Trời cao có mắt mật thư lại lọt vào tay Bảo!

Hầu Nhân Bảo chẳng phải là người ngu dần kém cỏi, suy nghĩ lung lắm về việc túi mật thư gửi Lưu Trừng, sao lại lọt vào tay ông? Có lẽ nào thuộc hạ tâm phúc của họ Triệu lại cẩu thả sơ xuất đến phạm phải lầm lẫn tai hại lớn đến thế?

Trong việc này, nhất định phải có gì bí ẩn, không thể hấp tấp hồ đồ quyết đoán được. Thế là Hầu Nhân Bảo giữ kín việc, âm thầm tỉnh táo xem xét mọi biến chuyển. Một mặt, Hầu Nhân Bảo cho người ra sức dò dò xét, tìm xem dấu vết của những kẻ lạ mặt trong ngày xảy việc.

Hầu Nhân Bảo cất kỹ túi lụa, định bụng: khi nào xong việc nước Đại Cồ Việt, khải hoàn hồi trào lúc ấy sẽ trình lên Hoàng đế việc này, như thế là rửa được hận cũ. Hầu Nhân Bảo nghị bàn với các thuộc tướng:

– Nay, Lưu Trừng lĩnh quân thủy đi trước theo chính mệnh lệnh của Hoàng đế, như thế là Hoàng đế rất tin ở Dốc sư, Hoàng đế cũng có ý để Lưu Trừng làm thế khai sơn phá thạch cho quân bộ của ta, có khác nào như binh ta đi sau chỉ làm công việc dọn dẹp, đón nhận ghi công đầu cho người khác! Nếu ta gấp tiến quân ngay mà quân thủy chưa kịp vào đúng hẹn, thì một là có thể ta bị lỡ bộ tiến không có yểm trợ, bơ vơ một mình dễ bị giặc nhiều mặt đánh tới; hai là, quân thủy làm thế yểm trợ hay mở đường cho ta, nếu đến chỗ hẹn trước, cũng vẫn phải quan tâm đến phía giặc: tại sao chính quân là quân bộ chưa tới, quân thủy đã tới mà giặc lại chịu để yên, có phải là nó toan tính dùng nghiệt kế để hại chính quân, khiến cho quân thủy không đánh cũng phải lui không? Trong thế trận như thế, các ông nghĩ thế nào?

Các thuộc tướng của nguyên soái Hầu Nhân Bảo bàn cãi với nhau thật gay go, rồi Phó tướng của Hầu Nhân Bảo là Tôn Toàn Hưng bàn:

– Đúng như lời nguyên soái nói, ta tiến nhanh hay chậm cũng đều có thể có bất lợi, giả thử Lưu Trừng có ý ỷ tài cậy sức mạnh mười vạn quân,

một mình tiến nhanh vào đất giặc, thì nhất định giặc không dương cự nổi với sức ấy của Đốc sư, tất sẽ phải quay sang đối phó với quân bộ của ta. Liệu lúc ấy, Đốc sư có hành động kịp để tiếp ứng cho ta hay không? Tôi nghĩ là Đốc Sư sẽ không vội tiến quân ngay! Như thế, người làm tướng khôn ngoan, là người biết giữ quân mình, nhìn thấy đường tiến thoái, không vì một chỗ tranh giành con con mà hấp tấp được! Ta cứ thong thả đợi xem tình hình là tốt nhất, việc lớn dù có chậm một hai ngày cũng không hại gì!

Lời bàn của Phó tướng Tôn Toàn Hưng, thật hợp với ý nghĩ riêng của các tướng, ông nào cũng quen với những tháng ngày hưởng thụ an nhàn khoái lạc, bây giờ xuất chinh thì không thể không có những ngại ngùng, sợ gian khổ, lại thêm những việc sứ bộ nước Đại Cồ Việt làm ở giữa triều đình nhà đại Tống, những việc sứ bộ đại Tống từ nước Nam về kể lại, như thế thì nguy hiểm gian khó nhiều gấp bội so với dễ dàng nhàn hạ, ông nào cũng vì thế đều chỉ nghĩ đến làm thế nào để được an thân, cầu thắng mà không phải nhận khó vào thân!

Đến lượt bộ tướng Quách Quân Biện lên tiếng:

– Bẩm nguyên soái, quả thật nghị luận của Tôn Phó tướng rất đúng! Chiến trận không hợp nhất ở một cửa tướng, nhưng chia làm hai doanh thủy bộ thành ra khó liên lạc, vì thế dễ sinh hỗn loạn, sức tuy mạnh mà lại dễ bị nguy. Quân bộ ta không thể có cái thế lợi của quân thủy được biển rộng bao la làm nơi đi lại giặc không thể kiểm soát được. Như thế, ta nên thận trọng, chờ xem quân thủy thế nào trước đã, sau đấy mới nên có hành động thì hơn!

Tướng họ Quách vừa dứt lời, lại đến lượt tướng Triệu Phụng Huân hùa theo:

– Phàm quân vào trận, bao giờ bộ quân cũng là chính binh, quân thủy thường là binh tiếp trợ, nay quân tiếp trợ vào trận trước, rõ ra là nghịch lý! Đã là nghịch lý, tất không thể thành công được, đã không thành tất hỏng, mà hỏng là hỏng ở chỗ nào? Đúng như lời ông "Thạch Kỳ Lân" Quách Quân Biện nói: chính là quân bộ của ta là chỗ sẽ bị hỏng chứ không phải là quân thủy của ông Lưu Trừng, giặc thế nào cũng nhường ông Lưu để tận lực nhắm vào ta, ta nên thận trọng, đừng hấp tấp để hứng tai họa!

Triệu Phụng Huân là tướng trận không phải là kém, ít nhiều thận trọng, nhưng có phần nào cũng như các tướng khác chỉ vì được hưởng thụ nhiều quá sau khi đức khai tổ Tống đế nghỉ binh định việc triều chính, cốt dựng việc triều cho thật vững chắc, thành ra các tướng lúc này đều có tinh thần bạc nhược, cầu an. Triệu Phụng Huân tuy là cùng họ với đại thần Triệu Phổ, nhưng không có liên quan gia tộc nào với Triệu Phổ, ngược lại

ông nhiều lúc còn tỏ thái độ không phục Triệu Phổ, vẫn nói:"Triệu Phổ cậy có liên quan với thế phá đức khai tổ, làm nhiều điều bất minh, giả thử bao nhiêu người họ Triệu trong thiên hạ đều nhận mình là họ hàng của đức khai tổ cả, thì lúc ấy sẽ chỉ có loạn nước chứ chẳng có trị gì cả!". Lời nói của Triệu Phụng Huân có lọt đến tai Triệu Phổ, vì thế Phụng Huân cũng bị Phổ ghét nhưng ngại Phụng Huân là tướng tính nóng, dám làm những việc người khác không dám, vả lại Phụng Huân là người chẳng trọng vọng danh tước, lại không ở địa vị cao để có thể cạnh tranh với Phổ, vì thế Triệu Phổ cũng nén lòng nuốt giận làm ngơ! Lúc ra trận, Triệu Phụng Huân quen xử cây giáo sắt chín đốt gọi là "Cửu Khúc Thần Long" ý khoe cây giáo có mãnh lực chẳng khác nào như con rồng thần chín đốt.

Đến như Quách Quân Biện, là chiến tướng tính nóng như lửa còn hơn cả Triệu Phụng Huân, sức khỏe ngang voi rừng, có lần biểu diễn thần lực hai tay mỗi tay xách bổng hai kỳ lân đá nặng mấy trăm cân, nên người đời mới tặng cho danh hiệu "Thạch Kỳ Lân" là vì thế. Xưa, họ Quách có lần theo đức khai tổ ra trận, lúc qua khe hẹp Thạch Thủy ở Sơn Tây, ngựa trận của khai tổ cùng với nhiều ngựa trận của các tướng bị sa lầy không làm sao thoát được, bao nhiêu binh xúm lại buộc dây kéo ngựa lên, càng kéo dường như đám ngựa càng bị lún sâu xuống trong khe, đức khai tổ cùng các tướng đành bỏ ngựa lại để thoát thân, thì Quách Quân Biện trổ thần lực, một mình lần lượt nhấc hết các con ngựa của đức khai tổ và các tướng ra khỏi bãi lầy, kịp cứu đám ngựa khỏi bị khe nghẹt khiến nước dâng dìm chết ngạt cả! Thần lực ấy làm cho họ Quách càng thêm lẫy lừng danh tiếng.

Quách Quân Biện chẳng phải chỉ có sức khỏe ngang thánh thần không thôi, ông ta còn là chiến tướng xử cặp đại phủ (búa lớn) lưỡi lớn bằng chiếc quạt tai tượng, lúc vào trận hai lưỡi búa ấy lần nào cũng đánh giết cả trăm mạng, vì thế người đời ấy còn gọi họ Quách với hỗn danh "Song Phủ Tử Thần" ý nói ông là viên tướng Thần Chết xử hai cây búa lớn!

Hai tướng Triệu Phụng Huân, Quách Quân Biện một phần không ưa cảnh an nhàn ở yên mãi một chỗ, một phần ghét đám đại thần Triệu Phổ, cho nên khi nghe quan trị Ung Châu Hầu Nhân Bảo dâng sớ xin đem quân đi chinh phục nước Nam, thì liền xin theo. Nay trong hội, hai tướng nói ý mình ra không phải là ý của tướng thật sự khiếp nhược, mà là có phần thận trọng trước nhiều điều khó khăn đã biết trước. Hội nghị còn bàn nhiều việc khác nữa cốt để Hầu Nhân Bảo ước lượng xem các tướng nhận xét vấn đề ra sao, Bảo có phần không dám một mình quyết định hết mọi việc quân binh, vì dù sao ông ta cũng chỉ là một văn quan trước có ra trận, nay trị nhậm mà thôi chứ không phải là một nhà tướng thực sự.

Hội nghị tan, các tướng ra về chờ lệnh của nguyên soái để xuất quân, Hầu Nhân Bảo giữ riêng hai tướng Triệu Phụng Huân và Quách Quân Biện lại trong trướng, đem túi lụa cho hai tướng xem, rồi bảo:

– Như thế, ta nhiệm mệnh của Hoàng đế lĩnh ấn nguyên nhung đem hai quân thủy bộ đi chinh phục nước Nam, ngay từ khi quân chưa ra khỏi nước đã có kẻ nghịch thần chia phe kéo đảng muốn hại việc quân đến như thế, các ông là những người chính trực, theo đức khai tổ vào ra trận mạc xứng đáng là những huân thần khai quốc, thế mà chỉ vì ghét gian thù nịnh cho nên vinh hoa cũng chỉ được như ngày hôm nay, bọn họa hại lại ngồi ở ngôi cao, giữ quyền lớn, hỏi như thế có phải là điều đức khai tổ mong muốn, có phải là việc đức Hoàng đế đương kim chủ trương không? Chúng ta chẳng phải là những người muốn tranh giành gì với ai, nhưng việc của ta hôm nay là việc sinh tử, liên quan đến việc lớn, liên lụy hay bảo vệ được mấy chục muôn mạng người, thì những việc như nói trong túi lụa này có phải là muốn dẫn ta đến cửa nhà mồ hay không?

Hai tướng Triệu, Quách trán toát mồ hôi, chưa bao giờ trong cuộc đời chiến trận của hai ông lại gặp phải những việc như ngày hôm nay! Triệu Phụng Huân bảo:

– Chúng ta lúc này là người cầm quân ra trận, sống chết là tự mình lo liệu lấy cho mình, thắng thì cũng chỉ dú giữ thân, bại tất tội to đổ cả lên đầu, mà bại là điều thấy rõ, bại ấy chẳng phải là vì ta kém cỏi, mà là vì phe đảng ghen ghét ở tận triều đình mà ra! Ta không đi, ấy là trái lệnh Hoàng đế ắt phải tội chết, mà đem việc này tố giác ra chắc cũng chẳng làm gì được phe đảng quyền thần, có bao giờ Hoàng đế lại tin ta hơn tin bọn họ! Thôi thì, ta cứ ra trận, đã biết sự thể như thế, hãy tỉnh táo khôn ngoan liệu tình thế hoàn cảnh mà dàn xếp là hơn!

Còn Quách Quân Biện thì không ngớt day tay mím miệng muốn hò hét rủa xả mà không dám, sợ rằng người ngoài nghe biết việc, sau cùng họ Quách hậm hực bảo:

– Như thế, tất Lưu Trừng sẽ tìm đủ mọi cách tiến quân, tranh đoạt công đầu để lấy cớ hại phía quân bộ ta, đằng sau ông ta lại còn có phe đảng ở tận triều đình che chở chống đỡ cho, thế của ta là thế mạnh ba chục vạn quân cầm gươm giáo nhưng lại không mạnh bằng ba cái lưỡi gian thần ở cạnh vua! Ta đành là tự mình lo liệu gìn giữ lấy mình đúng như lời ông Triệu nói là hơn cả! Dợi khi xong việc ta hãy tìm cách tâu trình việc này lên Hoàng đế!

Ba người mật bàn với nhau, rồi ước hẹn: hãy hết sức thận trọng hỗ trợ cho nhau, đừng bao giờ vào trận mà không giữ thế yểm trợ cho nhau. Hầu Nhân Bảo lại nói:

– Trong quân, chẳng phải chỉ có ba chúng ta, còn nhiều tướng khác nữa nhưng không phải là những người đáng nghi ngại, cũng không phải là người để bàn việc, duy có ông Trần Khâm Tộ là người danh vọng ở triều đình, nay vâng lệnh cùng theo quân, lúc đầu ta ước hẹn cùng với ông ấy giữ cờ phó tướng cho ta cùng tiến quân, không biết ông ấy có gì nên phải chú ý hay không?

Triệu Phụng Huân nói:

– Ông Trần Khâm Tộ là người danh vọng ở triều đình thật, nhưng tôi thấy ít đi lại với đám họ Triệu, có thể là người ta không phải để ý đến chăng!?

Tuy thế, Hầu Nhân Bảo vẫn thận trọng, ông cho mời riêng Trần Khâm Tộ đến soái trướng bàn việc quân cốt ý dò la xem ý tứ của họ Trần thế nào. Hầu Nhân Bảo nói:

– Nay, quân thủy của ông Lưu Trừng đã lên đường rồi, lẽ ra quân ta tiến theo ngay, nhưng như thế thì quân bộ sẽ đến sớm trước, lỡ ra giặc đón chặn thì lúc ấy hai mặt thủy bộ không thể tiếp ứng được với nhau. Vậy, ở mặt bộ, ta cũng phải nên có bàn định xếp đặt trước về thế trận mới được, ý ông thế nào về việc tiến quân này?

Trần Khâm Tộ, cũng như Hầu Nhân Bảo, là quan văn tại triều, ông không phải là trọng thần, thế lực không nhiều nhưng cũng biết cách đi lại với các bậc trên để được thân yên, nhà chắc. Khi Hầu Nhân Bảo được lệnh mang quân xuất chinh, chỉ vì Khâm Tộ được tiếng là người đọc sách nhiều ở chốn kinh sư, lại thích luận giảng về các cách hành xử của người xưa trong những thời loạn, cho nên triều đình nghĩ rằng ông là người có đầu óc, biết tính toán, vì thế cũng am tường binh thư chiến pháp, nên cử đi cùng Hầu Nhân Bảo để giúp đỡ Bảo là hay nhất. Và vì thế Trần Khâm Tộ theo quân xuống Nam, nguyên nhân là vậy.

Nghe Hầu Nhân Bảo hỏi, Trần Khâm Tộ đáp:

– Thưa nguyên soái, ông là văn quan trị nhậm một vùng nơi biên giới, dưới trướng có nhiều võ tướng tài danh, lại được chiếu mệnh của Hoàng đế giữ ấn tổng quản hai quân thủy bộ, như vậy là ông được Hoàng đế tin cẩn trao cho quyền quyết định mọi việc, tôi xin lắng nghe cao kiến, chờ đợi mệnh lệnh của ông!

Hầu Nhân Bảo nghe Trần Khâm Tộ đáp như thế thì hài lòng lắm, liền nói:

– Phàm việc quân binh vào trận, không thể không lập thế trận. Như nước Nam, chẳng phải cả nước nó đều là núi hay rừng, cũng chẳng phải là không có hiểm địa sông dài thành quách lớn. Vì thế quân bộ ta nếu

nghĩ rằng nước Nam thành cao binh tướng giỏi, thì phải chọn đường khó mà đi là vượt qua núi rừng hiểm trở, mở lối dẹp đường, như thế thì chẳng khác nào như Gia Cát Khổng Minh ngày xưa mở đường sạn đạo, xua quân vượt ải Trần Thương! Việc quân của ta hôm nay làm gì có những khó khăn như thế, vậy ta nên tiến quân theo đường quan lộ qua ải Chi Lăng của nó, đấy là con đường thênh thang dễ đi nhất!

– Thưa nguyên soái, dã hắn con đường chính ấy dễ đi, ta qua đường ải Chi Lăng dễ dàng chẳng phải vất vả gì, tất địch cũng biết con đường ấy quan trọng như thế nào, do đó nó phải canh phòng cẩn mật, làm sao ta qua được dễ dàng?

Hầu Nhân Bảo cười khẩy mà rằng:

– Ông thử nghĩ xem, một quan ải như thế, liệu sức quân của nó ở đấy được mấy mươi muôn mà phải sợ! Sợ, chính là phía chúng nó, chứ không phải là phía ta! Xưa nay, quan ải nhiều lắm cũng chỉ vài ba nghìn quân là quá rồi, chẳng qua cửa ải chỉ là để phân định hai nước Bắc Nam, xem xét việc đi lại của hai bên, chứ có phải là chiến ải có sức cản hắn binh ngoài đâu mà sợ. Binh ta từ ngoài tới, đông ba mươi vạn, sức ải nào của nước Nam ngăn cản được, khi binh ta tới thế nào nó cũng vội vàng bỏ chạy, ta qua ải như thể qua cửa nhà ta, rồi ông sẽ thấy lời tôi nói chẳng sai!

Trần Khâm Tộ cũng nghĩ là quan ải chẳng thể chứa vài chục muôn quân, thế thì việc qua ải Chi Lăng của nước Nam không khó, tuy nhiên ông lại nói:

– Những lời nguyên súy nói chẳng sai, chẳng mấy ải quan lại đủ sức đánh chặn binh ngoài kéo tới. Tuy thế, tôi nghĩ phía sau ải quan, tức là vào sâu đất địch, thế nào cũng có những nơi địch trấn quân lập trận đón đánh binh ngoài, vì thế nguyên súy nên tính trận trước để sau khi binh ta qua ải vào đất địch mới khỏi bỡ ngỡ!

Hầu Nhân Bảo nghe nói thì nhận ra rằng Trần Khâm Tộ không cùng phe với bọn ngăn trở hại ông, ông vững giọng trong tin chắc, bảo:

– Phải, vì thế ta đã tính trước cả rồi, ông không cần phải lo lắng nhiều làm gì! Ta tính: khi nào được tin của quân thủy cho hay là đã vào đến nơi hẹn ước, lúc ấy tất địch đã khốn đốn vì không cản được quân thủy của ta, tinh thần nó đang hoảng hốt, ta xuất phát từ nơi này thì liệu mấy ngày là tới ải quan Chi Lăng? Địch nguy ngập với quân thủy của ta, tan nát còn chưa kể hết, lúc nghe quân bộ của ta kéo đến, liệu tình hình sẽ thế nào? Ta tiến quân, thế như dao bén chẻ trúc non, búa nặng dập ngói mỏng, địch làm gì còn dám nghĩ đến ngăn cản ta nữa! Bởi thế, để cùng một lúc hai quân thủy bộ vững trận, ta tính quân ta vào những chỗ dù là chỉ tiến

một lần, mà đã nhìn thấy toàn thế miền bắc nước nó ở trong tay ta rồi! Ông yên lòng!

Trần Khâm Tộ nghe nguyên súy nói toàn là luận giảng cao ngạo, hoàn toàn khinh thường địch, thì trong lòng ông chẳng khỏi lo lắng, ông hỏi lại:

– Trong binh thư quả thật có nói đến những danh tướng mở trận, đánh một trận mà hiệu quả bằng cả trăm trận, nay nguyên súy tính toán như thế cũng thật là tuyệt vời, nhất định là nguyên súy đã tính đến sức quân sức tướng của cả hai bên, thế còn những nơi nào để trận của ta có thể vào là địch như bị khóa hết tay chân, chiếm được nơi ấy là giang sơn nước Nam như đã nằm trong tay ta rồi?

Hầu Nhân Bảo làm vẻ mặt nghiêm trọng, đáp:

– Quả thật văn sách của ông vượt trên trăm tướng! Ông biết những điều nhà tướng cần phải biết, thật đáng khen!

Trần Khâm Tộ nghe Hầu Nhân Bảo khen mình, ông không tỏ thái độ gì nhưng trong lòng lại nghĩ: "Hầu Nhân Bảo là quan văn, ông ta khen người như thế có khác gì tự khen chính mình", Tộ im lặng. Hầu Nhân Bảo tiếp:

– Ông có biết quan ải Chi Lăng như thế nào không? Rồi sau ải ấy thì thế nào?

Trần Khâm Tộ quả thật không biết quan ải Chi Lăng của nước Nam, ông đáp:

– Quan ải cửa ngõ của một nước nhỏ ở mãi phía nam, tôi ở xa không được biết. Nguyên súy khuất thân trị nhậm ở phương nam lâu ngày, kể cận biên giới bắc nam, tất hiểu rõ quan ải ấy, chắc vì thế nên Hoàng đế mới cử ông giữ ấn nguyên súy nam chinh! Tôi xin được lắng nghe cao kiến!

Hầu Nhân Bảo mặt hơi ngẩng cao, đáp:

– Phải, ta phí hoài nhiều năm tháng ở nơi biên cương, nghĩ đến ngày ra khỏi vùng núi rừng buồn thảm phương Nam để trở về nơi đế kinh huy hoàng, cho nên cũng có để chút công xem xét địa thế nơi này! Đường từ Ung Châu ta xuống nước Nam, thật ra có nhiều lối, có lối hiểm trở khó lòng vượt qua, có lối có quan lộ thênh thang tấp nập người đi về làm ăn buôn bán, chung cuộc thì từ nhiều đời trước đến nay phương Bắc bao giờ cũng chọn con đường qua ải Chi Lăng!

Trần Khâm Tộ ngắt ngang lời Hầu Nhân Bảo, nói:

– Trước khi nghe nguyên súy nói về ải Chi Lăng, xin nguyên súy nói cho tôi nghe về một vài con đường khác có được không?

Hầu Nhân Bảo vui vẻ có phần tự hào, nói:

– Được chứ sao không! Vả chăng, để ông được yên lòng, tôi nghĩ cũng

nên kể để ông nghe về một hai lối đi khác. Trước hết nói về quan ải Nam Giao. Quan ải này sơ sài, hoang vu, nằm ở địa phận hai xã Đồng Đăng với Bảo Lâm(*) giáp ranh biên địa cực nam của giang sơn ta, lối đi không thuận tiện cho việc quân hành lớn lao, chỉ đắc dụng cho việc vượt núi rừng cực khó khăn nhằm đi tắt mà xuống nước Nam làm những việc do thám, hoặc là đường đi của bọn lục lâm đạo tặc, mà cũng là lối đi tắt của bọn buôn bán muốn trốn tránh quan quân!

Trần Khâm Tộ nghe Hầu Nhân Bảo nói về ải quan Nam Giao ông gật gù chẳng hiểu nghĩ ngợi gì, nhưng chắc là không thể nào mường tượng ra được những con đường cùng vùng hoang vu ấy dùng được như thế nào trong việc hành quân mở trận, vì thế ông hỏi:

– Thưa nguyên súy, ngài trị nhậm lâu ngày ở đây có bao giờ thấy người nước Nam hoạt động gì ở vùng ấy với ải quan ấy không?

– Trước, kinh đô nó ở Cổ Loa thì ta chưa thấy nó có hoạt động gì ở vùng này, việc dân chúng hai nước len lỏi đường nhỏ vượt núi vượt rừng đi lại làm ăn là điều bình thường ở ngày ấy, còn bây giờ kinh đô nó ở tận Hoa Lư chắc là chúng nó lại càng chẳng nghĩ đến con đường này.

– Con đường này có thể nào xem là đường quân hành mưu kế được không?

– Chính ra nó là con đường mưu kế! Binh ngoài theo đường ấy mà xuống Nam, thì một là được an toàn trước quân địch ở phía trước, lúc ấy quân ngoại xuất hiện chẳng khác gì như từ trên trời sa xuống, từ dưới đất chui lên!

– Vậy, sao nguyên súy không thử xem binh thư nói có đúng không, là: nhân khi nó thờ ơ chẳng nghĩ đến con đường này mà bất thần xua quân tràn qua? Xưa nay nhiều tướng mở trận như thế, đều thắng trận cả!

– Ông lại quên là: quân ta sức mạnh gấp mười gấp trăm lần sức nó, cho nên không cần phải bất thần chọn con đường vất vả quá đỗi ấy! Lại nữa, ngày trước kinh đô nó ở Phong Châu, ta có thể chịu gian khó chọn lối đi không thể nào nó ngờ đến là ta lại đi đường ấy, để bất thần đánh úp chiếm kinh đô Cổ Loa của nó là điều còn chấp nhận được, nay kinh đô nó ở Hoa Lư, thì ta chiếm Phong Châu với Cổ Loa phỏng được ích gì?

(*) Theo ĐNNTC: Hai xã này thuộc châu Văn Uyên, phía bắc giáp với châu Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây ngày nay, tức là trong phạm vi trị địa của Trị phủ Hầu Nhân Bảo. Sau này, đến đời nhà Thanh thì họ gọi ải quan này là Trấn Nam Quan. Đến Gia tĩnh nhà Minh chính thức mở cửa ải quan này; đời Ung Chính thứ 3 nhà Thanh, tu bổ lại gọi tên là "Đại Nam quan"; đời Ung Chính thứ 6 triều Thanh treo tấm biển đề "Trung Ngoại Nhất Gia".

Trần Khâm Tộ nín thinh, tuy thế trong lòng ông không phục chủ trương của nguyên soái, ông cho rằng như thế là Hầu Nhân Bảo kiêu ngạo khinh địch, bỏ đi mất những lợi thế của phép lập trận, lười biếng sợ gian khổ chọn cách hành động dễ dàng nhưng dễ bị địch chống trả.

Hầu Nhân Bảo tiếp:

– Sau ải quan Nam Giao, là phải nghĩ ngay đến Quỉ Môn Quan ở phía Đông, con đường ấy ngay đến thú rừng còn phải tránh xa, không phải là đường tiến quân vào đất địch, thành ra như thế chỉ nên, và cũng là phải chọn con đường qua ải thành Chi Lăng!

Đến đây thì Trần Khâm Tộ lại thầm khen quan trị Hầu Nhân Bảo là người cũng có công chịu khó tìm hiểu mọi việc, nhất là Quỉ Môn Quan, lại là người kiên gan trì chí âm thầm tính việc thoát khỏi chốn lưu đầy thật vô cùng đáng khen phục. Trần Khâm Tộ nói:

– Hay lắm! Nguyên súy trị nhậm một vùng xa đế kinh, cứ như thói thường thì "xa nơi mặt trời, không sợ sức nóng" tha hồ tung hoành, thế mà nguyên súy lại dốc tâm nghĩ đến việc lớn lâu dài như thế, đúng là bậc "chẳng hoàn toàn là nhân thần, thì cũng là một nửa nhân thần" thì mới hiểu rõ một cửa quan "Quỉ môn"[*] ấy lợi hại, quả thật đáng khen phục.

(*) Đại Nam Nhất Thống chí *viết: Quỉ Môn Quan ở phía Nam châu Ôn, thuộc địa phận xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, đường ải nhỏ hẹp, đá núi cao cực hiểm trở, phía tây gần khe sâu, nước độc uống vào là sinh bệnh không chữa được, rừng rú âm u rậm rạp lắm điều kỳ dị huyền bí, hình thế hiểm ác, lại có những gò đá hình thể lạ lùng có gò như hình cái đầu ma quỷ, cho nên người đời đặt cho lối đi này cái tên như vậy. Địa phương lại có câu: "Quỉ Môn quan, Quỉ Môn quan, thập nhân khứ, nhất nhân hoàn" (Quỉ Môn quan, Quỉ Môn quan, mười người đi (chỉ) một người trở về được). Sau này, vào đời nhà Lê trung hưng, sứ bộ Trung Quốc sang sách phong cho vua ta, vừa ghét vừa sợ cái tên ấy mới đổi là "Ủy Thiên Quan "(cửa quan Sợ Nhà Trời). Theo* Đại Nam Nhất Thống Chí, *thì: "xét* Vân Đài Loại Ngữ *dẫn lời chép trong* Hoàn vũ ký *rằng: "Quỉ Môn quan cách huyện Bắc Lưu 30 dặm về phía Nam, hai thành đá đứng đối nhau, Mã Viện nhà Hán đánh man Lâm Ấp, rồi dựng bia ở đây", cũng sách ấy nói: "người nhà Tấn sang Giao Chỉ đều do Quỉ Môn quan, ở đây rất nhiều lam chướng, mười người đi, chín người không trở về. Nay huyện Bắc Lưu ở gần châu Tiên Yên, trấn Quảng Yên. Đáng lẽ Quỉ Môn phải ở chỗ ấy, tục truyền ở Lạng Sơn là không đúng. Theo sử chép, thì Mã Phục Ba (tức Mã Viện) chỉnh đốn quân ở trấn Hải Môn, rồi do ven biển tiến quân, dẫn cây, qua núi hơn ngàn dặm, vết chân chưa từng đi đến Lạng Sơn bao giờ".*

Hầu Nhân Bảo nghe Trần Khâm Tộ ca ngợi mình như thế thì tuy ra vẻ khiêm tốn nhưng lại không thiếu tự cao, nói:

– Chẳng riêng gì một "Quí Môn Quan"! Tôi ở nơi này lâu năm, nghĩ đến việc nước Nam từ thượng cổ đến giờ, bao nhiêu phen xương máu Trung Nguyên đổ ra mà rốt cuộc đều là uổng cả. Đến như mới đây, đức khai tổ nhà Tống ta hùng liệt là thế, mà cũng phải do dự ngập ngừng không dám tiến quân, đủ thấy việc nước Nam khó khăn vô cùng. Tôi nghĩ: nhiệm mệnh Hoàng đế ở nơi biên cương, ấy là Hoàng đế tin cẩn mới giao cho trọng trách, như thế thì những năm tháng ở nơi xa xôi này không nên để phí uổng việc xem xét chuẩn bị cho một lần Trung Nguyên xuống Nam, là phải dứt hẳn được cái cảnh đời nào cũng có chiến tranh mà chẳng làm sao xong được việc đổi nước Nam, một mảnh đất con con, thành một quận huyện của Trung Nguyên vĩ đại! Tôi để ý mọi việc là vì thế!

Trần Khâm Tộ gật gù, bảo:

– Nếu xuất quân lần này, nhờ ở tài trí của nguyên súy mà dứt khoát vĩnh viễn được việc phương Nam, thì quả thật Thái Tông Hoàng đế nhà đại Tống ta có mắt nhìn người chẳng đời vua nào bằng được!

Lời khen có vẻ mơ hồ nước đôi, khen cũng có, mà cũng lại có thể là mỉa mai cũng có, không biết ý thật của Trần Khâm Tộ là thế nào!?

Hầu Nhân Bảo làm như không nghe thấy lời tán tụng lố lao ấy của Trần Khâm Tộ, nói tiếp:

– Vì thế, tôi chọn con đường qua ải thành Chi Lăng là thuận tiện hơn cả...

Trần Khâm Tộ hào hứng lắm, ông hỏi ngay:

– Nguyên súy thấy đường quan ải Chi Lăng[*] thuận tiện thế nào?

(*) Thành Chi Lăng, ở xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, vùng này núi non trùng điệp, dưới chân núi đá có thành cổ, mở ải để thông thương bắc nam, đến đời nhà Minh tương truyền là chính nhà Minh đắp thành này, thành cao 5 thước, chu vi 154 trượng, sau thành này đổ nát đến nay nền cũ vẫn còn gạch đá, lại nói rằng di vật cổ xưa rất linh thiêng, hồn thiêng của hàng ngàn tử sĩ bắc nam dọng vào từng ngọn cỏ nhánh cây, vì thế thành vỡ gạch đá còn mà người địa phương không dám lấy. Vẫn Đại Nam Nhất Thống Chí *nói:"* xét *Ngô Ngọ Phong nói: "Người Minh sang nước Nam, xem Lạng Sơn là đất cổ họng, nên đắp nhiều thành bảo, chất đá mà làm rất cao rộng kiên cố". Lại Chi Lăng có thành bằng gạch, cửa nam thành có phiến đá nằm, khắc năm chữ:"Hoành tráng nhị thập dội", bên cạnh gạch chất thành đống như gò, đào xuống đất, chỗ nào cũng có gạch, có lẽ là dấu thành của người Minh. Đầu đời Hậu Lê, tướng của Bình Định Vương Lê Lợi chiếm lại được cửa ải Chi Lăng, giết được Tổng binh nhà Minh là Liễu Thăng ở chỗ này". Xem* Hào Kiệt Lam Sơn *của tác giả Vũ Ngọc Đĩnh.*

– Thành Chi Lăng ở phía Tây đường trạm Châu Ôn là con đường đi lại Bắc Nam thuận tiện nhất, quan ải nước Nam ở đấy sơ sài tất nhiên quân trong ải không đông, có chăng là những phục binh nương vào các núi non rừng rậm sông ngòi ở trong vùng để đánh binh ngoài, nhưng vùng chiến địa này lại chẳng phải là nơi tim óc của nước Nam, nó chỉ là cửa ngõ đi sâu vào trong nước, thế thì ta chiếm giữ được Chi Lăng cũng không phải là đã hoàn tất được công việc của mình, mà địch có mất Chi Lăng cũng chả phải là đã mất cả nước, đấy chỉ là đường tiến quân đầu tiên của ta mà thôi.

Trần Khâm Tộ tiếp lời:

– Nguyên súy nói rất đúng, vượt ải Chi Lăng không khó, chắc chắn ở đấy sức quân của địch chẳng lớn. Tuy thế, sau khi qua ải vào đến đất địch rồi, đại binh của ta nên phải hành động thế nào?

– Đấy chính là việc, vì thế ta cho mời ông tới hội đàm ngày hôm nay. Ta qua ải Chi Lăng, tức là cho quân vào nơi địa đầu của địch, đấy là đất ngày xưa gọi là bộ Lục Hải, đến đời Tần gọi là Tượng Quận, đời Hán gọi là Giao Chỉ cho đến nay; khi quốc chủ nước nó vừa mới bị giết là Đinh Bộ Lĩnh đoạt được nước thì chia làm đạo, vùng đất này mù mờ ranh giới bắc nam không rõ ràng, tuy thế đây chính là đất của nước Nam(*). Ta tiến binh qua ải tất phải tìm chọn đường tiến tới nữa, làm thế nào để trước sau yểm trợ được cho nhau.

Nghe Hầu Nhân Bảo nói, Trần Khâm Tộ hoang mang như người đi trong sương mù, ông chẳng hiểu chút nào về địa hình cùng phần đất của nước Nam nơi đại binh nhà Tống sắp kéo vào, cho nên ông mới nói:

– Thưa nguyên súy, ngài để công xem xét đất nước phủ huyện nước Nam nên biết rành rẽ mọi nơi, triều đình cử ngài giữ cờ lệnh chỉ huy đại quân là đúng lắm, như vậy thì ngài tính binh ta lập trận thế nào?

Lần này Hầu Nhân Bảo nghe Trần Khâm Tộ nói thì trong lòng nở nang khoan khoái lắm, ông giảng:

– Từ ải quan xuống đến tận kinh đô Hoa Lư của nó, đường xa nhiều khó khăn cần phải có nơi dừng quân lập doanh trại làm thế "vững chân" trước đã, an định chung quanh, sau đấy mới có thể nhìn tới Hoa Lư được, ta thấy nơi tốt hơn cả ấy là vùng thành Đại La, nơi này nhìn lên cựu đô Cổ Loa hay nhìn xuống hiện đô Hoa Lư cũng gần xa như nhau, bốn bề ruộng

---

(*) Quận Giao Chỉ đến thời thuộc Minh thì nhà Minh đổi thành phủ, gọi là Phủ Lạng Sơn. Sách Thiên hạ quân quốc lợi bệnh thư *chép : năm Vĩnh Lạc thứ 5 mới đem châu Thái Nguyên, Thượng Yên, Hạ Văn, Vạn Nhai, Quảng Nguyên, Thượng Tư, Tư Lãng lệ vào Phủ Lạng Sơn.*

đồng tươi tốt, sông núi thuận tiện, đấy chính là nơi ta phải chiếm lấy để làm thế lâu dài. Lấy được vùng thành Đại La, là có thể xem như ta đã chiếm xong cả miền bắc của nó rồi!

Trần Khâm Tộ nghe Hầu Nhân Bảo nói, vẫn chẳng hiểu thế nào, cứ im lặng lắng nghe, rồi nói:

– Thưa nguyên súy, ngài ước định về phía nước Nam sẽ phải có sự chống cự lại ta như thế nào?

– Tất nhiên là nó phải chống cự, sức nó thế nào cũng không đủ chống lại ta, ta bất thần tiến quân sâu vào giang sơn nó, chiếm vùng Đại La để khống chế khắp miền Bắc. Muốn thế, ta quyết định: ông cầm năm vạn quân thẳng đường xuống Tây Kết chặn giữa dường ra cửa bể Hải Thị ngược lên vùng thành Đại La(*). Dù cho nó thấy quân của ông tiến sâu vào giang sơn cũng sẽ không dám chống cự, bởi vì đằng sau ông đại quân ta hai mươi vạn chiếm giữ vùng sát biên giới, rộng ra phía đông là bể Lục Thủy liên lạc được với quân thủy của ông Lưu Trừng, đợi khi quân thuyền của ông Lưu Trừng đã qua được cửa bể Hải Thị, ngược đường sông kéo lên thì đại quân thủy bộ của ta lúc ấy trông tựa như cánh tay thật dài ôm vòng lấy nửa phần giang sơn phía Bắc của nó, quân của ông như thế là hoàn tất nhiệm vụ ở Đại La!

Trần Khâm Tộ một mực vâng theo xếp đặt của nguyên súy Hầu Nhân Bảo, ông không quen việc chiến trận nhưng thông hiểu văn sách, nên khi nghe Hầu Nhân Bảo luận thế trận, ông thấy có lý, vì vậy ông nói:

– Nếu đúng như lời nguyên súy nói, thì đạo quân của tôi có thể tuy tiến trước tất cả vào sâu trong giang sơn nước Đại Cồ Việt, lẽ ra nguy hiểm là phải gánh trước tiên, hóa ra lại là đạo quân có vóc dáng như thể một đạo quân làm kế "dụ địch", và chắc chắn là địch không dám hành động, thành ra binh dụ địch lại tự nhiên biến thành binh chiếm đóng! Quả thật nguyên súy có tài hành quân lập trận!

(*) Thành Đại La xưa đắp từ đời nhà Đường, nhiều lần thay đổi tên gọi, giới địa cũng nhiều lần thay đổi. Năm Minh Mệnh thứ 12 nhà Nguyễn bỏ Bắc Thành tổng trấn, chia tỉnh hạt, đem huyện Từ Liêm thuộc tỉnh Sơn Tây đổi lệ vào phủ Hoài Đức, lại lấy 3 phủ Ứng Hòa, Lý Nhân và Thường Tín thuộc Sơn Nam đặt riêng làm tỉnh Hà Nội và đặt chức tổng đốc Hà-Ninh coi cả hai tỉnh Hà Nội và Ninh Bình. Năm 1888 Pháp lấy Hà Nội làm nhượng địa, đổi hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận là huyện Hoàn Long, đổi tên tỉnh Hà Nội làm Hà Đông, dời tỉnh lỵ đến xứ Cầu Đơ. Năm 1890 tách phủ Lý Nhân ra đặt làm tỉnh Hà Nam; năm 1909 tách châu Lạc Thủy của tỉnh Hòa Bình cho vào tỉnh Hà Nam. (theo ĐNNTC).

Hầu Nhân Bảo hài lòng lắm, ông vững lòng tin Trần Khâm Tộ không có ý gì khác, và nguyên súy tính đến việc chính binh do ông cai quản.

Hầu Nhân Bảo cho mời phó tướng Tôn Toàn Hưng đến soái trướng, bảo:

– Nay, binh thủy ra đi cũng được lâu ngày rồi, không nghe nói có trở ngại trên biển, thế là tốt lắm. Bây giờ đến lượt binh ta xuất doanh. Ta đã sai ông Trần Khâm Tộ cầm năm vạn quân sẽ xuống tận Tây Kết, tức là trấn ở vùng sẽ có quân thủy của ông Trừng từ ngoài bể Lục Thủy tiến vào cửa sông Bạch Đằng rồi ngược dòng sông kéo vào sâu trong giang sơn nó. Trong lúc ấy, quân bộ của ta là chính binh nhưng đi lui lại ở phía sau, làm thế cầm giữ khiến cho địch không dám tiến đánh đạo quân bộ của ta ở Tây Kết, cũng không dám và không có sức chặn đạo quân thủy của ta từ ngoài biển kéo vào, ông nghĩ thế nào?

Tôn Toàn Hưng là võ tướng có danh vọng ở Tống triều, trận mạc thông thạo, tính tình thâm trầm chứ không nóng nảy như nhiều võ tướng khác. Họ Tôn là tướng cầm gươm lên ngựa nhưng cũng dốc lòng đọc các binh thư, vì thế nhiều lúc tỏ ra lạnh nhạt với các quyết định về chiến trận của thượng cấp, mỗi lần như thế thì Tôn hay nói một câu dễ mất lòng người:"thế cũng gọi được là người biết cầm giáo theo ngựa ra trận", tướng thì cầm giáo lên ngựa ra trận, chứ có phải là người cắp giáo theo ngựa của người khác ra trận đâu, Tôn Toàn Hưng nói mỉa như thế khiến mích lòng nhiều người tại triều. Họ Tôn gốc người ở Bột Hải, tỉnh Sơn Đông, cũng có phần ỷ vào võ nghiệp của ông cha, cho rằng nhiều nhà tướng tuy theo chân tiên đế vào ra trận mạc chẳng qua cũng chỉ là cậy sức theo gió mà được công với tiên đế, chứ thực tài thì chẳng bằng Tôn. Tôn Toàn Hưng vì thế không được cất nhắc lên phẩm tước cao, cũng thường hay bóng gió có ý chê đức Thái Tông là vua kế nghiệp chứ làm sao theo được tiên đế khai sáng, và Hoàng đế nhà Tống dù bao dung đại lượng đối với các công thần cũng không thể không nghĩ ngợi. Tôn Toàn Hưng biết vị thế của mình, cho nên cũng tìm cách kín đáo đi lại với đám Triệu Phố, có ý nhờ thế lực họ Triệu nâng đỡ che chở cho mình, nhưng Tôn lại giữ kẽ chưa bao giờ ra mặt theo thiên hạ quy luỵ họ Triệu.

Nay vâng lệnh theo Hầu Nhân Bảo mang quân xuống nam, có bao giờ Tôn Toàn Hưng lại trọng phục Hầu Nhân Bảo được, cho nên khi nghe Hầu Nhân Bảo thuyết giảng về thế trận với phép hành quân, thì Tôn Toàn Hưng nói:

– Soái tướng lập trận như thế, tức là dùng hai mặt thủy bộ vừa làm thế chiếm vị trí, vừa làm thế bao bọc cho chính binh chậm chậm an toàn kéo theo sau! Soái tướng hành quân như thế, là có ý lập trận "lập kỳ binh,

dựng kỳ lực", chính binh không cần đánh mà giặc cũng phải sợ mà lui, kể cũng là tướng cầm quân mưu trí ít có ở đời! Tôi bái phục! Tuy thế, xin hỏi nguyên súy, giả thử binh Đại Cồ Việt cũng lại "lập kỳ binh, dựng kỳ lực", dụng trọng mưu để thực sự lấy kỳ lực ấy đánh ta, thì lúc ấy ta phải đón trận như thế nào?

Hầu Nhân Bảo có chủ ý, lập trận bề ngoài xem ra có phần thận trọng chủ trương "chiến là thắng nhờ các phía giằng co yểm trợ cho chính binh, có thể cùng lúc mở rộng trận", nhưng trong thâm tâm thì Nhân Bảo lại nghi ngại các thuộc tướng của mình, nhất là từ khi thư mật gửi Lưu Trừng lại lọt vào tay ông, vì thế nghe Tôn Toàn Hưng hỏi thì giật mình, họ Tôn đã nhìn thấu gan ruột soái tướng rồi chăng?

Hầu Nhân Bảo trấn tĩnh tinh thần, thong thả đáp:

– Ta cũng nghĩ thế! Nhưng xét cho cùng, thì binh địch gốc mãi tận Hoa Lư, quân trấn thủ phía bắc không thể nhiều được, vì thế ta tiến là không lo bị địch chặn đánh. Khi đã chiếm giữ được những nơi chọn trước, có khác nào chọn nơi cổ họng nó mà khống chế toàn thân không! Tuy nhiên, ta cũng đã giả thử là địch dám đem quân cự lại chính binh bộ chiến của ta, thì nó không thể không bị thất thế với đạo quân thủy của ta lúc ấy ở đằng sau nó, rồi lại thêm đạo quân ở Tây Kết quay đầu nhìn lại, nó ba mặt bị đánh, làm sao nó chống nổi?!

Rồi Hầu Nhân Bảo không để cho Tôn Toàn Hưng có thêm cơ hội để chê bai hạch hỏi thêm nữa, ông lấy oai nguyên soái bảo:

– Vì vậy, tôi giao cho ông năm vạn quân mang đến châu Lộc Bình ở phía tây đường trạm, tùy nghi chọn nơi thuận tiện trấn ở đấy, làm thế trợ chiến cho đại quân của tôi đông hai mươi muôn lập doanh ở cửa Lạng Thành(*), khi đã vững doanh, đại quân của ta sẽ theo quan lộ chính kéo về hợp quân với thủy binh của Lưu Trừng ở sông Bạch Đằng, sau đó thì kéo dốc về hướng thành Đại La.

Tôn Toàn Hưng nghe Hầu Nhân Bảo xếp đặt, sai mang năm vạn quân trấn giữ một nơi xem ra không thấy có nguy hiểm nào, thì ông cho là Hầu Nhân Bảo tuy vậy nhưng không có ý gây khó gì cho ông, ông không có lời bài bác nữa mà bảo:

– Soái tướng đã quyết trận như thế, tôi phải vâng theo, chỉ xin soái tướng một điều: tôi đã làm thế trợ chiến, thì xin được ra quân vào lúc xét thấy quân trợ chiến vào trận là dứng nhất, cho nên dù chính binh có cho

---

(*) Cửa quan chính ở xã Mai Pha, giáp tỉnh thành, các cửa quan khác đều là cửa phụ.

lệnh kéo quân lên tiếp trợ chính binh thì có thể tôi không tiến ngay mà có khi còn lập thế khác cũng không chừng!

Hầu Nhân Bảo chợt nghi ngờ, có bao giờ binh yểm trợ lại tự ý hành động theo cách tùy nghi như thế, Tôn Toàn Hưng lại nói ra miệng chẳng cần giấu ý nghĩ của mình, thì có phải là Tôn ra mặt cưỡng lệnh của nguyên súy ngay từ đầu không? Hầu Nhân Bảo nghĩ như thế nhưng im lặng, rồi đáp:

– Cũng được! Cũng có nhiều khi binh tiếp trợ chưa cần có lệnh nhưng nhờ ở bên ngoài nhìn thấy tình hình của giặc rõ ràng hơn là quân đang ở trong trận.

Từ đấy, Hầu Nhân Bảo để tâm theo dõi mọi hành động của Tôn Toàn Hưng.

7

Cuối tháng Giêng sắp sang đầu tháng Hai năm Tân Tị (981), tức là vào năm Lê Đại Hành Hoàng đế Thiên Phúc thứ 2 (nhà Tống: năm Thái Bình hưng quốc thứ 6), tin từ miền bắc tới tấp gửi về kinh đô Hoa Lư, Hoàng đế liên miên nghị triều, và suốt từ sớm hôm qua trong ngoài kinh thành Hoa Lư thật vô cùng náo nhiệt, khắp nơi ồn ào với tin báo: Hoàng đế ngự giá xuất chinh ra bắc, đón đánh binh nhà Tống sắp vào bờ cõi. Lúc này, thiên hạ nô nức rủ nhau đi xem Đại tướng Phạm Cự Lượng làm lễ xuất doanh đem quân ra Bắc trước, chẳng còn nơi nào ở chung quanh đế kinh Hoa Lư lại còn yên lặng như những ngày qua.

Náo động thì trăm họ nước Đại Cồ Việt đã kinh qua suốt mấy chục năm, sau khi vương nghiệp của Ngô Quyền suy tàn, cả cõi Giao Châu chìm trong đại loạn Mười Hai Sứ Quân, lúc ấy đất nước chia xẻ thành mấy chục địa phương, mỗi người cát cứ một vùng làm cho trăm họ lâm vào cái cảnh "sống đã khó mà chết cũng lại chẳng dễ", rồi trăm họ cũng lại được chứng kiến những cuộc tung hoành của tay hùng liệt họ Đinh ở Hoa Lư, cuối cùng thì giang sơn thu về một mối, cuộc đời an bình khổ thay chẳng được lâu thì chỉ hơn chục năm sau đã lại có nạn quân ngoài sắp vào bờ cõi, giữa lúc Tiên Hoàng đế thọ nạn, tân Hoàng đế gặp phải trăm ngàn khó khăn!

Chính vì dư thanh của những tháng ngày náo động đã qua chưa lâu, cho nên hùng khí của trăm họ với thời Đinh Bộ Lĩnh đi thu thiên hạ vẫn còn ngất cao, bây giờ đến lượt Lê Hoàng đế xuất chinh lại làm cho cả cõi thấy lại những ngày khắp nơi có chinh chiến tranh hùng, lòng người nô nức, thì cũng lại có người lo sợ chiến tranh, thanh niên trai tráng lên đường tòng quân cũng nhiều, mà người rủ nhau đi lánh nạn cũng chẳng phải ít! Người hăng hái tìm về đế kinh đón cơ hội theo vua quan tướng sĩ ra Bắc đánh giặc, thì hùng hồn: "... chỉ mới vài chục năm, hai lần giặc nhòm ngó giang sơn ta, lần trước hùng tài Ngô Quyền chém đầu thái tử

Hoằng Thao mà an được nước, Đinh Tiên đế hiển lộng thần uy khiến cho Thái Tổ Tống đại đế run cầm cập không dám tơ tưởng đến phương Nam, lần này có kẻ ngông cuồng ỷ mạnh cậy to cất quân đi xâm lược, đến lượt Lê Hoàng đế xuất quân phạt Bắc, một dời người dễ gì có được hạnh phúc mấy lần thấy uy vũ của đấng nhân thần ra tay cứu nước, không chen chân dự được vào đại cuộc ấy là để hận cả đời!". Còn những người khiếp nhược lo sợ thì bảo nhau: "Bắc quốc là đại quốc, đứng giữa trăm nước trong thiên hạ, đời nào cũng là chủ của muôn phương, bây giờ ý trời muốn thu phục phương Nam, hùng binh thiên tướng nhà đại Tống xuống Nam, binh ta làm sao chống lại được, thế nào cũng khắp nơi máu đổ xương chất, chi bằng lánh hẳn đi xa, đợi ngày an bình là hơn...", thế rồi bồng bế nhau bỏ nhà bỏ cửa đi mãi xuống phía Nam, có người vào hẳn nước Chiêm Thành lánh quốc nạn, ai cũng nghĩ miền Bắc tất phải là nơi xảy chiến tranh trước, quanh vùng đế đô Hoa Lư thế nào cũng phải là nơi tranh hùng đẫm máu nhất, một đời mấy lần gặp phải nạn chinh chiến khổ cực nói chẳng hết được, nay còn cơ thoát nạn sao chẳng lánh đi!

Đại Tướng quân Tổng đại binh Bắc phạt Phạm Cự Lượng vâng lệnh Hoàng đế, liền tức thì cho lệnh lập giáo trường rồi hội các thuộc tướng tại đại doanh bảo:

– Nay ta vâng lệnh Hoàng đế, đem quân ra Bắc, lên trấn nơi cửa ngõ đất nước đợi chống nhau với giặc Tống. Lẽ ra cuộc chiến tranh này đã phải xảy ra từ thời Đinh Tiên Hoàng đế còn đang ngược xuôi đánh dẹp các Sứ quân, ngày ấy nhờ có ý chí của Tiên Hoàng, lại thêm quân sư Lê Thảo vâng lệnh dàn xếp khiến cho Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn hùng liệt đến thế mà cũng không dám động đậy, nay Tống Thái Tông ngông cuồng, cho là trong nước đã ổn định mới đưa quân xuống nước ta, đây là thứ giặc mạnh, quen chiến trận, thận trọng sửa soạn mọi mặt kỹ lưỡng rồi mới ra tay hành động. Tuy thế, Hoàng đế nước ta đã có xếp đặt, vững thế phá giặc, lại sai ta cầm cầm cờ tiên phong ra Bắc trước, đấy vừa là điều vinh dự vừa là trọng mệnh không thể để sơ xẩy được. Các ông nghĩ ta nên hành động thế nào?

Các tướng sôi nổi bàn cãi, bao nhiêu ý kiến, bao nhiêu nghị luận nhưng chẳng quyết là phải thế nào, ông nào cũng cho ý kiến của mình là hay, là đúng. Cuối cùng Đại tướng Cự Lượng(*) bảo:

(*) Phạm Cự Lượng người ở Chí Linh, trước là bộ tướng huynh đệ thủ túc của Đinh Tiên Hoàng đế; ông nội Lượng tên Chiêm, từng giữ chức Đồng Giáp Tướng quân đời Ngô Vương Quyền; cha của Lượng tên Man, giữ chức Tham chính Đô Đốc đời Nam Tấn Vương nhà Ngô; anh của Lượng là Phạm Hạp, giữ chức Vệ Úy đời Đinh Tiên Hoàng đế thu thập binh tướng, sửa soạn lập doanh ở đại trại Bảo Sơn đợi lệnh xuất quân.

– Hoàng đế quyết chắc là giặc sẽ đi đường quan ải Chi Lăng, cho nên sai ta lên Chi Lăng đợi giặc. Ngoài đường quan ải Chi Lăng, cũng còn những đường khác nhưng toàn là những đường nhỏ, không thuận tiện cho một đạo quân kỵ bộ lớn. Như thế, ta nên xét kỹ địa thế vùng cửa ải Chi Lăng là hơn cả! Các ông ai biết rõ vùng này?

Vùng cửa ải Chi Lăng thuộc Lạng Giang (tức Lạng Sơn) núi non trùng điệp vô cùng hiểm trở, rất lợi hại cho việc dụng binh đón đánh binh ngoài xâm phạm. Nhưng phải chọn nơi nào để trấn quân đợi giặc đúng nơi giặc đi vào, thì các tướng không làm sao biết được. Ngày trước, lúc theo Tiên Hoàng đi chinh phục các Sứ quân, các tướng huynh đệ của Tiên Hoàng không được quen thuộc vùng đông bắc giang sơn, thường chỉ chú trọng vào những nơi các Sứ quân chiếm giữ, vì thế các tướng không thông thạo chiến địa vùng quan ải này. Còn các tướng của mấy Sứ quân trấn giữ ở phía đông Cổ Loa, thì cũng lại chỉ loanh quanh với vùng cát cứ của mình, vì vậy các thuộc tướng của các Sứ quân ấy khi tàn cuộc theo về với Tiên Hoàng cũng chẳng biết hơn được các tướng của Hoa Lư là mấy. Nay trong hội, Đại tướng Phạm Cự Lượng nói tình hình, rồi hỏi như vậy thì các tướng có phần băn khoăn, im lặng hoặc thì thầm bàn tán với nhau, hồi lâu chưa có ông nào trả lời thì có người lên tiếng:

– Vùng Chi Lăng núi non trùng điệp, tuy thế ải quan không phải là nơi lập trận; đón giặc hay phá giặc phải là nơi khác!

Âm thanh người mới nói, nghe khoan thai, trầm mà có vẻ khinh bạc không mấy kính trọng chủ soái Đại Tướng chủ trì quân hội! Tuy thế, âm thanh cùng với lối nói ấy, thì các tướng đều đã rõ là ai nói!

Đấy chính là lão tướng người đời thường gọi là "tướng thần tiên" Đồng Thừa Trọng của Sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp ngày xưa trấn giữ thành Lạn Kha(*). Sau khi về với Đinh Tiên Hoàng thì Đồng Thừa Trọng tuy được Tiên Hoàng thu dụng không kém phần trọng vọng, nhưng họ Đồng trong thái độ kính trọng bậc nhân thần thì vẫn giữ một mực "hành xử phải đạo người quân tử, kính phục mà không xu nịnh", vì thế ông sống như một người ẩn dật, sống cho phải đạo mà thôi. Nay, lúc đất nước bắt đầu nghiêng ngửa vì nạn Bắc thuộc sắp hiện ra, ông nhớ lại những lời nói tình ngộ năm xưa trước việc đất nước, cho nên xin theo quân ra trận, hành động này của ông làm cho hết thảy các tướng đều vừa ngạc nhiên vừa kính phục.

(*) Về nhân vật được gọi là "lão tướng thần tiên" Đồng Thừa Trọng này, người cực giỏi về âm nhạc, lập "nhạc trận" trấn giữ thành Lạn Kha..., xin xem trong bộ Mười Hai Sứ Quân *của tác giả Vũ Ngọc Đĩnh.*

Bây giờ trong quân hội, nghe lão tướng thần tiên Đổng Thừa Trọng nói như vậy, đại tướng Phạm Cự Lượng hỏi lại:

– Chính thế, quan ải chẳng mấy khi lại lấy làm nơi chặn đánh giặc ngoài được, nhưng địa thế núi non sông ngòi nơi ấy thế nào thật ra bản chức không được rõ lắm, nay lão thần tiên tất biết nó thế nào?

Đổng Thừa Trọng nghe chủ súy Đại tướng Tổng thống quân binh cự Bắc hỏi, vẫn giữ thái độ tự nhiên, khoan thai đáp:

– Vùng ải quan Chi Lăng từ những lần phương Bắc xua quân xuống Nam, lần nào cũng là nơi họ đi qua, đấy là con đường dễ đi nhất, qua cửa ải dễ nhất, lại được yên lòng ở chỗ: biên ải là nơi hai bên qua lại, họ dễ dò la biết chắc tình hình của ta, biết rõ sức ta ở đấy cho nên không phải là nơi mở trận phá giặc được. Phải lui lại phía sau, lập trận rộng ra hai phía đông tây, lại phải chú ý đến chỗ con đường quan ải này dẫn thẳng về phía nam vào vùng *đạo* Giao Châu(*) tức là nơi gan ruột của vùng đồng bằng phì nhiêu dân cư đông đúc, chiếm được vùng này là giặc vững được thế lâu dài, có thể yên tâm dưỡng sức rồi ngoảnh mặt về Nam nghĩ đến việc nhòm ngó Hoa Lư ta!

Đổng Thừa Trọng là tướng già rất giỏi của Sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp ngày trước, ông là người cực mê âm nhạc, lúc trẻ đi chu du khắp thiên hạ để học nhạc, lại đổ nhiều công lang thang nhiều vùng ở Trung Quốc, có lần tới tận Lạc Dương, Trường An là nơi cũng từng để chân đến, tất cả cũng chỉ vì âm nhạc, sau nhận lệnh của sứ quân Thủ Tiệp trấn giữ thành Lạn Kha thì lập trận để giữ thành bằng chính "nhạc trận" của ông đặt ra cực kỳ-bí tuyệt vời, lại có lời rao:" ai phá được nhạc trận tức là vượt được kiến thức âm nhạc của họ Đổng, thì tướng trấn thành họ Đổng tình nguyện cắt đầu chịu hàng phục", trong cuộc tranh hùng giữa các sứ quân với nhau, bao nhiêu tướng giỏi danh tiếng đều không thể vượt qua được "nhạc trận" ấy, sau quân sư Lê Thảo vâng lệnh Vạn Thắng vương Đinh Bộ Lĩnh đi thu phục thành Lạn Kha, tung hoành trong "nhạc trận" để tới trước cửa thành thì ngăn chặn được việc lão tướng thần tiên Đổng Thừa Trọng tự cắt đầu, từ đấy Trọng theo về với Vạn Thắng vương, và nay thì theo quân của Đại tướng Phạm Cự Lượng ra biên ải.

(*) Đạo Giao Châu xưa từ đời Hùng Vương là bộ Giao Chỉ, đời Hán vẫn gọi là bộ, đời Tùy đặt là quận, đời Đường là An Nam Đô hộ phủ, bấy giờ mới đắp thành Đại La; khi Đinh Tiên Hoàng đế lên ngôi thì đổi thành đạo, *sau nhiều lần thay đổi tên và địa giới hành chính cai trị thì tách rời ra thành tỉnh gọi là tỉnh Hà Nội; thành Đại La chính là thành Hà Nội ngày nay. (ĐNNTC sách đã dẫn)*

Nghe Đống Thừa Trọng nói, Đại tướng Phạm Cự Lượng rất tin, chính Đại tướng trong hồi theo Tiên Hoàng để đi thu phục các Sứ quân cũng hiểu biết nhiều về sự quan trọng của vùng trung du sông nước phì nhiêu ấy, nhưng ra đến tận biên giới thì ông không được biết, cho nên nghe lão tướng Thừa Trọng nói thì bảo:

– Lão tướng nói rất đúng, ngày trước các Sứ quân tụ hội chung quanh vùng ấy, quân đông người lắm thế mà vẫn có sức đương cự với nhau mấy chục năm dù biết đấy là nơi trù phú lợi hại, lại thêm địa thế sông ngòi núi non, thêm rừng rú khắp nơi, giặc chiếm được thì quả thật dễ làm khó cho Hoa Lư ta nhiều lắm! Vậy, cứ như ý lão tướng thì ta nên nhìn vào chỗ nào để dàn quân bầy trận đón giặc tốt nhất?

Phạm Cự Lượng trước là huynh đệ thủ túc của Tiên Hoàng đế, sau là công thần vào hàng cột trụ của triều đình, ông là người tính tình rất gan dạ cứng rắn, có phần hơi nóng tính, ít khi chịu nghe luận bàn mà chỉ thích hành động, vì thế nhiều lần lỗi lầm. Nhưng lần này, nhiệm mệnh của Hoàng đế cầm cờ Đại tướng Tổng thống quân binh, là người trách nhiệm đứng ở nơi cửa ngõ giang sơn đón đánh giặc trước tất cả mọi người, vì thế tướng quân cũng thấy dè dặt lo lắng ở trong lòng, nhờ vậy mà tính xưa cũng thay đổi đi nhiều, nhất là sau khi xảy biến động ghê gớm mới đây tại triều đình! Nhờ thế, đại tướng mới thấy cần trọng những lời nghị bàn của viên tướng già từng trải.

Lão tướng Đống Thừa Trọng nói:

– Hoàng đế cử ông lên biên ải trước, lại không dặn là chọn nơi nào để lập trận, thì một là Hoàng đế tin mà để cho ông toàn quyền tính toán công việc, như thế là Hoàng đế hành xử theo đúng binh thư có dặn: tướng ở ngoài xa, tùy theo tình hình mà lập trận, có khi không cần phải tuân theo mệnh lệnh của vua ở phía sau; hai là Hoàng đế chưa quyết hẳn sẽ chiến với giặc như thế nào?! Ở điều thứ nhất, thì tôi thấy tướng quân chỉ nên để một số ít quân khinh kỵ giữ biên ải, đạo quân này cự chiến chủ trương dò xét tình hình giặc là chính, hơn là đánh phá giặc, sau đấy thì lui khỏi ải, nhường thắng cho giặc!

Phạm Cự Lượng vui vẻ nói to lên:

– Quả thật đúng với ý muốn của Hoàng đế! Hoàng đế đã chẳng báo: hãy đánh cầm chừng, rồi chịu thua giặc, lui khỏi ải quan là gì! Sau đấy, tất là phải có nơi nào đấy Hoàng đế mở trận phá giặc! Hay vô cùng, thế mới là thần vũ!

Đống Thừa Trọng như không quan tâm đến những lời ngợi khen của đại tướng tổng binh, lão tướng tiếp:

– Ở điều thứ hai, Hoàng đế không chỉ cho đại tướng nơi mở trận, không phải như thế là tướng quân không phải lo liệu mọi việc, chọn lựa trước nơi thuận lợi để dụng binh sau này! Giả thử, tướng quân đem hết mười vạn quân cố giữ ải, thì việc này đã hẳn là không thể làm được vì nhiều lẽ không cần phải nói thêm, nhưng bỏ ải lui lại phía sau thì đi về đâu, quyết chọn nơi nào, nhiệm vụ của tướng quân chính là ở điều thứ hai này đây!

Quân hội im phăng phắc, lời lẽ nghị biện của lão tướng Đồng Thừa Trọng đúng quá, đại tướng tổng binh Phạm Cự Lượng chợt cảm thấy thật lo lắng, ông trầm ngâm rồi thong thả nói:

– Quả là nghiêm trọng! Chính ta lúc này chưa biết là phải chọn nơi nào thật! Có lẽ nào Hoàng đế sai ta giữ trọng mệnh đến như thế mà ngài lại sơ suất khiến ta có thể sai lầm được, ắt là có lý do gì đây, các ông nghĩ xem sao?!

Các tướng lại lao xao bàn tán gay go, nhiều ông không biết rõ địa thế vùng biên ải nên chỉ đưa ra được những lời bàn chẳng ích lợi gì. Nhìn đến lão tướng Đồng Thừa Trọng, thì chính lão tướng cũng trầm ngâm. Sau cùng, đại tướng tổng binh bảo:

– Biết là điều hay, chưa biết thì tại sao ta lại không cất bước đi tìm, đến tận nơi để mà hiểu biết!

Đến đây thì lão tướng họ Đồng lại lên tiếng:

– Thưa đại tướng tổng binh, thật ra tôi có biết nhưng không thật cặn kẽ vùng biên ải, cho nên còn muốn suy nghĩ tìm xem nơi nào dụng binh được. Đại tướng nói rất phải: tại sao ta lại không đi để xem xét mọi nơi? Ta sẽ đi, nhưng lúc này ta hãy hỏi một người xem sao đã!

Đại tướng tổng binh hỏi:

– Ta hỏi ai? Hỏi về điều gì?

– Thưa đại tướng, ta đi hỏi họ Hoàng ở Yên Bác(*)...

– Họ Hoàng là người thế nào?

– Ở Yên Bác, núi cao rừng rậm, gần biên giới hai nước Bắc Nam, phong tục cũ kỹ, ít văn học, chỗ ở dựa vào núi, ở nhà sàn, nơi này nhiều dân tộc sinh sống, như người Thổ tính tình thì ngoan ngạnh lười biếng, người Nùng thì tần tiện siêng năng, quần áo thích dùng màu xanh, màu đen, áo ngắn quần dài. Có nhiều họ không biết lập nghiệp ở đấy từ đời nào, đến đời nay khi nhà Ngô suy tàn, nổi lên loạn các Sứ quân, thì các

---

(*) Yên Bác nằm trong tỉnh Lạng Sơn.

dân tộc ấy nép một bề, giữ im lặng không dám có hành động gì, duy có họ Hoàng thì ra mặt không phục các Sứ quân, thường bảo:"các sứ quân có người là mệnh quan của triều đình, có người dòng dõi hoàng tộc, có người là hào phú, tất cả tranh nhau chỉ cốt kiếm lợi riêng tư, quên mất cái họa lớn sau lưng ở phương Bắc, cho nên người khôn phải biết giữ thân đợi khi có hùng tài chân mệnh đế vương ra đời, lúc ấy hãy theo về mới là biết nghĩ". Rồi Tiên Hoàng dựng nghiệp, cũng không thấy họ Hoàng xuất hiện, không biết lúc này thế nào?

Đại tướng Phạm Cự Lượng bảo:

– Như thế, họ Hoàng ấy chưa chắc đã là những tay kiệt hiệt ở đời này, làm sao để ta nể trọng được!

Đổng lão tướng khoan thai đáp:

– Thưa đại tướng, con chó nhỏ ăng ẳng sủa trong đêm chẳng thể cắn chết được quân trộm đạo, nhưng nhờ ở tiếng sủa ấy mà chủ nhà biết có động, sao ta lại chẳng xét xem con chó nhỏ sủa việc gì!?

Phạm Cự Lượng hốt nhiên nhận ra ý nghĩa câu nói của lão tướng, liền thẳng thắn đáp:

– Lão tướng nói đúng lắm, tôi hồ đồ nên có chỗ nông cạn chẳng nghĩ ra! Vậy, ta nên "xét tiếng sủa của con chó nhỏ" như thế nào?

– Tôi nghĩ, giả thử họ Hoàng hiểu biết mọi việc, tất có nhiều điều hay cho ta, vậy thì giờ còn rộng tôi xin được lên đường đi tìm họ Hoàng hỏi việc xem sao?

Phạm Cự Lượng rất hài lòng, liền sai sửa soạn mọi thứ cần thiết để lão tướng Đổng Thừa Trọng lên đường đi gặp họ Hoàng, lại bảo:

– Dù rằng chẳng phải ta đi cầu hiền, cũng nên có tặng vật gì đem theo chăng?

Đổng Thừa Trọng đáp:

– Chính ra làm công việc cầu kiến hỏi việc, cũng nên như thế. Nhưng tôi nghĩ: lẽ ra lúc này họ Hoàng phải tự tìm đến cửa quân xin trình việc, cầu được theo ngựa Hoàng đế mới là đúng, nhưng kẻ dân giả ở nơi rừng núi heo hút làm sao hiểu rõ hết được mọi việc, cho nên ta tự tìm đến với họ cũng không có gì là thắc mắc cả!

Thế là lão tướng thần tiên Đổng Thừa Trọng chỉ mang theo ba người quân hầu, theo tế tác dẫn đường đi Yên Bác tìm họ Hoàng.

Nguyên ở mãi tận Cam Túc nước Trung Hoa, có họ Hoàng nhiều đời đều có người làm quan với các triều đại ở Trung Quốc. Đến cuối đời nhà hậu Chu, triều chính suy tàn, kỷ cương đổ nát, thì họ Hoàng liền từ quan tìm xuống mãi tận phương Nam để lập nghiệp.

Thời ấy, có tộc trưởng tên là Quốc Thái, vốn là tay văn học uyên bác, sách đọc vạn quyển, lại có thể xem thiên tượng, qua các chuyển vần của tinh tú quyết chắc được việc thế gian, định được thế phong thủy, thường nói với người trong gia đình:"... phương Nam tuy bé nhỏ, nhưng lại là linh địa, liên tiếp vạn đời đều có nhân kiệt anh hùng ra đời, chẳng bao giờ phương Bắc thôn tính được phương Nam. Ở mãi một nơi, thờ mãi một phương trời, thế nào cũng có lúc sơ xẩy là mang họa vào thân, chi bằng bỏ chỗ cũ nhiều rung rinh biến động, tới nơi đổi đời đón cả trời cao, dựng nghiệp lâu dài cho con cháu có phải là hơn không?...", rồi bỏ hết sự sản, đem cả gia đình tộc họ đông có đến trăm người xuống phương Nam, chọn nơi núi rừng gần biên giới dựng nghiệp.

Đêm mười hai tháng Tám năm Tân Mão (932, tức nhà hậu Đường, Minh Tông, năm Trường Hưng thứ 2), Hoàng Quốc Thái xem thiên văn thì giật mình kêu lên: "Cha chả! Biến động lớn lại mở đầu, quả nhiên phương Nam lại có hùng tài xuất hiện...", rồi hội con cháu tộc họ lại dặn: "Cõi Giao Châu này ta chọn quả nhiên là đúng, từ đây liên miên xảy việc tung hoành vệ quốc, Bắc phương cũng từ đây cho đến nghìn năm sau mờ dần quyền bính ở phương Nam. Xem thiên văn mới đây, ta thấy lần lượt các mệnh quan của phương Bắc xuống Nam trị nhậm đều lần lượt bị đánh đuổi, vậy các ngươi hãy tập luyện đợi chờ, biến động cũng phải trải qua hai triều chính thống, xương máu binh tướng Bắc phương rải ra ở phương Nam nhiều không biết bao nhiêu mà kể, phương Nam náo động cũng không ngừng, nhưng phải đợi khi Sao Thiên Tướng mang cây đại phủ đi khắp thiên hạ, dấc địa rồi vào cung Thiên Hư thì tàn mệnh, tiếp đến là Sao Thái Dương nhập miếu, lại vào cung Thiên Hư may nhờ có Tam Thai đi trước, Phong Cáo trương cao mà định được danh nghĩa, an được vương thế, lúc ấy Sao Bạch Hổ từ phương Bắc dốc xuống phương Nam, toan xâm phạm cung Thiên Hư, nhưng bị xua trở lại Bắc, từ đấy phương Nam khởi đại nghiệp, trường tồn an định, các ngươi hãy đợi thời sắp đến...".

Nhưng dặn dò của Hoàng Quốc Thái mơ hồ với những trăng sao chuyển động huyền bí ở trên trời, con cháu họ Hoàng nghe mà chẳng hiểu, chỉ mường tượng thấy những biến động kinh thiên động địa sắp xảy ra, và cố để ý theo dõi xem những biến động ấy thế nào.

Quả nhiên, năm Quý Mùi (923) Khúc Thừa Mỹ vì nối giáo bị chúa Nam Hán là Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang đánh, Thừa Mỹ đương cự thất bại bị bắt, nha tướng của Hạo là Dương Diên Nghệ nổi quân đánh đuổi Lý Khắc Chính; Tân Mão (931), Diên Nghệ đuổi được Lý Chính, giết Trần Bảo, lấy lại Giao Châu; Đinh Dậu (937) nha tướng của Diên Nghệ là Kiều Công Tiễn làm phản giết chủ là Diên Nghệ rồi lên thay chủ; năm sau

Mậu Tuất (938) nha tướng khác của Diên Nghệ là Ngô Quyền khởi binh hỏi tội giết Kiều Công Tiễn; chúa nhà Nam Hán sai con là thái tử Hoằng Thao sang cứu viện, Ngô Quyền đón đánh ở sông Bạch Đằng, dìm chết thái tử Hoằng Thao; Kỷ Hợi (939) Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa, trải qua được 6 năm ở ngôi thì vương nghiệp suy tàn, dẫn đến loạn Mười Hai Sứ Quân, để cho hùng tài Đinh Bộ Lĩnh xuất hiện lập ra triều đại nhà Đinh, lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt...

Bao nhiêu biến động, con cháu họ Hoàng nhớ lời dặn của tổ phụ vẫn cứ lặng lẽ nán lòng đợi chờ, rồi xảy biến động Đinh Tiên Hoàng bị nạn việc gấp quá khiến họ Hoàng không làm sao biết được, đến khi người qua lại biên giới hai nước đem tin: "nhà Tống động binh xuống Nam..." thì các bậc trưởng thượng họ Hoàng liên miên họp bàn vẫn không làm sao biết được sự việc giữa hai nước, tộc họ lo lắng lắm nhớ đến lời tổ phụ vẫn không làm sao tìm ra được phương kế hành động cho đúng với lời tổ tiên dặn bảo.

Cho đến một hôm, có khách thương là người quen thường qua lại Bắc Nam ghé vào thăm, kể cho họ Hoàng biết việc động binh của nhà Tống là nhân cơ hội Đinh Tiên Hoàng đế gặp nạn, Hoàng đế mới tức vị còn nhiều khó khăn trong triều, nhà Tống đề binh muốn thôn tính nước Đại Cồ Việt, nghe được tin này lập tức các vị tộc trưởng cao niên liền mở hội bàn việc.

Hồi đó, các vị trưởng thượng trong tộc họ Hoàng có tất cả mười bốn vị, đứng đầu là nhân vật tên Đôn Thái. Hoàng Đôn Thái tuy tuổi còn kém vài vị khác nhưng là người có văn học nên danh vọng được kể là cao, lại thêm là người ở chi trưởng cho nên được ngồi chiếu cao nhất.

Vào hội, Hoàng Đôn Thái thấy đủ mọi người, duy chỉ còn thiếu có Hoàng Kỳ Văn là người thuộc chi "Bính", đợi lâu cũng không thấy Kỳ Văn tới. Nhìn ra khắp nơi quanh nhà hội chỉ thấy trai tráng tụ tập đợi nghe các bậc trưởng thượng bàn việc hệ trọng, đợi lâu sốt ruột trưởng lão Đôn Thái liền sai một thanh niên chạy đi tìm xem Kỳ Văn ở đâu nếu gặp thì mời tới hội ngay. Người được giao việc vừa vâng lệnh quay gót, đã thấy đám đông xôn xao, trai tráng rẽ ra nhường lối cho một người bước tới, đây chính là người mọi người chờ đợi: Hoàng Kỳ Văn!

Kỳ Văn tuổi trạc trung niên, vóc người cao mà gầy như cây sào, người miền núi thế mà nước da lại trắng bệch đến hơi xanh, cặp mắt long lanh như sao sáng, đặc biệt là môi Kỳ Văn mỏng lúc nào cũng đỏ như thoa son, Văn nổi tiếng là người uyên bác, học được các học thuật cao siêu của phương Bắc, nhưng Kỳ Văn lại bảo:"... người ở Trung Quốc có biển học mênh mông, không còn thứ gì lại chẳng biết, thế mà nhiều môn vẫn còn

thua kém người ở phương Nam xa lắm...", vì vậy Văn tuy ở miền núi phía Bắc xa xôi nhưng ngay từ lúc thiếu thời đã bôn ba rất nhiều nơi ở phương Nam, xuống đến tận xứ Thủy Chân Lạp, người dời ở nơi làng bản vẫn gọi Kỳ Văn là "Kỳ Nhân", nhưng Văn lại bảo: "ấy cũng chỉ vì học được huyền thuật xem sao trên trời chuyển vận, biết được huyền nhiệm của thiên cơ, cho nên chắc tuổi không thể thọ được!". Nghe Kỳ Văn nói như thế, có người hỏi lại:"thế ông có biết khi nào thì mình về với Thần Núi Thần Sông không?". Kỳ Văn thản nhiên đáp: "Mệnh mình không biết, sao lại bảo là biết mệnh Trời được, vì thế khi nào Sao Thái Bạch tắt thì cũng là lúc Kim Tinh đổi ngôi", người dời nghe Văn nói như thế thì không hiểu là thế nào, nhưng mường tượng ra: khi nào có nhân vật tên tuổi lẫy lừng liễu mệnh, thì lúc ấy cũng là lúc Kỳ Văn hết số! Ai là người tên tuổi lẫy lừng, người ấy khi nào thì chết, tại sao lại chết để lôi theo Kỳ Văn chết theo, và Kỳ Văn chết ra sao, tất cả đều là mơ hồ huyền hoặc, phải đợi đến mai sau mới biết được!

Còn bây giờ, Hoàng Kỳ Văn bước đi thong thả mà lộ rõ phong độ của một bậc kiến thức uyên bác, phảng phất đôi chút khinh thị thế gian, cho dù chẳng thấy Kỳ Văn có cử chỉ gì là khinh thị ai cả, nhưng ai cũng vẫn cứ cảm thấy như vậy! Kỳ Văn không cởi giày đi rừng, chỉ dậm dậm chân trên tảng đá xanh nhẵn bóng chắc là để làm cho đất có bám ở đế giày cũng phải rơi ra. Văn thong thả lên thang nhà hội.

Nhà hội rộng thênh thang, dài thăm thẳm, một đầu nhà hội trấn ở phía đông trên vách treo kín đủ loại binh khí gươm đao giáo mác, lá chắn bằng mây, nỏ cứng dây đồng; đầu phía tây treo cỗ trống, một chiếc cồng như vành mâm lớn. Giữa lòng nhà hội là nơi các chức sắc bản làng hội họp, không thấy có thứ gì bầy biện, chỉ thấy mấy vò rượu lớn xếp chung quanh một bếp lửa.

Buổi ấy là chớm vào đông, miền núi buổi sớm sương dùn mờ mịt, giữa buổi sáng sương mỏng phảng phất nhìn cảnh vật như trong tranh vẽ.

Hoàng Kỳ Văn bước chân vào nhà hội chào hỏi họ tộc dự hội, rồi thản nhiên ngồi vào chỗ của mình ở cuối hàng, bao giờ Kỳ Văn cũng ngồi ở nơi khiêm tốn ấy nhưng mọi người lại nói rằng: Kỳ Văn làm như thế chẳng qua càng tỏ ra mình hợm hĩnh khinh thiên hạ mà thôi!

Hoàng Kỳ Văn ngồi yên chỗ rồi, lúc ấy Hoàng Dôn Thái lên tiếng ngay:

– Thưa các cụ, trọng sự ta nghe từ lâu, tàn thu mới được tin lớn: Đinh Tiên Hoàng đế thọ nạn liễu mệnh, quan Thập Đạo thay ngôi có nhiều điều bí ẩn, việc trong nước còn đang rối bời thì lại là việc phương Bắc nhân cơ hội đem binh xuống Nam, tình thế thật gay go. Nhớ lời tổ tiên xưa

dặn lại còn ghi trên cồng lớn, đây là lúc để họ Hoàng ta tính việc lớn chăng? Các cụ bàn xem thế nào?!

Cả hội xôn xao, tin phương Bắc động binh thì có nghe, nay mới biết lại có sự biến ở triều đình Hoa Lư! Hoàng Đôn Thái thuật lại mọi việc được nghe biết, rồi bảo:

– Như thế, thì mệnh trời thay đổi, chẳng phải là tự nhiên mà có, chẳng qua là Trời mượn tay kẻ tăm tối để hiển ý! Đến như việc nhà Tống xuất binh, tất cũng lại là ý trời vì Tống đế chính là bậc "thiên tử" con Trời cao cả theo mệnh trời mà hành động, họ Hoàng ta phải nên xử sự thế nào cho đúng với lời dặn trước của tổ tiên?

Các bậc trưởng thượng trong nhà hội náo nhiệt bàn cãi, bên ngoài nhà hội chúng dân bản làng như quên mất tiết trời đầu mùa lạnh cũng hăng hái bàn cãi, thế là trong ngoài ầm ầm như đang buổi chợ đông! Việc lớn ở tận Hoa Lư thế mà ở nơi núi rừng xa xôi heo hút lại có cảnh thôn bản hội họp, quả là một điều lạ!

Hội trưởng bản bàn chẳng thể quyết định được gì, bực trưởng thượng Hoàng Đôn Thái lên tiếng:

– Hai ngày làng bản ta bàn cãi, uống hết hơn bảy mươi vò rượu, ăn hết hai con lợn (heo), bốn mươi con gà, vẫn không rõ ý trời thế nào. Vậy, ta hỏi Kỳ Văn xem ý thế nào?

Từ khi vào hội, Kỳ Văn chỉ một mực im lặng, lâu lâu lại vít cần rượu, tuyệt nhiên hai ngày hội bàn Kỳ Văn chẳng ăn một miếng thịt nào, những lúc cơm dọn ra thì Kỳ Văn chỉ ăn một ít cơm nếp rồi lại lắng lặng nhẫn nại ngồi nghe. Khi thấy Hoàng Đôn Thái hỏi, cả hội đều quay đầu nhìn về mình, lúc ấy Kỳ Văn mới thủng thẳng lên tiếng, giọng Văn qua cần cổ dài nghe trầm lắm:

– Thưa bản làng, quả thật Nam Bắc có biến lớn, điềm Trời đã rõ, Nam Bắc cũng không thể làm trái ý Trời được, bản làng ta lại càng không thể làm trái ý Trời! Cho nên, suốt cả ba tuần trăng Thu, chẳng đêm nào lại không có điềm trời nói rõ, người cầm vận mệnh đất nước không thể không biết những việc ấy, thế mà bản làng ta bàn việc lại chẳng thấy nói gì đến Trời là thế nào?

Người sống ở núi rừng văn hóa sơ sài, cho nên chịu sự chế phục của trời đất thánh thần nhiều lắm, một hòn đá cũng có thể là thần, một cái cây đổ cũng có thể là điềm trời điềm đất, xem Trời là đấng tối thượng mỗi việc nhất nhất không thể không nghe theo ý Trời, mà ý Trời hiển hiện trước tiên ở các vận chuyển của ngàn sao trên cao, sau đấy mới ứng vào các sự việc quái lạ xảy ra ở dưới đất. Bây giờ, bàn việc trọng đại quốc gia,

tức là nhòm ngó vào ý Trời, thế mà lại không nói gì đến Trời thì quả thật là trái lẽ! Vì thế, bản làng nghe Hoàng Kỳ Văn nói thì giật mình, ai cũng thấy nôn nao lo sợ ở trong lòng, trưởng tộc giọng run run nói:

– Quả thật có thế! Quả thật có thế! Bản làng ta bàn việc lớn thế mà lại quên mất ý Trời, không hỏi Thần Thánh, thật là có tội! Thật là có tội!

Hội lại toan làm lễ tạ tội với Trời Đất Thánh Thần, thì Kỳ Văn bảo:

– Ý Trời không phải ai cũng có thể biết được, vì thế không biết không phải là có tội; biết mà trái với ý Trời tất là tội nặng, vì vậy bản làng ta không cần phải có lễ tạ tội, Trời Thần vốn không ưa việc cúng dâng để mua chuộc lấy lòng. Ta chỉ cần làm sao để biết được ý Trời, rồi làm đúng ý Trời mới là điều chính!

Những lời nói của Hoàng Kỳ Văn quả là chí lý, bản làng xưa nay vẫn tôn phục Văn là người có kiến thức hơn đời, tính tình lại ngay thẳng không ưa những việc nói hùa, cho nên mỗi lần Văn nói ra điều gì thì dù có là điều không hay cho mình Văn cũng không che giấu.

Tộc trưởng Đôn Thái lúc ấy thong thả nói:

– Quả thật ý Trời mới là hệ trọng, người thường chẳng thể biết được ý Trời, nhìn trăng sao trên trời có khác gì như nhìn những hạt cát trong lòng suối, chỉ thấy nước chảy lôi theo cát, cuốn theo sỏi, chứ có thấy gì đâu! Vậy, lão đệ Kỳ Văn đã thấy gì ở thiên văn thiên tượng?

Kỳ Văn vẫn phong độ không đổi, giọng nói chẳng khác, bảo:

– Mới đây, ngày mười hai tháng Tám, trời lặng mây quang, sao Dực sao Chẩn suốt đêm đi được hai vòng trong khu vực, làm cho sao Thuần Vĩ ba lần rực sáng trong phận dã tinh kỳ, điềm trời cứ thế mà diễn ra liền liền đêm nào cũng thế cho đến hết đêm mười sáu mới không thấy nữa. Thiên văn hiển hiện chẳng phải là tự nhiên mà thế, chẳng phải là bao giờ cũng thế, cho nên ba sao Dực, Chẩn, Thuần Vĩ liên kết với nhau chẳng khác nào như tiễn Đẩu Ngưu đi vào bóng tối, điềm trời đã rõ còn có gì phải nghi ngờ nữa!

Những lời lẽ của Kỳ Văn nghe ra thật cao siêu huyền bí, chẳng ai hiểu là gì, thành thử vì thế cả hội cứ im phăng phắc, mọi người ngẩn mặt mà nghe Văn nói, tay không ngừng vít cần trúc rượu. Dù thế, tộc trưởng Hoàng Đôn Thái chắc cũng không khác các vị kia, rất tò mò muốn biết điềm trời thiên văn, cho nên mới hỏi Kỳ Văn:

– Chú Kỳ Văn nói thật đúng! Quả thật người trần chúng ta chẳng thể biết được, vậy các sao ấy như thế là thế nào, sao ba sao lại tiễn Đẩu Ngưu là thế nào?

Kỳ Văn trang nghiêm đáp:

– Mỗi con người ta ra đời, là một ngôi sao từ trời cao xuống thế. Sao trời nhiều không kể xiết, sao tắt thì cũng lại có sao mới sinh ra, vì thế mặt đất mới đông đúc người ta, người chết đi thì lại có người khác sinh ra, cứ thế chẳng bao giờ hết. Sao mỗi ngôi một khác, người cũng vậy mỗi người một mệnh. Dân giả tinh thì nhiều lắm, đặc cả trên trời chẳng khác gì như trăm họ nơi trần gian nhiều lắm mà tầm thường, không có điềm triệu gì đáng quan tâm; Đế Vương mệnh thì khi hiện cũng như khi tàn đều có điềm trời thiên văn báo trước. Như việc các sao tôi mới nói đây, toàn là những trọng tinh ứng mệnh vào một nước, liên quan đến cả một dân tộc, cho nên việc dưới thế nơi Hoa Lư biến động, người thường không hiểu biết thì run rẩy sợ hãi, người trí thì từ đấy mà biết được mệnh trời về đâu, do đấy mà ta thấy được minh chủ ngay khi minh chủ còn hàn vi, sống đời tầm thường, hay đang hiển hiện với những hành tung khác đời!

Hoàng Kỳ Văn luận về chuyển động của sao trên trời, bảo là ứng với vận ở dưới đất, cả hội lắng nghe tưởng như đang nghe truyện kể về thần thánh tiên Phật, tất cả thành kính lắng nghe, chỉ có cánh tay là hoạt động vít cần vò rượu!

Kỳ Văn tiếp:

– Thiên tượng hiện ra nhiều vô cùng, sử sách xưa ghi chép hàng nghìn hàng vạn việc. Ở cõi trời Nam, như Tiên Hoàng, lúc mẹ sinh ra thì có thần hiện hộ tống, mây vàng chói lọi nhưng chỉ thoáng qua là tan mất, đấy là điềm tuổi trời chẳng được dài; lúc tuổi nhỏ hàn vi có rồng vàng hiện để ngài cưỡi sang sông, chẳng phải là điềm mệnh trời đã rõ là gì! Đến như quan Thập Đạo tướng quân họ Lê, lúc sinh ra người ta có kể là "lúc ấy đang mùa đông giá rét, trời đất âm u buồn thảm, thế mà mây lành tự nhiên tụ hội phủ lấy ngôi nhà, khí ấm xông lên, hào quang rực rỡ", đến khi lớn lên cha mẹ mất sớm, buổi thiếu thời lận dận thế mà mệnh trời vẫn rõ: "gặp tiết trời đông rét mướt, ngài nằm phục như hình cối úp: đang đêm hào quang sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên", vị quan sát họ Lê là người uyên bác nuôi dưỡng dạy bảo ngài trong nhà tự thân chứng kiến việc thiêng trời đất này. Rồi sau này, theo Tiên Hoàng tung hoành trong thiên hạ, tướng quân họ Lê văn võ toàn tài, lại được mỹ nhân họ Dương là vợ yêu của chủ tướng để ý, mỗi khi hai người gặp nhau trên sông nước, bề ngoài là việc sai trái, thế mà lần nào cũng đều có mây trời sa xuống phủ kín, vì thế dòng sông ấy người đời mới gọi là sông Vân Sàng (cái giường mây), thế chẳng phải là Trời cũng bao dung che chở cho hay sao. Việc cũ đã rành rành, đến như việc hôm nay lại càng sáng tỏ, sao lại không tin vào thiên tượng sao trời chuyển động?

Bây giờ thì cả hội, tất cả những người dội lạnh tụ tập bên ngoài nhà, thảy đều cảm thấy có sự sôi nổi ở trong lòng chen lẫn tấm lòng sẵn sàng qui phục đợi "mệnh trời "sai khiến.

Kỳ Văn càng nói, càng kể thêm những việc trời đất huyền bí, khiến cho cả hội càng như mê man, giả thử lúc ấy Kỳ Văn có hô hào thôn bản cầm gươm cầm giáo ra đi làm loạn chắc chắng có ai lại ngần ngừ từ chối!

Kỳ Văn vít cần trúc hút một hơi rượu thật dài, trầm ngâm thật lâu, rồi mới lại tiếp:

– Như lúc nãy tôi có nói việc ba sao chuyển vận, ba sao Dực, Chẩn, Thuần Vĩ ấy đều là định phận của bờ cõi dế kinh Hoa Lư. Dực Chẩn mỗi đêm đi hai vòng, ấy là thiên tượng chỉ rõ: sự nghiệp của Tiên Hoàng đế truyền được hai đời thì tàn; Thuần Vĩ mỗi đêm rực sáng ba lần thì đấy là điềm vua mới truyền ngôi cũng chỉ được ba đời thì hết!

Thật là lạ lùng! Hoàng Kỳ Văn giỏi thiên văn đến thế nào thì chưa ai biết, thế mà lúc này lại nói vanh vách việc trời đất như thế kể những chuyện đã qua!

Việc đã qua, thì triều nhà Đinh đã rõ, còn như dương triều kế nghiệp làm sao có thể nói trước được một cách quả quyết đến như thế!

Hội thôn bản chẳng thế không có chỗ nghi ngờ, vì thế trưởng tộc Đôn Thái mới nói:

– Chú Văn thông kim bác cổ, lại nhìn thấu việc trên trời, là điều người tài trong thiên hạ cũng có một vài người biết, dù thế thì cũng chỉ biết được đại khái những việc lớn xoay chuyển, chứ làm sao lại có thể nói chắc như lời chú nói được! Chú tính xem, có chỗ nào lầm lẫn không, lầm lẫn mà cả tộc ta hùa theo ấy là tự đem nhau vào chỗ chết đấy!(*)

Hoàng Kỳ Văn không tỏ thái độ gì gọi là không bằng lòng với câu hỏi của Đôn Thái tỏ ra còn có chỗ nghi ngờ về tài học của mình, ông thản nhiên đáp:

– Đúng thế! Người hiểu biết trong thiên hạ chẳng nhiều, tôi tuy chưa so được với học trò các danh gia lẫy lừng tên tuổi trong sử sách, nhưng cũng có thể nhìn được thiên văn biết được mệnh trời, ý trời! Trưởng lão

---

(*) Kỳ Văn đã nói đúng, họ Đinh với Tiên Hoàng khi thọ nạn, thì triều thần tôn Đinh Tuệ (Toàn) lên thay, nhà Tống để bình toàn thôn tính Đại Cồ Việt, triều thần tôn Lê Hoàn lên ngôi, Hoàn giáng Đinh Tuệ xuống làm Vệ Vương, Sử vẫn gọi Vệ Vương là Phế Đế. Như thế, quả thật họ Đinh ở ngôi chỉ được hai đời. Đến họ Lê, thì sau này Lê Đại Hành Hoàng đế truyền ngôi cho con thứ ba là Long Việt lên ngôi, Sử gọi là Trung Tông. Trung Tông ở ngôi chỉ được có 3 ngày thì bị em là Long Đĩnh giết chết đoạt ngôi, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy, Long Đĩnh ở ngôi được 2 năm thì mất, như thế họ Lê truyền ngôi được 3 đời, và từ đây ngôi trời đổi sang họ khác; nhưng đấy là việc của mai sau.

hỏi, đằng nào tôi cũng là tiết lộ thiên cơ rồi, vả lại tôi biết rõ số mình cho nên chẳng như Hán quân sư Vũ Hầu ngày xưa cố cưỡng mệnh trời làm lễ "nhương sao" mà sao vẫn tắt! Vậy, tôi xin nói rõ mọi việc để họ tộc ta biết đường tìm lối sáng, tránh nẻo tối, khỏi mang họa cho dòng tộc!

Hoàng Kỳ Văn quả quyết như thế, làm cho cả hội thôn bản chẳng ai còn dám nghi ngờ ở tài của Kỳ Văn, tất cả im thin thít. Hoàng Kỳ Văn tiếp, giọng nghiêm nghị:

– Việc là: họ Lê nối nghiệp họ Đinh, sự việc đã rõ ràng, tuy vậy đại sự thay chủ thì đời nào cũng có những rung động không thể tránh được. Người đời không biết, cho nên có thuận có nghịch, thuận ý trời là thuận lẽ sống, thuận ý người là tồn tại lâu dài; trong lẽ sống không thể không có lẽ chết, trong tồn tại không thể không có tàn vong, bí mật của Trời thường thì người thường không biết được, cho nên mới có nghịch khiến sinh tai họa; khi đã có thể cùng bước đi theo trăm ngàn sao trên trời, thì thấy được ngay sự hưng vong của mỗi việc. Có nói rộng ra, các vị cũng không thể hiểu nổi, vậy tôi chỉ nói quả quyết: tướng quân Lê Hoàn nối nghiệp họ Đinh ở dưới thế, là ứng với chuyển vần của tinh tú trên trời cao đi vào thế "Tinh tinh Nguyệt lượng Thái dương đồng quy, tảo vãn", vắn tắt là "cùng về, sớm hết", ba đêm chủ tinh Thuần Vĩ rực sáng chỉ rõ ba đời, sớm tàn ấy bởi "hung tinh xuất hiện" làm cho cơ nghiệp bị mất! Mệnh trời hiển hiện, họ tộc ta vâng lời tổ phụ bỏ đất Bắc lập nghiệp ở phương Nam, đây là cơ hội để lập công.

Cơ hội để lập công lớn như thế nào, hội tộc không biết, tất cả lại im lặng đợi nghe Kỳ Văn giảng tiếp những bí mật ở ngày mai. Đến lúc này thì Kỳ Văn có phần trầm ngâm, không biết ông còn có điều gì băn khoăn rồi ông nói:

– Lúc này, đại tướng của triều đình thế nào cũng phải ra vùng biên ải trấn quân lập trận, quân thế xem ra tất nhiên là phải mạnh, cứ xét vị đại tướng ấy nếu hành động như vậy thì thấy ngay là ông ấy muốn lấy sức mạnh để phá giặc ngoài, như thế là lấy "cương cự cương", hai sức mạnh một chủ trương thôn tính bạo tàn, một vệ quốc quyết tử chiến, hai quân ấy đối chọi với nhau thế nào cũng đổ nhiều máu!

Kỳ Văn ngừng nói, cả nhà hội im phăng phắc, dường như ai cũng cảm thấy khiếp sợ chiến tranh lớn với máu xương sắp ngập khắp nơi. Kỳ Văn tiếp:

– Trận địa thì sẽ như thế, nhưng có điều lạ là thiên văn thì lại chỉ thấy hung khí hiện mà không tụ, tản mác mà không thấy có "hắc khí" lấn lướt các chủ tinh, xem như vậy tôi quả quyết: chiến trận không đến nỗi "rừng ngập xương máu, xương chất ngang non", như thế thì chiến trận thế nào, tôi không phải là binh gia, vả lại cũng không phải là người được biết việc

làm của vua, cho nên xem thiên văn thì biết vậy, đối chiếu với việc quân mình chẳng thể biết nhiều được, tôi thấy chiến trận mai sau sẽ không khủng khiếp như mọi người tưởng!

Thế là thế nào ? Cứ xem như Bắc triều sửa soạn ra quân, thì phải thấy rõ ràng là chiến trận sẽ không có chỗ nương tay cho nước Nam, sao lại bảo là không có cảnh xương chất cao thành núi, máu tuôn chảy thành sông được?! Vả chăng, đại tướng Hoa Lư đã đưa quân lên biên ải, binh hùng mười vạn, ngựa chiến nhiều vô kể, rồi còn binh của Hoàng đế chưa xuất doanh, thế mạnh át cả hùng khí Dẩu Ngưu, sao lại bảo là chiến trận không khủng khiếp?!

Ở đây, ai là người lại không tin những lời nói của Kỳ Văn? Vì thế cả hội làng im phăng phắc, sự việc xem ra có vẻ nghiêm trọng, đến như Kỳ Văn mà còn phải hoang mang không hiểu, thì làm sao người nào ở đây lại có thể hiểu được! Trưởng tộc lên tiếng:

– Hay là vua Tống thôi không mở chiến tranh nữa? Hay là có thể nào Hoàng đế Hoa Lư thu xếp xin quy phục chăng? Chú Văn hãy xem kỹ xem sao!

Hoàng Kỳ Văn đáp ngay giữa lúc cả hội xôn xao với lời nói của trưởng tộc:

– Không phải thế! Nhất định có chiến tranh, xương máu tràn ngập nhưng không phải là chiến trận lâu dài khốc liệt ở khắp nơi! Tống triều không ngưng chiến, Hoàng đế Hoa Lư không quy phục, chỉ có điều: trận chiến dữ mà không lâu, quyết liệt nhưng quyết định! Có phải đây là điều sử sách nghìn xưa vẫn nói:"không đánh mà giặc tan, đánh một trận nghìn năm giặc không dám thở mạnh" là đây không? Nếu đúng thế, thì Hoàng đế Hoa Lư phải là đấng nhân thần hiếm có người theo được!

– Như thế, lão đệ bảo ta nên phải làm thế nào? Ta đứng ngoài chăng?

– Ta không đứng ngoài, đã biết như thế thì phải ứng mệnh trời tìm cách khuông phò đấng nhân thần mới phải, không nên để mất cơ hội đền ơn non nước, mà cũng là dịp để họ tộc ta cầu được chút công! Dân ta ở nơi xa xôi, chẳng thể nào bằng được với người ở chốn kinh sư, cho dù cả làng ta kéo nhau xin tòng quân theo vua đi đuổi giặc, chưa chắc đã có người may mắn được thấy long nhan, chi bằng ta nên vâng ý trời, đợi gió thổi đưa lối cho thuyền đi là hơn cả!

Cả hội không hiểu câu nói của Hoàng Kỳ Văn, chỉ mường tượng ra lời khuyên của Văn: hãy nán đợi thời. Thời mong đợi là thời nào, ngày trước đợi chờ đã bỏ cơ hội theo về với Đinh Tiên Hoàng, lần này lại đợi nữa chăng?! Cả hội thì thầm bàn tán, nhiều người nóng lòng có ý không phục

lời nói của Kỳ Văn. Trưởng tộc Hoàng Đôn Thái trầm ngâm, hút liền một hơi mấy ngụm rượu lớn, rồi thong thả bảo:

– Thôi thì bản làng ta lại đợi! Nhưng theo như kiến thức của lão đệ, thì ta đợi việc gì, việc ấy bao giờ mới đến?

Hoàng Kỳ Văn không vội, vẫn ung dung đáp:

– Mới đêm tối hôm qua, tàn Sửu sang Dần, trời quang đãng sáng sủa, tôi thấy Thất Tinh có ngôi Giốc lìa cung đi chạm vào Cang rồi trở lại ngôi cũ ngay, như thế là điềm bản làng ta sắp có khách lớn đến thăm! Lúc này trời đất sắp bão loạn, nơi xa xôi heo hút này có đại khách tìm đến thì chẳng phải là người ta chờ thì còn là ai nữa!

Việc xem thiên văn vô cùng huyền bí, hiếm người ở thế gian hiểu được, nhưng nghe Kỳ Văn nói như thế thì cả hội bỗng nhiên náo động, rõ ràng là ai cũng lấy làm mừng lắm. Trong nhà hội đã xôn xao là thế, đến như trai tráng dân làng tụ tập bên ngoài càng thấy xôn xao hơn nữa! Có tiếng cồng hiệu gióng lên, trưởng tộc Hoàng Đôn Thái bật đứng dậy, ông run giọng:

– Đại khách đến rồi chăng? Hoàng đế hay đại tướng đến bản ta!

Quả nhiên từ bên ngoài, trai làng đến trước nhà hội hô lớn:

– Trình, có khách từ Hoa Lư tới!

Nhiều ông già tộc họ lớn tuổi dự hội bỗng thấy rùng mình kinh hãi, có lẽ nào Kỳ Văn lại đạt đến mức độ thần tiên hay ma quỷ ghê gớm đến thế này chăng!? Quỷ Cốc Tử ngày xưa bên Trung Quốc cũng chỉ được đến như Hoàng Kỳ Văn là cùng! Trưởng lão hai chân run run bước ra đón khách, tất cả mọi người trong tộc Hoàng đứng cả lên theo chân trưởng lão khiến cho sàn nứa run lên bần bật, kêu cót két.

Khách mới tới, chính là lão tướng thần tiên Đồng Thừa Trọng cùng với ba người hầu. Trưởng lão tộc Hoàng thoạt nhìn mấy người nói là từ Hoa Lư tới, ông nhận ra ngay người nào là chủ, liền bước tới cung kính vòng tay vái dài, thưa:

– Bản dân chúng tôi thay mặt núi rừng đón lạy đại tướng tổng binh! Chúng tôi không được biết trước để làm lễ nghinh đón, xin đại tướng xá tội!

Trưởng lão nhìn phong độ của Đồng Thừa Trọng phiêu phiêu như thần tiên, lại nhớ ngay những lời Kỳ Văn nói, thì cho rằng lão thần tiên này dích thị là đại tướng tổng binh của Hoàng đế! Nhưng, con mắt cực tinh quen nhìn trăng sao, hiểu thấu huyền nhiệm của Kỳ Văn thì lại thấy khác!

Đồng Thừa Trọng nghe Hoàng trưởng tộc nói thì thản nhiên đáp:

– Tôi không phải là đại tướng tổng binh, nhưng là người nhiệm mệnh

đại tướng đến thăm họ Hoàng ở Yên Bác, chẳng hay tôi phải đi đâu để gặp Hoàng trưởng tộc đây?

Chủ khách vừa chia ngôi thứ ngồi chưa yên chỗ, đã có người lên tiếng:

– Hèn gì! Hèn gì! Tiếc thay tiếng nhạc ngày xưa(*) vượng dương thiếu âm, khiến cho "nhạc trận" phải tan tành! Tiếc thay!

Lão tướng thần tiên Đổng Thừa Trọng vừa ngồi xuống bật đứng ngay lên, ông nhìn vào chỗ vừa có người nói, cặp mắt ông như phát tinh quang xuyên qua lớp mi dài trắng như mây trời, lão tướng thong thả nói:

– Nhạc tiên nào vừa nói điều gì âm dương khiến "nhạc trận" ngày xưa phải tan tành thế?

Không thấy người nói đứng lên, nhưng người ấy lại bảo:

– Chẳng phải nhạc tiên nhạc sư gì cũng thấy được rõ, sao thần tiên lại không tự hiểu mình như thế?

Đổng Thừa Trọng cười nhạt, giọng lạnh như băng bảo:

– Ta hiểu nhạc của trời đất, sành nhạc của thiên hạ, xem nhạc của dân tộc mình thô thiển thấp kém chẳng khác gì như tiếng "nghé đói gọi mẹ, gà con kêu lạnh" cho nên không thấu được hồn nhạc của dân tộc, may được kẻ sĩ kỳ tài mở mắt rửa óc cho, cho nên "nhạc trận u mê" ngày ấy mới có cơ hội tiêu tan, sao lại bảo là tiếc, là thế nào?

–Tiếc là vì "không giữ được tiếng nghé gọi mẹ vẫn là tiếng nghé gọi mẹ", cho nên trước thì xem khinh, sau lại coi quá trọng, chẳng khác nào lúc thì "dương đại vượng", khi thì "âm lại quá thịnh", liên miên lảo đảo, làm sao vững được bản thể của mình, tàn vong là phải!

Đổng Thừa Trọng ngẩn người, bao nhiêu am hiểu của ông về nhạc tự cho là đã vào đến bậc "cả thế gian chẳng có ai sánh được" đến nỗi đem cả nhạc lập thành trận thế giao tranh, ngồi trên núi cao thách thức cả thiên hạ, thế mà nay lại có kẻ ở nơi xó rừng heo hút lên tiếng hạch sách chê bai, lão tướng giọng vẫn lạnh như băng bảo:

– Ta tỉnh ngộ, hạnh nhập được với hồn nhạc của dân tộc, của giang sơn, từ ngày ấy mới hiểu được âm thanh huyền diệu của "chính ta", bây giờ lại có kẻ "tôn sùng trâu ngoại, khinh bỉ nghé đồng ruộng ta", liệu có phải là điều ta phải mất công đến tận nơi này hay không?

– Không mất công! Xưa họ Chu Tương trị thiên hạ, nhiều gió mà khí dương tích tụ, vạn vật rời rạc điêu linh, trái cây không thể chín, bởi thế

(*) Xin xem trong Mười Hai Sứ Quân *của Vũ Ngọc Đĩnh để rõ về "nhạc trận" này.*

mà Sĩ Đạt làm ra cây đàn sắt năm dây để đón khí âm về, âm dương từ đó hòa thuận, chúng sinh mới được an định(*). Mới đây, nhạc trận của tiên sinh lập trên đỉnh non cao, tích tụ thuần dương, sau nhờ có người đem thuần âm ở vạn vạn cây rừng nơi đất nước chỗ trũng ẩm, hóa giải cái tính thuần dương hung hăng của nhạc trận ở trên cao khô, do đấy mới có cảnh "ung dung đi trong trận êm đềm chẳng hề bị sai phạm họa hại" Ngày nay cũng thế, hung dương từ phương Bắc sắp tràn xuống, lăm le đốt cháy cả phương Nam, có khác gì với nhạc trận thuần dương ngày xưa, thế thì liệu làm cái việc "động dương phá dương" có an định được lẽ âm dương của thế trận trời đất hay không?

Đổng Thừa Trọng rùng mình, kỳ nhân ngày trước luận về nhạc có nói đến ý này, sau bặt tích, kỳ nhân ấy hiện giờ đang ở đây chăng?

Đổng Thừa Trọng giữ giọng thản nhiên bảo:

– Đúng, cương dương đối dịch tất có cảnh "triệt phá", âm dương hòa hợp mới điều hòa được hết!

– Đã thế, tại sao Hoàng đế lại "động dương cương phá cương dương", mà người tỉnh ngộ lại chẳng có lời can gián?

Đổng Thừa Trọng hiểu ngay câu nói của người này, đấy là ông ta muốn nói về việc đại tướng Tổng thống đại binh Phạm Cự Lượng sắp mang quân ra biên giới dợi đón giặc.

Đổng Thừa Trọng liền nói:

– Dương dương tất triệt, âm âm tất bại, binh ngoài hung hăn tràn xuống, có khác gì dòng lũ cuốn đi, không có bờ vững chắn cản, làm sao hóa giải được tàn phá! Việc binh là dàn trận nghênh địch, lập thế phá địch, *trận* hay *thế* đều phải dụng đến lực binh, vì thế sao lại không chú trọng đến sức mạnh binh tướng được?

Kỳ Văn cười khẩy, đáp:

– Sức ngoại địch đi cướp nước vững mạnh có khác gì như tòa núi lớn, lấy sức dân Đại Cồ Việt chọi lại nào có khác gì như xua con chó nhỏ ra đuổi con báo đói, như thế là chẳng biết lẽ tiến lui âm dương cường nhược, không biết phép trị nước hộ dân, không hiểu binh thư chiến trận, sao còn nói đến việc dàn trận với lập thế được nữa!

Đổng Thừa Trọng cảm thấy thú vị, ông hỏi:

– Như thế, chiến trận dù lớn hay nhỏ cũng không tránh được tai hại, "con chó nhỏ không cắn chết được con báo đói", chi bằng quy thuộc mới là thượng sách chăng?

(*) Tác giả mượn ý trong thiên "Cổ Nhạc" sách Lã Thị Xuân Thu *của Lã Bất Vi đời Tần.*

Đến đây thì Hoàng Kỳ Văn như thể quên thân phận, nghe Đồng Thừa Trọng nói thì liền cao giọng:

– Cổ kim sử sách cũng nói nhiều đến việc quy thuộc để an thân nhất thời, còn việc của ta hôm nay sao lại không hiểu rõ ý định của Bắc phương, làm sao có thể chọn con đường quy thuộc cho yên thân được! Con chó nhỏ phục dưới chân con báo đói, ngọc nguẩy đuôi tỏ ý thần phục, liệu có giữ được mạng với hàm răng con báo đang đói không!

Đồng Thừa Trọng cười thành tiếng, đây là điều hiếm thấy, ông vuốt râu trang trọng hỏi:

– Hiền nhân ở nơi núi rừng hấp thụ được linh khí thiên nhiên, tinh thần sáng suốt nhìn thấu mọi việc, không khuyên quy thuộc, bài bác đại chiến, thế thì khuyên binh tướng Đại Cồ Việt ta hành động thế nào đây?

– Quy thuộc chỉ làm cho binh tướng ngoại địch khỏi phải vất vả chết chóc, chứ không làm cho dân nước Đại Cồ Việt an định lâu dài, nghìn năm ngoại thuộc đầy oan khổ mới thoát được chẳng mấy xa, nước vừa an định hùng khí còn đang ngất trời, sao bậc nhân thần lại hèn mạt chịu bó tay đưa nước đưa dân mình vào vòng tôi tớ ngoại thuộc được!

Đến đây, Đồng Thừa Trọng thấy không nên nói rộng ra nữa, ông nghiêm nghị đáp:

– Phải, đấng nhân thần đã hiểu mọi lẽ, nên biết rõ mọi đường tiến lui, quân ra biên ải là việc phải làm, việc của Hoàng đế không phải là việc của trăm họ bàn vào, nhưng trăm họ cũng có bóng tối ánh sáng, cho nên đại quân lên biên ải mà đại tướng vẫn cầu được nghe ý của trăm dân, nên lập trận ở nơi nào nơi biên ải?

Hoàng Kỳ Văn hiểu ngay ý của lão tướng, thái độ liền đổi khác, cung kính đáp:

– Sơn dân chúng tôi nhìn về đế kinh chẳng khác nào như người kẻ chợ ngửa mặt nhìn lên Thiên đình, chỉ thấy mây trắng mênh mông, cho nên người kẻ chợ biết lối đi về sông bến mà không biết núi rừng ra sao; người sơn dân chúng tôi rõ từng khe núi, hiểu từng dòng suối nhỏ, nhiều đời chiêm nghiệm các Hoàng đế xuất quân cự địch, cho nên thấy rõ nhiều điều người kẻ chợ không thấy được!

Đến đây thì lão tướng thần tiên lại bảo:

– Việc lớn của Hoàng đế, không được đem ra bàn luận nơi ngồi của trăm họ, ta hiểu ý của chủ nhân núi rừng, cho nên muốn thay Đại tướng mời ông về quân doanh có được không?

Hoàng Kỳ Văn giọng buồn bã đáp:

– Tôi phúc mỏng, ơn lớn không thể dám nhận càn, vì vậy chỉ dám xin

nhắn gửi lời của núi rừng về nơi đại tướng:"kẻ chợ là nơi trăm họ sinh sống, đồng ruộng là nguồn sống của trăm dân, chiến tranh không tránh được thì nên theo cái khôn ngoan của núi rừng, lấy cách làm của con cáo con chồn để rũ sạch sâu bọ", được như thế thì muôn dân thoát được lầm than, giang sơn trải qua chiến tranh mà vẫn lành lặn chẳng bị nhiều sứt mẻ!

Lão tướng thần tiên Đồng Thừa Trọng nghiêm trang lắng nghe những lời nói của Hoàng Kỳ Văn, nhờ ở những ngày năm xưa có chủ trương, ngồi trên núi cao nghe nhạc nhìn thời thế, cho nên lòng vững trí sáng, ông vẫn thường đem âm thanh cung bậc của nhạc ra để so sánh với việc đời, tìm hiểu trong nhạc xem ứng được với mọi tranh đua như thế nào, vì vậy thấy được nhiều điều người thiên hạ không biết được; bây giờ nghe họ Hoàng nói, thần trí bừng hiểu, nhưng không hiểu cái cách "con cáo con chồn rũ sạch sâu bọ như thế nào", liền thong thả nói:

–Tôi hiểu lời ông nói, có thế nào biết rõ "nơi nào con cáo con chồn rũ được sâu bọ không?"

Đồng Thừa Trọng không dám hỏi thẳng nhưng nói mơ hồ để mong được Hoàng Kỳ Văn nói ra cách con cáo con chồn rũ bọ trên mình, nhưng Hoàng Kỳ Văn lại nghĩ khác, nghe hỏi liền đáp:

–Lấy dục dục núi, nghìn năm núi mới đổ, lấy dao nhỏ bóc vỏ cây rừng, nghìn năm rừng mới chết, lấy tay vớt nước mong tát cạn dòng sông làm sao được, vì vậy người làm tướng hiểu rõ việc mình, biết rõ sự tình, tất hiểu nơi nào nên chọn, sơn dân chúng tôi ở rừng núi không biết phép sai binh khiến tướng, không hiểu rõ chủ trương, chỉ có thể nói được như thế mà thôi! Còn khi nào đại tướng cần hỏi đá núi cây rừng, sơn dân chúng tôi sẵn sàng đến trước cửa quân nghe lệnh!

Đồng Thừa Trọng tiếc là trước lúc vâng lệnh đại tướng tổng thống binh nhung lên đường, có ý xem thường những người họ Hoàng ở đây, bây giờ nghe Hoàng Kỳ Văn đối đáp nhẫn nhú, mới thấy được lỗi lầm của mình, liền bảo:

–Tôi vâng lệnh đến đây, việc gấp lại thêm quân doanh chẳng phải là nơi kẻ chợ, thành ra chẳng kịp sửa lễ dâng núi rừng, mọi việc trình về quân doanh, tâu lên Hoàng đế, mai sau đại công thành đạt nhất định Hoàng đế không quên núi rừng. Vì vậy, tôi xin được để lại vật làm tin cho mai sau làm bằng định thưởng công lao!

Đồng Thừa Trọng vừa nói vừa đứng lên, ông chậm rãi tháo thanh "Nhạc Kiếm" treo ở dây lưng, trao cho Hoàng Kỳ Văn, bảo:

– Báu vật suốt gần bảy chục năm trời tôi chưa lần nào xa nó, lần này xin thay lệnh đại tướng tổng binh trao thanh "Nhạc Kiếm" này để mai sau Hoàng đế nhận biết mà ban thưởng, lúc ấy tôi xin thu lại thanh kiếm này!

Đổng Thừa Trọng hai tay nâng thanh kiếm lạ chậm rãi đưa về phía Hoàng Kỳ Văn, kỳ thay: cây kiếm lạ tự nhiên phát âm thanh nghe như tiếng gió lùa trong rừng trúc, trong âm thanh ấy phảng phất như có hơi nóng của buổi trưa hè, lại thoảng có tiếng ầm ì như thể sấm rền trên trời cao ở tít mãi ngoài xa. Cả nhà hội kinh hãi, thần thánh nào hiện ra nơi đây báo hiệu điềm gì?

Riêng Đổng Thừa Trọng thì hốt nhiên trong lòng chợt rung động, trong đời ông từng nghe đủ thứ âm thanh của cây Nhạc Kiếm kỳ dị, chưa bao giờ ông lại thấy lạ như lần này, trong một thoáng cực nhanh tâm linh chuyển động ông cảm thấy thật mơ hồ về hiện tượng siêu linh "có không, không có" của Nhà Phật!

Đổng Thừa Trọng không để ý: lúc ấy ông đứng ở chỗ chếch hướng Tây Nam, kỳ diệu của chuyển động "vũ trụ tiến theo ở hướng chính Tây" đem theo gió nhẹ lùa qua các huyệt nhạc của cây Nhạc Kiếm khiến mới thấy có những tiếng động như thể tiếng sấm ầm ì ở phương trời Tây trước khi trời chuyển trận dông bão!

Hoàng Kỳ Văn không nói gì, hai tay đỡ lấy thanh "Nhạc Kiếm", cả nhà hội im lặng tưởng như chẳng có ai, Hoàng Kỳ Văn trịnh trọng đáp:

– Đa tạ lão đại tướng thần tiên, riêng thân phận tôi thì lẽ ra tôi không dám nhận báu vật này, nhưng xin được nhận thay cho cả tộc Hoàng tạ ơn Hoàng đế ban thưởng! Mong có ngày hoàn lại lão tướng thần tiên gươm báu!

Hoàng Kỳ Văn trịnh trọng hai tay đón lấy cây gươm.

Gươm báu "Nhạc Kiếm" của lão tướng thần tiên Đổng Thừa Trọng chẳng phải là một thanh kiếm bằng thép hay gang của các võ tướng chém sắt như chém vào bùn, gọt đá cứng như cắt vào chuối chín, cũng chẳng phải là kiếm gỗ ngũ hành của các thuật sĩ đạo sĩ, lại càng không phải là kiếm gọt bằng ngà voi của các đại gia dùng làm tượng trưng gia bảo, mà Nhạc Kiếm là kiếm làm bằng trúc!

Nguyên, ngày còn đi khắp đất trời để tìm hiểu chân lý về âm nhạc, Đổng Thừa Trọng nghe nói ở rừng núi Khâu Sầm (Cao Bằng) bốn bề núi cao vây kín, ở giữa là một vùng rộng lớn địa thế cực kỳ hiểm trở, đại thụ chạm mây trắng, đặc biệt có nhiều rừng trúc lạ, trúc ở đây có cây thân dẹt giống dài, ruột rỗng rất ít, lúc khô cũng thay đổi hình dạng trông tựa như những cây đoản kiếm kết nối vào nhau thành một chuỗi dài, lá trúc Khâu Sầm ngắn mà cứng như những mũi kim nhọn. Đổng Thừa Trọng theo đuổi nhạc học đã sử dụng qua hết thảy các nhạc cụ có ở trên đời, về các loại ống sáo thì tiêu địch bằng trúc hay sắt đồng hoặc bằng cát như

"Địch Sa" đều đã biết, khi nghe nói đến thứ trúc lạ ở Khâu Sầm liền len lỏi mạo hiểm vào rừng thiêng mong tìm được giống trúc lạ để làm nhạc cụ, trải qua cả năm trời cực kỳ gian khổ, quả nhiên trời không nỡ phụ kẻ có lòng, ông đã tìm được trong những khu rừng trúc bao la chỉ có một cây duy nhất là có giống dẹt.

Đổng Thừa Trọng đem cây trúc về, bảo rằng "công lao sánh bằng sự nghiệp cả một đời". Đổng Thừa Trọng cho rằng:"cây trúc giống dẹt, ấy là vì kỳ trúc không muốn chứa đựng trong lòng nó bất cứ thứ "Đức" nào ở trên đời này, dù rằng kẻ sĩ người đời vẫn tôn xưng thanh trúc hoàng trúc là "tiết trực tâm hư" chính là phẩm chất tinh khiết của người quân tử, thế là trúc núi Khâu Sầm giống dẹt còn xem thường cả phẩm chất "tâm hư" của người quân tử!". Đổng Thừa Trọng liền chọn đốt cắt trúc Khâu Sầm không làm thành ống tiêu ống địch, nhưng nương theo hình dáng của giống trúc làm thành một cây dao lạ, lại dựa vào vị trí của tinh tú ở trên trời để khoét các lỗ sáo, có lỗ to lỗ nhỏ, lỗ vuông lỗ tròn, tổng cộng cả thảy sáu-mươi-tư lỗ bảo rằng ấn theo sáu mươi tư quẻ trong Bát Quái của Phục Hy, ý muốn bảo: "cả vũ trụ càn khôn động tĩnh, biến hay trụ đều nằm cả ở trong ruột cây sáo lạ hình ngọn dao". Đổng Thừa Trọng bảo: "vũ trụ thường tại mà hóa ra không thường tại, nhìn thấy hôm nay không khác hôm qua, thế mà hôm qua lại chẳng thể nào là ngày hôm nay, cho nên vì thế lẽ biến hóa chẳng thể nào hết, có chăng chỉ có bản thể của vũ trụ trước sau thì vẫn là một, mọi hình thể hay biến diễn chẳng qua cũng chỉ như sóng với nước, nước động thành sóng, sóng lặng lại trở thành nước, vì thế nhạc của đất trời chính là đất trời thay đổi mà hóa ra không thay đổi...". Đổng Thừa Trọng tính toán thế nào để cây dao trúc khoét lỗ khi hứng trước gió mạnh thì gió lùa vào những lỗ sáo phát ra âm thanh kỳ ảo, cho giống trúc đao chuyển thế theo thứ tự các Quẻ trong Bát Quái làm thay đổi cả các Hào thì phát ra những âm thanh kỳ ảo chưa từng có ở thế gian, dìm trúc đao xuống dòng nước chảy xiết nước lọt qua các lỗ huyệt cũng làm cho nước nổi sóng đủ hình thái, múa trúc đao trong gió nhẹ dưới trăng trong, trúc đao phát âm thanh nghe như diệu đàn cung bực ở trên thiên đình vọng xuống, lay động trong mưa nghe có tiếng than van rên rỉ, huy động trong nắng gắt thấy có âm điệu dữ dội như thể âm thanh nơi chiến trường khốc liệt..., kỳ ảo biến hóa của trúc đao không thể nào kể hết được, chuyển biến theo thời gian, thể hiện trong từng không gian, thiên hạ vì thế mới gọi cây trúc đao của Đổng Thừa Trọng là "Nhạc Kiếm", họ Đổng quý cây dao nhạc ngang với tính mệnh mình. Và, mới đây, nhiều người đã được tai nghe mắt thấy sự huyền nhiệm của cây dao lạ!

Nay, Đổng Thừa Trọng đem cây Nhạc Kiếm trao cho Hoàng Kỳ Văn, rõ ràng là xem trọng họ Hoàng ở Yên Bắc đến thế nào!

Đống Thừa Trọng lại vượt đường trở lại quân doanh, đường xa nhưng gấp đường đi không nghỉ cho nên thời gian cũng rút ngắn lại được nhiều. Về đến quân doanh Đại trại Bảo Sơn, chúng quân sửa soạn giáo trường cho lễ xuất doanh còn chưa xong hẳn.

Đống Thừa Trọng đem hết thảy những điều mắt thấy tai nghe thuật lại chẳng thiếu điều gì cho đại tướng Tổng thống binh nhung cự Tống là Phạm Cự Lượng nghe, rồi nói:

– Như thế, thì ta làm thế nào để cự được Tống đại binh theo như lời khuyên của họ Hoàng? Việc quân người làm tướng chúng ta không thể ra ngoài cái phép dàn binh bày trận, lấy xương để xây thành lấy máu làm hào sâu cản giặc, họa hại vì chiến tranh do thế không thể nào tránh được, ta phải làm sao để trăm họ bớt được tang thương đây!?

Tướng quân Phạm Cự Lượng vốn tính nóng nẩy, dũng khí có thừa mà trí mưu không được nhiều lắm, cho nên khi nghe Đống Thừa Trọng thuật xong mọi việc rồi nói như thế, thì ông trầm ngâm đôi chút, đoạn hùng hồn bảo:

– Xưa nay, giặc từ phương Bắc tràn xuống dòm ngó giang sơn ta bao nhiêu lần rồi, dân ta đổ máu có dễ nhiều ngang với nước sông Bạch Đằng, xương chất cao chẳng thua núi Tản, rồi mới đây loạn Mười Hai Sứ Quân làm cho quê hương tan nát chẳng phải là nhỏ, dân tộc điêu linh chẳng phải là ít, lần này giặc còn hùng mạnh gấp mười những lần trước, xét không có thần kế gì để không đánh mà giặc phải tan, đại công của Ngô vương Quyền tuy rút ngắn được thời gian chiến tranh thế mà cũng không tránh được cái cảnh máu hòa đỏ cả dòng sông lớn, xương chẹn ứ cả dòng sông dài! Thế thì, lần này, vẫn chỉ có đại chiến mới mong phá xong giặc dữ!

Đống Thừa Trọng nghe đại tướng Phạm Cự Lượng nói, ông không bài bác, đấy là ý hay của người dũng tướng lúc luận việc chiến chinh, nhưng trong đầu ông vẫn cứ thấy những lời nói của họ Hoàng ở Yên Bác khiến cho ông băn khoăn, rồi đáp:

– Đúng thế, đuổi giặc xưa nay chưa có ai lại đứng trên thành cao nói vài lời là nó kéo quân về, mà chỉ có những trận dọ sức chém giết nơi chiến địa mới làm cho nó tan rã, chiến tranh là khốc liệt tai hại, không thể tránh được, mà chỉ có thể làm cho nhẹ bớt đi được mà thôi!

Phạm Cự Lượng hỏi vội:

– Vậy lão tướng thấy có thể làm cho nhẹ bớt cảnh đổ máu như thế nào?

– Xưa nay, chiến trận càng hung dữ, máu đổ càng nhiều, người đời vẫn cho đấy là "đại công chiến trận", nhưng không nhìn thấy đại công vẫn

thành mà máu dổ ít hẳn mới là "đại công thật"! Tôi chỉ biết như thế, còn làm thế nào để lập được "đại công thật" ấy thì phi bậc nguyên nhung là hạng tướng siêu quần chú trương, hiểu hết tình hình mọi lẽ ra, thì không còn ai là người có thể dàn xếp được như thế nữa!

Phạm Cự Lượng nghe lão tướng đáp, thở dài nhẹ một tiếng, thong thả đáp:

– Đúng thế! Tôi vâng lệnh Hoàng đế mang đại quân lên trấn nơi biên ải, lẽ là phải dàn trận đón giặc, sức ở một cửa ải như vậy là lớn, nhưng để phá được đại địch thì không xong! Chẳng biết Hoàng đế ngài chủ trương thế nào?

Đổng Thừa Trọng im lặng lát lâu, rồi bảo:

– Lúc này thì giờ còn dư giả, tướng quân cứ thu xếp việc cho quân xuất doanh, để tôi trở lại kinh sư tâu trình Hoàng đế, xem người quyết định thế nào? Tôi tin chắc là Hoàng đế có chủ trương trước rồi!

Phạm Cự Lượng gật gù khen phải, bảo:

– Việc quân chẳng phải là truyện có thể hành động vu vơ không tính toán trước mọi lẽ, cứ xem như việc lão tướng đem cả cây dao báu gửi làm tin cho họ Hoàng mai sau, thì tôi chắc là Hoàng đế ngài phải nghĩ ngợi nhiều!

Thế là đại tướng Phạm Cự Lượng sai các thuộc tướng gấp tay làm cho xong giáo trường để làm lễ xuất quân. Trước khi Đổng Thừa Trọng lên ngựa rời đại doanh trở lại kinh sư, Phạm Cự Lượng nhắn:

– Nhờ ông tâu lên Hoàng đế: Lượng tôi không nghĩ ra được mưu gì để chỉ đánh một trận là phá xong giặc, cho nên mới phải tính sẽ lập trận dàn quân suốt vùng biên ải đợi lệnh Hoàng đế, Lượng tôi lúc nào cũng mong được vâng lệnh để vào nơi khó nhọc nhất!

Rồi Phạm Cự Lượng rong ngựa tiễn lão tướng họ Đổng cả chục dặm đường, trên đường đi hai tướng ngắm nhìn giang sơn núi rừng bát ngát, có lúc hai người bàn việc, có lúc lại lặng lẽ mỗi người mải mê với một suy nghĩ riêng. Rồi Phạm Cự Lượng cũng dừng ngựa chia tay với Đổng Thừa Trọng, ông dặn đám quân hầu phải hết sức hộ tống lão tướng, ông cho rằng lão tướng tuổi đã quá cao tất sức phải mòn mỏi nhiều rồi. Đổng Thừa Trọng biết ý, ông không nói gì, cứ lẳng lặng nghe Phạm Cự Lượng truyền lệnh cho đám quân hầu, trước khi Cự Lượng cho ngựa quay đầu trở lại đại trại, bỗng Đổng Thừa Trọng cất giọng nhẹ nhàng nhưng thật nghiêm trang nói:

– Đại tướng quân, trọng mệnh Hoàng đế trao cho ông, lại không thấy bảo phải hành động như thế nào, tôi thấy đáng nghĩ ngợi ở chỗ: Hoàng

đế vốn là một vị tướng rất kín đáo, chỉ xử mọi việc có cân nhắc kỹ càng, nhiều lần chỉ sau khi việc xong mọi người mới hiểu được ý xa của ngài, lần này tôi chắc là Hoàng đế có ý riêng quan trọng!

Phạm Cự Lượng chăm chú nghe, hỏi lại ngay:

– Ông nhận thấy thế nào?

– Giặc hành động thế nào, tuy ta chẳng thể biết cả trăm phần, nhưng cũng thấy rõ đại thể, vì thế nhất định Hoàng đế có chủ trương cả rồi...

– Đại để thì ông thấy chủ trương ấy có thể là thế nào?

– Như việc sai tướng quân cầm quân ra biên ải, không có dặn dò gì, tôi nghĩ: Hoàng đế muốn để cho giặc nhìn thấy cả, nhưng hóa ra lại không thấy gì cả!

– Thế là thế nào?

– Là Hoàng đế định dụng đến cái kế "rung chuông đánh trống ở phía đông, nhưng lễ lớn lại cử hành ở đằng tây"chăng!?

Phạm Cự Lượng dừng ngựa, thốt lên:

– Chắc là thế rồi! Nếu không thì sao Hoàng đế chẳng chỉ bảo gì cho tôi? Hoàng đế có thần mưu!

Đồng Thừa Trọng nói:

– Ông cứ trở lại nhiệm doanh lo mọi việc, tôi về trình Hoàng đế là ta sẽ được biết ngay mọi việc!

Hai người chia tay, Đồng Thừa Trọng theo tế tác dẫn đường, đường từ đại trại Bảo Sơn về Hoa Lư không xa nhưng cũng bảo chúng tìm đường tắt mà đi cho nhanh.

Nhắc lại, đại tướng tổng binh Phạm Cự Lượng chia tay tiễn lão tướng Đồng Thừa Trọng, trở về doanh, trong lòng một phần cứ thắc mắc mãi với những biến động nơi triều đình, một phần nặng trĩu với những gì lão tướng Đồng Thừa Trọng đi gặp họ Hoàng trở về kể lại, nhất là cái ý:"Hoàng đế thế nào cũng có thần mưu...", tướng quân không làm sao lý hội được sự việc, đến khi các thuộc tướng trình vào là: "giáo trường đã xong, xin định ngày làm lễ xuất doanh", liền truyền:"tất cả các thuộc tướng ai trông nom việc gì phải kíp hoàn thành trách nhiệm ngay, để đại doanh làm lễ xuất quân", rồi lại lệnh cho chúng quân sĩ: hành trang lên biên ải không được thiếu những thứ đã định, trước khi lên đường phải dọn dẹp đại trại cho sạch sẽ, cấm không được đế vùng Hội Tướng Đường đại trại vương vãi bẩn thỉu. Chúng quân nghe lệnh, lại thường biết Đại tướng tính tình nóng nảy nghiêm khắc, quân kỷ cực nghiêm, cho nên không dám bê trễ, báo nhau thu dọn khiến cho cả một vùng Bảo Sơn sâu vào trong núi rừng, lan ra đến các nơi sông nước, đâu đâu cũng quang

dãng sạch sẽ, binh sĩ cũng nhân cơ hội này một đằng ngầm ép dân dọn dẹp thay quân, một dằng "thừa cơ gió to mây phủ" chẳng thiếu những việc làm cho dân khốn đốn, trong dân chúng lúc ấy lại có câu hát:

Ai sai đại tướng quét rừng
Không cho lá rụng beo hùm lánh xa
Một mai vua mới ngự ra
Mẹ vua vợ mới lại là mẹ vua
Trai tài gái đức phen này
Giặc tan, nước trị non sông rỡ ràng.

Trong dân gian con trẻ nhiều nơi hát như vậy, nghe chẳng ra dâu vào đâu, nhưng rõ ràng là chê bai quan tướng triều đình, lại nói dụng cả đến đức vua mới và hoàng hậu cũ! Đại tướng nghe được, giận lắm, sai quân ngầm dò la xem kẻ nào loạn ngôn xui con trẻ hát điều nhảm nhí như vậy, nhưng không làm sao tìm được gì.

Lệnh của Đại tướng Tổng thống binh nhung ban ra, rồi lại thấy quân dọn dẹp trước khi lên đường, càng làm cho chúng dân khắp nơi tụ tập về xem lễ thấy trong lòng nôn nao háo hức.

Lúc ấy, tiết trời đã vào cuối tháng Hai, sắp là tiết giữa xuân, vùng núi rừng đại trại ngày thường bá tánh đi lại làm ăn cũng có ngày đông ngày vắng, nay thì khắp nơi náo nhiệt, ngựa xe khắp nẻo đổ về, những dòng sông lớn nhỏ đều có thuyền bè khua chèo hay tụ tập, ngả đường nào cũng có người các vùng đi về, nghiêm lệnh của đại tướng tổng binh dữ dội cũng không làm cho sạch được những sự hỗn độn. Vì thế các dòng sông vốn đã nhiều bến, nhiều chợ, nay thì lại thêm những bến chợ mới, lều quán dựng tạm ngổn ngang vô cùng náo nhiệt. Từ đấy, sinh ra biết bao nhiêu thứ bất hảo, kể không hết được.

Đại tướng tổng binh sai dựng giáo trường trong đại trại Bảo Sơn, lấy hướng chính Đông làm nơi "triệu Lôi thần", chọn cửa Nam là "cửa an lạc", lấy cửa Tây làm "ngõ thông thiên", mở đại môn ở hướng Bắc có ý:"đại binh bắc phạt". Ở bắc đại môn, đại tướng nhớ lời đức Hoàng đế (Đại Hành) dặn, sai dụng giàn đặt hai-nghìn-mười-bốn cỗ trống lớn nhỏ, bày trống theo thế trận "Kích Lôi Thần Cổ Trận".

Phạm Cự Lượng vốn dĩ không thông thạo gì về nhạc lý nhạc luật, nhưng sở dĩ ông cho lập trận trống lớn lao như thế là vì: sau ngày Tiên Hoàng đế gồm thâu được thiên hạ lên ngôi cửu ngũ, phong chức tước cho quần thần huynh đệ ngày trước, Phạm Cự Lượng được thưởng tước lớn, được giữ một trấn trọng binh, dưới trướng các thuộc tướng lớn nhỏ đông đến mấy chục người, lại theo cách người xưa nuôi kẻ sĩ trong phủ, hàng tháng vào các ngày trăng tròn thì mở hội gọi là "hội nghe khôn", trong

hội các kẻ sĩ thường hay ganh nhau kể những việc truyện lạ cổ kim, tỏ ra mình là người uyên bác cốt để lấy lòng tướng chủ. Quả thật trong dám thuộc hạ không phải là võ tướng của Phạm Cự Lượng cũng có người hay người dở, ai cũng tự đặt cho mình một tên hiệu để tỏ cho thiên hạ biết rõ biệt tài của mình, những người ấy phần lớn là người hay, trăm người trăm tài, trăm người trăm việc lạ, đến như Đảo Hải Thần thì có tài biện luận việc trên trời dưới đất dù mọi truyện lạ liền trong ba ngày ba đêm không hết, lấy hiệu như thế là có ý nhắc lại kỳ tích ông ta tự kể không biết có thật hay không: có lần tranh cãi với một ông già tóc bạc hơn mây, râu dài hơn dòng suối về việc sóng nước, hai người tranh biện không phân thắng bại, phải cùng nhau lần lượt đi qua hai biển rộng nghe hai vị Long vương phân xử phải trái về lẽ "nước và sóng", chung cuộc hai vị Long vương cũng đành chịu thua Đảo Hải Thần ở chỗ: ai cũng bảo nước với sóng khác nhau, nước thì êm đềm, sóng thì dữ dội, nhưng Đảo Hải Thần lý sự: sóng với nước chỉ là một, đều êm đềm cả, nước tự nó ở yên, sóng theo gió mà nổi lên, gió lặng sóng tan thì nước vẫn chỉ là nước, nào có thấy sóng ở đâu! Thế là hai vị Long vương cùng ông già râu dài thua cuộc, từ đấy tiên sinh mới tự ban cho mình mỹ hiệu có ý: khuynh đảo được cả Long vương chúa tể đại dương!

Chính Đảo Hải Thần lại báo: ngày nọ vì thích ngao du khắp nơi trong trời đất, nghe kể rằng quốc thổ từ thời Hồng Bàng, có nghìn truyện lạ, trong đó có việc nguyên thủy quốc tổ nước Xích Quỷ là Lộc Tục, xưng là Kinh Dương Vương. Ngài hay đi tuần thú suốt từ vùng Động Đình hồ vòng qua Ba Thục (Tứ Xuyên ngày nay), lại ra đến tận ven biển Nam Hải, lần bước xuống mãi tận nước Hồ Tôn (tức Chiêm Thành), Ngài hay mang theo một cây đại phủ làm vật hộ thân, cây đại phủ ấy là cây búa phá núi bạt rừng đuổi trăm ngàn thú dữ gìn giữ cho trăm họ được yên ổn lập nghiệp, lại nghe: mỗi lần quốc tổ múa cây đại phủ ấy lên thì phát ra tiếng động ầm ì như trăm nghìn tiếng trống trận trợ uy cho ngài khiến cho không một loài dã thú nào dám bén mảng đến nơi con dân của ngài định cư lập nghiệp. Sau, có thần tiên nghe được tiếng động của búa thiêng ấy, vào trong rừng sâu ẩn cư, lại đem thần trí hòa vào với vũ trụ bao la, thu những tiếng động của Lôi Thần mà lập thành bản nhạc riêng của dân tộc có ý ngợi ca kỳ tích đại công của quốc tổ lấy tiếng động ấy như là thần chú để xua đi mọi hung tàn xâm phạm đến giang sơn Xích Quỷ, từ đấy thần tiên lập ra được điệu chiến cổ(*), lấy trống làm thứ phát âm thanh. Khi thần tiên Đảo Hải Thần đến dưới trướng của tướng quân Phạm Cự Lượng, biểu diễn nhạc cổ thì Dổng Thừa Trọng nghe điệu trống trận ấy thích lắm, ông từng nghe tổ tiên xưa lúc dựng nước có nhiều điệu chiến

(*) Chiến cổ: trống trận.

nhạc, chiến cổ là một trong những điệu nhạc chiến ấy, thành ra khi nghe Đào Hải Thần biểu diễn điệu trống trận thì ông tỏ ý khâm phục, lại nhiều lần nhắc Tướng quân Phạm Cự Lượng nên trọng vọng kỳ tài này, từ đấy Phạm Cự Lượng mới quý nể Đào Hải Thần.

Bây giờ vâng lệnh Hoàng đế giữ cờ tiên phong phá giặc, trong buổi xuất doanh Phạm Cự Lượng lại vâng lời chỉ dạy của Hoàng đế sai Đào Hải Thần lập trận trống, sai quân ra sức thị uy, cốt để khắp thiên hạ đều nghe biết sự lạ, ấy là vì Phạm Cự Lượng nhớ lời Hoàng đế bảo"...nay việc xuất quân cự giặc của ta, thế nào Hoàng đế nhà Tống cũng sai tai mắt tay chân dòm ngó khắp nơi, thế nào nó cũng trà trộn vào trong bá tính, hết sức giương mắt vểnh tai xem ta động tĩnh thế nào, vậy nhân thế ta mở trận trống lấy tiếng động của Lôi thần truyền dẫn mối kinh hoàng đến tận Bắc Kinh, làm cho Tống đế ngồi trên ngai vàng cũng phải cảm thấy rung rinh nhộn nhạo, có thế binh tướng của nó khi mỗi bước đi xuống phương Nam là thấy mỗi điều nơm nớp khiếp sợ thần vũ phương Nam, do đấy ta mới dễ dựng trận phá nó....", phán bảo của Hoàng đế lúc ấy cả triều thần đều nghe rõ, nhưng hầu hết các ông chẳng ai là người lại hiểu cổ trận mà tin chắc những điều như Hoàng đế phán, tuy thế chẳng ông nào có lời tâu trình.

Trong ngày phát lệnh, Phạm Cự Lượng bảo Đào Hải Thần:"...ông lập trận trống ở giáo trường Đại trại Bảo Sơn, cách đế kinh nhà Tống mấy vạn dặm đường, đã hẳn là vua quan nhà Tống chẳng nghe được tiếng trống trận của ông, nhưng tế tác của nó thế nào cũng giúp cho tiếng trống của ta lọt vào cung đình nhà Tống, ông bầy chiến cổ theo như hướng chọn của ta lúc dựng giáo trường, các tướng của ta sau đấy sẽ khai doanh theo trận "Mãnh Cầm Triển Dực"..., Đào Hải Thần chẳng rõ trận "chim dữ mở cánh" của đại tướng Phạm Cự Lượng như thế nào, nhưng ông hứng chí lắm với bốn hướng giáo trường, lại vững tin ở trận trống của mình nên vui vẻ lắm.

Các thuộc tướng của Phạm Cự Lượng thì hiểu rõ trận thế "Mãnh Cầm Triển Dực" của chủ soái, vì thế các ông cảm thấy hào hứng gấp bội so với hào hứng của Đào Hải Thần với trống trận, quân chưa cất bước thế mà các tướng mắt như đã nhìn thấy cảnh giao tranh tai đã nghe thấy ngàn vạn âm thanh đầy kích thích nơi chiến địa!

Đào Hải Thần hẹn với đại tướng Phạm Cự Lượng: đến đúng giữa giờ Thân ngày hai mươi hai tháng Hai (năm Tân Tị – 891, năm Đại Hành Hoàng đế Thiên Phúc thứ 2) thì khai trận trống. Đại tướng cho phép, lại cho trình ngay về kinh đô để Hoàng đế biết, phòng khi Hoàng đế có ý gì phán bảo chăng. Hoàng đế được tin trình của đại tướng tiên phong Phạm Cự Lượng, liền hội quần thần nghị sự, nghe ngài phán bảo về việc chiến tranh.

8

Hoàng đế phán:

– Trẫm vừa được lão tướng Đổng Thừa Trọng trình tâu mọi việc xong, lại tiếp được tin của đại tướng Phạm Cự Lượng tâu trình đến ngày hai mươi hai này làm lễ khai doanh, sau đó sẽ cho quân lên đường, vì vậy mới có buổi hội triều hôm nay. Có nhiều điều trẫm còn chưa nói cho chư khanh được biết về trận chiến tranh chống giặc ngoài lần này, lẽ ra những điều ấy trẫm không cần phải nói ra, nhưng xét rằng: Tiên đế khổ công bao nhiêu năm mới thu được giang sơn về một mối, mưu việc ấm no khỏe mạnh cho trăm họ, mưu đồ kế sách lâu dài làm cho nước mạnh dân giầu, mai sau tính đến thời cơ đòi lại đất đai của tổ tiên ở mãi phía Bắc, Tiên đế thường bảo:"giang sơn này không của riêng ai, chẳng phải là của riêng của một họ một tộc nào, mà là của chung của giống Lạc Hồng" đấy là hùng chí của đấng nhân thần cực cao quý không vì giành được nước mà khư khư giữ lấy làm của riêng mình, ngài lại nghĩ đến đường dài muốn đòi lại đất xưa của giống nòi, tiếc thay tinh thần hùng liệt ấy nửa đường gãy đoạn! Trẫm tiếp nối sự nghiệp của Tiên đế, thế tất phải noi theo thánh ý của Tiên đế, cho nên có lúc đành phải gạt tình riêng để lo việc lớn chung, vì thế cũng có nhiều điều dị nghị!

Hoàng đế phán một hơi dài, ngài ngừng lại nhìn khắp quần thần một lượt, cả triều đình im lặng trong nghiêm trang xen lẫn những lo âu, không biết Hoàng đế sẽ còn phán dạy thế nào đây!

Ngài tiếp:

– Ngay như hùng tâm với đại cuộc của chính Tiên đế, mà cũng còn có kẻ chê bai, huống hồ là trong hiện tình đất nước ta, việc trẫm lên ngôi thế nào mà chẳng có những lời vào ra chê trách! Người quân tử đứng trong trời đất, nếu trăm vạn điều đều để cả vào tai, khiến cho tâm thần bất định, chủ kiến bị lu mờ, thì còn làm việc lớn thế nào được, may thay trong

sương mù cũng vẫn có nhiều bó duốc, lối đi vẫn rõ, cho nên mới có cảnh vua tôi một lòng như ngày hôm nay, nhờ thế quốc nạn ngoại xâm mới mong nhất định thoát được!

Triều đình thở ra nhẹ nhõm lẫn nhiều băn khoăn hồi hộp, Hoàng đế không chỉ nói đến việc dem quân chống giặc ngoài, ngài còn nói vào việc của chính ngài, việc quá thật đã có không ít những lời dị nghị.

Hoàng đế dường như càng nghiêm trang hơn nữa, ngài phán:

– Nếu giang sơn này đã chẳng là của riêng ai, mà là giang sơn chung của cả dân tộc, trong tình thế hiện giờ các khanh nếu xét thấy trẫm không đủ sức để cáng đáng đại cuộc hôm nay, thì trẫm vâng theo ý của Tiên đế để trao giang sơn lại cho đấng nhân thần thay Tiên đế giữ ngôi trời, các khanh hãy tâu trình trẫm rõ!

Triều đình sửng sốt, kim cổ chưa từng có triều đại nào lại được nghe những lời phán bảo của đức thiên tử như vậy! Quần thần im phăng phắc, hoàn cảnh xem ra cực nặng nề, rồi Từ Mục xuất ban tâu:

– Muôn tâu Hoàng đế, cổ kim không có ai chẳng phải là bậc nhân thần, chẳng phải là người lĩnh mệnh Trời để ngồi ngai thiên tử, mà lại đội được mũ bình thiên, mặc áo rồng vàng, cho nên Tiên đế mới phán "giang sơn này chẳng của riêng ai"! Nay, Hoàng đế lên ngôi, trong xếp đặt được êm thấm ấy là vì lòng người quy phục, tuân theo lời dạy xưa của Tiên đế; ngoài, là rường cột để trăm họ ngửa cổ trông chờ đấng nhân thần ra tài tế thế, làm nơi nương tựa để cùng nhau chung sức đánh đuổi giặc thù lăm le cướp nước, như thế thì việc Hoàng đế lên ngôi trên hợp với thiên mệnh, dưới chính là bậc minh quân nhận mệnh trời dìu dắt trăm họ trong lúc giang sơn sắp lâm họa chiến tranh, ngôi trời đã định, lòng người đã hướng cả về, sao lại còn việc trao qua đổi lại nào nữa!? Triều đình bên trong, trăm họ bên ngoài, đang dợi lệnh của đấng nhân thần để ra tay cứu nước, lệnh Hoàng đế thay trời xin ban phát cho dân tộc cùng hành động!

Lời tâu của Từ Mục sang sảng, trăm quan văn võ im phăng phắc, Từ vừa dứt lời tâu thì cả triều đình bỗng nhất tề hô vang:

– Vạn tuế thánh quân! Vạn vạn tuế thánh quân!

Tiếng hô mạnh mẽ đến xô cả ngói vàng trên nóc đại điện, trăm quan hoan hỉ chưa từng thấy, ồn ào phải hồi lâu mới hết, Hoàng đế phán:

– Như thế, việc trẫm lên ngôi là ứng mệnh trời thuận lòng người, thế mà Bắc phương chỉ vì manh tâm cướp nước, dã tâm ngàn năm vẫn muốn xóa bỏ dân tộc ta, liên miên tìm cách động binh, cho nên Tống triều trước thì lấy cớ Tiên Hoàng đế dám trái mệnh xưng vương xưng đế, sau nhân điều chẳng lành giữa lúc tiên đế thọ nạn, hoang dường tự cho mình có

thiên mệnh an định bốn phương, lấy cớ bên trong triều chính nước Đại Cồ Việt ta biến động làm cho bốn phương thiên hạ noi gương xấu tự chủ, cho nên Tống Thái Tông sai quân xuống Nam, toan tính lại thực hiện giấc mộng ngàn xưa là cướp nước Nam, đồng hóa dân ta thành dân Hán! Vì thế, trẫm mới phải gấp rút an định việc trong, sai đại tướng Phạm Cự Lượng đem hùng binh lên ải Bắc cự địch. Việc giặc Tống muốn cướp nước Đại Cồ Việt ta, các khanh đều đã nghe biết, hôm nay trẫm hội triều chính cũng chỉ vì việc ấy! Chư khanh ai có ý thế nào, mau tâu trình trẫm rõ!

Ngô Tử Canh(*) xuất ban quỳ tâu:

– Muôn tâu, quả thật Bắc phương chẳng đời nào lại không dòm ngó giang sơn ta, tộc Việt ta phải bỏ đất xuống tận phương Nam này lập nghiệp, mất không biết bao nhiêu xương máu mới có được giang sơn như ngày nay, thế mà giặc Bắc vẫn không hết lòng tham, mấy phen tan nát cũng vẫn không chừa thói cũ. Lúc này Tống triều mới dựng trải qua sang đời thứ hai, đã lại động binh, tự cho là có thiên mệnh an định việc vạn bang, viện dù có vô lý, chủ tâm là cướp nước. Thần nghe nói: "thịt tươi không thỏa miệng con cọp đói, lòng tham của đứa bất lương tàn ác là không cùng", cho nên Bắc phương bao nhiêu đời liên miên đem xương máu thiên hạ trút xuống phương giận xuất chinh phạt Chiêm, ấy là việc sau này.

Nam, tạo khổ cho thiên hạ không biết thế nào mà kể cho xiết, gây hờn cho dân ta đời nào cũng nặng nề, thế nên không thể lấy vỗ về mà chuyển hóa thiên tính con ác thú, không thể lấy đức lớn của người quân tử mà cảm hóa được loài tham tàn, vì vậy Hoàng đế mới phải sai đại tướng mang quân ra biên ải! Chiến tranh là điều không dấng minh quân hiền đế nào ưa thích, nhưng có lúc đấng nhân thần cũng lại phải dụng đến thần vũ để chế ngự hung tàn, cho nên thánh hiền mới nói: "minh quân không thích chiến tranh, chỉ ưa vỗ về trăm họ", nay Hoàng đế không thể làm được việc vỗ về trăm họ trước, mà phải xuất chinh, ấy là điều chẳng thể tránh đổi được, chiến tranh tất là nhiều tai hại, vì thế thần dân tuy sẵn sàng vâng lệnh cầm gươm cầm giáo, mà vẫn cầu mong cho việc chiến tranh sớm hết, tai hại được nhẹ gánh, chúng thần cầu xin Hoàng đế phán xét về các xếp đặt thế nào để ngoài vẫn thắng dược giặc nhanh chóng, trong giảm thiểu được tai hại cho dân, có thế mới tỏ được hùng tài thao lược giữ nước cứu dân trong buổi khó khăn này!

(*) Ngô Tử Canh là văn quan, giúp Hoàng đế nhiều việc về cai trị, sau đi sứ Chiêm Thành, bị triều đình Chiêm Thành bắt giữ, Đại Hành Hoàng đế nổi giận xuất chinh phạt Chiêu, ấy là việc sau này.

Trước, Từ Mục luận về chính mệnh để vững lòng người trong cơn sóng gió, tiếp đến là Ngô Tử Canh bồi tấu rõ ràng là muốn ngầm kìm hãm cốt để Hoàng đế phải làm sao giữ cho chiến tranh dù tai hại cũng đừng để cho trăm họ bị hại nhiều quá.

Lời tâu của Ngô Tử Canh khiến triều đình không khỏi băn khoăn, đây có phải là những lời tâu trình của "ngự sử dài", của "gián nghị phu" không? Trên ngai vàng, nét mặt Hoàng đế không tỏ lộ nét gì là không hài lòng với những lời tâu của Tử Canh, ngài đưa mắt nhìn quần thần một lượt, ánh mắt của ngài (về sau có người bảo:) như có thần lực cực mạnh, ánh mắt hướng về chỗ nào thì những người ở chỗ ấy chợt thấy như có huyền lực vô hình mạnh vô cùng khiến cho trong lòng thấy khiếp hãi.

Nhìn rồi, Hoàng đế nghiêm nghị, thong thả phán:

– Đấy chính là việc hôm nay trẫm muốn nói để chư khanh biết, trước khi binh tướng của trẫm vào trận! Đấy chính là điều để trẫm quyết chắc là thần vũ của dòng Việt ta được hiển hiện ngàn năm không có lần thứ hai! Chư khanh hiểu trận chiến phá giặc ngoài này như thế nào?

Hưng binh chống giặc ngoài là điều hiển nhiên, tướng mang quân vào trận là điều tất yếu, còn như "phải hiểu trận chiến phá giặc ngoài này như thế nào?" thì quả thật chưa có vị nào dù là quan võ hay quan văn dám xác quyết, vì thế cả triều im lặng!

Hoàng đế hỏi, quần thần thận trọng im lặng, ngài tiếp:

– Từ khanh tâu trước, rồi đến Ngô khanh bày tỏ ý sau, việc đã rõ ràng như thế, quả thật đúng với ý nghĩ của trẫm lắm! Cổ kim, vị tướng nào mang quân vào trận lại không muốn chém muôn đầu giặc, giết trăm tướng giặc, phá trăm thành giặc? Cũng cổ kim, có vị tướng nào cầm quân phá giặc ngoài xâm phạm bờ cõi, lập trận giết giặc máu chảy thành sông, lại vẫn giữ được không làm cho trăm họ bị thiệt hại gì về chiến tranh, giang sơn trải qua việc binh biến ghê gớm đến như thế mà ruộng vườn vẫn xanh tươi, người tuy có thiệt hại nhưng chẳng đáng kể gì? Tướng như thế, cổ kim có được những ông nào?

Hoàng đế lại phán hỏi, ý ngài hỏi đã rõ, cho nên quần thần đã thấy nhiều người nhẹ nhẹ gật đầu ra chiều hiểu ý Hoàng đế, nhưng tất cả vẫn im lặng. Hoàng đế lại tiếp:

– Từ xưa cho đến nay, các nước đánh nhau người chết nhiều ngang với sao trên trời, chiến tranh đời nào cũng có, nước nào cũng không tránh được cảnh tan nát, như nước Đại Cồ Việt ta chỉ mới đây, sau giặc Nam Hán, Ngô triều đổ nát khiến sinh ra nạn Sứ quân, cả giang sơn tổ tiên để lại chẳng nơi nào còn lành lặn, nhiều tướng xưa dụng đến cái thuật "tiêu

thổ thanh dã" để chống giặc, tiếp tay với chiến tranh làm cho đất nước kiệt quệ thêm, phá xong giặc thì lâm cảnh sinh linh đồ thán, tài sản tiêu vong, như thế phỏng thắng với thua nào có khác gì nhau! Nước Đại Cồ Việt tuy không có tướng nào dụng cái phép tai hại "tiêu thổ thanh dã", thế mà nạn Sứ quân kết quả nào có khác gì với "thanh dã tiêu thổ", bây giờ lại kéo dám quân vết thương chiến trận trước chưa lành hẳn, lùa dân sơ sác vì nạn "tiêu thổ thanh dã tham tàn Sứ quân" bắt cung ứng cho việc binh đao, phỏng quân với dân như thế có đánh thắng được giặc ngoài không, liệu sức dân như thế thì chịu dựng sao nổi một trận chiến lâu dài?! Các khanh có nghĩ đến những việc ấy của chiến tranh không?

Hoàng đế lại hỏi, lần này xem ra Hoàng đế có ý muốn tránh chiến tranh, lo lắng nhiều đến những tan nát vì chiến tranh, ngài tính đến việc gì đây? Cứ xem như khi nghe tin giặc động binh, ngài đã lập tức sai đại tướng cầm quân lên biên ải, thì chắc không thể có việc thương thuyết xin thần phục Bắc triều, vả lại sứ bộ Giang Cự Vọng mới từ triều Tống trở về, bao nhiêu việc tỏ ra chiến tranh là không thể tránh được, chưa hề thấy có vẻ gì là Hoàng đế muốn dàn hòa với Bắc triều chịu thần phục cả, tất ngài có ý gì! Quần thần một mực im lặng, thận trọng giữ ý, không ông nào dám lên tiếng.

Rồi Hoàng đế phán:

– Tình thế nước Đại Cồ Việt ta, rõ ràng chiến tranh lúc này không có lợi, lúc khác cũng không có lợi, thế mà chiến tranh vẫn không thể tránh được, vậy ta phải đối xử thế nào để "lúc này chiến tranh bị hại nhẹ nhất, được lợi nhiều nhất, mở đường cho mai sau càng lợi lớn", đấy là chủ trương của trẫm!

Lão tướng Đồng Thừa Trọng tâm linh chuyển động, ông chợt nhớ đến lời họ Hoàng ở Yên Bác có lần nói đến một cách "nhập chiến" không làm hại lớn cho trăm họ, lúc ấy họ Hoàng có nói đến cái mẹo của con cáo diệt rận bọ trên mình, ông không hiểu và có trình tâu Hoàng đế, lúc ấy ngài chỉ mỉm cười không nói gì, bây giờ ngài phán như thế có phải là Hoàng đế đang nói đến cái mẹo ấy hay không?

Trên ngai vàng, Hoàng đế cũng đưa mắt nhìn Đồng Thừa Trọng, lão tướng lại thấy rung động ở trong lòng. Hoàng đế phán tiếp:

– Xưa nay, lúc vào trận nhiều tướng tranh thế chủ động, chọn đất mở trận tranh hùng cốt đạt nhiều điều lợi, làm cho giặc phải theo mình mà vào trận chứ không để cho giặc dẫn dắt mình, tướng như thế đáng để gọi được là tướng giỏi. Tuy thế, ông nào cũng chỉ chăm chăm một bề tìm đạt thắng trận, chứ không thấy có ông nào "tìm cách thắng trận mà triệt hóa được tai hại vì chiến trận", ông nào cũng để mặc cho chiến tranh lan tràn khắp nơi,

đưa cả giang sơn vào vòng khói lửa, dồn đẩy cả trăm họ vào cảnh khốn cùng, như thế chiến trận lúc nào cũng là họa hại, trăm họ lần nào cũng là những kẻ chịu cánh gánh đội lầm than, cho nên thiên hạ mới bảo "một tướng thành công vạn bộ xương phải khô" là thế! Tại sao lại cứ phải "vạn cốt khô" công của tướng mới là lớn? Thắng trận lớn mà khiến cho giang sơn tan nát, trăm họ lầm than, liệu có thể bảo được là đã toàn thắng hay không? Chiến thắng hả hê cười trên núi xương, dầm mình trong sông máu, có phải là cái thắng của bậc nhân thần quân tử trọng đạo nhân không?

Những lời phán của Hoàng đế quần thần lần đầu tiên mới được nghe thấy có người nói như thế, cả triều đình ngỡ ngàng, hết thảy dè dặt không ông nào dám lên tiếng, tất cả dợi nghe Hoàng đế phán dạy tiếp.

Ngài phán:

– Như mới đây, chẳng thể làm khác được nên tiên đế mới phải mang binh dánh dẹp khắp nơi, ấy cũng chỉ vì khắp giang sơn không đâu lại chẳng có giặc, những giặc sứ quân chia nhau cát cứ mỗi người một phương, đua nhau hành hạ trăm họ, làm cho đất nước tan hoang sơ sác, tiên đế đem binh ra ngoài thiên hạ đi dẹp loạn nước, ngài vẫn canh cánh trong lòng một điều "dẹp các sứ quân, nhưng cố dừng để cho con dân bị thiệt hại", vì thế mỗi lần vào trận là ngài tìm cách khiến cho chiến trận không cần mở lớn mà vẫn khống chế được đất rộng, không cần phải chém giết nhiều mà giặc thủ vẫn phải buông dao buông gậy đầu hàng, không cần phải giăng dài chiến trận dến nhiều năm, ấy là ngài đã muốn phô trương cái thuật "co mặt đất cho chiến trận hẹp lại, kéo thời gian chiến tranh cho ngắn hẳn đi" mà tìm chiến thắng, tuy vậy bởi loạn nước tràn lan khắp nơi lâu ngày, thành ra việc thu phục giang sơn đành phải kéo dài nhiều năm, chiến địa không dâu là không có! Nay, tình thế cự Tống của ta khác hẳn với tình thế năm xưa khi tiên đế đem quần hùng vào thiên hạ, do thế ta lập trận được thế nào đây?

Nghe Hoàng đế phán, nghĩ đến những ngày chiến trận năm xưa, các tướng chợt thấy hào khí bừng dậy, quả thật những ngày tranh hùng ấy với thiên hạ tiên đế lập trận tuy lớn nhưng vẫn thu gọn, chiến lớn thế mà vẫn ngắn thời gian, có điều không thể có cách nào gom các sứ quân lại một nơi mà xử trị, thành ra chiến trận lan tràn khắp nơi! Bây giờ Hoàng đế luận tình thế chiến tranh, quả thật lạ tai, tuyệt vời chưa từng có tướng nào cổ thời nghĩ được như thế! Nghĩ thì vẫn là nghĩ, còn làm được điều nghĩ ấy thì liệu Hoàng đế có làm được không? Có người còn nghi ngờ!

Hoàng đế phán tiếp:

– Lúc này, giặc chỉ có một, nhưng phân làm hai đường tiến vào nước ta, thế là tình thế đã rõ ràng, không thể có việc giặc nổi lên ở khắp nơi

trên đất nước ta, đấy là một điều khác với tình thế năm xưa. Hai quân thủy bộ của giặc giả thử cùng vào trận một lúc, chia làm nhiều mặt nhất tề ra tay, thế tất chiến trận phải lan tràn khắp nơi, cùng một lúc ta phải đối phó với giặc, đấy là tình thế thứ hai khác với tình thế ngày xưa của tiên đế! Ngày xưa, các sứ quân ở nơi nào, ta đều biết rõ, ngày nay giặc sẽ vào những nơi nào, ta chưa biết đích xác, đấy là ba điều tình thế khác với ngày xưa, làm sao ta thực hiện được ý nghĩ chiến lược kỳ tuyệt tiên đế thường ấp ủ, là: "co chiến địa lại cho thật nhỏ, kéo thời gian chiến tranh lại cho thật ngắn", có thế mới tránh được tối đa khổ hại cho trăm dân, giữ cho giang sơn khỏi tan nát, làm được như thế, sẽ không có cái cảnh "nhất tướng công thành vạn cốt khô" nữa! Các khanh nghĩ thế nào?

Triều đình im phăng phắc nghe Hoàng đế phán, đến khi hoàng đế đưa ra câu hỏi, thì quần thần đang mê man nghe bỗng như chợt tỉnh, không hẹn trước mà tất cả nhất loạt quỳ gối tung hô:

– Vạn tuế hùng đế thần vũ! Vạn tuế!

Tướng quân Trịnh Tú bước ra tâu:

– Muôn tâu, chiến tranh khiến sinh "vạn cốt khô" là điều khó tránh được, quả thật xưa nay thiên hạ vẫn chỉ quen quan sát lấy "núi xương, sông máu" xem là đại chiến thắng để ca ngợi công lao của tướng, chúng thần chưa từng nghe có tướng nào lại được như Hoàng đế vừa phán dạy! Chúng thần xin được nghe Hoàng đế phán bảo rõ về thần vũ chưa từng có dưới gầm trời này như thế!

Đình thần hân hoan, cảm thấy như chính bản thân đang dự cuộc đại chiến thế mà "xương không cao như núi, máu chẳng chảy như sông", lời Trịnh Tú chính là ý nghĩ của đình thần văn võ. Hoàng đế phán:

– Chiến trận của Tiên Hoàng lúc thu phục thiên hạ, bao giờ cũng là "đánh thẳng vào đầu, không đánh vào tay chân", vì thế mỗi lần chinh phục một sứ quân, là mỗi lần tiên đế dứt trận cùng lắm là dôi ba trận chiến. Tuy rằng chẳng đánh vào tay chân, nhưng phải làm cho tay chân tê liệt, sau đó mới dễ dàng đánh vào đầu địch được! Hôm nay cũng thế, giặc mạnh phương Bắc kéo xuống, đã hẳn toàn là hạng "binh hùm tướng cọp", hùm cọp đều phải có nanh có vuốt mới vồ mồi xé được xác con mồi; giặc Tống cũng thế, nó phải có dám chiến tướng không tồi. Vả chăng, chiến tướng nào cũng có cái giỏi cái kém, có chỗ yếu chỗ mạnh, vì thế ta đã có thần kế diệu mưu sử dụng những cái yếu cái mạnh của nó, để cho nó phải bị "móng rụng nanh long", con cọp hung tàn Tống binh lúc vào trận miếng cắn sẽ chẳng làm rách được thịt ai, dù có vồ được mồi mà không có móng vuốt phỏng có làm gì được lớp da dày xương cứng con mồi! Khi các việc nhổ nanh rút móng vuốt của nó ta đã làm xong, thì đám binh hùng

của nó ở trong trận lúc ấy có khác gì "con chuột nhắt phơi ra quãng rộng" thấy chú tướng nép một bề kinh hoàng khiếp hãi, liệu có còn đứa nào dám bảo là hơn được chủ tướng để xông vào trận nữa hay không!?

Đình thần nghe Hoàng đế phán giảng một hồi, càng nghe càng như mê man với truyện thần kỳ chẳng có thực, ấy vậy lại có người bước ra quỳ tâu:

– Muôn tâu, binh thư tuy nói nhiều đến những phép làm cho tướng địch phải lâm nguy, dụng "tâm công kế" làm cho binh giặc mất tinh thần, nhưng không thấy có nói đến những việc như Hoàng đế phán dạy, thần nghĩ binh thư có nói "biết mình biết người, trăm trận trăm thắng", nhưng nếu "biết mình sai, biết người chưa đúng", liệu lúc ấy có còn trăm thắng hay chỉ là "lầm lẫn chết mình trước" hay không? Thần chưa hiểu rõ thánh ý xếp đặt, cho nên mới dám xuất ngôn phạm thượng, ngửa xin Hoàng đế phán dạy!

Đình thần đang mê man với luận phán của Hoàng đế, lại chợt thấy bàng hoàng với những lời tâu hỏi của người còn đang quỳ trước sân điện, người này tóc bạc nhiều, hai tay cẩn trọng bưng chiếc mũ đại trào, lưng áo đại thần có những chỗ xương hơi nhô cao ở hai đầu vai, vóc dáng này các quan biết ngay chính là văn thần Ngô Quốc Ân.

Quốc Ân là quan văn cũ của tiền triều, tuổi chưa cao nhưng tóc bạc sớm, tính tình rất ngay thẳng, trung thành, đởm lược cao, khi thấy lẽ phải thì dù nguy hiểm đến đâu cũng không ngại, ông chẳng phải là quan ngự sử thế mà nhiều lần lên tiếng bài bác, can ngăn những gì Tiên đế phán bảo hoặc hành động ông cho là "chưa đúng, không phải", Tiên đế thường bảo:"trẫm có Quốc Ân, đúng là nước Đại Cồ Việt có ân phúc...". Bây giờ giặc ngoài hung bạo sắp vào bờ cõi, bên trong nước xảy biến động tày trời, tân đế dàn xếp mọi việc tuy vững vàng, từng bước vượt qua được khó khăn, giữ trong được yên ổn, đấy là điều không thể bác bỏ được, mà phải lên tiếng ca ngợi. Ca ngợi thì quần thần đã ca ngợi. Còn việc cự giặc ngoài, đấy là lo chung của cả triều đình, mối sợ chung của cả nước, tiền đồ thắng bại chưa rõ, nhưng mọi cử chỉ, thái độ của tân đế xem ra nhiều phần quyết đoán tự tin, lỡ ra có sai lầm thì gỡ thế nào kịp, đình thần chẳng ít người lo lắng nghĩ ngợi như thế, nhưng có ai dám lên tiếng khi biến động tiên đế còn dang như tiếng sét nổ ánh sáng chưa hết chói mắt, tiếng vang còn ù tai tiếp tục rền vang! Và tân đế phán bao nhiêu, đình thần lắng nghe rồi ca ngợi bấy nhiêu, làm gì còn có ai dám lên tiếng bài bác những lời phán bảo ấy!

Nhưng, đã có Ngô Quốc Ân xuất ban quỳ tâu, hai tay ông đỡ mũ phẩm, tỏ ý tạ tội trước. Hết thảy các quan im thin thít, nhiều người lo lắng. Trên cao, Đại Hành Hoàng đế mỉm nụ cười, ngài phán:

– Hay lắm, Ngô khanh hãy bình thân, lời tâu của khanh đúng là danh ngôn ngự sử, các khanh văn võ phải nhớ kỹ những lời Ngô khanh, lấy những lời ấy làm phép suy tính xếp đặt công việc!

Đình thần ngọ nguậy, nhiều ông kín đáo thở ra nhẹ nhõm, nhưng cũng lại có ông nghĩ:"Hoàng đế khôn khéo, cất giấu sự bực tức để thu lòng thiên hạ", vì thế có người len lén nhìn lên ngai vàng.

Hoàng đế phán tiếp:

– Việc triều chính, không hiểu rõ dân tình cứ lấy ý mình nhiều sai lầm mà lại tự cho là phải là hay ép buộc dân phải theo, tất sinh oán hận, như thế là chỉ ỷ mình chứ không biết người, nước tất loạn, nguy hại sẽ lâu dài. Việc binh chống giặc ngoài, không kể có nguy hại ngấm ngầm lâu dài, mà còn có sự sống chết ngay tức thì, vì thế vào trận không hiểu rõ mình, mơ màng về thế địch, thì khi vào trận có khác gì qua sông nước lớn không biết bơi, cầm dao sắc lại nắm vào lưỡi! Tất chết! Nay, nhìn việc từ thời Tiên Hoàng, trẫm vẫn biết thế nào nhà Tống cũng động binh, cho nên cho người hết sức ngày đêm dò la, nói là hiểu biết ngang với triều Tống thì không được, nhưng hiểu để đủ phá Tống thì trẫm quyết chắc là đủ, vì thế nói được rằng: hiểu đủ để phá Tống không phải chỉ ở việc hành quân, mà còn phải làm sao để sau khi hết vó ngựa trận, là bình an lâu dài cho đất nước, nhiều năm sau nghe gió thổi nhà Tống vẫn cứ tưởng đường tên bay, lưỡi gươm chém xuống, có thế họa ngoại xâm mới mong dứt hẳn!

Hoàng đế phán những lời rõ ràng là ngài tự tin nhiều lắm, quần thần vẫn im lặng đợi nghe Hoàng đế phán giảng tiếp, chắc thế nào ngài cũng sẽ nói đến chiến kế phải thế nào, chính đạo phải đắp ra sao?

Ngài phán:

– Trẫm có nói: để cho việc binh đao tràn lan khắp nước, ấy là rước họa nhược quốc suy dân vào mình; kéo dài chiến trận, ấy là tự làm kiệt sức dân, khiến cho chế chính yếu tử; cho nên "súc câu chiến địa "là điều ta phải nghĩ đến trước, rồi sau mới lập được phép "đoản kỳ chiến mưu!"(*)

Quần thần lại nhúc nhích, các quan lẻ lói hiểu ý Hoàng đế, nhiều vị nhẹ nhẹ gật đầu ra chiều thán phục, nhưng cũng lại không ít người còn tỏ vẻ nghi ngờ, chờ xem Hoàng đế phán tiếp thế nào!

Ngài bảo:

(*) "Súc câu chiến địa" : thu hẹp phạm vi chiến địa, không cho các cuộc giao tranh tràn lan khắp nơi; "đoản kỳ chiến mưu": mưu làm cho chiến trận mau chóng kết thúc, không để chiến trận kéo dài nhiều năm tháng. Đây là tinh hoa chiến trận của Hoàng đế, xưa nay chưa thấy có tướng nào làm được, duy nhất có một mình Lê Hoàn Đại Hành Hoàng đế là làm được mà thôi.

– Giả sử đã "súc câu chiến địa, doán kỳ chiến mưu" được rồi, ta lại dụ cho giặc vào tận nơi kẻ chợ, đến tận trước cửa đế kinh của ta mà giết chăng? Cổ kim có tướng nào cầm quân lại dại dột làm như thế! Phải biết cách bắt giặc phải đến nơi "không phạm công trời, không hại việc người" mà giết, đấy mới là tướng giỏi!

Lão tướng Đổng Thừa Trọng giật mình, những lời Hoàng đế phán nghe đúng như lời dặn của Hoàng Kỳ Văn về phép chiến trận "... hãy làm như con cáo con chồn rũ rận bọ trên mình nó...", Hoàng đế đang phán dạy về phép mở trận chọn nơi giết giặc, có phải là ngài nói về chiến lược ấy không?! Nhìn lên, lão tướng cũng vừa nhận ra: Hoàng đế cũng nhìn về chỗ ông, ngài hình như mỉm cười, tiếp:

– Trong trời đất, loài hoang dã còn biết cách lội xuống sông xuống suối, ngâm thân mình cho ngập nước, mõm ngậm nắm cỏ khô, khiến cho bao nhiêu rận bọ phải chạy cả lên nắm cỏ ấy tránh nạn nước dìm, con thú hoang lúc ấy mới nhả nắm cỏ, để cho rận bọ theo nước trôi đi, nó tinh khôn hành động chẳng cần phải "gãi ngứa rách da rách thịt" mà vẫn trút hết được rận bọ. Ta làm tướng cầm quân, sao lại không biết cách "tránh chết dân chết lính của ta, dẫn giặc vào nơi hoang vắng mà giết"! Ta làm thế được không?

Lão tướng Đổng Thừa Trọng vốn là con người điềm tĩnh đến như thế mà cầm lòng không được, ông bước ngay ra quỳ gối tung hô:

– Vạn tuế thánh quân thần vũ! Cổ kim chưa có vị Tướng nào lại luận bàn chiến pháp cao siêu như thế! Bây giờ, thần đã hiểu lời dặn của họ Hoàng, đã biết thế nào là tinh khôn xua đuổi rận bọ của con cáo con chồn! Thần tin là hậu thế sẽ nói nhiều đến kỳ công này của bậc thánh đế!

Nghe lão tướng thần tiên Đổng Thừa Trọng tâu, cả triều đình ngỡ ngàng, con người thật trầm lặng phong cách đầy ngạo mạn khinh đời này, hôm nay ông lại xuất ngôn lạ lùng ngợi khen nồng nhiệt như thế, là thế nào?

Hoàng đế hiểu rõ những gì họ Đổng tụng tâu, ngài đã giảng cho họ Đổng hiểu thắc mắc ấp ủ bao nhiêu ngày từ lúc nghe họ Hoàng ở Yên Bác nói, nhưng quần thần của Hoàng đế thì chưa hiểu, và Hoàng đế phán tiếp:

– Giang sơn ta sau loạn Sứ quân còn chưa lành hết sẹo gươm đao, trăm dân chưa lại sức, thế thì trận chiến hôm nay cự giặc Tống giá thử để cho chiến trận lan tràn, tránh sao khỏi vỡ núi nghẹt sông, trăm họ điêu linh đến kiệt cục mất, vì thế trẫm mới theo cái mẹo của con cáo con chồn, đưa giặc đến nơi thuận tiện, nơi ấy chẳng phải là nơi kẻ chợ, chẳng phải là chốn ruộng đồng vàng lúa xanh tre, nơi ấy phải là nơi dù có đại chiến cùng lắm cũng chỉ làm cho dân kinh động đôi chút, núi sông chẳng bị tan nát, bao nhiêu kinh hoàng về chiến tranh sẽ chỉ như truyện kể đường xa

cho dân kẻ chợ nghe biết mà thôi, có thế mới là "lương hảo đại chiến ", làm cho giặc sau khi thua trận rồi ngồi nghĩ lại vài chục năm sau vẫn còn thấy kinh mang khiếp hãi không dám dụng đậy tay chân! Các khanh nghĩ ta có thể dẫn trận như thế được không?

Nhiều quan nghe Hoàng đế phán còn chưa hiểu thật rõ cái ý của phép chiến trận lạ kỳ ấy, làm gì còn dú hiểu biết để phán đinh được hay không làm được kỳ trận ấy nữa, cho nên các quan lao xao bàn tán. Trên ngai vàng, hoàng đế giữ vẻ ung dung, long nhan không chuyển sắc đổi nét, ngài kiên nhẫn đợi quần thần nghị bàn với nhau, rồi lại vẫn Ngô Quốc Ân xuất ban quỳ tâu:

– Tâu hoàng thượng, quả thật chiến tranh dứt mà giang sơn không bị sứt mẻ, hoặc chỉ sứt mẻ đôi chút, trăm họ vẫn được bình an chỉ thiệt hại sơ sài, thần nghĩ dấy là ước mong của mọi đấng minh quân trên thế gian này! Còn làm được như thế, thì quả thật riêng thần chưa thấy trong sử sách ghi lại kỳ công ấy, cho nên thần thắc mắc tự thấy "riêng thần" thì không thể dẫn trận được như vậy!

Chẳng phải chỉ một mình Ngô Quốc Ân tự thấy không thể dẫn trận như thế được, tất cả các quan văn võ dưới triều Đại Hành Hoàng đế tự thấy không biết và không thể mở trận như vậy được, cho nên mới có họ Ngô tâu tuy chỉ nhận mình ông không thể dẫn trận như thế được, mà chính là ông tâu thay cho tất cả các quan văn võ tại triều! Hoàng đế nghe Ngô Quốc Ân tâu, ngài mỉm cười phán:

– Trẫm cũng tin chắc là các Hoàng đế, các đại tướng nhà Tống cũng không thể dẫn được trận như thế, cho nên nó sẽ không thể cưỡng lại được sai khiến của ta, vua tôi nhà Tống vì thế mười năm, hai mươi năm sau vẫn còn run sợ chẳng hiểu tại sao nó lại thảm bại như thế, trong một thời gian dài nó sẽ nép mình nín thở không còn dám nhòm ngó đến đất nước ta nữa, các khanh hãy đợi xem thần vũ của người dòng giống Lạc Hồng ta![*]

(*) Quả đúng như lời phán xét của Đại Hành Hoàng đế: chẳng phải chỉ đôi chục năm giặc Bắc Kinh hoàng nép mình nín thở không còn dám nghĩ đến việc dòm ngó nước Nam, mà cho đến hết thời Tống chỉ còn cuộc xuất chinh nữa xuống nước Nam nhưng lập tức bị Lý Thường Kiệt nương theo uy dũng của hôm nay để phá tan nát, và phải đợi đến khi Mông Cổ giữ ngôi chúa tể Trung Nguyên thì nước ta mới lại xảy chiến tranh chống ngoại xâm; như thế nước ta cần được nạn ngoại xâm suốt trong thời gian dài 217 năm, từ năm Tân Tị 981 là năm quân Tống xâm lăng nước ta rồi đại bại, phải đợi đến năm Đinh Tị 1257 mới lại xảy cuộc xâm lăng lớn lần thứ nhất của quân Mông Cổ dưới thời nhà Trần. Trong thời gian dài ấy, nước ta dưới triều Lý đã có phen đại tướng Lý Thường Kiệt xua quân vào nước Tống tung hoành cực oanh liệt, có phải những trói cháy lịch sử ấy bắt nguồn từ "thần vũ" có một không hai của Đại Hành Hoàng đế ngày ấy hay không?

Hoàng đế vẫn chỉ một mực quả quyết như thế, và ngài không phán giải gì thêm nữa, ngài truyền lệnh sửa soạn ngự giá ra đại trại Bảo Sơn.

Hoàng đế hồi cung, ngài lệnh triệu Dương hoàng hậu tới. Hoàng đế có thói quen: những khi gặp việc lớn, ngài hay đem ra bàn với Dương hoàng hậu, và lần này cũng thế. Sau khi phán kể mọi việc cho hoàng hậu nghe, Hoàng đế phán:

– Nay trẫm ngự giá mang binh đi phá giặc, hậu nghĩ thế nào?

Dương hậu có thời gian ngồi sau rèm nghe việc triều chính, cho nên bà là người hiểu việc triều đình rất nhiều, lại thêm Hoàng đế thường hay bàn việc với bà, cho nên biết rõ tình hình trong ngoài, khi nghe Hoàng đế hỏi, bà thận trọng đáp:

–Việc lớn dù thiếp có được biết đôi chút, nhưng chắc là cũng không thể giúp gì được nhiều cho hoàng thượng, tuy nhiên cũng có nhiều điều thắc mắc!

Hoàng đế tủm tỉm cười, hỏi:

– Hậu thắc mắc những điều gì? Có phải là việc trẫm ngự giá xuất chinh không?

Dương hậu nghiêm trang, cung kính đáp:

– Hoàng thượng minh trí, quả thật việc hoàng thượng ngự giá xuất chinh, tất hoàng thượng đã suy tính kỹ. Dù thế, thiếp vẫn thấy có nhiều điều không yên lòng!

– Hậu không yên lòng ở việc gì?

– Hoàng thượng tất rõ Tống triều cứ luôn luôn vin cớ việc nội triều nước ta để khởi binh, như thế thì việc hoàng thượng rời chốn cung khuyết liệu có còn nguy hiểm nào không? Thiếp nghĩ: triều đình không thiếu những bậc đại tướng, thừa sức để đảm đương mệnh lệnh của vua, như thế thì việc Hoàng đế ra khỏi kinh thành có là điều không được vững vàng không?

Đại Hành Hoàng đế cười thật tươi, với hoàng hậu thì dường như ngài không bao giờ cảm thấy khó khăn, chưa bao giờ ngài lại tỏ vẻ không bằng lòng, vì thế nghe hoàng hậu tâu việc tuy nghiêm trọng nhưng ngài vẫn vui vẻ, ngài phán:

– Quả thật có lúc trẫm cũng không muốn ra khỏi kinh thành, nhưng suy đi xét lại thì thấy: trẫm cần phải đích thân ra trận, đây là cơ may duy nhất để vững hẳn được việc mình, hậu có thấy thế không?

Vẻ mặt hoàng hậu lúc ấy thấy rõ nhiều lo lắng, khi nghe Hoàng đế phán hỏi, bà tỏ ra rất để ý đến câu hỏi này, bà tâu:

– Thưa hoàng thượng, chính vì việc này mà thiếp nghĩ ngợi đắn đo nhiều lắm! Thiếp nghĩ: việc thay đổi dòng họ ở ngôi trời này lại có thiếp ở trong khiến sinh nhiều dị nghị, hỗn loạn cũng đã xảy ra, lòng người vì thế không thể không có chỗ chia rẽ, nghi ngờ. Bắc phương nhân cơ hội này, là điều tự nhiên, tình hình có lợi cho họ nhiều lắm. Khi Hoàng đế cử đại tướng Phạm Cự Lượng mang đại quân ra biên ải, lại làm cho trăm người trăm cặp mắt nhìn vào xem xét tình thế...

Hoàng đế đang chăm chú nghe hoàng hậu nói, đến đây ngài đột ngắt lời hoàng hậu, phán hỏi:

– Hậu thấy thiên hạ nghĩ gì?

– Tâu, họ có thể nghĩ theo trường hợp của Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn, là Phạm Cự Lượng cầm binh lớn trong tay, có thể bất thần trở lại kinh sư...

Hoàng đế lại ngắt lời hoàng hậu, ngài hỏi:

– Riêng hậu nghĩ thế nào?

–Tâu, thiếp không nghĩ thế! Thiếp thấy: dù Lượng có muốn theo gương họ Triệu ở phương Bắc, cũng không thể làm được vì nhiều lẽ, quan trọng hơn cả là Lượng thừa biết không phải Lượng nắm trọn các đạo binh, vả lại chính Lượng cũng không bao giờ lại có ý nghĩ như của họ Triệu, cái thế của Lượng khác hẳn cái thế của Triệu, cái thế của triều đình Đại Cồ Việt lúc này cũng lại khác hẳn cái thế của triều đình nhà hậu Chu, cho nên Lượng không bao giờ quay binh về kinh sư.

Hoàng đế vui vẻ, ngài phán:

– Như thế thì hậu lo lắng về điều gì?

– Tâu, mới đầu thiếp chỉ e hoàng thượng không ra khỏi cung son, đến khi được biết hoàng thượng không nghe lời can gián của triều đình vẫn cứ quyết định ngự giá, lúc ấy thiếp mới an lòng! Tuy nhiên, rời cung son ngự giá Bắc phạt, hoàng thượng dự định việc chiến trận như thế nào ?

Long nhan thật tươi tỉnh, Hoàng đế lộ rõ vẻ hài lòng lắm! Ngài phán:

– Quả nhiên trẫm có hậu là điều đại hạnh, việc lớn có tri kỷ thì nhất định đại thành! Trẫm đã có quyết định, thế nào cũng được như mong muốn dàn xếp. Trẫm vắng mặt chuyến này sẽ không lâu, tuy vậy hậu cũng vẫn phải để tâm đến mọi việc, ta nhất định phải vượt qua nốt khó khăn cuối cùng, làm cho việc đổi họ ở ngôi trời không còn gì phải khiến thiên hạ dị nghị nữa! Quân lên đường rồi, hậu hãy phát tin ra ngoài dân gian, nói rằng: "Hoàng đế xuất chinh, thương dân khó nhọc, nên ban cho nhiều điều khoan thứ", rồi hậu tự quyết định các khoan thứ ấy là thế nào, có thế việc quân việc triều mới thật được thanh thản, tốt đẹp!

Hôm ấy, Hoàng đế mở tiệc ở cung riêng, giữ hoàng hậu lại cùng đối ẩm và nói chuyện riêng tư, ngài bảo:

– Từ đây mình gặp nhau chẳng còn năm sắc mây lành xuống che giường trên sông, cũng là mất đi một kỳ tích!

Ngay hôm sau, Hoàng đế đích thân xem xét mọi việc sửa soạn để ngài xuất cung, đem quần thần tới dại trại Bảo Sơn, ngài ngự giá với hai dự tính: một là, trong triều đình, ngoài dân gian, nếu còn có những ý nghĩ xầm xì gì về việc ngài lên ngôi, thì đây là lúc ngài dẹp bỏ cho hết hẳn những ý nghĩ ấy, việc này dễ xảy khó khăn, nhưng ngài tin chắc ở tính toán của mình, tin chắc ở trí kỷ của mình là Dương hoàng hậu; hai là, trận chiến duổi giặc Bắc này, ngài phải hiển lộng được thần vũ, dựng lên kỳ công cổ kim chưa hề có, được như thế là vừa vững được thế lớn lâu dài cho đất nước dân tộc, lại tiếp thêm được ổn định cho việc bên trong, xóa bỏ được trọn vẹn mọi phê phán, chỉ còn lại có ca ngợi và bền vững. Cho nên, Hoàng đế không thể không ngự giá xuất chinh cho thật lẫy lừng, và tới dại trại Bảo Sơn là cốt để thông tin đến tận tai nguyên soái Tổng binh Trì phủ Ung Châu ngài Hầu Nhân Bảo và các thuộc tướng của ngài ấy được biết.

Hoàng đế xuất cung, lại cho lệnh trống rong cờ mở, đem theo quần thần văn võ rầm rộ kéo lên đại trại Bảo Sơn, chuyến đi xem ra nhiều phô trương khiến cho lại xuất hiện nhiều điều tiếng xầm xì, cho là Hoàng đế phô trương uy quyền sau khi có biến động bên trong triều, ngài có ý đe dọa thiên hạ. Hoàng đế nghe trình về sự thể này, ngài không tỏ vẻ gì là giận dữ, nhưng quần thần văn võ thì có người không bằng lòng, bảo "mệnh vua là mệnh trời, vua muốn thế nào thì đấy chính là ý trời", có người xin Hoàng đế xuống chiếu trách phạt. Hoàng đế bảo:"con dân ngu tối không hiểu biết được việc của quân vương, vì thế mới có ý thế này, lời thế kia, nếu cứ mỗi lời dân tỏ ra không phục ý vua đều bị trừng trị cả, thì còn gì là cao dẹp của trọng mệnh trời trao chăn dắt trăm dân nữa, mà chỉ còn có bạo chính bạo chúa mà thôi". Cũng vì tình thế như vậy cho nên Dương hậu nhớ lời vua dặn, liền truyền rao cho dân chúng biết:" Hoàng đế xuất chinh duổi giặc, việc chiến chinh dễ làm sức dân suy thoái, công việc làm ăn trắc trở, cho nên Hoàng đế có chiếu giảm đẳng mọi việc thuế má, khoan thứ những kẻ tội đồ được theo quân lập công chuộc tội, người già được địa phương nâng giấc trông nom, trẻ thơ được đãi ngộ chăm sóc...".

Chiến chinh đã không làm cho đời sống của con dân bị hệ lụy thiệt thòi, ngược lại chiếu lệnh của Dương hậu còn làm cho trăm họ nô nức, nhiều nơi còn tranh nhau theo quân giúp đỡ lương thảo. Có quan thấy sự thể thì lo lắng, nói rằng: khoan sức, giảm thuế, lấy gì cung phụng cho việc

quân lâu dài, lúc ấy làm sao còn đương cự được với giặc dữ nữa! Nhưng Hoàng đế chỉ bảo:"trẫm đã có sách lược".

Đại trại Bảo Sơn tưng bừng với việc đại tướng điểm binh ra Bắc, bây giờ lại càng tưng bừng với tin vua ra. Chiến tranh đâu chưa thấy, chỉ thấy chúng dân nô nức đi xem vua quan chẳng khác nào như đi trẩy hội!

Thôi thì ở mặt đông biển rộng, thường ngày thưa thớt thuyền câu qua lại, hôm nay thuyền lớn nhỏ tụ về như thể có lễ hội tế nước, sóng nước dập dềnh không ngơi nghỉ. Từ ngày tiên đế có vài lần mở hội tuyển quân, tập chúng tướng cho đến nay, chưa bao giờ cảnh biển ở Bảo Sơn châu lại đông vui như thế! Rồi thì vùng rừng già phía tây Eo Ống, dân các nơi vượt rừng đổ về, có dễ chân người xéo lối mòn cũng phải biến thành quan lộ lớn, ngựa xe đông không kể xiết. Đến phía bắc mới thật náo nhiệt, người ta kể rằng từ phía ngoài núi Tam Điệp, dân chúng cũng đổ vào, người ngựa đi chật các lối rừng, không bản làng châu mục nào người ta lại không rủ nhau đổ về phía đại trại Bảo Sơn. Chiến trận là việc hung hiểm, chốn tai ương, lẽ ra phải lánh xa mới phải, thế mà người ta lại đổ về đây như thác đổ về xuôi, người ta bảo: chiến trận không ở nơi này, lần đầu tiên vua hội tướng ở đây để xuất chinh đuổi giặc ngoài, chỉ đến xem quang cảnh cũng có thể biết được thế nước, thấy được thắng bại của việc lớn hôm nay! Có người lại nói: Hoàng đế là tay thần võ, quen vào ra chiến trận từ thời tiên đế, hiểu việc binh bị, thế thì tại sao vua lại dềnh dang đến thế này khiến dễ bị giặc nhòm ngó!? Bao nhiêu là bàn tán, bao nhiêu là nô nức chen lẫn lo âu. Có người lại bảo: tiên đế mấy chục năm tung hoành, thế mà cũng hiếm khi được thấy cảnh ngài ra trận, hôm nay tân đế ngự giá, chắc gì đã có lần thứ nhì để được chiêm ngưỡng long nhan, không đi xem hội xuất chinh lần này là kể như đã mất nửa cuộc đời! Và thế là cả vùng đại trại Bảo Sơn rung động, rung động từ đất liền, từ rừng rú ra, ngoài biển đông vào!

Xét tình hình ấy, Hoàng đế phán với quần thần:

– Ta ra quân chống cường ngoại, được lòng người theo về như thế này giả thử chiến mà không thắng được giặc, thì còn mặt mũi nào ở ngôi thay trời chăn dắt trăm họ, tránh sao cho khỏi hậu thế nghìn đời mai mỉa!

Quần thần tâu trình ý nói rằng có người e ngại việc xuất chinh ồn ào, khiến cho giặc biết, như thế có thể bất lợi. Hoàng đế phán "ngài mong đợi tình hình ấy", nhưng không giảng giải cho quần thần rõ.

Và vào ngày đã định là ngày đại tướng Phạm Cự Lượng mở cửa đại doanh, từ tinh mơ trong ngoài doanh trại đều náo nhiệt. Trong doanh, tướng sĩ chộn rộn đợi lệnh phát pháo kéo ra giáo trường; ngoài doanh, trăm họ lũ lượt từ nửa đêm kéo đến vây quanh giáo trường, giành lấy

chỗ tốt để xem cho rõ, giáo trường bát ngát nhưng nhiều người vẫn không có chỗ hài lòng để xem cho rõ mọi sự, nhưng những tiếng ầm ầm rung trời chuyển đất của "trận trống" thì cho dù ở sâu trong núi rừng cách xa cả chục dặm đường cũng còn nghe thấy như ở ngay cạnh tai! Chưa bao giờ núi rừng lại chuyển động dữ dội đến như thế.

Đại tướng thống lĩnh đại quân Phạm Cự Lượng truyền: khi nào xa giá Hoàng đế vào địa phận Bảo Sơn châu, thì trống trận bắt đầu không dứt tiếng, cho đến khi Hoàng đế vào đến giáo trường đại trại. Vì thế, khi ngựa tin căng cờ giục hết sức chạy về, báo tin Hoàng đế và quần thần văn võ đã tới, thì lệnh truyền ra hai nghìn mười bốn cỗ trống trận lớn nhỏ nhất tề gióng lên.

Trống trận không phải chỉ giục một điệu, mà phép xếp đặt Trống Trận Thiên Lôi của Đảo Hải Thần cực kỳ khốc liệt, trong những tiếng trống cái như sấm rền sét nổ, lại có những cổ âm vừa khoan thai, vừa nhịp nhàng tiết độ, như thể trong giông bão có thanh bình, trong náo nhiệt có tĩnh lặng. Trống trận nổi lên, nhiều người yếu bóng vía kinh hãi tưởng trời giáng họa ra tai up xuống, tai muốn rách màng nhĩ, khiến hồn phi phách tán cơ hồ muốn ngã xuống chết giấc tức thì! Cũng trong âm điệu trống trận thần ấy, âm thanh tiểu cố lại như xoa dịu hết thảy mọi thôi thúc sôi nổi, làm cho tâm hồn sảng khoái bình tĩnh lại, thành thử như thế tất cả những ai nghe được tiếng trống trận này thì thoạt tiên dù có kinh hoàng cuồng điên, cũng tức thì thấy bình tĩnh lại, khiếp sợ tiêu tan, hăm hở lắng xuống, chỉ còn có vững vàng quyết chắc không thể bị đổi khác, đấy là diệu dụng của tinh hoa cổ trận, nhằm làm cho binh tướng lúc vào trận mọi sôi nổi bồng bột lắng xuống, bao nhiêu sợ hãi lo âu không còn, chỉ còn vững tin tuyệt đối vào bản lĩnh của mình, của vị tướng khiển quân, của chiến thắng trong sức mạnh không bao giờ cạn như thể sức mạnh không cùng của sóng biển mênh mông!

Chiến cổ trận lại còn một điều diệu dụng chưa từng có ở đâu, đó là âm diệu tiết tấu của âm thanh trống trận có tác động kỳ lạ kích động mãnh liệt vào những ý tâm bá đạo mang tính chất của cường bạo, làm cho ý tâm ấy bị rã rời, khiến cho kẻ mang tâm hồn cường bạo khi nghe điệu trống ấy thì tâm thần hỗn loạn hoang mang, mất hết ý chí, biến thành suy nhược nhút nhát. Hoàng đế sai đại tướng cho xếp đặt Chiến Cổ Trận, là ngài có chủ ý gửi tiếng trống khủng khiếp ấy đến cho vua quan binh tướng nhà đại Tống.

Trăm vạn con người ở đây, ở Bảo Sơn châu lúc ấy, trăm vạn tâm tư khác nhau, thế mà điệu trống trận kỳ diệu của Đảo Hải Thần lại làm cho hết thảy chỉ có một ý nghĩ: Hoàng đế xuất quân, giang sơn vững trị ngàn

năm! Trống trận Lôi Thần chen trong âm thanh ầm ầm của vũ trụ lúc khai thiên lập địa, lại lẫn cả những âm tiếu cổ "loong boong, cọc cọc" như gõ vào bọng cây rỗng ruột của người thời xa xưa, điệu trống trận đang thu sức mạnh ngàn xưa thời dựng nước về để trợ lực cho Hoàng đế xuất quân phá cường ngoại hôm nay! Thật kỳ diệu.

Điệu trống trận Lôi Thần ấy quả nhiên theo chân tế tác mật của Bắc Kinh đã về tới triều đình nhà Tống!

Tống đế Thái Tông long nhan phương phi, ngài đang hồi sung sức, thế mà khi nghe tâu trình tỉ mỉ kể về quang cảnh đại trại Bảo Sơn, với những điệu trống lạ lùng, thì ngài lộ nét lo lắng, liền mấy đêm ngày ngài suy tính đến phờ phạc cả long nhan, hôm nay nhìn xuống sân triều thấy trăm quan triều phục chỉnh tề trang nghiêm, các quan không có vẻ gì là sôi nổi mong đợi việc chiến trận, Hoàng đế phán:

– Như thế, Giao Chỉ quyết chống lại ta, nó không mảy may vâng theo ý chỉ của trẫm sai bảo! Tuy thế, cứ xem việc nó không dám làm hại sứ của ta, cũng đủ biết nó không phải là không hoang mang lo sợ, bây giờ nó lấy cái vẻ bề ngoài ầm ĩ, cốt để che đậy sự thật bên trong, nó phô trương binh tướng đang lúc hãi hùng trong lòng, với đám ngựa đói, gươm sứt mẻ, lại bày đặt đem tiếng trống của bọn thuật sĩ phù thủy ra để lung lạc lòng người, phỏng rồi đây nó có thoát được cảnh vua tôi bị lột áo trói tay mang biển tội đồ đi sau ngựa trận của binh tướng ta không!? Các khanh thấy thế nào?

Nghe những lời phán dạy của Hoàng đế tuy đầy ý khinh miệt người Giao Châu, với quyết chắc của Hoàng đế là thế nào cũng thắng trận, thu phục xong Giao Châu, bắt vua quan binh tướng nước Nam đem về làm tội, các quan cũng có đôi chút hăng hái, nhưng vẫn không ông nào có lời tâu trình gì cả. Triều đình im lặng, Hoàng đế phán:

– Người Giao Châu tính tình xảo quyệt, hung dữ, nhiều lần làm hại binh tướng Trung Nguyên, nhiều phen vất vả Trung Nguyên vẫn chưa thu phục được đám người khó trị ấy! Lần này, trẫm cho binh tướng xuống Nam, nhất định ý nguyện của tiền nhân phải xong! Tuy thế, con chó không cắn chết được người, nhưng coi chừng con chó điên thì dù chó nhỏ cũng làm thiệt mạng được người lớn, vì thế trước khi binh tướng của ta xuống Nam, trẫm ban cho mỗi tướng một vò rượu ngon, cho mở kho các châu biên giới lấy bạc vàng làm lễ khao quân trước, lại truyền cho quan Trì phủ Ung Châu giữ ấn Tổng Tiết chế Tổng binh Nam chinh Hầu Nhân Bảo được toàn quyền xếp đặt việc trị an sau khi đã thu phục xong bọn Giao chỉ, sau đấy sẽ định công ban thưởng chức tước cho các tướng!

Tống Thái Tông bề ngoài xem ra có vẻ ung dung tự tin, nhưng kỳ thực ngài không ít lo lắng về chuyến Nam chinh này. Hoàng đế nhiều lần cho gọi trọng thần Triệu Phổ vào để ngài hỏi ý kiến, ngài phán:

– Tuy rằng Giao Châu mấy chục năm có nạn xâu xé nhau, đến khi tên họ Đinh cướp được cả nước, tiếm ngôi chẳng bao lâu thì bị giết, đến lượt thuộc hạ cướp ngôi, lòng người trong ngoài ly tán, đất nước nó như thế không thể không suy kiệt, nay trẫm cho quân xuống Nam, tình thế thấy có nhiều điều lợi, thế mà nó vẫn tỏ vẻ cứng cỏi quyết chống lại ta, khanh nhận thấy thế nào?

Triệu Phổ trọng thần, không phải là không thấy rõ mọi việc, nhưng ông vẫn tin rằng đại binh triều Tống do Hầu Nhân Bảo tổng quản, cho dù Bảo có kém tài đến đâu, thì các tướng trước sau cũng vẫn lấy xong nước Nam, công lao là của các tướng, Bảo tuy giữ ấn nguyên nhung nhưng giả thử vướng phải vài sai lầm, mà làm gì chẳng có sai lầm, có khi nhiều nữa là khác, thì lúc ấy chỉ việc đàn hặc tội ra, lấy công của các tướng để cứu vãn tình hình, thì liệu Hầu Nhân Bảo có đủ mồm đủ thế để tranh cãi được với các trọng thần ở triều đình không, công chẳng thấy đâu mà chỉ có tội, lúc ấy xin tội cho Bảo rồi tâu xin cho Bảo được tiếp tục giữ chức Tri phủ Ung Châu thế cũng là nghĩ tình tha cho tội chết, lại được giữ chức cũ, làm gì mà chẳng được tiếng ơn nghĩa, tốt lành? Vì thế Triệu Phổ tâu:

– Muôn tâu, thần nghĩ tướng cầm quân cũng có khi sai lạc, địch chẳng phải lúc nào cũng là mạnh hay yếu, vì thế mới có lúc thắng lúc bại. Nay, nước Nam bày đặt đem phô trương những việc xếp đặt hoang đường, là cố ý làm cho binh tướng của ta hoang mang, làm sao có thể vì thế mà thắng ta được!?

Tống Thái Tông khẽ lắc đầu, ngài phán:

– Không phải thế! Trẫm thấy không phải là những việc hoang đường! Bao nhiêu việc từ khi thái tử Hoằng Thao chiến tử bên sông Bạch Đằng của nó, cho đến lúc nhà Ngô tàn để cho họ Đinh xuất hiện, rồi đến việc hôm nay, tính theo phép tính của người làm tướng, thì nước Nam đang hồi thịnh vượng về việc binh bị; việc triều chính tuy có náo động, nhưng nó vẫn dàn xếp được yên ổn, tức là chính sự thuận đường, như thế lẽ ra ta phải chú trọng đến việc dùng phép bang giao mà thu phục nó mới phải! Nay, quân đã xuất doanh, tướng đã lên ngựa, lẽ nào ta lại bãi bỏ việc chinh phạt, thành ra vì vậy mà trẫm lo lắng nhiều lắm!

Triệu Phổ hiểu rõ tình thế, nghe Hoàng đế phán, ông khôn ngoan tâu:

– Tâu hoàng thượng, quả thật việc chinh phạt nước Nam là không dễ, nhưng cũng lại chẳng khó đến độ ta phải chịu khuất phục. Binh tướng đã

vào hàng, không thể tan hàng hủy bỏ việc được, vả lại thần tin là thống soái tổng quản Hầu Nhân Bảo không đến nỗi kém cỏi, ngoài ra lại còn có các tướng tài cùng đi, thì có thể nào lại thất bại được!

Tống đế vẫn không vui, ngài phán:

– Đành rằng thế! Nhưng trẫm vẫn thấy không yên tâm. Chẳng phải Giao Châu chỉ có hư thanh, không có thực lực. Mấy mươi năm nó có nội loạn, việc chinh chiến tuy có làm cho bị suy kiệt, nhưng cũng lại nhờ thế mà nó quen việc chiến trận, thành ra bề ngoài thấy việc là dễ, mà xét đến chỗ sâu xa lại thấy việc là rất khó! Tất phải có thế nào nó mới dám như thế chứ! Chẳng thế, tiên đế dù đang hồi thịnh vượng, thế lớn đang lên cao, ngài cũng vẫn thận trọng không xuất binh Nam phạt, việc ấy ta không thể không lưu tâm xem xét!

Triệu Phổ đắn đo, rồi thận trọng tâu:

– Tâu, cũng có thể đúng như phán dạy của thánh thượng. Còn việc ngày trước, tiên đế không xuất quân cũng có thể còn có những nguyên nhân khác ở chính tại triều đình, chứ chưa chắc đã chỉ vì tình hình nước Nam không thôi. Ngày nay, tình hình hiển nhiên đã đổi khác, thần thấy việc thu phục nước Nam tuy có khó khăn, xưa nay vẫn khó khăn, nhưng lúc này có nhiều thuận tiện. Dù vậy, thận trọng vẫn là hơn. Thần nghĩ: binh pháp bảo là "quân vụ phải cho kín đáo", tại sao nước Nam sửa soạn việc quân lại ồn ào đến thế, có phải là nó muốn phô trương thanh thế không có thực để làm lạc lối ta không?

Tống đế giọng nghiêm trọng phán:

– Chính vì những việc của nó mà trẫm nghĩ ngợi nhiều. Quân cơ ồn ào, có bao nhiêu đem phô bày ra cả, một là nó muốn lừa dối ta, cốt để ta lầm mà e ngại, đấy là một hình thức "tâm kế" làm cho tướng sĩ của ta đem lòng sợ hãi trước khi vào trận; hai là không phải nó hư trương mà là có thực lực, cốt làm như vậy để nức lòng binh tướng, tạo ra "chiến trường ảo ở cái thế lộ liễu", khích được tướng sĩ của mình mà làm rối loạn được tâm ý của địch! Xem trong binh pháp, thấy các binh gia đều dặn "Binh thắng được ắt là phải ẩn, ắt là phải vi(*), ẩn náu thì thắng được lộ liễu, kín đáo thì thắng được rõ rệt. Ngay như loài dã thú nằm vồ húc cắn, bằng răng bằng sừng bằng vuốt bằng nanh, cũng nhờ vào sự ẩn náu kín đáo mà bất thần hành động nên giành được thắng lợi(**); nay nó toàn làm ngược lời binh pháp dạy, khiến trẫm thắc mắc: một là nó ngu dại không biết gì về

(*) Vi: kín đáo, bí mật, không lộ diện.

(**) Viện dẫn binh pháp của Tống Thái Tông dựa vào luận thuyết "Quyết Thắng" trong thiên Trọng Thu Kì của sách Lã Thị Xuân Thu *của Lã Bất Vi.*

chiến pháp; hai là nó giỏi binh pháp đến mức độ "lấy đêm biến thành ngày, lấy lộ hóa ra ẩn, đem nhược để giấu cường", liệu lúc ấy ta phải đối địch thế nào để thắng được nó?

Quả thật Tống đế không phải là người kém cỏi, ngài tính việc thật sáng suốt, Triệu Phổ tâu:

– Tâu thánh thượng, nhà tướng dụng binh ẩn hiện giỏi đến độ khiến tướng địch khó lường trước dược, là điều thường thấy, lần nào cũng lừa được địch. Việc ngày nay, ẩn hay vi, hiện hay biến, cứ xét trong thực tế thì thần thấy vua quan binh tướng nước Nam không làm được như người xưa!

Hoàng đế hỏi:

– Chúng "không làm được như người xưa" như thế nào?

Triệu Phổ tâu:

– Tâu, sau khi dụng mưu làm rối tướng địch trong việc binh, phải có thực lực để hành động tiếp theo, giả thử nước Nam lấy ẩn hiện để lừa ta, thì dẫu sau ẩn hiện hư thực ấy liệu nó có được sức mạnh binh tướng thật như thế nào để đối địch lại ta? Thần nghĩ: nước Nam được bao nhiêu đầu dân, do thế quân của nó không thể có được vài chục vạn, cho dù binh ấy có tinh nhuệ đến bao nhiêu cũng không thể nào lấy một địch trăm được, do thế "phô trương" của nó là phô trương "tâm kế" vừa để khích lòng tướng sĩ của nó, vừa để làm hoang mang lo sợ cho binh tướng của ta. Thần không tin là binh tướng quen việc chinh chiến của ta lại không thắng được nó như thế!

Tống đế nghe Triệu Phổ luận cũng vững được lòng tin, nhưng lại vẫn nhắc lại truyện cũ, phán:

– Khanh nhìn việc không sai. Duy có điều: như thế, thì tại sao khi tiên đế dang ở vào thời của binh cường tướng hùng vô địch ở Trung Nguyên, thế là thế của dòng Trường Giang dang hồi chảy xiết, lực là lực của lưỡi dao to chẻ cây trúc mảnh, vậy mà tiên đế vẫn thận trọng không cho binh tướng xuống Nam, ấy là chắc vì ngài đắn đo về cái cảnh "Hoằng Thao phải để mạng lại ở bên dòng Bạch Đằng", tại sao vậy? Ấy là vì nước Nam tuy nhỏ, dân ít nhưng trí khôn nhiều, người ngoài ghen ghét thì bảo là xảo quyệt gian manh, nó giỏi dụng binh biết dựa vào những lợi thế của núi non sông ngòi, ngay đến cả nơi trống trải đồng bằng cũng có thể hiểm hóc như ở chỗ non cao rừng sâu, cây cỏ đất đá cũng có thể thành trọng binh, nó khéo huy động đến cả thánh thần cũng trợ giúp cho nó lúc vào trận, nó là một dân tộc khó trị, ghét sợ nó thì bảo là nó quỷ quyệt gian hùng, cho nên hùng liệt như tiên đế cũng phải e dè! Trẫm tiếp ngôi tiên đế, thừa hưởng bao nhiêu là diều khôn của ngài, nay xét thấy việc bên trong

ổn định vững vàng, sức mạnh hơn hẳn ngày xưa, cho nên mới quyết làm cho được cái ý muốn của tiên đế, nhưng sự thật như sứ của ta trình tâu tỉ mỉ, như tế tác của ta dưa về nói rõ, trẫm thấy quả thật chúng nó giỏi, khó trị lắm, vì vậy trẫm muốn ngự giá Nam chinh là vì thế!

Tống Thái Tông phán giảng một hồi dài, trọng thần Triệu Phổ cung kính lắng hết tâm hồn để nghe, ông tâu:

– Muôn tâu, giang sơn đại Tống vững bền, sự nghiệp chinh phục bốn phương chính nhờ trí thần của Hoàng đế mà đại công thế nào cũng cánh thành! Việc chinh phạt nước Nam dù có thể có khó khăn, thần vẫn vững tin là quân ta "xuất ải tất thắng, hồi doanh tất vinh", giang sơn Đại Cồ Việt nhất định sẽ là một quận huyện của nước đại Tống, một quận huyện dù có phong túc giỏi đến đâu cũng chẳng làm sao mà có thể hơn được cả một đại quốc! Muôn tâu, thần tin là như thế!

Tống đế rất hài lòng, thế là ngài xuống chiếu ban cho Tri phủ Ung Châu được phép huy động hết thảy những gì xét ra thuận tiện cho việc quân, kể cả huy động người hay kho tàng của cải của địa phương, cốt sao việc Nam chinh phải thành công cho kỳ được. Ngài lại cho triệu Hầu Nhân Bảo về kinh sư, ân cần dặn bảo, chỉ giảng cho các điều quan yếu nhất nhất phải lưu tâm, ngài hẹn ngày Bảo đem binh tướng khải hoàn hồi triều để ban thưởng trọng hậu.

Như thế, quyền hạn của Tri phủ Ung Châu Hầu Nhân Bảo là vô hạn ở địa phương trị nhậm của ông, quyền hạn ấy tuy không là gì cả ở các nơi khác, nhưng quyền hạn ấy vốn nó đã là vô cùng ở vùng biên địa xa cách đế kinh, nay thì lại được Hoàng đế xuống chiếu ban đại ân như vậy, thành ra cả một vùng biên địa xảy ra không biết bao nhiêu là tai họa cho dân chúng, quan quân tha hồ lấy cớ "việc chiến chinh thu phục nước Nam" để thi hành những thủ đoạn tàn ác, từ cướp bóc chiếm đoạt của cải của dân chúng, đến cướp cả thân thể, mạng sống của con dân, tiếng kêu than ngất trời, triều đình chẳng thể nào nghe thấu những kêu than ấy; thế là nhiều vùng con dân bồng bế nhau lánh nạn sang vùng khác, ra khỏi địa phương trị nhậm của quan Tri phủ Ung Châu. Các nơi hỗn loạn, nhưng không nơi nào dám lên tiếng tâu trình sự thể về triều đình, e rằng có khi lại bị gán cho cái tội:"vu khoát, phạm thượng bất tuân thánh chỉ", thành ra im lặng khiến cho oan khổ càng thêm chồng chất. Hầu Nhân Bảo vinh quang với quyền lực, lại thêm bọn thuộc tướng bộ hạ dua nịnh bẻ cong sự việc, ông lại tưởng là trăm dân nép mình kính sợ uy quyền thay vua của ông, tin chắc là chuyến xuất quân trên thì được Hoàng đế ban quyền, dưới thì ông được trăm họ yểm trợ cung đốn không còn thiếu thứ gì cho việc quân, việc chinh chiến vì thế chắc chắn là thành công! Ông hoàn toàn mãn nguyện.

Các tướng khác lĩnh mệnh cầm quân, nhiều người không phục Hầu Nhân Bảo, không tin là Bảo giỏi việc cầm quân, nay thấy Bảo được Hoàng đế ban quyền lớn quá, việc quân muốn thế nào cũng được, thì các ông nhiều ông ngầm ghen tức với Bảo. Thói đời "rêu mọc thành mảng, cá lội thành đàn", thế là các tướng không ưa Bảo không hẹn mà tự nhiên cùng tự hẹn lòng sẽ để mặc Bảo một mình đánh giặc xem sao! Thế là, binh Tống chưa ra khỏi doanh, tướng chưa lên ngựa, bên trong đã ngấm ngầm kèn cựa chia rẽ ly tán, lại thêm mật tin giả mạo của Hoàng đế Đại Hành gửi đi, làm cho nghi ngờ của chúng tướng với soái tướng càng thêm nặng nề, chính Hầu Nhân Bảo cũng không thật tin ở thuộc cấp, đến khi nhận được mật lệnh của bọn Triệu Phổ gửi cho Lưu Trừng lạc vào tay ông, thì ông hoàn toàn không tin chút nào vào các thuộc tướng theo lệnh ông cầm các đạo quân khác; với các tướng thuộc cấp thân thiết, ông cũng giữ kín không tiết lộ cho ông nào biết về việc mật thư, có ý im lặng để xem tình hình thế nào, và cũng là để định liệu trước kế hoạch ra quân mở trận của riêng ông.

Bao nhiêu việc xảy ra ở bên ngoài quan ải, tế sứ Trịnh Xuân Thu trong lốt danh sư trị bệnh của "Nam Thần Dược Phòng" ở Ung Châu đều thu nhận được hết, tế tác thuộc hạ của ông ngày đêm liên miên đi về, ngựa đưa tin với đủ mọi lốt ngụy trang hỏa tốc dồn dập mang tin về Đại trại Bảo Sơn. Trên đường Hoàng đế đem quần thần từ kinh đô Hoa Lư ra Đại Trại, mỗi dặm đường ngài lại được mật tin trình về một vài lần! Xem tin, Hoàng đế không tiết lộ cho một ai biết, ngài có chiều suy nghĩ lung lắm!

Đến khi tiếng trống trận ở giáo trường Đại Trại nổi lên, bao nhiêu biến động ở bên ngoài quan ải chuyển trình về, ngài đều biết rõ, nhất là việc mật thư gửi lầm đã xong, ngài hài lòng lắm.

Đại lễ xuất quân cự Bắc, không chỉ mở diễn có một ngày, dềnh dang đến ba ngày thì đạo quân đầu tiên mới ra khỏi trại, rồi xa giá của Hoàng đế lại trống rong cờ mở quay trở lại kinh thành.

Xe của Hoàng đế chuyển bánh trở lại Hoa Lư, thì tin tế tác của nhà Tống cũng kịp báo về cho nguyên soái Hầu Nhân Bảo biết. Một mặt, Bảo cho ngựa lưu tinh gấp đường lên Bắc Kinh trình Hoàng đế rõ, một mặt Bảo hội các tướng ở đại bản doanh Ung Châu, Bảo nói:

– Ta mới được tin quân Nam xuất doanh ở Bảo Châu, nó làm lễ xuất quân kéo dài đến ba ngày, vua thoán ngôi của nó cũng có đến xem, nay thì nó về Hoa Lư rồi. Như thế là phán dạy của Hoàng đế có chỗ không được đúng!

Thủy tướng Lưu Trừng hỏi:

– Hoàng đế có chỗ chưa đúng ở chỗ nào?

Nghe Lưu Trừng hỏi, Hầu Nhân Bảo nhớ ngay đến việc mật thư gửi cho Lưu Trừng lạc vào tay Bảo, Bảo thoáng căm hận, rồi đáp:

– Hoàng đế được các quan tâu trình đầy đủ về các toan tính của Giao Châu, các quan quyết chắc là vua nước Nam đích thân ra trận, chỉ huy các tướng của nó. Các quan bảo rằng vua thoán ngôi của nó là một tên tướng rất giỏi, biết cả phép lập thần trận, huy động được cả thần thánh, thế mà nay nó không theo quân, rõ ràng là không đúng. Xét như thế, việc nó lập trò ở Bảo Sơn châu, ta nghĩ cũng lại chỉ là trò gian bịp, cốt để lung lạc tinh thần binh tướng của ta.

Việc Đại Cồ Việt tập quân ở Bảo Sơn, các tướng đều nghe biết, tin tế tác trình về các tướng đã được nghe hết, lại thay nhau cật vấn, càng cật vấn các tướng càng hoang mang, trong lòng lo ngại. Nếu cứ đúng như những gì tế tác trình về, thì binh tướng nước Nam chẳng phải là binh tướng bình thường, mà phải là những tướng trời binh thần mới thế được! Đã thế, sứ bộ ngày ở nước Nam trở về, có thay nhau kể thuật những điều tai nghe mắt thấy, lại bản thân các ông ấy kinh qua những lúc kinh hoàng đến thánh thần cũng phải đổ mồ hôi, ngay đến hàm râu bộ ria ngay trên mặt bị cạo nhẵn lúc nào cũng không hay, thế thì tính mệnh mất lúc nào cũng không thể biết được!

Tế tác mới đầu quyết chắc rằng: cứ những gì thu thập được, thì nhất định vua nước Nam sẽ đích thân ra trận sai bảo các tướng, như thế thì Tống binh xuống Nam sẽ phải đương cự với một binh gia trời thần cũng phải kiêng nể, dáng sợ biết bao nhiêu; vua của nước Nam hiện giờ, chính là một trong những người tiên đế phải kiêng dè không dám động binh tranh tài, vậy mà vị tướng trời ấy sau khi dự lễ ở đại trại Bảo Châu lại trở về Hoa Lư chứ không ra trận!

Các tướng mừng lắm, nhưng nỗi e dè sợ sệt vẫn chưa vì thế mà mất hẳn, cho nên đại tướng Quách Quân Biện nói:

– Có khi nào nó dùng mẹo lừa ta chăng ? Tôi nghe nói dân Giao Chỉ là giống dân dối trá lắm mưu mẹo hiểm độc lắm!?

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo giọng oai vệ hỏi:

– Ông thấy nó gian giảo có mẹo lừa dối ta ra sao?

– Tôi thường nghe: con sâu núp mình trong cái kén dai để tránh chết, ấy bởi nó yếu, con đại bàng rộng cánh trên trời cao, ấy vì nó mãnh liệt"; đứa yếu thì thường hay to tiếng cốt ý lừa người, dọa thiên hạ, kỳ thực là tìm đường tránh chết mà thôi. Nay, vua giặc Giao chỉ, tôi quyết chắc nó chẳng là tướng giỏi tướng tài gì cả nơi chiến trường, nhưng giỏi xảo trá cướp được vợ chủ mà chủ không hay biết, cướp được nước mà cả nước

chẳng thù, thế thì nó là đứa quen nghề mưu mẹo dối trá. Việc chiến trận, nay nó thấy không còn có chỗ để trốn tránh, cho nên mới giở thói quen là lại làm ra vẻ ra dáng, cốt để lừa dối ta mà thôi!

Quách Quân Biện không nói về mưu mẹo nào của vua nước Nam cốt để lừa tướng Bắc, mà chỉ luận giảng về mạnh yếu với mưu mẹo khiến Hầu Nhân Bảo sốt ruột, liền giục:

– Thế thì nó định lừa ta ra sao?

Quách Quân Biện hùng hồn:

– Không ai cầm quân lại để cho địch thấy sức mạnh thật của mình, có chăng chỉ là "sức mạnh phô trương cốt để lừa địch", thế thì bao nhiêu việc nó làm toàn là lừa dối cả mà thôi! Trước hết, nước nó dân được mấy đứa, mà cả giọng nói là "sai đại tướng mang mười vạn quân đi cự địch", lại còn "Hoàng đế sẽ mang đại trọng binh đi tiếp chiến", dễ thường nó lấy hết dân nước nó cả già trẻ trai gái cầm que cầm gậy ra trận chắc!? Giả thử nó xua được hết dân nó ra biên ải, thì liệu mảnh đất con con nơi Nam quan của nó chứa được mấy mạng, rõ ràng là "con lừa hét to mong con cọp sợ", nó muốn lừa ta! Tôi tin chắc: sức nó không có, nhưng mẹo gian thì có là vì thế!

Hầu Nhân Bảo và các tướng khác nghe họ Quách biện giải, đến đây thì có phần tin là đúng. Hầu Nhân Bảo lại hỏi:

– Như ông thấy, nó phô trương như thế, để toan lừa ta như thế nào?

Hầu Nhân Bảo vẫn còn nóng lòng nhưng lời lẽ không còn gay gắt như trước nữa, Nguyên soái chưa bao giờ lại có ý e nể binh Nam, bây giờ nghe họ Quách nói thì lại thấy lo ngại, rõ ra là người không vững chủ trương, dễ thay đổi. Quách Quân Biện tuy không biết tính tình như thế của Hầu Nhân Bảo, nên nghe Bảo hỏi thì vẫn vững giọng đáp:

– Thưa nguyên soái, nước Nam bé nhỏ chỉ bằng một quận huyện của ta, đất chỗ bằng phẳng không rộng quá một bàn cờ, cho nên chiến mã của ta không có đường chạy lâu, núi non to nhỏ lô nhô khiến vó ngựa ta vướng víu, quân khó leo trèo, dễ bị mệt sức, sông ngòi chỉ bằng cái lạch thuyền trận lớn của ta không đi lại được, như thế thì nó dễ nương vào núi rừng "làm cho chiến địa tuy rộng nhưng vướng víu khiến ta khó xoay xở", nhờ thế nó sẽ mượn núi rừng để định hại ta, chứ không phải là nó dàn quân ở cửa ải để đón ta, nguyên soái nên cẩn thận![*]

(*) Quách Quân Biện nói rất đúng, hơn hai trăm năm sau quân Mông Cổ lấy lừng với kỵ binh, đã bị Nguyên soái Trần Quốc Tuấn huy động núi rừng sông lạch buộc chân vó ngựa trận không cho chạy, ba lần phá tan giặc Bắc.

Đến đây thì Hầu Nhân Bảo tuy có tin lời Quách Quân Biện, ông vẫn thấy có lo lắng, liền bảo:

– Quả thật nước Nam bé nhỏ chẳng đáng gì, đúng là nó nhiều gian kế cho nên từ thời nhà Nam Hán cho đến lúc này mấy lần đại quân xuống Nam, mấy lần tung hoành rốt cuộc vẫn chưa lấy hẳn được vùng đất cỏn con ấy, thế thì một là sức nó phải mạnh gấp mấy lần Trung Nguyên ta, hai là gian kế của nó thì mưu sĩ ở hai thời Xuân Thu với Chiến quốc gộp lại cũng khó hơn được! Sức mạnh thì nhất định nó không thể có, còn mưu gian thì chắc là nó có nhiều, ta đề phòng là phải! Các đại tướng của ta, các ông nghĩ việc quân như thế, ta nên dụng mãnh lực với kỳ mưu như thế nào?

Hiếm khi Trí Phủ Ung Châu Nguyên soái Hầu Nhân Bảo lại nhún nhường hỏi việc các thuộc hạ như vậy! Nghe hỏi, vẫn Quách Quân Biện tranh lời các tướng, ông nói:

– Tôi cho là nó sẽ cố nương vào núi rừng nơi biên giới để hại quân tướng của ta, nó sẽ cố níu kéo không cho ta đi sâu vào giang sơn của nó. Như thế, nguyên soái nên tìm cách để "vượt biên ải, đâm sâu ngọn giáo vào ruột gan nó", tức là vượt đường vào đứng ở nơi trung du phì nhiêu dân đông gạo nhiều, thế mới là thượng sách!

Chiến kế của Quách Quân Biện nghe thì quả thật thấy có phần lợi hại, nhưng nguyên soái lại hỏi:

– Ta thúc quân tràn xuống vùng đồng bằng, tranh lấy vùng ấy không khó khăn gì, thế lỡ ta tiến vào sâu giặc ở ngay sau lưng ta chặn mất đường về, rồi phía trước mặt ta nó từ trong Nam kéo ra, lúc ấy ta lâm vào cái thế "lưỡng đầu thọ địch", tính sao đây?

Quả thật tình cảnh "hai đầu bị địch đánh" nguy hiểm quá, các tướng lao xao bàn tán. Quách Quân Biện "như mũi tên đã ra khỏi dây cung", lại cao giọng:

– Đạo giặc trấn giữ biên ải, ở sau lưng ta, thế là nó lâm vào tình cảnh "mất dụng địa, lẽo đẽo theo địch", liệu nó sống được bao lâu với núi rừng hiếm hoi lương thực, ta giữ vùng phì nhiêu lúa gạo muốn ở bao nhiêu lâu mà chẳng được! Với binh Nam ra Bắc của nó, lúc ấy mang tiếng là "phải cố chết ra cứu đất Bắc", tinh thần của quân mất đất, địch vào sâu giang sơn mình, liệu phải đánh mấy trận thì nó mới tan!? Vả lại, còn đạo quân thủy của ta, giả thử lúc ấy hai đường một vào Nam nhắm Thanh Hóa kéo tới, thừa cơ nó kéo quân ra bắc, ta để cho nó thấy ta muốn lấy Hoa Lư của nó; một rẽ đường theo sông lớn kéo vào trung du vừa làm thế tiếp chiến với ta, vừa cùng một lúc hợp với quân bộ của ta phá sau lưng, diệt trước mặt, chiến trận ấy ta thắng hay thua!?

Quách Quân Biện nói về chiến pháp hay quá, các tướng xuýt xoa mừng rỡ, nhưng nguyên soái vốn có chủ ý, sợ địch thật sự, nên nén lòng khoan thai nói:

– Nói như ông Quách chẳng phải là không đúng, nhưng nếu ta biết nghĩ như thế, tất nó cũng có thể biết nghĩ được như ta, vả lại ta đừng bao giờ quên "giống Giao Chỉ gian giáo lắm", nghĩ đi ta phải nghĩ lại, thận trọng bao giờ cũng là tốt!

Lời nói của nguyên soái làm các tướng đang vui vẻ chợt thấy bên lẽn, Quách Quân Biện loay hoay có ý muốn cãi nhưng không biết cãi thế nào, nên mặt đỏ gay lắp bắp chẳng ra lời. Hầu Nhân Bảo tiếp:

– Phá được giặc, là điều chính, công đầu hay công cuối cũng là công phá giặc, tranh công mà để thua giặc, lập công riêng mình mà để toàn quân tan nát, ấy là "công không bù tội", cho nên ta nghĩ: binh bộ của ta qua biên ải, vào đất giặc, dừng vội tiến nhanh, hãy vững vàng chặn đạo quân giặc ở biên giới, để cho đạo quân thủy của ta theo đường nước kéo vào sông Bạch Đằng, hai quân thủy bộ của ta làm thế "ỷ dốc" cho nhau, thế là sau lưng ta vững, trước mặt ta an, tiến nhanh mà gặp họa không bằng tiến chậm một chút mà thành công, các ông yên lòng ta đã có chủ trương!

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo sai Trần Khâm Tộ mang một dạo quân, đợi khi lấy xong ải địa đầu của nước Nam thì cho quân nhắm đường tiến vào Tây Kết làm **thế dọa quân Nam**, tỏ ý muốn vào thành Đại La, đồng thời yểm trợ cho cánh **quân thủy của** Hải sư đốc chiến Lưu Trừng sẽ vào sông Bạch Đằng.

Phép bài binh lập trận của Hầu nguyên soái như thế kể là chặt chẽ, các mặt có thể giằng co yểm trợ cho nhau, nguyên soái biết dùng quân thủy của Đốc sư Lưu Trừng vừa làm thế hãm địch, vừa lập trận tranh đất vùng trung du phì nhiêu, xếp đặt này khiến cho Lưu Trừng cũng thấy hài lòng, ông cho là Hầu Nhân Bảo không dám tranh công, nhường cho ông lập đại công "tướng tiên phong khai sơn phá thạch" đánh chiếm nước Nam, vì vậy Đốc sư nói:

– Nguyên soái thu xếp như thế là phải, đã biết rõ sức quân! Một dạo thủy quân vô song của ta xuống Nam chia hai ngả như thế, thì nhất định chỉ dứt ba hồi trống trận là ta xong việc, có gì phải lo lắng!

Lưu Trừng huênh hoang, có ý ngầm bảo: chỉ một mình quân thủy của ông ta cũng đủ sức lấy xong Đại Cồ Việt, chẳng thèm nói gì đến đại quân trên bộ, cũng chẳng coi có Nguyên soái là người nhiệm mệnh Hoàng đế cầm quân, Hầu Nhân Bảo nuốt giận vào trong, bảo:

– Vậy, Đốc sư nên xuất doanh ngay, dường biển thênh thang không lo

giặc quấy phá, mùa này sóng nước thuận tiện, nhưng đường đi xa nên dễ bị trì chậm, ta sẽ mang đại quân ước ngày hai mặt cùng vào nước Nam!

Nguyên soái chỉ nói "ước ngày hai mặt cùng vào nước Nam", nhưng lại không nói là ngày nào, hành động ra sao, hội quân ở đâu! Lưu Trừng đang trong lúc hào hứng huênh hoang chẳng để vào tai những lời của nguyên soái, cho nên cũng không thắc mắc gì, hể hả trở lại thủy doanh. Đốc sư Lưu Trừng liền hội chúng thuộc tướng lại mà rằng:

– Vâng lệnh Hoàng đế xuống Nam, lẽ ra cờ nguyên soái phải là ta giữ, nay ngài Tri phủ Ung Châu lại là bề trên sai phái hai quân thủy bộ, ta dành là phải chịu lệnh của ông ta! Tuy thế, cứ theo như tình hình trong hội vừa rồi, thì nguyên soái đã hiểu tình thế, biết sức ta, tự hiểu mình, cho nên công khai nhường cờ tiên phong khai sơn phá thạch cho thủy quân của ta, hẹn hội quân ở nơi tim gan nước giặc, rõ ra là ta có cơ hội lập đại công lấy xong Giao Châu!

Lời lẽ của đốc sư khiến các thuộc tướng hừng chí, đốc sư thì quên mất cả những gì tướng Nam ngày nọ thi thố với ông trước triều đình ngay trước mắt Hoàng đế, quên cả những gì lúc làm lễ xuất doanh trên mặt bể rộng, lúc này đốc sư quên hết mọi sự nhưng Tất Ma Đạo Sư thì không quên. Đạo Sư gặp riêng Đốc sư mà rằng:

– Chủ nhân đừng quên những việc trước, chuyến xuống Nam này lành ít dữ nhiều, chủ nhân không nên đi trước vào sâu nước giặc, nên đóng thủy trại ở ngoài khơi, đợi quân bộ của nguyên soái vào giang sơn của giặc rồi, lúc ấy chủ nhân hãy dem thuyền vào dường sông, như thế hai mặt thủy bộ mới tiếp ứng được cho nhau, không lo giặc gây khó dễ cho ta!

Nghe Tất Ma Đạo Sư nhắc, Lưu Trừng chợt tỉnh ra, nhưng những lời huênh hoang trước các thuộc tướng vừa rồi, làm sao lấy lại được! Vả lại, Lưu Trừng vẫn quá quyết là chỉ một mình quân thủy của ông cũng đủ sức xong việc Giao Châu, nếu chậm chân thì đại công ắt hẳn là về Hầu Nhân Bảo, cho nên ông bảo:

– Đạo sư nói rất phải, nhưng nếu ta đợi quân bộ cùng tiến, thì e rằng chậm mất, giặc có thời giờ để dàn xếp việc chống cự. Chi bằng, quân thủy của ta mạnh, toàn là thuyền lớn đi biển, số quân theo thuyền không thua quân trên bộ, thế mạnh vượt xa sức giặc, ta tiến là vào đến tim gan giặc ngay, lúc ấy quân bộ chỉ còn có việc "theo quân thuyền của ta mà nhận dất nhận thành", ta không nên để lỡ!

Đạo sư không phải là nhà tướng cầm quân, ông không hiểu phép lập trận, vả lại mỗi tướng có một cách hành quân riêng, ông không bàn đến

chiến pháp, nhưng chú trọng đến ngày nào trên sóng cả lúc làm lễ xuất quân, có con thủy quái xuất hiện, rồi rẽ sóng ra biển rộng trên lưng mang theo cây gươm của Chu Tích Mộc, ngày ấy ông đã khuyên Lưu Trừng như thế nào, và bây giờ thì Trừng dường như đã quên việc ngày ấy! Đạo sư có lo lắng, sau ông lại nghĩ:"việc ngày trước, ông đã thấy rõ cả, vậy thì cho dù hôm nay Lưu Trừng có trái lời ông dặn cũng nhất định không thể xảy sự khác được", vì thế ông không nói thêm gì nữa.

Và Đốc sư Lưu Trừng phát lệnh xuất quân, không cần cả liên lạc với soái doanh quân trên bộ, sai tướng tiên phong Đường Kiền dem đạo tiền quân đi trước, kéo theo đoàn thuyền lương trẩy sau quân tiên phong nửa ngày, Đốc sư thì còn nán lại đến gần trưa hôm sau mới truyền soái thuyền giương buồm.

Thế là chỉ trong hai ngày trời, đạo quân thuyền của nhà Tống đã ra khỏi thủy doanh, mặt biển bao la suốt một khoảng dài mấy chục dặm biển thấy buồm thuyền chiến của Lưu Trừng nhiều nhìn không hết mắt, tất cả xuôi Nam. Ba đạo quân thuyền ra đi cách nhau thời gian cũng khá dài, thế mà thuyền nhỏ liên lạc đi lại vẫn thông tin được thật khít khao.

Chiều tối hôm ấy, Đốc sư còn cùng với chúng thuộc tướng xem xét lần nữa chuyến hái hành, Đốc sư chỉ tay vào bản đồ, bảo:

– Từ trại quân của ta trên biển rộng, xuống đến phương Nam vào đường sông lớn để vào sâu trong giang sơn nước Nam mùa này, thời tiết không có sóng gió lớn, ta không **nên để** mất cái lợi này, phải gấp đường đến như thế nào để binh Nam tưởng quân ta từ trời cao đổ xuống, làm cho chúng không còn kịp trở tay, có thế chỉ một đạo quân thủy của ta cũng lấy xong nước Nam, không cần đến đạo quân bộ cũng có thể làm xong mệnh lệnh của Hoàng đế!

Nghe Đốc sư nói, chúng thuộc tướng có người không phục, cho là Đốc sư khinh địch, có thể không có lợi, nhất là tướng Đường Kiền là người thận trọng, ông nói:

– Bẩm, Đốc soái tướng truyền lệnh xuất doanh thượng phàm xuống Nam càng nhanh càng tốt, thế là đúng phép hành quân "thần tốc" khiến giặc không kịp trở tay. Tuy thế, tôi thấy: sức quân của ta có mạnh thật, có thể đủ sức lấy xong nước Nam, nhưng tôi nghĩ : ta nên giữ phần thận trọng thì vẫn hơn!

Lưu Trừng nói xong những lời huênh hoang thì trong lòng cũng có đôi chút hối, nên khi nghe Đường Kiền nói thì vội đáp:

– Ông nói cũng phải lắm, ta nghe bọn Nam man trí trá lắm, vậy ông nghĩ ta nên thận trọng thế nào?

– Bẩm, nó là nước nhỏ, tất nhiên sức quân mọi mặt không thể sánh được với binh ta, nhưng cứ xét trong quá khứ thì tôi thấy: riêng quân thủy của nó mấy lần chống quân thủy của phương Bắc ta, nó đều làm cho ta bị thua thiệt lớn. Mới đây, quân thủy của nhà Hán bị đại bại trên sông Bạch Đằng làm cho thái tử Hoằng Thao phải tử trận, thế thì một là quân thủy của nó có mạnh, hai là nó đã dụng thần mưu diệu kế gì để đả bại Bắc quân, ta nên để ý!

Đốc sư Lưu Trừng bảo:

– Ông nói đúng lắm! Ta không xem thường nó, ta vẫn biết:"con kiến cắn không chết được người, nhưng nó làm cho ta ngứa ngáy, có thể thành mưng mủ ung nhọt ". Quân thủy của thái tử Hoằng Thao đại bại, ấy là vì trúng kế "cọc đóng lòng sông" khiến bị tai nạn. Nay, ta lại cho quân thuyền vào sông Bạch Đằng, liệu có thể nào lại gặp phải cái cảnh của thái tử Hoằng Thao không? Các ông nghĩ xem!

Nhận xét của Đốc sư, khiến cho các tướng xôn xao, nhất là khi Đốc sư quả quyết là quân thủy lại cũng sẽ vào đường sông Bạch Đằng!

Tướng quân giữ lệnh giám trận Tái Đức Quyển nói:

– Bẩm, tôi vâng lệnh Đốc sư giữ việc giám trận, cho nên xin được nói trước. Đường thủy để vào sâu trong lòng nước Nam, thì đường Bạch Đằng giang là tiện hơn cả, nhưng cũng lại dễ gặp nguy hiểm! Vùng sông nước này, có nhiều dòng chảy đổ vào cửa sông lớn, do đấy giặc dễ ẩn nấp lập phục binh; lại thêm thủy triều lên xuống mạnh dễ giúp cho giặc lập trận cọc cản phá thuyền ngoài, cho nên thái tử Hoằng Thao không biết nên mới gặp nạn lớn. Nay, ta lại theo đường đi của Hoằng Thao, thì Đốc sư xét trận nên lưu ý mưu gian của giặc, nhất là đừng quên việc thủy triều lên xuống!

Tiếp lời tướng giám trận Tái Đức Quyển, đến lượt thần tướng Chu Tích Mộc lên tiếng:

– Bẩm, đúng như lời ông Tái nói, mưu gian của giặc dễ giúp nó dựa vào thủy triều để lập trận cọc. Biết đâu lần này nó lại chẳng bắt chước lối xưa, cũng lại cắm que để chọc thuyền ta, như thế thì tôi nghĩ: ta đợi lúc thủy triều lên cao nhất, đưa thuyền vào sông, lợi dụng lúc triều lên chưa dứng, thuyền theo nước tiến thật xa, gấp tranh vị trí lập thủy doanh phòng khi nước xuống, thế là mưu gian của giặc sẽ không thành, dù giặc có cắm que cũng chẳng chọc được thuyền nào của ta!

Đốc sư Lưu Trừng cả cười, bảo:

– Quả thật các ông phá mưu gian của giặc thật hay! Cho dù nó có lập trận cọc cũng không được ích gì! Tuy thế, nó dù không hại được ta, nhưng

sức nó cũng vẫn còn nguyên vẹn, ta tiến lên thì đã hẳn là nó phải lùi lại thì ta mới tiến được, ta đã phá được chút nào sức nó đâu, như vậy là ta chỉ mới bước lên được một bước, đôi bên vẫn ở thế mặt đối mặt cầm cự, sao lại bảo là ta đã thắng được, nói gì đến các việc tiếp theo!

Lời nói của Lưu Trừng làm cho hai thuộc tướng của ông chưng hửng, hội nghị lao xao. Lưu Trừng đợi cho các tướng bàn cãi một hồi, chưa thấy có ông nào lên tiếng, lúc ấy Đốc sư mới lại nói:

– Các ông nên nhớ: quân ta đi là để đánh phá giặc, chứ không phải là cốt giành giật vị trí vu vơ với nó. Sức nó còn nguyên vẹn, sao lại bảo được rằng ta đã thắng thế và an toàn chiếm giữ vị trí tranh đoạt được! Như thế, có khác gì nó mới nhường ta một bước, ta tiến hóa ra lại rất có thể là "tiến vào cạm bẫy" của nó, nó có thua thiệt gì đâu! Con sông Bạch Đằng là sông lợi hại cho cả đôi bên, nó biết sao ta lại chẳng biết, nó tìm lợi sao ta lại chẳng tìm lợi!? Binh ta là binh tiến công, nó là binh phòng ngự. Binh tiến công có thể dụng lực, có thể dụng mưu, có thể dụng kế; binh phòng ngự cũng có thể cùng chung lợi hay hại như của ta, nhưng chắc một điều: nó dễ giành được thế chủ động hơn ta, nó thu xếp trước theo ý để đợi đón ta, thế là chủ động hơn ta, đấy là điều binh gia cần phải luôn luôn nhớ ở trong dầu, có thế mới tìm ra được lối đi hay nhất!

Quả thật Lưu Trừng nhìn trận thật sắc sảo tinh thông, các tướng nghe vừa phục vừa lo trong lòng, đành là lại xin chủ tướng giảng cho nghe về cách vào trận, và cách phá trận của Đốc sư.

Đốc sư bảo:

– Sức chính của quân ta trên sông nước là ở đạo chu sư. Chu sư dù gặp lúc biển động cũng có thể vững vàng như quân đi trên bộ, nhưng vào sông thì những sông tuy là sông nhưng rộng như biển như Hoàng Hà, Trường Giang của phương Bắc ta mới là nơi thuyền trận vĩ đại của ta tung hoành mà không sợ bị vướng víu cản trở. Còn sông nước ở nước Nam, sông lớn chỉ bằng cái lạch, nông như một con mương, thì chu sư của ta chỉ có thể đi lại được lúc triều lớn, mà sông cũng phải rộng. Vùng cửa Bạch Đằng giang tuy có rộng, nhưng chu sư của ta cũng chỉ có thể tung hoành được lúc triều cao, triều hạ là gặp khó khăn ngay. Thái tử Hoằng Thao đã không biết thế, nên mang họa, lẽ nào ta đã biết lại còn làm theo để cũng chuốc họa hay sao!

Các tướng nghe Đốc sư nói, ông nào ông nấy cảm thấy gai nổi trên da thịt, quả thật bao nhiêu nguy hiểm thế mà không nhìn ra, sợ hãi im thin thít! Đốc sư tiếp:

– Xét trong việc trước, giặc huy động toàn những thuyền nhỏ để đối phó với các chu sư của thái tử Hoằng Thao, ta quả quyết lần này giặc

cũng lại hành động như thế! Ta tin chắc: nó thừa biết sức lợi và điều hại của chu sư ta, vì thế nó cũng sẽ lại lập lại chiến trận xưa. Ta nương vào đấy để thi hành cái kế binh pháp gọi là "làm cho gió đổi chiều, tạt lửa trở lại phía giặc", thì thế nào cũng thắng!

Binh pháp "đổi gió tạt lửa" của Đốc sư như thế nào, chưa ông nào biết, bỗng tướng Đường Kiền kêu lên:

– Có phải Đốc sư dụng thuật "hô phong" của Gia Cát Vũ hầu ngày xưa gọi gió lập trận đấy không?

Cả hội giật mình, cũng có người nghĩ như Đường Kiền, nhưng Đốc sư vui vẻ đáp ngay:

– Ta làm gì có được phép thần như của Vũ hầu, ấy là ta muốn nói đến cái cách lời thường vẫn quen nói, là "lấy gậy ông mà đập ngay vào lưng ông", nó đã toan dùng mẹo lừa đề đánh trộm ta lúc ta vướng víu nguy ngập, sao ta lại chẳng cũng giả vờ như nó định, để đổi ngôi cho nó!? Vả lại, nếu ta không đi đường sông Bạch Đằng thì nó làm thế nào?

Bây giờ các tướng mới chợt nghĩ ra, binh nhà Tống đi đường nào làm sao nước Nam biết chắc được mà sửa soạn lập mưu kế đón đợi!? Nhưng Đốc sư lại nói:

– Tuy vậy, ta cũng vẫn vào đường sông Bạch Đằng, thế mới là cao kiến! Cao kiến ở đâu: thế nào nó cũng nghĩ binh ta đi bằng thuyền lớn, cũng y như thủy binh nhà Nam Hán ngày trước, ắt phải vào đường Bạch Đằng, cái gương Hoằng Thao ngày trước tất khiến ta sợ mà không dám đi đường sông ấy, vì vậy nó sẽ không phòng bị trước, thế là ta hơn nó một bước! Ta làm chủ được đường sông Bạch Đằng, ấy là làm cho nó như đứa bị mắc lưỡi dao đâm ngập vào ngực, ta chỉ nhích tay là cắt đứt tim mạch nó ra, nào có khó gì!?

Chúng tướng không ngăn được đồng loạt lên tiếng ngợi khen chú soái tài giỏi. Lưu Trừng được đà không kịp đợi cho các tướng im lặng lại, ông tiếp luôn khiến các tướng phải vội ngừng cười nói:

– Ta cho quân thuyền nhỏ núp bóng chu sư, vượt đường vào nhanh sông Bạch Đằng, chiếm lấy dòng sông, các chu sư lúc ấy ở phía sau làm thế trợ chiến cho khinh thuyền, như thế thì giặc lui cũng không có chỗ, tiến cũng không được; chắn giữ được dòng sông này, là ta đã lấy xong một phần lớn lãnh thổ phía đông của nó, cất được mối lo địa hình ở phía này, lúc ấy dễ dàng thông lưu được với đất nước ta, dù chiến trận có phải kéo dài ta vẫn dễ dàng đủ mọi mặt; lúc ấy, ta sẽ trao lại cho quân bộ những phần đất đã chiếm được, rồi quân thủy của ta lại ra biển hướng vào kinh đô của nó, thì thế nào đại công cũng thành!

Đốc sư Lưu Trừng truyền tướng Dương Kiền dem một trăm năm mươi tiểu đĩnh (thuyền nhỏ), mỗi thuyền chở mười quân xung sát toàn dùng dao ngắn, lập thành đạo quân tiên phong, sẵn sàng đợi lệnh lên đường. Đốc sư dành lại một số chiến thuyền nhỏ nữa, dùng làm đội tiếp chiến.

Cuối xuân sắp sang hạ, binh thủy tiên phong của tướng quân Dương Kiền được lệnh phát pháo xuất doanh. Buổi ấy trời đẹp, nắng buổi mai êm ngang với gió thổi, tướng quân Dương Kiền ngồi ở soái thuyền treo cờ hiệu màu xanh nước biển theo lời khuyên của đạo sĩ quân sư riêng của ông là Kỳ-Ảnh-Sĩ Đạo Đống Bàng, màu cờ ấy cho hợp với phép "thủy thủy thành hải" ngày nọ ông đã luận cho tướng quân nghe.

Ngay sau khi đoàn tiểu đĩnh của tướng tiên phong Đường Kiên rời đại đoàn thủy quân ra đi, Đốc sư Lưu Trừng truyền tất cả các hải thuyền chu sư cũng lên đường, nghiêng buồm đi chậm chậm kéo theo đoàn thuyền tiên phong làm thế yểm trợ ở phía sau. Giả thử lúc ấy có cánh đại bàng biển bay qua, tất được một phen chiêm ngưỡng sức mạnh trên mặt biển của quân thuyền nhà Tống! Tuy thế, biển rộng bao la, đoàn đại quân cũng chỉ như nắm lá tre vãi trên mặt hồ rộng!

Thủy tướng tiên phong Đường Kiền được thuyền tế tác đưa tin cho hay về chiến trận, ông thấy trong lòng hừng hừng dũng mãnh, đứng trên mũi soái thuyền nhìn cảnh biển rộng bao la, phía Tây mờ mờ giang sơn của con dân nước Nam, tiên phong chợt thấy trong lòng phơi phới. Ông nhớ lại lời đoán quẻ "xé giấy" của pháp sư quân sư Đạo Đống Bàng lại càng thấy lòng nô nức. Hào khí dâng cao, khoái trí càng ngất ngất, tiên phong không ngăn nổi lòng mình, lại truyền mời đạo sư họ Đạo đến hỏi:

– Ngày nọ, đạo sư có xem cho tôi một quẻ "xé giấy", thần tiên dạy rằng chuyến đi này lập được đại công, thế là đã rõ ràng. Hôm nay chính thức thúc chiến thuyền vào giang sơn của giặc, mắt đã thấy nơi ta phải đến, trí đã vững vì đại công đang chờ, nhưng ta nghĩ: làm gì cũng phải nên thận trọng, thành công là điều chắc chắn rồi, nhưng thành công ấy lại phải bắt đầu vào lúc nào, ngày nào mới hợp với trời, đúng với tiên định thì mới được, vì thế ta nhờ đạo sư lại giúp ta lần nữa, xem ngày thì ngày nào là tốt, mà trong ngày tốt thì giờ nào là giờ tốt để ta khởi sự?

Kỳ Ảnh sĩ họ Đạo trả lời ngay:

– Thần tiên là điều kính mà cách xa, không phải là mỗi lúc mỗi việc lại triệu thánh thỉnh thần đến hỏi như thể thế gian hỏi việc lặt vặt của nhau. Vì thế tôi thấy: chủ tướng nghĩ xem: đại cuộc đã tốt thì ngày nào cũng là ngày tốt của ta, giờ nào cũng là giờ chiến thắng đợi ta, chủ tướng cứ hành sự theo phép tướng gia thì nhất định thành công!

Dương Kiên nghe đạo sư nói, thấy cũng phải, không nên vì một lúc hào hứng lại làm phiền đến thần tiên như thế, có thể thành bất kính. Và ông suy nghĩ: quân thuyền tiên phong thuần là thuyền nhỏ, vào trận cốt chiếm dòng sông Bạch Đằng, sức của ta vượt thắng địch, thuyền ta nhỏ đi lại dễ dàng, nhưng các chu sư đi sau yểm trợ thì hoạt động trong sông chỉ dễ dàng lúc nước cao, thủy triều xuống là không có lợi, vậy phải đón lúc nước dang lên mở trận là hay nhất.

Thế là tướng quân cho gọi quan thiên văn đến tính ngày, chọn giờ thủy triều lên cao nhất, để chuẩn bị tiến vào giang sơn nước Đại Cồ Việt, chiếm dòng sông lớn Bạch Đằng.

Tính toán đường còn phải đi, đúng với ngày thiên văn thuận lợi nhất, tướng quân Đường Kiền cho thuyền tế tác một mặt vượt biển đi trước dò la vùng chung quanh cửa sông Bạch Đằng, một mặt cho trình báo về phía sau để soái tướng Đốc Sư Lưu Trừng hay mọi việc, và hẹn ngày vào trận.

9

Tướng quân Trịnh Tú thu thập quân thuyền nhỏ, lại vơ vét khắp các làng chài gom góp được một số thuyền nữa, cả thảy hơn ba trăm thuyền, gấp gấp sai quân sửa sang lại, chuẩn bị dao ngắn, giáo dài, tích chứa thật nhiều tên nhọn, lại tuyển chọn toàn những quân giỏi nghề bơi lội sông nước, chuẩn bị sẵn mỗi thuyền mười tay vừa chèo vừa là binh chiến. Thế là đạo quân thuyền của tướng quân đông hơn ba nghìn người. Tướng quân kéo cả đoàn thuyền chiến tới lập thủy trại ở vùng Thủy Nguyên, trên sông Bạch Đằng, rồi cho tế tác đi lại ra ngoài cửa sông Bạch Đằng, ngày đêm trông ngóng đón đợi xem bóng dáng quân thủy của giặc như thế nào.

Tướng quân hội các **thuộc tướng** trên soái thuyền để nghe bàn việc đón giặc. Soái thuyền là một thuyền chiến hạng lớn đi lại trên sông vẫn dễ dàng, nhưng ra xa ngoài biển rộng thì không vững. Soái kỳ thủy binh của tướng quân màu đỏ thêu một chữ "Trịnh" vàng chói.

Vào hội, tướng quân bảo:

– Nay, ta vâng lệnh Hoàng đế đem quân đón giặc trên sông, có nhiều điều còn chưa rõ, cho nên hôm nay lập trại ở nơi này, trận thế chưa quyết, vì vậy ta mời các ông tới để xem ý các ông thế nào?

Thuộc tướng của tướng quân Trịnh Tú, cấp cao cấp thấp, lúc này ngồi trong soái thuyền đông cũng gần bốn chục người, khi nghe soái chủ hỏi các ông thầm thì chưa có ông nào ra ý kiến. Vì thế Trịnh soái tướng lại tiếp:

– Ta vâng lệnh Hoàng đế đón cả một đạo quân thuyền cực mạnh của giặc, nhưng: một là, vẫn chưa biết giặc sẽ vào đường nào; hai là, chưa biết phải cự địch ra sao với sức mạnh giữa giặc và ta như thế này; ba là, mở trận với nhiều điều thua thiệt như thế này liệu ta phải chiến thế nào với thắng, với hòa, với bại!? Nhiệm vụ này của ta, là hết sức khó khăn, vậy trước hết ta hãy xét xem đường đi của giặc có thể là thế nào?

Các tướng bàn cãi với nhau hồi lâu, soái thuyền thật náo nhiệt, nhưng bên ngoài vẫn thật im lặng, nghiêm trang, thủy trại hai bên tả hữu chỉ thấy san sát thuyền, tuyệt nhiên không có thuyền nào khác với các thuyền tế tác hình dáng chiếc thoi đi lại vùn vụt vừa làm nhiệm vụ canh phòng, vừa là liên lạc truyền tin. Bàn cãi hồi lâu, vẫn không ngã ngũ ra sao. Soái tướng Trịnh Tú bảo:

– Từ ngoài biển kéo vào, thuận tiện hơn cả là cửa Bạch Đằng, dường sông này chiếm được,là giặc vững được cả mặt ngoài là biển, lại trấn được nơi qua lại của các binh thủy bộ của ta ở bên trong về đến tận Cửa Hải Thị, cho nên ta nghĩ giặc sẽ không vào đường cửa sông Chanh tuy ngắn nhưng hẹp, nó cũng không theo đường sông Kinh Thày vừa xa vừa hẹp, chắc chắn giặc cũng không đi sâu hẳn xuống phía nam vào cửa sông Thái Bình để ngược đường lên Vạn Kiếp, thế nào nó cũng chọn đường chiếm giữ dòng sông lớn Bạch Đằng hệ trọng này, vì vậy ta nghĩ: chiến trận sẽ mở trên sông Bạch Dằng. Các ông thấy thế nào?

Tướng quân Trịnh Tú suy luận về đường tiến quân của giặc, nếu quả đúng như thế, thì với số quân thuyền như của ông thì làm gì được? Các thuộc tướng ai cũng thấy ngay điểm thua kém ấy. Tướng quân Ngô Đạo Thanh lên tiếng:

– Thưa soái tướng, bây giờ ta giả thử là giặc vào sông Bạch Đằng thật, tôi nghĩ: đạo quân thuyền của nó không thể chỉ toàn chu sư hải hành, mà thế nào cũng phải có các thuyền nhỏ tiện dụng trong sông, như thế thì sức ta với mấy trăm con thuyền nhỏ gần một nửa lại chẳng phải là thứ chuyên dùng cho chiến trận, khi xảy giao tranh ta khó lòng cầu hòa được, còn nói gì đến thủ thắng nữa!

Ngô Đạo Thanh là người vùng Bạch Hạc, giỏi nghề sông nước, tính tình rất ngay thẳng, từ khi được lệnh theo quân ông không lúc nào hết thắc mắc với thực lực binh thuyền của quân nhà, bây giờ trong hội nghe chủ soái nói ông không thể không đưa ý nghĩ của mình ra. Các tướng, có lẽ chẳng ông nào lại không cùng một ý nghĩ như của họ Ngô, cho nên lại có người lên tiếng:

– Thưa chủ soái, quả thật sức ta với sức giặc dù chưa vào trận, ta cũng đã thấy thua thiệt quá xa rồi, làm sao còn có thể thủ thắng được! Tôi nghĩ: Hoàng đế sai ta đi đường sông như thế này, ắt là ngài có ý định gì đây, chủ soái có thể có chiến kế gì hay, chúng tôi xin đợi được nghe lệnh!

Người vừa nói, là tướng Chu Tường Lân, người ở Phong Châu, vóc dáng to lớn, có sức khỏe, mùa đông tháng giá vẫn có thể ngâm mình cả ngày dưới nước, tính tình bộp chộp nghĩ sao là nói vậy, nhưng vào việc thì dù nguy hiểm lớn đến tính mạng cũng không sợ.

Các tướng nghe họ Chu nói, thì ồn ào thêm, không ông nào bác lời của Chu. Trịnh Tú thấy các tướng nghĩ như vậy, dù ông lo lắm được biết ý định của Hoàng đế thật, nhưng vẫn giữ kín không nói ra, ông ra hiệu cho các tướng im lặng, rồi bảo:

– Đại trận của Hoàng đế phá giặc như thế nào, ta không được biết, nhưng lệnh của ngài cho ta trấn giữ đường sông Bạch Đằng ấy là trách nhiệm của ta là cản phá giặc, yếu mạnh hay sống chết thế nào, kẻ làm tướng vào trận không quan tâm, ta chỉ dốc hết lòng hết sức vào việc chu toàn sứ mạng vua trao cho, tất ngài có chủ ý ta không biết được...

Lời nói của Trịnh Tú, khiến các tướng lặng lẽ, dù chẳng ông nào sợ vào trận với sức mạnh thua kém giặc đến như vậy, nhưng có lẽ nào đại soái chỉ huy cả đại trận lại có thể sơ hốt đến như thế! Chú soái một lòng quyết chiến, thì các tướng cũng đành là phải đi theo, không nói ra nhưng cũng có phần nghi ngờ. Trịnh Tú tiếp:

– Binh thư có dạy: "dĩ nhu nhược thắng cương cường", quân thuyền của ta không phải là không có những hạng thuyền lớn, đi biển đuổi giặc vẫn vững vàng, nhưng lệnh của Hoàng đế sai ta dùng toàn thuyền nhỏ, ắt là ngài có dụng ý. Ta thấy, thuyền nhỏ đi lại trên sông dễ dàng, binh vào trận không nhiều, thì không thể thắng được sức giặc mạnh như thế, tất có thần mưu diệu kế ở phía sau. Giả thử, thuyền ta dụ được giặc vào sâu, lại gặp lúc thủy triều xuống, lúc ấy cái kế của Ngô vương Quyền ngày trước có là hiệu dụng hay không? Có khi nào Hoàng đế muốn dụng kế ấy chăng? Như thế, thì rõ ràng là ta đã lấy yếu để thắng được mạnh rồi!

Các tướng còn bàn nhiều điều, tính nhiều việc, nhưng vẫn không thể thấy dược điều gì hơn, cuối cùng thì cũng chỉ được một việc:"chung một lòng, dốc hết sức, vào trận tiến chứ không lùi". Trịnh Tú bảo:

– Bây giờ sắp tàn xuân, biển lặng gió đều, thế nào giặc cũng sắp tới. Tế tác ta cho tin: hai quân thủy bộ của giặc xuất doanh từ lâu rồi, ta chắc chỉ nay mai thôi là đã thấy buồm nó thấp thoáng ngoài biển ta, vậy lúc này thì giờ còn chút rảnh rang, ta dàn trận đợi nó.

Trịnh Tú chia đạo quân thuyền của ông ra làm đôi, một nửa làm tiền quân trực chiến, một nửa làm hậu quân tiếp viện, lại cho thuyền trấn cả hai bên bờ sông, dựa vào lau lách ẩn cho kín đáo. Thuyền nhỏ ít người, giáo dài mác nhọn xếp trong lòng thuyền, cung khoác vai tên chất nhiều lắm, mỗi quân lại mang theo hai dao ngắn cực bén, cả đạo quân xem ra khí thế cũng mạnh lắm, tình hình này là "quyết tử chiến" chứ không chọn con đường nào khác!

Trịnh Tú lại sắp xếp sẵn một đoàn ba chục thuyền gỗ dầu nước dài mười lăm sải tay một thuyền, trên thuyền không có lính chiến, chỉ có hai

chục tay trống, đây là doàn "thuyền trống trận" vừa gõ trống ra hiệu lệnh cho cả dạo quân, lại vừa là quân "yểm trợ tinh thần" lúc quân nhà vào trận.

Tướng quân sai thuyền tế tác đi lại luôn luôn vừa để truyền lệnh mang tin, vừa để dò la xem giặc động tĩnh thế nào, thuyền tế tác nhỏ lại quét sơn dầu sống len lỏi trong lau sậy khó phát hiện lắm.

Dàn xếp xong, Trịnh Tú bình tĩnh trụ quân đợi chờ.

Lúc ấy, ở đoàn hậu quân tiếp trận, nơi tả dực (cánh quân bờ bên trái dòng sông) có một thuộc tướng của Trịnh Tú, cai quản. Tướng này là Cao Hiền Đức, người ở Thủy Nguyên chính là vùng cả dạo quân đang bày trận. Tướng họ Cao người thanh tú, mặt dẹp, võ nghệ siêu quần, duy phải cái tội rất thích những trò trăng hoa, ngay từ khi còn niên thiếu đã không ngừng tìm cách tìm hoa uống mật, đến khi trưởng thành được vào cửa tướng quân Trịnh Tú, thì hay nhân danh thế lực của chú để tung hoành ở cõi ngàn hoa, rồi gắn bó hơn cả là với nàng họ Hồ tên Dung Nguyệt người ở Đại La.

Dung Nguyệt nhà nghèo, nhan sắc được cả một vùng rộng lớn nghe biết, bao nhiêu vương tôn công tử ngấp nghé nàng còn chưa quyết, khi Cao Hiền Đức gặp được thì ra tay tranh đoạt, chiếm được người đẹp, say mê thương yêu lắm. Lúc xảy giặc, chủ tướng lĩnh mệnh cầm quân thủy đi cự địch, thì Hiền Đức chẳng khỏi ngậm ngùi phải tạm chia tay với người đẹp, lại hẹn: giặc tan thì sẽ thành vợ thành chồng, hưởng giấc Vu Sơn đến cuối đời.

Lúc Cao Hiền Đức vâng lệnh cai quản đạo tả dực tiếp trận, thời gian chờ giặc xem ra còn dài, liền lén cho thủ túc đón nàng Hồ Dung Nguyệt vào tận trong quân bày cuộc mây mưa ngay tại doanh, chúng quân xầm xì. Việc đến tai tướng quân Trịnh Tú, mới đầu ông giận lắm, sau nén lòng cho qua cơn giận, lại nghĩ: "Xưa nay, việc hương sắc thường gây nhiều rối loạn, hại cũng có mà làm nên dại sự để tiếng nghìn đời cũng có. Bao nhiêu lần sử sách ghi: trong việc trai gái, chỉ vì oán hận mà sinh ra bao nhiêu là tai họa phản phúc, vả chăng Hiền Đức có tài có tật, nay trừng trị đem giết đi thì quân kỷ cũng đã bị sai phạm, lại uổng mất một người tài...", thế là ông kín đáo cho gọi Hiền Đức đến bảo:

– Chiếu quân pháp, thì việc làm của ngươi phạm vào tội phá mất quân kỷ giữa lúc giang sơn đang hồi nguy ngập này, ấy là tội chết, lại làm liên lụy đến cả tông tộc. Nay, ta mở đường cho ngươi tu tỉnh, giặc tan thì thiếu gì ngày giờ hưởng lạc, vậy cho được sống để lấy công chuộc tội. Lại nữa, kẻ đồng phạm với ngươi là đứa con gái kia, cũng ngang tội với ngươi, chết cả nhà là điều không tránh được, ta cũng ban cho ngươi được

cơ hội để cứu người cứu mình. Phải mau mau đưa thị ra khỏi quân, không được để cho trong binh thấy diều xấu xa ấy nữa!

Cao Hiền Đức cả sợ, mấy lần lạy tạ, rồi kín đáo cho đưa nàng Hồ ra về chẳng ai hay biết. Trong quân vẫn xầm xì, có người hỏi thì tướng quân Trịnh Tú bảo: "ta cũng có nghe, nhưng xét thì không có việc ấy, vậy kẻ nào còn nói đến tức là cố ý làm loạn tinh thần chúng binh, tội không tránh được". Thế là việc im, nhiều người vẫn còn thắc mắc, nhưng không ai dám nói ra nữa.

Đến lúc tế tác đưa tin: "đại quân thủy chiến của giặc đã đến gần, buồm thuyền lớn thuyền nhỏ che khuất cả một vùng biển đang vượt qua vùng đảo Cát Bà, sắp xoay buồm đổi hướng sang phía Tây chứ không còn tiếp tục xuống Nam nữa, chỉ nay mai là biết rõ giặc nhắm tới cửa biển nào", thì tướng quân Trịnh Tú liền hội chúng thuộc tướng bảo:

– Giặc đã vào biển nước ta, nó sắp chuyển hướng để bỏ biển Lục Hải, không xuống Nam nữa mà quay sang hướng Tây, thì rõ ràng thế nào nó cũng vào các cửa sông Chanh, Bạch Đằng, quá xuống Nam nữa thì còn sông Thái Bình, chắc chắn nó phải gắn bó với quân trên bộ cho nên không đi xa xuống Nam, chỉ nay mai là ta biết đích xác nó đi vào đâu? Vậy, giả thử nó không vào cửa Bạch Đằng giang, thì lúc ấy ta chuyển trận đi cũng không khó vì thuyền ta toàn là thuyền nhỏ, suốt vùng nhiều lạch nhỏ thông ra sông lớn, lúc ấy dù là trên sông nào thế trận của ta vẫn y như vậy!

Rồi tướng quân cho tế tác đưa tin để gấp trình về cho Hoàng đế rõ. Thuyền tế tác đi chưa quá nửa ngày, đã có tin trình vào:" Có lệnh của Hoàng đế gửi đến", Trịnh Tú vội vàng cho người đem lệnh đến ngay soái thuyền. Tin sứ mang theo mật chỉ của Hoàng đế, chỉ một mình tướng quân Trịnh Tú được đọc, mật chỉ truyền thế nào chẳng ai biết, chỉ thấy tướng quân xem rồi thì nét mặt tươi tỉnh, ông cuộn mật chỉ của Hoàng đế lại, trịnh trọng cất trở lại ống ngà, rồi kính cẩn hướng về Nam quỳ gối tung hô:"Vạn tuế thánh quân! Thần tuân lệnh!". Chúng thuộc tướng cũng vội quỳ gối, đồng thanh tung hô vạn tuế. Trịnh Tú quay sang báo tin sứ:

– Ngươi gấp trở về, tâu trình Hoàng đế là ta đã hiểu lệnh!

Tin sứ đi rồi, Trịnh Tú lặng lẽ ngồi suy nghĩ, các thuộc tướng không ông nào dám lên tiếng hỏi diều gì. Hồi lâu, tướng quân ngẩng đầu, bảo:

– Sức ta so với giặc quá yếu, lệnh là phải tử chiến rồi sẽ có tiếp lệnh sau. Vậy ngay từ lúc này cho đến khi tan trận, các ông phải nhớ kỹ: ngoài tế tác ra, thì không một thuyền nào, không một người nào được ra khỏi doanh trại nơi trấn quân, bất cứ một việc nào dù quan trọng đến đâu cũng đều không được phép nói đến, trái lệnh rời quân ấy là tội chết chém tại chỗ!

Các tướng nghe lệnh, không ai lại không cảm thấy hồi hộp, ai nấy về nơi nhiệm mệnh của mình. Cả một vùng Thủy Nguyên sông nước bao la, thế mà không một tiếng động, lau lách hai bên bờ mờ mịt che khuất các thuyền trận ẩn kín, thỉnh thoảng chỉ nghe có tiếng mõ hiệu của các thuyền tuần, lâu lâu lại thấy có thuyền như con thoi nhỏ vùn vụt trẩy đi, đấy là những thuyền tế tác đem tin đi các nơi.

Đến chiều tối, tế tác đẩy thuyền đến thưa:

– Tiền quân của giặc còn ở xa ngoài biển, nhưng theo nhận xét thì nhất định nó chọn vào cửa Bạch Đằng!

Quả nhiên giặc chọn đường sông Bạch Đằng! Đoàn thuyền chiến tiên phong của Đường Kiền hạ buồm dừng lại, đưa tin về hậu quân để Đốc sư Lưu Trừng rõ: đêm tối tạm dừng quân, chờ trời sáng sẽ khai trận!

Quân thủy của nhà Tống lúc này mới ngấp nghé giang sơn trên bộ của nước Đại Cồ Việt, nhưng tế tác tiền phương của nhà Tống thì xuống Nam lâu lắm rồi, nhiều việc quân thủy của tướng quân Trịnh Tú dàn xếp, đều bị tế tác nhà Tống nhòm ngó thấy cả, vì thế tướng tiên phong Đường Kiên hạ trại thì đã được biết rõ tình thế. Ông cho gọi tế tác đến hỏi:

– Chiến thuyền của ta sẽ vào sông Bạch Đằng, thế thì con đường này bây giờ thế nào?

– Bẩm, trong các đường nước thuận tiện nhất để vào sâu giang sơn giặc, thì đường sông Bạch Đằng là thuận tiện nhất, con đường này giặc có đem binh thuyền đến án ngữ, có ý muốn chặn đường thuyền ta.

– Sức nó thế nào?

– Bẩm, không mạnh. Toàn thuyền chiến nhỏ.

– Ta muốn đích thân đến tận nơi xem xét tình thế, có gì bất tiện không?

– Bẩm, tướng quân muốn bí mật quan sát chiến địa, hay là còn có ý định gì khác?

– Quan sát chiến địa thì thế nào? Ý định nào khác là thế nào?

Tướng quân Đường Kiền vốn là người thận trọng, thành ra khi ông hỏi như vậy thì tế tác liền thưa:

– Bẩm tướng quân, nếu chỉ quan sát chiến trường thôi thì có thể lên núi cao quan sát cũng được, còn nếu muốn vào hẳn đất giặc để quan sát các việc khác thì lên núi cao không được việc gì!

Đường Kiền hiểu lời thưa của tế tác, ông dằn do suy nghĩ rồi bảo:

– Chỉ ở trên cao nhìn thế trận của địch thì chưa đủ, cần phải thu thập đủ các tin tức liên quan đến đại thế mới thật là tốt, từ đấy mới thấy được ý định của địch. Ta cần đi qua đất địch, ngươi thấy thế nào?

– Bẩm, vùng chung quanh quân thuyền của giặc dàn trận trên sông tên gọi là Thủy Nguyên. Vùng này sông nước thông nhau nhờ nhiều lạch nhỏ, địa hình hai bên ven sông hiểm trở nhiều lau lách dễ ẩn quân. Theo tế tác chúng tôi biết, thì ngoài sông trận lập, nhưng bên trong dân tình vẫn đi lại làm ăn bình thường, thật yên tĩnh, không thấy có gì khác lạ...

Dường Kiền giật mình, bảo:

– Có lẽ nào chiến trận sắp xảy ra, mà dân lại chẳng biết! Chiến tranh là chết người, ai chẳng sợ, sao nó lại yên tĩnh như thế? Rõ ràng là có điều bí mật gì!

Đến lượt tế tác giật mình, hỏi lại:

– Bẩm, như tình hình như vậy thì tướng quân nhận thấy thế nào?

– Một là, họ dàn xếp chiến trận kín mật đến độ dân chúng chẳng hay biết mảy may, người làm tướng xếp đặt được như vậy ắt phải là một nhà quân sự cự phách ít thấy ở thế gian; hai là, đây chính là quang cảnh chúng cố ý dàn xếp ra để đánh lừa ta, chứ làm sao che đậy nổi một hành vi chiến trận lớn đến như vậy chẳng để lọt ra ngoài một chút gì!

Tế tác không biết trả lời ra sao, tướng quân Dường Kiền nghĩ ngợi một lát rồi truyền các tướng thuộc cấp gấp rút đến soái thuyền nghe lệnh. Đường Kiền bảo:

– Quân thuyền của ta trước khi tiến hẳn vào dòng sông Bạch Đằng, tế tác cho hay: giặc Nam bày trận trên sông, cả một vùng trên bộ chung quanh dều yên lặng như chẳng hề có việc chiến tranh, như thế là thế nào, vì vậy ta mời các ông đến để xét cho kỹ việc!

Các tướng nghe chủ tướng nói thì lao xao bàn cãi, có người bảo:

– Binh ngoài vào, binh trong dàn trận nghênh chiến là điều tự nhiên, nhưng có điều: cứ xem quang cảnh này, thì rõ ràng là quân Nam định dùng mẹo lừa ta đây!

Người vừa nói, là tướng Mao Cẩm Tài, người ở tận Thiểm Tây, không thạo nghề sông nước, nhưng giỏi lái buôn sông nước, khéo miệng lưỡi mà thành tướng cốt để dễ bề đi lại làm ăn gian lận. Mao cho là chuyến Nam chinh này dễ như trở bàn tay, vì vậy dù chẳng có tài gươm giáo cũng cương quyết theo quân cốt để dành phần mai sau trong nghiệp kiếm lời. Nghe họ Mao nói, tướng Đường Kiền hỏi:

– Ông Mao thấy nó định lừa ta ra sao?

Mao Cẩm Tài đáp:

– Quân hành ắt gây động, thế mà bốn bề vẫn yên lặng, dân tình thản nhiên như thể đang trong hồi an bình thịnh trị, rõ ràng là hư cảnh dàn xếp

để lừa dối phương là ta! Như vậy, nếu ta thận trọng xem xét ắt là sẽ thấy có những điều lạ!

Đường Kiền giọng vui vẻ, bảo:

– Quả nhiên các tướng của ta cũng nghĩ như ta! Giặc quỷ quyệt lại toan lấy vải thưa che mắt thánh, vấy nước nói lừa là mưa rào! Quỷ kế của nó thế nào, để ta xem!

Tướng Đường Kiền truyền tế tác đưa tin để Đốc sư nguyên soái Lưu Trừng biết, nói rõ tình hình và xin chậm lại một đôi ngày rồi sẽ tiến quân, sau đó lệnh cho đạo thuyền tiên phong tạm neo lại đợi lệnh sau.

Đường Kiền dem theo hai thuộc tướng Tào Xuân Độ và Lịch Tường Thư là hai tay quyền cước vào hàng cự phách, giả trang là thương buôn theo tế tác lên bộ, đi xem xét tình hình. Cả bọn vai đeo tay nải, không đem theo khí giới, ngay trong chiều hôm ấy lúc mặt trời sắp lặn, trời nhá nhem tối, lẫn vào với dân chúng trong vùng thản nhiên đi vào chỗ kẻ chợ, cả bọn làm như thể khách đường xa đang muốn tìm quán trọ.

Thủy Nguyên là vùng sông nước chằng chịt, ghe thuyền đi lại ngày thường cũng rất đông, những ngày có phiên chợ lại càng sầm uất. Hôm nay không phải là ngày phiên chợ, vì thế các bến nước không nhiều ghe thuyền, quán trọ cũng không thiếu chỗ, nhưng các tửu quán thì vẫn đông vui như mọi ngày.

Bọn Đường Kiền ba người theo chân tế tác lang thang ở nơi bến nước, nhìn quang cảnh chẳng thấy có gì khác lạ, rõ ràng là cảnh an bình thịnh trị, chiến tranh không hề có, Đường Kiền càng tin chắc là Đại Cồ Việt có mưu gian, ông càng thận trọng. Rồi cả bọn vào quán trọ ở khuất xa bến nước, nơi này nhà cửa thưa thớt, quán xá lèo tèo, quán này là quán duy nhất lúc này cũng còn sớm chưa về khuya nên còn mở cửa. Cả bọn vừa đến gần cửa đã thấy có bốn ông khách vai khoác tay nải mau chân vào quán trước. Bốn ông khách chiếm ngồi ngay ở chiếc phản bên trong, thành ra bọn Đường Kiền ba người chậm chân một chút đành phải ngồi ở nơi chiếc bàn tròn gần cửa ra vào.

Đường Kiền khẽ nói với hai thuộc tướng:

– Rõ ràng là nó định lừa ta! Trên sông thuyền của dân chúng đi lại làm ăn lẫn thuyền chài không thấy đâu cả, rõ ràng là dân chúng biết có chiến tranh ở nơi này, thế mà nó lại giữ vẻ bình yên! Thế nào cũng còn nhiều điều lạ!

Đường Kiền vừa dứt lời, bốn ông khách ngồi bên trong bỗng có người lớn tiếng:

– Không sợ! Giặc còn ngoài xa, có chiến tranh thì cũng chẳng phải là ở

chỗ này. Mà có chiến tranh thì việc làm ăn kiếm lời của ta càng thuận lợi, chiến tranh bao giờ cũng là có lợi cho bọn kinh doanh ta!

Rồi cả bọn cười vang, thì nhau chuốc rượu, thì nhau tranh lời chẳng chuyện gì ra chuyện gì. Bọn Đường Kiền cứ im lặng lắng nghe, bên ngoài có đám đi tuần thấy ồn ào thì rẽ vào quán xem sự thể. Bọn Đường Kiền thản nhiên làm như thể những người mới vào cũng chỉ là khách của hàng quán.

Đám tuần cầm đầu là một trung niên hán tử, thấp, vóc vạc vạm vỡ vững chãi, chắc là trưởng toán, theo sau ông ta là sáu người lính mang gươm giáo. Cả bọn nhìn quanh rồi đi thẳng lại chỗ bốn ông khách. Người trưởng toán lớn tiếng hạch hỏi, bảo rằng lúc này giặc sắp vào bờ cõi, gian tế trà trộn nhiều trong dân gian, vì vậy phải xét hỏi cho biết rõ. Bốn ông khách chắc là rượu đã ngấm lên tiếng cãi lại, chẳng mấy chốc cuộc cãi cọ đã thành hầm hè xô ghế lật bàn, rồi hai bên chẳng bên nào nhường nhau, lính tuần hách dịch, khách bướng đầu, thế là xẩy trận đánh nhau dữ dội. Bốn ông khách chắc là đi lại trên chốn sông hồ nhiều rồi, quen với những việc đụng độ như thế này, cho nên dù là quan quân lính tuần cũng chẳng nể nang. Bốn ông khách tuy là thương buôn nhưng vũ nghệ cũng chẳng kém, vì thế trận đánh nhau thật kịch liệt, tuy ít người hơn nhưng bốn ông khách vẫn không sợ, men rượu như thể càng làm cho cả bốn thêm hăng. Người có vẻ cao tuổi nhất tung hoành giữa đám lính tuần thật ung dung, tay quyền lên xuống mau lẹ, cước bộ tiến thoái thoăn thoắt, có điều dù đang trong cuộc giao tranh dữ dội, ông khách vẫn luôn luôn đưa tay giữ chiếc tay nải có vẻ quan tâm nhiều lắm đến cái tay nải ấy. Cử chỉ này, cả Đường Kiền lẫn tay quyền đối thủ của ông ta nhận thấy ngay.

Dường Kiên đưa mắt ra hiệu cho hai thuộc hạ mau mau bỏ bàn, lánh sát góc vách gần cửa ra vào chứ không chịu bỏ chạy ra ngoài. Đường Kiền nói với thuộc hạ:

– Thế nào cũng có thịnh sự! Phải cẩn thận, đừng để "chẳng phải đầu lại phải tai", hãy theo dõi tên vai deo tay nải, ta nghĩ bên trong thế nào cũng có gì quý báu!

Ngay từ đầu bọn đánh nhau đã vào cuộc không nương tay, vì thế chỉ trong chớp mắt là quán tan hoang, đám ẩu đả đôi bên lẫn vào nhau kịch liệt. Người trung niên vóc vạm vỡ cầm đầu toán tuần canh từ đầu vẫn đứng ngoài nhìn đám lính đánh nhau cố khống chế bốn người lạ mặt, ông ta nhận ra cử chỉ của người cao tuổi vai đeo tay nải trong đám bốn ông khách, người này tung hoành chống đỡ che chở cho ba người kia với phong độ ung dung lắm, cả bọn rõ ra là đang tìm đường thoát thân, người trưởng đoàn tuần canh liền vào cuộc.

Trưởng toán thắt lưng treo thanh đao ngắn, nhưng ông vào cuộc với hai tay không. Tay quyền của ông lợi hại quá, chỉ vài đường công kích là

dã đánh giật hẳn người đeo tay nải trên vai ra một góc sát phía trong không cho người này có lối thoát ra ngoài. Hai bên giao chiến càng thêm dữ dội, nhà quán chật hẹp bây giờ cột đổ vách tan, bàn ghế gãy vỡ được cả đôi bên dùng làm khí giới đánh nhau. Đám Đường Kiền vội vã lùi tránh ra ngoài, liên miên phải tránh né những mảnh bàn ghế vù vù bay qua lại, cuộc đánh nhau chưa có người chết nhưng xem ra khó tránh sẽ có nhiều máu.

Bây giờ thì trưởng đoàn tuần canh đã phải huy động đến thanh đoản đao ráo riết vây đánh người đeo tay nải. Người đeo tay nải bây giờ phải tay không đối phó với thanh đao hung hiểm thì chẳng chống cự được lâu, lại thêm cái tay nải trên vai làm cho bị vướng víu, chẳng mấy chốc đã lâm nguy. Thanh đoản đao chém dọc phạt ngang nhưng xem ra không chủ ý giết người lạ, mà chí cố ý dồn ép bắt sống địch thủ, người lạ cùng đường liền hạ tay nải lấy làm khí giới vung lên đón đỡ thanh đao. Tay nải vung lên đập thẳng vào mặt trưởng đoàn tuần. Thanh đoản đao cử lên chặn tay nải, trưởng toán xoay cổ tay, thanh cuốn cuốn ngay lấy tay nải, dường đao giật mạnh trở lại kéo tay nải tuột khỏi tay khách thương hồ, trưởng toán bồi thêm một đao chém như gió giật vào tay nải cản không cho nó bay ngược vào mặt mình. Tay nải lãnh một đao đứt tung, từ bên trong văng ra nhiều thứ. Một vật dài dài bay như mũi tên thẳng vào mặt, trưởng toán hoành đao gạt bắn vật ấy đi, tung chân đá khách thương hồ một đòn văng ra xa. Trưởng toán vụt bay theo khách thương hồ quyết không cho bỏ chạy.

Vật dài dài bị thanh đao gạt bay đi, văng ngay lại chỗ bọn Đường Kiên, Kiên nghiêng đầu né tránh tay vươn ra bắt ngay lấy vật ấy. Việc xảy ra nhanh quá, đám đánh nhau còn đang mải miết muốn ăn tươi nuốt sống nhau chẳng một ai hay biết, Đường Kiền hiểu đây là ống đựng giấy tờ.

Đường Kiên nắm vật ấy trong tay, cảm biết ngay nó là một ống ngà vẫn thường dùng để đựng văn thư của các chức việc triều đình, ông lấy làm lạ, liền trao cho Tào Xuân Độ giữ. Nhìn quang cảnh, Đường Kiền liền ra hiệu cho hai thuộc hạ rút ra ngoài. Đám đánh nhau cũng tràn ra ngoài quán đổ vỡ, rồi lính tuần quát tháo duổi theo bốn ông khách thương hồ. Đường Kiền cùng hai thuộc hạ mau mau lánh khỏi nơi này, tránh mọi phiền phức liên lụy có thể xảy ra, rồi nhân cơ hội chẳng ai hay biết, cả bọn theo tế tác trở lại doanh.

Gần sáng thì về đến doanh, Đường Kiền sai đem ống ngà đến để ông mở ra xem bên trong có gì. Cầm ống ngà lớn chừng một cổ tay, dài khoảng hơn gang tay, ống không chạm trổ gì, nhưng bóng nhẵn, lại có niêm phong bằng bạc đúc đóng chữ triện khó đọc, rõ ràng đây không phải là vật tầm thường, Đường Kiền lấy dao nhọn nạy niêm bạc, mở ống,

lấy bên trong ống ra một cuộn lụa mịn màu mỡ gà. Đường Kiển nhíu mày, dây là thứ lụa quý Hàng Châu, sao lại dùng vào việc gì mà phải dựng trong ống ngà niêm phong kỹ lưỡng thế này?

Đường Kiển thận trọng mở cuốn lụa, chữ mực than Tô Mộc đen bóng, thứ mực quý thường dùng ở nơi các phủ viện lớn của Trung Quốc, lan truyền xuống cả triều đình nước Nam.

Mảnh lụa trải rộng ra, Đường Kiển chăm chú đọc, ông không phải là người học rộng, nhưng cũng hiểu được ý nghĩa của những chữ trên lụa, các thuộc hạ lặng lẽ theo dõi gương mặt chủ tướng, dù chẳng cần phải thật chú ý cũng nhận thấy mồ hôi rịn ra trên trán ông, nét mặt tướng quân căng thẳng lắm!

Đọc đi đọc lại một hồi, ngẫm nghĩa mãi triện đóng ở phía dưới thư lụa, Đường Kiển thấy run ở trong lòng, rồi ông cuộn cất lại thư lụa vào ống ngà. Tướng quân ra lệnh:

– Tất cả trấn quân bất động, tướng nhiệm tuyệt đối không được rời nhiệm sở, trái lệnh là chém đầu tại chỗ, đợi lệnh sau!

Nghiêm lệnh ra rồi, Đường Kiển lại đem theo Tào Xuân Độ và Lịch Tường Thư gọi tế tác lấy khinh thuyền ra đi gấp, không một ai biết tướng quân đi đâu.

Tướng quân tiên phong Đường Kiển đi gặp soái tướng Đốc sư Lưu Trừng.

Lưu Trừng ngạc nhiên đón tướng tiên phong Đường Kiên nghe trình báo, cũng là lúc tướng quân Trịnh Tú được tin giặc đã tới, và chính Hoàng đế cũng được trình báo, và ngài phát lệnh gấp đường đem tin đến cho Đại tướng Phạm Cự Lượng, rồi truyền đại quân do đích thân Hoàng đế ngự giá chỉ huy quay ngay lại đại trại Bảo Sơn, sau đó thì lên đường nhằm biên giới theo đường tắt tránh vùng dân cư kéo đi.

Trịnh Tú vừa được tin về giặc và lệnh của Hoàng đế, Tú chưa kịp ra lệnh gì thì đã có tin: có mật sứ đến gặp.

Tiếp mật sứ, Trịnh Tú giật mình hóa ra là Đô Hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ, Tế Sứ của Hoàng đế.

Tế sứ Lưu Cơ thuật cho Trịnh Tú nghe trận đánh nhau trong quán nhỏ giữa tế tác là quân tuần của Tế sứ với bốn người khách thương hồ do thuộc tướng của Mạc Cương Hồng hiệu là Võ Anh Phi Đằng tên Giang Trầm Trúc. Trúc vốn được lệnh Hoàng đế ngầm đi theo Tế sứ Lưu Cơ để yểm trợ cho ông, đến khi Lưu Cơ phải thi hành thủ đoạn trao thư ly gián cho các tướng soái nhà Tống, thì Tế sứ không biết sứ mạng của Trúc, lại xin được sử dụng Giang Trầm Trúc vào công việc, vì thế mới có việc bốn ông khách thương hồ trong quán nhỏ. Khi thấy bọn Đường Kiển ra khỏi quán, thì cuộc đánh

nhau cũng hết, và Giang Trầm Trúc vâng lệnh Tế sứ Lưu Cơ theo dõi Dương Kiền cho đến lúc Kiền lấy thuyền nhẹ ra đi, thì Tế sứ Lưu Cơ biết là sứ mạng của ông đã xong, bây giờ ông đến gặp Trịnh Tú.

Lưu Cơ bảo:

– Như vậy là, kế ly gián của Hoàng đế đã đến tay Lưu Trừng sau Hầu Nhân Bảo! Chỉ còn có Tôn Toàn Hưng nữa là xong!

Lưu Cơ nói sơ qua cho Trịnh Tú biết kế ly gián của Hoàng đế, rồi ông bảo:

– Hoàng đế trước khi thân chinh đem quân lên biên giới, có lệnh cho ông:"sức binh thuyền của giặc mạnh hơn binh thuyền của ta gấp bội, không thể đương trường mặt đối mặt mà đối phó với nó được, nhưng sau khi mật kế đã thi hành xong, thì thế nào Lưu Trừng cũng có thái độ. Lưu Trừng là tướng giỏi, nhưng lại hay mê tín, rất đa nghi. Đã nghi thì việc thật trước mắt cũng nghi, đã tin thì việc phải nghi cũng không nghi. Vì vậy, ông hãy nhớ kỹ lời Hoàng đế dặn: đợi khi quân tiên phong của Lưu Trừng tiến đánh, thì hãy tận lực giao tranh, cốt làm sao để giặc không có gì nghi ngờ, nhưng cũng lại phải giữ sao cho thiệt hại về mạng người càng ít càng tốt, phải làm cho giặc thấy nó thắng lớn mới được. Sau đấy thì sẽ lại có lệnh sau.

Trịnh Tú nghe Lưu Cơ nói thì mừng quá, bảo:

– Trước, tôi vẫn có điều băn khoăn: sức quân mình yếu đến như vậy, chiến thuyền lại được lệnh là thu thập toàn những thuyền nhỏ, quân chẳng nhiều, lệnh là quyết chiến thì làm sao phá được giặc mạnh đến như vậy, thành ra dù băn khoăn thắc mắc nên tôi vẫn ra lệnh là "tử chiến", khiến cho tướng sĩ của tôi chắc chắn là chẳng mấy vững lòng. Bây giờ thì đã rõ cả! Tôi sẽ vẫn "tử chiến" rồi là dại bại để bị mất hết binh thuyền! Tướng ra trận cốt đánh lấy thua, thua này hóa ra lại là thắng! Hoàng đế quả thật là vị nguyên soái kỳ tài!

Trịnh Tú tiếp mật sứ, hiểu một phần chiến kế của Hoàng đế, ông vốn là người rất trầm tĩnh kín đáo, nên sau khi tiễn mật sứ Lưu Cơ ra đi, ông không để lộ một cử chỉ gì khiến các thuộc tướng phải suy nghĩ, và ông cho triệu các thuộc tướng đến, ra lệnh:

– Tôi vừa được tin: thế nào giặc cũng tiến binh, đạo quân của ta ở Thủy Nguyên chính là đạo quân đầu tiên phải ra sức cản phá giặc. Tình thế không nhàn hạ, khó khăn là nhiều, vì vậy ta phải dốc hết sức vào trận, mạnh yếu chưa chắc đã quan trọng hơn thế trận! Các ông hãy tận lực, thắng mà có lệnh phải lui cũng phải lui cho nhanh, bại mà có lệnh tiến cũng phải tranh nhau mà tiến tới. Ở chiến trường, tướng lệnh là tuyệt đối, quân lệnh không tha thứ cho kẻ bất tuân!

Các thuộc tướng nghe lệnh, không ông nào nói gì trong lòng dù không yên cũng vẫn một lòng vâng phục. Lệnh truyền xuống rồi, Trịnh Tú đem các thuộc tướng khác vào trận ngay.

Trịnh Tú với chiến binh chiến tướng của ông thì như vậy, còn ở soái doanh quân thủy của Đại Tống tướng quân Đốc sư Lưu Trừng khi nhận được ống ngà đựng mật thư thì vội vã mở ra xem ngay.

Mật thư viết trên lụa thoạt nhìn là Lưu Trừng đã nhận ra ngay đây là thư của ai, rồi đến nét chữ viết thì không thể lầm lẫn với nét chữ nào khác được. Lưu Trừng đọc vội, thư viết dặn dò Nguyên soái Hầu Nhân Bảo về việc quân cơ bí mật, trong có đoạn:"...Lưu Trừng vốn không phải là dòng dõi khanh tướng, gặp thời may được ở chức lớn, ngoài mặt tỏ ra tuân lệnh, nhưng bên trong thì việc phản phúc đã rõ; vậy, binh tiến hãy chậm chậm, để cho Trừng thế nào cũng mong đoạt đại công, tiến binh trước, thắng rồi sẽ sinh kiêu, tự cho đủ sức lấy nước Nam, vì thế nguyên soái đừng vội tiến quân, cứ để cho Trừng một mình vào đất giặc trước...", mật thư còn tiên liệu cả kế hiểm triệt hạ Lưu Trừng sau khi đã lấy xong nước Nam, thư đóng dấu triện của Triệu Phổ rành rành. Lưu Trừng đọc xong toát mồ hôi lạnh, vừa sợ vừa giận. Ông bảo với Đường Kiền:

– May mà ông thận trọng gặp may mà đoạt được mật thư này, nếu không thì ắt mạng ta khó còn!

Đường Kiền quả thật là người tính tình thận trọng, nhưng khi nghe Lưu Trừng nói ông lại ngập ngừng một chút rồi đáp:

– Thưa Đốc sư, có thể nào lại có sự thể như vậy được không?

Lưu Trừng ngạc nhiên, hỏi lại:

– Ông nói thế là thế nào? Mật thư này không phải là của ngài Triệu Phổ hay sao? Nếu không phải thì là thế nào?

– Bẩm, việc trong triều, tôi không được dự, nhưng có nghe giữa ngài Triệu Phổ với Hầu tri phủ dù là có tình nghĩa thật nhưng lại có bất hòa lớn, thế thì có khi nào lại có việc ngài Triệu Phổ ân cần gửi mật thư cho Hầu như vậy? Vả chăng, Đốc sư là cột trụ của Đại Tống ở biển rộng, có tranh giành gì với họ Triệu đâu mà họ Triệu lại muốn triệt hạ Đốc sư như vậy? Tôi thấy, ta phải cẩn thận trong việc này.

Lưu Trừng ngẫn người, lời lẽ lý luận của Đường Kiền chẳng phải là không có lý, giữa ông với Triệu Phổ thì không có bất hòa gì, nhưng tay chân thuộc hạ của họ Triệu ở triều đình đông lắm, làm gì chẳng có kẻ không ưa Đốc sư, muốn thay chỗ của Đốc sư. Đốc sư trầm ngâm, rồi bảo:

– Chữ viết thì dích thị là chữ của ngài Triệu Phổ không thể có người thứ hai viết được như thế, vả lại còn có dấu triện riêng nữa thì làm sao lại

bảo không phải của Triệu Phổ được! Bây giờ, xét việc quân, thì ta tin là đúng thật!

Đường Kiền hỏi vội:

– Đốc sư thấy việc quân thế nào?

– Thứ nhất, Hầu Nhân Bảo cầm quân sai khiến thủy bộ hai mặt, thế mà khi ta mang binh thuyền đi trước y không tỏ ý gì là ngăn cản, rõ ra là để ta một mình đi vào chỗ chết; thứ hai, quân bộ ra đi, chỉ khi nào vào quan ải địch mới có thể gặp khó khăn, thế mà Hầu Nhân Bảo lại trụ quân không xuất doanh ngay, ý là muốn trì hoãn đợi chờ điều gì, điều chờ đợi ấy chỉ có thể là đợi chờ lúc ta bị nguy ngập; thứ ba, quan ải của nước Nam, tế tác của ta cho hay là quân trấn giữ của nó lớn lắm, Hầu Nhân Bảo chắc là sợ không dám cho quân sớm vượt ải, đợi khi ta tiến quân vào sâu gan ruột địch, lúc ấy nhất định nó phải rút bớt quân về cứu nguy, lúc ấy Bảo mới tiến quân hưởng lợi; thứ tư, nếu địch rút quân về cứu ứng, thế nào cũng có quân của nó trong Nam kéo ra nữa, ta lâm vào thế bị địch hai mặt vây đánh, một quân thủy bơ vơ khó tránh được thất bại, hàm hồ tiến quân gây họa ắt là chỉ có tội chứ chẳng có công, nhưng quân bộ tiến thì lại không gặp thiệt hại gì, họa ta lãnh, phúc Bảo nhận, ta có an toàn chạy về được cũng mắc tội lớn khó thoát! Ác liệt thật!

Đường Kiền nghe Đốc sư Lưu Trừng biện giải, thấy có lý, nhưng lại hỏi:

– Thưa Đốc sư, binh ra ngoài quan ải chinh phục một nước con con, hà cớ gì lại phải tranh giành làm hại nhau như thế?

– Triệu Phổ không ưa Hầu Nhân Bảo cho nên ông ta mới phải ra tận biên giới, thù oán giữa hai nhà ấy khó gỡ ra, nay họ Triệu lại làm như chẳng có oán hận gì, gửi mật thư đến cho họ Hầu, thế là cái kế "bắn một phát tên trúng hai con chim", nếu ta thất trận mạng vong, thiệt thòi là về phần ta đã rõ, lúc ấy Hầu Nhân Bảo cũng vướng tội lây, họ Triệu có thể bảo: Hầu Nhân Bảo không biết cầm quân, làm chết tướng thiệt quân, tội ấy khó thoát chết. Thiên hạ mất mạng thì thiên hạ thiệt, đám trong triều lúc ấy mới xin Hoàng đế cho tướng đi lấy nước Nam, xong việc thế lực của họ càng lớn!

Đường Kiền nghe chủ soái nói, trầm ngâm rồi hỏi:

– Thưa chủ soái, như thế chủ soái quyết định thế nào?

Đốc sư Lưu Trừng giọng quả quyết:

– So sức ta với sức giặc, ta quả quyết là ta sẽ thắng lớn. Nay dù Hầu Nhân Bảo không tiến quân yểm trợ cho ta, ta cũng không vì thế mà thất bại được! Vả chăng, Hầu Nhân Bảo nếu nhận được mật lệnh của Triệu Phổ trì hoãn không tiến quân, ta thắng lớn thì hóa ra chính Hầu Nhân Bảo

trúng kế của Triệu Phổ chứ không phải là ta! Ta nhân hiểm kế hại người ấy mà làm thành diệu kế của mình, như vậy binh thư gọi là "tương kế tựu kế", ta chứ không phải là Hầu Nhân Bảo sẽ là người đi lấy nước Nam!

Đường Kiền chưa hoàn toàn yên lòng, lại hỏi:

– Thưa chủ soái, như thế thì mật thư của họ Triệu chủ ý nhắm vào Hầu tri phủ hay là nhắm vào chủ soái?

Lưu Trừng ngẫm nghĩ một chút rồi đáp:

– Có khi là nhắm vào cả hai! Với tri phủ thì mục đích đã rõ ràng, còn với ta thì ta chẳng có đối chọi gì với họ Triệu, nhưng biết đâu trong đám phe cánh họ Triệu có kẻ không ưa hoặc muốn ngồi chỗ của ta? Ở đời này, làm sao biết hết lòng người cho được!

Đường Kiền im lặng, rồi nói:

– Thưa soái tường, quả thật việc gì cũng có thể có được, việc này hệ trọng lắm, sao chủ soái không cho hỏi thần linh xem sao?

Lưu Trừng tươi nét mặt, rồi bỗng nghiêm lại, bảo:

– Ấy, không được! Việc này bí mật từ triều đình xuống đến tận nơi này, vậy mà chỉ có vài ba người biết, nay đem hỏi thần linh e không được kín đáo, không nên!

Thế là Lưu Trừng quyết định, và Đường Kiền trở lại doanh tiền quân, sửa soạn đợi lệnh khai trận.

Đường Kiền trở lại doanh tiên phong, thì Trịnh Tú cũng đã duyệt xét lại lần cuối trận thế trước khi đem quân nghênh địch. Tế tác của Đô Hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ lúc này càng ráo riết hoạt động, từng chập một lại có tin có lệnh đưa về cho tướng quân Trịnh Tú. Tú ngồi trên "soái thuyền" nép trong bờ bụi lau sậy bên sông Bạch Dằng, nhờ có tế tác mà như đang ngồi quan sát khắp các nơi, nhất là theo dõi các chuyển động của đại quân của Hoàng đế.

Hoàng đế cho quân lên đường với lệnh "Không được làm hại đến tài sản của chúng dân, bất cứ hình thức vi phạm quân kỷ nào cũng đều bị tội chết, phải tuyệt đối kín đáo không được để lộ chuyến quân hành ...", nghiêm lệnh chưa bao giờ lại có như thế, đại quân kéo đi mới đầu chúng dân tưởng là Hoàng đế đưa binh tướng trở lại kinh thành ở Hoa Lư để sửa soạn đón giặc, sau chỉ biết: quân hành không rõ tung tích. Tế tác đông như kiến đi lại mọi nẻo, ngăn chặn không để một tin nào về chuyến đi bị lộ ra ngoài, thành ra vì thế ngay đến dân chúng cũng không hề biết là Hoàng đế ngự giá thân chinh ra biên ải, mà chỉ biết Hoàng đế đã ngự giá hồi loan!

Đại tướng Phạm Cự Lượng vừa được tin quân thuyền của giặc đã vượt biển Lục Thủy, thì cũng là lúc ông được tin hỏa tốc của Hoàng đế gửi đến. Nhận chỉ, đại tướng xem xong thì bàng hoàng, ngồi suy nghĩ hồi lâu rồi mới như chợt tỉnh ra, vẻ mặt tươi tỉnh, ông hội các thuộc tướng lại bảo:

– Thưa các ông, tôi vừa nhận được chỉ của Hoàng đế, ngài chờ đến tận lúc này, lúc hai quân thủy bộ của giặc đã xuất doanh, mới sai đem thần kế của ngài đến cho chúng ta biết...

Các tướng ông nào vẻ mặt cũng thật gay cấn. Đại tướng đọc lớn kế chỉ của Hoàng đế cho các tướng nghe rồi bảo:

– Như thế, quả nhiên bao nhiêu thắc mắc của chúng ta đều đã được giải rõ! Chỉ chúng ta được biết, vậy hãy giữ quân kỷ, bí mật quân sự không thể bị tiết lộ, tiết lộ là tội chém đầu tại chỗ. Bây giờ, lão tướng Đồng Thừa Trọng hãy giữ trọng trách cầm một vạn binh ở lại trấn giữ trọng ải này, diệu kế thì lão tướng đã biết, vậy xin hãy tận lực cản phá giặc, tùy lão tướng xếp đặt dàn binh lập trận theo ý thích, miễn là đừng để hỏng kế của Hoàng đế, làm mất niềm tin và kính trọng của tôi! Lão tướng thắng trận đầu hệ trọng này, ấy là làm cho thần kế của Hoàng đế thành công, lập kỳ tích đuổi giặc ngoại xâm trong lịch sử giữ nước của dân tộc ta!

Lão tướng vốn có tiếng là nghiêm nghị, lại có vẻ lạnh nhạt với việc đời, thế mà từ lúc mang lệnh của đại tướng đi gặp họ Hoàng ở Yên Bác về, tai nghe bao nhiêu là điều lạ, lại được nghe Hoàng đế phán giảng về điều dặn dò của Hoàng Kỳ Văn, thì tự nhiên lão tướng thấy sôi nổi trong lòng, lão tướng chưa biết phải nói thế nào để lại một lần nữa ra tay thi thố tài của mình trong đại cuộc, thì được đại tướng trao cho trọng trách cầm quân giữ ải, lão tướng hào hứng lắm, liền đứng lên hướng về Nam, kính cẩn tung hô "Vạn tuế thánh quân thần vũ!", rồi quay lại đại tướng Thống quản đại binh Phạm Cự Lượng, ông cung kính:

– Đa tạ đại tướng đã dành cho tôi được đánh giặc lần cuối trong đời! Trọng trách giữ ải phá giặc, tôi xin tận sức!

Rồi đại tướng Phạm Cự Lượng điểm binh, đem chín vạn binh ra đi. Đại binh ra đi, có tế tác dẫn lối theo nẻo đường rừng hướng ra phía đông, quân hành với nghiêm lệnh là: người ngậm tăm, ngựa bỏ nhạc, quân chiến chỉ mang theo binh khí không mang theo bất cứ thứ gì để đi được nhanh, quân lương theo sau chuyển vận các đồ quân dụng, nghiêm lệnh của đại tướng thì từ trên là tướng xuống đến hàng quân đều tuân theo răm rắp, ai cũng hiểu rõ tính tình cứng rắn nóng nảy của đại tướng, vi lệnh là khó thoát tội chết. Vì vậy, chỉ trong một đêm mà quân đi khỏi ải lặng lẽ kín đáo chẳng lộ hình tích, tế tác của nhà Tống vẫn đinh ninh là ải quân có mười vạn binh Nam trấn giữ.

Lão tướng Dổng Thừa Trọng tiễn đại quân lên đường rồi quay ngay lại doanh, lão tướng hội các thuộc tướng lại bảo:

– Các ngươi đã thấy, sức giặc có nghìn có vạn, ta chỉ bằng một, cuộc chiến này các ngươi đã nhìn thấy trước là chúng ta vạn binh vào trận thì sẽ không còn một mạng nào! Trên thế gian này, không ai lại muốn đem mạng mình mà vất bỏ đi, cổ kim người vào trận ai cũng đều mong thắng giặc trở về, không ai mong được thất trận mạng vong! Ta vâng lệnh đại tướng, hiểu rõ thánh kế thần vũ của Hoàng đế, đại tướng thống binh tin mà trao trọng trách cho ta, ta không thể không tận lực, nhìn các ngươi, nhìn vạn binh trong tay, ta làm sao lại có thể đẩy cả vào chỗ tận tử! Các ngươi phải sống, vạn binh của ta phải sống, ta cũng còn phải sống để được chứng kiến uy vũ có một không hai của Hoàng đế! Bởi vậy, ta bảo cho các người được biết: tướng không biết, không tin ở đại cuộc, ấy là tự tạo cửa ngục để mà vào; tướng không biết không tin ở bản lĩnh của mình, ấy là đi đêm nơi vách núi cheo leo không có đuốc lửa, thế nào cũng rơi xuống vực sâu; binh vào trận không tin ở tướng của mình sẽ hỗn loạn, ấy là cảnh "dê non tự mang xác đến dâng miệng cọp". Vì thế, mệnh lệnh của ta ban ra, là tuyệt lệnh chỉ có tuân hành tuyệt đối, sai một bước tiến lên, chậm một bước lui lại, ấy là mất mạng. Ta tĩnh mà các ngươi rối động, ấy là đem mạng sống để lại nơi chiến địa, các ngươi hãy nhớ lời ta dặn, nghe lệnh ta mà làm, trông cử động của ta mà làm theo, lúc ấy sẽ thấy uy vũ thần thánh của Hoàng đế, bản thân được một lần kỷ niệm lưu truyền cho con cháu!

Thật là một điều lạ chẳng bao giờ thấy ở lão tướng, ông vốn rất ít nói, thái độ khinh chúng vô cùng, thế mà hôm nay lại thay đổi hẳn, ông hăm hở, thuyết giảng thật nhiều, xem ra vô cùng hào hứng! Thái độ của ông, làm cho các tướng cũng thấy bừng bừng hào khí, bản lĩnh của lão tướng thì ai cũng đã rõ, bây giờ ông lại thổ lộ ra đến như thế với đầy vẻ tin tưởng và thương yêu thuộc cấp như vậy, khiến cho tất cả có cảm nghĩ: ông là bức thành cản giặc nhiệm mầu, không giặc nào có thể vượt qua được! Với tuổi già, lão tướng chắc chắn không thể lên ngựa múa gươm chém giặc được, ngay từ xa xưa ông cũng chưa hề dụng đến sức mạnh của gươm giáo, mà thuần dụng sức mạnh của tinh thần, lần này ông muốn biểu diễn một lần chót trong đời cái tinh thần vô song ấy, chiến pháp của ông, tướng cầm quân giữ thành, thường là chủ về thắng địch bằng nghệ thuật, nhưng lần này xem ra lại có cả máu xương!

Rồi lão tướng truyền lệnh: dựng đài cao ngay bên trong cửa ải, đài cao có thể xa mươi dặm đường vẫn thấy rõ, trên đài đặt một tấm bảng lớn viết dòng chữ "Hầu Nhân Bảo qua ải này rồi chết", bên ngoài ải lão tướng sai quân dọn dẹp thật quang đãng cả một khoảng bao la có thể

chứa vài vạn người, bên trái cửa ải dựa vào núi cách ải không xa chất bẩy đống đá theo thế Thất Tinh, mỗi đống cho dựng một cột cờ toàn màu đen; bên phải cửa ải cũng dựa vào núi cho dựng tòa "Thiên Trụ" cũng bằng đá xếp,trên đỉnh trụ cắm một lá cờ màu trắng; ở cả hai trận thế cho phục binh sử dụng toàn cung cứng tên dài, tên chất nhiều vô kể.

Cách xa ải năm dặm lão tướng cho dựng một đài nhỏ nữa, trên đài trống trơn bốn bề không vách che, giữa đài có một tấm bảng viết một chữ lớn "Phá", ý nghĩa thế nào chẳng ai biết. Dưới đài sai đào một hầm nhỏ lèn chặt hỏa liệu, từ hố hỏa liệu có dây mồi dẫn lẩn kín trong cây có chạy về cửa ải.

Từ đài "Phá" hướng về ải cứ cách khoảng già nửa dặm đường lại cho đào mạch cắt ngang khoảng rộng thành một đường hào sâu ngập đầu người, thông với rãnh dẫn hỏa liệu nối với hầm hỏa liệu đài Phá, bên trên sai lấy tre vầu cây rừng đan che đậy lại thật dày, vững vàng, lấp đất lên khiến không thấy có đường hầm ở dưới, trong các đường hầm ấy đổ nhiều hỏa liệu, nhất là các loại nhựa cây rừng dễ cháy.

Hào nước phía bên trái ải, nhờ có dòng suối nhỏ nước lúc nào cũng từ triền núi cao chảy xiết đổ vào cho nên hào lúc nào cũng đầy nước. Lão tướng cho quân chặt một trăm lẻ tám ống tre lớn khẩu độ bằng nhau, mỗi ống tre chỉ là một đốt tre, trên mỗi đốt tre ấy lại sai lấy dao sắc khoét những lỗ lớn nhỏ, nhiều ít theo chỉ dẫn của lão tướng. Xong rồi, một trăm lẻ tám ống tre ấy lấy dây mây kết lại thành ba lớp có số ống không bằng nhau. Sau cùng, lão tướng đích thân sai đem các ống tre ấy chọn nơi suối chảy mạnh và đều dìm xuống xuôi theo chiều dòng chảy giữa con suối, lại đóng cọc giữ cho ba dàn ống tre không bị suối chảy xoay ngang ra, dòng dây cột nối vào một hố trong đổ đầy hỏa liệu. Hố hỏa liệu này có một đường dây dẫn to bằng cổ tay chạy suốt mấy dặm đường nối với hố hỏa liệu ở "Phá" đài. Các nơi cần thiết lão tướng đều đặt toán người ẩn kỹ canh giữ, lại dặn phải làm thế nào, và vào lúc nào. Việc sửa soạn xong, lão tướng đích thân đi xem xét lại thật kỹ mọi chỗ mọi nơi, rồi trở lại bản doanh hội các thuộc tướng lại mà rằng:

– Từ lúc giặc hội triều bàn việc cướp nước ta, cho đến lúc tướng giặc Hầu Nhân Bảo nhận lệnh cầm quân ra đi, thời gian kéo dài đến nay cũng là sắp tàn xuân, tiết trời sắp vào hạ, khô ráo, quang đãng, chỉ khoảng trọng hạ là giặc xuất hiện trước ải ta, lúc ấy cuộc chém giết như thế nào, các ngươi sẽ thấy rõ! Kể từ lúc này, ải quan phải luôn luôn quét dọn cho sạch sẽ, ta đợi đón khách từ phương Bắc tới sao cho thật gọn gàng đừng để người ta chê cười! Cũng từ hôm nay, không có lệnh mà ra vào ải, ấy là tội chém đầu, lệnh truyền ra chậm chễ không làm đúng ấy là có ý chần chừ làm sai để giúp giặc, tội chết!

Rồi lão tướng lệnh cho tế tác đi xa ra ngoài ải quan để đón tin giặc, lại bảo:"ải quan không phải là quân thành cách biệt, còn có dân chúng ra vào đi lại làm ăn, ắt tế tác của giặc trà trộn vào để dò la nghe ngóng tình hình ta, vậy những người có trách nhiệm phải làm sao gìn giữ không để cho dân biết việc sinh lo lắng hoảng sợ, tiết lộ quân cơ là sẽ làm cho lòng dân náo loạn, tội ấy không tha", vì thế dân chúng vẫn vào ra ải quan lo việc ruộng đồng trong cảnh thanh bình, cho là giặc không tới hoặc cũng phải còn lâu lắm giặc mới tới. Tế tác an ninh đi lại nghe ngóng, cũng có phát hiện ra tế tác của nhà Tống nhưng được lệnh là không được ra tay bắt giết, cứ để cho chúng bình an thu thập tin tức trong cảnh sinh hoạt của dân chúng.

Lão tướng phát lệnh đi các nơi vừa xong, thì có tin trình vào:" có khách phương xa xin vào hội kiến", hỏi tên họ khách không chịu nói, chỉ bảo "là người xưa cũ", lão tướng lấy làm lạ, rồi cũng cho mời vào.

Khách lạ không ai khác hơn, lại chính là Sĩ sư Lưu Cơ. Lão tướng cả mừng mời Sĩ sư vào soái doanh, lão tướng nói:

– Tôi đã được biết đôi chút về thần mưu của Hoàng đế, cho nên vâng lệnh đại tướng ở lại đây giữ ải. Tôi nghĩ: Hầu Nhân Bảo là tay văn học, tất thế nào ông ta cũng hành động quân sự không ra khỏi cái ý lẽ của người đọc sách trước đã, sau đấy mới là việc quân sự, cho nên tôi bầy trận từ ngoài xa để cốt lừa ông ta!

Đô hộ Sĩ sư Lưu Cơ đã tận mắt được thấy các xếp đặt của lão tướng họ Đổng, nhưng không hiểu kế lừa của lão tướng thế nào? Hỏi thì được lão tướng giảng:

– Hoàng đế lập kỳ mưu, sai tôi trấn giữ ải, lại mật dặn: "làm sao để giặc e ngại đường chính qua ải, hoang mang về sức mạnh hậu cứ của ải, vượt ải rồi mà phải đi đường khác để về miền xuôi", do vậy tôi mới có nhạc trận gọi là "kinh mang viễn kiến, chuyển đạo cận hành", ý của trận là từ xa giặc thấy sợ, chuyển hướng lúc lại gần, cũng tựa như một bản nhạc khúc dạo đầu làm cho tâm hồn người nghe thấy hoang mang, rồi dẫn vào những tiết tấu âm điệu cùng thanh âm khiến cho tâm hồn bị kích động tán loạn. Nếu nhạc trận của tôi thành công, thì có thể mười nghìn binh trấn ải lúc kết cục bại trận mất ải mà vẫn không bị thiệt hại mạng nào, nhàn hạ xem trận của Hoàng đế ở phương khác!

Lưu Cơ đem tế tác bí mật đi quan sát trận bày của Đổng Thừa Trọng, thấy tất cả mọi việc, đến khi nghe họ Đổng giảng trận lại càng không hiểu gì thêm, nên không có ý gì cả, ông bảo:

– Nhạc trận của ông từ xưa đã được người đời nghe biết, bây giờ lại đem ra thi thố ở vào lúc hệ trọng này, thì chắc chắn là sẽ thành công, thịnh sự này rồi đây sẽ lưu truyền mãi trong nhân gian. Có điều, trên trời vạn vạn tinh tú, có ngôi sáng ngôi tối, vì thế tôi chỉ xin được nhắc ông: Hầu Nhân Bảo có thể là ngôi tinh tú tối, nhưng trong đám thuộc tướng của ông ta cũng có thể có những vì sao sáng, lão tướng đừng nên quên điều ấy là được!

Rồi Sĩ sư họ Lưu giữ trọng trách Tế sứ lại ra đi.

Đổng Thừa Trọng tiễn Sĩ sư xong, trở lại doanh ngồi lặng suy nghĩ về câu dặn dò của Sĩ sư, ông nhớ lại truyện ngày xưa lúc quân sư Lê Thảo của Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh một mình nhàn du lên núi phá nhạc trận của ông, liệu lần này trong đám binh tướng nhà đại Tống có tay thần tiên nào diễn lại được cảnh ngày xưa không? Suy đi nghĩ lại, ông thấy: ngày xưa nhạc trận lấy nghệ thuật lớn của trời đất làm căn bản để biểu diễn tinh hoa, không có chủ đích sát phạt, còn lần này thì khác, tinh hoa cũng có mà sát phạt cũng có! Và lão tướng cũng thận trọng dích thân đi duyệt xét lại trận.

10

Sau khi hội tướng định kế xuất quân, phát lệnh cho quân thủy lên đường, Nguyên soái Hầu Nhân Bảo hồi soái phủ thì hôm sau được tin: "Đốc sư Lưu Trừng đã cho quân ra biển rộng rồi...", Hầu Nhân Bảo nghe trình thì hận trong lòng lắm, Lưu Trừng đi chẳng vào trình lệnh, rõ ràng là chẳng coi ông ra gì, y làm đúng trong mật thư của Triệu Phổ! Nguyên soái hội các tướng lần chót để ban lệnh xuất doanh.

Trước hết, theo đúng kế hoạch, Nguyên soái sai Trần Khâm Tộ lĩnh trách nhiệm, mang năm mươi ngàn quân đi phía sau đại quân, đợi đại quân qua ải nước Nam rồi thì sẽ kéo quân gấp mau xuống chiếm giữ vùng Tây Kết của nước Nam làm thế "ỷ dốc"cho đại quân nhắm hướng thành Đại La tràn xuống.

Nguyên soái mang quân đi chính giữa, tả dực có tướng quân Quách Quân Biện, hữu dực có tướng quân Triệu Phụng Huân, hậu quân yểm trợ tiếp chiến sai Tôn Toàn Hưng mang cờ phó tướng trông nom, ba đạo quân xung trận sẽ xuất doanh trong cùng một ngày, nhưng có đạo đi trước đạo đi sau.

Nguyên soái Hầu Nhân Báo tuyển quân chọn tướng như thế trong một thời gian khá dài, và ngày phát lệnh xuất chinh như vậy là đã vào tháng Ba mùa Xuân năm Tân Tị (981). Nguyên soái bảo:

– Mùa Xuân ở phương Nam khí trời ấm áp dễ chịu, đầu xuân còn dư hơi lạnh mùa đông, ta chọn ngày mười bốn để xuất doanh là tốt nhất.

Có người hỏi: tại sao nguyên soái lại chọn ngày Mười Bốn, ông giảng: "... một ngày có một giờ tốt, một tháng có một ngày tốt, một năm có một tháng tốt; giờ Thìn là giờ đẹp nhất trong ngày, thời gian không còn non trẻ nhưng chưa là muộn; ngày mười bốn trong tháng là ngày trời đất chưa vào đến hết thời thượng đỉnh của phát triển, trăng chưa tròn cũng như

tuổi đời con người ta đẹp vô cùng. Thế thì ngày mười bốn xuất quân chính là ngày tiến ắt thắng...". Nguyên soái giảng như vậy nói là theo sách dạy, nhưng có người lại bảo: "người xưa tránh con số "ngũ nguyên" nó là hàng tối thượng của điểm số vũ trụ để bắt đầu đi xuống tối hạ của tàn vong chuyển thế, không bao giờ nên chọn con số này..."(*). Nhưng không ai dám lên tiếng phê bình gì về quyết định của nguyên soái.

Quyết định của nguyên soái loan báo xong, nguyên soái lệnh cho tế tác: "lúc này mới vào ngày đầu tháng Ba, còn chẳng mấy lâu nữa binh sẽ ra khỏi doanh, vậy trước hết tế tác đi xem lại mọi sự trong ngoài ải quan của nước Nam xem thế nào?"

Từ trước, tế tác đã ra khỏi doanh đi dò la tình hình nhiều nơi, vào cả bên trong quan ải, đi sâu xuống miền đồng bằng, nay nghe lệnh nguyên soái thì chỉ tăng thêm các nỗ lực dò la mà thôi. Chẳng bao lâu tế tác đã về trình để nguyên soái biết tình hình trong và ngoài ải quan của nước Đại Cồ Việt, tế tác thưa: "... từ trước, mọi việc sửa soạn quân binh của Đại Cồ Việt bình thường, nhưng trong mấy ngày gần đây thì đột nhiên có nhiều thay đổi lớn lắm, tế tác không thể nào hiểu được là thế nào... "Rồi tế tác trình lên đầy đủ các chi tiết quang cảnh thu thập được bên ngoài và cả bên trong ải quan.

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo nghe trình thì lấy làm lạ lắm, vội triệu tập tất cả các thuộc tướng lại, bảo:

– Cứ theo tế tác trình, thì rõ ràng là Giao Chỉ có sửa soạn chiến kế lạ: "tiền quan quang đãng, nội quan bình thường", có lẽ nào Giao Chỉ muốn dọn quang chiến trường để cự chiến với ta, lại xem thường ta, tin là nó sẽ thắng, cho nên nội ải vẫn bình thường!? Rõ ràng là nó có mưu gian!

Tế tác lại trình bày trước tướng hội đầy đủ mọi việc, rồi thưa:

– Bẩm nguyên soái, tướng giữ ải là một tướng già, phép chiến trận của y như thế nào thì chưa biết, nhưng y danh tiếng về môn "nhạc", xưa y có lần lập nhạc trận nhưng kém cỏi thế nào để trận ấy bị binh ngoài phá nát mà chẳng cần phải đổ giọt máu nào!

Hầu Nhân Bảo nghĩ ngợi rồi bảo:

– Đứa cầm dao thì lúc nào cũng muốn cắt chém, đứa cầm bút thì lúc nào cũng muốn sách vở, lẽ ra tướng cầm quân thì phải giỏi việc trên lưng ngựa, nay một lão già giỏi âm nhạc giữ thành ải thì tất thế nào nó cũng

---

(*) Người nước ta cũng có câu: "mồng năm, mười bốn, hăm ba; đi chơi cũng thiệt nữa là đi buôn", *để tỏ ý tin rằng: vào những ngày ấy mọi sự đều không được tốt lành, cần phải tránh; đấy là kinh nghiệm theo dị đoan.*

làm cái trò "xưa đã gảy đàn chặn địch", thì nay thế nào nó cũng lại bày cái trò ấy ra chứ chẳng sai! Vả chăng, trước nó đã bị nát trận, thì nay ta lại không đủ sức để nghe nhạc trận của nó hay sao! Để ta đích thân đi xem xét thì sẽ rõ mọi việc!

Thế là Hầu Nhân Bảo, Tri phủ Ung Châu, nguyên soái binh đại Tống, liền đem theo vài thuộc tướng giả dạng dân đại Tống bình thường đi lại làm ăn với bên trong ải, theo chân tế tác đi xem xét các xếp đặt bên ngoài quan ải của tướng nước Nam.

Hầu nguyên soái bí mật đi quan sát trận thế của nước Nam trước ải quan Lạng Sơn, thì tế tác nước Đại Cồ Việt cũng hỏa tốc phi báo về cho tướng trấn ải biết, tướng trấn ải liền ra lệnh: bao nhiêu sinh hoạt bình thường càng phải giữ nguyên, không được có hành động gì làm khó khăn cho việc dân chúng trong ngoài ải đi lại làm ăn sinh sống, việc tuần cảnh phải giữ như thường lệ không được tỏ ra có gì khác lạ. Vì vậy, Hầu Nhân Bảo không làm sao nhận ra có điều gì khác thường, ông hỏi thì tế tác thưa: "mọi việc đi lại làm ăn trong ngoài ải nhìn bề ngoài thì bình thường, nhưng có vài nơi lạ mới xuất hiện, tế tác không hiểu ý nghĩa..."

Hầu Nhân Bảo được dẫn đi xem những nơi lạ mới xuất hiện ấy. Trước hết là giữa quang cảnh bá tính đi lại làm ăn, rõ ràng có sửa soạn dọn dẹp trước cả một khoảng bao la, Bảo nhận ngay ra sự thế này. Ông bảo với các tướng:

– Giả thử, quân ta kéo đến, ắt dân chúng phải lánh đi hết. Vùng đất rộng trống trơn này tế tác nói là sâu mãi xuống đến sát cầu treo bắc qua hào, lúc ấy có thể chứa được vài vạn người ngựa, rõ ràng chiến địa trước ải đã được nó sửa soạn! Có điều, sự khác thường nhưng rành rành này, sao dân chúng lại không biết? Quả nhiên nó muốn xếp đặt để lừa ta, mọi sự bình thường chính lại là khác thường!

Hai bên vùng rộng bao la ấy, nhìn ra chỉ thấy rừng cây rậm rì, Hầu Nhân Bảo lại nói:

– Rừng rậm ấy, giả thử giặc án phục binh, hai hướng tả hữu dùng đến tên nhọn bắn vào binh ta, hoặc dùng đến tên lửa đốt phá binh ta, lúc ấy ắt ta bị giặc đánh vào hai bên sườn, trước mặt lúc ấy binh trong ải có thể xuất hiện, thế là ba mặt giáp công, giặc có thể làm cho đại binh của ta vướng víu không có nơi trốn lánh, dễ sinh hỗn loạn!

Rồi Nhân Bảo sai tế tác: phải lập tức vào rừng rậm hai bên, tìm xem có dấu vết gì là có phục binh của giặc ở các nơi ấy không.

Tế tác vâng lệnh chia nhau đi rồi, Hầu Nhân Bảo lại tới gần cửa ải hơn nữa, đi được nửa đường thì thấy bên hữu có cái dài cao dựng bằng

tre trống trơn, trong đài chỉ có một tấm biển lớn viết một chữ "Phá", dưới chân đài thấy có nhiều chân hương rõ ra là chỗ người qua lại thắp hương khấn vái điều gì, cả bọn quan sát hồi lâu, chẳng hiểu ý tứ ra sao. Hỏi, tế tác thưa: "trước không thấy có cái đài tre này, chỉ mới vài hôm trở lại đây bỗng nhiên thấy xuất hiện, dân chúng qua lại hay thắp hương dưới chân đài, hỏi thì họ bảo: có thầy phong thủy chỉ dẫn cho tướng trấn ải dựng đài này sai lôi thần trấn giữ cho ải, binh ngoài tới thì lôi thần sẽ ra uy phá hết binh ấy."Hầu Nhân Bảo nghe trình thì cười bảo các tướng: tướng cầm quân không tin ở sức mình, lại bày đặt những việc hoang dường cầu thần sấm thần sét hộ trì, khi nào binh qua đây ta không dụng chạm đến cái đài ấy, xem lôi thần có biết mà cản ta không?

Qua khỏi thần đài sấm sét với chữ "Phá", vừa đi Hầu Nhân Bảo vừa ngẫm nghĩ, chợt quay sang thuộc hạ mà rằng:

– Hóa ra nó định đánh lừa ta, nó dựng đài tre sơ sài, viết chữ "Phá"có ý xúi ta phá cái đài ấy đi, đài bị phá thì thế nào cũng có chuyển động nguy hiểm cho ta, vì vậy khi nào vào trận, các ông phải nhớ kỹ đừng đụng chạm đến cái dài ấy mới được!

Cách xa cửa ải chừng nửa dặm đường, cả bọn thấy bên phải cửa ải có gò đá cao trên đỉnh dựng lá cờ trắng, Hầu Nhân Bảo ngắm nghía gò trụ đá, hỏi thì tế tác thưa: trước cũng không có gò đá trụ này, chỉ cách nay mấy ngày gò này mới thấy lính trong ải ra xếp đá mà thành cùng lúc với việc dựng cái đài đằng kia, không hiểu chúng định làm việc gì?

Quay sang bên trái ải, cũng thấy nhiều gò nhỏ đá xếp, trên mỗi đỉnh gò lại cắm một lá cờ đen hỏi thì tế tác cũng thưa: "gò này có cả thảy bày cái, cũng lập cùng với gò trụ bên kia". Nghe trình, Hầu Nhân Bảo chợt thốt lên:

– Hóa ra nó dựng gò Thất Tinh! Thế thì gò trụ bên kia phải là gò Thiên Trụ!

Các thuộc hạ không hiểu, hỏi thì Hầu Nhân Bảo giảng:

– Trong phép dụng binh của người xưa, nghe nói có một vài tướng biết phép lập huyền trận Thiên Trụ Thất Tinh, có thể gọi rồi sai khiến cả tướng trời binh trời, huy động được cả thần sấm sét gió mưa, nhưng chưa ai được thấy. Nay ở dây, tướng Giao Chỉ lại dựng trận như thế, thì một là nó định đem huyền bí trời đất ra để lừa ta, hai là nó có tài gọi được tướng nhà Trời xuống đài Thiên Trụ để nghe lệnh, sai chư thần tụ hội ở đống Thất Tinh lấy sức mạnh trời đất trăng sao để trợ trận cho nó! Có lẽ nào nó có được cái tài như thế!

Các thuộc tướng lao xao bàn tán, Hầu nguyên soái xem ra nghĩ ngợi lung lắm, hồi lâu ông lại bảo:

– Có khi nào nó có được phép mầu ấy thật không? Nếu không có, thì tại sao nó lại dám xếp đặt chiến địa ngoài quan ải trống trơn rộng rãi như thế để đợi ta? Còn ngược lại, sức nó chẳng có gì, toan lập gian mưu để lừa ta! Các doanh trại trong ải như thế nào, ta phải xem cho biết mới được!

Tế tác thưa:

– Trong ải, các doanh trại không thấy có gì khác lạ, tính số khói bếp thì cho đến lúc này trong ải nó phải có đến chục vạn binh, mọi sinh hoạt của dân chúng hoàn toàn bình thường .

Hầu Nhân Bảo nghe trình, lại chợt kêu lên, vẻ vui mừng:

– Quả thật nó định lừa ta! Ngoài ải sai xếp đặt huyền trận, lại cố ý phô trương để ta thấy rõ, có bao giờ trận thế của mình lại đem phơi bày ra cả để cho địch thấy hết không? Rồi một quan ải chẳng lớn, sức chứa chẳng nhiều, thế mà lửa bếp lại đếm được đủ để nuôi ăn cả chục vạn binh, rõ ra là hớ hênh giấu đầu hở đuôi, lừa ta sao nổi!

Các thuộc tướng thấy nguyên soái có phần vui mừng thì cũng vui lây, hỏi thì nguyên soái giảng:

– Nó sức yếu, nhất định chẳng có gì, toan lấy huyền bí hoang đường của người xưa để lừa ta làm cho ta sợ không dám qua ải của nó! Đã thế, ta sẽ san bằng ải quan này cho nó biết thế nào là binh trời đại Tống, xem lúc ấy nó huy động huyền trận bịp của nó ra sao!

Rồi cả bọn lẫn vào dân chúng vào ải, vượt cầu treo.

Đến trước ải quan, cả bọn đứng ngắm tòa thành cổ không có gì khác lạ, thành chẳng lớn như những thành ải ở Trung Nguyên, nhà cửa lèo tèo, dân chúng đi lại chẳng đông, loáng thoáng chỉ thấy vài bóng lính, như thế này thì thành ải phải là đang trong hồi thái bình thịnh trị mới đúng. Quang cảnh này thì không thể nói là tự nhiên được, chiến tranh sắp xảy ra, thế mà dân chúng hoàn toàn chẳng biết gì, binh lính cũng lại chẳng thấy, hiển nhiên là cố ý bày ra như thế! Hầu Nhân Bảo quay sang các thuộc tướng, bảo:

– Nước thái bình thịnh trị quang cảnh cũng chỉ đến thế này là cùng, thời chiến mà tuyệt nhiên chẳng có dấu hiệu gì của chiến tranh! Biết đâu bá tính đã chẳng bị xua đi hết, kẻ qua người lại lúc này toàn là lính tráng giả dạng cả thì sao!?

Đi thêm ít bước, cả bọn thấy có chiếc đài cao, nhìn lên chẳng thấy có gì ngoài một tấm biển lớn, cả bọn giương mắt nhìn nhận ngay ra biển lớn đề mấy chữ: "Hầu Nhân Bảo qua ải rồi để mạng lại"thì giật mình vội vàng kín đáo thủ thế có ý che chở cho chủ soái. Nhìn quanh, vẫn không thấy có gì khác lạ, người qua kẻ lại vẫn tự nhiên như thế chẳng ai biết đang có mấy khách thương buôn đứng ngắm đài cao.

Hầu Nhân Bảo nói với các thuộc tướng:

– Nó dựng đài cao, đặt tấm biển có ý đe dọa ta, chẳng biết đài này dùng vào việc gì?

Có tướng bảo: "đã thế, tiện đây cứ phá ngay cái đài hủy tấm biển đi xem sao". Hầu Nhân Bảo không cho, bảo:

– Nó dựng đài trong ải, lại sai đặt tấm biển, ắt nó có kẻ canh giữ, người qua lại chẳng ai quan tâm, nếu nay ta phá đài hủy biển, tất sinh náo động, lúc ấy biết đâu lại chẳng có phục binh của nó dổ ra, nguy hiểm vô cùng, không nên nóng nảy!

Quả thật Hầu Nhân Bảo khôn ngoan, tinh tế nhận xét mọi việc, ước đoán mọi điều đều đúng! Dân chúng qua lại lúc này quả thật chỉ là binh lính hay người của lão tướng họ Đổng giả trang, thành ra vì thế đám khách lạ vào ải là tế tác nhận ra ngay, tin trình vào soái tướng trấn ải chẳng còn thiếu một chi tiết nào. Có tướng nghe trình thì thưa với lão soái tướng:

– Đám chúng nó gan lớn dám vượt ải dò la, ta nên nhân cơ hội này mà giết hết đi là hơn cả, giết được một tướng giặc là triệt hạ được một mối hại, không nên bỏ qua cơ hội tốt!

Nhiều tướng cũng khuyên lão tướng như vậy, nhưng lão tướng lại bảo:

– Ngay cả như nếu trong số những kẻ ấy có nguyên soái Hầu Nhân Bảo, ta cũng không được phép ra tay giết y. Làm như thế, là báo động cho Tống đế biết, mất Hầu Nhân Bảo thì chúng còn cả chục cả trăm tướng tài khác, chi bằng không động thủ; giết Bảo lúc này là kích khí Tống đế, khiến cho ông ta thêm dữ dội, Hoàng đế của ta chủ định: phá trận rồi giết Bảo, dấy mới là hãm Tống đế vào thế "kinh mang sinh tử", triệt hạ chính Tống triều, có thế mới không làm hỏng thần kế "nhất trận định thiên niên", đánh chỉ một trận mà an định được nghìn năm là thế!

Các tướng hiểu ra, không ai còn hậm hực muốn giết mấy tướng giặc, ngược lại ông nào cũng lại muốn làm sao để các tướng ấy thấy nhiều điều hơn nữa trong thành ải, tất cả không biết là đích thân nguyên soái Hầu Nhân Bảo vào thành ải!

Lão tướng Đổng Thừa Trọng lại nói:

– Trị phủ Hầu Nhân Bảo là người đọc sách, hành sự thận trọng, tất phải là người đa nghi mới thận trọng. Nay, đám lẻn vào thành ải của ta xem xét dòm ngó mọi nơi, thế nào cũng về trình lại tất cả cho Bảo nghe, lúc ấy Bảo càng suy nghĩ càng thấy mơ hồ không hiểu gì cả, không giải thích được những điều bọn thuộc hạ trình lại, ông ta càng nghi ngờ, đắn đo suy nghĩ đủ điều, đã nghi ngờ hoang mang thì càng nghĩ càng sai lạc.

Dã nghi ngờ nặng quá, khi gặp một sự lạ bất ngờ thế nào cũng vội có kết luận thế này thế nọ, thế là chủ kiến chẳng còn, cái câu "Hầu Nhân Bảo qua ải rồi bỏ mạng lại" sẽ ám ảnh ông ta, gặp sự là tự nhiên tâm thần rối loạn! Ta cứ chờ xem!

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo vào thành ải Lạng Sơn quả là điều chưa từng có ở các lần quân Bắc xâm nhập nước Nam! Tuy nguyên soái họ Hầu đích thân đi xem xét tình hình, tận mắt thấy mọi việc mọi sự, trong lòng ông quyết chắc là tướng nước Nam dàn cảnh để lừa ông, nhưng lừa như thế nào thì ông không làm sao nghĩ ra được! Vả chăng, cũng còn những xếp đặt bí mật khác chẳng bao giờ ông trông thấy, mà có thấy cũng không hiểu là thế nào.

Trong lòng thắc mắc, nguyên soái cứ một mình tính toán suy nghĩ, càng nghĩ càng mù mịt, nhớ đến cái chòi con con đề chữ "Phá", rồi lại nghĩ đến cái biển trong ải, ông tin chắc là thế nào cũng còn nhiều thứ khác nữa bí mật không thấy được, tựu trung là tướng nước Đại Cồ Việt thu xếp khoảng trống bao la trước quan ải là để cho binh ông tụ tập lại, rồi sau đấy thì thi hành các độc kế xếp đặt trước để hại binh tướng của ông! Và tướng Nam toan hại binh tướng của ông thế nào? Hầu nguyên soái liền hội các thuộc tướng lại, kể cho nghe hết thấy những gì nhìn thấy, lại cẩn thận bảo các thuộc tướng cùng đi trong chuyến ấy lần lượt mỗi người đều kể lại, để chứng nghiệm quả thật ai cũng nhìn thấy như thế, rồi nguyên soái bảo:

– Như thế, thì tướng Nam muốn bày huyền trận để làm rối loạn mắt ta, nhưng lấy cái thật để ra tay hại binh tướng của ta, ngoài quan ải nó có thể sử dụng phục binh, địa lôi, hỏa trận, nhưng cái chòi đề chữ "Phá"là phá cái gì, phá binh ta hay phá cái chòi ấy? Giả thử khi phá cái chòi ấy đi thì việc gì xảy ra?

Nguyên soái không biết, các thuộc tướng cũng không biết, tế tác không trình báo được điều gì thêm, nguyên soái bảo:

– Như vậy, một là khi quân ta tới đấy, ta phá cái chòi ấy đi tất có thình sự xảy ra, còn nếu ta không phá thì ắt chẳng có việc gì, như vậy là nó dựng cái chòi cốt để lừa cho ta phá nó rồi mang họa. Còn nếu ta không phá, chẳng lẽ mưu gian hiểm ác của nó chỉ có vậy thôi sao?

Các tướng bàn cãi hồi lâu, rồi quả quyết: quân Nam yếu, phải bày ra những trò mưu mẹo xảo quyệt cốt để lừa binh dại Tống, vì vậy các tướng đều một lòng hăng hái xin nguyên soái cứ tiến quân qua cửa ải Lạng Sơn.

Hầu Nhân Bảo trong lòng nghi hoặc, khi nghe các tướng xin cứ tiến quân thì tự nhiên lại thấy lo lắng, ông tin chắc là binh Nam đang dàn xếp

để hại binh đại Tống, cứ xem việc các tướng đều một lòng xin cứ tiến binh thắng qua cửa ải thì đủ thấy: tướng Nam đã đánh lừa được các tướng nhà Tống! Thế là nghi ngờ trong lòng ông bỗng nhiên trở thành sự thật xác tín! Nguyên soái gọi tế tác đến bảo:

– Ta muốn biết: khi qua ải quan của nước Nam rồi, binh ta chuyển hướng sang Đông, thì có đường nào thuận tiện, an toàn? Vậy các ngươi cấp tốc đi dò tìm con đường ấy cho ta .

Tức thì tế tác dốc hết lực chia nhau vượt núi băng rừng đi đường tắt tìm đường sang Đông cho binh của nguyên soái. Các tướng nghe thế lấy làm lạ, hỏi thì nguyên soái giảng:

– Cho dù thế nào chăng nữa, binh ta qua ải an toàn hay xảy giao chiến lớn, ta cũng không thể trụ binh lại một nơi hay đưa cả đại binh đi một đường vào sâu đất giặc. Vả lại, ta định kế tiến binh có trao cho ông Trần Khâm Tộ mang một đạo quân kéo dốc xuống Nam, chiếm giữ Tây Kết làm thế mở đường vào thành Đại La lập thế trận bền vững lâu dài, đạo quân ấy không thể không có thế trợ chiến ở hậu quân, cho nên đại binh ta sang hướng Đông có cái lợi là gần mạn biển, dễ liên lạc với quân thủy của Đốc sư Lưu Trừng, tiến sâu xuống là khống chế được đường biển vào Nam của giặc.

Có tướng lại hỏi: phía đông có thủy quân của Đốc sư, lên bộ hay theo các đường sông vào trong đất liền đều dễ dàng yểm trợ cho đạo quân ở Tây Kết, sao nguyên soái không rẽ binh về hướng Tây lại gần Phong Châu có hơn không?

Nguyên soái nghe hỏi thế, lại giảng:

– Phong Châu là cựu đô của Giao Châu, từ khi họ Ngô tàn vong thì Đinh Bộ Lĩnh lập đô ở phương Nam, nay ta tiến sang Tây vào Phong Châu chẳng có lợi gì cho việc tiến binh xuống Đại La. Vả chăng, nếu ông Tộ vững được Tây Kết, quân thủy chiếm được các dòng sông lớn giữ được đường biển vào Thanh Hóa, lúc ấy ta vào Đại La nào có khó khăn gì! Tuy thế, cũng phải chờ xem chuyến vượt ải quan sự thể sẽ thế nào, rồi mới quyết hẳn cũng không sao.

Thế là nguyên soái vẫn giữ nguyên kế hoạch hành quân như lúc ban đầu, nhưng dự liệu sẵn một lối tiến sang Đông sau khi lấy xong ải thành Lạng Sơn.

Nguyên soái quyết định xong việc binh, thì tế tác cũng về trình việc tìm lối sang hướng Đông. Tế tác thưa: "... hướng ra phía đông, núi rừng âm u chằng chịt, khí núi như mây đùn, hoang vu hiếm có nhà dân, có một thành nhỏ người Nam gọi là thành Thổ Sơn, quá về phía đông có dòng

sông lớn gọi là sông Kỳ Cùng, sông này hướng đi nhiều nẻo..., nếu dồn quân về phía đông thì nên lấy thành nhỏ Thổ Sơn(*) làm nơi căn bản là tốt hơn cả..."

Tri phủ Hầu Nhân Bảo nghe trình, sai lấy bản đồ ra tra xét, hồi lâu vẻ mặt ngài vui lắm, bảo các tướng:

– Một thành đất nhỏ như thế này, quân ta đi qua là trở thành đất phẳng! Nơi này chẳng xa quan ải chính là mấy, đường đi lối lại không dễ nhưng lại có sông lớn, ta vượt qua ải rồi tiến vào đây, nương vào thành nhỏ làm chỗ tạm hạ trại vài ba ngày là an toàn chẳng lo bị giặc quấy nhiễu!

Tướng quân Quách Quân Biện hỏi:

– Thưa nguyên soái, chiếm giữ vùng Thổ Sơn rồi, sau đấy binh ta tiến thoái thế nào?

Hầu Nhân Bảo hỏi lại:

– Như ông nghĩ, ta nên hành động ra sao?

– Thưa, nơi ấy nhất định ta chẳng ở lâu, cùng lắm là vài ba ngày, quay sang phía đông ắt ta không tìm đường ra biển, quay lại phía tây ta không thể để nơi trước là bên sườn của ta, sau là lưng ta, bị bỏ ngỏ, tất phải có đạo quân ở lại làm thế tiếp trợ ứng chiến. Sau đấy, tôi chưa biết nguyên soái sẽ hành quân như thế nào?

Nghe tướng Quách Quân Biện nói, nguyên soái cả cười, rồi nghiêm nét mặt, bảo:

– Ông Quách nói đúng, có điều: còn nhiều điều chưa thấu hết! Thứ nhất, Thổ Sơn không phải là nơi ta trấn giữ làm gì, mà chẳng qua chỉ là nơi nhà tướng dựng cái kế "mãnh hổ rình mồi", núp tránh lửa địch, đợi thủy quân hành động, rồi mới bất thần tràn xuống, vì thế giao cho ông Tôn Toàn Hưng mang quân đến Lộc Bình làm thế trợ chiến hoặc ở lại ải sau khi ta dốc quân xuống Nam. Thứ hai, khi ta đem quân rời Thổ Sơn, thì đạo trợ chiến của ông Tôn có cái thế ngăn cản, phá không cho đạo quân giữ ải của nó đi theo đánh lén sau lưng ta. Sau đấy, ta nhắm hướng tiến lấy thành Đại La, lúc ấy bên phải ta có đạo trợ chiến của ông Trần Khâm Tộ, bên trái ta có quân thuyền tiền phong của Đốc Sư chiếm giữ vùng đảo nơi cửa sông canh giữ, như vậy là ta đã xong việc lấy đất phía Bắc của nó, lúc ấy có thể là vào đầu mùa Hạ, ta có thể ngưng binh cho tướng sĩ nghỉ ngơi

---

(*) Theo ĐNNTC (Đại Nam Nhất Thống Chí), thì thành Thổ Sơn chu vi 129 trượng, cao 4 thước 3 tấc, nguyên là núi đất, trước gọi là đồn Thổ Sơn; sau, đến đời vua Lê Cảnh Hưng, quan đốc đồng Ngô Thì Sĩ lập đinh trại ở đây, gọi là đinh Lộc Mã; năm Minh Mệnh thứ 17, cho đắp thêm ra liền với tỉnh thành Lạng Sơn.

suốt mùa Hạ nóng bức cũng được, đợi bắt đầu vào Thu thời tiết dịu mát sẽ dốc binh xuống Nam lấy nốt kinh thành Hoa Lư của nó là đại công cáng thành!

Các tướng nghe nguyên soái giảng, ông nào ông nấy thấy hào hứng vô cùng, như vậy là đại binh nhà Tống đi lấy nước Đại Cồ Việt ung dung như di trấn nhậm, tiến là thắng, chẳng có gì phải vất vả khổ cực cả!

Tàn Đông, thiên văn báo đã sang Xuân, nguyên soái cho động binh kéo đến trước ải quan nước Đại Cồ Việt. Pháo lệnh xuất doanh nổ như sấm dậy ngoài xa mấy chục dặm đường, thế mà trong ải lão tướng Đổng Thừa Trọng cùng các thuộc tướng và quân sĩ của ông cũng nghe thấy! Lúc ấy vầng dương đầu xuân đã lên cao, nắng đẹp đến mơ màng trên rừng núi nơi biên ải, lão tướng bảo với các thuộc tướng:

– Thế là thịnh sự bắt đầu! Mọi việc trong ngoài ải vẫn phải giữ đúng y mọi ngày, cho đến khi có lệnh mới!

Tướng quân lệnh vừa xong, có tin báo: "ngựa tế tác căng cờ hỏa tốc từ miền xuôi lên trình báo tin", lão tướng vội cho vào ngay. Tế tác thúc ngựa chạy thẳng đến trước ải doanh tung cương bay người xuống đất dũng mãnh như đại bàng xà xuống bắt gà chiến, tế tác không kịp lạy chào lão tướng hấp tấp kêu to:

– Thuộc hạ vâng lệnh Hoàng đế, mang trọng chỉ tối mật đến lão tướng!

Lão tướng vội vòng tay, nghiêm trang nói:

– Thần tiếp chỉ!

Các thuộc tướng cũng vội vòng tay cúi đầu. Tế tác không có cung cách lễ nghi nào nữa hai tay nâng trình ống thư sơn son thếp vàng của Hoàng đế. Lão tướng trịnh trọng đỡ lấy ống ngự thư, mở đọc ngay chiếu chỉ của Hoàng đế. Chiếu thư không dài lắm, chúng thuộc tướng im lặng, cả một khoảng rộng trước ải doanh không một tiếng động, ngay đến con ngựa của tế tác cũng đứng im không động vó, mọi người nén hồi hộp quan sát vẻ mặt của lão tướng. Lão tướng họ Đổng vốn nghiêm trang ít nói, hiếm khi để lộ tình cảm qua nét mặt, lúc này các tướng chỉ thấy hai hàng mày cùng chòm râu trắng bạc như mây trời có đôi chút rung rung, hẳn là lão tướng xúc động lắm!

Chợt lão tướng quay mình về Nam, hai tay vẫn trịnh trọng nâng chiếu thư, ông gập mình, thong thả nói lớn:

– Vạn tuế đức thánh quân! Vạn tuế đấng thần võ tuyệt hùng! Hạ thần xin tạ ơn, kính vâng thánh lệnh!

Trong giọng nói thong thả cực rõ ràng của lão tướng, các tướng vẫn nhận ra giọng ấy có run run! Chiếu thư tối mật có điều gì khiến cho viên

lão tướng thần tiên nhìn thiên hạ như nhìn nước sông chẩy lại phải xúc động đến thế! Lão tướng vọng tấu xong, hai tay vẫn dở chiếu thư, thật cẩn trọng ba lần gập mình bái vọng về Nam, các tướng cũng vội theo lão tướng vọng bái ba lần.

Lão tướng quay lại, hai tay ông lần cuộn bức chiếu thư lại, nắng đầu xuân lên cao nhưng còn chênh chếch khiến các tướng thấy rõ sau lớp mi bạc, hai mắt lão tướng long lanh ngấn lệ. Lão tướng không cầm được nước mắt! Có việc gì hệ trọng thế?

Việc nói trong chiếu thư của Hoàng đế gửi gấp lên quan ải cho tướng trấn ải, cũng là việc tế tác nhà đại Tống hối hả giục ngựa như bay vượt quân doanh giữa những tiếng pháo lệnh long trời lở đất, khiến cho con ngựa dù đã quá quen thuộc với những tiếng động nơi chiến trường cũng phải vươn cổ thét vang. Tế tác tung cương nhẩy xuống đất, miệng thét lớn:

– Cấp báo! Cấp báo! Trình nguyên soái hỉ tín!

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo có các thuộc tướng vây quanh trên tướng đài đang dợi xem các tướng đem quân xuống Nam, liền cho gọi tế tác đến trình tin ngay trước đài. Tế tác quỳ một gối, hốn hển cố giữ giọng trình lớn:

– Bẩm trình nguyên soái, Đốc sư Hải chiến Lưu Trừng sai con gấp đưa tin trình nguyên soái: quân thủy đại Tống nhờ tài thần vũ của nguyên soái xếp đặt, xuất chiến trận đầu phá nát quân thuyền của giặc, đại thắng bắt giữ hơn hai trăm thuyền chiến của giặc trên sông Bạch Đằng!

Rồi tế tác trình lên nguyên soái tin thư của Đốc sư gửi.

Pháo lệnh đã dứt, khói thuốc pháo còn dầy đặc khét lẹt, không khí chiến doanh chợt bừng lên ngay sau lời trình của tế tác vừa dứt, chúng quân ở gần nghe rõ những lời tế tác liền nhất tề thét vang: "chiến! chiến! chiến!...", từ ngoài xa, từ khắp nơi những tiếng thét tiếp theo nhau trỗi lên.

Trên tướng đài, nguyên soái cùng các tướng hân hoan vô cùng, nguyên soái bảo:

– Quả nhiên quân ta đã thắng! Thế là ta đã vững dược ở một mặt!

Nguyên soái đọc tin thư, Đốc sư chỉ trình bày vắn tắt sự việc, khiến cho nguyên soái đọc thư mà thấy ấm ức, liền quay sang tế tác, nguyên soái bảo:

– Thời giờ còn rộng dài, ngươi có biết rõ chiến trận ấy ra sao không, thuật lại ta nghe!?

Tế tác được dịp dâng công, liền vui vẻ trình:

– Bẩm trình nguyên soái, chúng con lúc nào cũng ở nơi chiến địa, vì thế biết rõ tất cả mọi việc!

Rồi ngay tại tướng dài, tế tác thuật lại cho nguyên soái cùng các tướng nghe mọi truyện.

Lúc ấy, cuối Đông giá rét đã tàn, hơi Xuân đã hiện, cả một vùng sông nước Bạch Đằng giang cảnh vật núi rừng đẹp êm như trong tranh, mặt sông phẳng lặng bao la, không có dấu hiệu gì là sắp có chiến tranh, nhưng tế tác tiền quân của tướng Trịnh Tú thì lại liên miên trình tin về. Càng tiếp tin, Trịnh Tú cùng các thuộc tướng càng hồi hộp, những dấu hiệu cho thấy quân thủy của giặc Tống sắp nhổ neo, chiến trận đang lại gần.

Rồi chiều hôm ấy, hình ảnh các buồm thuyền chiến đại Tống đã thấy hiện ra ở xa tít ngoài khơi phải tinh mắt lắm mới nhìn thấy, đấy là buồm của các chu sư, loại thuyền lớn nhiều buồm, có cái hai ba tầng lầu, loại thuyền chuyên đi biển xa. Các thuyền nhỏ thì không trông thấy được. Qua đêm, lúc mặt trời đỏ rực hiện lên sau màn sương dày, không còn thấy bóng buồm các chu sư nữa, cho mãi đến khi mặt trời lên cao mới lại thấy các cánh buồm ấy hiện ra, bây giờ thì mắt thường cũng trông thấy rõ, mắt tinh có thể thấy những thuyền nhỏ ở chung quanh, cả một vùng biển rộng bao la lô nhô những cánh buồm. Suốt ngày hôm ấy, thủy quân đại Tống vẫn thẳng hướng vào bờ, và chiều xuống thì đoàn thuyền vẫn còn ở xa.

Tin dồn dập trình về, Trịnh Tú hội các tướng lại bảo:

– Cứ theo đà tiến quân như thế này, thì cũng phải chiều tối ngày mai giặc mới tới nơi, lúc ấy trời đã tối tất nó sẽ không khởi chiến ngay mà sẽ dàn trận, đợi đến sáng hôm sau các đạo tiền quân của nó mới vào trận. Nó vào trận khoảng lúc nào để được lợi thế nước cao? Đấy là điều ta cần biết. Ta cũng tin rằng, thế nào nó cũng cho các thuyền nhỏ đi tiền quân, các đại thuyền kéo theo sau làm thế trợ chiến chứ không vội vào trận để tránh bị vướng lối, phòng khi nước thấp sông hẹp. Vậy, quân ta ẩn ở Thủy Nguyên là nơi thuận tiện, nếu thuyền nhỏ của giặc tới ta có thể chiến đấu, có nhiều điều lợi.

Trịnh Tú ngừng nói, các tướng không ông nào lên tiếng, tất cả vẫn chăm chú đợi nghe chủ tướng nói thêm. Trịnh Tú tiếp:

– Cái lợi trước tiên là "lợi thế của quân chủ chiến có xếp đặt trước", chiến trường do ta chọn bắt giặc phải ứng chiến trong những xếp đặt trước của ta; cái lợi thứ hai, ta tin chắc là đại thuyền của giặc không vào trận, mà trận mở ra sẽ chỉ có những thuyền nhỏ, nếu thắng được ta, các đại thuyền của nó mới tiến vào sông Bạch Đằng; cái lợi thứ ba, giả thử ta không thắng, thì địa thế chiến trường cũng giúp ta dễ dàng ẩn tích, tránh giặc, sau đó lại có thể lập trận mới cự giặc.

Có tướng lên tiếng hỏi:

– Thưa chủ soái, giả thử có thuyền lớn của giặc vào trận thì thế nào?

– Sông Bạch Đằng tuy rộng, sâu, nhưng cả đạo chu sư của nó vào sông thì thế nào cũng bị vướng víu không có lợi, vì thế ta nghĩ nó sẽ không đưa các chu sư vào trận ngay.

– Nhưng, giả thử nó chỉ đưa vài chiếc vào, sức mạnh của nó cũng thừa để phá hết đạo quân thuyền toàn là thuyền nhỏ của ta, lúc ấy ta phải hành động thế nào?

Tướng lên tiếng hỏi Trịnh Tú là người ở Bạch Hạc, giỏi nghề sông nước, tên gọi là Đào Dăng Đại, ông cảm phục thời trẻ của Tiên Hoàng nên khi lớn lên liền tìm về Hoa Lư, chẳng được bao lâu thì Tiên Hoàng ngộ nạn, ông lại vâng lệnh tân đế theo Trịnh Tú vào trận ở đây. Đại tính tình ngay thẳng, lấy nghĩa lớn làm trọng, kính trên mà không su phụ, thương dưới nhưng không mềm yếu, ông rất được mọi người nể quý. Nay trong hội, ông vốn thạo việc sông nước, cho nên mới hỏi Trịnh Tú như vậy.

Thắc mắc của tướng Đào Đăng Dại quả thật rất đúng. Chu sư hải hành của giặc rất lớn, cao, mỗi thuyền có thể chứa được cả trăm tay dao, chiến cụ cung tên nhất định là nhiều, thuyền lại vững chắc khó phá lắm. Chiến thuyền như vậy, các thuyền nhỏ bé của Đại Cồ Việt làm sao lại gần được, còn nói gì đến việc đánh phá nó nữa!

Trịnh Tú cùng các tướng khác không biết phải trả lời thế nào, sự thể này quả thật nguy hiểm. Nhìn ra, vẫn thấy chủ soái không tỏ vẻ gì là lúng túng sợ hãi, các tướng cho rằng chủ soái chắc là có thần mưu để đối phó với các chu sư của giặc. Nhưng Trịnh Tú lại báo:

– Ông Đại nói đúng! Cầy cáo chẳng thể nào chống lại được với nanh vuốt của hùm beo, nhưng "mãnh hổ nan địch quần hồ"thì lại là điều có thật! Chu sư của giặc lớn, mạnh, nhất định giặc không dám cùng một lúc kéo cả vào sông, như thế là mãnh hổ đã phải tách dàn, lúc ấy bầy chồn cáo ắt có cơ hội để vặn nanh bóc vuốt mãnh hổ! Các ông hãy vững tin ở chiến kế của Hoàng đế!

Trịnh Tú không trả lời câu hỏi của tướng Đại, ông chỉ nói mơ hồ về chiến kế của Hoàng đế chẳng ai hiểu là thế nào, vì thế các tướng không thể không lo lắng. Và Trịnh Tú lại bảo:

– Thôi thì, sức giặc mạnh, sức ta cũng chưa chắc đã là yếu, thuyền ta nhỏ chưa chắc đã không dâm thủng được chu sư của giặc! Trong các ông ở đây, ai là người chưa vào cuộc đã bảo là sức mình không vật ngã nổi một tên tướng giặc nhà Tống! Tôi vâng lệnh Hoàng đế đón giặc ở đây, các ông được toàn ý tự do: theo tôi cùng vào trận theo lệnh Hoàng đế, hay tạm lánh giặc mạnh, đều không có gì phải thắc mắc cả!

Thật chưa bao giờ lại có những việc như thế này! Tướng vào trận lại nói việc chinh chiến như thể "nói chuyện ỏm ờ, rủ nhau đi du ngoạn"! Nhìn thái độ thản nhiên bình tĩnh của Trịnh Tú, các tướng vừa thắc mắc vừa có phần tin! Lại nữa, soái tướng nhẹ nhàng khích tướng, cho phép các tướng ai thấy sợ thì cứ "tạm lánh giặc mạnh", quả là một điều không tướng nào có thể chấp nhận được, có tướng nào chưa thấy bóng giặc đã khiếp nhược bỏ chạy! Thế là buổi hội chư tướng của Trịnh Tú chẳng cần phải hò hét cũng khiến dược các tướng thầm hẹn cùng tử chiến giết giặc!

Mặt trời dã chạm mặt biển rộng, lại một ngày nữa sắp tàn, chỉ lát nữa thôi là đêm tàn đông đầu xuân sẽ tới. Nhìn mặt sông rộng, sóng nhẹ lăn tăn, sẫm dần, tướng quân Trịnh Tú đứng trên soái thuyền trong lòng thật bâng khuâng! Êm đềm thanh bình này, rồi đây sắp là hung tàn chết chóc, dòng sông này đã mấy lần vùi xác giặc, lần này thì có lẽ nào dòng sông quê hương này lại sẽ chôn vùi xác dân nước Nam! Tướng quân giữ thái độ bình tĩnh để trấn an lòng tướng sĩ, nhưng bây giờ thì chính tướng quân thấy lo lắng quá!

Thắng dược giặc là điều khó lòng, thua giặc là điều cầm chắc, dù rằng thần mưu của Hoàng đế có nói tướng quân sẽ là tướng thắng trận đầu tiên, nhưng thắng trong thất bại! Rồi sau đấy thì thế nào? Tướng quân chưa biết, và chỉ qua đêm nay, sáng mai là cuộc chém giết phải xảy ra, tướng quân vẫn chưa hiểu thực sự phải hành động thế nào?!

Rồi đêm cuối đông trời đất tối đen như thoa phấn than dã xuống, dòng sông rộng lẫn vào với trời đất có cây và núi rừng, hai bên bờ nơi thuyền chiến của Đại Cồ Việt ẩn nấp không một đốm lửa, tất cả là tối đen và lặng lẽ.

Trịnh Tú đem theo tế tác cho thuyền ra cửa sông quan sát tình hình. Biển rộng bao la đen kịt, chỉ nghe có tiếng sóng rì rào, gió miên man nhè nhẹ, không có gì khác lạ.

Quá nửa đêm, tướng quân trở về đến doanh, bốn bề vẫn lặng lẽ, trời cao lấp lánh ít ngôi sao.

Đến khi trời hửng sáng, thuyền tế tác đến báo tin: suốt đêm qua, các thuyền chiến đại Tống chuyển động lại gần cửa sông, chỉ đến lúc trời sáng tỏ thì đã có thể vào hẳn trong sông.

Nghe trình tin, tự nhiên Trịnh Tú lại thấy hết băn khoăn lo lắng, bây giờ chỉ còn là ra quân đánh giặc, tướng quân cho lệnh đi các nơi, sửa soạn để sáng hôm nay là vào trận.

Lệnh đi rồi, tướng quân gọi thuyền tế tác tới, đích thân tướng quân ra hướng cửa sông để xem xét tình hình. Thuyền nhỏ với tám tay chèo đi

nhanh như xé nước, đi sát lau sậy để tránh dòm ngó của tế tác giặc. Đến lúc mặt trời lên cao, Trịnh Tú đã ra đến bến Rừng. Nơi này cửa sông mở ra biển, rộng mênh mông, buổi sớm mai nắng chan hòa nhìn ra ngoài khơi chói mắt vì sóng nước dội ánh sáng vàng đặc, sương mù còn nhiều nhưng tướng quân cùng tế tác cũng nhận thấy: ngoài xa, chi chít những chấm nhỏ, đấy phải là những chiến thuyền nhỏ của giặc, rồi ẩn hiện sau những lớp sương mù chỗ dày chỗ mỏng, cả bọn còn thấy thấp thoáng ở xa hơn nữa những mảng đen lớn, đấy tất phải là những cánh buồm của các chu sư rải rác trên một vùng biển thật rộng.

Trịnh Tú ngắm cảnh hùng vĩ này, trong lòng chợt thấy bâng khuâng, ông ước lượng: nếu giặc tiến quân, thì nhanh ra cũng phải đến khoảng cuối giờ Mùi sang giờ Thân mới vào được cửa biển, tới lúc ấy nếu giặc tiếp tục tiến thì cũng phải đến lúc trời tối hẳn mới tới vùng Thủy Nguyên được, như vậy chắc chắn trong ngày hôm nay không thể có giao tranh, mà chính là sớm ngày mai, hoặc trước giờ Ngọ ngày mai chiến trận mới xảy ra, nhất định giặc không bao giờ lại sơ suất mở trận vào lúc cuối ngày dễ dễ gặp nhiều nguy hiểm!

Tướng quân quay thuyền trở về, sai tế tác phải hết sức theo dõi mọi cử động ngoài xa của giặc, phải từng khắc đưa tin về doanh để tướng quân được biết mọi việc.

Trong dòng Bạch Đằng, tướng quân Trịnh Tú đợi tin từng khắc trình về, trong lòng ông thật bình tĩnh, thì ở ngoài khơi, tướng quân Đường Kiền, chủ soái đạo tiểu đĩnh tiền phong cũng liên miên đón tin tế tác.

Suốt từ sáng hôm qua, tế tác tiền phương thủy bộ tin về cho biết: "ngược dòng Bạch Đằng lên đến tận Trúc Động, xa nữa đến tận Ngã Ba Đụn, vẫn không thấy có động tĩnh gì của quân Đại Cồ Việt...", tướng quân thắc mắc lắm! Có lẽ nào nước Nam lại không biết gì cả, thế thì nhất định đây phải là mẹo lừa của nó rồi!

Từ tinh mơ hôm nay, tướng quân đã hội chúng thuộc tướng lại xem xét tình hình, đến xế trưa lại hội lần nữa mà rằng:

– Từ khi quân thuyền của ta còn ở ngoài khơi xa, tế tác tiền phong đã lên bộ dò la tình hình giặc, cho đến bây giờ đến sát cửa biển, nhìn thẳng vào cửa sông Bạch Đằng, vẫn không thấy có dấu hiệu gì là giặc có dàn quân đón đợi ta! Như vậy, thì rõ ràng là nó dàn xếp hiểm kế để lừa ta! Hôm nay binh thuyền của ta vào sát cửa sông, nhưng không kịp mở trận, lúc này trời chiều rồi tối không có lợi cho việc tiến quân, các ông có ý kiến gì không?

Tướng quân Đường Kiền hội tướng rồi nói như vậy, các thuộc tướng lao xao bàn tán, làm sao các ông hiểu được rõ tình hình bằng chủ tướng, cho nên không ai lên tiếng. Đường Kiền bảo:

– Tình hình thật im lặng, ấy là điều cấm kỵ của người làm tướng mở trận! Binh thư có nói: "trong tĩnh có động, trong thật có giả", như thế thì cái im lặng của giặc là đã có trọng binh đợi chờ ta; trong cái quang cảnh thanh bình yên ổn này là sự giả dối để lừa ta!

Các tướng xầm xì. Đường Kiền tiếp:

– Như vậy, giả thử tình hình ấy là đúng thật, thì người làm tướng một là không hiểu chiến pháp, không thông binh thư, cho nên mới non nớt bày cảnh như thế; hai là, nó dựa vào hiểu biết chiến pháp với binh thư, toan lấy mẹo " ném đá ở bên tây, lại chạy sang bên đông ", lấy hư làm thực, lấy thực làm hư, ta tin là thật là bị nó làm hại, ta không tin thì nó lại làm thật! Thế là cả hai đường, đường nào nó cũng giành được vị trí làm chủ chiến trường, mặt nào ta cũng bị là khách thụ động phải chống đỡ! Bọn Nam man quả thật ác liệt!

Các tướng không hiểu ý Đường Kiền, chỉ thấy chủ tướng thốt "bọn Nam man quả thật ác liệt"thì tự nhiên thấy sợ ở trong lòng. Nhìn mặt các tướng, Đường Kiền ng ng cao đầu, giọng tự tin:

– Với một chiến trường trên sông Bạch Đằng, với một sức dịch còn con, thì dù cho nó có hiểm kế ác độc đến đâu cũng không thể giữ cái ghế chủ nhân để chỉ xử ta được! Nó biết một mà chưa biết mười, làm sao hơn được ta!

Tới lúc này mới có người lên tiếng, hỏi:

– Thưa soái chủ, tại sao soái chủ lại quả quyết là sức nó còn con chẳng có gì?

– Điều này dễ thấy, dễ hiểu! Tế tác tiền phong của ta đi rộng ra khắp nơi ven biển, trên bộ, đều trình về là không thấy có tung tích dấu hiệu gì tỏ ra là có quân Nam lập trận từ cửa biển lên đến tận Vạn Kiếp, mọi việc vẫn bình thường, như thế là nó không chú trọng đến quân thủy của ta, mà chú trọng đến quân bộ. Giả thử nó muốn cự binh thủy của ta, thì tất nhiên nó phải có thuyền chiến chẳng nhiều thì ít, chứ không thể nào lại hoàn toàn im lặng như thế được! Giả thử nó dám đem binh thuyền ra cự ta, thì tất nhiên nó phải biết quân ta vượt biển xuống Nam ắt phải là những chiến thuyền lớn, nó phải ứng chiến cũng bằng thuyền lớn trên sông, phục binh trên bờ. Nay trên sông chẳng có bóng một thuyền chiến lớn nào, có lẽ nào nó muốn lấy thuyền câu để cự chiến với chu sư hải hành của ta chăng? Mà thuyền câu, cũng phải cả trăm cả nghìn cái, vậy mà trên sông vẫn chẳng thấy có thuyền câu, có lẽ nào nó cho lính lặn lội trong nước mà mong phá được binh thuyền của ta! Như vậy thấy rõ là sức nó chẳng có gì!

Các tướng xuýt xoa lao xao khen ngợi chủ tướng. Dường Kiền hào hứng, bảo:

– Như vậy, sớm mai, ngay lúc mặt trời chưa lên, nhưng mặt biển đã sáng, ta tiến vào cửa Bạch Đằng, kéo dốc đi chỉ đến chiều tối là lên tận Vạn Kiếp, nếu quân thuyền tiền phong của ta tiến được dễ dàng, thì tinh mơ nước triều còn cao, chu sư của ta có thể một số đi theo yểm trợ cho ta, sức nào của giặc Nam cản được ta! Ta đánh dồn bất ngờ vào sâu tim gan nó, thế là lập công lớn đầu tiên!

Bây giờ thì các tướng không còn thì thầm lao xao nữa, mà tranh nhau lên tiếng ngợi ca chủ tướng tài giỏi, nhìn thấu tim gan địch, hiểu rõ chiến trận như thế biết bàn tay mình có năm ngón!

Và tướng Dường Kiền cho tế tác thông tin về đại quân chu sư ở phía sau, báo cho soái tướng Đốc sư Lưu Trừng biết rõ tình thế và quyết định ra quân của tướng tiên phong như thế nào, xin Đốc sư cho một số chu sư đi sau làm thế trợ chiến .

Đốc sư nhận tin trình báo lúc quá nửa đêm, trong lòng vui lắm, lại nhớ đến những lời tiên đoán của Tất Ma Đạo Sư về đại công ông lập được trong lần xuất chinh xuống Nam này, thì hào hứng vô cùng! Suốt chặng hải hành dài từ Bắc xuống Nam, biển lặng khiến binh tướng của Đốc sư chẳng vất vả gì, nhưng bộ râu quai nón của tướng quân bây giờ quá rậm, vóc dáng cao lớn dữ dội của ông trông càng thêm uy liệt phàng phất như thiên thần. Tướng quân ngay trong đêm hội chúng thuộc tướng lại, báo chúng tướng:

– Như vậy, bắt đầu từ ngày mai, binh ta vào trận, chậm lắm là khoảng chiều tối ngày mai là ta đã vào sâu trọng địa của nước Nam! Ta xuất doanh trải qua cuộc hải hành dài nghìn dặm, lênh đênh trên biển, nay sắp lên bộ vào tận chỗ tim phổi của giặc. Có điều, tướng tiên phong Dường Kiền trình là tình hình hoàn toàn yên tĩnh, không thấy có binh bộ hay binh thủy của giặc ở nơi nào cả, tình hình này nếu đúng thật thì là điều vô cùng tốt cho ta, còn như nếu đấy là hiểm kế gì của giặc, thì Dường Kiền không thể không gặp nguy hiểm!

Những lời Đốc sư nói cùng với vóc dáng và hình ảnh tướng quân, chợt làm cho cả hội tướng thấy rùng mình, một linh cảm gì ghê gớm vừa tràn đến làm cho các tướng ớn lạnh trong lòng, huyền bí trong trời đất tràn ngập phương trời này và thấm sâu vào hồn cả Đốc sư lẫn các thuộc tướng!

Nhìn ra bên ngoài, biển mênh mông đen kịt không thấy gì ngoài những ngọn đèn hiệu treo trên các cột buồm đoàn chu sư, tiếng sóng rì rào quanh thuyền thỉnh thoảng nghe có tiếng mõ thuyền tuần. Nhìn về

phía cửa Bạch Đằng giang, không thể thấy được ánh lửa đèn hiệu của các chiến thuyền dạo quân tiền phong.

Hội tướng cứ thế bàn tán, tin tức tế tác cứ đều đều trình về, không có gì khác lạ. Đến tàn Sửu sang đầu giờ Dần thì hội tướng ngưng, các tướng ai nấy về thuyền của mình, Đốc sư cũng đi nghỉ.

Vừa nằm xuống, Đốc sư chợt bật dậy, ông kinh hãi chộp chiếc dùi đồng đập mạnh vào chiếc khánh lệnh mấy tiếng liền, đấy là hiệu triệu tập gấp các tướng. Các tướng lúc ấy có người đã ngủ rồi, có người còn trằn trọc, nghe tiếng khánh hiệu thì cũng giật mình vùng dậy, có nguy hiểm nào mà Đốc sư phải phát lệnh gấp đến như thế?

Trong soái thuyền, các tướng cũng đã đủ mặt, có người chưa kịp mặc xong giáp, có ông khí giới còn cầm trong tay. Đốc sư đợi các tướng an vị, mới nói:

– Ta vừa chợt nghĩ ra, địch thị là giặc Nam có hiểm kế, yên lặng của nó là có động lớn! Tướng Dương Kiền vào trận phen này nguy mất rồi!

Các tướng kinh hãi, không thấy hiểm kế ấy thế nào, tất cả lại lao xao bàn tán. Đốc sư ra hiệu cho các tướng im lặng, ông nói tiếp:

– Trên mặt sông, trên bộ, không thấy có bóng binh tướng của giặc, ấy là nó đã nương vào các rặng núi vôi thấp hai bên bờ sông, hay là lẩn vào vào bờ bụi lau sậy rậm rì suốt dọc sông, nó sử dụng thuyền chiến nhỏ để dễ ẩn quân, lúc vào trận lại dễ xoay xở, tất thế nào nó cũng đã biết quân tiên phong của ta dùng thuyền nhỏ, thuyền lớn chu sư của ta không dám vào trận, có vào trận cũng không mấy lợi, thế là thuyền nhỏ chống nhau với thuyền nhỏ không bị thiệt thòi gì, vả lại nó được lợi ở thế chủ động, tha hồ xếp dặt, nó có thể dùng hỏa kế, nó có thể dùng "phù hỏa đảo"thả lửa từ trên nguồn xuống, nó cũng lại có thể lấy thuyền chất hỏa liệu cho vào trận đốt thuyền ta! Sức yếu thì quân có thể dùng đến cung tên, lại gần thì có thể bỏ thuyền dùng dao ngắn lặn xuống phá thuyền địch. Người Nam lắm mưu mẹo, lại có tiếng là giống dân cương cường, ta khinh địch là dễ mang họa lớn! Bây giờ phải lệnh ngay cho tướng Đường Kiền biết mà đề phòng, rồi đại quân phải lên đường ngay cho kịp lập thế trợ chiến, đại quân ta đến kịp, ấy là cứu được đạo tiên phong, làm cho giặc thấy sợ mà không dám thi thố những hiểm kế!

Nhưng, xét khoảng cách từ ngoài biển vào đến cửa sông Bạch Đằng, đường còn xa, thuyền tế tác đi nhanh cũng phải non nửa ngày mới tới, bây giờ đại quân chu sư thêm một số thuyền nhỏ cùng lên đường, nào có phải là dễ dàng gì, chắc chắn khi đại quân tới được thì cuộc chiến cũng đã tàn, lúc ấy sớm ra cũng là đã quá nửa buổi sáng rồi! Các tướng nhìn nhau vừa lo lắng vừa ngao ngán, Đốc sư thần lần giây lát, rồi phát lệnh:

– Bao nhiêu thuyền nhỏ cứ lên đường hết, chu sư tiền chiến đi giữa các thuyền nhỏ ấy, còn tất cả các chu sư chở quân cũng kéo theo ngay, tế tác lập tức dẫn đường không được chậm trễ.

Nhìn vào phía bờ, chỉ thấy thời gian quá nửa đêm đang chuyển sang giờ Mão, phía Đông đã thấy ửng ráng hồng, trời cao đã thấy có vệt sáng, lúc ấy các thuyền nhỏ đã chuyển động, chu sư bao nhiêu buồm đều giương hết đón gió sớm ban mai thổi thật nhẹ thành ra chu sư đi chậm lắm. Đốc sư thấy tình hình trong lòng bứt rứt lắm, các tướng cũng thấy bồn chồn, không thể nào kịp đến trước khi tướng Đường Kiền vào trận mất rồi!

Trong ánh sáng mờ mờ lúc bình minh sắp đến, mặt biển rộng đã nhìn thấy những cánh buồm chu sư khổng lồ ở gần thấp thoáng ẩn hiện, và những chiến thuyền nhỏ mái chèo khua rào rào dưới những cánh buồm nhỏ gió yếu. Đốc sư trong lòng như có lửa đốt, mỗi khắc qua đi ông lại tưởng tượng ra cảnh Đường Kiền cùng đạo thuyền tiên phong đang cố vẫy vùng thoát hiểm trong độc trận của quân Nam, Đốc sư không ngừng thúc giục tế tác phải gấp gấp đi về, đưa tin lệnh đến cho Đường Kiền và thu thập cho đủ tin về tình hình trên sông Bạch Đằng, dù rằng Đốc sư thừa biết tế tác đã đi lâu rồi, và chẳng thể nào tin lệnh kịp đến với tướng Đường Kiền.

Rồi bình minh lên, mặt trời dầu xuân rực rỡ ở chân trời làm nền cho những cánh buồm chu sư hiện rõ, quang cảnh thật hùng vĩ. Cửa sông Bạch Đằng đã thấy mờ mờ ở phía xa, khoảng cách cũng phải một canh giờ mới tới nơi được, và thuyền tế tác đầu tiên đã rẽ sóng đến trước soái thuyền. Tế tác trình tin: quân thuyền tiên phong của tướng quân Đường Kiền đã lên đường, ngược dòng tiến lên từ lúc trước khi rạng đông, lúc này đã vào sâu trọng địa của địch rồi! Chiến trận chắc đã xảy ra!

Tin trình vào, Đốc sư cảm thấy thất vọng não nề. Thế là hết, ông tin chắc thế nào tướng tiên phong cũng bại trận! Đốc sư phát lệnh " cứ tiến thẳng vào sông Bạch Đằng ", ông hi vọng tướng Đường Kiền trong nguy khốn còn cố vẫy vùng cầm cự, đại quân may ra kịp đến giải cứu.

Trời đã sáng tỏ, cửa sông mênh mông đã thấy rõ, thuyền tế tác đi về như thoi đưa, và bây giờ thì đã có tin: đôi bên đã giao chiến .

Đôi bên giao chiến như thế nào, tế tác chưa thể thấy rõ được, nhưng trình: "có binh thuyền của giặc ở bên ngoài cửa sông Bạch Đằng". Đốc sư nhận tin, trong lòng càng bối rối, như vậy tướng Đường Kiền đúng là trúng kế của địch mất rồi, không còn lối thoát quay trở ra biển nữa, mà đại quân ngoài biển cũng không thể hấp tấp tiến vào để bị cùng chung số phận với đạo tiên phong!

Đốc sư lệnh cho dừng quân, dàn thành thế trận dề phòng quân thủy của Đại Cồ Việt lại có hiểm kế đánh úp.

Cuối giờ Mão sang đầu giờ Thìn, từ ngoài biển rộng, cả đạo quân thuyền vĩ đại của Đốc sư Lưu Trừng chợt thấy sâu trong đất liền có khói bốc cao, khói đen cuồn cuộn giăng dài nhiều nơi, nền trời buổi sáng ửng đỏ chen với ráng trời nắng lên. Thôi thế là xong, tướng tiên phong cùng với đạo quân của ông như vậy là tan nát chết cả trong trận đánh này rồi. Dợi tin tế tác, cũng chẳng thấy tế tác về trình, Đốc sư nhìn khói ở xa tưởng như chính khói ấy là trong ruột gan ông đang bị cháy mà bốc lên như thế!

Trên sông nước, từ nửa đêm về sáng tướng quân Trịnh Tú liên miên nhận được tin tế tác, ông ngồi ở soái thuyền ẩn trong lau sậy dày đặc mà thấy rõ quang cảnh ngoài biển như thể chính mắt ông đang quan sát. Tướng quân hồi hộp lắm, chỉ vài canh giờ nữa là ông cùng với các tướng sĩ của ông vào trận, trận đánh không khác cảnh "mấy con dê non quyết chống lại bầy chó sói hung dữ". Nhớ đến lệnh của Hoàng đế dặn ông tử chiến, sẽ có lệnh đến sau, tướng quân nghĩ thầm: đã tử chiến rồi chiến tử, thì còn nhận lệnh đến sau làm sao được nữa! Ông nghĩ đến các thuộc tướng, đến đám quân trên những con thuyền nhỏ bé mấy trăm chiếc, lát nữa đây tất cả đều thành gỗ vụn và máu binh Nam sẽ hòa vào với nước dòng Bạch Đằng! Chiến kế nhiệm mầu của Hoàng đế sẽ hiển hiện ra sao nhỉ?

Tế tác đến trình: quân thuyền tiên phong của giặc đã vào đến cửa biển, giặc thuần dùng các thuyền nhỏ, nhưng cũng lớn gấp hai ba lần thuyền của quân Nam, ngoài khơi còn có các chu sư lớn lắm theo yểm trợ nhưng không biết các chu sư ấy có vào trong sông hay không. Tướng quân cho lệnh đi các nơi: sẵn sàng đợi giặc đến, khi nào có lệnh thì ra tay theo trống lệnh.

Tướng quân đích thân đi gặp ba mươi thuyền trống lệnh, tướng quân bảo chúng quân:

– Các ngươi chính là những người làm cho quân ta thắng hay bại, tiếng trống của các ngươi cứ theo lệnh cờ ta đã dặn mà giục, sai là mang họa cho bản thân mình mà còn là rước họa lớn đến cho cả nước, thi hành đúng là lập công đầu đuổi giặc, phải nhớ kỹ những điều dặn.

Rồi tướng quân cho thuyền đi một vòng soát xét lại các cánh quân, đến đâu cũng chỉ dặn một điều: "phải hết sức tỉnh táo, tận lực chiến đấu theo hiệu lệnh của trống trận, không nao núng cũng không quá hăng hái, chỉ hăng hái khi có lệnh, chỉ nao núng khi trống bảo! Không được quên các tướng lệnh ấy, trái lệnh là tự nhận lấy cái chết!

Thật là lạ, cổ kim chưa có tướng lệnh nào lại báo quân "chí nao núng khi trống lệnh báo", sao lại có sự lạ thế này, nhưng chúng tướng sĩ nhìn vẻ mặt chủ tướng thấy nghiêm nghị thì không một ai dám tỏ vẻ ngạc nhiên.

Trịnh Tú ra về, lại vào nơi ẩn nấp, ông và cánh quân của ông sẽ vào trận trước, gươm "Định Thiên"ngày nọ chém con rắn tinh ở cửa ải, lần này gươm thiêng có chém được tướng giặc hay không?

Tin liên miên trình về: giặc đã qua cửa biển! Rồi, thuyền chiến của giặc đông ước khoảng ba trăm chiếc, dàn thành từng hàng ngang kéo vào.

Mặt trời lên cao, tin trình: giặc đã vào khúc quanh đầu tiên trên sông.

Khỏi khúc quanh, là tướng quân và các binh tướng của ông sẽ nhìn thấy bóng dáng chiến thuyền đầu tiên của giặc!

Tin trình nữa: chu sư hải hành cực cao lớn án ngữ ngoài cửa biển, không có chiếc nào theo đoàn thuyền chiến vào sông.

Tướng quân nghe trình thở hắt ra, như thế thì ông chỉ phải chống nhau với các thuyền nhỏ của giặc, bề nào cũng còn hi vọng dễ hơn là phải cự lại với những con "hải quỷ"chu sư của đại Tống!

Bóng dáng những chiến thuyền đầu tiên của giặc phải tinh mắt lắm mới nhận thấy được ở mạn dưới, trông tựa như một màng rêu trải rộng cả mặt sông, tướng quân ra lệnh cho hiệu kỳ báo chuẩn bị nhập chiến.

Cũng đúng lúc ấy, chợt thấy bên hữu ngạn Bạch Đằng Giang có con thuyền nhỏ, dài như một thân cây, rẽ lau sậy nhắm hướng soái thuyền của tướng quân Trịnh Tú lướt tới cực nhanh. Trịnh Tú cũng như tất cả hai cánh quân đều nhận thấy ngay con thuyền lạ. Thuyền nào ở đây vào lúc này, lệnh quân có nói là không một thuyền nào, dù là thuyền quân hay thuyền chài được đi lại ở chỗ này, bây giờ lại có thuyền lạ xuất hiện, là thế nào? Vả lại, tế tác tuần canh đi lại như thoi dệt cửi, sao không phát giác ra con thuyền này?

Tướng quân Trịnh Tú đứng thẳng dậy, lau sậy cao ngất dày đặc chắn chắn bên ngoài chẳng thấy được ông cùng các thuyền chiến, thế mà thuyền dài nọ như thể biết cực rõ nơi tướng quân đang đứng, cứ một mực rẽ sóng rồi xẻ lau sậy mà tràn tới,lau sậy khép lại phía sau thuyền lạ. Trịnh Tú nghiến răng, tay kiếm "Định Thiên"vươn ra, ông sẵn sàng kích tới.

Trên thuyền nhỏ, một người vóc dáng to ngang, hơi lùn, đầu đội nón mê, hai tay khoanh trước ngực, thuyền do bốn tay chèo đẩy nước đi nhanh như rắn trườn thẳng tới trước soái thuyền của Trịnh Tú. Người lạ lên tiếng, giọng vang mà ấm lắm:

– Trịnh tướng quân, có lệnh của Hoàng đế!

Bây giờ thì Trịnh Tú nhận ra được là ai, ông mừng quá kêu lên:

– Lão huynh! Sao ông biết tôi ở đây? Có lệnh gì của Hoàng đế cho tôi?

Hóa ra đây là Đô Hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ, ông trông coi việc tế tác của Hoàng đế! Sĩ sư vui vẻ bảo:

– Tế tác mà không biết ngay trong nhà mình thì làm sao còn biết việc nhà người được!

– Thế lão sĩ sư có biết giặc đang đi đâu không?

– Chúng đang đi tìm ông đấy! Vì thế tôi mới phải vâng lệnh Hoàng đế đến gặp ông ngay!

– Vậy tôi xin đợi nghe lệnh của Hoàng đế!

Hai vị tướng từng chung sức với chúng hào kiệt từ thời Đinh Tiên đế còn đang vất vả đi thu phục thiên hạ, bây giờ gặp nhau trong tình thế sắp sửa khốc liệt khiến vị tướng nơi mặt trận không giấu được nỗi vui mừng. Hai ông ra hiệu cho các thuộc hạ lui ra, Sĩ sư Lưu Cơ khẽ bảo:

– Hoàng đế sai tôi nói với ông: hãy vững tay gươm, cố giết giặc, giữ cho quân đừng thiệt hại nhiều, đến lúc cùng đường rồi thì hãy mở "túi lệnh" này!

Sĩ sư đưa ra một cái túi gấm nhỏ, Trịnh Tú nhận túi gấm trong lòng thắc mắc xen lẫn hồi hộp lắm, ông chưa kịp nói gì thì Sĩ sư đã tiếp:

– Gươm "Định Thiên"của ông cực quý, cố chém cho được nhiều đầu giặc, túi gấm đừng để mất, hãy cẩn trọng!

Rồi Sĩ sư chẳng đợi Trịnh Tú kịp nói, ông ra hiệu và chiếc thuyền nhỏ dài như con trăn gió đã rẽ lau sậy vùn vụt lướt đi chớp mắt đã mất dạng trong lau sậy, Sĩ sư Tế sứ của Hoàng đế đến cũng như đi chẳng khác gì một làn gió thoảng, hình tích của ông như thật như hư!

Trịnh Tú thoáng chút ngẩn ngơ, tay ông nắm chặt chiếc túi gấm nhỏ, tướng quân cảm thấy "đại sự cực hệ trọng " nằm trong chiếc túi này! Tình hình chiến trận với sức lực đôi bên, thì dù tay gươm Định Thiên của ông có uy lực trùm trời đất cũng không thể dánh thắng giết hết được giặc, bại trận là điều tất nhiên không thể tránh được, và ngay từ đầu Hoàng đế đã nói xa xôi cho ông hiểu là: ông hãy chiến bại, điều tướng bại trận nhục nhã sẽ lại là điều vinh quang công đầu! Thế thì, bí mật đổi nhục nhã thành vinh quang nhất định cất trong túi gấm này!

Trịnh Tú ngắm nghía chiếc túi nhỏ, mỏng như thể bên trong chẳng có vật gì, ông luồn tay cất túi gấm vào ngực áo thật thận trọng như thể cất giữ tính mạng của chính ông và của cả đoàn quân, rồi lẳng lặng hướng về Nam kính cẩn cúi đầu thầm bái vọng Hoàng đế!

Tướng quân quay nhìn ra sông, nắng chênh chếch chiếu vào mắt ông, cặp mắt cực tinh anh của tay võ tướng kiệt hiệt tóe hào quang. Thuyền trận tiên phong của nhà đại Tống chậm chậm kéo lên, mảng đen như dầy đặc lắm hiện rõ dần dần, các thuyền chiến tiên phong không thuyền nào trương buồm. Tướng quân tính toán: như thế, lúc vào trận, các tay trèo ngừng cả, nếu tất cả các binh lính trên thuyền đều vào trận, thì thuyền chiến này làm sao chuyển động được theo ý muốn, xoay trở tất khó khăn, cung tên với lửa đốt ắt có lợi!

Tướng quân lại tiếc là sức quân của ông không đủ để có thể vận dụng được hỏa kế trong trận đánh này! Tướng quân nhớ lại những trận đánh bằng hỏa kế của thời Đinh Tiên Hoàng dế còn tung hoành đi thu thiên hạ, phải chi lúc này cũng vận dụng được những trận đánh thần sầu quỷ khốc ấy!

Đến lúc mặt trời gần đứng bóng, nước đã đứng, từ nơi ẩn nấp binh Nam đã nhìn rõ thuyền trận của đại Tống, hàng vạn mái trèo khua rào rào, cả đạo quân như một mảng rêu khổng lồ ào ào tiến lên không một tiếng reo hò, những chiến binh gò lưng đẩy trèo, những con thuyền dài băng băng ngược dòng sông thật thẳng hàng, phía sau xa tít vẫn còn những con thuyền! Chắc chắn binh tiên phong đại Tống không biết là đang đi vào nơi phục quân của binh nước Đại Cồ Việt!

Mấy nghìn cặp mắt binh Nam căng thẳng đến muốn rách cả mi mà nhìn binh Tống, ba nghìn binh chiến hồi hộp lạ lùng, giặc thù đang tới, mệnh lệnh vào trận vẫn chưa thấy, ngần ấy con người thân thể như biến thành gỗ đá, hoàn toàn bất động .

Đại binh thuyền nhà Tống vẫn lặng lẽ ngược dòng, những hàng thuyền đi đầu đã vào đến nơi binh Nam ẩn phục, tướng quân Trịnh Tú cũng như tất cả binh tướng của ông nhìn thấy rõ: trong ánh nắng êm đầu xuân, một tướng giáp trận thật rực rỡ đứng ở mũi một chiến thuyền lớn hơn các thuyền kia, tướng này chính là Đường Kiền.

Tướng tiên phong binh nhà Tống mắt như hai viên kim cương tóe lửa dưới nắng phương Nam, tướng quân đang dõi cặp mắt thần quan sát các nơi, ông tìm quân Nam! Nhưng, cặp mắt thần của ông lại không nhìn thấy được những chiếc thuyền bé nhỏ của binh Nam ẩn trong lau sậy, những chiếc thuyền hai bên bờ với mấy nghìn cặp mắt căm hờn cũng đang chiếu cả vào ông, vào đạo quân hùng dũng của ông!

Mặt trời đứng bóng, đạo binh thuyền đại Tống ngược dòng Bạch Đằng tiến lên, bây giờ chỉ còn phần hậu quân đang trấy qua chỗ binh Nam ẩn nấp! Nhìn lên mạn trên, cả dòng sông rộng Bạch Đằng đen nghẹt binh thuyền giặc Bắc. Tướng quân Trịnh Tú phát hiệu cờ lệnh.

Lập tức các thuyền trống trận đập vang, trống lệnh thúc binh Nam ấn trong lau sậy tràn ra như ong vỡ tổ. Lòng sông rộng nhưng bây giờ đã hẹp lại vì những hàng chiến thuyền đại Tống, vì thế binh Nam chẳng phải mất nhiều công sức cũng đã vào được trận.

Trống trận thúc vang vang, lúc hùng hồn đầy sát khí, lúc lại ào ào như mưa rào đổ trên mặt những tán lá lớn hồ sen.

Tướng quân Trịnh Tú đợi cho đoàn quân thuyền của giặc trấy qua, rồi mới cho lệnh quân nhà ra tay, ông không dám đánh vào phần tiền quân, e rằng sẽ bị cả đạo quân mạnh như hùm beo ấy nghiền nát quân nhà; ông càng không dám đánh vào trung quân của giặc, sợ rằng như thế thì tiền quân sẽ quay lại, hậu quân sẽ dồn lên, thế là ông sẽ phải một mình đương cự với ba mặt của đạo quân giặc. Tướng quân ra lệnh cho binh tướng của ông tràn ra, sử dụng cung tên ra sức sát phạt.

Thuyền trận đôi bên chưa lại gần nhau, nhưng tên bay dầy đặc như mây trời mùa giông bão tha hồ nhắm đích bay tới. Tiếng giặc la hét vì bị trúng tên, hốt hoảng vì bị đánh bất ngờ, làm cho chiến trường chớp mắt trở nên cực kỳ hỗn loạn khốc liệt.

Hai bên bờ dòng Bạch Đằng, binh Nam tràn ra, tướng quân Trịnh Tú vừa vào trận vừa phát lệnh hiệu kỳ để cho các thuyền trống biết mà điều động binh sĩ. Trịnh Tú lệnh cho hai cánh quân của ông theo trống lệnh vừa xáp lại gần giặc vừa chuyển về hậu quân của giặc. Trong khoảnh khắc tên bay đã giết được vô số giặc, thuyền trận đôi bên vẫn chưa áp sát nhau, dao ngắn giáo dài vươn ra nhưng chưa có cơ hội đâm chém.

Trịnh Tú cho quân chặn kín phía hậu quân của giặc, thế là binh của ông lập được cái thế ba mặt cùng vào trận, thuyền nhỏ di chuyển nhanh, dễ xoay trở khiến cho các thuyền chiến của binh Tống không kịp trở tay.. Bên hữu ngạn là binh do ông cai quản, tả ngạn là tướng Cao Hiển Đức cai quản. Tướng quân không thể trông thấy phía bờ bên trái dòng sông thuộc tướng của ông đem quân vào trận như thế nào, chỉ thấy ở mặt ấy quân giặc náo động dữ lắm.

Hậu quân của giặc bị vây kín, bao nhiêu thuyền chiến ở mạn trên không làm sao vào trận được, càng xoay trở các thuyền càng sát vào nhau đặc nghẹt cả mặt sông một giải dài. Tướng Dưởng Kiền hai mắt muốn lồi ra ngoài, ông giận vô cùng, cứ như thế này thì nếu giặc có phục binh lớn hai bên bờ sông, lại nương vào những triền núi đá cao cùng đánh xuống, thì đạo quân tiên phong của ông ắt chết hết! Lại nữa, chỗ này hai bên bờ sông lau sậy ngút ngàn dày đặc, không thể cho quân vào sát bờ được lỡ giặc dùng hỏa kế thì không có đường rút lui.

Chợt nghĩ đến những lời tiên tri của Kỳ Ảnh Sĩ Đạo Đồng Bàng, tướng quân bỗng thấy trong lòng phấn chấn hẳn lên, nhất định linh thiêng không thể sai lạc được, ông chỉ có thắng chứ không có bại, mà phải là thắng lớn!

Thế là tướng Đường Kiển hăng lên, ông thét lớn gọi quân nhường đường để ông đi ngược lại hậu quân, trên soái thuyền treo cờ màu xanh nước biển còn có các tướng Mao Cẩm Tài và Lịch Tường Thư. Tướng quân bảo hai tướng:

– Ông Tào Xuân Độ lúc này đang phải cự chiến với bọn giặc Nam, tài sức ông ấy không để gì bọn Nam man làm hại được, nhưng để lâu dễ sinh biến!

Ở hậu quân, binh thuyền Đại Cồ Việt thấy cung tên được lợi nhiều thì cứ giữ thuyền cách xa các thuyền của giặc một khoảng vừa tầm tên, các tay cung ra sức phóng tên đi, mười ngọn thì cũng có đến bốn năm ngọn trúng đích. Giặc Tống tức giận lồng lộn thúc thuyền tràn tới, bao nhiêu binh khí vươn ra vẫn chẳng làm gì được quân Nam, tiếng hò hét lẫn với tiếng trống trận của tướng quân Trịnh Tú nghe mới thật ghê rợn, cả hai đạo quân của đôi bên lui dần ra phía cửa biển, trận chiến kéo dài như thế được hồi lâu thì tên trên thuyền binh Nam cũng cạn, và bây giờ là lúc phải dùng đến gươm giáo để vào trận!

Tướng quân Trịnh Tú giục thuyền lướt lên, gươm Định Thiên chiếu ra, hai bên vừa sát vào nhau là máu thịt đã tung toé.

Trịnh Tú từng vào ra chiến trận lớn nhỏ kể có trăm lần, nhưng những lần trước lúc theo ngựa tiên vương đi thu thiên hạ, gươm Định Thiên của ông tung hoành đánh giết người cùng nước cho nên có nhiều phần nương tay, lần này đánh giết giặc Bắc quen thói hung tàn nhòm ngó phương Nam, cho nên tay gươm của ông triển ra không chút thương xót nào, bao nhiêu sở học kiếm pháp lão luyện bây giờ triển ra làm sao quân nhà Tống chịu nổi!

Chớp mắt, xác giặc ngổn ngang, nước dòng Bạch Đằng nhuộm đỏ, binh Nam theo thuyền chủ tướng cũng vào trận dữ dội chẳng kém, cảnh đôi bên chém giết nhau thật khốc liệt.

Trịnh Tú tuy say máu chém giết, nhưng ông vẫn không quên binh ông thua kém ít hơn binh giặc rất nhiều, tay gươm không ngừng huy động ông vẫn để ý quan sát tình hình. Bên cạnh ông, tướng Ngô Dạo Thanh với cây côn ngắn tung hoành dấn sâu vào trận thế của giặc, côn sắt ra sức đập phá thuyền giặc, tướng này như mê đi quên mất là ông đang thúc thuyền xuyên ngập vào trận giặc, vừa lúc ấy soái thuyền của tướng tiên phong Đường Kiển cùng các thuộc tướng từ tiền quân đã quay trở lại tới nơi.

Đường Kiền đang lúc tức giận, lại thấy mấy tướng Nam chỉ với chiếc thuyền nhỏ sáu chiến binh vừa chèo thuyền vào trận vừa đánh giết quân Tống, tướng quân thét lên một tiếng dữ dội bỏ soái thuyền vọt tới. Đường Kiền bay đi thì lập tức hai tướng Mao Cẩm Tài và Lịch Tường Thư cũng băng theo, ba tướng như ba con cọp dữ ào tới. Đường Kiền chính diện, Mao Cẩm Tài bên trái, Lịch Tường Thư bên phải, cả ba vây ngay lấy Trịnh Tú, gươm đao triển ra cùng một lúc tận lực đánh tới.

Trịnh Tú đang ra sức sát phạt giết binh Tống, chợt thấy ba tướng từ trong quân của giặc vọt tới, ông không kịp suy nghĩ lia cây gươm Định Thiên một đường "Thái Dương Nhập Miếu"đường gươm đi một vòng rộng và nhanh vô cùng, đồng thời nghe có tiếng kim khí chạm nhau vừa mạnh vừa chắc nịch. Gươm báu Định Thiên triển một thế chặt đứt ba mũi gươm của ba thần tướng đại Tống, ba thanh gươm trường cụt ngọn vẫn còn dài hơn thanh Định Thiên nhiều!

Ba thủy tướng nhà Tống trong một thoáng hồn vía lên mây, không ông nào ngờ được sự thể lại đến như thế. Nhà tướng quen với trăm trận chiến sinh tử, cho nên ba tướng nhà Tống trong lúc thảng thốt kinh hoàng lui cả lại, nhận ra ngay khí giới của mình chỉ bị cụt ngọn thì lại bình tĩnh được ngay, thận trọng chia nhau thế trận vây lấy tướng Nam.

Nhìn sự thể, Trịnh Tú thấy ngay nguy hiểm, các thuyền chiến nhà Tống đang chuyển động vây lấy đạo thuyền của ông, bản thân ông thì đang bị ba tướng giặc vây hãm, tuy thế ông cũng còn thuộc tướng Chu Tường Lân, Ngô Đạo Thanh, như vậy là đôi bên cũng không hơn kém gì nhau là mấy, Chu Tường Lân là tay cự phách, có sức khỏe mà lại gan dạ hơn đời, dễ gì các tướng giặc dã mau lẹ hại được ông.

Trịnh Tú ước định tình thế chưa xong, ba tướng nhà Tống đã đồng loạt kích tới. Ba đường gươm ở ba phía đánh tới khép chặt Trịnh Tú vào giữa không cho có lối thoát, Tú lại cử gươm Định Thiên lên đỡ gạt, tức thì ba thanh gươm cụt ngọn chuyển thế một lia dưới thấp, hai bổ tréo từ trên cao bổ xuống, Trịnh Tú vẫn bị vây khốn không có lối thoát.

Trong lúc cấp thời, Trịnh Tú diễn một thế "Cá Chép Đùa Sóng"cước bộ đạp mạnh xuống mặt thuyền đẩy thân hình nằm dài bay vọt đi giữa đường gươm quét dưới chân và hai gươm đang từ trên cao bổ xuống, tay gươm Định Thiên thuận thế xỉa mạnh vào sườn bên trái tướng quân Đường Kiền. Đường gươm đang bổ xuống cực mạnh của Kiền đè ngay xuống đập trúng gươm Định Thiên nghe "choang"một tiếng, Đường Kiền bắn trở lại và Trịnh Tú ập xuống ngay trước múi thuyền của các tướng nhà đại Tống!

Nói thì lâu, việc xảy ra chỉ trong một phần trăm một lần chớp mắt, Trịnh Tú nhân dang trong thế nằm dài liền vươn tay gươm quét rộng một vòng ngang ống quyển các tướng giặc, tức thì cả ba tướng đạp chân bắn vọt lên cao tránh đường gươm khốc liệt của tướng Nam, con thuyền tròng trành dữ dội, Trịnh Tú uốn mình đứng dậy cực nhanh rồi nhân theo đà thuyền nhấp nhô tròng trành liền xuống tấn đạp mạnh dìm mũi thuyền xuống. Nước dòng Bạch Đằng pha máu đỏ ào vào thuyền, soái thuyền đại Tống ngập nước chìm tức thì, cùng lúc bốn tướng Bắc Nam bay vọt lên. Trịnh Tú uốn mình lập thế "Ong Vàng Thám Hoa"bay ngược trở lại hạ xuống mũi thuyền của ông.

Trận chiến đôi bên thật dữ dội, quân đôi bên phần lớn dùng khí giới ngắn ra sức đâm chém giết nhau, mặt sông đảo lộn, sóng nước sủi bọt ầm ầm. Ngay lúc ấy, ở sườn phía Nam binh Tống thấy có sự hỗn loạn, rồi một toán chiến thuyền nhỏ như mũi dùi nhọn xuyên tới, binh trên thuyền vào trận thật hung dữ, đấy là đạo binh tả ngạn hậu quân tiếp ứng của tướng Trịnh Tú do tướng Cao Hiền Đức cai quản.

Cao Hiền Đức vốn là tướng võ nghệ siêu quần, khi thấy quân tiên phong của nhà Tống bị chẹn lại ở phía sau, phía trước không xoay trở được, ông không dám đánh vào trung quân hay tiền quân của giặc, vội cho lệnh quân xuôi dòng trong lau sậy vượt đường xuống hậu quân của giặc để tiếp ứng cho binh của chủ soái. Cao Hiền Đức là người trung nghĩa, chỉ vì tật mê sắc mà phạm quân kỷ, may mà được chủ soái nhân đức kín đáo dàn xếp lại tha tội, Đức lấy làm cảm khái lắm. Bây giờ vào trận, ông nhớ đức lớn của Trịnh Tú tha tội chết, tự coi mình như đã chết rồi để tận lực đền ơn tha mạng của chủ tướng, cho nên ông vào trận với khí thế ngất cao, tay gươm của ông như mưa sa tuyết đổ tận lực đâm chém giặc hung dữ vô cùng.

Lúc ấy ba tướng nhà Tống đã yên bộ trên thuyền khác, chưa hết kinh hoàng vì thủ đoạn của Trịnh Tú thì đã lại thấy một tướng Đại Cồ Việt mặt đẹp nhưng gươm trong tay lại quá dữ dội đâm chém đánh giết binh Tống, tức thì cả ba tướng chẳng bảo nhau mà cùng xông tới, ba gươm kích ra vây lấy tướng này vào giữa.

Cho dù Cao Hiền Đức có giỏi đến đâu cũng không thể một mình cự chiến với ba tướng lẫy lừng của nhà Tống được, đã thế trận chiến lại ở trên thuyền nhỏ không ngừng nghiêng ngả rung rinh, vì vậy tình thế của Cao Hiền Đức nguy hiểm vô cùng. Trịnh Tú thấy vậy liền lăn xả tới, gươm Định Thiên lại hoa lên tận lực hỗn chiến với ba tướng nhà Tống.

Quân hai bên tràn vào nhau mà chém giết, trống trận Đại Cồ Việt thúc ran ran, thêm hai tướng Chu Tường Lân và Ngô Đạo Thanh cũng lăn xả vào chém giết giặc.

Chu Tường Lân sức khỏe hơn voi, bây giờ vào trận thấy chú tướng Trịnh Tú lao đao với ba tướng giặc, rồi thì Cao Hiền Đức bị vây hãm, Lân gầm lên một tiếng dữ dội át cả tiếng trống trận, ngọn huyền cương đao dài không quá hai gang tay như một tia chớp kéo theo cả thân hình to lớn của Lân nhắm tới giữa ngực tướng tiên phong Đường Kiền. Đường Kiền cùng hai thuộc tướng vừa vây được tướng Đại Cồ Việt chưa kịp ra tay thì đã thấy trước mắt cả một tảng lớn ập tới, Kiền kinh hoàng hươi gươm lên chặn, nghe "xoảng"một tiếng thì cả Kiền lẫn Lân đều bay vọt đi. Gươm của Đường Kiền chặn đúng huyền cương đao của Chu Tường Lân, sức ập vào quá mạnh khiến cả hai tướng vọt đi.

Tướng vào trận nhờ tài nghệ riêng mà giữ vững được tính mạng, nhưng nhiều lúc số mệnh cũng lại khiến cho tướng tài ôm hận.

Lúc hai tướng Đường Kiền với Chu Tường Lân bắn vọt đi, khoảng trống mở ra đúng lúc tướng Mao Cẩm Tài cử gươm triển một thế "Giao Long Quá Hải"gươm đi như tia chớp dữ dội mà cực chuẩn xỉa trúng ngay giữa ngực Cao Hiền Đức, Đức không kêu tiếng nào ưỡn ngửa người rồi ập xuống.

Gần như cùng một lúc với sự ngã xuống của tướng quân coi đạo tả quân của Trịnh Tú là Cao Hiền Đức, thì chính Mao Cẩm Tài cũng đổ ập xuống cùng với một tiếng rú! Ấy là vì: Trịnh Tú đâm thuyền giặc rồi uốn mình bay vọt trở lại thuyền của mình, vừa kịp thấy tướng nhà Tống ra một đường gươm giết Cao Hiền Đức, Tú không kịp kêu một tiếng nào đang nhân đà vọt tới vận hết sức đâm gươm Định Thiên vào giữa lưng Mao Cẩm Tài, đường gươm báu vươn ra cùng với tiếng rú thê lương của Trịnh Tú làm cho các tướng bàng hoàng.

Trên mặt thuyền, tướng Cao Hiền Đức sóng soài, thanh gươm dài của tướng nhà Tống vẫn còn cắm ngập giữa ngực, và tướng Trịnh Tú như con hùm đang lúc điên cuồng, phóng một cước đá bay xác tướng nhà Tống Mao Cẩm Tài xuống nước, tay gươm của ông cực kỳ hung dữ đâm chém đánh giạt binh tướng nhà Tống ra.

Tướng tiên phong Đường Kiền bị đẩy bắn đi, tai nghe tiếng rú thì tướng Chu Tường Lân cũng nghe thấy tiếng rú khủng khiếp ấy, Lân không còn lòng dạ nào theo đuổi tướng tiên phong nhà Tống nữa, vội quay trở lại kịp thấy Trịnh Tú như con hổ dữ tay gươm Định Thiên tận lực đâm chém lung tung, Lân còn nhìn thấy một tướng sóng soài trên thuyền chủ tướng, thì liền bỏ Đường Kiền tung mình đá bay một binh sĩ nhà Tống vướng đường chạy đi của ông.

Lúc ấy, Trịnh Tú trụ bộ mở rộng hai chân cố sức che chở chắn đỡ cho tướng Cao Hiền Đức nằm giữa hai chân ông, không biết Đức còn sống hay đã chết. Tú thấy bóng Chu Tường Lân vọt đến, liền thét:

– Mau mau cản giặc, ông Đức nguy rồi!

Chu Tường Lân như con cọp điên, thanh cương đao như con rồng đen uốn lượn cực nhanh bao nhiêu sức lực mạnh hơn thần thánh của Lân trút cả vào tay đao, binh tướng nào của nhà Tống chịu đựng được. Chu Tường Lân tung mình vọt sang soái thuyền của Đường Kiền, tướng tiên phong quân thủy nhà Tống vừa hết kinh hoàng vì bị đẩy vọt đi, nhìn ra tướng tiên phong nhận thấy ngay tình hình, lại quan sát tay đao của tướng Nam to lớn tuy hung dữ mạnh khủng khiếp nhưng không phải là tay đao khó trị. Đường Kiền liền nhắm ngay vào Chu Tường Lân, ý là muốn trả hận ngọn đòn bị đẩy bắn đi lúc nãy, và triệt hạ được tướng nào của nước Nam là có lợi được phần ấy.

Đường Kiền lên tiếng thét trận, rồi hoa thanh trường kiếm xốc tới. Trịnh Tú thấy tình hình, cũng thét lệnh trống cho quân lui ra xa, trận chiến chưa thể nói là bên nào dã thắng bên nào đã thua được. Nhưng Trịnh Tú không thể nào cứ để tướng Cao Hiền Đức nằm dưới chân ông không biết sống chết ra sao mãi được, trong lòng ông như có ngọn lửa lớn đang nung đốt, tướng quân thét Ngô Đạo Thanh hãy cản phía sau, để ông tiếp tay với quân mau mau đẩy thuyền bỏ chiến trường.

Trong trận, bây giờ chỉ còn một mình Chu Tường Lân cự chiến với các tướng nhà Tống. Lân chẳng tỏ ra sợ hãi chút nào, tay cương đao phạt ngang chém dọc, binh Tống vây quanh đông nghẹt, vài chiếc thuyền chiến quân Nam lạc lõng trong tiếng trống trận thúc lệnh đều đều, quân Nam theo chủ tướng vẫn không đoạn chiến, cả bọn dốc sức chiến với giặc. Các tướng nhà Tống vây Chu Tường Lân quyết không để Lân thoát, riêng tướng tiên phong Đường Kiền thì đứng ngoài líu lo thét lên chỉ bảo cho các tướng biết đường áp dảo Chu Tường Lân.

Chiến thêm một lát nữa, Lân nhận thấy tình hình thật nguy hiểm, ông liền thét đám quân lạc lõng theo ông hãy mau mau bỏ thuyền trốn xuống nước thoát thân, đám quân nghe chủ tướng thét lệnh, không nỡ bỏ chủ vẫn lăn xả vào giặc, khiến Lân phải thét giục chúng mau mau thoát thân đi rồi ông cũng sẽ thoát sau.

Chúng quân nghe lệnh, đành hô lớn bỏ chủ, xin được đoạn chiến, rồi nhất loạt bỏ thuyền nhào cả xuống nước lặn sâu trốn mất.

Bây giờ chỉ còn một mình Chu Tường Lân giữa đám binh tướng nhà Tống vây quanh đặc nghẹt, nhưng tiếng trống trận của binh Nam vẫn dập dều đều, tướng quân nhận ra: quân nhà vẫn đang chiến đấu, chiến trận còn tiếp tục khốc liệt ở khắp nơi, ông cho rằng: chủ tướng Trịnh Tú thế nào cũng lại vào trận. Nhưng, đánh thêm hồi nữa vẫn không thấy có

tướng nào vào tiếp trận với ông, tai nghe trống lệnh cho quân lúc tiến lúc giãn ra, tình hình khắp nơi xem ra không có lợi, tướng quân liền quyết định: thôi thì một mình tận lực chiến với giặc, cho đến khi nào trống lệnh bảo lui sẽ hay sau.

Cầm cự được thêm một hồi nữa, dù sức khỏe như thiên thần Chu Tường Lân cũng bắt đầu thấm mệt, mấy lần nó tránh gươm giáo của giặc suýt nguy đến tính mệnh. Lúc ấy, tiên phong Dường Kiền đứng quan sát bên ngoài liền líu lo một hồi, rồi xốc gươm nhập trận, Kiền đã nhận thấy Chu Tường Lân đang tìm cách doạn chiến bỏ chạy, Kiền muốn giết hay bắt sống tướng Nam.

Đường Kiền vóc dáng cao lớn, tài nghệ cũng lớn, quen chiến trận, con mắt tinh đời quan sát thấy tình cảnh nơi này, tai nghe trống lệnh của quân Nam, nhận xét tình thế thấy binh nhà không thể bại được, mà bất lợi lớn đã ngả về phía quân Nam, trong trận ở đây chỉ còn một tướng xem ra không phải là tướng kém cỏi, chẳng thế mà các thuộc tướng của ông vây đánh dữ dội, lại thêm chúng quân vây chặt hò reo chỉ chực xông vào, thế mà tướng Nam vẫn có vẻ ung dung không tỏ ý gì là bối rối, đến lúc này thì thái độ của tướng Nam xem ra có vẻ muốn tìm đường thoát thân, mấy thuyền binh Nam đã bỏ lại, cả bọn nhào xuống nước mất tăm, ông thấy chắc chắn tướng này cũng sắp theo lối của đám quân đâm dầu xuống nước bỏ trốn. Đường Kiền thét lệnh, rồi nhún chân tung mình vọt vào trận.

11

Vừa nhập trận, tiên phong Đường Kiền đã triển một thế: "Cao Tổ Trảm Xà"mường tượng như Hán Cao tổ ngày xưa chém rắn, trường kiếm từ trên cao chém thẳng xuống đỉnh đầu Chu Tường Lân, Lân cử đao lên đỡ thì Đường Kiền đã trầm cổ tay xoay ngửa lòng bàn tay lên chiếu mũi gươm vào giữa ngực Lân đẩy mạnh tới theo thế "Hoàng Phong Thám Hoa"như con ong vàng bay thẳng vào giữa đám nhụy hoa. Kiếm pháp của tướng tiên phong thủy quân nhà Tống Đường Kiền biến thế nhanh vô cùng lại mạnh mẽ quá, Chu Tường Lân trong lúc cấp thời sợ đến vã mồ hôi, hai chân đạp mạnh lên mặt thuyền đẩy vọt người bắn trở lại phía sau chẳng kể phía sau thế nào!

Chỉ một đường kiếm hai thế triển ra, Đường Kiền đã đánh lui tướng Nam, chúng thuộc tướng hừng chí nhất tề bay mình đuổi theo Chu Tường Lân, Lân như con thỏ bị đám chồn cáo rượt đuổi gấp, chân vừa hạ xuống chạm mặt thuyền là đã lại uốn mình đổ hẳn sang một bên tránh cùng một lúc hai đường kiếm của hai tướng nhà Tống chém bổ xuống. Vừa thoát hai gươm, thì mắt Chu Tường Lân đã lại thấy thanh trường kiếm của tướng tiên phong Đường Kiền dữ dội ập xuống chặn đường vọt đi của Lân, tình thế không còn hi vọng thoát thân!

Võ tướng vào ra trận mạc quen nghề, trong lúc mười phần chết chưa có một phần sống như vậy, phúc đáo tâm linh xui khiến cho Chu Tường Lân vươn tay đao phạt ngang bụng Đường Kiền, đây chẳng qua chỉ là đường đao "chết cùng chết"hóa ra lại là sinh lộ cho Lân thoát nạn! Đường Kiền đã tưởng phen này thì chặt được tướng Nam ra làm hai khúc, nào ngờ gươm đi chưa tới đích đã thấy gió đao của tướng Nam thốc vào giáp che bụng, Kiền rụng rời lại nhân đà thuyền lên xuống dập dềnh mạnh uốn mình bay ngược trở lại nhường chỗ cho gươm của tướng Nam bay qua.

Chu Tường Lân nhoài mình tránh gươm đồng thời ra một đao đổi mạng không trúng đích, đà đao kéo Lân trôi đi, hai mắt Lân trông thấy sát mặt là một khoảng trống nước dòng Bạch Đằng ngầu máu không có chỗ hạ xuống thế là ông rơi thẳng xuống nước. Chu Tường Lân sức mạnh hơn đời, lại giỏi nghề bơi lội, bây giờ rơi xuống nước dù chưa ngoi lên cũng vẫn nhận ra bóng thuyền giặc ở chung quanh, Lân nhắm đến chỗ tướng nhà Tống vừa bay tới, tay bíu lấy đáy thuyền trườn mình sang phía bên kia. Thuyền chiến của quân Tống tuy là thuyền nhỏ nhưng là nhỏ so với chu sư hải hành, chiều ngang của thuyền cũng phải rộng bằng hai xải tay, vì thế lúc Chu Tường Lân ngoi lên khỏi mặt nước, một tay với lên bíu lấy thành thuyền, tay dao chiếu ra đề phòng, hai mắt Lân nhận ra ngay tướng nhà Tống ở phía mạn thuyền bên kia, đao không thế nào chém hay đâm tới được.

Sức nặng của tay Lân dìm thuyền xuống làm cho con thuyền nghiêng hẳn đi, trên thuyền cũng như các thuyền ở chung quanh lính nhà Tống đã nhìn thấy tướng Nam, tất cả đồng loạt thét lên báo hiệu. Đường Kiền nhanh như làn gió thoảng quay lại và bay tới. Thanh gươm trong tay Kiền lại hoa lên nhằm bàn tay Chu Tường Lân bíu ở mạn thuyền chém mạnh xuống. Nước pha máu đỏ có làm mắt Lân bị mờ đôi chút nhưng vẫn kịp nhận ra nguy hiểm, Lân vội buông tay trầm mình xuống sâu, tai còn kịp nghe một tiếng "bụp" thật mạnh, con thuyền thoát sức nặng dè xuống đón đường gươm mạnh lại chìm xuống một chút.

Đường kiếm chém xuống của Đường Kiền không trúng đích, lưỡi kiếm ngập sâu vào mạn thuyền, Kiền chưa kịp rút được gươm ra thì đã lại thấy quân reo ầm ầm chỉ trỏ báo là tướng Nam dưới nước đã ở bên kia mạn thuyền.

Chu Tường Lân lại bíu vào mạn thuyền ngoi lên, quan sát nhanh không thấy có bóng dáng quân nhà nữa thì yên lòng, vừa kịp lúc quân Tống lại hò reo đã phát giác ra ông, và trên thuyền cả quân lẫn tướng nhà Tống lại đổ xô tới, gươm giáo lại chĩa cả ra toan chém xuống, Chu Tường Lân lại vội buông tay.

Lân ở dưới nước cứ quanh quẩn hết mạn thuyền bên này lại sang bên kia, hết đầu thuyền đằng này lại đầu thuyền đằng kia, lúc lay lúc dìm khiến cho con thuyền nghiêng ngả, mạn thuyền hai bên lãnh bao nhiêu là vết chém vết đâm, mũi thuyền một đầu bị vạt bay mất một mảng! Chu Tường Lân cứ thế như đùa giỡn với thuyền giặc, có lúc lại nhô lên khỏi mặt nước cách xa thuyền một chút mà cười to chế giễu tướng Đường Kiền! Kiền như điên như cuồng, không làm sao đánh chém tướng Nam được, ông lúi lo phát lệnh cho quân cách đánh giết tướng Nam.

Chu Tường Lân vừa chạm vào mạn thuyền, thì lập tức kinh hoàng buông tay lặn sâu xuống tránh bao nhiêu là ngọn giáo phóng xuống, quân Tống trên thuyền nghe kế của chủ tướng trên thuyền có bao nhiêu ngọn giáo liền phóng cả xuống nước như những mũi tên khổng lồ nhắm vào tướng Nam. Chu Tường Lân lại thoát chết một lần nữa, ông sang bên kia mạn thuyền chưa kịp ngọi lên thì lại vội vàng uốn mình xuống sâu tránh mấy mũi gươm đâm xuống. Chu Tường Lân dưới mặt nước quan sát thấy bóng thuyền giặc chi chít khắp nơi, không có chỗ trống cho ông ngoi lên ở xa thuyền giặc, liền nhẹ nhàng trườn ra xa, đành bỏ trận tìm đường thoát vòng vây.

Cũng lúc ấy, tướng quân Trịnh Tú gấp đưa thuyền vào bờ, trận chiến chưa thể bảo được là hơn thua đã thuộc về bên nào, binh tướng của ông vẫn đang theo trống lệnh đánh vùi với binh giặc, nhưng chỉ vì trên thuyền của ông còn có tướng Cao Hiền Đức nằm sóng soài, hơi thở yếu lắm rồi, mặt Đức nhợt như mảnh lụa ngâm nước, máu trong người ông cơ hồ đã thoát ra hết. Con thuyền vừa vào đến bờ lau sậy mịt mù, thì Trịnh Tú thấy tướng Cao Hiền Đức khẽ cựa mình rồi im lặng. Cao Hiền Đức đã tắt thở, hai mắt vẫn mở rộng nhìn Trịnh Tú miệng hơi hé mở như mỉm cười!

Tú chết lặng, cổ họng chợt thấy nghẹn lại, tự nhiên hai dòng nước mắt tràn ra, võ tướng từng xông pha trăm trận khóc như vừa mất một người thân thiết ruột thịt. Đây là lần đầu tiên trong đời ông mang trọng lệnh đưa các thuộc tướng vào trận lại để chết mất một tướng tài!

Đau thương cố nén, Trịnh Tú gạt nước mắt, rút mạnh thanh gươm của tướng Mao Cẩm Tài nhà Tống ra khỏi lưng Đức, không thấy máu chảy ra nữa, Tú thần lần nhìn quân khiêng xác người tướng huynh đệ đi rồi vội vàng quay thuyền lại vào trận.

Có lẽ trong trận, vẫn chỉ một mình Trịnh Tú là biết cái chết của Cao Hiền Đức, Ngô Đạo Thanh thì vẫn ra sức vùng vẫy thét gọi quân nỗ lực, binh Nam vẫn dũng mãnh đương cự với giặc. Thuyền Trịnh Tú vừa ra khỏi vùng lau sậy, đã thấy tướng Chu Tường Lân như con rái cá đang hướng tới. Trịnh Tú vội cho thuyền đón Lân lên, Trịnh Tú nói nhanh cho Chu Tường Lân biết tướng Cao Hiền Đức đã về trời!

Chu Tường Lân tính tình cực ngay thẳng, hay bộp chộp, xem các tướng như anh em ruột thịt, bây giờ nghe tin thì rú lên một tiếng không ra tiếng gì, nghe như tiếng voi thét, hai mắt ông trừng trừng nhìn ra ngoài sông nơi các thuyền giặc đang ra sức áp đảo quân nhà. Lân không nói gì, hai dòng nước mắt tràn ra lẫn vào nước sông còn đầm đìa trên mặt, Lân nghiến răng trèo trẹo, tay bóp mạnh chuôi đao, rõ ràng máu hận đang sôi đến cực điểm ở trong lòng.

Tiếng trống trận vẫn ran ran, Trịnh Tú sợ rằng binh nhà yếu thế dễ bị thiệt hại lớn, lại thêm trong trận chỉ còn một mình Ngô Đạo Thanh chưa biết đang ở nơi nào, an nguy ra sao, Tú liền phát lệnh cho binh lui trở lại, ông muốn quan sát trận chiến xem tình hình thế nào.

Lúc ấy, tướng quân Ngô Đạo Thanh, người vùng sông nước Bạch Hạc lại lâm vào cái cảnh của tướng Chu Tường Lân lúc nãy: một mình vùng vẫy cự chiến với các tướng nhà Tống. Cây thiết đoản côn trong tay ông không có mũi nhọn hay lưỡi bén, nhưng lợi hại ở sức trì trọng cho nên bao nhiêu gươm của các tướng giặc bị đập phải cũng làm cho các tướng ấy thấy tê dại cả cánh tay. Ngô Đạo Thanh sức mạnh không bằng Chu Tường Lân, nhưng là người cương nghị tính tình trầm lặng xử thế có nhiều suy nghĩ chín chắn mà mau lẹ, bây giờ trong trận mới chỉ biết Cao Hiền Đức bị đả thương chưa biết sống chết thế nào, thì Thanh bỗng thấy lo lắng, đến khi bị các tướng giặc vây đánh thì tự nhiên lại thấy trong lòng bình tĩnh lại. Đấy là điều lợi hại của con nhà tướng có bản lĩnh.

Quan sát chiến trường, tai nghe trống lệnh, nhìn quân nhà đang tận lực đánh giặc, tướng quân nhận ra ngay tướng nào ở đây là tướng cai quản đạo quân thuyền này của Tống. Tướng quân hoa thiết đoản côn xử một thế "Rồng Vàng Lên Mây"hai chân đạp mạnh xuống lòng thuyền bốc vọt thân hình lên bay sang bên thuyền giặc. Chuyển động của tướng Nam vừa mau lẹ dị thường lại cực hùng dũng nhắm thẳng đến chỗ Đường Kiền.

Chỉ trong một thời gian ngắn, tiên phong Đường Kiền đã thấy binh Nam không mạnh, một tướng Nam bị giết, cho dù thuộc tướng của ông cũng có một người mất xác, ông vẫn nhận ra thắng thế là đang về phía quân mình, đến khi thấy tướng Nam một mình lạc lõng trong trận lại liều lĩnh nhảy sang thuyền của ông, thì ông buột miệng khen lớn:

– Hảo vũ thuật!

Tiếng khen còn chưa dứt âm, Đường Kiền đã uốn mình lộn ngược trở lại, tay gươm chém mạnh về phía sau để cản địch. Gươm dài của tướng tiên phong chém trúng thiết đoản côn của Ngô Đạo Thanh nghe "chát"một tiếng, thì Đường Kiền cảm thấy cả cánh tay tê buốt. Đường côn đi của Ngô Đạo Thanh đập vào gươm của tướng giặc không có gì đáng kể, đà đi còn rất mạnh đập thẳng xuống mạn thuyền nghe "rầm"một tiếng. Mạn thuyền vỡ toang một mảng bay tung đi.

Các tướng giặc chưa kịp hoàn hồn thì thiết đoản côn đã lại cử lên đúng lúc hai chân Ngô Đạo Thanh hạ xuống thuyền giặc. Việc kể thì lâu xảy ra thì nhanh chưa hết một lần chớp mắt. Côn sắt quét bay một người lính Tống đi, Ngô Đạo Thanh đường trường đối chiến với các tướng nhà Tống.

Tiên phong Đường Kiển trong lòng thầm kinh hãi tướng Nam vừa gan dạ vừa dũng mãnh lạ thường, tự nhủ: "tên này không như tên bị chết kia!", nghĩ rồi, Đường Kiển lúi lo thét lệnh, các tướng khác lùi cả ra nhường chỗ cho tiên phong một mình đối chiến với Ngô Đạo Thanh, thì ra tiên phong Đường Kiển của quân nhà Tống muốn một mình thử tài đánh hạ tướng Nam! Trên chiến trường hung hiểm đầy chết chóc mạng hết như chơi bất cứ lúc nào như thế này, rồi đến việc lớn của cuộc viễn chinh đánh chiếm một nước hệ trọng đến thế nào, vậy mà tướng nhà Tống vẫn còn đủ bình tĩnh để thách đấu với tướng địch, quả là hi hữu!

Ngay từ đầu, Ngô Đạo Thanh đã nhận ra phong cách Đường Kiển khác hẳn với các tướng kia, ông không biết rằng đây là tướng tiên phong, đòn tấn công vừa rồi chỉ vì muốn tiến đánh vào viên tướng giặc xem ra kiệt hiệt nhất mà thôi. Bây giờ thấy sự thể, thì Ngô Đạo Thanh tin rằng đây chính là chủ tướng của đạo quân tiên phong này, ông ngầm vận khí, hít vào một hơi dài, chuyển bộ vào thế "Tọa Sơn"hai chân mở hơi rộng, đầu gối hơi khuyu xuống, thân thẳng tắp, thế tấn vững vàng như tòa núi khiến cho con thuyền đang tròng trành cũng phải đứng im. Hai tay cầm thiết đoản côn, tay phải ở gốc, tay trái phía ngoài, ngọn côn chiếu thẳng vào trán tướng tiên phong Đường Kiển.

Thế tấn và phép cầm vũ khí của Ngô Đạo Thanh thật lạ, mường tượng như phép cầm giáo dài, mà lại phảng phất như lối cầm gươm dài bằng cả hai tay

Ngô Đạo Thanh ở đất Bạch Hạc, ngày còn niên thiếu hay vào chơi trong núi Tử Trầm (ở huyện Yên Sơn, tỉnh Sơn Tây), một hôm nghe có tiếng nói lao xao trên núi, liền vạch lá tránh dây leo lên xem có gì lạ. Đến đỉnh núi, thấy việc lạ: có hai người một mặc quần áo đỏ, một mặc quần áo xanh, hai người tranh cãi với nhau là mình giỏi hơn, nghe hồi lâu Đạo Thanh mới hiểu ra: đây là hai vị thần mưa và nắng, vị nào cũng cho là pháp thuật của mình cao hơn đối phương, tranh cãi hồi lâu, liền ra tài đấu phép với nhau. Thần mưa vóc dáng mảnh mai liền ra tài trước, chỉ trong chớp mắt trời đang trong sáng quang đãng bỗng nước từ trời cao trút xuống dữ dội, chỉ một chốc là nước đổ tưởng có thể ngập hết núi rừng. Ngô Đạo Thanh núp dưới tàn cây lớn tránh mưa mà vẫn tưởng như đang đứng giữa nơi quang đãng hứng trận mưa dữ dội.

Mưa hồi lâu, cây cối rừng già như thể không còn sức chịu đựng được trận mưa quá lớn ấy, núi rừng như sắp tan mục ra vì nước mưa, thì thần nắng vóc dáng cao lớn ngửa mặt cười, tiếng cười mạnh dãy giạt hết mưa đi xa, cả một vùng rộng lớn không còn một hạt mưa nào rơi xuống, nhưng trông ra xa xa thì vẫn thấy trời mù mịt trong mưa. Thần nắng cười rồi, ra

phép thần thông, mưa dang xối xả chợt tắt ngấm, từ trời cao nắng đổ xuống chan hòa, ánh nắng sáng bừng gay gắt như thể đang giữa trưa mùa hạ nóng bức, hơi nước ngùn ngụt bốc lên, chẳng mấy chốc núi rừng cây cỏ đều khô ráo, là cỏ cây vừa được mưa rửa sạch xanh bóng, bây giờ nắng gắt đến sắp hóa khô cả, Ngô Đạo Thanh cảm thấy như đang bị nắng thiêu đốt khó chịu vô cùng.

Hai thần đấu phép, chẳng ai thua ai, cả hai cười to, một giọng cười đục, một giọng cười trong trẻo, rồi cả hai mờ biến đi. Ngô Đạo Thanh lấy làm lạ, đến chỗ hai thần mưa nắng vừa đứng, chỉ thấy có hai tảng đá, một lớn màu đỏ, một nhỏ hơn màu xanh, thì cho rằng hai tảng đá này là thần mưa thần nắng(*).

Ngô Đạo Thanh ngẫm nghĩ, sau theo học nghề ưa dùng đoản côn để sử dụng lúc đi rừng cho gọn tiện mà lợi hại, lại nhớ đến kỳ ngộ gặp thần đá âm dương, liền hàng ngày lên chỗ này luyện côn, lại dựa vào nguyên lý nắng mưa mạnh yếu cương nhu để lập ra côn pháp lấy tên là côn pháp "Âm Dương Thạch". Côn pháp riêng của Ngô Đạo Thanh luyện tập như thế giữa hai đá âm và dương, lâu ngày cảm thấu được huyền lực của trời đất, biến hóa vô cùng, lúc cương có thể khiến côn phát ra sức mạnh như sức nóng của thái dương có thể hủy diệt được tất cả, lúc nhu thì mềm như dải nước trong uốn lượn nhưng lại có sức dìm chết được tất cả.

Lúc Tiên Vương lên ngôi thì Đạo Thanh đến theo phò, từ ngày ấy đến nay chưa có dịp thi thố tài riêng, bây giờ trong trận trước tình hình khó khăn, lại thêm việc một tướng huynh đệ bị giết, trong lòng ông vừa sôi sục như có sức nóng thái dương đang bừng bừng, lại vừa thâm trầm như có dòng suối mát triền miên len lỏi giữa rừng già, hai sức mạnh một cương một nhu ấy truyền qua hai tay tướng Thanh tru bộ thủ thế, các tướng nhà Tống vây lấy ông thảy đều kinh hãi: tướng nước Đại Cồ Việt này vóc dáng tầm thước, mặt đẹp nghiêm trang, vẻ bình tĩnh, thế đứng với cách cầm côn xem ra khác dời như thể lối cầm trường trọng kiếm, kỳ lạ hơn cả là tướng này hai con ngươi mắt thì bên trái xanh lè, bên phải đỏ tía, ánh mắt chiếu ra một lạnh băng một nóng như lửa đốt! Các tướng nhà Tống thấy run ở trong lòng, nghĩ tướng Nam là đạo sĩ hay yêu quái gì hiện hình!

Chính tướng quân Ngô Đạo Thanh cũng không hề biết lúc ấy hai mắt ông lại có hiện tượng lạ như thế, và tất cả các tướng Đại Cồ Việt thì chưa

---

(*) Tương truyền, trên núi Tử Trầm có đá âm đá dương, người đi rừng mỗi khi nghe trong núi có tiếng đá dương kêu giọng đục ấy là báo hiệu trời nắng, khi đá âm kêu giọng trong ấy là báo hiệu trời mưa.

ông nào được thấy tài năng bản lĩnh sử dụng côn pháp của Ngô Đạo Thanh vì ông chưa từng có cơ hội để vận dụng đến côn pháp âm dương mưa nắng này!

Lúc này, Ngô Đạo Thanh nhìn dám binh tướng nhà đại Tống thấy thuần một màu xanh nhạt, ấy là lúc các tướng giặc mang tâm trạng kinh hãi tướng địch! Tướng quân thấy binh tướng giặc cứ ngẩn người nhìn mình, thì thét lên một tiếng, tiếng thét cũng lại lạ lùng nghe như nhiều hòn đá tảng va vào nhau vừa chói tai lại vừa ào ạt như có nước chảy mạnh, cùng lúc côn pháp kỳ dị triển ra. Các tướng nhà Tống liền cảm thấy: như thể có nhiều cây côn ngắn cùng một lúc đánh tới, có ngọn đi nhẹ như dòng nước chảy, có ngọn trì trọng như đá lớn trên núi cao trút xuống thật dũng mãnh. Tức thì các tướng nhà Tống người lùi lại, kẻ tránh sang bên, tay gươm của tiên phong Đường Kiền chiếu ra không chặn đỡ đường côn mà thi thố một thế kiếm "Quan Âm Quá Hải", cước bộ trôi lên cực nhẹ nhàng, mũi gươm lợi thế vừa dài lại vừa được tay kiếm vươn ra, vì thế mũi gươm có thể tới đích trước đường côn ngắn, nhắm đúng giữa ngực tướng Nam lướt tới như một làn gió thoảng.

Ngô Đạo Thanh đánh ra một đường côn không chú ý là thế thức gì, chỉ là một dòn đánh bình thường của người cầm côn đánh tới trước mặt, trong thâm tâm ông cũng không chọn một thế thức nào mà để mặc cho côn đánh tới. Tướng quân không biết, các tướng giặc lại càng không biết, thần đá âm dương núi Tử Trầm đã hòa vào với côn pháp bao nhiêu tháng ngày tướng quân luyện côn trên đỉnh núi, nên không biết rằng: núi đá đổ xuống không làm gì có lối chuyển động lựa chọn nào, nước chảy trong dòng không có kiểu cách trôi đi, mà tất cả hoàn toàn là tự nhiên trong trời đất. Bởi vậy đường côn sắt đánh ra tuy là côn ngắn, nhưng không đi sau đường gươm của tướng Đường Kiền, thiết đoán côn giáng xuống như đá núi trút xuống, lướt đi không có gì cản trở được như nước dòng suối chảy xiết, vì thế trường kiếm của Đường Kiền xỉa tới thì chạm ngay vào thân cây côn, ngọn côn vẫn lướt tới cũng nhằm ngay giữa ngực Đường Kiền.

Tướng nhà Tống viễn chinh vào trận có mặc giáp trận đầy đủ, lại thêm tay võ nhà nghề trải trăm trận giao tranh, cho nên trong lúc nguy cấp không còn kịp đỡ gạt đường côn lạ, Đường Kiền nhân đà thanh kiếm chạm côn liền ngửa lòng bàn tay nâng gươm đẩy côn lên, đồng thời hai gót chiến hài dạp mạnh xuống mặt thuyền ngả người như mũi tên bắn vọt lại phía sau tránh đòn. Việc xảy ra cực nhanh, Đường Kiền thoát một đòn hiểm lạ của tướng Nam đang trong lúc thời tiết đầu xuân mát mẻ buổi sáng thế mà mồ hôi toát đầm trong chiến giáp!

Ngô Đạo Thanh đánh ra một côn, đẩy lui tướng tiên phong nhà Tống, khiến cho các tướng khác kinh hãi rồi hò hét cùng nhau nhất tề xốc tới vây Ngô Đạo Thanh vào giữa. Các thuyền chiến nhà Tống cũng theo lệnh vừa đánh giạt binh Nam ra vừa dần dần cùng với các tướng vây dồn tướng Nam không cho liên lạc được với đám binh thuyền của ông. Tình thế của Ngô Đạo Thanh lúc này quả thật nguy hiểm, cho dù tay côn thần của ông có siêu đẳng đến đâu cũng khó giúp ông thoát được khỏi bị trăm nghìn ngọn giáo ngọn gươm xỉa tới, may mà giặc vào trận không có cung tên, nếu không thì có khi khắp người tướng quân tên của giặc không còn chỗ hở để cắm thêm vào được nữa!

Ngô Đạo Thanh giận tưởng điên lên được, thiết đoản côn vung lên chẳng kể là binh hay tướng giặc, phía trước, phía sau, hai bên tướng quân, chỗ nào cũng có những tiếng hò hét giục nhau xấn tới lẫn với kêu la đau đớn trúng đòn đoản côn. Ngô Đạo Thanh như con hùm dữ, tay côn tung hoành lúc này theo bản năng chứ không còn là theo ý chí nữa, bản năng lúc này là đá núi trên cao trút xuống cực hùng hậu, là những dòng nước mưa ập xuống làm thành sông suối tràn chảy còn mạnh mẽ hơn cả đá tảng từ trên cao đổ xuống, côn pháp núi đá âm dương Tử Trầm tự nhiên phô diễn qua sức lực của tướng quân, nhiệm mầu huyền bí của rừng thiêng núi cao nhập vào thiết đoản côn, xuất hiện không hạn hẹp trong một quy củ nào, khiến cho binh tướng nhà Tống tối tăm mặt mũi không còn biết đường lối nào mà trống đỡ.

Tiên phong Đường Kiền thấy sự lạ ở tướng Nam, nhìn các thuộc tướng của ông chống đỡ với tướng Nam chẳng có hiệu quả, binh sĩ của ông chết vì cây đoản côn sắt nhiều quá rồi, thì trong lòng vừa giận vừa sợ, không biết phải đối phó với tướng kỳ dị này như thế nào!

Trong lúc khó khăn ấy, phúc đáo tâm linh, Đường Kiền nảy ý hay, liền hô lớn thét các tướng lui cả ra, lại hô quân giăn vòng vây, có bao nhiêu gươm giáo hoặc là tự phóng tới tướng Nam, hoặc là trao cho các tướng ném thay. Thế là chớp mắt Ngô Đạo Thanh một thuyền với sáu tay binh sĩ cầm chèo bị lọt vào giữa khoảng trống vòng vây không có cách gì áp sát giặc được, rồi thì gươm giáo thay tên phóng tới ào ào.

Những mũi tên phóng tới không nguy hiểm bằng những thanh gươm thanh giáo, đã thế gươm giáo bay khắp các hướng tới mạnh lắm, gạt đỡ khó khăn, may nhờ có cây côn sắt với côn pháp Âm Dương Thạch núi Tử Trầm thần sầu quỷ khốc cho nên tướng quân cùng mấy người quân chưa bị mất mạng, nhưng nếu cứ thế này mà kéo dài thì thế nào cả đám sẽ dần dần chết chẳng còn mạng nào thoát được!

Về phía các tướng nhà Tống, thì vừa hào hứng lấy gươm giáo của chúng quân nhắm tướng Nam phóng tới thay cung tên, vừa tiếc lúc này ở

dây chẳng có tướng Chu Tích Mộc là tay nức tiếng về tài phóng gươm! Tướng họ Chu đi theo thuyền của Dốc sư Lưu Trừng.

Quanh thuyền Ngô Đạo Thanh giáo phóng đến bị đánh bật đi rơi nổi trên sông nước đặc nghẹt, gươm sắt thì chìm cả xuống đáy sông. Tiên phong Đường Kiền thét lệnh, bảo các tướng cứ thế tiếp tục ra tay thế nào cũng hạ được tướng Nam, rồi ông lệnh cho soái thuyền bỏ trận ở đây nhắm hướng đường ra cửa sông. Tiên phong nghĩ: tên giặc cầm côn sắt trước sau thế nào cũng chết, không thể thoát được, còn cả dạo quân phục kích của giặc Nam lúc này tất đang hỗn loạn, phải tru diệt cho hết mới được. Thế là tiên phong thét lệnh cho quân tràn xuống phía dưới dòng sông, quay thuyền trở mũi ra hướng cửa biển cốt vây lấy binh Nam không cho thoát.

Quả thật suy tính của Đường Kiền là rất đúng. Tướng quân Trịnh Tú cùng với Chu Tường Lân quay trở lại chiến trường đúng vào lúc quân thuyền của Đường Kiền đã kéo được ra phía cửa biển rất nhiều, cả dạo quân ứng chiến của Trịnh Tú như lẫn vào trong đám thuyền của đại Tống, chiến trận vẫn không giảm, trống lệnh vẫn thúc vang vang giục giã quân nhà đánh hăng hơn nữa.

Nhìn tình hình này, Trịnh Tú thấy không còn cách gì có thể cản giặc được nữa, trong trận binh vẫn ra sức vẫy vùng, không biết tướng Ngô Đạo Thanh lúc này lạc lõng nơi đâu. Chu Tường Lân thì cứ nghiến răng trèo trẹo đòi xông thẳng vào đám thuyền giặc để đánh giết. Trịnh Tú phải bảo:

– Không được! Tình thế này, càng để lâu quân ta càng thiệt hại, có khi đến không còn một người. Ta dù đánh giết được vài trăm giặc thì cả đạo quân của ta cũng sẽ tan nát hết. Đoạn chiến chưa chắc đã có lối thoát, còn nói gì đến việc phá giặc nữa!

Chu Tường Lân không dám trái lệnh, dành hậm hực nhìn thuyền giặc xuôi ra phía cửa biển, và nhìn vào trong trận rõ ràng là vẫn còn có đánh nhau dữ dội.

Trịnh Tú tần ngần giây lát, tai nghe tiếng trống trận thúc chiến vang vang, ông chợt tỉnh: chiến lệnh vẫn tiếp tục, như thế cũng là chết chóc của quân nhà vẫn tiếp diễn! Tướng quân phải tìm cách cứu đạo quân. Chợt nhớ lời dặn của Đô hộ phủ Sĩ sư Lưu Cơ: "Hoàng đế dặn khi nào cùng đường, hãy mở túi gấm", Trịnh Tú lật dật lấy túi ra, trước khi mở hai tay nâng túi lên ngang trán kính cẩn thưa:

– Thần, Trịnh Tú xin được dợi nghe lời phán bảo!

Chu Tường Lân cũng vội nghiêm chỉnh. Tú tay run run mở túi gấm, một tờ giấy nhỏ chỉ vẻn vẹn mấy chữ: "Đoạn chiến, bỏ thuyền lui binh".

Trong một thoáng, tâm cơ xúc động, Trịnh Tú như chợt tỉnh, không kịp cất tờ giấy vào trong túi gấm, thét lớn lệnh cho trống chuyển giọng. Trống trận đang thúc vang vang, liền chuyển ngay sang cung bực đoạn chiến ước lệnh từ trước.

Trong trận, quân thuyền đại Tống đang ráo riết bao vây các thuyền chiến Đại Cồ Việt, phen này thì không còn một thuyền một tên quân nào của nước Nam thoát khỏi bị bắt sống, thì bỗng thấy quân Nam trên các thuyền nhất tề hô vang bỏ thuyền nhảo cả xuống xông. Mặt sông thuyền trận đôi bên chi chít, quân thuyền nước Nam lạc lõng trong trận bây giờ không có người cầm chèo, cái quay ngang, cái xuôi dọc, trên thuyền chỉ còn loáng thoáng xác tử sĩ theo thuyền dập dềnh trên sóng nước. Thế là chỉ trong khoảnh khắc, binh Nam trên các thuyền chiến đều nhảo cả xuống sông bỏ trốn, quân đại Tống không kịp ra tay sát phạt.

Tướng Ngô Đạo Thanh vừa hoa thiết đoản côn đánh giạt các tướng nhà Tống ra thì tai nghe trống lệnh đoạn chiến, nhìn ra chung quanh thấy giữa trận thuyền của giặc chỉ còn một mình thuyền ông cũng với mấy quân sĩ. Tướng quân vội thét quân bỏ thuyền mau mau nhảo xuống nước tìm đường vào bờ. Quân nghe lệnh chủ tướng, thêm lệnh trống ran ran, liền vung chèo phạt ngang bổ dọc vào các thuyền giặc ở chung quanh, rồi mau lẹ nhảo cả xuống nước thoáng lát là mất tăm.

Một mình Ngô Đạo Thanh tay côn tung hoành giữa đám binh tướng giặc, bây giờ thì ông không còn thấy nao núng hay lo lắng gì cả nữa, mấy quân sĩ của ông như thế là đã thoát được cả, một mình ông tự tin là đủ sức để an toàn thoát vây. Tướng quân dù tai nghe trống lệnh ran ran, nhưng cũng còn tận lực múa thiết đoản côn đánh ngang bổ dọc làm cho binh tướng đại Tống phải giạt cả ra, ông cho là các thuyền trận của quân nhà chưa thể kịp thoát hết, ông cần phải tung hoành để làm cho binh tướng giặc chú ý nhiều vào ông, như thế thì quân nhà dễ thoát thân hơn.

Ngô Đạo Thanh nghĩ như vậy cũng đúng, các tướng đại Tống thấy rõ quân Nam trong trận chỉ còn một tướng, liền quát lệnh cho tất cả quân thuyền xiết chặt vòng vây, không để cho tướng cầm côn này có cơ thoát chết. Ở tiền quân, bây giờ đang hướng ra cửa biển, tướng quân Đường Kiền được báo cho biết tình hình trong trận, thì hiểu là quân Nam đã vỡ trận, phía cửa sông không có phục binh, ông yên lòng cho quân quay trở lại hợp sức cùng các tướng khác phá cho tan đạo quân thủy của nước Nam.

Đường Kiền cho thuyền len lỏi giữa trận theo tế tác lần tìm đến chỗ tướng Nam còn lại một mình đang tận lực vẫy vùng. Đường Kiền chẳng khỏi khiếp hãi tài nghệ cùng tính gan dạ của tướng cầm côn sắt, một mình tả xung hữu đột giữa trùng vây mà xem ra không chút nao núng. Quan

sát tình thế một hồi, tướng tiên phong thấy cấp thời các thuộc tướng của ông chưa thể hơn được tướng Nam, nhưng nếu kéo dài trận chiến thì lỡ ra quân Nam có hiểm kế gì thì nguy lắm. Thế là ông thét lệnh cho binh thuyền dãn rộng cả ra, chỉ còn lại thuyền của tướng Nam với thuyền của các tướng đại Tống, lúc ấy Dương Kiền thúc các tay chèo lướt thuyền tới, ông líu lo ra lệnh cho các tướng, cả bọn chia nhau trấn thành thế "Tam Đỉnh Đồng Quy", bên ngoài thuyền giặc vây không biết bao nhiêu lớp nữa, bao nhiêu gươm giáo đều chĩa cả xuống nước sẵn sàng dợi lúc nếu tướng Nam này nhảo xuống nước bỏ trốn thì sẽ không thể nào thoát chết gươm giáo đâm nát thây.

Tình hình thay đổi với tướng vóc dáng hùng vĩ lập trận vây hãm ông, hình như cũng không làm cho Ngô Đạo Thanh nao núng, ông hiên ngang thủ đoản côn theo thế "Mây Giăng Ngang Núi", côn sắt dỡ ngang ngực, giữ tấn "Chân Gà"hai chân thẳng băng như chân gỗ cắm chặt xuống lòng thuyền. Các tướng nhà Tống nhìn phong cách tướng Nam thảy đều hết sức chăm chú, tất cả hiểu rằng trong tình thế sinh tử này tướng Nam tất sẽ liều lĩnh thực hiện những đòn quyết liệt một là để thoát thân, hai là để cùng chết với các tướng địch. Cả chiến trường trên sông Bạch Đằng nghẹt thuyền chiến, ngần ấy con người hò reo ngoài xa, còn ở nơi đây chẳng một ai thốt ra tiếng nào, không khí cực trầm trọng.

Giữa lúc ấy, chợt bên hữu ngạn sông lửa bốc cao, chớp mắt lửa lan dài một dải không biết đến đâu là hết.

Trịnh Tú lúc ấy đang cùng với Chu Tường Lân thúc thuyền nhắm trận tuyến của binh thuyền nhà Tống xốc tới, hai ông trong lòng như có lửa đốt, không biết Ngô Đạo Thanh đang ở đâu, còn sống hay đã tử trận, còn cả cánh quân theo tướng Thanh nữa! Chiến trường có phần lắng xuống, như vậy là hiệu lệnh đoạn chiến bỏ thuyền đã được quân Nam bỏ trốn trong lúc nguy ngập không còn hi vọng đánh lui được giặc, Trịnh Tú yên lòng về phía chúng quân, nhưng không tìm thấy Ngô Đạo Thanh thì lo lắng quá. Đang lo sợ, chợt thấy lửa bùng cháy suốt một dải bờ sông, những nơi ấy ông không có đặt sẵn các hỏa liệu để sử dụng đến hỏa công, sao tự nhiên bây giờ lại có cháy lớn!

Hai tướng ngẩn người, rồi Trịnh Tú bảo:

– Hoàng đế cho phép ta lui binh đoạn chiến chịu thua, ấy là ngài có diệu kế! Chắc chắn đây cũng lại là xếp đặt của Hoàng đế vừa để cứu quân ta, vừa để làm cho giặc kinh sợ đây!

Trịnh Tú nói đúng, các binh Nam bỏ thuyền nhảo xuống nước, từ ngoài sông vào bờ phía hữu ngạn xa hơn bên tả ngạn, vì thế hầu hết quân đều tìm đường sang bờ bên kia. Chu Tường Lân nghe Trịnh Tú nói, nghĩ ngợi một lát rồi bảo:

– Bờ sông lửa cháy, lỡ ra quân ta tìm về nơi ấy, chẳng hóa ra ta lại giết ta hay sao?

Tú nghĩ ngợi rồi đáp:

– Không phải, từ lúc có lệnh trống cho đoạn chiến, đến lúc có lửa cháy, thời gian ngắn lắm, dù có đứa nào bơi nhanh đến đâu cũng chưa kịp tới bờ, vả lại không thể công khai bơi trên mặt nước được, mà phải lặn dưới sâu, dưới thuyền giặc với thuyền ta lẫn lộn, rồi thình thoảng phải ngoi lên tìm hướng, sơ xẩy là mất mạng, vì thế chắc quân ta không bị chết cháy đâu!

Chư Tường Lân lại bảo:

– Cứ cho là quân ta không chết cháy, lỡ ra giặc cẩn thận thấy lửa bên này sông thì giạt thuyền sang bờ bên kia để phòng hiểm kế thì sao?

– Cũng không được! Ta tin chắc là giặc thấy lửa đốt, thế nào cũng sợ bên kia cũng sẽ có lửa, vì thế chúng không dám lại gần bờ, mà có thể sẽ dừng thuyền giữa sông, hoặc là sau khi thắng ta, thu được hết thuyền của ta, nó lại theo con nước mà ra cửa biển để được an toàn cũng không chừng!

Hai tướng bàn cãi, quên mất cả việc đi tìm tướng Ngô Đạo Thanh lúc ấy vẫn còn ra sức đương cự với các tướng đại Tống. Tiên phong Dương Kiền thét lệnh lập trận vây hãm tướng Nam xong, thì liền giục thuyền xốc tới trước tiên. Mái chèo vừa mới khua nước, lửa bên sông đã ngùn ngụt. Tiên phong Dương Kiền cả kinh, như vậy là bị trúng hiểm kế của địch rồi! Một bên bờ sông ngút lửa, có thể bên kia địch cũng phục sẵn hỏa kế, nếu cho thuyền lánh sang bên ấy thế nào cũng bị lửa đốt, may mà khúc sông này rộng, các thuyền chiến có thể tụ tập ở giữa sông, nhưng như thế lỡ địch lại có bè lửa từ thượng nguồn thả xuống, lúc ấy mới thật là nguy khốn. Tiên phong Đường Kiền trong nhất thời bối rối chưa nghĩ ra được cách gì, nhìn ra thấy các tướng cũng hốt hoảng thì chẳng còn lòng dạ nào muốn giao chiến với tướng Nam nữa.

Chính Ngô Đạo Thanh thấy lửa cháy cũng giật mình, trong lúc vội vàng lại nghĩ là giặc lén đốt lửa để trợ chiến cho quân trên sông, vì ông biết là binh nhà không có ở các nơi ấy, thế thì lửa cháy ắt là của giặc đốt. Tướng quân nhân lúc các tướng giặc còn chưa có hành động gì, liền một tay thủ côn, một tay cầm chèo đẩy thuyền đi.

Đúng lúc ấy, tiên phong Đường Kiền líu lo thét lệnh lui quân, nhờ thế mà Ngô Đạo Thanh mở được đường thoát khỏi vòng vây của giặc. Trên đường đi, cũng có vài lần bị thuyền giặc ngăn cản, nhưng không mấy quyết liệt, cho nên ông chẳng phải đánh giết nhiều cũng tới được bờ bên trái dòng sông.

Trịnh Tú cùng Chu Tường Lân loanh quanh một hồi không dám khinh xuất xông vào trận giặc, rồi thấy những tiếng hò hét giao chiến cũng không còn, binh thuyền của giặc tụ lại cả giữa sông, bao nhiêu thuyền chiến của ông cũng đều bị vướng trong rừng thuyền của nhà Tống, không biết lệnh đoạn chiến bỏ trốn có cứu được hết chúng quân hay không?

Nhìn cả vùng sông nước bao la, không thấy có bóng dáng tên quân nào, Trịnh Tú lo lắng không biết như thế là trọn đạo quân của ông một số bị giặc giết, số còn lại thì bị giặc bắt hết cả rồi chăng? Nếu dúng thế, thì diệu kế giả thua của Hoàng đế do ông thi hành, hóa ra là thua thật, mà lại là thua nặng quá! Tướng quân tần ngần, một tướng tứ trận, một tướng nữa lúc này lạc lõng nơi nào hay là cũng bị giặc bắt hay giết mất rồi! Trận thủy chiến này quả thật tướng quân thất bại nặng nề chưa từng thấy trong đời chiến trận của ông. Võ tướng từng vào ra trăm trận, lúc này nhìn quang cảnh thấy muốn bật khóc lên được!

Chu Tường Lân tuy tính tình bộp chộp, trước tình cảnh này lại không mang tâm trạng như của Trịnh Tú, cho nên ông lại là người sáng suốt! Lân không còn nghiến răng giận dữ nữa, ông nheo nheo mắt nhìn ra ngoài sông, rồi chợt báo:

– Chắc là ông Thanh thoát hiểm rồi!

Trịnh Tú bỗng giật mình, rồi hỏi:

– Ông thấy thế nào?

– Giả thử ông Thanh còn lạc trong trận, thì thế nào cũng còn đánh nhau, quang cảnh im lặng này rõ ràng là không có đánh nhau, như thế là ông ấy đã thoát rồi.

Trịnh Tú không nói gì, dúng lúc ấy mãi bên kia sông có tiếng trống giục. Trịnh Tú với Chu Tường Lân lắng nghe, rồi Trịnh Tú mừng quá! Ông không có mặt ở bên kia sông, vậy mà vẫn có trống lệnh thu quân an toàn, như thế là chiến trận thực sự ngưng, và có thể tướng Ngô Dạo Thanh hiện đang có mặt ở bên ấy và cho trống lệnh thúc như vậy!

Quả thật có trống lệnh thu quân, bỏ chiến trường, nhưng không phải là do tướng Ngô Đạo Thanh xuất lệnh! Chính tướng Ngô Dạo Thanh lúc ấy còn đang lênh đênh trên sông, ông đã thoát vòng vây, vừa nỗ lực đẩy thuyền đi cho nhanh, tránh xa các thuyền chiến của giặc, vừa hết sức để ý xem có thấy người quân nào của mình còn lạc lõng ở đâu không. Khi nghe tiếng trống lệnh thu quân doạn chiến, Ngô Đạo Thanh thấy mừng trong lòng, như thế là chủ tướng Trịnh Tú đã có mặt bên kia sông, và chiến trận đã hết, lửa cháy suốt một dọc dài rõ ràng là để ngăn cho giặc không dám lên bộ, cũng không dám vào sát bờ bên này.

Trịnh Tú cũng như Ngô Đạo Thanh và Chu Tường Lân, tất cả đều không biết: tình hình chiến trận trên sông bắt đầu như thế nào, không một việc gì lại thoát được con mắt tế tác giám sát của Sĩ sư Lưu Cơ. Đến khi xác tướng Cao Hiền Đức được Trịnh Tú đưa vào bờ, thì Sĩ sư liền theo đúng lời của Hoàng đế dặn, ông cho thuyền sang sông, lại bảo một số tế tác ở lại đốt lửa, hỏa liệu được bí mật rải trước đến Trịnh Tú cũng không biết, lửa cháy tế tác ở lại giữ nhiệm vụ vừa quan sát tình hình giặc, vừa chờ đón xem có người quân nào lạc lõng thì đón vớt.

Sang sông rồi, Sĩ sư đích thân truyền các thuyền trống lệnh, giục lệnh thu quân đoạn chiến, chính trống lệnh này khiến cho bao nhiêu quân sĩ của Trịnh Tú còn lạc lõng trong hay ngoài trận đều lặn sâu tìm đường vào bờ, một bên bờ lửa cháy lớn, quân hướng cả sang bờ bên kia mà thoát thân.

Lúc ấy, cũng phải giữa giờ Tỵ, chiến trận dữ dội kéo dài cũng được hơn một canh giờ. Cả đạo quân thuyền của tướng tiên phong Đường Kiền nương vào nhau trụ lại giữa sông, chúng binh tướng nhìn lửa ngùn ngụt cháy bên sông dài đến hút tầm mắt, không ai lại chẳng thấy run ở trong lòng! Lửa bên sông, ắt là có phục binh, lỡ lại có lửa từ trên nguồn đổ xuống nữa thì thật là nguy hiểm. Nhìn sang bờ bên kia, cảnh vật vẫn yên tĩnh, nhưng rồi nghe ở bên ấy có tiếng trống lệnh giục ran ran, rõ ràng là binh Nam đã chuyển hết sang đấy. Nếu cũng cho thuyền giạt sang bên ấy truy đuổi quân Nam, thế nào cũng bị trúng kế dụ địch của địch, lúc ấy thắng lớn phá tan nát đạo quân thủy tiên phong cản địch của binh Nam lại sẽ hóa thành bại trận mất. Vì thế Đường Kiền cho lệnh: các thuyền đi lệch sang phía bờ sông có lửa cháy, bên ấy nhất định không có binh Nam, bức thành lửa cũng lại ngăn chặn không cho quân Nam ở phía trong có thể thi hành được một trận đánh phục kích.

Đường Kiền cho lệnh các tướng: kiểm điểm lại xem bắt giữ hay giết được bao nhiêu quân Nam, chúng tướng sĩ trình: "một tướng giặc Nam bị giết, quân chết thì nhiều lắm không đếm được đích xác là bao nhiêu, giặc bị bắt ước khoảng gần trăm tên, thuyền trận của quân Nam bị quân thuyền đại Tống bắt được gần hai trăm cái, không kể những cái bị tan nát ván gỗ còn đang trôi theo dòng nước...". Tiên phong Đường Kiền nghe trình cả mừng, thế là trận đầu chiến với binh Nam ông đã thắng lớn .

Tiên phong Đường Kiền cũng được trình là quân nhà thiệt ước khoảng hơn trăm, hơn chục thuyền trận bị phá, quân bị thương cũng không nhiều. Đường Kiền liền phát lệnh: cả đạo quân không giăng rộng trên mặt sông, thu hẹp lại dề phòng lỡ quân Nam thả bè lửa từ trên nguồn xuống, thế trận giăng dài cùng lúc trấn giữ cả hai bên bờ. Rồi tướng quân cho lệnh tế tác gấp ra cửa biển trình lên Đốc sư rõ sự việc.

Thuyền tế tác vừa đẩy chèo, đã thấy thuyền tế tác treo hiệu kỳ nguyên soái Đốc sư buồm giương cao, mái chèo khua gấp rút như mũi tên bắn chạy tới. Đường Kiền không biết có việc gì, lại tưởng là Đốc sư đã biết Kiền đại thắng cho người đến giục "thừa thắng kéo ngược dòng sông, tiến lên nữa", Kiền cùng các thuộc tướng mặt mày tươi tỉnh đợi tế tác đến trình việc.

Tế tác hấp tấp lên soái thuyền, không kịp cả hành lễ, vội vàng thưa:

– Bẩm tiên phong, Đốc sư truyền tiên phong lập tức gấp rút lui hết quân thuyền ra khỏi sông Bạch Đằng! Ta lại trúng kế của giặc Nam rồi, chậm là không còn một mạng sống!

Đường Kiền ngẩn người, sao lại có chuyện lạ!? Chiến trận vừa dứt, binh của ông đánh thắng một trận lẫy lừng, lại xét tình thế thì không thể nào có đại mưu gian kế gì của quân Nam, sao Đốc sư lại cho tin lệnh như thế? Hỏi, thì tế tác thưa: "Quân Nam dể ngỏ đường sông Bạch Đằng, nhưng tất cả các ngả đường khác đều có phục binh, hỏa kế sẵn sàng, lại thêm quân bộ chiến đã vây kín cửa biển, không nhân lúc nước đứng mau mau lui ra hết, đến khi nước xuống e rằng không còn kịp nữa!

Đường Kiền kinh hãi, ông làm sao biết được những nguy hiểm ấy, tế tác tiền phương của ông sao không phát giác ra những sự việc ấy! Như vậy, thì quân Nam thu xếp hành động cấn mật đến độ tai mắt của quân ông tinh tường là thế mà hóa ra có mắt như không, có tai như chẳng nghe thấy gì!

Đường Kiền không còn dám nghĩ ngợi gì thêm nữa, vội vã truyền lệnh cho cả đạo quân thuyền tiên phong mau mau ra sức rút ra khỏi sông Bạch Đằng, kéo theo tất cả các thuyền chiếm được của quân Nam.

Thuyền tế tác của Đốc sư lại quay mũi dẫn đường, binh thuyền của Đường Kiền được lệnh: gấp rút đẩy chèo, ra đến biển mới nghỉ tay sửa soạn việc cơm nước, khiến cho chúng quân dù có mệt mỏi đói khát đến đâu cũng không dám hé răng kêu khổ, các quân binh người nào bị thương nhẹ cũng phải gắng cầm chèo, quân lui hấp tấp không còn kịp cả việc vớt xác đồng đội còn dập dềnh trên sông nước, quân chiến thắng mà lại tất cả chạy như thể đám bại quân đang bị địch truy đuổi!

Trên đường ra cửa biển, quả nhiên Đường Kiền thấy có những dấu hiệu quân Nam phục ở khắp mọi nơi, lại thỉnh thoảng có tiếng trống lệnh chẳng biết là lệnh gì, đôi lúc còn nghe thấy cả tiếng phách,truyền tin của tế tác quân Nam, những tiếng phách dưa tin đường như theo bám theo đạo quân của tiên phong Đường Kiền sát lắm. Thế là Đường Kiền sợ thật, trong lòng hồi hộp chỉ mong sao mau mau thoát ra được ngoài cửa biển!

Đến lúc trời chiều sẫm tối, cửa biển bao la đã thấy rõ, thì cũng là lúc đạo quân thuyền tiên phong nhận ra: chậm một chút là không thoát được việc bị quân Nam đợi đánh ở tất cả các cửa sông, quanh cửa sông Bạch Đằng thấp thoáng cơ man nào là thuyền chiến của quân Nam, tình hình này thì nếu đạo quân tiên phong còn ở trong sông, thì đêm hôm nay không thể nào thoát được cảnh tan nát vì quân Nam ở tất cả các mặt đánh tới!

Đường Kiền thầm phục Đốc sư tinh tường, kịp đưa lệnh tin, nếu không thì họa lớn ắt đã xảy ra!

Ngay trong đêm hôm ấy, Đốc sư Lưu Trừng đón được đạo quân tiên phong của Đường Kiền, liền cho lệnh giữ cả đạo đại quân trấn ngoài cửa biển, rồi cho đưa tin gấp lên cho Soái tướng Thống quân Hầu Nhân Bảo biết việc thắng trận lớn lao này.

Đốc sư hội chúng thuộc tướng trên soái thuyền chu sư, bảo:

– Trận ra quân đầu tiên trên đất nước Nam, quân ta cả thắng, phá tan quân thủy của giặc, như vậy thì khi quân bộ của ta kéo xuống, ta có thể lại theo đường sông ngược dòng lên trợ chiến, làm thế khai sơn phá thạch. Có điều cần phải để ý: lúc quân hai bên dâm chém nhau trên sông Bạch Đằng, may mà giặc đưa quân phục kích đến chậm, thành ra nó mới không kịp làm hại ông Đường Kiền!

Đường Kiền liền hỏi:

– Bẩm Đốc sư, chính tôi đích thân đi xem xét các nơi, dọc hai bên bờ chỗ xảy giao chiến, ngược lên nhiều nữa, không thấy có dấu vết gì tỏ ra là giặc có phục binh, vậy tại sao Đốc sư lại nhận thấy có nguy hiểm?

Đốc sư Lưu Trừng có vẻ thích thú, ông vui vẻ bảo:

– Nếu nó lộ liễu để ông thấy hết thì còn nói làm gì! Vả lại, nếu nó kịp lập phục binh hiểm kế, thì lúc ông đi xem xét làm gì còn có đường về nữa! Hoặc giả nó dàn xếp khéo léo đến độ binh đông đến thế mà tuyệt nhiên chẳng một ai biết, phép lập trận của nó như vậy là tuyệt hảo! Nhưng, lúc chiến trận đang xảy ra, nó chậm chạp mãi về sau mới xong được mọi việc, lúc ấy lửa mới đốt bên sông, khắp các nơi nó đưa quân đến, không một ngả đường sông nào mà lại không có quân, ra đến ngoài cửa biển nó cũng chực sẵn đợi làm hại các đoàn chu sư của ta. Nhưng, trời không tựa nó, nó đến chậm và ông đã xong việc trước, thành ra lửa của nó đốt cũng chẳng làm cho nóng mặt được quân ta!

Đường Kiền cũng như các tướng gật gù khen thầm chủ tướng tài giỏi. Nhưng Kiền lại hỏi:

– Bẩm Đốc sư, giả thử lúc tàn trận, tôi vẫn cứ trấn trong sông, hoặc tiếp tục ngược dòng tiến lên xa nữa, liệu lúc ấy nó có thể hành động được như thế nào?

– Nó ẩn quân khắp các đường sông, ấy là nó không biết quân ta sẽ đi đường nào, vì thế phải chia quân ra nhiều nơi đón đợi, cho nên sức quân bị yếu hẳn đi. Đến lúc nó biết ta đi đường sông Bạch Đằng thì chỉ một đạo quân ẩn ở dấy là phải đương cự với binh ta, các đạo quân khác không đến kịp, và bởi vậy nó đã bại trận. Còn giả thử xong trận trên sông Bạch Dằng, ông lại tiếp tục kéo quân đi ngược lên, thì rõ ràng có phải là tự đưa thân vào chỗ chết không, bao nhiêu lộ quân của nó lúc ấy sẽ hướng cả vào binh ông mà đánh giết, làm sao ông chống nổi! Giả thử nữa, ông không tiến mà cho quân trụ lại, thì cũng có khác gì đứng một chỗ đợi chúng đến bao vây đánh giết ta không? Đại quân chu sư ở ngoài biển, làm sao dám vào sông hẹp lúc nước xuống để cứu ông được nữa! Vả lại, chung quanh cửa biển cũng có bao nhiêu lỗ quân nó chực sẵn, bên ngoài thuyền lớn vào đã khó, đến khi giao chiến đất chiến hạn hẹp làm sao xoay trở được, vì thế chỉ còn có cách mau mau ra khỏi dòng sông đã, đợi cho quân bộ đến lúc ấy hai mặt thủy bộ hỗ trợ cho nhau mới an toàn được!

Thế là đại quân thủy nhà Tống trấn nghẹt bên ngoài cửa biển, án binh ăn mừng thắng trận, Đốc sư cho tế tác đường bộ gấp đường báo cho Nguyên soái Hầu Nhân Bảo được rõ. Tế tác đi rồi, Lưu Trừng lại nói với các thuộc tướng:

– Lương ta ăn đủ một tháng, binh của nguyên soái chậm lắm cũng chỉ mươi ngày là xuống đến đây, lúc ấy ta chia quân hai ngả, một lại vào đường sông kéo ngược lên, một theo đường biển vào Nam uy hiếp kinh thành của nó khiến cho nó không còn sức lực đương cự lại ta, lúc ấy ta nhân lúc nó đang vất vả cùng với binh của nguyên soái đánh nhau, ta dốc lực lấy kinh thành Hoa Lư của nó thế là đại công thuộc về ta!

Lưu Trừng lại nhớ đến mật thư của Triệu Phổ, trong lòng sôi nổi tức giận, ông không nói ra nhưng trong lòng đã quyết: để mặc cho Hầu Nhân Bảo với đạo quân bộ cứ việc đơn phương đánh sâu xuống nước Nam, đợi cho đôi bên cùng mệt mỏi, lúc ấy mới ra tay đánh bồi giành đại công là hay hơn cả!

Vì thế, Lưu Trừng mới sai tế tác gấp rút báo tin thắng trận cho Hầu Nhân Bảo biết là vì vậy, để cho Bảo mau mau thúc quân xuống Nam.

Tế tác của Đốc sư theo hai ngả thủy bộ đem tin lên Bắc, thì tế tác của Sĩ sư Lưu Cơ cũng gấp đường đem tin trình lên Hoàng đế mọi việc, kể rõ chiến trận trên sông đã xong, và những xếp đặt của Hoàng đế đã được thi hành. Tướng thi hành các xếp đặt này không ai khác mà vẫn sẽ là tướng quân Trịnh Tú!

Trịnh Tú cùng Chu Tường Lân ra khỏi trận chiến, nhắm bờ tả sông Bạch Đằng đẩy chèo, vừa lẩn vào được trong lau sậy thì có tiếng thét:

– Gớm thật! Lại toan đánh lừa cả đại Tống ta!

Chu Tường Lân như con báo vụt phóng đi chụp ngay vào chỗ lau sậy vừa phát tiếng quát, tay cương dao phạt ngang một đường chém tung lau sậy, nhưng không thấy trúng ai cả! Lau sậy còn chưa rơi xuống hết đã lại có tiếng cười ha hả, tiếp theo là tiếng quát to:

– Giỏi!

Cùng với tiếng quát khen "giỏi"toàn thân Chu Tường Lân rơi xuống nước "ùm"một tiếng, cùng lúc ấy thuyền của Trịnh Tú cũng lướt tới tiếp ứng cho Chu Tường Lân. Nghe tiếng Lân rơi xuống nước không một tiếng kêu hay thét, Trịnh Tú lại ngỡ là Lân đã bị hại!

Trịnh Tú còn đang bối rối, thì một con thuyền dài như một thân cây hiện ra, bề rộng con thuyền chỉ vừa đủ một người ngồi. Hóa ra là con thuyền tế sứ mũi cong thật dài của Sĩ sư Lưu Cơ!

Trịnh Tú hoàn hồn, Chu Tường Lân cũng lóp ngóp bám vào mạn thuyền Trịnh Tú leo lên. Sĩ sư Lưu Cơ bảo:

– Các ông đánh một trận thật hay! Đại thắng thế mà nhìn ra thì lại là đại bại! Tôi đợi đón các ông lâu quá rồi, tiếc rằng giặc kịp lui ra hết ngoài cửa biển không được thấy các dàn xếp của Hoàng đế!

Trịnh Tú với Chu Tường Lân chẳng hiểu gì cả! Tú thì chỉ hiểu là: Hoàng đế có thần kế, sai ông ra trận nhưng cốt lấy thua, thua ấy để tiếp theo sau thì phải thế nào, ông không biết.

Sĩ sư Lưu Cơ bảo:

– Quân thuyền của ông thiệt mất khoảng trăm người, thuyền trận thì mất hết, tiếc một điều là tướng Cao Hiền Đức không may bị hại, tuy vậy càng làm cho giặc thấy đúng là chúng nó thắng lớn, ta thua vì yếu, thua vì theo trận chậm quá, thành ra các mặt không thể tiếp cứu được. Lẽ ra, sau khi cả thắng, chúng phải kéo dốc lên thì mới đúng, nhưng nó vội vã lui hết, thế là nó mắc lừa thần kế của Hoàng đế rồi!

Trịnh Tú và Chu Tường Lân càng không hiểu gì! Trịnh Tú bảo:

– Tuy nhận lệnh vào trận cốt đánh lấy thua, nhưng là thua giả, nay lại thành thua thật, thì quả là điều đau đớn! Thưa Lưu huynh, vậy thì thần kế của Hoàng đế tiếp theo trận đánh lấy thua này là thế nào?

– Giặc hai ngả vào nước ta, thủy quân của nó dù có mạnh đến thế nào chăng nữa, thì cũng không thể thay thế được cho quân trên bộ, vì thế Hoàng đế mới sai Trịnh huynh mở trận đánh chặn, cốt làm cho giặc khinh địch. Nhưng khi dứt trận, có vẻ quân tiếp ứng của ta chậm trễ thành hỏng việc, thì giặc nhận ra ngay: khắp các ngả đều có trọng binh của ta trấn giữ, giặc không thể tiếp tục trụ lại trên sông, còn nói gì đến dám tiến lên

nữa! Lúc ấy nó dành là phải đợi quân bộ chiến. Giữa hai quân của nó, thế nào cũng mắc mưu "bị ly gián, trở thành kình địch tìm cách hại nhau, mong thủ lợi một mình". Sau trận đánh trên sông này, ta sẽ thấy diệu kế của Hoàng đế đã thành công chưa?

Trịnh Tú nghĩ ngợi, rồi hỏi:

– Như thế, Lưu huynh thấy nó đã trúng kế chưa?

– Cứ nhìn tình hình, thì nó trúng kế rồi! Trước hết, nó một mình tiến vào trong sông, ấy là muốn tranh đoạt công dầu, vì thế làm hỏng mất thế hai quân hỗ trợ cho nhau. Quân thủy tiến mà không có quân bộ cùng đến, ấy là điều thấy rõ quân bộ cố ý chậm chạp để cho quân thủy bị nguy. Binh tướng như thế, thì làm sao lại có thể là quân viễn chinh mong thắng lớn được!

Rồi Sĩ sư giảng cho hai tướng Trịnh Tú và Chu Tường Lân nghe các dàn xếp của Hoàng đế ở vùng sông nước này, ông bảo:

– Bây giờ, tướng bại trận lãnh nhiệm vụ mới: hợp lực cai quản các đạo nghi binh của các ông Mộc Đường, Cao Duy Hưng ở tất cả các đường sông ra đến tận mỗi cửa biển. Nghi binh ấy sức chỉ bằng một phần ba đạo quân bại trận của ông, trấn rộng ra nhiều nơi nên càng yếu hơn nữa, nhưng tô điểm nhìn bên ngoài thì rõ ra là một đạo quân trăm vạn, khí thế ngất trời, tế tác tinh không của giặc cũng nhận ra như thế! Cho nên, thắng xong là giặc vội vàng lui chạy trở ra, chứng tỏ là Đốc sư Lưu Trừng đã được nghe trình về phục binh của ta, nó không vào nữa, mà cho lệnh đạo tiên phong gấp gấp bỏ chiến trường chạy vội ra biển tránh chết là vì vậy!

Trịnh Tú với Chu Tường Lân hoan hỉ lắm, Sĩ sư tiếp:

– Lúc này, ông Ngô Đạo Thanh là người thu thập cai quản dám binh bại trận bỏ thuyền tìm về, chính ông ấy là người được lệnh cho trống giục đoạn chiến lui binh, và bờ sông bên này không có lửa cháy là vì thế! Giặc cũng lầm mà kinh hoàng về mạn sông không có lửa!

Nhìn sang bên kia sông, lửa khói lúc nãy ngút trời mù mịt mãi ra tận phía cửa sông, bây giờ chỉ còn loáng thoáng vài ba ngọn lửa chợt vươn lên rồi xẹp ngay xuống, khói mù trời. Sĩ sư bảo:

– Nghi binh của ta đã dẹp xong lửa, càng khiến cho giặc thấy: quả nhiên có phục binh lớn dập lửa, còn không thì lấy ra lửa trong tình hình lau sậy tiếp nối với rừng rậm thế này cháy đến sang mai cũng chưa chắc da bớt, rồi thì lan sang cả cháy rừng là điều sẽ phải xảy ra! Vậy ông hãy xem xét việc quân ngay, tế tác sẽ dẫn đường cho ông.

Sĩ sư quay thuyền, thuyền Sĩ sư vừa khuất dạng thì nghe có tiếng ồn ào sâu bên trong bờ sông. Trịnh Tú không biết có việc gì, nghĩ là việc

quân có biến, liền giục thuyền mau mau cặp bờ lau sậy. Hai tướng vội vàng theo tế tác dẫn đường gấp bước vạch cây, tránh gai góc lần đi. Hồi lâu thì tới quân doanh cất tạm ở cửa rừng, tướng Ngô Đạo Thanh được tin chạy ra đón, thật là mừng khôn xiết kể.

Trịnh Tú chưa kịp hỏi han thì ồn ào lại nổi lên chen lẫn tiếng nhiều người dủ mọi truyện.

Ngô Đạo Thanh nói ngay:

– Đấy là vì việc ông Cao Hiền Đức!

Trịnh Tú vội hỏi:

– Việc ông Cao Hiền Đức thế nào?

Từ lúc quân đem xác tướng Cao Hiền Đức theo tế tác đưa về hậu cứ tạm, rồi lần lượt theo lệnh Sĩ sư Tế sứ Lưu Cơ đón tất cả các binh từ trên thuyền thoát xuống sông trốn về dược, đem tụ tập lại một chỗ, cho đến khi đón được tướng Ngô Đạo Thanh thì Thanh giữ trách nhiệm cai quản đạo quân bại trận này. Tướng Ngô Đạo Thanh chưa chấn chỉnh xong dược quân doanh tạm, thì đã thấy dân chúng không biết từ đâu tìm đến, làm huyên náo cả doanh vì một người đàn bà la khóc!

Việc quân, chỗ chiến trận chết người, sao dân chúng lại tìm đến làm huyên náo như vậy? Hỏi, thì tế tác cũng không biết, đến khi tra hỏi thì chúng dân thưa: lệnh lánh xa vùng chiến có từ lâu, đến khi giặc kéo tới rồi xảy giao tranh, chúng dân dù sợ cũng vẫn có những kẻ tò mò lén theo xem, rồi việc tướng quân Cao Hiền Đức bị chiến tử, xác đưa về chưa được bao lâu còn quàn tạm trong chỗ rừng hoang, thì có người đàn bà đẹp lắm không biết từ đâu tìm đến đòi được đem xác chồng về. Quân không biết thế nào, nên không cho, đến khi tướng quân Ngô Đạo Thành về trông quân, người đàn bà ấy lại nằng nặc đòi ông cho bà ta đem xác chồng về. Ngô Đạo Thanh chưa kịp hỏi han ngọn nguồn xem thế nào, thì Trịnh Tú cũng dã về đến nơi, và xin để tướng quân chủ soái Trịnh Tú xem xét.

Nghe trình, Trịnh Tú xúc động tâm cơ! Trước hết, việc quân bí mật, trong quân còn chưa mấy người biết việc, sao bên ngoài chúng dân đã thấy rõ, để xảy việc lôi thôi thế này. Sau nữa, ông chợt thấy trách nhiệm cầm quân của mình, và mối bận tâm với việc Cao Hiền Đức ngày nọ đưa người tình vào trong quân, có phải người đàn bà ấy lúc này đang kêu khóc đòi xác "chồng" bà ta không?

Trịnh Tú thấy khó xử, đã dành là việc quân cần mật không thể để cho bên ngoài hay biết, nhưng đây lại là việc của sinh tử trong tình cảnh bi thương thế này, làm sao ông lại có thể quyết giữ nghiêm quân kỷ để cho người sống đau lòng, người chết tức tưởi được! Thế là tướng quân lệnh cho quân đưa người đàn bà ấy vào doanh.

Người đàn bà còn trẻ, áo quần lôi thôi, đầu tóc bê trễ, nhưng nhan sắc trong hồi bi thương mà vẫn thấy lồ lộ, trong doanh cả tướng lẫn quân hết thảy đều ngỡ ngàng. Trịnh Tú sai đem ghế lại cho người đàn bà ngồi, hỏi việc, người đàn bà ấy thưa là người ở Đại La. Nghe đến đây, Trịnh Tú bảo thôi không nói nữa, ông quyết chắc đây chính là người tình của Cao Hiền Đức, con người và nhan sắc này hèn gì chẳng nức tiếng một phương, thật xứng đôi với tướng Cao Hiền Đức, tiếc thay!

Trước tình cảnh này, tướng quân vốn là người nhân hậu, nhiều tình cảm nhưng thường cố nén giữ kín ở trong lòng, bây giờ ông thẫn thờ một chút rồi nghiêm giọng bảo:

– Việc quân nghiêm chỉnh, không phải là nơi để ai cũng có thể đến quân doanh được, còn nói gì đến việc gây náo loạn nữa! Bản tướng hiểu việc, đau xót tình huynh đệ, thương tiếc việc hạnh phúc bị tan vỡ, nhận trách nhiệm việc quân, vì thế sẽ có trọng lễ tiễn đưa huynh đệ, cô nên trở về, mọi sự ở đời đều có Trời Cao xếp đặt cả ta không cưỡng lại được, ta làm hết lòng ta là đủ! Quân lệnh nặng như núi, cô về đi!

Tướng quân nói, giọng có phần nghẹn ngào cố nén, cả sảnh doanh im lặng như tờ. Cô gái, chính là nàng Hồ Dung Nguyệt ở Đại La, nghe tướng Trịnh Tú bảo, thì chợt bật khóc, tiếng khóc với nét mặt người đẹp trong cơn đau tận cùng khiến cho không ít người cầm lòng chẳng được! Cô nghẹn ngào thưa:

– Bẩm tướng quân, tiện dân vi phạm quân lệnh được tướng quân khoan dung cho được về, tiện dân cảm tạ đức độ bao la ấy. Chỉ xin tướng quân cho được thấy mặt chồng lần chót...

Cô không nói thêm được nữa, chỉ nức nở cố giữ khỏi gào to lên. Trịnh Tú thấy khó xử, người chết đã yên nằm trong quan tài, lẽ nào lại cậy nắp linh quan, mà tình nghĩa thịt xương chỉ cầu được nhìn mặt nhau lần cuối, lẽ nào lại nỡ chối từ! Tướng quân khẽ thở dài, lệnh cho quân mở nắp quan tài.

Thế là cả đám kéo nhau đến nhà tạm quàn quan tài Cao Hiền Đức. Quang cảnh rừng hoang rậm rì, cảnh trí sơ sài, quan tài gỗ mộc quân đóng vội chốn rừng sâu, thành ra thê lương lại càng thêm thê lương có phần lạnh quá!

Nắp quan tài mở ra, Trịnh Tú nhìn vào, ông thấy gương mặt tướng Cao Hiền Đức với những nét đẹp thanh tú như đang ngủ bình yên, tự nhiên hai hàng nước mắt ông chảy xuống, ông quay lại ra hiệu và tướng quân Ngô Đạo Thanh dẫn Hồ Dung Nguyệt tới.

Từ lúc để chân đến nơi này, rồi thấy quan tài mở nắp, tướng Trịnh Tú là người đầu tiên đến nhìn vào trong áo quan, Hồ Dung Nguyệt có vẻ bứt

rứt lắm, nhưng cô không dám đường đột và khi được tướng Ngô Đạo Thanh ra hiệu dẫn tới, cô xăm xăm bước tới, mắt vừa nhìn thấy gương mặt Cao Hiền Đức cô đã gào to lên:

– Tướng quân, chàng ơi ...

Thốt được chỉ bốn tiếng, là cô đã vùi mặt xuống mặt Cao Hiền Đức, Ngô Đạo Thanh khi lại gần quan tài thì ông dứng lại thành thử không kịp ngăn cản. Trịnh Tú bên kia quan tài đưa tay nắm vai cô gái nâng cô lên, sức mạnh cánh tay tướng quân cô gái không cưỡng lại được, nước mắt cô đầm đìa, và khuôn mặt Cao Hiền Đức cũng đầm đìa nước mắt, không biết là nước mắt của Hồ Dung Nguyệt hay của Cao Hiền Đức cũng khóc!

Từ ngày ấy, bên dòng Bạch Đằng người ta thấy có cô gái nhan sắc hơn đời, cứ đi lại bên sông khóc than, đến khi giặc tan thì cô cũng biến mất không biết cô đi đâu, có người bảo là cô đã nhảy xuống sông tự trầm, có người lại bảo là thấy cô đi vào rặng núi đá vôi ở phía bắc rồi biệt tích .

Xong việc cô gái[*], tướng quân Trịnh Tú nhớ lời Sĩ sư Lưu Cơ dặn, liền chấn chỉnh lại tạm doanh, xếp đặt lại quân ngũ, mới biết là trong trận đánh "đại bại" trên sông Bạch Đằng mất sạch hai trăm thuyền chiến, quân chết hơn trăm! Chiến bại thiệt quân mất sách thuyền chiến như thế, quả là một nỗi buồn lớn, mà cũng lại là nỗi nhục lớn cho một người làm tướng! Trịnh Tú dù biết đấy chỉ là diệu kế giả thua của Hoàng đế, vậy mà ông vẫn cảm thấy cay đắng, tủi hổ!

Hai hôm sau, tướng quân chưa biết phải hành động thế nào, thì có quân vào trình: "Có tế tác của Sĩ sư đến trình việc", tướng quân cho tế tác vào ngay.

Tế tác trình thưa: "Sĩ sư Tế sứ cho lệnh mang đến cho tướng quân mật lệnh của Hoàng đế". Trịnh Tú nhận lệnh chỉ mật của Hoàng đế, hành lễ rồi trịnh trọng mở ra xem. Mật chỉ của Hoàng đế trước hết khen tướng quân giỏi phép hành quân, thi hành quân lệnh thật khéo giỏi! Tiếp theo, Hoàng đế sai ông trông coi các dạo quân trấn giữ ở tất cả các ngả sông ra đến tận ngoài cửa biển. Mật chỉ dặn: "Nghi binh phải tỏ ra vô cùng mạnh mẽ, khiến cho giặc sẽ không dám khinh xuất lại vào các ngả đường sông, phải hết sức làm cho nó sau trận thắng thì thấy quân ta đã kịp bài binh bố trận đón đánh nó...".

(*) Có người bảo rằng Hồ Dung Nguyệt sau mất trí, lang thang vào tận rặng núi Chu Cốc (Hang Son, huyện Thủy Dương, tỉnh Hải Dương) rồi biến mất. Những buổi trời quang trăng sáng, khách qua lại nơi này thường nghe có tiếng người con gái khóc than, lấy làm kỳ, bèn bảo nhau lập đền thờ, không biết là thờ ai, chỉ gọi là "thờ thần", đền rất linh thiêng, sau người ta bảo là chính cô Hồ Dung Nguyệt thành thần và được thờ ở đấy.

Trịnh Tú chợt hiểu ra: tại sao giặc vừa thắng trận, tự nhiên lại rùng rùng kéo nhau thoát vội ra ngoài biển, hóa ra Hoàng đế đã cho nghi binh xuất hiện cốt để giặc tưởng rằng binh Nam chậm trễ không kịp điều binh vào trận nên đại bại, bây giờ thì đại binh đã đến, các chiến thuyền không kịp ra khỏi dòng sông ắt là gặp thảm họa.

Chính Dốc Sư đã nhìn thấy thế trận nguy hiểm ấy, nhưng ông không làm sao kịp đưa lệnh đến cho tướng tiên phong Dường Kiền được, đành than khổ và cùng các thuộc tướng dợi tin quân tiên phong tan nát!

Nào ngờ, tế tác giục thuyền như bay đến trình tin: binh tiên phong cả thắng, giết một tướng Nam, bắt giữ được mấy trăm thuyền chiến của giặc. Đốc sư nhận tin ngỡ ngàng, ông không hiểu tại sao lại có sự lạ như thế!? Từ lúc ấy, tin thuyền tế tác liên miên trình về. Nhận tin, mới đầu Đốc sư còn thấy nghi ngờ chưa quyết, nhưng càng về sau thì ông càng thấy rõ tình hình, liền hội chúng thuộc tướng lại bảo:

– Tiên phong Đường Kiền vừa thắng lớn, ấy là nhờ ở giặc chậm chạp không kịp đem quân lập trận đương cự lại ta. Nay, nó thua một trận, nhưng đã lập được thế trận lớn, bao nhiêu đường sông đều có binh của nó trấn giữ, tế tác lại cho biết: nó dự trữ nhiều hỏa liệu, có thể mở trận dụng hỏa công ở bất cứ tình thế nào. Do đấy, nếu tiên phong Dường Kiền thắng một trận, mà lại muốn thừa đà tiến lên thì thế nào cũng tan quân mất mạng hết! Nó vừa đốt lửa ở một bên bờ sông, ấy là để chặn trước không cho ta có thế lên bộ đuổi theo những tên chạy thoát đến tận hang ổ nó, đồng thời nó cũng toan lừa ta lên bộ bên kia sông không đốt lửa là trúng kế nó, nó đang dợi ta đến để đánh báo thù! Phải mau mau gọi tiên phong Đường Kiền đưa quân ra khỏi chỗ nguy hiểm, rút hết ra ngoài biển mới được an toàn!

Rồi không đợi xem có tướng nào có ý nghĩ gì không, Đốc sư truyền tế tác hết sức mau lẹ đem tin lệnh đến cho Dường Kiền.

Dường Kiền thắng trận, lại thấy lửa đốt bên sông thì hoang mang lo lắng, nhìn bức thành lửa từ mạn trên tràn xuống dọc bờ sông đến hết tầm mắt, thuyền neo giữa sông cũng thấy nóng mặt, thì trong lòng ông lo lắng lắm, liền truyền lệnh: quân với tướng không được lơ là, phải hết sức đề phòng, có thể địch bất thần mở trận ở nhiều nơi đánh tới.

Binh tướng nghe lệnh truyền, bao nhiêu vui mừng thắng trận bỗng nhiên xẹp xuống hết, lo lắng lắm. Dường Kiền lại lệnh cho tế tác đi ngược dòng sông canh chừng xem binh Nam có dùng bè thả lửa xuống đốt thuyền hay không. Bao nhiêu sửa soạn còn chưa thu xếp xong, chợt có tin của Dốc sư đưa tới, đón tin thì Đường Kiên thật sự kinh hãi, liền truyền lệnh lập tức nhổ neo mau mau đưa hết các chiến thuyền ra cửa biển, đích

thân Đường Kiền cùng vài thuộc tướng đi sau chót đề phòng binh Nam thừa cơ tiến đánh.

Đến quá nửa đêm thì cả đạo quân thoát được hết ra khỏi cửa biển, ngay trong đêm, đốc sư hội chúng thuộc tướng lại bảo:

– Như vậy là bao nhiêu lo lắng của ta đều đã hết, ta không còn lo giặc bất ngờ dùng các kế độc hại ta để gỡ lại trận thua lớn nữa! Đường Kiền chỉ chậm một chút nữa thế nào cũng có họa lớn!

Rồi Đốc sư truyền tế tác hai mặt thủy bộ gấp đưa tin để nguyên soái Hầu Nhân Bảo biết, lại hẹn: quân thủy đợi làm thế yểm trợ cho quân bộ tiến sâu xuống phía Nam, hoặc khi cần thì sẽ lại đi trước làm quân tiên phong.

Tế tác đi rồi, Đốc sư gật gù ra vẻ rất hài lòng, từ đấy án binh ngoài khơi không nghĩ đến việc tiến quân, nhưng cho tế tác lên bộ trà trộn khắp nơi lấy dủ thứ tin về cho ông.

12

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo cùng tất cả các thuộc tướng ngay tại tướng đài ngày xuất quân nghe tế tác trình tin của Đốc sư, kể rõ chiến trận trên sông Bạch Đằng. Nghe rồi, nguyên soái hài lòng lắm, ông quay lại bảo các tướng:

– Chí mới một đạo quân thuyền tiên phong, chưa cần đến đại quân chu sư vào trận, giặc Nam đã tan nát cơ đồ, nơi tim gan nó đã bị trúng thương, liệu cái chỗ quan ải con con heo hút nơi đây với mấy trò lừa dối làm gì được đại quân ta!? Đốc sư Lưu Trừng hẹn đợi ta tiến quân mới sẽ tiến quân tiếp, như thế là thế nào?

Nguyên soái không lúc nào quên mật thư của Triệu Phổ gửi nhầm. Ông nghĩ ngợi nhiều lắm, kể từ khi Đốc sư kéo quân thuyền theo đường biển xuống Nam, tin trình về lưa thưa chẳng có gì quan trọng, rồi bỗng bặt đi một thời gian thì lại có tin cả thắng trên sông Bạch Đằng, cũng nhiều lần Nguyên soái cảm thấy chuyến nam chinh này hai quân thủy bộ không được gắn bó với nhau, nhưng ngấm ngầm có sự chia rẽ tranh công! Nguyên soái hiểu đây là mối nguy chẳng nhỏ cho một chuyến nam chinh lớn lao như thế này, nhưng rồi lại tự tin ở sức quân của mình công bằng mà nói thì còn mạnh hơn quân thủy của Lưu Trừng gấp bội, vả lại cái thế Nguyên soái của ông vẫn còn nguyên vẹn, mọi mệnh lệnh của ông các tướng vẫn phải thi hành rốt ráo. Quân bộ của ông xuất doanh có chậm hơn quân thủy nhiều, nhưng xét theo chiến pháp thì quân thủy mới là quân hấp tấp vào trận không trình xin lệnh của nguyên soái! Vả chăng, nguyên soái tin chắc ở việc quân của mình, không cần thiết phải xuất doanh vào những lúc thời tiết không thuận lợi dễ làm khổ binh tướng. Như thế, may mà Lưu Trừng thắng trận, nếu Lưu Trừng bại trận thì đã hẳn là quân kỷ không thể tha thứ được. Và vì vậy, nguyên soái liền sai người gấp đường xuống Nam, trao cho Lưu Trừng tin lệnh: "Cả thắng

trận đầu, hãy dừng quân, đề phòng giặc bố trí đánh báo thù, dợi quân bộ xuống sẽ có lệnh sau".

Đốc sư nhận tin lệnh, nghĩ đến mật thư và âm mưu của bọn Triệu Phổ, ông cười nhạt, không nói gì cho các tướng biết, nhưng ông đã có quyết định dứt khoát về việc quân rồi.

Nguyên soái cho đưa tin xuống Nam rồi, truyền lệnh cho các tướng đưa quân xuất doanh theo như kế chiến đã định trước.

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo là văn quan quen ngồi kiệu hơn là cưỡi ngựa trận, ông vận chiến phục thấy nặng nề khó chịu, nhưng không thể mặc áo văn quan vào trận được. Hầu Nhân Bảo mặc chiến giáp Kim Sa gấu thêu dường viền thủy ba, mang chiến đai Vũ Thủy treo thanh Thất Tinh trúy thủ bao đao là cái sừng tê giác Tứ Xuyên cẩn bảy tròng mắt mèo rừng, văn hài thay thế bằng chiến hài Dạ Quang trong đêm tối phát sáng rực rỡ. Nguyên soái vốn người đậm đà, bây giờ mặc nhung phục trông oai vệ vô cùng, chỉ phải nước da trắng hai má phị là dấu hiệu của người quen thói truy hoan quá đáng thành ra khó có sức bền bỉ của một người tướng nơi chiến trường. Ông cưỡi chiến mã hoa mơ cao lớn, con ngựa dòng quý đất Tứ, có nhiều tướng quý, nhưng có người lái ngựa ở Ung Châu lại bảo: "ngựa quý đất Tứ không có điểm nào có thể chê trách được, duy có tội hai tai quá nhỏ, mắt xếch, ấy là tướng Xích Thố của Quan Công ngày xưa, tướng sát chủ", nhiều người nghe được lời người lái ngựa này, nhưng không ai dám trình thưa lên nguyên soái.

Chung quanh nguyên soái là hết thảy các thuộc tướng, ông nào cũng giáp bào rực rỡ, ngựa trận to đẹp, cả đám trông như các võ quan lớn chức lớn tước đang trên đường vào cung hội triều chầu hầu Hoàng đế chứ không phải là các tướng soái mang quân ra trận.

Nguyên soái sai tướng Quách Quân Biện mang cặp búa "Song Phủ Tử Thần " cầm cờ tả tướng quân; Triệu Phụng Huân vác cây giáo sắt "Cửu Khúc Thần Long" giữ cờ hữu tướng quân, hai đạo làm thế trợ chiến cho chính quân do đích thân nguyên soái dẫn đầu có các tướng đi theo hộ vệ.

Đại quân nhà Tống xuất doanh, tức thì tế tác trình tin lên lão tướng Đổng Thừa Trọng biết ngay, lão tướng ra lệnh: ngoài ải ba dặm mọi sinh hoạt vẫn giữ bình thường, cửa ải vẫn mở rộng, bao nhiêu thuộc tướng, binh sĩ trước đã xếp đặt thế nào, nay cứ thế mà vào vị trí không được sai lạc chểnh mảng. Lão tướng cùng các thuộc tướng lên ngồi trên một đài cao cất bên trong thật xa phía trái cửa ải, đài ẩn kín trong vùng rừng rậm có thể nhìn bao quát phía bên ngoài; cả đạo quân trấn ải cũng lui theo tướng soái ẩn kín trong rừng, án giữ những vị trí do đích thân lão tướng chỉ định, vì thế trong ải hoàn toàn bỏ trống, chỉ có tế tác là còn đi lại trong ải.

Trên đài, lão tướng trấn ải Đồng Thừa Trọng hôm nay vẻ phiêu phiêu thần tiên xem ra cũng có đôi chút sôi nổi, hồi hộp, thái độ hơi chút khác thường này chỉ thoáng qua, và không phải chỉ một lần, thái độ ấy các thuộc tướng có người đã kín đáo nhận biết.

Bao nhiêu xếp đặt của lão tướng, rõ ràng là cố ý bỏ ải, cầu treo không rút lên, đường đi lối lại tịnh không một bóng người bóng vật, trong ngoài đều sạch sẽ quang đãng khiến ái bồng có cái không khí lành lạnh gai gai đầy bí hiểm chết chóc, chính các thuộc tướng của lão tướng cũng phải cảm thấy có gì ghê rợn ở trong lòng! Các thuộc tướng sẵn sàng đợi lệnh sai khiến của lão tướng.

Nắng sớm lên cao, tế tác trình về: tiền quân của giặc đã lại gần dừng cả lại ở cách "Phá đài"chừng nửa dặm đường. Nghe trình, lão tướng Đồng Thừa Trọng lúc này vẻ mặt lại rất an nhiên thanh thản không một chút gì tỏ ra xúc động, bao nhiêu vị trí chờ đợi binh tướng đâu đã vào đấy, thành ra không thấy có chộn rộn binh tướng đi lại, trong ngoài ải hoàn toàn vắng lặng.

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo cho dừng quân, bắt đầu từ nơi này binh của ông sẽ gặp binh Nam, bao nhiêu là cạm bẫy chết người đang đợi chờ binh tướng của ông! Nguyên soái nhớ lại tất cả những gì ngày nọ ông đích thân đi dò xét từ ngoài ải vào tận bên trong ải, nguy hiểm bắt đầu từ cái chòi có chữ "Phá"bí hiểm này! Nguyên soái tần ngần, chắc chắn tướng Nam không dựng cái chòi con con này để cột trâu hay làm chỗ tạm nghỉ cho khách qua đường! Nhưng, bây giờ ông phải làm thế nào? Cho lệnh phá cái chòi này đi, hay là không đụng đến nó? Các tướng vẫn chờ lệnh của nguyên soái.

Hầu Nhân Bảo cố moi đầu óc lục tìm xem trong sử sách có chỗ nào nói đến việc như ngày hôm nay không. Huyền trận, kỳ trận thì nhiều, nhưng không có chỗ nào lại giống như ở đây. Nguyên soái ra lệnh: tướng quân Trì Đẩu Quán đem một toán quân hai trăm người tiến thẳng đến trước ải quan xem sao?

Trì Đẩu Quán là gia tướng của Trí phủ Ung Châu Hầu Nhân Bảo, tướng quân tuổi trẻ đầy máu nóng, tài không cao nhưng gan dạ và trung thành. Tướng quân theo ngựa gia chủ ấy là theo lệnh nhắn riêng của nàng Chu Bội Ngọc gửi gắm. Bây giờ họ Trì được lệnh đem quân đi dò đường, thì hăng hái lên ngựa thét quân đi theo.

Trì Đẩu Quán vóc dáng đẹp được người đời gọi là "Trại Lã Bố"ý nói trông tướng quân giống như Lã Bố thời Tam Quốc ngày xưa, nhưng có điều "Lã Bố ngày nay" lại vừa đoản trí vừa tài sơ, cho nên ra trận lại có phong cách như thể đem quân đi du ngoạn săn bắn, chẳng suy nghĩ, một mực giục ngựa thúc quân ào ào tiến tới!

Cả bọn đến sát cửa ải thì dừng ngựa, nhìn ra chung quanh vắng lặng, cửa ải mở rộng, cầu treo không rút lên, nhìn vào trong ải không bóng người, bốn bề im lặng không một tiếng động. Trì Đẩu Quán tần ngần không biết nên làm thế nào bây giờ, quang cảnh này ắt là trong ngoài chung quanh đây lúc này phải có cả trăm nghìn cặp mắt đang theo dõi, hàng chục ngàn mũi tên đang hướng cả vào dám người ngựa trước ải, rồi chẳng biết nơi nào có địa lôi, nơi nào gươm giáo sẽ kích ra. Hai trăm kỵ binh chẳng có lệnh mà tự nhiên dều im lặng, sợ hãi, bất thần Trì Đẩu Quán giật mạnh dây cương, quay ngựa chạy trở lại như dứa phát cuồng, thế là cả đạo quân ào ào chen nhau chạy chết, bụi vấn mờ bên ngoài ải quan.

Trong ải, trên đài cao, lão tướng Dổng Thừa Trọng cùng các thuộc tướng và chục ngàn binh nấp kín các nơi thảy đều xem rõ quang cảnh bên ngoài, tất cả lúc đầu còn hồi hộp, sau thấy đám binh Tống dừng ngựa không dám vượt ải, thì lão tướng báo:

– Thế là kế "nhạc-trận, thành trống "của ta có hiệu quả rồi!

Nhìn ra, đám quân Tống đã chạy xa, tế tác cũng đến trình: "đại quân của Hầu Nhân Bảo còn đang phân vân nghi ngờ quan sát "phá đài". Nghe trình, lão tướng bảo: "Hầu Nhân Bảo đón bọn chạy về, nghe trình thế nào cũng không dám phá cái chòi ấy, Bảo là người đa nghi, đã *nghi* thì nhìn đâu cũng thấy *ngờ*; xảy một việc ắt *sợ*, sợ rồi thấy động tĩnh gì cũng *hãi* cho mà xem!"

Trì Đẩu Quán hổn hển kìm ngựa trước nguyên soái, tiếng nói đứt quãng, trình:

– Bẩm trình nguyên soái, suốt dọc đường từ dây đến cửa ải không thấy có động tĩnh gì, không có chỗ nào có dấu hiệu khả nghi, nhìn vào trong ải vắng lặng, tựa như ải bỏ trống, nhưng gọn gàng sạch sẽ, tất là có dàn xếp!

Hầu Nhân Bảo lo lắng, dàn xếp thì nhất định binh Nam có nhiều dàn xếp rồi, tiến lên thì nguy hiểm chẳng phải nhỏ. Nhìn chòi nhỏ trống trơn chỉ với một chữ "Phá", Bảo hoang mang không biết nên hành động thế nào. Cuối cùng, nguyên soái ra lệnh:

– Không phá chòi, hai đạo trợ chiến tả hữu dực thận trọng cùng lúc tiến lên trước, trung quân tiếp theo ngay!

Lệnh truyền ra, Tả tướng quân Quách Quân Biện hai tay hai cây búa lớn giục ngựa tiến lên, quân rùng rùng kéo theo; phía bên kia, Hữu tướng quân Triệu Phụng Huân vung cây giáo "Cửu Khúc Thần Long"vù vù ra uy quét gió cho ngựa đi lên hàng đầu dẫn quân tiến tới. Hai cánh quân triển ra một vùng rộng lớn, khí thế dũng mãnh, hai đạo quân tiến lên

không nghe có trống lệnh cồng lệnh gì cả, cũng chẳng nghe có tiếng hò reo nhập trận, chỉ nghe tiếng vó ngựa dồn dập tung bụi mịt mù át cả nắng xuân.

Hai đạo tả hữu trẩy đi không vội vã, qua chỗ chòi nhỏ quân thận trọng tránh không đụng chạm đến cái chòi ấy, nhiều đứa lại lấm lét ngó nhìn như thể cái chòi ấy là thứ dị kỳ khủng khiếp gì không nên lại gần!

Trung quân của nguyên soái có tướng Tôn Toàn Hưng mang cờ tiên phong đợi cho đến lúc hai đạo tả hữu kéo đi được quá nửa, lúc ấy mới bắt đầu chuyển động, đi ở hậu quân là tướng Trần Khâm Tộ binh người ngựa còn chưa cất bước. Trời đã xế trưa, tiền quân tới trước cửa ải được an toàn, không thấy có dấu hiệu gì khác lạ, tất cả vẫn là vắng lặng.

Nhìn cửa ải mở rộng, cầu treo sạch sẽ không một cọng lá rụng, hai tướng tả hữu quân sóng đôi đầu ngựa nhìn vào trong ải, tự nhiên thấy trờn trợn, có lẽ nào quân Nam đã bỏ ải đi hết! Thường những lúc quân bỏ doanh trại ải quan thành quách chạy trốn, bao giờ cũng là quang cảnh hỗn độn bừa bãi đủ thứ vật dụng vất bỏ hay rơi vãi ở khắp nơi, lại thêm dân chúng dù có theo quân chạy trốn cũng chẳng bao giờ lại đi hết, nhưng ở đây nơi nào cũng sạch sẽ, quang đãng, hoàn toàn chẳng có một bóng người.

Hai tướng dừng quân, thận trọng đề phòng, cho tế tác gấp trình về trung quân để nguyên soái được biết rõ tình hình và xin lệnh.

Từ lúc quân tả hữu tiến lên, nguyên soái không lúc nào ngừng lo lắng băn khoăn về cái chòi nhỏ, ông sai tế tác chực sẵn ở chỗ ấy để xem có động tĩnh gì không, cho đến lúc tin trình xin lệnh của hai tướng trình lên, thì nguyên soái quyết định: cho quân vượt ải.

Tin lệnh đi rồi, nguyên soái cho dừng trung quân để xem động tĩnh, ông tin chắc thế nào cũng có thịnh sự! Nguyên soái còn đang miên man suy nghĩ, thì quả nhiên thịnh sự đã xảy ra!

Trên đài cao nhìn ra bên ngoài quan ải, lại liên miên tiếp tin tế tác trình về, lão tướng Đồng Thừa Trọng dù không thấy giặc ở ngoài xa, nhưng mỗi hành động, mỗi cử chỉ của binh tướng giặc, lão tướng đều biết rõ như thể đang tận mắt chứng kiến. Khi đại quân nhà Tống dừng lại trước chòi nhỏ đề chữ "Phá", rồi một tướng đem theo đạo quân hai trăm kỵ binh chạy thẳng đến trước ải, không vào ải mà lại bất thần quay ngựa bỏ chạy, lão tướng quay lại nói với các thuộc tướng:

– Hầu Nhân Bảo quả nhiên thận trọng, như thế tỏ ra ông ta không biết gì về trận pháp của ta! Ta hãy dợi thêm!

Có tướng hỏi: "giả thử lúc ấy tướng kia cứ vào ải đánh phá lung tung thì thế nào?"

Lão tướng bảo.

- Ta vẫn bất động! Y sẽ phải trở ra, ta cần đón Hầu Nhân Bảo chứ không phải là đón tên ấy!

Rồi khi đại quân chuyển động dàn ra bên ngoài ải, quang cảnh thật hùng vĩ, binh tướng nhà đại Tống dàn trận trùng trùng điệp điệp, mãi ngoài xa hút tầm mắt nhìn vẫn còn thấy binh nhà Tống như mặt biển rộng lúc trời chiều đen sì một khoảng bao la!

Các thuộc tướng vây quanh lão tướng hết thảy đều im lặng hồi hộp, giờ phút khởi trận đã tới! Tới như thế nào?

Lệnh của lão tướng truyền ra, người đảm nhiệm truyền lửa vào dường dẫn, lửa bén hỏa liệu truyền đi cực nhanh rít lên như tiếng trăn gió lướt trên cành cao. Ngàn vạn cặp mắt binh tướng đại Tống chợt dáo dác nhìn tìm xem tiếng rít ấy phát ra ở nơi nào, có việc gì xảy ra? Dường dây dẫn hỏa nhỏ, lẩn trong bờ bụi cây cỏ khiến không thể nào phát giác ra được, nhưng có vệt khói mảnh bốc lên binh tướng nhà Tống trông thấy rõ ràng!

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo thấy run ở trong lòng, quân Nam đã khởi trận, hỏa công thế là được vận dụng đến! Nguyên soái đợi chờ một cơn bão lửa không biết từ hướng nào sấp ập xuống binh tướng của ông. Nhưng, không có bão lửa, cũng không có binh Nam xuất hiện. Chỉ có một tiếng nổ dữ dội ở phía sau, khói mù mịt, hậu quân có phần xao động, không biết có việc gì xảy ra?

Nguyên soái hoang mang đợi tin trình lên, ông vẫn chưa dám cho lệnh tiến vào lấy ải. Đúng lúc ấy, chợt nghe có tiếng ầm ầm như thác đổ, quanh đây không có thác đổ, thế thì sao lại có tiếng động này?

Trên đài cao, các thuộc tướng của Đổng Thừa Trọng ông nào vẻ mặt cũng hết sức gay cấn, chưa một ai biết có việc gì xảy ra, việc gì sẽ xảy ra sau nữa! Đại quân nhà Tống cũng như phục binh nước Đại Cồ Việt bỗng nghe trong tiếng thác đổ có những âm thanh lạ, những âm thanh nghe như nước từ trên cao trút vào những khe núi, hùng dũng mà lại như tiếng nhạc có tiết tấu rõ ràng, lúc mạnh lúc nhẹ, lúc trong lúc đục. Nước ở đâu, âm thanh nhạc ấy ở đâu?

Trên đài cao, các tướng không nhận thấy, nguyên soái Hầu Nhân Bảo ở tiền quân cùng với các tướng cũng không nhận thấy, nhưng hậu quân với tướng Trần Khâm Tộ thì nhận thấy tất cả: quân nhất tề tiến đến ải quan tránh không đụng chạm đến chòi nhỏ có chữ "Phá", đến lúc tiền quân đã đi qua, trung quân của nguyên soái còn một phần chưa đi hết thì chòi "Phá"chợt nổ tung, lửa tóe lên cao rồi đổ xuống, đài nhỏ tan biến thành cột lửa.

Hậu quân còn đang kinh hãi không biết sắp xảy ra việc gì, thì thật lạ: quanh đây không có sông có suối, sao lại có tiếng nước bỗng nhiêu sôi réo, nước chảy như có dòng suối lớn cuốn theo cả những tiếng nhạc diệu kỳ, tiếng nhạc không phải là đá đập vào nhau phát ra âm điệu, cũng không phải là tiếng đàn tiếng phách của người đời, nhưng nghe như tiếng gió lùa qua những khe hở quanh co, chạm vào đủ thứ cản trở để phát thành âm điệu lúc như than van thảm thiết làm cho nhũn lòng người.

Cả đạo quân vĩ đại ngơ ngác lẫn kinh hãi, binh tướng nhà đại Tống chân như chôn chặt xuống đất, khí giới lăm lăm không biết sắp phải đánh chém với địch như thế nào. Ở tiền quân, nguyên soái Hầu Nhân Bảo có các tướng vây quanh bảo vệ, ông run giọng bảo:

– Quả thật tướng lập Nhạc Trận nước Nam đáng sợ thật! Đây chính là trận không phải là huyền hoặc, cũng không phải là trận thế của các danh tướng thời xưa, trận này có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào, cũng như âm thanh trong trời đất thì ở đâu cũng có, đủ thứ âm thanh; vì vậy trận này có thể ở khắp mọi nơi, trong ngoài ải đều có thể có trận, khắp nơi đều là chiến địa, nguy hiểm vô cùng!

Nguyên soái giảng trận, hiển nhiên ông là người có kiến thức bao la, nhưng kiến thức ấy liệu có giúp ông đối phó được với Nhạc Trận của tướng nước Nam không?

Hầu Nhân Bảo vừa giảng trận danh với trận pháp cho các tướng nghe, giọng run của ông truyền cái run sang cho các thuộc tướng, và có lẽ tiếng nói của ông cũng là một loại âm thanh cho nên lan truyền vào không gian thấm vào tâm hồn chúng binh tướng, cả đạo quân vĩ đại thấy hãi hùng với những âm thanh nhạc trận vẫn tiếp tục.

Âm thanh nhạc trận, chính là âm thanh của một trăm lẻ tám ống tre dìm trong suối, dòng suối lùa nước vào những lỗ sáo tre ấy phát ra âm thanh kết hợp với nhau, nước chảy đưa các ống tre ấy dong đưa, va chạm vào nhau, chuyển ngang chuyển dọc đủ thế đủ chiều, làm cho âm thanh biến đổi theo vị trí của ống không bao giờ hết. Nhạc trận khiến cho tinh thần địch hoang mang, sợ hãi không biết sắp phải đối phó với dịch như thế nào.

Âm thanh nổi lên vào lúc các ống tre được chặt dây ràng và được tự do di chuyển xoay trở, cũng là mở đường cho nước chảy vào đường dẫn hỏa liệu, và nước ấy là hiệu lệnh để cho các người canh giữ đốt lửa, và đài Phá nổ tung, cũng là lúc nước tràn vào các đường dẫn ngang đem lửa nổi vào các đường ấy, cắt cả đạo quân ra thành nhiều đoạn, bao nhiêu binh sĩ chẳng may dứng ngay trên các chỗ nắp hầm đều bị rơi xuống hầm lửa, cảnh kinh hoàng diễn ra trong âm thanh vẫn vi vu hoặc ồn ào lạ lùng của nhạc trong Nhạc Trận.

Tướng Tôn Toàn Hưng cai quản đạo hậu quân yểm trợ là tướng duy nhất quản binh được thấy cảnh kinh hoàng ở trung quân và tiền quân của Hầu Nhân Bảo.

Ở tiền quân, nguyên soái Hầu Nhân Bảo nghe tiếng nổ lớn, liền ra lệnh tiến quân vượt ải, ông không còn đường lui trở lại nữa. Các thuộc tướng vây quanh ông khiếp hãi dáo dác nhìn quanh không biết tai họa sắp xảy ra ở nơi nào.

Tai họa bây giờ là ở bên trái cửa ải, nơi có bảy đống đá bày theo trận pháp Thất Tinh, và ở bên phải cửa ải nơi có dựng tòa Thiên Trụ. Lệnh của nguyên soái vừa ban ra, tướng quân Quách Quân Biện liền hoa hai cây đại phủ "Song Phủ Tử Thần"thét lớn một tiếng "Tiến", rồi tay không cầm cương, chiến hài thúc mạnh vào bụng ngựa, chiến mã vọt tới sắp sửa đạp vó lên cầu treo bắc ngang hào ngoài, thì cũng chính là hiệu lệnh để cho quân cung thủ quanh trận Thất Tinh nhất tề phóng tên vào quân binh đại Tống. Trận tên vi vu trong tiếng nhạc gió cũng thay đổi theo rên rỉ kéo dài, binh Đại Tống không có chỗ tránh tên, cũng không có lối có thể tràn đến chỗ các gò trận Thất Tinh, binh sĩ bị trúng tên rất nhiều, tiếng kêu la chen lẫn tiếng hò reo giục nhau vượt cửa ải, hốt nhiên biến chiến trường thành vô cùng náo nhiệt!

Binh nhà Tống bị tên từ trên các gò Thất Tinh bắn xuống, tranh nhau giạt cả sang phía bên phải cửa ải để tránh chết, binh chen chặt vào nhau không thể vượt qua cửa ải nhanh được, do thế thiệt hại vì bị tên trên trận Thất Tinh bắn xuống nhiều lắm. Binh giạt sang một bên mong tránh đường tên mạnh, thì lại gặp phải trận thế ở tòa Thiên Trụ.

Ở trận thế toà Thiên Trụ, không chỉ có tên nhọn phóng xuống như mưa, mà còn có cả tên lửa bay xuống cuốn theo cả đá bắn theo, chớp mắt biến cả một vùng bên ngoài ải quan nước Đại Cồ Việt thành một quảng trường lửa thiêu dốt đá đập tên đâm binh giặc. Bây giờ tiếng la hét kêu rên mới thật là ghê gớm giữa những tiếng nhạc ống tre nước lùa qua mà thành, nhạc trận nghe không còn thanh thản nhưng rền rĩ ai oán.

Nhạc trận của lão tướng Đổng Thừa Trọng lần đầu tiên lại cuốn theo cả máu lửa chém giết ác liệt đến như vậy! Những lần lập trận trước kia, chưa bao giờ lão tướng lại dùng đến chém giết trong tiếng nhạc, mà thuần dùng ảo cảnh cho biến đổi theo tiếng nhạc, cốt lấy cái ý "lầm đường theo biến đổi của ý niệm do ngoại cảnh tác động vào mà tự bị giam hãm", như thế nhạc trận tuy có cái khả năng khuất phục được ngoại địch nhưng không bao giờ có sự chém giết, chết người. Lần này, không còn là lập trận là để thách thức lấy biết và không biết để phân thua được, mà phải là "phá giặc mạnh, không thể còn lấy văn để lập võ, mà phải là văn võ

tương trợ giết giặc", vì thế mới thấy có những dàn xếp đầy chết chóc dữ dội đến thế!

Trên chòi cao, lão tướng vẻ mặt buồn bã, không còn những nét thanh thản phiêu phiêu nữa, mà là những băn khoăn ray rứt. Tiếng nhạc nước lùa qua một trăm lẻ tám ống tre xoay ngang trôi dọc, triền miên trút vào không gian chiến trường những âm thanh làm cho lòng người không thể cưỡng trả nỗi hãi hùng khiếp sợ trước cảnh chết chóc kinh hoàng.

Lão tướng giọng buồn rầu bảo với các thuộc tướng:

– Hoàng đế không còn cách nào khác là phải phá cho được giặc dữ, ngài vận dụng đến tài thần vũ, sai ta trấn ở ải đầu, lại dặn ta xếp đặt nhạc trận để sai khiến giặc qua ải. Chiến tranh không thể lấy tiếng nhạc thần tiên mà làm cho hết được, cho nên nhạc trận lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng vận dụng đến sức mạnh chém giết, đây là điều nhạc trận thần tiên của ta chưa từng có, trận chiến này mở đầu cho sự chấm dứt cuồng mộng thôn tính của phương Bắc, mà cũng là mở lối cho tuyệt tích của chính ta!

Các tướng nghe lão tướng nói, có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu. Lão tướng chậm chậm đứng lên, phong cách này làm cho các tướng tự nhiên thấy hồi hộp, tất cả đứng lên theo. Lão tướng khoát tay làm hiệu, thuộc tướng theo ước định lão tướng dặn từ trước, lệnh như dường dẫn truyền của dòng hỏa liệu truyền đi cực nhanh, xuống đến toán canh giữ các ống nhạc dìm trong nước, tức thì chặt hết các giây giữ, một trăm lẻ tám ống tre xoay ngang rồi chuyển dọc ghép vào nhau, âm thanh nghe như gió xoáy u u cuốn đi mênh mông rồi trộn hẳn vào nhau để thành một dòng dài tiếng rít trong tiếng lóc cóc của ống tre va vào nhau. Những âm thanh nhạc trận khởi đầu rồi kéo dài trải qua không biết bao nhiêu âm điệu, bây giờ như một dải sông dài cuồn cuộn trôi đi. Trong ải, ngoài ải, chiến trường náo nhiệt ghê gớm thế mà những tiếng rít ấy vẫn rõ vô cùng.

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo vẫn trụ ngựa giữa các thuộc tướng, ông nhìn quang cảnh, tâm trí hoang mang đầu óc như trống rỗng, thế này thì ông phải hành động như thế nào, hành động được gì với những âm thanh kỳ lạ chẳng thấy bóng dáng một binh tướng nào của địch!? Nguyên soái không thể cứ đứng nhìn binh tướng của mình lâm vào cảnh chết chóc như thế này được mãi!

Vào ải! Phải vào ải! Trong đầu ông chợt dội lên những tiếng thôi thúc ấy. Nguyên soái phát lệnh nhập ải.

Tướng quân Quách Quân Biện liền hoa đôi búa lớn, thúc ngựa thét quân theo ông vượt cửa ải.

Đúng lúc ấy, là lệnh chặt đứt các dây giữ ống tre nhạc dìm trong nước, và âm thanh chuyển điệu, bay đi. Đại quân nhà Tống trên chiến trường chợt thấy có tiếng rít dữ dội trên đầu, như thể có làn gió lốc đang thổi qua cực mạnh. Chúng binh tướng hoang mang kinh hoàng, bao nhiêu gươm giáo chĩa cả ra chực đâm chém với kẻ địch chẳng có hình tích, địch ở nơi nào?

Binh Nam vẫn không thấy mặt, nhưng nhạc trận với lệnh chặt dây, âm thanh gió lốc, cũng là chuyển trận mở đường cho nước tràn vào hầm hỏa liệu ở chỗ đài Phá, cuốn theo lửa nhựa cây rừng vào các đường hầm bên trên có che đậy kín. Lửa bén các hỏa liệu trong hầm, cháy bùng, nổ dữ dội, khoảng rộng bao la dài mấy dặm đường trước quan ải bây giờ bị các hầm lửa cắt ra thành nhiều đoạn, ở những hầm lửa ấy nắp hầm xụp lôi theo cả những binh sĩ không may đứng ở nơi ấy, tiếng la hét kinh hoàng nổi lên, không gian chiến trường vẫn tiếng gió rít và bây giờ lại thêm mùi thịt người bị lửa thiêu đốt khét lẹt, đại binh nhà Tống tiền hậu lẫn trung quân không còn liên lạc được với nhau.

Ở tiền quân, tướng quân Quách Quân Biện múa đôi búa lớn giục ngựa hộ quân theo ông vượt cầu treo, sau lưng ông quân ngựa quân bộ hò reo tràn tới. Cùng lúc ấy lửa phụt cháy ở phía sau, các hầm hỏa liệu ngùn ngụt lửa. Ở trung quân may cho tướng quân Triệu Phụng Huân, đạo quân của ông bị hầm lửa cắt đứt nửa chừng, tướng quân không còn hồn vía, vội vàng thét quân tràn tới.

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo có các tướng hộ vệ liền theo binh tiên phong Quách Quân Biện nhắm hướng cửa ải nhất tề tràn tới vượt qua cầu đá bắc ngang trước hào thành, không thấy có binh Nam ứng chiến cản đường, trên vọng lâu ải cũng không thấy có bóng người, thành ải hoàn toàn bỏ trống.

Vó ngựa Quách Quân Biện lướt qua cửa ải, cặp mắt dữ dội của Biện long lanh như hai vì sao rực lửa nhìn khắp nơi, khắp nơi yên tĩnh, doanh trại nhà cửa lối đi, hết thảy là quang đãng sạch sẽ, không thể là địch bỏ thành mà chạy, cũng không thể là quang cảnh của sửa soạn chiến tranh. Quách Quân Biện trụ ngựa thét quân tràn đi các ngả, quân như những dòng nước chảy đi các nhánh, chớp mắt nội ải quan đã đông nghẹt binh nhà đại Tống.

Trong cái quang cảnh bình lặng kỳ dị ấy, nguyên soái Hầu Nguyên Bảo cùng các thuộc tướng cũng đã vào ải, đài cao có tấm biển đề "Hầu Nhân Bảo qua ải này rồi chết"vẫn sừng sững, chúng quân không dám lại gần, nguyên soái sợ sệt lấm lét nhìn như nhìn quái vật, ông sợ thực lòng!

Trên đài cao, lão tướng Đổng Thừa Trọng bây giờ vẻ mặt rất thanh thản bình tĩnh, các thuộc tướng đứng quanh đợi lệnh, chỉ có tế tác là đi về

như mắc cửi rất bận rộn, bao nhiêu cử động của binh tướng nhà đại Tống, bao nhiêu chuyển biến và quang cảnh nơi chiến trường ngoài ải, các tế tác đều thấy hết và lập tức chuyển về cho soái tướng thủ thành biết ngay.

Lúc lửa bùng lên ở các hầm cắt ngang, trên đài cao lão tướng mỉm cười, lâu lắm rồi các thuộc tướng mới lại thấy lão tướng có vẻ mặt và nụ cười ấy, vẻ mặt cực thanh thản và nụ cười hài lòng!

Nguyên soái trí phủ Hầu Nhân Bảo hoang mang, không lẽ cuộc viễn chinh thu phục nước Nam lại chỉ có thế này thôi sao? Bao nhiêu sửa soạn, bao nhiêu bàn cãi ở nơi thâm nghiêm triều đình, Hoàng đế có lúc lao tâm khổ tứ đến phờ phạc cả long nhan, ngài còn muốn ngự giá thân chinh mới yên lòng đối phó được với binh tướng nước Nam, vậy mà đến tận lúc này tất cả chỉ có thế này thôi sao?!

Cũng lúc ấy, tướng quân Triệu Phụng Huân cai quản đạo quân tiếp trợ giục ngựa như mê cuồng ào tới, miệng thét lớn:

– Nguy tai! Nguy tai!

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo tái mặt! Triệu Phụng Huân coi giữ hậu quân tiếp trợ, nay bất thần lại một mình chạy vội đến đây kêu la "nguy tai", ắt là có việc lớn tai hại rồi! Bảo ngẩn người, các tướng sửng sốt. Triệu Phụng Huân tay vác giáo sắt Cửu Khúc Thần Long, hổn hển trình:

– Giặc đặt hầm kín, dụng hỏa kế cắt quân ta ra thành nhiều đoạn, tình hình thật nguy ngập!

Hầu Nhân Bảo nghe trình, tự nhiên tinh thần lại như bình tĩnh, đầu óc chẳng còn có suy tính gì, ông thét:

- Tiến lên!

Lệnh tiến lên của nguyên soái, lúc này chẳng qua chỉ là một hành động theo bản năng của người làm tướng giục quân mà thôi, chứ nguyên soái không tính toán suy nghĩ gì cả. Nhưng, các tướng khi nghe lệnh thì nhất tề thét lớn giục quân. Đi đầu là Triệu Phụng Huân hoa cây roi chín khúc tiến tới. Tiếp theo sau Huân là Quách Quân Biện, Quân Biện mới là tướng tiên phong của đạo chính binh này, Triệu Phụng Huân là tướng hậu quân tiếp trợ, thế mà Huân lại hoa roi đi trước khiến cho Biện không thể không giục ngựa tranh đi trước với Huân.

Các tướng hộ vệ cho nguyên soái tiến theo hai hướng, Hầu Nhân Bảo vượt qua chỗ đài cao ngay bên trong ải đã toan cho lệnh phá đài, nhưng lại sợ lỡ đài đổ sẽ xảy điều gì nguy hiểm, hoặc là hiệu lệnh cho phục binh của giặc xuất hiện thì nguy khốn lớn, liền lệnh cho hai tướng đi đầu không tiến sâu xuống phía Nam, mà quay sang hướng Đông.

Cả đạo quân lớn không kịp thì giờ để đánh phá trong ải, cứ một mực kéo nhau ào ạt rẽ sang đông. Vả lại, trước sau vẫn chẳng thấy bóng một

quân hay một tướng nào của nước Nam, đại quân nhà Tống có muốn giao chiến cũng không có địch thủ.

Đại quân trẩy đi chưa được bao xa, tai vẫn còn nghe những tiếng nhạc ống tre dìm trong nước, bây giờ những ống tre không còn dây giữ, tất cả xoay dọc xuôi theo dòng nước, nước chảy lùa vào các lỗ khoét phát ra những âm thanh dồn dập lại thêm các ống va chạm vào nhau, nghe như có tiếng vó ngựa đang đua nhau chạy tới. Nguyên soái Hầu Nhân Bảo cùng các tướng vội vàng hô quân dừng lại, sẵn sàng ứng chiến chống quân địch. Người ngựa dừng bước, những âm thanh vó ngựa khua mạnh vẫn đều đều, hồi lâu cả bọn mới nhận ra: không có đạo quân kỵ quân bộ nào đang chạy tới cả, vẫn chỉ là thứ âm nhạc kỳ lạ không biết phát ra từ đâu.

Đại quân bỏ ải lại sau lưng một khoảng xa. Nguyên soái Hầu Nhân Bảo đã hoàn hồn, bảo các tướng:

– Nguy hiểm thật! Nó vẫn nấp kỹ, ta mà dừng quân đoạt ải thế nào cũng mang họa! Nó xếp đặt trong ải, ta bỏ ải không tiến xuống Nam, thế nào nó cũng đón ta ở phía Nam, vậy là nó bị lỡ bộ, quân ta sang hướng đông, chẳng khác nào như mũi giáo nhọn chĩa vào sườn nó, sau đó ta chuyển hướng xuống Nam thế là thay đổi vị trí: ta đang đối diện với nó, hóa ra lại là từ phía sau vây kín nó! Giặc gian giảo toan lừa ta, hóa ra lại tự chuốc họa vào thân!

Các thuộc tướng vui vẻ, nguyên soái là người văn học quả nhiên hơn đời! Quân chưa kịp cất bước, tế tác đã như gió ào tới trình:

– Bẩm trình nguyên soái, trong ải từ phía tây vòng sâu xuống nam rồi uốn sang đông, quân Nam xuất hiện đông lắm, lại thấy có những dụng cụ để đốt lửa mang theo vào trận!

Hầu Nhân Bảo toát mồ hôi, bảo các tướng:

– May mà ta kịp chuyển hướng quân! Quả nhiên nó đặt phục binh, lại toan dùng hỏa kế đốt binh ta trong ải chật hẹp, bây giờ nó lỡ trận, ta chuyển ngược tình thế, không cần chiếm giữ ải. Lúc này ta giành được thế sai khiến trận, ta dừng quân ở đây chính là cái thế của "con cọp quay lại de dọa chụp bắt bọn thợ săn", ta quyết chắc nó không dám xua quân, nó giữ ải chẳng khác nào như ôm trong tay một con cọp dữ, nó nhìn theo ta, sau lưng nó là đạo quân của ông Tôn Toàn Hưng khiến cho nó không dám đuổi theo ta, ta không cần phải lấy ải là vì thế, tránh khỏi phải mất một phần sức quân vào việc trấn giữ!

Cả đạo quân an toàn, nhưng còn những phần quân bị các hầm lửa chia cắt thì sao?

Lúc ấy, tế tác trình về tướng quân Tôn Toàn Hưng là người trông coi đạo quân đợi tiến sâu xuống nước Nam, về tình hình trên đường tiến

quân của nguyên soái vào ải địa đầu, tất cả những gì xảy ra tế tác đều nhất nhất trình báo cho tướng quân được biết. Tôn Toàn Hưng tuy nhận lệnh của Triệu Phổ, cá bọn âm mưu làm hại Hầu Nhân Bảo, nay tại mặt trận nghe trình về mọi việc xảy ra, tự nhiên lòng viên tướng cầm quân vào trận thấy sôi nổi, nhất thời quên mọi hiềm khích, chỉ còn nghĩ đến an nguy thắng bại của quân nhà. Tướng quân băn khoăn không hiểu tướng Nam xếp đặt phía bên ngoài ải như vậy là toan tính thế nào, ông hồi hộp theo dõi từng bước đi của đại quân, nhưng tuyệt nhiên không biết việc nguyên soái đích thân vào quan sát bên trong ải.

Khi tin trình nguyên soái đã tiến quân, nhạc trận của tướng Nam phát động, tướng quân càng hồi hộp quan sát, ông để tâm đến từng chi tiết nhỏ nhất của sự việc, đến khi nghe trình các hầm địa lôi đã nổ, quân nhà thiệt hại lớn, và nguyên soái không còn đường nào khác là phải tiến vào trong ải, thì ông liền phát lệnh: tiến quân!

Tôn Toàn Hưng vừa muốn yểm trợ cho Hầu Nhân Bảo sau khi tướng cai quản hậu quân đã bị mất một phần quân vì các hầm lửa, ông vừa muốn thu thập đám quân bị lạc lõng dễ bị binh Nam giết chết. Và thế là tướng Tôn Toàn Hưng tạm quên hiềm khích, cho lệnh quân tiến lên.

Trước hết, Tôn Toàn Hưng cho quân đi giạt sang hai bên tránh các hầm cắt ngang, thu thập các quân sĩ của tướng Triệu Phụng Huân, cứu chữa cho những đứa bị thương, kiểm điểm lại thấy binh của Triệu Phụng Huân chết trận cũng phải đến cả chục ngàn người, quân lại trình: có một số ít bị quân Nam bắt thần xuất hiện bắt đem đi rồi.

Tôn Toàn Hưng vượt được các hầm hóa liệu cắt ngang, khi đi đến chỗ chòi nhỏ có chữ "Phá", chòi vẫn còn đó, chữ vẫn còn đó, hỏi thì tế tác trình: "... nguyên soái sợ là nếu phá cái chòi này đi, thì có khi là hiệu lệnh gì của quân nước Nam, dễ gặp nguy hiểm, cho nên có lệnh cho quân không được dụng chạm tới...", Tôn Toàn Hưng nghe trình thì suy nghĩ, mấy lần muốn cho lệnh phá chòi đi nhưng các thuộc tướng can ngăn, bảo là không nên vì một cái chòi nhỏ mà lỡ ra gặp họa. Vì thế đạo quân của tướng Tôn Toàn Hưng cũng không đụng chạm đến cái chòi ấy.

Tôn cho lệnh quân nhắm ải tiến tới, trên đường đi còn thấy bao nhiêu xác quân nhà trúng tên nhọn tên lửa chết xác còn để lại chiến trường, tìm thì không thấy có xác một người quân Nam nào, chiến trường lặng lẽ. Tôn Toàn Hưng bảo các thuộc tướng:

– Cứ xem tình hình này, thì quả thật giặc Nam hiểm độc, nó bày trận nghe thanh tao Nhạc Trận, kỳ thực lại quá đỗi hung hiểm, quân ta chết nhiều quá mà chẳng thấy xác một đứa quân Nam nào. Bên ngoài ải đã

như thế, bên trong ải ắt còn nhiều hung hiểm hơn nữa! Vậy vào ải, phải hết sức cẩn thận!

Binh đến sát cửa ải, tế tác đến trình:

– Đại quân của nguyên soái vượt cửa ải, không dừng lại trong ải, mà đã rẽ sang hướng đông rồi, không biết chủ ý của nguyên soái là thế nào?

Tôn Toàn Hưng nghe trình, hỏi:

– Vậy lúc này trong ải có thấy quân Nam dàn trận thế nào không?

– Bẩm, từ lúc nguyên soái vào ải cho đến lúc này, tuyệt nhiên không có một tên giặc Nam nào xuất hiện, nhưng khắp một vùng từ phía Tây xuống phía Nam, vòng sang Đông, giặc trấn quân đông lắm, chắc vì thế nguyên soái không trụ quân lại trong ải, binh sang đông là để tránh bị bao vây.

Tôn Toàn Hưng suy nghĩ, cho là nguyên soái Hầu Nhân Bảo muốn tránh giao chiến với địch trong tình thế bị bao vây, cho nên mới chuyển hướng quân sang đông, như thế thì quân của ông nên dàn ra chiếm giữ những nơi trọng yếu, làm thế cầm cự với quân Nam, giữ chân quân Nam không cho có thế rảnh rang để có thể đánh úp sau lưng quân của Nguyên soái. Thế là tướng quân cho lệnh nhập ải.

Tôn Toàn Hưng tuy được trình báo là trong ải không có quân địch, nhưng ông vẫn thận trọng trước khi vào ải, ông chia quân đưa một nửa vào ải, một nửa trấn bên ngoài để phòng có sự bất trắc. Tướng quân dích thân dem các thuộc tướng đi đầu vượt cửa ải. Vào trong, vẫn vắng lặng chẳng thấy bóng quân Nam, nhà cửa doanh trại quang đãng sạch sẽ không có dấu hiệu gì tỏ ra là có người, lại thấy cái đài cao đề chữ "Hầu Nhân Bảo qua ải này rồi chết"thì giật mình. Tôn cho là: Hầu Nhân Bảo chắc đã nhận ra hiểm mưu gì của giặc cho nên mới vội vàng chuyển hướng quân, không dám đụng đến cái đài phá mấy chữ láo lếu ấy đi. Vì thế, Tôn Toàn Hưng cũng vội cho quân tránh giạt sang phía đông, đề phòng bị lọt giữa vòng vây của dịch.

Quân theo lệnh còn đang chuyển động, chợt nghe có những âm thanh lạ: nhạc trận vẫn chưa ngừng hoạt động, âm thanh nước lùa qua các huyệt đạo của một trăm lẻ tám ống tre sáo dìm trong nước vẫn nhận nước chảy qua, vẫn tấu lên những khúc nhạc luôn luôn biến đổi theo với nhịp độ xô đẩy của dòng chảy dồn các ống tre chuyển động chuyển biến không ngừng. Bây giờ, nhạc trận nghe như những tiếng gió mạnh thổi qua cả một rừng thông có lúc kéo dài một chập, rồi đột nhiên bặt hẳn như gió mạnh chợt ngừng, có lúc lại rít liên tiếp như có nhiều đợt gió giật, đến rồi đi. Tiếng gió rít trong rừng thông không phải lúc nào cũng phát ra ở một

hướng, nó thay đổi hướng. Có lúc lại thấy gió bặt hẳn, nghe trong không gian có những tiếng lóc cóc như thể có cả một đoàn người thật đông tấu khúc nhạc gõ, trống phách dồn dập, khi lại thảnh thơi điểm từng tiếng, lúc bỗng đổi nhịp khua mau rõ ràng là có một đoàn ngựa trận đông lắm rong ruổi đang lại gần.

Tôn Toàn Hưng cùng cả đạo quân lúc hoang mang, lúc giật mình tưởng kỵ binh của địch đang xốc tới, vội vàng vào thế ứng chiến chống đỡ. Cứ thế, nhạc trận thay đổi theo từng thời khắc trong ngày. Rồi cuối cùng, Toàn Hưng cũng nhận ra: những âm thanh ấy không có thực, chính vì những ý niệm cảm xúc của lòng người mà cảm thấy những âm thanh lạ ấy chuyên chở theo những sự việc thay đổi không ngừng. Thế là Toàn Hưng yên lòng, hội chúng thuộc tướng ngay tại tạm doanh trong ải mà rằng:

- Quả nhiên giặc Nam nhiều tài gian hiểm! Nó yếu sức quân nhưng mạnh sức tưởng, cho nên bỏ ải tránh chết, vận dụng đến huyền bí của âm thanh thay cho gươm giáo cản đường binh ta! Ta tin chắc: không phải chúng nó chỉ muốn lấy âm thanh để rối trí ta, mà thế nào nó cũng có phục binh, nương theo núi non sông lạch dàn xếp trước, nhân cơ hội đánh trộm binh ta, vì thế ngoài ải quân ta mới bị thiệt hại ít nhiều. Nay trong ải, làm sao nó lại không xếp đặt mưu gian kế ác đợi chờ làm hại ta được!?

Có người hỏi:

– Thưa chủ tướng, nó không hành động gì trong ngoài ải, thậm chí đại quân của nguyên soái qua ải nó cũng không xuất hiện, như thế thì như chủ tướng nghĩ, nó có thể hành động ra sao?

Người vừa hỏi là tướng Bảo Tràng Duệ, người ở Thiểm Tây, tính tình chín chắn, ưa suy nghĩ. Nghe Duệ hỏi, Tôn Toàn Hưng nghĩ một chút rồi đáp:

– Nó không cho quân xuất hiện, nhưng thật ra nó vẫn có mặt ở chiến trường trong ngoài ải. Bằng cớ là nó có những xếp đặt chết người ở ngoài ải, trong ải nó chưa có cử động gì có thể là nó muốn tránh đại quân của nguyên soái, đợi chờ cơ hội đánh trộm vào hậu quân, nó chưa kịp ra tay thì ta tới, thành ra mất cơ hội, có thể nó đang rình ta,xem động tĩnh thế nào!

Có người lại nói:

– Thưa chủ tướng, quân thủy của Đốc sư phá nát quân thủy của giặc, lúc này binh ta ở sâu trong gan ruột nó, việc nó bỏ ải rồi mất ải tôi nghĩ đấy là lẽ đương nhiên. Chắc nó không mở trận ở ải này đâu?

Tướng nêu ý là Liên Lập Quần, người ở mãi Hắc Long Giang, thường tự phụ là có thể nhìn nắng biết thiên cơ, hiểu việc người. Nghe Lập Quần nói, Tôn Toàn Hưng bảo:

- Vậy thì ông thấy nó định thế nào?

– Bẩm, tiết trời đang ở dầu xuân, nắng nhẹ gió mát, ấy là điềm "thuận phong chuyển luân", người hành động thì được lợi, người chờ đợi thì được việc chờ dợi, binh thủy của ta thắng trận, đại quân không gặp trở ngại lớn, binh thư gọi đây là "lúc nhàn hạ có thể là được gió thuyền trôi nhanh, bánh xe không gặp quãng đường xấu có thể chạy nhanh", nguyên soái qua ải rồi nên tiến nhanh xuống Nam mới là tốt, nhưng nay nguyên soái sang đông rồi, thành ra binh ta chiếm giữ ải này liệu có phải là "người chờ đợi thì được việc chờ dợi "có lợi cho giặc không? Nếu đúng, thì nó chờ đợi gì ở đạo quân này của ta?

Tôn Toàn Hưng hoang mang, có thể Liên Lập Quần nói đúng, dịch tránh đại quân để khỏi bị thiệt hại nhiều, nhưng đạo quân yểm trợ bồi chiến của ông sức mạnh cũng không phải là nhỏ, liệu quân Nam có dám xuất hiện mở các trận giao tranh không?

Thế là Tôn Toàn Hưng chia quân trấn giữ các nơi hiểm yếu trong ải, lại lệnh cho các tướng: cấm tuyệt đối không được dụng chạm đến những nơi tướng Nam dựng lên làm thành trận nhạc. Tôn sai binh tướng tuần canh cẩn mật khắp nơi, lại cho tế tác đi rộng ra mọi nẻo trong ngoài ải dò la tình hình động tĩnh của quân Nam, lại dặn thêm: phải hết sức giữ quân, giặc Nam tai nghe ở khắp nơi, mắt theo dõi rình mò ở khắp chốn, quân hành bí mật không được để lộ cho giặc thấy.

Quả thật trên dài cao ẩn kín, lão tướng Đồng Thừa Trọng vẫn rất thanh thản theo dõi mọi cử động của binh tướng đại Tống trong ngoài ải.

Khi tế tác trình: đại quân nhà Tống không trấn lại trong ải, nhưng chuyển động nhanh sang phía đông, trong một thoáng lão tướng có vẻ hồi hộp phải là người tinh mắt theo dõi cẩn thận mới nhận ra được nét mặt này của lão tướng.

Lão tướng bảo các thuộc tướng:

– Nghi binh trận giả của Hoàng đế chuyển động thật khuôn mực không sai mảy may. Nhạc trận của ta tiếp tay với thần vũ của Hoàng đế không đánh mà giặc phải chạy sang đông, binh ta không mất một giọt máu nào, quả thật thánh mưu thần vũ của Hoàng đế hiếm thấy!

Các thuộc tướng hỏi:

– Thần mưu của Hoàng đế ta không thể nào biết hết được, nay giặc bỏ ải sang đông, như lão tướng thấy thì liệu giặc sẽ hành động như thế nào?

Lão tướng suy nghĩ, rồi đáp:

– Lệnh của Hoàng đế sai ta trấn ải địa đầu, lại dặn: "lấy nhạc trận khuynh đảo tinh thần giặc, nhờ nhạc trận đánh cho giặc kinh hoàng không

dám trấn lại trong ải, cũng không dám xuống Nam", Hoàng đế sẽ có cách phá nó sau. Như thế, thì sứ mạng Hoàng đế sai ta làm, ta đã làm xong, còn đánh phá nó thế nào thì ta chưa được rõ!

Lão tướng còn chưa tan hội, tế tác đã gấp trình vào: "hậu quân tiếp trợ bồi chiến của giặc bỏ chiến địa ngoài ải, đang kéo đến ải". Lão tướng được tin, ông bảo các thuộc tướng:

– Giặc Hầu Nhân Bảo tuy là văn quan trị nhậm, không quen cưỡi ngựa cầm gươm, nhưng chắc là quen đọc sách, kiến văn rộng rãi, cho nên tiến quân tuy thiếu nhịp nhàng ở hai quân thủy bộ, nhưng cũng biết lo xa quân trước quân sau. Nay ông ta bỏ ải sang đông, lỡ ra sau lưng có thể bị ta săn đuổi quấy phá, bây giờ có đạo tiếp ứng bồi chiến, thế là được an toàn, ta không được vọng động, đạo quân trấn giữ ải của giặc không phải là đạo quân đánh thành lấy đất, ta cứ bình tĩnh giữ nó ở yên đây, không cho nó đi tiếp trợ hoặc cứu tiền quân được, để Hoàng đế diệt đại quân của Hầu Nhân Bảo mới là hay.

Có tướng lại bàn: "lỡ ra Hầu Nhân Bảo thoát hiểm xuống được phía Nam hợp quân với Lưu Trừng ở đường thủy, lúc ấy đạo quân chiếm ải của giặc biến thành đạo quân đe dọa không cho ta lui, cũng không cho ta hồi binh hợp chiến với các đạo quân khác, thế là ta bơ vơ ở nơi này, chi bằng đang sẵn có các dàn xếp, binh ta cũng có sức, ta mở trận phá giặc ở đây là hay hơn cả".

Lão tướng rất bình tĩnh bảo:

– Dàn xếp của Hoàng đế, sai ta lấy nhạc trận đuổi giặc, tức là ngài chú trọng đến đạo chính binh của nó, phá được đạo chính binh giết được Hầu Nhân Bảo rồi, thì đám quân tạm trú trong ải của ta một là phải mau mau bỏ ải chạy về, hai là chậm chân thì phải đầu hàng cả mà thôi, chẳng cần đánh giặc cũng phải tan, không được nông nổi vọng động làm thiệt hại sức dân sức quân, hao mòn tài sản của đất nước!

Lão tướng sai tăng thêm tế tác một mặt theo dõi cử động của đạo quân trấn ải của Tôn Toàn Hưng, một mặt không chậm một nhịp nào liên lạc với các đạo nghi binh ở các mặt. Tế tác trình: "các đạo nghi binh ở các mặt tây nam đông, có chuyển động, xem ra có thêm quân, lại có vẻ truy đuổi đại binh của Hầu Nhân Bảo không cho dừng chân lập doanh, cho nên chưa biết Hầu Nhân Bảo sẽ tới trấn giữ ở nơi nào ".

Được tin, lão tướng Đổng Thừa Trọng bảo:

– Rõ ràng Hoàng đế đang hành quân xua đuổi con mồi đại quân Hầu Nhân Bảo phải vào đúng nơi đợi sẵn. Nơi ấy là nơi nào, chỉ nay mai là ta được thấy tất cả!

Lão tướng vừa dứt lời, đã lại thấy tế tác trình: "Có khách lạ đến xin

gặp lão tướng về việc quân". Tế tác thưa: hỏi thì khách lạ không chịu xưng danh tánh, đến về việc gì, chỉ nói: "chậm việc quân là mất đầu"vì thế phải trình xin lệnh ngay."

Lão tướng tin ở xếp đặt canh phòng của mình, cho nên ông cho lệnh đưa khách lạ vào ngay.

Khách lạ lại là Sĩ sư Lưu Cơ! Tế sứ đặc nhiệm của Hoàng đế lúc này liên miên đi về khắp ngả, lệnh tin truyền đi các nơi, thu thập tình hình khắp chốn, từ việc quân thủy ở mãi ngoài khơi cửa sông Bạch Đằng, xuống đến nội triều chính trị ở tận kinh thành Hoa Lư, ngược lên phía Bắc với các mặt trận, và cả tình hình chuyển động trên đất nước nhà đại Tống, không một việc gì tế tác của Tế sứ lại không nhận biết. Và tế sứ Lưu Cơ lại đến ải!

Lão tướng đón tế sứ Lưu Cơ với vẻ mặt thật tươi tỉnh, Lưu Cơ cũng không kém niềm vui, ông bảo:

– Hoàng đế sai tôi chuyển lời phán khen ngợi của ngài đến lão tướng về việc ở trong và ngoài ải quan này! Hoàng đế dặn lão tướng: lúc này Tôn Toàn Hưng vào ải thay chỗ cho Hầu Nhân Bảo, đến lúc có chuyển động thế nào ông ta cũng không dám cử động, cứ trấn lại ở nơi đây, lúc ấy lão tướng hãy xếp đặt làm sao để ông ta cho là lão tướng sắp mở trận tiến đánh ông ta nên ông ta không dám chuyển quân đi tiếp cứu cho Hầu Nhân Bảo.

Lão tướng Đổng Thừa Trọng nghiêm trang nghe Sĩ sư Lưu Cơ nói về quân mưu của Hoàng đế, lúc Sĩ sư ngừng nói, lão tướng kính cẩn:

– Thần vâng lệnh!

Sĩ sư lại tiếp:

– Hoàng đế dặn: Lão tướng cũng nên cho tế tác đi ngược lên đất Bắc, phao tin thế nào để triều đình nhà Tống thấy rõ là cuộc nam chinh của họ đã thảm bại, binh Nam dứt trận thì sẽ thừa dà tiến lên đánh thẳng vào giang sơn nhà đại Tống, thúc đại quân trừng phạt kinh thành nữa cũng không chừng!

Lão tướng kính cẩn:

– Thần vâng lệnh!

Sĩ sư Tế sứ chuyển báo thần mưu thánh kế của Hoàng đế cho lão tướng xong, lập tức lại cùng với các tế tác tùy tùng ra đi, nhắm hướng đông tiến phát, khoảnh khắc là đã đi khuất.

Sĩ sư rời ải, nhắm hướng đông, ấy là đuổi theo đại binh của nguyên soái Trì phủ Hầu Nhân Bảo.

Hầu Nhân Bảo vượt ải, nhìn tình hình, đón các tin tế tác, vội vã cho quân quay sang hướng đông dọc đường trấy quân Bảo nhận không biết bao nhiêu tin của tế tác, càng được nhiều tin càng thấy hãi hùng, hãi hùng rồi thì lại tự khen thầm mình là tướng tinh khôn sáng suốt, kịp đi khỏi ải. Bây giờ quân được an toàn, quả nhiên phục binh của quân Nam trong ải không dám đuổi theo, như thế rõ ràng là Tôn Toàn Hưng đã có cử động khiến quân Nam sợ nên không dám theo đuổi đại quân của Bảo.

Hầu Nhân Bảo cho lệnh các tướng trông nom quân, sai cắt đặt tuần canh nghiêm nhặt thật rộng ra chung quanh nơi đại quân tạm dừng, rồi cho tế tác gấp đường đưa tin cho Đốc sư Lưu Trừng hay biết mọi việc, hẹn: sẽ đưa quân tiền phong xuống Tây Kết, chờ quân thủy lại theo đường sông Bạch Đằng kéo lên trợ chiến để cùng tiến sâu hơn nữa vào giang sơn nước Đại Cồ Việt. Tuy vậy, trong thời gian tạm dừng quân ở nơi này, nguyên soái chú trọng nhiều nhất đến đạo quân của tướng Tôn Toàn Hưng đang trấn giữ trong và ngoài ải Lạng Sơn.

Nguyên soái hội các thuộc tướng lại bảo:

– Quân ta xuống Nam, không phải là để chiếm giữ một cái ải con con, cũng không phải là để đóng quân giữa chốn rừng sâu núi cao này, nhưng là để thu phục nước Nam. Nay, đại quân ta đã vào đất nước nó, chặng đầu có thiệt hại đôi chút, nhưng cửa lớn đã qua, bây giờ là lúc ta đi ra các ngả, tiến chiếm các phần giang sơn của nó. Vậy đây là lúc ta mở thế trận quan trọng!

Các tướng lặng lẽ nghe nguyên soái nói, chưa ông nào có ý kiến về việc phải tiến quân ra sao. Nguyên soái nói xong, nhìn các tướng một lượt, rồi nghiêm giọng bảo:

– Đại quân không đi một đường, không đánh một mặt, không giữ riêng một chỗ nào, mà là đi nhiều đường, đánh nhiều mặt, chiếm cả đất nước của bọn Nam man! Chỗ cuối cùng ta đến, ấy là chỗ hang động Hoa Lư, kinh đô của bọn khó trị! Vậy, sau lưng ta phía Bắc có tướng Tôn Toàn Hưng trấn giữ không cho giặc đánh trộm, trước mặt ta ở xa có Đốc sư Lưu Trừng vừa thắng một trận lớn, bây giờ ở khoảng giữa, là trận địa chính đại quân của ta đảm nhận. Trước hết, tướng Trần Khâm Tộ dem quân sửa soạn tách ra đi chiếm giữ Lộc Bình, làm thế "khớp tay cử động"có thể tiếp ứng với Tôn Toàn Hưng, giữ mặt phía đông cho ta tiến quân xuống Nam, lúc cần thì dễ dàng thúc quân đến tiếp ứng cho đại quân. Còn lại, chính ta dem đại quân đi ...

Các tướng chăm chú nghe nguyên soái nói, nhiều người có ý lo ngại việc nguyên soái đích thân mang đại quân đi trước vào sâu giang sơn địch, vì thế nguyên soái lại bảo:

– Các ông lo lắng là điều rất đúng! Vào sâu giang sơn giặc, đã hẳn là nhiều nguy hiểm, nhiều khó khăn, chẳng thế mà đại Hoàng đế nhà đại Tống ta muốn ngự giá thân chinh! Tuy vậy, các ông cũng đừng lo, sau khi đại quân ta đi rồi, thì việc trấn giữ Lộc Bình không cần thiết nữa, lúc ấy, ông Trần kéo quân đi ngay, nhằm thẳng dường xuống Tây Kết, như vậy là ta hai mặt tiến xuống, hai lực giằng co yểm trợ cho nhau để cho quân thủy của đốc sư lại theo đường nước đến tận Thiên Trường ruột gan nó trước, sau dấy thì ta quay về hướng thành Đại La của nó, xong Đại La, kể như ta xong việc đất Bắc!

Nguyên soái dẫn việc xem ra rất rành mạch, quyết đoán và tin chắc khiến cho nhiều tướng thấy hăng hái, nhưng cũng có người thắc mắc e rằng nguyên soái có phần khinh địch, vì thế Quách Quân Biện lên tiếng:

– Bẩm nguyên soái, đường thẳng thì đúng là như thế, nhưng giả thử giặc có dàn xếp lập trận hiểm đón đợi ta, thì ta có thể có khó khăn như thế nào?

Quân Biện tránh không dám nói đến trường hợp binh Nam đánh phá binh nhà Tống, e rằng khiến nguyên soái không bằng lòng, và Hầu Nhân Bảo đáp:

– Ta cũng đã suy nghĩ kỹ, chắc chắn thế nào giặc cũng phải có những dàn xếp để dương cự lại ta. Việc ngoài rồi đến trong ải vừa rồi, binh tướng của nó hoàn toàn chưa thấy xuất hiện, nhưng rõ ràng là có xếp đặt bày trận, nay ta đã vượt được ải, vào được giang sơn nó, thì chắc chắn sẽ phải có giao tranh, ta không xem thường nó, nhưng ta cũng không sợ gì nó. Dễ cho ta là binh ta quy tập cho nên có sức mạnh, khó cho ta là chưa biết rõ nó ứng chiến như thế nào. Thành thử như vậy, ta chỉ cần thấy nó xuất hiện một lần là có thể thấy ngay dược xếp đặt của nó.

Quân Biện hỏi tiếp:

– Bẩm nguyên soái, liệu nó có thể xuất hiện được như thế nào?

– Nó là binh chống cự, cho nên không thể quyết định được chiến trường ở nơi nào, ta là binh chủ động cho nên ta có thể mở trận bắt nó phải đối phó theo ta mong muốn, vì thế ở nơi nào ta cũng có thể mở trận bắt nó phải xuất hiện. Tùy theo sự xuất hiện ứng chiến của nó với trận của ta, ta biết được thực lực của nó. Ta mở trận thử sức, đại trận lấy thành, thu hẹp chiến địa, hay mở rộng ra các mặt trận trong cùng một lúc, tất cả là do ta quyết định, nó phải ứng chiến, và như thế là ta biết rõ hết.

Binh pháp trong phép hành quân lập trận, quả thật văn quan Hầu Nhân Bảo thấu đáo lắm, luận giảng của ông bây giờ làm cho các tướng thật yên lòng. Và ông bảo:

– Từ cổ tới kim, ở nơi nào cũng thế, trong chiến trận nào cũng vậy, bao giờ cũng có những kẻ những người có thân phận khác nhau, việc khác nhau, cho nên có kẻ chủ chiến có kẻ chủ hòa, cũng lại có những kẻ vì lý do riêng tư gì đấy cho nên ưa làm những việc đa đoan phản trắc, nhờ thế ta có thể biết rõ được quân mưu của địch, có thể quyết đoán được thắng bại. Ta xem sử sách, hiểu đất Châu Lộc vốn là nơi tranh chấp đất đai Nam Bắc, cho nên thường có ké nhiều lòng, oán thù chẳng thiếu, vì thế ta chuyển quân sang Đông, là có ý sai bảo những kẻ ấy để giúp việc quân cho ta!

Bây giờ các tướng mới hiểu ý định của nguyên soái, quả thật ông là một nhà tướng uyên bác, nhìn việc xa vô cùng, các tướng nức lòng. Hầu Nhân Bảo thấy thái độ của các thuộc tướng, lại nghiêm trang bảo:

– Tế tác của ta chẳng phải bây giờ mới đi trước quân vào giang sơn giặc, mà từ lúc có ý định thu phục nước Nam ta đã sai tế tác đi thăm dò mọi việc, vào sâu giang sơn nước Nam, hiểu rõ nơi nào ta nên đến, nơi nào ta không đến, thổ quan nào ta cần gặp, và ta đã có hết!

Nguyên soái nói còn chưa hết lời hết ý, đã thấy tế tác tuần canh vào trình:

– Bẩm, có người thổ quan xin vào trình việc quân cơ!

Nguyên soái thoáng suy nghĩ, rồi bảo:

– Y là người thế nào, có xưng danh tánh gì không?

– Bẩm, là một người miền núi, còn trẻ, không xưng danh tánh, chỉ bảo: "xin gặp nguyên soái về việc quân cơ ".

– Các người đi tuần canh, sao để cho y tới được nơi doanh trại đóng quân?

– Bẩm, quân tuần canh rất nghiêm mật, không hiểu ông ta đi đường nào từ đâu đến?

Nguyên soái cho lệnh đưa người lạ vào, ông quay lại bảo các tướng:

– Tế tác tuần canh của ta không phải là kém, thế mà kẻ lạ xuất hiện như từ trời cao rơi xuống, từ dưới đất sâu chui lên, như vậy ắt y phải là người rất thông thao địa hình địa vật ở đây! Người này đúng là người ta đang cần!

Quân dẫn người lạ vào, chẳng phải ai xa lạ, hóa ra là Kỳ Văn họ Hoàng ở Yên Bác!

Nhìn đám các tướng, quan sát cung cách cùng vị trí ngồi của mỗi người, Kỳ Văn thấy ngay ai là nguyên soái ở nơi này, ông vòng tay cung kính cúi đầu thưa:

– Bẩm trình nguyên soái, Hoàng Kỳ Văn tôi xin được lạy chào bậc nhân thần thánh tướng!

Hầu Nhân Bảo tai quen nghe những lời ca ngợi nịnh bợ, cho nên khi nghe Kỳ Văn nói một phần ông chẳng lấy thế làm ưa thích, một phần vốn tính đa nghi, nên nghiêm giọng bảo:

– Ngươi đã biết bậc "nhân thần, thánh tướng"sao còn dám cả gan vào tận quân doanh để toan dòm ngó, định lấy vải thưa che mắt thánh, là thế nào?

Hoàng Kỳ Văn bộ điệu cung kính, nghe Hầu Nhân Bảo nói thì liền thay đổi thái độ, ông đứng thẳng người, vóc dáng thanh mảnh hơi gầy và cao với vẻ mặt lạnh lùng, nho nhã, thong thả đáp:

– Người xưa bảo "thánh nhân cũng có lỗi lầm", huống gì một ông tướng cầm quân vào đất dịch đầy những nguy hiểm, lo lắng ắt chẳng thiếu, vì thế lầm lẫn cũng là thường tình!

Hầu Nhân Bảo trí xảo, nét mặt vụt vui vẻ, bảo:

– Quả có thế! Thánh nhân còn lầm được, huống gì là ta! Nhưng với ông, ta không lầm, ông đúng là người ta đang mong, thế chẳng phải là Trời với Người đều đến với ta sao!

Các tướng vui vẻ, Hầu Nhân Bảo thét quân mau mau lấy ghế để Hoàng Kỳ Văn ngồi, ông tỏ vẻ ưu ái quý trọng Văn, để ghế Văn ngay cạnh ghế của ông. Nguyên soái bảo:

– Thường thì người đời hay chém oan người có ý lành, cho nên hỏng việc, bản soái nhìn người hiểu việc, chẳng cần phải câu nệ điều gì, nhưng cũng có điều thắc mắc, chẳng hay ngài là người thế nào?

Hoàng Kỳ Văn thản nhiên, đáp:

– Thưa nguyên soái, tôi cảm ơn nguyên soái không giết, như thế thì việc tôi tới quân doanh nhất định là được toại nguyện. Tôi là người ở chốn núi rừng, gần với trời đất, là bạn của thiên nhiên, cho nên hiểu được tiếng nói của cỏ cây muông thú, thấu được vận chuyển của trời cao. Nhìn đại quân nhà Tống vào nước Nam, lại nghĩ đến tổ tiên ở phương Bắc xuống Nam lập nghiệp, mong lập được cơ nghiệp vạn đời cho con cháu, ấy thế mà con cháu vẫn lầm than ở chốn núi rừng tăm tối, cho nên tôi chẳng quản nguy hiểm đến tận quân doanh để trình việc, mong được thấy điều mong ước của tổ tiên cho dòng họ Hoàng mình được đổi đời!

Hầu Nhân Bảo đa nghi, chưa dễ đã tin ngay Kỳ Văn, nên khi nghe Kỳ Văn nói, ông vui vẻ:

– Tốt lắm, nói như thế thì ngài là người thông hiểu thiên văn, biết huyền cơ của trời đất, nhìn thấy tiền đồ của đại quân nhà Tống cho nên tìm đến cửa quân để trình việc!

– Bẩm đúng thế! Tháng 10 mùa Đông, tức năm Thái Bình Hưng quốc thứ Tư nhà Đại Tống, sao Hỏa xâm phạm quản phận đã đế tinh, Đinh Bộ Lĩnh cùng với con trưởng bị kẻ chi hậu nội nhân(*) giết. Năm sau, tức năm Thái Bình Hưng quốc thứ Năm nhà Đại Tống, đêm ngày 12 tháng Tám mùa Thu đứng trên đỉnh Ngũ Lĩnh, lúc ấy trời quang sáng rỡ, sao trời vận hành rất rõ ràng, tôi thấy sao Dực sao Chẩn suốt đêm đi được hai vòng trong khu vực, làm cho sao Thuần Vĩ ba lần rực sáng trong phận đã tinh kỳ, điềm trời cứ thế mà diễn ra liền liền đêm nào cũng thế cho đến hết đêm mười sáu mới không thấy nữa. Thiên văn hiển hiện chẳng phải là tự nhiên mà thế, chẳng phải là bao giờ cũng thế, cho nên ba sao Dực, Chẩn, Thuần Vĩ liên kết với nhau chẳng khác nào như tiền Dẫu Ngưu đi vào bóng tối, điềm trời đã rõ còn có gì phải nghi ngờ nữa!

Hoàng Kỳ Văn chỉ nói mơ hồ khiến cho Hầu Nhân Bảo lấy làm kỳ, ông là người văn học không biết xem thiên văn nhưng đọc sách thấy có nhiều việc người xưa xem thiên văn mà biết được cơ trời. Nhân Bảo tò mò muốn nghe muốn biết những điềm trời trăng sao khách họ Hoàng vừa nói, các thuộc tướng của ông lại càng muốn nghe muốn biết hơn nữa, nguyên soái giục:

– Các sao đi lại xâm lấn nhau, như thế là thế nào? Điềm trời bảo việc gì?

Hoàng Kỳ Văn nghiêm trang, giọng khinh bạc đáp:

– Không phải là điềm trời, mà là cơ trời hiện rõ! Trong phép thiên văn, thì Dực Chẩn là chủ tinh, Thuần Vĩ là trụ cột để Dực Chẩn xoay quanh, chuyển vần kết hợp với Phong Cáo, Thiên Phủ ở phương Bắc, thế là cơ trời báo: Bắc phương giữ ngôi chủ tể ở phương Nam, cơ vận lâu dài, nghìn năm thịnh vượng. Vì thế, tôi tìm đến cửa doanh để trình bày hầu nguyên soái rõ!

Hầu Nhân Bảo vẫn chẳng hiểu gì về trăng với sao, nhưng nghe Kỳ Văn nói thì rõ ràng là cơ trời muốn để phương Bắc làm chủ ở phương Nam, như vậy là cuộc viễn chinh nam phạt của ông phải thành công!

Hầu Nhân Bảo thấy mừng trong lòng, nhưng cố giữ vẻ thản nhiên, bảo:

– Binh trời đại Tống ta xuống thảo phạt phương Nam, tất nhiên là phải thành công, không có gì còn phải bàn cãi nữa. Ngài giảng thiên văn chẳng qua cũng chỉ là nói cho thêm rõ việc mà thôi!

Hoàng Kỳ Văn không thay đổi nét mặt, thưa:

– Bẩm trình nguyên soái, đúng thế! Tôi đến cửa quân có hai điều cần thưa: một là, gió mát phương Nam không thể thổi từ phía Tây lại, nàng

---

(*) Một chức quan nhỏ hầu hạ trong cung, để vua sai bảo, truyền lệnh.

ấm đầu xuân chẳng thể phát xuất từ phương Nam, cho nên mọi vận hành trong trời đất đều phải ứng hợp với nhau mới không sinh hỗn loạn. Đại binh nhà Tống xuống Nam thảo phạt, cũng không thể xuất phát từ phía Tây hay Nam, mà phải đi từ Bắc xuống Nam, lập trận hành quân tất cũng phải có phương vị trận thế, sai lạc là hỏng cơ trời, tan nghiệp người, cho nên tôi đến trước doanh để mong được đem sức mình góp chút phần vào đại cuộc ứng vận cơ trời; hai là, vì cơ trời đã hiện, biết mà góp chút công để lập công lâu dài cho dòng tộc, sao lại không làm! Cho nên kẻ sơn dân tôi cầu mong được nguyên soái lắng nghe!

Đến lúc này thì Hầu Nhân Bảo trong lòng tin những lời Kỳ Văn nói lắm rồi, nét mặt nghiêm nghị liền đổi sang tươi sáng, nguyên soái bảo:

– Quả có thế! Cơ trời mắt thường không thấy được, việc người không thể làm trái với cơ trời mà mong thành công được. Như vậy, ngài thấy sự việc thế nào?

Hoàng Kỳ Văn giọng chững chạc, thưa:

– Bẩm trình nguyên soái, ngài đưa quân xuống Nam ắt hiểu rõ nội tình nước Nam, biết rõ sức lực nước Nam, nhìn thấy đường đi lối về, định trước được nơi đến nơi đi, tức là biết mình phải lập trận như thế nào, mở trận ở nơi đâu, tính toán của vị nguyên soái nơi soái doanh tướng ngoài không thể biết được, vì vậy kẻ ở núi rừng tôi không dám nghĩ tới, chỉ xin hỏi nguyên soái: với tình hình nước Nam như lúc này, qua ải địa đầu rồi, ngài định lập trận mở trận ở đâu?

Câu hỏi của Hoàng Kỳ Văn là điều cấm kỵ trong việc cầm quân của vị tướng, có bao giờ lại tiết lậu cho người ngoài biết quân cơ của mình thế nào, vì vậy nghe Hoàng Kỳ Văn hỏi Hầu Nhân Bảo tỉnh táo, mỉm cười đáp:

– Đã hẳn là bản soái đã có quyết định. Ngài là người thế nào mà lại quan tâm đến việc quân của ta? Có phải là giặc Lê Hoàn sai đến dò la binh đại Tống không?

Hoàng Kỳ Văn không tỏ thái độ nao núng hay sợ sệt, đáp:

– Nguyên soái xem thường giặc Lê Hoàn nhiều quá! Như thế cũng là tỏ ra nguyên soái không hiểu rõ đối thủ của mình rồi! Có bao giờ một kẻ như Lê Hoàn lại hồ đồ làm công việc như nguyên soái nói! Như thế cũng đủ thấy nguyên soái quả là người thận trọng, hiểu rõ binh thư, nhưng sơn dân tôi quả quyết: nguyên soái không thấy dàn xếp của Lê Hoàn đâu!

Hầu Nhân Bảo có bao giờ lại vội vàng tin ở những lời nói vu vơ của một kẻ xa lạ như thế này, nhưng ông nhẫn nại lắng nghe, giết hay tha, dùng hay không dùng người, với nguyên soái nào có gì khó khăn vướng bận, cho nên ông bình thản hỏi lại:

– Triều đình đại Tống hiểu rõ việc phương Nam, biết rõ mưu đồ của họ Lê, cho nên mới sai ta cầm quân xuống Nam thảo phạt kẻ lộng quyền giết chủ cướp ngôi chống lại ơn trời đối Tống. Ta đem đại quân qua ải, ấy là đã vào trong tim phổi giặc, cắt xẻo chém giết nào có khó gì, chẳng qua chỉ còn là việc của giờ khắc của ngày, ta tiến binh thế nào mà chẳng xong!

Hoàng Kỳ Văn mỉm cười, giọng lại khinh bạc, đáp:

– Đúng! Nguyên soái nói đúng! Nếu Lê Hoàn là người cầm quân cũng như tướng giữ trận nước trên sông Bạch Đằng vừa rồi, thì chẳng có gì còn phải nói! Tuy vậy, phá xong quân thủy năm bảy trăm thuyền chiến của địch rồi, sao Đốc sư lại phải vội vàng lui quân ra biển? Ấy là vì: vào đất địch mà không trông thấy địch, lấy sức thử sức mà không rõ sức địch thế nào! Đốc sư chỉ chậm một ngày, là đại quân tiên phong chắc không còn mảnh ván để kịp rút ra biển! Vậy thì, đại quân bộ của nguyên soái vượt ải rồi, đoạt xong thành ải, liệu có phải vội vã lui ra như quân thủy của Đốc sư không?

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo thót tim gan, ruột như cuồn cuộn dáo lộn trong bụng! Quả thật có việc nếu Đốc sư không kịp cho lui quân, thì phục binh các mặt của quân Nam thế nào cũng đốt cháy quân thuyền tiên phong của Đốc sư không còn một mảnh ván, may mà quân Nam thúc quân vào trận chậm mất một chút! Còn trường hợp nguyên soái cho đại quân vượt ải, trước sau chưa xảy trận đánh nào, chưa trông thấy bóng một binh tướng nào của quân Nam, chỉ nghe có tiếng nhạc chẳng ra thế nào, sức quân của ông mạnh ra sao, thế mà trước sau chưa dám động tay dù chỉ để phá một cái chòi nhỏ, san đổ một đống đá, ấy vậy mà đại quân của ông đã thiệt hại chẳng ít. Như vậy, ông cũng có thể đang gặp khó khăn, liệu có khó khăn như quân tiên phong của Đốc sư trên sông Bạch Đằng không? Ông thực sự thấy run ở trong lòng, nhưng vẫn cứng cỏi bảo:

– Ngài nói không đúng! Quân thủy tiên phong vào ra chỉ có một đường, đánh một trận thắng hoàn toàn, nhưng địa thế sông nước dễ bị địch dùng mưu gian cho nên lui ra ngoài biển là đúng! Còn đại quân của ta, dù có bị gian mưu lặt vặt của giặc làm hại đôi chút, nhưng tình hình thì khác hẳn, lúc này binh của ta có khác gì mũi dao nhọn đã chạm vào đến cuống tim của giặc, chỉ nhích tay là giặc phải chết, có gì là sai!

Hoàng Kỳ Văn nhíu mày, có vẻ suy nghĩ một chút, rồi đáp:

– Nguyên soái nói đúng, con dao đã kề cuống tim thì chỉ nhích tay là xong mạng. Nhưng, tay nguyên soái may mà không nhúc nhích, cây dao ngọn búa mà dập cái chòi có chữ "Phá", thì tai họa biên lửa suốt mười dặm ngoài quan ải liệu đại quân có nơi nào nấp được không? Rồi đến hai đống đá Thất Tinh với Thiên Trụ lơ thơ vài ngọn cờ đen trắng, tay dao tay búa

đập nó xuống liệu đại quân của nguyên soái có kịp gọi hải thuyền chu sư của Đốc sư đến kịp cứu tai họa hồng thủy từ trăm ngọn núi đổ xuống không? Qua ải, chòi cao đề mấy chữ, may mà nguyên soái là người văn học thanh nhã, tính tình thuần hậu, chứ nếu như lỗ mãng giận dữ phá đổ nó đi thì chắc chắn nguyên soái cùng cả đạo quân đã được thấy thế nào là thần sấm sét với cả vạn quả địa lôi san bằng tòa thành nhỏ, đại quân nhà Tống ắt thành tro bụi cả rồi! Bây giờ bao nhiêu tai họa vẫn còn nguyên đó, nguyên soái nhúc nhích tay chân thế nào đây, tiến xuống Nam, hay lui binh trở về? Tiếng nhạc của lão tướng thần tiên vẫn còn đó, liệu nguyên soái có đi qua được trận như kỳ nhân ngày trước ở phương Nam không?

Nguyên soái Hầu Nhân Bảo cùng các thuộc tướng nghe Hoàng Kỳ Văn nói, càng nghe càng thấy lạnh ở trong gan ruột, quả thật tiếng nhạc lạ vẫn còn, quả thật trên đường tiến quân may mà binh của ông vì sợ nên chưa đụng chạm đến nơi nào, những dàn xếp của tướng nước Nam vẫn còn nguyên đó! Cả một biển địa lôi ở sau lưng ông, không còn đường quay trở lại nữa!

Nguyên soái giữ giọng bình tĩnh, bảo:

– Ta hãy cứ cho là tướng nước Nam bày Nhạc Trận đúng như thế thật, thì rõ ràng là quân Nam không có gì, cho nên mới không có chuyển động nào hơn là vài đống lửa đốt ngoài quan ải! Bây giờ đại quân của ta đã qua ải, quân thuyền của ta đã hủy hết quân thuyền của nước Nam, liệu hai quân thủy bộ của ta xuống đến Hoa Lư mấy ngày thì tới? Có gì phải quan tâm đến một vùng núi rừng con con nơi ải địa đầu này?

Hoàng Kỳ Văn vẫn thản nhiên, đáp:

– Nguyên soái cầm quân ắt không thể quên binh thư có nói: "tiến dễ, lùi khó "(tiến dị thoái nan), bây giờ chiến trận chỉ mới bắt đầu, lúc kết thúc còn xa, thế mà những nguy hiểm đã biết rõ ngay trước mắt còn nguyên đó, sau lưng đã vậy phía trước các nguy hiểm đang đón đợi ở những nơi nào nhiều không biết bao nhiêu mà kể, sao nguyên soái lại bảo là chẳng có gì phải quan tâm!

Bây giờ thì Hầu Nhân Bảo thấy sợ thật sự, ông hỏi:

– Ta tiến quân có đường đi định trước, binh tướng nước Nam không thể chống lại được! Tuy vậy, ta hãy cứ hỏi xem ngài biết điều gì, ngài đến đây muốn trình gì với ta?

Hoàng Kỳ Văn hiểu là nguyên soái quân đại Tống đã chịu nghe ông nói, liền đáp:

– Nguyên soái rộng lượng tin mà không hỏi, nhưng sơn dân tôi thấy cũng cần phải trình để nguyên soái biết, sau đấy thì nguyên soái mới nhận rõ được sự việc...

Hoàng Kỳ Văn kể về họ tộc mình với dặn dò của tổ tiên, và mong ước của ông ta ngày hôm nay, nguyên soái Hầu Nhân Bảo lặng lẽ nghe, đọc sử sách ông thấy không ít những việc và người như Hoàng Kỳ Văn, và ông đã tin những gì Kỳ Văn nói, ông bảo:

– Phải! Đại Tống ta vì việc nghĩa thế gian mà phải vất vả hưng binh xuống Nam, giữ cho kỷ cương vạn nước được vững bền, người biết thời hiểu việc, tìm đến cửa quân như ngài mong góp chút công, đấy là điều phải. Như bây giờ, ngài thấy sự việc như thế nào?

Hoàng Kỳ Văn không thay đổi nét mặt, đáp:

– Bẩm trình nguyên soái, tổ tiên tôi ở đất Bắc, xuống Nam định cư lập nghiệp, ở chốn núi rừng không lúc nào quên gốc cội, cho nên tôi đến cửa quân cũng là điều bình thường. Như lúc này, Hoàng đế cướp ngôi chỉ vì nội tình khó khăn, không dám tự thân đem binh ra trận, ông ta đã trở lại Hoa Lư, đấy là một điều mừng cho binh đại Tống...

Hầu Nhân Bảo ngắt lời:

– Thế nào là điều mừng cho binh Đại Tống?

– Bẩm trình, Lê Hoàn là tướng cũ của họ Đinh, là tay kiệt hiệt nắm giữ binh quyền, tôi nghe nói ông ta là người tinh thông binh pháp, giỏi phép lập trận, có thể xếp dặt dế núi với rừng thay quân, sông với suối thay tướng, vì thế có thể mở trận lớn thì rộng ra cả giang sơn, hẹp thì chỉ trong vòng một khoảnh rừng một ngọn núi, tài vượt xa các danh tướng đời xưa. Nay cứ xem như việc ở đại trại Bảo Sơn, cũng đủ thấy ông ta có thể sai khiến được cả núi thiêng rừng thẳm, ấy là chưa kể đến tài gọi gió gọi mưa, sai khiến âm binh thần tướng. Cứ xem, việc cướp ngôi ông ta hành động thế nào, trăm quan vạn tướng phải thần phục có khác gì như sai khiến đám trẻ con, việc khó trăm hóa ra dễ cả trăm. Văn tài võ giỏi dưới trướng nhiều không kể xiết, nay ông ta một phần tin ở sức binh sức tướng của mình, một phần còn có lo lắng khác ở chốn hậu cung, cho nên mới đầu thì quyết định thân chinh ra trận, nay thì giao việc binh quyền cho một nhà tướng, đấy là điều may cho đại binh của nguyên soái!

Hoàng Kỳ Văn kể việc mà như vừa khoe tài Lê Hoàn, lại vừa như dọa nguyên soái Hầu Nhân Bảo, Bảo thì nhớ rõ những gì sứ nhà Nam lên kinh đô chầu hầu ngày nọ, rồi việc tập quân ở đại trại Bảo Sơn, lại thêm những việc trong ngoài ải vừa mới đây, sau nữa nhớ lời Hoàng đế ân cần dặn bảo, Bảo không khỏi hoang mang có ý lo sợ thực sự, rồi lại nói:

– Ngài kể rõ tài giặc Lê Hoàn, thế thì còn việc nó đại bại trên sông Bạch Đằng vừa mới rồi là thế nào?

Hoàng Kỳ Văn như là người trong cuộc thực sự, đáp:

– Bẩm, nguyên soái là người văn học đọc sách, cầm quân, tất không quên câu: "thắng bại là lẽ thường ở nơi chiến trường", nhưng: vị tướng ngồi trong tướng doanh, gảy bàn toán mà quyết định được việc ngoài ngàn dặm, đấy mới là vị tướng giỏi, Lê Hoàn chính là kẻ như thế. Lê Hoàn bại một trận trên sông, chưa chắc đã là bại, Đốc sư Lưu Trừng thắng một trận mà phải vội vàng rút chạy ra biển, có phải là thắng được không? Nguyên soái qua được cửa ải, đã quyết chắc được là mình toàn thắng chưa? Nếu còn thấy có gì thắc mắc chưa giải quyết được, thì đấy là việc tôi tới cửa quân hôm nay!

Hầu Nhân Bảo như hốt nhiên tỉnh ngộ, vội đứng lên trịnh trọng nói:

– Quả có thế thật! Quả có thế thật! Ta còn nhiều điều thắc mắc chưa hiểu rõ!

Hoàng Kỳ Văn cũng đứng lên, cung kính đáp:

– Thắc mắc trước tiên của nguyên soái, là đem đại quân đi theo đường nào, lập trận ra sao. Rồi việc thứ hai, Lê Hoàn không ra trận, tướng nào cầm quân thay ông ta, tướng ấy là người thế nào, lập trận ra sao? Thưa, có phải thế không?

Hầu Nhân Bảo không còn nghi ngại gì nữa, đáp vội:

– Quả thật có thế! Quả thật có thế!

Hầu Nhân Bảo hấp tấp vừa nói vừa bước lại phía Kỳ Văn, cho nên chiến hài vướng vào chân tướng kỷ của ông kéo chiếc ghế lớn lệch đi, Hầu Nhân Bảo hơi khựng lại một chút, Hoàng Kỳ Văn bỗng vui vẻ nói:

– Mừng nguyên soái có tin vui! Mừng nguyên soái có người thân đến thăm!

Cả tướng sánh sửng sốt, nơi cửa quân nghiêm nhặt trên giang sơn địch, trăm điều nguy vạn sự khó chưa thấy có một điểm nào là an toàn vững chắc, sao lại có người thân nào đến thăm nguyên soái ở nơi này!? Nguyên soái Hầu Nhân Bảo cũng như tất cả các thuộc tướng, không ông nào lại không thấy lạ lùng ngạc nhiên, Hoàng Kỳ Văn nói tiếp ngay:

– Tướng kỷ nhích về Thổ hướng, ấy là người có mệnh Kim, giai nhân nhan sắc hơn đời từ phương Bắc tới!

Hoàng Kỳ Văn vừa dứt lời, tế tác tiền thám chạy vào trình:

– Bẩm trình nguyên soái, có Chu phu nhân đến!

Thật là lạ! Chu Bội Ngọc sao lại tìm đến tận nơi này để gặp nguyên soái? Việc đi lại giữa tri phủ Hầu Nhân Bảo với Chu Bội Ngọc thì không ai lại không biết, nhưng tại sao nàng lại lặn lội đến tận nơi này thì quả thật không ai có thể hiểu được!

Hầu Nhân Bảo hấp tấp đi ra đón mỹ nhân, các tướng cũng đứng lên theo, nguyên soái dường như quên mất việc hiện trong tướng sảnh còn có người khách lạ Hoàng Kỳ Văn!

Nhưng nguyên soái cũng kịp tỉnh trí lại truyền: buổi hội tướng thế là tạm xong, khách họ Hoàng hãy nghỉ lại trong doanh đợi nguyên soái sẽ tiếp kiến sau.

HẾT TẬP 1

CTY TNHH TM VÀ DV VH MINH TRÍ
Nhà sách Văn Lang
25. N.T.M.Khai, Q.1, TP. HCM
ĐT: 8 242157 - 8 233022 Fax: 8 235079

Trân trọng giới thiệu sách liên kết xuất bản đã phát hành

1. Bắn rụng mặt trời (Trọn bộ 8 tập -có hộp)

Tác giả: Vũ Ngọc Đĩnh

NXB Trẻ Khổ: (13x19)cm Số trang: 3460 Giá trọn bộ: 270.000đ

* Tóm lược nội dung:

Đế quốc Mông Cổ tự coi mình là mặt trời, để thực hiện tham vọng làm bá chủ Thế giới và đã lần lượt làm chủ được 40 nước chạy dài từ Á châu sang đến Âu châu. Nhưng đế quốc hùng mạnh này ba lần đem đại quân xuống đánh nước Đại Việt là ba lần đại bại.

Trường thiên tiểu thuyết này kể lại chiến tích tuyệt vời ấy, đại chiến thắng "bắn rụng mặt trời".

2. Sông Côn mùa lũ (Trọn bộ 2 tập – bìa cứng)

Tác giả: Nguyễn Mộng Giác

NXB Văn học – Trung tâm nghiên cứu Quốc học

Khổ: (16x24)cm Số trang: 1572 Giá trọn bộ: 250.000đ

* Tóm lược nội dung:

Nói đến áo vải mọi người nghĩ ngay đến vị anh hùng dân tộc đã phá vỡ 10 vạn quân Thanh cứu đất nước ra khỏi cơn sóng gió. Đó là Hoàng đế Quang Trung.

Xuất thân từ anh nông dân áo vải, chân chất, bình dị, gặp lúc nước nhà trong cơn binh loạn Nhạc, Lữ, Huệ (ba anh em) cùng các nghĩa sĩ dấy quân dẹp loạn quân thù. Với kế binh trận thần tốc, chiến lược chỉ huy tài tình, Nguyễn Huệ đã đánh bại 10 vạn quân Thanh xâm lược, dẹp yên bờ cõi mang lại sự an bình cho nước nhà.

3. Mười hai Sứ quân (Trọn bộ 2 tập – bìa cứng)

Tác giả: Vũ Ngọc Đĩnh

NXB Văn học Khổ: (16x24)cm

Số trang: 1848 Giá trọn bộ: 300.000đ

* Tóm lược nội dung:

Sau cái chết của Ngô Quyền vào năm 944, Giao Châu thực sự đại loạn. Trong thời kỳ loạn lạc ấy xuất hiện mười hai nhân vật xưng hùng, sử gọi là "Mười hai Sứ quân". Loạn Mười hai Sứ quân kéo dài đến 23 năm mới cáo chung với những trận đại thắng của Động chúa Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh.

4. Hào kiệt Lam Sơn (Trọn bộ 2 tập - bìa cứng)

Tác giả: Vũ Ngọc Đĩnh

NXB Văn học Khổ: (16x24)cm

Số trang: 1192 Giá trọn bộ: 200.000đ

* Tóm lược nội dung:

Bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử được tác giả Vũ Ngọc Đĩnh thể hiện bằng bút pháp thần kỳ. Đọc truyện chúng ta như thấy lại ý chí kiên cường quyết tâm chống ngoại xâm của toàn dân ta. Người anh hùng áo vải Lê Lợi cùng Nguyễn Trãi, một mưu sĩ tài ba, đứng lên lãnh đạo toàn dân chống giặc Minh xâm lược. Suốt mười năm nằm gai nếm mật cuối cùng cũng đánh đuổi quân Minh ra khỏi bờ cõi.

5. Anh hùng Đông A dựng cờ Bình Mông (Trọn bộ 2 tập - bìa cứng)

Tác giả: Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

NXB Trẻ Khổ: **(16x24)cm** Số trang: 1424 Giá trọn bộ: 260.000đ

* Tóm lược nội dung:

Bộ sách thuật về sự suy đồi của nhà Lý từ vua Lý Anh Tông dẫn tới việc tiếp ngôi của nhà Trần. Tiếp theo là tinh thần đoàn kết chống ngoại xâm của vua quan cũng như dân chúng đời Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Mông lần thứ nhất.

6. Nam Quốc Sơn Hà (Trọn bộ 2 tập - bìa cứng)

Tác giả: Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

NXB Văn học Khổ: (16x24)cm

Số trang: 1312 Giá trọn bộ: 240.000đ

* Tóm lược nội dung:

Bộ sách kể về cuộc đời của Linh Nhân hoàng thái hậu (Nguyên Phi Ỷ Lan) cùng ba cuộc chiến anh hùng của nhà Lý bấy giờ. Đó là các cuộc bình Chiêm ở phía Nam, tiếp đến là đánh vào nhiều châu, phủ của Tống ở Quảng Đông, Quảng Tây lộ, cuối cùng là chống lại cuộc Nam xâm của nhà Tống do Quách Quỳ, Triệu Tiết cầm đầu.

7. ANH HÙNG TIÊU SƠN

Phần 1: Thầy tăng mở nước (Bìa cứng)

Tác giả: Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

NXB Trẻ Khổ: (16x24)cm Số trang: 560 Giá: 110.000đ

* Tóm lược nội dung:

"Thầy tăng mở nước" kể về công cuộc dựng nước của các tăng ni tại vùng đất Tiêu Sơn. Vùng đất ấy cũng đã hun đúc cho một thiếu niên cùng khổ trở thành đại tướng, rồi thành một hoàng đế nhân từ bậc nhất lịch sử – Lý Công Uẩn.

Phần 2: Thuận thiên di sử (Bìa cứng)

Tác giả: Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

NXB Trẻ Khổ: (16x24)cm Số trang: 620 Giá: 120.000đ

* Tóm lược nội dung:

"Thuận thiên di sử" nói về sự du nhập của giáo phái Hồng Thiết từ phía Tây trung Quốc vào Việt Nam và công cuộc đập tan âm mưu dâng Việt cho Tống của giáo phái này do vua Lý Thái Tổ lãnh đạo.

Phần 3: Anh hùng Bắc Cương (Bìa cứng)

Tác giả: Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

NXB Trẻ Khổ: (16x24)cm Số trang: 772 Giá: 150.000đ

* Tóm lược nội dung:

"Anh hùng Bắc Cương" thuật lại cách tổ chức, sinh hoạt của 207 bộ tộc ít người nằm giữa Trung Quốc và Đại Việt. Qua đó ta thấy được họ chính là rào giậu cho nước Việt ta trước cuộc xâm lăng kiểu tằm ăn dâu của quân Tống.

Phần 4: Anh linh thần võ tộc Việt (Bìa cứng)

Tác giả: Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

NXB Trẻ Khổ: (16x24)cm Số trang: 824 Giá: 160.000đ

* Tóm lược nội dung:

"Anh linh thần võ tộc" Việt nói về thời kỳ cực thịnh của triều đại nhà Lý với sự đan xen của những biến cố có ảnh hưởng lớn đến lịch sử dân tộc Việt.

***

Ứng vận thần vũ
Lê Đại Hành Hoàng Đế
PHÁ TỐNG

TẬP I

Vũ Ngọc Đĩnh

Nhà Sách VĂN LANG
25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1,TP.HCM
ĐT :8242157 - 8233022 - FAX :8235079
9 Phan Đăng Lưu, Q.BT,TP. HCM-ĐT:8413306
Email: vanlangmt@yahoo.com

8 935073 011399
Giá: 83.000đ